



CK.0000069050

HỒ
CHÍ



MINH - CON NGƯỜI VÀ THỜI ĐẠI
DẤU ẤN TRONG LÒNG DÂN TỘC



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN

HỒ CHÍ MINH

CON NGƯỜI VÀ THỜI ĐẠI, DẤU ẤN TRONG LÒNG DÂN TỘC

HẢI SƠN
(Sưu tầm và biên soạn)

HỒ CHÍ MINH
CON NGƯỜI VÀ THỜI ĐẠI,
DẤU ẤN TRONG LÒNG DÂN TỘC

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA – THÔNG TIN

LỜI NÓI ĐẦU

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, danh nhân văn hóa kiệt xuất. Cả cuộc đời của Người đã hi sinh cho hạnh phúc của toàn dân tộc. Người là hiện thân của những phẩm chất tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam, giá trị của toàn nhân loại. “Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay từ khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị áp bức mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hi vọng mới cho những người đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”. Đó là những lời ngợi ca đẹp đẽ mà Tiến sĩ A.Atmet, Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương - đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO dành cho Người.

Nhà thơ Nga Nicolai Kunaiep khắc họa chân dung vĩnh cửu của Hồ Chí Minh bằng những vần thơ: *“Người là hiện thân của mọi trí tuệ nhân tâm; Trên vầng trán của Người bao nhiêu thế kỷ thu hình; Nhân loại từ ngàn xưa có bao nhiêu nhà hiền triết; Có phải chính Người? Trầm ngâm như núi tuyết; Mênh mông như biển cả mênh mông; Hồ Chí Minh, Người còn trẻ lắm; Người rất trẻ, dù chòm râu và mái tóc Người bạc trắng; Người là hiện thân của sức mạnh niềm tin; Trong nụ cười của Người có tất cả những mùa xuân”*. Còn Gs. Alexey Varônhin, Viện hàn lâm khoa học liên bang Nga phân tích về tư tưởng thời đại của Hồ Chí Minh: “Đức tính nổi bật nhất của của vị lãnh tụ cách mạng Việt Nam là Người tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân cho đến hơi thở cuối cùng. Chính đức tính này đã chiếm được trái tim của hàng triệu người lao động trên khắp thế giới, họ đáp lại Người bằng niềm tin và lòng yêu mến, họ tôn vinh Người là vị lãnh tụ nhân dân”.

Tưởng nhớ và tri ân công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc, chúng tôi sưu tầm biên soạn cuốn **HỒ CHÍ MINH – CON NGƯỜI VÀ THỜI ĐẠI, DẤU ẤN TRONG LÒNG DÂN TỘC**.

Vì nhiều lý do khách quan, chúng tôi chưa thể liên lạc với quý các tác giả để xin phép sử dụng bài viết và tư liệu, chúng tôi chân thành xin sự lượng thứ của quý các tác giả.

Trong quá trình biên soạn, dù rất nỗ lực nhưng chúng tôi chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, kính mong quý độc giả phê bình góp ý để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

Trân trọng giới thiệu đến quý bạn đọc.

BAN BIÊN SOẠN

**BÁC HỒ - VỊ LÃNH TỤ
VĨ ĐẠI KÍNH YÊU CỦA
DÂN TỘC VIỆT NAM**

BÁC HỒ - NƠI HỘI TỤ CỦA TÀI NĂNG, TRÍ TUỆ VIỆT NAM VÀ VĂN HÓA ĐÔNG TÂY

1. Khoan dung, nhân ái Hồ Chí Minh - Một giá trị đặc trưng cho văn hóa hòa bình

Thế kỷ XX đã qua với hai cuộc chiến tranh thế giới và hàng trăm cuộc chiến tranh khu vực lớn nhỏ. Nỗi khủng khiếp trước thảm họa Hiroshima và Nagasaki đến nay vẫn chưa thôi nhức nhối trong trái tim nhân loại. Trái đất càng trở nên mong manh hơn khi vũ khí hủy diệt ngày càng được hoàn thiện, sự tích lũy ngày càng lớn, đủ sức làm nổ tung cả hành tinh bé nhỏ của chúng ta.

Hòa bình là khát vọng của nhân loại, bởi trong thực tế tồn tại mấy nghìn năm qua, loài người chưa bao giờ được sống trong một thế giới hòa bình. Sau nhiều nỗ lực tìm kiếm, bước vào thiên niên kỷ mới, loài người càng thấm thía nhận ra rằng không thể giải quyết mọi tranh chấp, xung đột bằng vũ khí mà phải bằng thông cảm, hiểu biết, đối thoại, bằng văn hóa khoan dung. Muốn có hòa bình lâu dài phải tạo lập trước hết một nền văn hóa hòa bình mà linh hồn của nó chính là lòng nhân ái, khoan dung.

“Dân tộc ta là một dân tộc giàu lòng bác ái”. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói như vậy, và chính Người là biểu tượng, là tinh hoa của khoan dung, nhân ái Việt Nam.

Khoan dung, nhân ái Hồ Chí Minh biểu hiện ở lòng yêu thương mệnh mông, sâu sắc đối với con người, ở niềm tin vào phần tốt đẹp, phần thiện trong mỗi con người, dù nhất thời họ có lầm lạc, còn nhỏ nhen, thấp kém; từ đó Người nhắc nhở chúng ta “phải biết làm cho phần tốt trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa Xuân và phần xấu bị mất dần đi”. “Đối với những đồng bào lạc lối, lầm đường, ta phải dùng tình thân ái mà cảm hóa họ”.

Đối với những quan lại cũ, cả với những người từng có nợ máu với cách mạng, Người cũng khuyên “không nên đào bới những chuyện cũ ra làm án mới,... mà nên dùng chính sách cảm hóa, khoan dung”. Để làm được điều đó, Người nhắc nhở chúng ta phải vượt qua những thiên kiến, hẹp hòi. “Sông to, bể rộng thì bao nhiêu nước cũng chứa được, vì độ lượng của nó rộng và sâu”.

Chính sách đại đoàn kết và tấm lòng khoan dung, độ lượng của Bác Hồ đã làm thất bại mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù, đã cảm hóa được nhiều nhân sĩ, trí thức có tên tuổi, kể cả các quan lại cao cấp của chế độ cũ, một lòng một dạ đi theo cách mạng và kháng chiến, không quản ngại gian khổ, hi sinh.

Khoan dung, nhân ái Hồ Chí Minh biểu hiện ở thái độ trân trọng, cái nhìn rộng lượng đối với những giá trị khác nhau của văn hóa nhân loại, là chấp nhận giao lưu, đối thoại, tìm ra cái chung, nhằm đạt tới sự hòa đồng, cùng phát triển.

Hồ Chí Minh xa lạ với mọi thói kỳ thị văn hóa. Trong khi chống Pháp, Người vẫn yêu mến và đề cao văn hóa Pháp; chống Mĩ và vẫn ca ngợi truyền thống đấu tranh cho độc lập, tự do của nhân dân Mĩ. Bản thân Người là hình ảnh kết tinh của tinh hoa văn hóa nhân loại Đông và Tây. Trong một thế giới cộng sinh về văn hóa, có sự giao lưu giữa cái chung và cái riêng, cái đồng nhất và cái dị biệt, khoan dung Hồ Chí Minh là chấp nhận đối thoại về giá trị, là truy tìm cái chung, cái nhân loại để hòa đồng. Người đã viết: “Tuy phong tục mỗi dân tộc mỗi khác, nhưng có một điều thì dân nào cũng giống nhau, ấy là dân nào cũng ưa sự lành, ghét sự dữ”.

Là một nhà ngoại giao biết thương lượng, có đầu óc thực tế, Hồ Chí Minh biết tìm ra mẫu số chung cho mọi cuộc đối thoại. Người nói với người Pháp: “Người Việt và người Pháp cùng tin tưởng vào đạo đức tự do, bình đẳng, bác ái độc lập”.

Với các tôn giáo, Hồ Chí Minh thành thật tôn trọng đức tin của người có đạo, khẳng định lẽ sống cao đẹp, những giá trị đạo đức - nhân văn của các vị sáng lập, không hề bài bác, phủ định mà khéo hướng lý tưởng của các tôn giáo vào mục tiêu giải phóng dân tộc và mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân.

Mùa Hè năm 1946 tại Pa-ri, Người đã tiếp một nhóm linh mục công giáo đến thăm, trong đó có linh mục Cao Văn Luận, một người công giáo xác tín, chống cộng. Sau này, ông ta đã thuật lại trong cuốn hồi ký của mình lời của Hồ Chí Minh trong buổi gặp: “Mục đích của Chính phủ ta là đeo đuổi chiến đấu vì nền độc lập và đem lại hạnh phúc cho nhân dân. Để đạt hạnh phúc đó mọi người cần phải xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nếu đức Giêsu sinh ra vào thời đại chúng ta và phải đặt mình trước những nỗi đau của người đồng thời, chắc Ngài sẽ là một người xã hội chủ nghĩa đi tìm cứu khổ loài người”.

Tại cuộc họp mặt đại biểu các tôn giáo, đảng phái tại chùa Bà Đá mừng Chính phủ liên hiệp lâm thời vừa thành lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Tín đồ Phật giáo tin ở Phật, tín đồ Giatô giáo tin ở Đức Chúa Trời, cũng như chúng ta tin ở đạo Khổng. Đó là những vị chí tôn nên chúng ta tin tưởng. Nhưng đối với nhân dân, ta đừng có làm gì trái ý dân. Dân muốn làm gì, ta phải theo nấy”.

Nói về khoan dung tôn giáo của Hồ Chí Minh, chính J.Sainteny thừa nhận: “Về phần tôi, phải nói rằng chưa bao giờ tôi có cơ để thấy nơi các chương trình của Cụ Hồ Chí Minh một dấu vết nào, dù rất nhỏ, của sự công kích, đa nghi hoặc chế giễu bất kỳ một tôn giáo nào”.

Khoan dung, nhân ái Hồ Chí Minh được xây dựng trên nguyên tắc công lý, chính nghĩa, tự do, bình đẳng, không chấp nhận thỏa hiệp vô nguyên tắc với tội ác, bất công, xã hội và tất cả cái gì chà đạp lên “quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc” của mỗi con người và mỗi dân tộc. Người nói: “Nhân là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí, đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống

lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh mở đầu sự nghiệp cách mạng của mình bằng một cử chỉ hòa bình: Đưa yêu sách 8 điểm gửi Hội nghị Vecxay (1919). Nhưng Người biết: “Chế độ thực dân, tự bản thân nó đã là một hành động bạo lực của kẻ mạnh đối với kẻ yếu”. Bởi vậy, Người cũng đã nói từ rất sớm: “Nếu chúng ta không đạt được (việc tự giải phóng) bằng phương pháp ôn hòa thì chúng ta không ngần ngại hành động quyết liệt để trả thù nhà, nợ nước và đè chen vai, thích cánh với năm châu”.

Trong cuộc xung đột Việt - Pháp, giữa hai giải pháp hòa bình và bạo lực, Hồ Chí Minh luôn luôn chọn giải pháp hòa bình, nên Người đã chấp nhận thỏa hiệp, nhân nhượng: ký Hiệp định sơ bộ 6/3 rồi Tạm ước 14/9; không quản bất trắc, hiểm nguy, Người sang tận Thủ đô nước Pháp để tìm kiếm hòa bình. Rất tiếc, thiện chí đó đã không được đáp lại.

Đến khi đối phương buộc chúng ta phải cầm súng đứng lên tự vệ, Người đã luôn luôn giáo dục chúng ta biết phân biệt bọn thực dân xâm lược phản động Pháp với nhân dân Pháp yêu chuộng hòa bình và công lý. Người đã tìm mọi cách để hạn chế đến mức thấp nhất những thương vong trên chiến trường, cho quân ta và cho cả quân địch. Người nói một cách xúc động: “Trước lòng bác ái thì máu Pháp hay máu Việt đều là máu, người Pháp hay là người Việt đều là người”. Người nhắc nhở mục tiêu của chúng ta là đánh bại, đánh sập ý chí xâm lược của địch chứ không phải là đánh tiêu diệt hoàn toàn chúng trên chiến trường. Ta hiểu vì sao Người không tán thành cách gọi một trận đánh chết nhiều người là một trận đánh “đẹp”! Người nói: “Đánh mà thắng là giỏi, nhưng không đánh mà thắng lại giỏi hơn”, nên theo binh pháp của cha ông, “đánh vào lòng người là hơn hết, đánh vào thành trì là thứ hai”, vì vậy Người rất coi trọng địch vận, ngụy vận, coi “khéo ngụy vận thì đó cũng là một cách tiêu diệt sinh lực địch”.

Đối với những tù binh và thương dân Pháp bị ta bắt trong chiến tranh, Người kêu gọi đồng bào và chiến sĩ ta phải nêu cao lý tưởng chính nghĩa, nhân đạo, phải đối xử khoan hồng đối với họ để “cho thế giới biết rằng ta là một dân tộc văn minh, văn minh hơn bọn đi giết người, cướp nước”. Người chỉ thị cho Bộ Tài chính của ta cấp cho mỗi người lính hay thương dân Pháp bị bắt 200 đồng-mỗi tháng, trong khi mức ăn của bộ đội ta chỉ có 150 đồng-tháng, với lý do “ta có thể chịu kham khổ được, nhưng đối với họ cần phải rộng rãi hơn”. Một lần đến thăm trại tù binh Pháp bị bắt trong Chiến dịch Biên giới, thấy một đại úy quân y Pháp ở trần, đang run lên vì lạnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cởi chiếc áo người đang mặc, trao cho anh ta.

Trong thư gửi cho tướng R.Xalăng, Tổng Chỉ huy quân đội Pháp ở Đông Dương, (6/1947), một người đã từng tháp tùng Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt chuyến Người sang thăm nước Pháp, đã từng được Người coi là bạn, có đoạn viết: “Chúng ta đã từng là những người bạn tốt... Nhưng hoàn cảnh ngoài ý muốn đã biến chúng ta thành hai kẻ đối địch. Điều đó thật đáng tiếc!... Vì chúng ta buộc phải chiến đấu, thì các ngài hãy tỏ ra là những chiến binh hào hiệp, những đối thủ quân

từ, trong khi chờ đợi chúng ta trở thành bạn hữu của nhau”.

Thật là ngôn luận của một hiệp sĩ, một chính nhân quân tử! Chúng ta chiến đấu vì những mục tiêu cao cả hòa bình, độc lập dân tộc, chứ không vì lý do nào khác. Hoàn cảnh đã buộc phải chiến đấu thì hãy chiến đấu ra trò, cao thượng và chính trực, để sau chiến đấu, lại trở lại là những người bạn! Người đã làm hết sức mình để không gây ra mối hận thù đối với dân tộc Pháp, một dân tộc mà Người luôn luôn yêu mến và kính trọng.

Qua đó, có thể thấy: Khoan dung, nhân ái Hồ Chí Minh không phải là một sách lược mà là sự kế tục và phát triển truyền thống khoan dung, nhân ái của dân tộc ta qua hàng ngàn năm lịch sử và cũng là sự thể hiện bản chất nhân văn, chính nghĩa của cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc. Khoan dung cũng là một biểu hiện sức mạnh của cách mạng, chỉ có những cuộc cách mạng chân chính, được lòng dân, mới có sức thuyết phục, cảm hóa trái tim, khối óc của quần chúng, bao gồm cả những người lầm lạc và chống đối.

Ngày nay, trên thế giới, chiến tranh lạnh đã qua đi, nhưng loài người vẫn đang phải sống trong “một nền hòa bình nóng”. Nhiều nơi vẫn đang diễn ra những cuộc chiến tranh, xung đột đẫm máu về lãnh thổ, dân tộc, sắc tộc và tôn giáo. Do thiếu một thái độ khoan dung, người ta tự coi mình là độc tôn, đi tới dị hóa, kỳ thị với tất cả cái gì không phải là mình! Ngược lại, cũng đang có những thế lực mưu toan lợi dụng cái gọi là “bản chất chung của con người” để áp đặt cho các dân tộc khác những giá trị xa lạ với truyền thống văn hóa của họ. Khi không áp đặt được, họ sẵn sàng dùng sức mạnh của bom đạn, sắt thép để khuất phục ý chí của một dân tộc có chủ quyền. Chủ nghĩa khủng bố quốc tế đang đe dọa quyền được sống, quyền mưu cầu hạnh phúc trong hòa bình, tự do, độc lập; quyền được lựa chọn con đường phát triển riêng theo lý tưởng và truyền thống văn hóa của mỗi dân tộc. Chính trong điều kiện đó, giáo dục, bồi dưỡng và phát triển lòng nhân ái, khoan dung đang là một yêu cầu cấp bách, trong đó tấm gương khoan dung, nhân ái Hồ Chí Minh đang được nhắc nhở như một giá trị tiêu biểu cho đặc trưng văn hóa của thế kỷ XXI - văn hóa hòa bình.

GS. Song Thành, Viện Hồ Chí Minh - Quangbinh.gov.vn

2. Hồ Chí Minh với việc khẳng định những giá trị cốt lõi trong mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam

Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một trong những nội dung trung tâm của tư tưởng Hồ Chí Minh; trong đó, những luận giải rất phong phú của Người về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam như một biểu trưng mẫu mực về sự nghiên ngẫm uyên bác những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin, về tinh thần sáng tạo, phát triển chủ nghĩa Mác-Lênin vào hoàn cảnh các nước thuộc địa. Đây là những luận điểm đặt tiền đề quan trọng và là kim

chỉ nam cho cho hành trình tới tương lai tươi sáng của dân tộc, đặc biệt cho sự nghiệp đổi mới tư duy lý luận hiện nay.

Trong các di sản lý luận của mình, C. Mác và Ph. Ăng ghen đã nêu lên những dự đoán thiên tài về xã hội tương lai - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Hai ông đã có công biến Chủ nghĩa xã hội vốn là học thuyết không tưởng thành học thuyết có cơ sở khoa học. Tuy vậy, do điều kiện lịch sử, các nhà sáng lập ra Chủ nghĩa xã hội khoa học chỉ có thể dự đoán những nét chủ yếu, chứ không thể nêu lên một cách chi tiết những quan niệm của mình về xã hội tương lai. Hơn nữa, những dự đoán ấy được hình thành chủ yếu trên cơ sở nghiên cứu hiện thực xã hội tư bản chủ nghĩa phát triển tương đối cao ở một số nước Tây Âu. Có hai vấn đề đặt ra: Thứ nhất, chế độ cộng sản có thể áp dụng được ở châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng không? Thứ hai, có thể có một mô hình chủ nghĩa xã hội chung cho mọi quốc gia, dân tộc không?

Về vấn đề thứ nhất: Chế độ Cộng sản có thể áp dụng được ở châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng không? Vấn đề này được Hồ Chí Minh cùng những người cách mạng ở châu Á và Đông Dương quan tâm ngay từ năm 1921. Muốn hiểu biết vấn đề đó và muốn trả lời câu hỏi đó, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh cho rằng cần phải xem xét tình hình cụ thể ở lục địa châu Á về mặt lịch sử và địa lý. Bằng nhãn quan chính trị sắc sảo và sự hiểu biết sâu rộng, trên cơ sở nghiên cứu, xem xét các nước châu Á một cách toàn diện cả về lịch sử xã hội - văn hóa, kinh tế, chính trị... Người đi đến kết luận: “Bây giờ hãy xét những lý do lịch sử cho phép Chủ nghĩa Cộng sản thâm nhập dễ dàng vào châu Á, dễ dàng hơn là ở châu Âu”^[1]. Bởi ở châu Á, tư tưởng về cộng đồng xã hội, bình đẳng, giáo dục và đề cao giá trị nhân văn; tư tưởng phải đấu tranh cho hạnh phúc của con người, đề cao nhân dân.v.v... đã phát triển sớm, trở thành cơ sở thuận lợi để tiếp nhận tư tưởng của Chủ nghĩa Cộng sản. Cuối thế kỷ XX, một sự thật lịch sử là trong khi một mô hình chủ nghĩa xã hội tan rã ở các nước xã hội chủ nghĩa châu Âu, thì chế độ xã hội chủ nghĩa lại được củng cố và phát triển ở các nước châu Á như Việt Nam, Trung Quốc... Thực tế đó đã chứng minh nhận định thiên tài của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Về vấn đề thứ hai: Có thể có một mô hình chủ nghĩa xã hội chung cho mọi quốc gia, dân tộc không? Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin đã có những dự đoán thiên tài về xã hội tương lai, song chưa lúc nào các ông cho rằng, trong tương lai chủ nghĩa xã hội sẽ chỉ có một mô hình duy nhất. Chủ nghĩa xã hội về bản chất và mục tiêu là thống nhất, nhưng có nhiều mô hình khác nhau, thể hiện sự đa dạng, phong phú trong việc lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Mô hình chủ nghĩa xã hội ở mỗi quốc gia bao giờ cũng mang trong nó những nét đặc thù về

^[1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb CTQG, H. 1995, tr.35.

lịch sử, văn hóa, dân tộc của quốc gia đó.

Hồ Chí Minh đã tiếp cận Chủ nghĩa xã hội từ nhiều phương diện khác nhau: Từ chủ nghĩa yêu nước và khát vọng giải phóng dân tộc, từ phương diện đạo đức, từ góc độ văn hóa... Trên các phương diện Người đều thấy rằng, về bản chất Chủ nghĩa xã hội là một chế độ mới khác biệt về chất, một chế độ thực sự ưu việt, đầy tính nhân văn cao cả. Người chỉ rõ: “Chỉ có Chủ nghĩa Cộng sản mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc...”^[1]. Đối với Việt Nam, Chủ nghĩa xã hội là con đường phát triển tất yếu của cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Sau này, trong lý luận nhận thức về Chủ nghĩa xã hội, Người khẳng định thêm nhiều luận điểm quan trọng: “Không có một chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và đảm bảo cho nó được thỏa mãn bằng chế độ Xã hội chủ nghĩa và Cộng sản chủ nghĩa”^[2]; Chủ nghĩa xã hội là “nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được no ấm và sống một đời hạnh phúc”^[3]...

Giá trị xuyên suốt và đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về mô hình Chủ nghĩa xã hội gắn liền với khát vọng cháy bỏng của Người; đó là xã hội giải phóng thật sự con người, xã hội do nhân dân lao động làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng chế độ chính trị - xã hội ưu việt là nhằm giải phóng con người về mặt chính trị. Khi đó con người mới thực sự là mục tiêu theo ý nghĩa chân chính của nó. Mặt khác, giải phóng con người khỏi áp bức bóc lột và nô dịch trong xã hội có giai cấp đối kháng là một động lực mạnh mẽ, là công cụ chủ yếu để khai thác và phát huy mọi khả năng vật chất và tinh thần của con người vào sự phát triển xã hội. Một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa theo Hồ Chí Minh quan niệm là một xã hội trong đó con người được tự do, bình đẳng, hạnh phúc. Con người có sự phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ.

Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Hồ Chí Minh đã nêu những nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cả sáu vấn đề người đưa ra đều liên quan đến con người và giải phóng con người. Đó là:

Nhân dân đang đói, làm gì để thoát khỏi nạn đói.

Nhân dân đang dốt, làm gì để thoát khỏi dốt.

Nhân dân chưa được hưởng dân chủ, làm gì để nhân dân được hưởng tự do.

^[1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 1, Nxb CTQG, H.1995, tr.461.

^[2] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, Nxb CTQG, H. 1996, tr.291.

^[3] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 10, Nxb CTQG, H.1996, tr.17.

Nhân dân bị đầu độc bằng rượu và thuốc phiện, phải làm gì để thoát khỏi nạn này.

Nhân dân phải chịu nhiều thứ thuế, phải bỏ ngay các thứ thuế đó cho dân.

Nhân dân bị thực dân chia rẽ, phải làm gì để đoàn kết nhân dân lại.

Trong suốt quá trình lãnh đạo công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội, Người thường xuyên nhắc nhở Đảng và Chính phủ phải luôn lo cho dân: Việc gì có lợi cho dân thì hết sức làm, việc gì có hại cho dân thì hết sức tránh. Trước lúc đi xa, trong *Di chúc* Người lại nhắc: “Đảng cần phải có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống nhân dân”^[1]. Như vậy, yêu thương những con người lao động, đấu tranh nhằm giải phóng con người khỏi ách áp bức bóc lột, bất công, khỏi sự nghèo đói, dốt nát là điểm xuất phát trong cách tiếp cận mô hình chủ nghĩa xã hội của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trong lịch sử Việt Nam, các triều đình quân đều nhận thức: Yêu thương nhân dân là việc đầu tiên của vương chính; có đặt dân sinh lên chôn chiếu êm mới làm cho thế nước vững như Thái sơn, bàn thạch. Tư tưởng ái dân, nhân hậu với nhân dân, mưu lo cho dân an cư lạc nghiệp được Trần Hưng Đạo nâng lên thành thượng sách giữ nước và Nguyễn Trãi coi như biểu trưng của việc nhân nghĩa. Chủ trương ái dân và đã có những chính sách “chấn dân”, nhưng trên thực tế hầu như ở tất cả các triều đại xưa quyền làm chủ của người dân không được xác lập; có chăng nhân dân chỉ được hưởng cái “quyền” của mình khi đất nước lâm nguy, khi thái ấp của vua chúa có nguy cơ rơi vào tay giặc. Đặc biệt ở các triều đại vua chúa nhà Nguyễn (cuối thế kỷ XIX), “đức” thương dân của vương quan trong triều chỉ là đức thương của người cưỡi ngựa thương con ngựa; ái dân cốt để vinh thân, củng cố vương quyền. Và những khẩu hiệu: “Tự do, bình đẳng, bác ái” mà Chủ nghĩa tư bản rêu rao, được Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh khảo cứu bằng chính thực tế cuộc sống người lao động ở các nước: Pháp (1911), Hoa Kỳ (1912), Anh (1914)..., rốt cuộc chỉ là sự che đậy bản chất bất công tàn bạo và đê tiện của chủ nghĩa tư bản. Trên thực tế, ở đâu giai cấp công nhân và nhân dân lao động cũng bị áp bức bóc lột rất dã man. Cho đến nay, Chủ nghĩa tư bản đã kéo dài sự phát triển qua mấy thế kỷ, vẫn không thể xóa bỏ được những mâu thuẫn cố hữu giữa lao động và tư bản, giữa người bị áp bức, bóc lột và kẻ áp bức, bóc lột; sự phát triển ấy không những không thể khắc phục được mà ngày càng làm trầm trọng hơn sự bất công, bất bình đẳng trong xã hội.

Đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển, Chủ nghĩa xã hội là xã hội duy nhất mà ở đó quyền con người trở thành hiện thực, là xã hội có khả năng phát huy cao nhất mọi tiềm năng con người (cá nhân, tập thể, cộng đồng). Với Hồ Chí Minh, con người là chủ thể tích cực của lịch sử, nhân dân là giá trị quý báu nhất, cao nhất; của dân, tài dân, sức dân là nguồn lực quan trọng nhất của phát triển.

^[1] *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 12, Nxb CTQG, H. 1996, tr.511.

Không có dân ủng hộ giúp đỡ thì cách mạng không có sức mạnh, không thể thành công. Không có dân thì Đảng không có lực lượng. Có dân, được dân tin, dân yêu, dân phục, lại có đường lối đúng để dẫn dắt dân tranh đấu thì việc khó mấy cũng giải quyết được.

Nói đến quyền con người trong Chủ nghĩa xã hội không thể không nói đến tư tưởng dân chủ. Dân chủ xã hội chủ nghĩa chính là sự thể hiện quyền con người của cá nhân và cộng đồng ở mức cao nhất. Đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh: Nếu trong bầu trời không có gì quý bằng nhân dân thì dân chủ là của quý báu nhất trên đời của nhân dân; dân chủ là dân là chủ và dân làm chủ^[1]. Quan niệm đó thể hiện sự gắn bó mật thiết giữa tính nhân văn và tính pháp lý của dân chủ, được thể hiện thống nhất trong nội hàm dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Cách mạng là sự nghiệp của nhân dân và vì nhân dân. Nhưng để nhân dân thực hiện được vai trò cách mạng của mình, đem lại hạnh phúc cho chính mình cần phải có sự lãnh đạo của Đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt chú trọng tới công việc thực tế để xây dựng nền dân chủ tiên bộ nhất thực sự là của dân, do dân, vì dân. Suốt cuộc đời của mình, Người luôn quan tâm xây dựng Đảng trên cả ba phương diện: Tư tưởng, lý luận; đường lối chính trị; tổ chức cán bộ. Người đòi hỏi Đảng phải thực sự là đạo đức, là văn minh, cán bộ đảng viên phải “chính tâm”, “nghiêm pháp”; phải tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp, của nhân dân, ngoài ra không còn lợi ích nào khác. Đảng và Nhà nước không phải là “cứu tinh” của nhân dân mà có trách nhiệm phụng sự nhân dân, là đầy tớ của nhân dân. Để phát huy quyền làm chủ của nhân dân, Đảng phải quan tâm tới đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; chú trọng nâng cao dân trí; đặt dân sinh, dân trí, dân chủ trong quan hệ thống nhất.

Khi xác lập những đặc trưng cơ bản của chủ nghĩa xã hội, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác-Lênin cũng nhấn mạnh, chủ nghĩa xã hội không phải là một lý tưởng mà hiện thực phải tuân theo, không phải là những sắc lệnh từ trên xuống, mà nó là một phong trào hiện thực, là sự nghiệp sáng tạo của bản thân quần chúng nhân dân. Vì thế, mọi sự gò ép, bắt chấp hiện thực, công thức hóa những tư tưởng lý luận trên thực tế đều phải trả giá. Chủ nghĩa xã hội hiện thực luôn phát triển, do đó quan niệm về nó cũng phải được phát triển.

Chủ nghĩa xã hội và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam thuộc phạm trù cách mạng vô sản nhưng được diễn ra ở một xứ thuộc địa không hoàn toàn giống một cuộc cách mạng do giai cấp vô sản lãnh đạo ở phương Tây như các nhà kinh điển Mác-Lênin đã chỉ ra. Vì vậy, tính cách mạng, khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin đòi hỏi sự vận dụng cần phải “Xem xét lại chủ nghĩa Mác về cơ sở lịch sử

^[1] Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 6, Nxb CTQG, H. 1995, tr.515, 365

của nó, cùng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”^[1]. Đồng thời, nó phải được cụ thể hóa, phát triển và hoàn thiện trong quá trình cách mạng. Hơn nữa, Chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên Chủ nghĩa xã hội có nhiều nội dung, mỗi nội dung có quy luật phát triển riêng và luôn mang tính khả biến, gắn với diễn trình lịch sử trong mỗi giai đoạn, mỗi thời kỳ cách mạng. Bởi vậy, để cách mạng thắng lợi đòi hỏi trong nghiên cứu, hoạch định đường lối cách mạng và chỉ đạo thực tiễn phải có quan điểm lịch sử cụ thể và phát triển; phải thấy rõ, phân tích và giải quyết tốt các mối liên hệ, có bước đi phù hợp, có những điều kiện cơ bản đảm bảo cho con đường cách mạng được hiện thực hóa. Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ phát hiện ra con đường cách mạng Việt Nam mà Người đã không ngừng phát triển hoàn thiện nó qua những thời kỳ lịch sử với những quan điểm cực kỳ đúng đắn, sáng tạo, chẳng những chỉ đạo cách mạng Việt Nam lúc sinh thời của Người mà còn có giá trị xuyên suốt tới ngày nay và mai sau.

Tính cách mạng khoa học, đúng đắn, sáng tạo của tư tưởng Hồ Chí Minh trong xác định con đường cách mạng Việt Nam đã được lịch sử kiểm chứng. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, miền Bắc đi lên Chủ nghĩa xã hội, sau chiến thắng 30/4/1975 cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội. Sự phát triển không ngừng của đất nước trước những cam go, thử thách và biến động thăng trầm của lịch sử, những thành quả to lớn của cách mạng Việt Nam trong gần thế kỷ qua càng chứng minh giá trị và sức sống mãnh liệt của tư tưởng Hồ Chí Minh. Sự vận động của thực tiễn cách mạng đòi hỏi lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội phải có bước phát triển mới. Việc xác định những đặc trưng cơ bản trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội (1991) và việc tiếp tục bổ sung, phát triển quan niệm về Chủ nghĩa xã hội trong Nghị quyết Đại Hội XI của Đảng ta là sự tiếp nối kiên định, sự hiện thực hóa tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới của đất nước.

Con người - cuộc đời - sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự hội kết, chiết suất các giá trị và trở thành hệ giá trị vĩnh hằng đi sâu vào tâm thức mỗi người, thành biểu tượng thiêng liêng của lớp lớp các thế hệ không dễ phai nhạt. “Trong mọi sự biến đổi cũng có một số điều quan trọng không thể thay đổi, đó là lý tưởng Chủ nghĩa xã hội, các tư tưởng nhân đạo chủ nghĩa, tự do dân chủ và công bằng xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhà yêu nước vĩ đại, người theo chủ nghĩa quốc tế đã cống hiến trọn đời mình cho lý tưởng đó”^[2]. Ai đó cố tình rêu rao cái gọi là “chọn sai đường” và “giả như”... là không thể chấp nhận với tất cả những ai có lương tri và biết trân trọng lịch sử.

Đại tá - Tiến sĩ Nguyễn Xuân Trường - *Qdnd.vn*

^[1] *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 1, Nxb CTQG, H. 1995, tr.465.

^[2] *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh* (trích tham luận của đại biểu quốc tế UNESCO và Ủy ban KHXHNV), H.1990, tr. 168.

3. Tư tưởng và tám gương đạo đức Hồ Chí Minh về đức tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư

Hồ Chí Minh - Người anh hùng giải phóng dân tộc, vị lãnh tụ vĩ đại của cách mạng Việt Nam. Suốt cả cuộc đời mình, Người luôn vì dân, vì nước, đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trong kho tàng tri thức quý giá mà Người để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta, điều có giá trị lớn nhất chính là tư tưởng của Người. Một trong những tư tưởng quan trọng và có ý nghĩa thực tiễn đối với nước ta hiện nay là tư tưởng của Người về cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Hồ Chí Minh luôn coi trọng vấn đề xây dựng đạo đức cách mạng, coi đạo đức là cái gốc, cái nền tảng của người cách mạng. Hồ Chí Minh không chỉ bàn một cách sâu sắc, cô đọng, thấm thía về vấn đề đạo đức mà chính bản thân Người; trong suốt cuộc đời, Người đã thực hiện một cách mẫu mực những tư tưởng và khát vọng đạo đức do mình đặt ra. Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức, những phẩm chất đạo đức được Người nêu ra là phù hợp với từng đối tượng, có khi Người nhấn mạnh phẩm chất này hay phẩm chất khác là nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ cách mạng Việt Nam ở từng giai đoạn nhất định. Từ đó, Người đã khái quát thành những phẩm chất chung, cơ bản nhất của con người Việt Nam trong thời đại mới là: Trung với nước, hiếu với dân; yêu thương con người; cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; tinh thần quốc tế trong sáng. Trong những phẩm chất đó thì phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư được Người đề cập đến nhiều nhất bởi phẩm chất này gắn liền với hoạt động hàng ngày của mỗi người, gắn liền giữa lời nói và việc làm, giữa suy nghĩ và hành động của mỗi cá nhân trong việc công cũng như trong đời tư, trong sinh hoạt cũng như trong công tác. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích ý nghĩa và mối liên quan của những từ này một cách đơn giản, rõ ràng.

Tháng 3/1947, do nhu cầu “kháng chiến, kiến quốc”, Bác kêu gọi thi đua xây dựng “đời sống mới là cần, kiệm, liêm, chính” và giải thích rất rõ, dễ hiểu. Tháng 6/1949, để tiếp tục rèn dạy cán bộ về đạo đức, Bác viết tác phẩm: “Cần, kiệm, liêm, chính”. Bác coi bốn đức tính “cần, kiệm, liêm, chính” là những đức tính của người cán bộ cách mạng, như trời có bốn mùa, đất có bốn phương. Bác viết:

“Trời có bốn mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Đất có bốn phương: Đông, Tây, Nam, Bắc.

Người có bốn đức: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Thiếu một mùa thì không thành trời.

Thiếu một phương thì không thành đất.

Thiếu một đức thì không thành người”.

Sau đó, Bác còn viết bốn bài báo đăng trên Báo Cứu quốc giải thích rõ nội dung bốn đức tính này.

Cần: Tức là lao động cần cù, siêng năng, thậm chí cố gắng, dẻo dai; lao động với tinh thần tự lực cánh sinh, không lười biếng. Cần còn là làm việc một cách thông minh, sáng tạo, có kế hoạch, khoa học. Theo Bác, con người có đức cần thì việc gì, dù khó khăn đến mấy, cũng làm được. Đúng như câu tục ngữ kiến tha lâu cũng đầy tổ, nước chảy mãi đá cũng mòn. Bác lưu ý, kẻ địch của chữ cần là lười biếng. Bác cho rằng nếu có một người, một địa phương hoặc một ngành mà lười biếng thì khác nào toàn chuyến xe đang chạy, mà có một bánh trật ra ngoài đường ray. Họ sẽ làm chậm trễ cả một chuyến xe. Vì vậy, người lười biếng có tội với đồng bào, với Tổ quốc.

Kiệm: Là tiết kiệm sức lao động, tiết kiệm thời gian, tiết kiệm tiền của dân, của nước, của bản thân; phải tiết kiệm từ cái lớn đến cái nhỏ, không phô trương hình thức, không xa xỉ, hoang phí. Cần và kiệm phải đi đôi với nhau như hai chân của con người. Cần mà không kiệm thì như gió vào nhà trống, như nước đổ vào cái thùng không đáy, làm chừng nào xào chừng ấy, rốt cuộc không lại hoàn không. Kiệm mà không cần thì không tăng thêm và không phát triển được. Bác giải thích, tiết kiệm không phải là bủn xỉn. Khi không đáng tiêu xài thì một hạt gạo, một đồng xu cũng không nên tiêu, nhưng khi có việc cần làm lợi cho dân, cho nước thì hao bao nhiêu của, tốn bao nhiêu công cũng vui lòng, như thế mới là kiệm.

Liêm: Là trong sạch, là luôn luôn tôn trọng, giữ gìn của công, của dân, không tham địa vị, không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ đóa. Bác đã nhắc lại một số ý kiến của các bậc hiền triết ngày trước: Khổng Tử nói: “Người mà không liêm thì không bằng súc vật”; Mạnh Tử cho rằng: “Ai cũng tham lợi thì nước sẽ nguy”. Do vậy, Bác yêu cầu mỗi người, nhất là cán bộ lãnh đạo phải thực hiện tốt chữ liêm, Chữ liêm và chữ kiệm phải đi đôi với nhau như chữ kiệm phải đi đôi với chữ cần. Có kiệm thì mới có liêm được, bởi xa xỉ ắt sinh tham lam, không giữ được liêm. Bác cũng chỉ rõ ngược lại với chữ liêm là tham ô, là ăn cắp của công làm của tư, đục khoét nhân dân, tiêu ít mà khai nhiều, lợi dụng của chung của nhà nước làm quỹ riêng cho địa phương mình. Tham ô là trộm cướp, là kẻ thù của nhân dân. Muốn liêm thật sự thì phải chống tham ô.

Chính: Là không tà, nghĩa là thẳng thắn, đứng đắn. Điều gì là không đứng đắn, thẳng thắn, tức là tà. Nói về chính, Bác viết: “Một người phải cần, kiệm, liêm nhưng còn phải chính mới là người hoàn hảo. Trên quả đất có hàng muôn triệu người sống, số người ấy có thể chia thành hai hạng: Người thiện và người ác. Trong xã hội, tuy có trăm công, nghìn việc, song, những công việc ấy có thể chia làm hai thứ: Việc chính và việc tà. Làm việc chính là người thiện. Làm việc tà là người tà.

Cần, kiệm, liêm, là gốc rễ của chính. Nhưng một cây cần có gốc rễ, lại cần có ngành, lá, hoa, quả, mới là hoàn hảo. Một người cần phải cần, kiệm, liêm nhưng còn phải chính mới là người hoàn hảo.

Chí công vô tư, là ham làm những việc ích quốc, lợi dân, không ham địa vị, không màng công danh, vinh hoa phú quý; “phải lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ (tiên thiên hạ ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc nhi lạc). Thực hành chí công vô tư là nêu cao chủ nghĩa tập thể, nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân. Chủ nghĩa cá nhân chỉ biết đến mình, muốn “mọi người vì mình”. Nó là giặc nội xâm, còn nguy hiểm hơn cả giặc ngoại xâm.

Hồ Chí Minh viết: “Một dân tộc, một Đảng và mỗi con người, ngày hôm qua là vĩ đại, có sức hấp dẫn hơn, không nhất định hôm nay vẫn được mọi người yêu mến và ca ngợi, nếu lòng dạ không trong sáng nữa, nếu sa vào chủ nghĩa cá nhân”. Người cũng phân biệt lợi ích cá nhân và chủ nghĩa cá nhân.

Người còn chỉ ra mối quan hệ: Cần, kiệm, liêm, chính tốt sẽ dẫn tới chí công vô tư, và chí công vô tư, một lòng vì dân, vì nước thì nhất định sẽ thực hiện được cần, kiệm, liêm, chính. Người đặc biệt lưu ý: “Trước nhất là cán bộ cơ quan, các đoàn thể, cấp cao thì quyền to, cấp thấp thì quyền nhỏ. Dù to hay nhỏ có quyền mà thiếu lương tâm thì có dịp đục khoét, có dịp ăn của đút lót, có dịp “dĩ công vi tư”. Người cũng còn chỉ ra một luận điểm rất quan trọng, có giá trị vô cùng thiết thực: “Trước mắt quần chúng, không phải ta cứ viết lên trán chữ “cộng sản” mà ta được quần chúng yêu mến. Quần chúng chỉ quý mến những người có tư cách đạo đức. Muốn hướng dẫn nhân dân mình phải làm việc trước cho người ta bắt chước”. Luận điểm này thể hiện rõ một phương châm xây dựng đạo đức nêu gương tốt. Quần chúng nhân dân đã và đang phẫn nản về một số cán bộ, đảng viên không thường xuyên tự rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, không tự phê bình và phê bình để góp phần xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh. Ở một số đảng bộ, chi bộ thực hiện việc tự phê bình chỉ làm qua loa, lấy lệ. Máy ai “dũng cảm” tự bộc bạch những hành vi tham ô, tham nhũng, làm giàu bất chính của mình; còn việc phê bình góp ý cho nhau thì xuê xoa “dĩ hòa vi quý”. Chính vì vậy, một số cán bộ, đảng viên đã tự đánh mất mình không còn “cái tâm” trong sáng của người lãnh đạo, người đầy tớ trung thành của dân. Đó chính là do lãng quên việc rèn luyện tu dưỡng đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư mà Bác Hồ đã dạy.

Hồ Chí Minh không chỉ nêu ra phẩm chất cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của những người làm cách mạng để phục vụ nhân dân, phục vụ đất nước mà Người chính là hiện thân của những phẩm chất đó để chúng ta học tập.

Trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, dù là người phụ bếp đến khi trở thành Chủ tịch nước - Hồ Chí Minh luôn nêu cao lối sống cần kiệm, giản dị, không màng danh vọng, không ham của cải, không ham sự xa hoa, không chuộng những nghi thức sang trọng. Bác luôn dành sự quan tâm đặc biệt tới đời sống của nhân dân. Bác nói: “Người ta ai cũng muốn ăn ngon, mặc đẹp, nhưng muốn phải

cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc nhân dân ta còn thiếu thốn mà một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon, mặc đẹp, như vậy là không có đạo đức”. Trước cảnh dân đói năm 1945, Hồ Chí Minh đã kêu gọi đồng bào cả nước nhường cơm, sẻ áo cho nhau: “Lúc chúng ta nâng bát cơm mà ăn, nghĩ đến kẻ đói khổ, chúng ta không khỏi động lòng. Vậy tôi xin đề nghị với đồng bào cả nước, và tôi xin thực hành trước: Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn 3 bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo. Như vậy, thì những người nghèo sẽ có bữa rau, bữa cháo để chờ mùa lúa năm sau, khỏi đến nỗi chết đói”. Bác đã gương mẫu nhịn ăn vào tối Thứ 7, tự tay bỏ gạo vào hũ cứu đói dân nghèo. Chiếc áo lụa đồng bào tặng, Bác cũng đem bán lấy tiền mua áo ấm tặng cho chiến sĩ trong mùa đông giá rét. Số tiền tiết kiệm ít ỏi là tiền nhuận bút các báo gửi cho Bác, Bác cũng đem mua nước ngọt tặng cho các chiến sĩ trực phòng không trong những ngày hè nóng bức. Bác thường nói: “Nhân dân còn đói khổ, tôi ăn ngon sao được, nhân dân còn rách rưới mình mặc thế này cũng là đầy đủ lắm rồi”.

Những cử chỉ cao đẹp đó không chỉ là tình cảm, tình thương bao la của Bác với đồng bào, chiến sĩ mà còn thể hiện sâu sắc những giá trị đạo đức cách mạng ở Hồ Chí Minh. Sự tiết kiệm, giản dị, thanh liêm được thể hiện đậm nét trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của Bác.

Về chi tiêu: Những năm hoạt động ở nước ngoài, Người đã tự thân lao động kiếm tiền để hoạt động cách mạng, chi tiêu rất tiết kiệm. Cả trong kháng chiến, cả trong hòa bình, Bác luôn cân nhắc kỹ càng việc không đáng tiêu thì một xu cũng không tiêu.

Về bữa ăn: Bác ưa các món dân gian, dưa cà, mắm tép, cá kho. Khi đi công tác địa phương, Bác dặn các đồng chí phục vụ chuẩn bị cơm nắm, thức ăn từ nhà hoặc mang nồi đi nấu cho tiết kiệm, tránh các nơi đón tiếp linh đình, lãng phí.

Về trang phục: Bác thường xuyên mặc bộ kaki, đi dép lốp cao su, dùng túi vải, mũ cát, kể cả khi đi công tác ngoài nước.

Về ở: Bác không chọn dinh thự cao cấp, đầy đủ tiện nghi sang trọng mà là mấy gian nhà vốn là nơi ở của người thợ, một căn nhà sàn, Bác sống giản dị đến giây phút cuối cùng của cuộc đời. Trước lúc đi xa Người còn căn dặn: Khi Bác qua đời chớ nên tổ chức diếu phúng linh đình để khỏi lãng phí thì giờ và tiền bạc của nhân dân...

Tư tưởng và tấm gương đạo đức cách mạng cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư của Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn là những giá trị đạo đức cao đẹp của thời đại. Trải qua thời gian và thử thách, trước những biến cố thăng trầm của lịch sử, những phẩm chất đạo đức đó vẫn còn nguyên giá trị. Tiếp tục học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh là một việc làm vô cùng quan trọng và cần thiết đối với mỗi cán bộ, đảng viên và toàn thể nhân dân ta.

Minh Thu - Bqll.gov.vn

4. Bác Hồ với công việc gốc của Đảng

Là người sáng lập, rèn luyện và lãnh đạo Đảng ta, Bác Hồ đặc biệt chăm lo đào tạo, huấn luyện đội ngũ cán bộ. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, từ khi chuẩn bị lực lượng để thành lập Đảng cho đến khi đi gặp “các cụ Các Mác, Lênin và các vị đàn anh khác” Bác Hồ đã dồn nhiều tâm huyết cho việc bồi dưỡng, rèn luyện cán bộ, đảng viên. Kỷ niệm Ngày sinh của Đảng một cách thiết thực chúng ta cùng nhau suy ngẫm về những lời dạy của Bác để thấm nhuần hơn nữa tư tưởng và tấm gương của Người đối với công việc này.

Bác Hồ từng nói, cán bộ là cái gốc của mọi công việc, công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém; huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng. Người cho rằng, cán bộ cách mạng phải có đức và có tài, mà tài và đức đều phải qua học tập, rèn luyện mới có được. Vì thế mà Đảng cần phải tổ chức các lớp huấn luyện mà bồi dưỡng, đào tạo và đưa cán bộ vào hoạt động thực tiễn, vào các tổ chức chính trị, xã hội, vào phong trào quần chúng mà rèn luyện, trưởng thành. Hồ Chí Minh chỉ rõ, cần phải đào tạo một đội ngũ cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc, ham làm việc. Có thế Đảng mới thành công. Nếu đào tạo một mớ cán bộ nhát gan, dễ bảo “đập đi, hò đứng” không dám phụ trách, như thế là một việc thất bại cho Đảng.

Trong công tác đào tạo, huấn luyện cán bộ Bác Hồ nhấn mạnh đến tinh thần tự phấn đấu của mỗi người. Hồ Chí Minh cho rằng, xã hội ngày càng phát triển, công việc cách mạng ngày càng nhiều, khoa học, kỹ thuật ngày càng tiến bộ, người cán bộ không thể lãnh đạo chung chung, chỉ có nhiệt tình không thôi thì chưa đủ mà còn phải có tri thức, chuyên môn nghiệp vụ. Do đó, người cán bộ không chịu học tập, không chịu nghiên cứu, không bám sát thực tiễn cuộc sống thì trở nên lạc lậu và bị cuộc sống đào thải. Chính vì thế mà Bác thường khuyên cán bộ phải luôn luôn học tập, luôn luôn cầu tiến bộ. Người dạy rằng, học tập là để hiểu biết, học để làm người, làm cán bộ để phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân và nhân loại. Một trong những việc mà Hồ Chí Minh quan tâm lớn là rèn luyện đội ngũ cán bộ có tác phong gần dân, liên hệ mật thiết với nhân dân. Người yêu cầu cán bộ, từ trên đến dưới phải có phong cách công tác sâu sát, tỉ mỉ, thiết thực, gần dân, hiểu dân để “việc gì hại cho dân phải hết sức tránh, việc gì lợi cho dân phải gắng sức làm”.

Bác Hồ chỉ rõ, bồi dưỡng, huấn luyện, đào tạo cán bộ phải xuất phát từ yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng và phải có chính sách sử dụng và đãi ngộ với từng loại cán bộ, từng người khác nhau. Hồ Chí Minh đặc biệt coi trọng chính sách đối với nhân tài để sự nghiệp kháng chiến mau thắng lợi, kiến quốc chóng thành công. Người cho rằng, hao phí nhân tài là lãng phí lớn nhất và “muốn tránh khỏi lãng phí nhân tài, chúng ta phải sửa cách lãnh đạo. Thí dụ: Bắt buộc cán bộ trong mỗi ngành phải thiết thực báo cáo và cất nhắc nhân tài” (*Hồ Chí Minh toàn tập*, t5, tr233).

Tư tưởng và tấm gương Hồ Chí Minh về đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện cán bộ, sử dụng cán bộ rất sâu sắc, có giá trị lâu dài, là những định hướng cơ bản và chỉ đạo thiết thực cho Đảng ta hiện nay khi đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập trong điều kiện toàn cầu hóa. Xin nêu một số nội dung quan trọng trong tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ cần quán triệt và vận dụng.

Trước tiên là phải hiểu và đánh giá đúng cán bộ. Hiểu đúng cán bộ là nhìn nhận cán bộ một cách toàn diện, hiểu đúng cả những mặt tốt và hạn chế của họ, cần có những chuẩn mực đánh giá phù hợp với từng loại cán bộ ở từng cấp. Có hiểu đúng cán bộ mới sử dụng và đề bạt đúng người, giao đúng việc.

Tiếp đến là phải khéo dùng cán bộ. Cán bộ ai cũng có cái hay, cái dở, khéo dùng tức là bố trí, sắp xếp dùng chỗ hay của người và giúp người ta sửa chữa chỗ dở. Bác từng nói: Dùng nhân như dùng mộc. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong đều tùy chỗ mà dùng được... Thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người, người thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, người thợ mộc thì bảo đi rèn dao, thành thử hai người đều lúng túng; nếu biết tùy tài mà dùng người thì hai người đều thành công.

Bố trí và sử dụng cán bộ cần kết hợp cán bộ già và cán bộ trẻ để bổ sung cho nhau, giúp đỡ lẫn nhau, khắc phục những nhược điểm của từng loại cán bộ.

Trong công tác cán bộ cần chú ý kết hợp cán bộ tại chỗ và cán bộ do trên điều về. Bác Hồ cho rằng xây dựng đội ngũ cán bộ tại chỗ là tốt nhất, nếu không đủ cán bộ thì trên phải điều về và phải kết hợp chặt chẽ hai loại cán bộ này với nhau để bảo đảm nâng cao hiệu quả công tác, nội bộ phải đoàn kết, thống nhất. Phải chống lại tính biệt phái, tư tưởng cục bộ địa phương, tránh đầu óc cánh hẩu, phe cánh, họ hàng, thân quen trong bố trí, sắp xếp, sử dụng cán bộ.

Vấn đề quan trọng trong công tác cán bộ mà Bác Hồ đặc biệt coi trọng là “cầu người hiền tài” và “có gan cất nhắc cán bộ”. Hồ Chí Minh là tấm gương tiêu biểu nhất về trọng dụng nhân tài. Thời kỳ lập nước, Bác Hồ đã trọng dụng được rất nhiều nhân sĩ, trí thức, quan chức trong chế độ cũ tham gia công việc của đất nước và đi theo kháng chiến.

Với những chính sách và sự quan tâm của Hồ Chí Minh đối với cán bộ và nhân tài mà đội ngũ cán bộ ngày càng phát triển, nhân tài nảy nở như hoa mùa xuân.

Để có đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của cách mạng ở từng thời kỳ, Hồ Chí Minh dạy rằng, bồi dưỡng, huấn luyện, đào tạo cán bộ, trọng dụng nhân tài là “công việc gốc” của Đảng. Trong tiến trình đổi mới, công tác này đã có nhiều chuyển biến nhưng còn nhiều hạn chế, yếu kém, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước. Chế độ, chính sách chưa thu hút được người tài giỏi. Nhiều chủ trương để thu hút, trọng dụng nhân tài nhưng không khả thi và khó thực hiện, thậm chí bị bóp méo, biến dạng...

Nhân tài, cán bộ giỏi ở nước ta không hiếm. Vấn đề là phải biết cách chăm lo, phát hiện, bồi dưỡng, trọng dụng và đãi ngộ cho đúng. Các cấp ủy và lãnh đạo các ngành cần thật sự thấm nhuần và vận dụng sáng tạo tư tưởng và tấm gương của Bác đối với công tác cán bộ. Cần phải thực hiện tốt lời căn dặn của Bác Hồ về đào tạo thế hệ trẻ Việt Nam thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong điều kiện lịch sử mới, khi toàn cầu hóa trở thành xu thế của thời đại, khoa học, công nghệ và nền kinh tế tri thức phát triển, Việt Nam muốn sớm sánh vai với các cường quốc năm châu như mong muốn của Bác Hồ thì yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, chất lượng cán bộ và thu hút nhân tài trở thành quốc sách hàng đầu.

Phạm Văn Khánh - *Nhandan.org.vn*

5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đức và tài của người cán bộ, đảng viên

1. Người cán bộ, đảng viên mà Hồ Chí Minh chú trọng xây dựng là người có tài, đức, hồng thắm, chuyên sâu. Người chỉ rõ: “Có tài phải có đức, có tài không có đức, tham ô hủ hóa có hại cho nhà nước. Có đức không có tài, như ông Bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai”^[1]. Đức của người cán bộ, đảng viên là đạo đức cách mạng. Người coi đạo đức cách mạng là “nền tảng”, là “cái gốc” của người cán bộ. Đức của người cán bộ cách mạng thể hiện ở phẩm chất chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, là lòng trung thành vô hạn đối với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, với chế độ xã hội chủ nghĩa; là trình độ giác ngộ mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, sẵn sàng chiến đấu, hi sinh vì mục tiêu, lý tưởng cao đẹp đó. Đức được thể hiện ở sự trong sáng, thành thật, trung thực, không cơ hội, thật sự cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, biết hi sinh lợi ích cá nhân để phục tùng lợi ích tập thể, lợi ích của Tổ quốc, của nhân dân. Có lối sống trong sạch, lành mạnh, gần gũi với quần chúng, gương mẫu gắn bó với nhân dân, khiêm tốn học hỏi, thực sự cầu thị. Có tinh thần đoàn kết, thương yêu, tương thân, tương ái lẫn nhau. Đức là cái gốc giúp người cán bộ cách mạng vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, hi sinh để hoàn thành tốt nhiệm vụ của Đảng và nhân dân giao phó. Người nói: “cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”^[2]. Đạo đức cách mạng tạo nên uy tín của cán bộ, đảng viên. Đó là cơ sở để giáo dục, thuyết phục và lãnh đạo quần chúng nhân dân, là tấm gương sáng cho mọi người noi theo.

Tài của người cán bộ là trình độ, năng lực để hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất, có hiệu quả nhất. Tài được thể hiện ở trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp

^[1] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 8, Nxb CTQG, Hà Nội, 2001, tr.184.

^[2] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 5, Nxb CTQG, Hà Nội, 2001, tr. 252, 253

vụ, khả năng nhận thức đúng các quy luật, sáng tạo trong giải quyết công việc; luôn làm chủ được tri thức khoa học và có khả năng hiểu biết sâu rộng về các lĩnh vực, nhất là lĩnh vực chuyên môn của mình. Bác nói: “Phải có chính trị trước rồi có chuyên môn; chính trị là đức, chuyên môn là tài”^[1]. “Tài” còn là khả năng hoạt động thực tiễn, kỹ năng và hiệu quả thực hành các công việc được giao. Người cán bộ cách mạng phải có năng lực trí tuệ và năng lực hoạt động thực tiễn, có trình độ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng hoạt động tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ được giao. Dù hoạt động trên bất kỳ lĩnh vực nào thì người có “Tài” phải là người có sự hiểu biết thấu đáo và thực hành thành thạo các công việc mà mình đảm nhiệm. Người chỉ rõ: “Ngày nay, Đảng yêu cầu cán bộ và đảng viên chẳng những thành thạo về chính trị mà còn phải giỏi về chuyên môn, không thể lãnh đạo chung chung”^[2]. “Tài” của người cán bộ phải được nhìn nhận, đánh giá theo từng loại công việc và vì thế phải tìm chọn cán bộ có tài và bố trí phù hợp với yêu cầu sử dụng của từng nhiệm vụ. Người căn dặn: “không có ai cái gì cũng tốt, cái gì cũng hay. Vì vậy, chúng ta phải khéo dùng người, sửa chữa những khuyết điểm cho họ, giúp đỡ ưu điểm của họ. Thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người”^[3].

2. Đức và tài của người cán bộ, đảng viên trong tư tưởng Hồ Chí Minh phải luôn kết hợp chặt chẽ với nhau. Tài và đức của người cán bộ, đảng viên là hai mặt không tách rời mà hòa quyện với nhau, là cơ sở, điều kiện, tiền đề của nhau, thúc đẩy lẫn nhau để hoàn thiện hình thành nhân cách người cán bộ cách mạng. Tài năng của người cán bộ có vai trò đặc biệt quan trọng để họ hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, đạt chất lượng và hiệu quả cao trong công việc. Người cán bộ có tài sẽ đem lại kết quả hoạt động tích cực, tự giác, sáng tạo cho họ trên cơ sở hành động theo quy luật khách quan. Nhưng tài năng đó phải được hiện diện trong hệ thống phẩm chất, năng lực và trong tính hiệu quả hoạt động thực tiễn của người cán bộ, đảng viên. Người cán bộ cách mạng phải là người có năng lực trí tuệ cao, tức là có trình độ hiểu biết toàn diện, sâu sắc với một hệ thống tri thức tổng hợp bao quát được nhiều lĩnh vực, có phương pháp tư duy khoa học để nhận thức được bản chất, quy luật của sự vật, hiện tượng, có năng lực thực tiễn tốt để đạt hiệu quả cao trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ.

Hồ Chí Minh luôn coi đạo đức cách mạng là tiêu chí hàng đầu, là “gốc” của người cán bộ, nâng cao đạo đức cũng có nghĩa là củng cố vững chắc hơn cơ sở định hướng cho sự phát triển tài năng của người cán bộ, vì lợi ích chung của Đảng, của giai cấp và của dân tộc. Đạo đức của người cán bộ, đảng viên được nâng cao càng tăng thêm động lực tinh thần thôi thúc người cán bộ vượt lên mọi khó khăn thử

^[1] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 9, Nxb CTQG., Hà Nội, 2001, tr. 492.

^[2] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 10, Nxb CTQG., Hà Nội, 2001, tr. 313.

^[3] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, tập 5, Nxb CTQG., Hà Nội, 2001, tr. 274.

thách để nâng cao trình độ trí tuệ của mình. Đạo đức là sự thể hiện quan hệ ứng xử và hành vi của con người, đem lại lợi ích cho người khác và cho xã hội. Đạo đức của người cán bộ cách mạng còn là nền tảng và là cơ sở để người cán bộ, đảng viên phát huy tài năng, trí tuệ và các phẩm chất khác, hướng năng lực của họ vào hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ của cách mạng. Vì vậy, theo Người, cán bộ, đảng viên phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng. Đạo đức luôn luôn là động lực của tình cảm và hành vi của người cán bộ, tài là cơ sở để làm cho đức của người cán bộ cách mạng càng cao, càng lớn hơn.

3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đức - tài của người cán bộ là di huấn vô giá Người để lại cho Đảng và nhân dân ta về công tác xây dựng đội ngũ cán bộ trong tình hình mới. Nghị quyết Đại hội XI của Đảng chỉ rõ: “Không bỏ nhiệm cán bộ không đủ đức, đủ tài, cơ hội chủ nghĩa”^[1]. Đức của người cán bộ, đảng viên hiện nay phải là kiên trì chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. Đức của người cán bộ, đảng viên hiện nay là cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, giữ nghiêm kỷ cương, phép nước; không tham nhũng và cương quyết đấu tranh chống tham nhũng; có lối sống trong sạch, lành mạnh, gần gũi với nhân dân, gương mẫu và gắn bó với quần chúng. Đặc biệt, người cán bộ cách mạng phải biết trấn trở trước cuộc sống nghèo khổ của quần chúng nhân dân và nguy cơ tụt hậu ngày càng xa về kinh tế của đất nước so với thế giới; phải suy nghĩ và hành động, đem hết tài năng, tâm sức cống hiến cho sự nghiệp dân giàu, nước mạnh. Đức của người cán bộ, đảng viên hiện nay phải là nói đi đôi với làm, nói ít, làm nhiều; phải biết thể hiện bằng hành động, bằng những việc làm cụ thể, bằng nêu gương để thuyết phục, quy tụ mọi người.

Tài là năng lực chuyên môn, khả năng công tác để bảo đảm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao; tài là tầm tư tưởng, trí tuệ của người cán bộ, đảng viên trong tiến hành công việc một cách độc lập, sáng tạo, mang lại hiệu quả tối ưu. Tài phải được thể hiện ở trình độ, năng lực tư duy phát triển; có tư duy biện chứng, lôgic, có tầm hiểu biết sâu rộng và phương pháp làm việc khoa học, hiệu quả, đủ sức cắt nghĩa và tìm được những câu trả lời thuyết phục trước những biến động phức tạp và mau lẹ của thực tiễn. Phải có năng lực trí tuệ phát triển cao, có trình độ ngoại ngữ và tin học để làm chủ công nghệ, nhất là công nghệ thông tin; có năng lực tổ chức thực tiễn, năng lực cạnh tranh khoa học và công nghệ, có khả năng tiếp nhận và quản lý được công nghệ kỹ thuật mới.

Đức và tài là một thể thống nhất, không thể tách rời. Vì vậy, không thể chỉ có đức mà không cần tài, càng không thể coi trọng tài mà xem nhẹ đức. Đức của

^[1] Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội ĐBTQ lần thứ XI*, Nxb CTQG, H, 2011, tr. 125.

người cán bộ, đảng viên hiện nay không chỉ như đạo đức công dân mà còn bao hàm cả đạo đức của người lãnh đạo, chỉ huy. Trung thành nhưng phải có bản lĩnh, có tư duy độc lập, tự chủ, sáng tạo, không thụ động, bảo thủ trì trệ, né tránh khó khăn, gian khổ. Trung thành nhưng không phải là “gọi dạ, bảo vâng”, cơ hội, không có chủ kiến, không dám đấu tranh, tùy thời vì mục đích quyền lực và tiền tài. Tài của người cán bộ hiện nay cần phải được nhìn nhận, đánh giá theo từng loại công việc và vì thế phải tìm chọn cán bộ có tài phù hợp với yêu cầu sử dụng. Nghĩa là khi chọn người tài phải dựa vào thể mạnh và sở trường của họ, vào tài năng thực tế của người cán bộ, đảng viên, không hoàn toàn dựa vào bằng cấp để bố trí công việc, xác định cương vị; có vậy mới giúp cán bộ, đảng viên phát huy được ưu thế, sở trường, dốc tâm lực vào sự nghiệp cách mạng của Đảng, của nhân dân.

Hiện nay, vấn đề đào tạo, sử dụng, đánh giá cán bộ phải được gắn với đức - tài được hiểu một cách khoa học, đầy đủ. Đức và tài của người cán bộ hiện nay cần phải cụ thể hóa bằng tiêu chuẩn chức danh đối với mỗi chức vụ, cương vị công tác, nhất là các tiêu chí mới đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng. Đức và tài của người cán bộ đạt đến trình độ nào thì phải lựa chọn bố trí họ ở cấp và vị trí tương xứng. Nhưng vấn đề có tính nguyên tắc cần khẳng định là, đã là người cán bộ cách mạng thì phải có đủ đức, đủ tài tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ, không thể chêm chước bất cứ một tiêu chuẩn nào. Nếu quan điểm đức - tài không rõ ràng, lẫn lộn, chỉ nhìn hình thức bề ngoài mà không thấy bản chất bên trong của con người thì kết quả là sẽ chọn ra những kẻ bất tài, vô dụng, làm hại đến sự nghiệp cách mạng. Thấm nhuần Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa đức và tài của người cán bộ, đảng viên vào xây dựng đội ngũ cán bộ cách mạng trong tình hình hiện nay là vấn đề có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Duy Khanh - TCCB - Xaydungdang.org.vn

6. Đạo đức trung với Đảng, hiếu với dân của quân đội theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Là người trực tiếp tổ chức thành lập, giáo dục và rèn luyện quân đội ta, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm chăm lo xây dựng quân đội trung thành tuyệt đối với Đảng, với Tổ quốc và nhân dân. Ngày 22/12/1964, nhân dịp kỷ niệm quân đội ta tròn 20 tuổi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm và khen ngợi “Quân đội ta trung với Đảng, hiếu với dân, sẵn sàng chiến đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng”.

Lời khen của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định đầy đủ, sinh động bản chất cách mạng, chức năng nhiệm vụ, truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam. Trung thành tuyệt đối với Đảng, hiếu nghĩa với nhân dân là bốn phẩm của một quân đội cách mạng, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, do Đảng tổ chức xây dựng và lãnh đạo. Người khẳng định: “Dưới sự lãnh đạo của Đảng và

Chính phủ, được sự giúp đỡ hết lòng của nhân dân, quân đội ta hoàn thành nhiệm vụ mà Đảng và Chính phủ trao cho, đã có truyền thống vẻ vang là tuyệt đối trung thành với Đảng, với nhân dân, chiến đấu anh dũng, công tác và lao động tích cực, tiết kiệm, cần cù, khiêm tốn giản dị, đoàn kết nội bộ, đồng cam cộng khổ với nhân dân, luôn luôn sẵn sàng khắc phục khó khăn, hoàn thành nhiệm vụ”.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, không chỉ có lòng trung thành tuyệt đối với Đảng, với nhân dân, mà dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội ta còn làm tròn chức năng đội quân chiến đấu, đội quân công tác và đội quân sản xuất, Người nói: “Quân đội ta là quân đội anh hùng của một dân tộc anh hùng. Mới ra đời với gậy tầm vông, súng kíp đã cùng toàn dân đánh Pháp, đánh Nhật, đưa Cách mạng tháng Tám đến thành công”. Hay trong những ngày ác liệt nhất của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mỹ, Bác lại khen ngợi: “Quân đội ta anh dũng trong kháng chiến, mà cũng anh dũng trong hòa bình; đã làm tốt nhiệm vụ bảo vệ miền Bắc, đập tan mọi hành động khiêu khích, phá hoại của đế quốc Mỹ và tay sai; đã giáng trả lại đế quốc Mỹ những đòn đích đáng như ngày 5/8/1964”.

Bác còn chỉ rõ là quân đội cách mạng phải biết vượt qua khó khăn thử thách, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng. Người nói: “Bộ đội ta là bộ đội nhân dân, bộ đội cách mạng có truyền thống anh dũng, khắc khổ, kiên nhẫn, cần cù, chất phác, việc khó khăn nguy hiểm mấy cũng không sợ, nhất định làm cho kỳ được. Đó là truyền thống, đạo đức, tác phong tốt, phải luôn được giữ vững và phát triển”...

Thực tiễn đã chứng minh trải qua hơn 60 năm xây dựng, chiến đấu và trưởng thành, dưới sự lãnh đạo Đảng và Bác, sự nuôi dưỡng của nhân dân, lời khen của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã trở thành lời thề danh dự đối với quân đội trong đấu tranh cách mạng, cũng như trong xây dựng hòa bình hiện nay. Điều đó được thể hiện trong bất luận hoàn cảnh nào. Quân đội nhân dân Việt Nam cũng luôn luôn một lòng trung thành vô hạn với sự nghiệp cách mạng của Đảng, luôn giương cao ngọn cờ bách chiến, bách thắng, chiến đấu vì mục tiêu, lý tưởng cao cả của Đảng, của giai cấp, của dân tộc. Mục tiêu cách mạng của Đảng, chính là mục tiêu chiến đấu của quân đội; bản chất giai cấp công nhân của Đảng, chính là bản chất chính trị của quân đội. Quân đội ta đã cùng với toàn dân hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, xây dựng chủ nghĩa xã hội; đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vươn lên chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu; thực hiện tốt chức năng đội quân chiến đấu, bảo vệ thành quả cách mạng, viết tiếp những trang sử hào hùng của dân tộc, xây đắp nên truyền thống vẻ vang của quân đội anh hùng sinh ra từ một dân tộc anh hùng.

“Học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Chủ tịch Hồ Chí Minh” và thấm nhuần lời khen cũng là lời dạy của Bác đối với quân đội ta năm ấy, là những người kế tục sự nghiệp cách mạng của Đảng, của dân tộc, được Đảng, Nhà nước và nhân dân dày công giáo dục, nuôi dưỡng và rèn luyện, giao trọng trách nặng nề nhưng đầy vẻ vang bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân, hơn ai hết, các thế hệ cán bộ,

chiến sĩ quân đội ta thấy được vinh dự và tự hào, trách nhiệm và nghĩa vụ. Để từ đó, luôn trau dồi phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực, phương pháp, tác phong công tác theo tư tưởng và đạo đức của Người, ngay trong mỗi cá nhân, mỗi tổ chức, từ những việc nhỏ nhất, cho đến việc lớn, góp phần xây dựng quân đội thực sự là lực lượng chính trị, lực lượng chiến đấu trung thành tin cậy bảo vệ Đảng, Nhà nước và nhân dân, như lời Người dạy.

Baodongnai.com.vn

7. Đạo đức và đạo đức cách mạng nhìn nhận từ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Hồ Chí Minh là người bàn nhiều về đạo đức, nhất là đạo đức cách mạng. “Đức là gốc” là quan điểm cơ bản, xuyên suốt và nhất quán trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức không chỉ là “gốc”, là nền tảng, là nhân tố chủ chốt của người cách mạng, mà còn là thước đo của lòng cao thượng của con người.

Tư tưởng Hồ Chí Minh là một hệ thống quan điểm lý luận chính trị toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam, là kết quả của sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác-Lênin vào điều kiện cụ thể của nước ta, kế thừa và phát triển các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại. Tư tưởng Hồ Chí Minh soi đường cho cuộc đấu tranh của nhân dân ta giành thắng lợi, là tài sản tinh thần to lớn của Đảng và dân tộc ta. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (năm 1991) đã khẳng định: “Đảng ta lấy chủ nghĩa Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng và kim chỉ nam cho hành động”.

Vấn đề Đạo đức được Hồ Chí Minh đặt ra và xem xét một cách toàn diện trong tất cả mọi lĩnh vực hoạt động của con người, từ việc tư đến việc công, từ lao động sản xuất ở hậu phương đến chiến đấu ngoài mặt trận, từ học tập, công tác đến sinh hoạt hàng ngày. Hồ Chí Minh cũng bàn đến đạo đức ở mọi phạm vi từ gia đình tới xã hội, từ giai cấp đến dân tộc, từ quốc gia đến quốc tế. Việc Hồ Chí Minh xem xét vấn đề đạo đức một cách toàn diện là một cách nhìn mang tính khách quan, phù hợp với hoạt động phong phú đa dạng của đời sống xã hội và của mỗi con người. Tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh vừa là đạo đức Việt Nam vừa là đạo đức cộng sản, vừa mang cốt cách của văn hóa đạo đức phương Đông vừa mang dáng dấp của đạo đức phương Tây.

Quan niệm đạo đức truyền thống ở Việt Nam dĩ nhiên không chỉ phụ thuộc một chiều vào tư tưởng đạo đức Nho học, mà chủ yếu bị chi phối bởi văn hóa xóm làng qui định cái tình, cái nghĩa, cái lí... cộng đồng hơn là cương thường hay luân thường Nho giáo. Nội dung và phạm vi của đạo đức Việt Nam là lối sống có tình nghĩa theo phương châm “thấu tình” sẽ “đạt lý”.

Đạo đức xét đến cùng là sự phản ánh của các quan hệ kinh tế - xã hội. Giá trị đạo đức được xác định ở chỗ nó phục vụ cho tiến bộ xã hội vì hạnh phúc của con người. “Đạo đức giúp cho xã hội loài người tiến lên trình độ cao hơn, thoát khỏi ách bóc lột lao động”. Bàn về đạo đức cộng sản chủ nghĩa, Lênin cho rằng: “Đó là những gì góp phần phá hủy xã hội cũ của bọn bóc lột và góp phần đoàn kết tất cả những người lao động chung quanh giai cấp vô sản đang sáng tạo ra xã hội mới của những người cộng sản”. Đây là một quan niệm mang tính cách mạng và khoa học về đạo đức mà quan niệm của các tôn giáo và các nền đạo đức khác không thể đạt tới. Đạo đức ngoài sự chi phối của các điều kiện kinh tế - xã hội, còn chịu sự tác động của sự tự ý thức và niềm tin về bản thân mình, về dân tộc, giai cấp theo những lý tưởng và những định hướng giá trị nhất định. Do đó, đạo đức có tính độc lập tương đối. Cho nên không thể quả quyết rằng, sự giàu có về vật chất sẽ gắn liền với sự giàu có về tinh thần đạo đức hay ngược lại.

Hồ Chí Minh không đưa ra định nghĩa đạo đức là gì, nhưng trong sử dụng, thuật ngữ đạo đức được dùng với 3 nghĩa: Rộng, hẹp, và rất hẹp.

Nghĩa rộng: Đạo đức là hình thái ý thức xã hội, nhờ đó con người tự giác điều chỉnh hành vi cho phù hợp với lợi ích, hạnh phúc và làm giàu tính người trong các quan hệ xã hội, kể cả trong các quan hệ chính trị, tư tưởng.

Nghĩa hẹp: Đạo đức là các qui tắc, chuẩn mực dùng điều chỉnh hành vi con người trong quan hệ giữa người với người trong hoạt động sống.

Nghĩa rất hẹp: Đó là hành vi đạo đức, hành vi đạo đức là hành động cá nhân thể hiện quan niệm của cá nhân về nghĩa vụ đối với xã hội và đối với người khác, thể hiện lương tâm hoặc bổn phận cá nhân trong những hoàn cảnh đặc thù không lặp lại.

Hồ Chí Minh tập trung bàn nhiều về đạo đức theo nghĩa hẹp với 3 mối quan hệ cơ bản của mỗi con người (với mình, với người và với việc).

Quan điểm “Đức là gốc” của con người đã xuất hiện từ xa xưa trong học thuyết “đức trị” của Nho giáo. Rõ ràng, quan điểm “đức là gốc” của Nho giáo chứa đựng những yếu tố hợp lý nhất định. “Đức là gốc” trong tư tưởng Hồ Chí Minh là đạo đức mới, đạo đức cách mạng mang bản chất giai cấp công nhân, kết hợp truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc và những tinh hoa của đạo đức nhân loại.

Quan điểm “Đức là gốc” của Hồ Chí Minh được xây dựng trên những nội dung cơ bản như sau:

Thứ nhất: Đạo đức là “gốc”, là nền tảng của người cách mạng, giống như cây phải có gốc, sông, suối phải có nguồn, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới hoàn thành được sự nghiệp cách mạng cực kỳ gian khổ khó khăn. Không phải ngẫu nhiên mà khi Lênin mất, Hồ Chí Minh đã viết những dòng đầy xúc động trước tấm gương đạo đức trong sáng mẫu mực của người thầy vĩ đại: “...Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa

hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á và đã khiến cho trái tim của họ hướng về người, không gì ngăn cản nổi...”. Còn trong *Đường Kách mệnh* tác phẩm “gối đầu giường” của những người cách mạng Việt Nam, Hồ Chí Minh đã dành chương đầu tiên để bàn về tư cách người cách mạng, sau đó mới nói về lý luận và đường lối cách mạng. Với Hồ Chí Minh, “Đức là gốc” cho nên, đạo đức cách mạng không chỉ giúp cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới mà còn giúp người cách mạng không ngừng cầu tiến bộ và hoàn thiện bản thân mình.

Người có đạo đức cách mạng thì khi gặp khó khăn gian khổ, thất bại tạm thời... cũng không rút rè lùi bước, khi gặp thuận lợi và thành công, vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, khiêm tốn, chất phác, không công thần, địa vị, kèn cựa hưởng thụ, thật sự trở thành người “lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ”. Vì “Đức là gốc” cho nên đạo đức cách mạng là thước đo lòng cao thượng của con người. Theo quan điểm của Hồ Chí Minh, trong đời sống xã hội cũng như trong hoạt động cách mạng, mỗi người có công việc, tài năng, vị trí khác nhau, người làm việc to, người làm việc nhỏ, nhưng bất cứ ai giữ được đạo đức cách mạng đều là người cao thượng.

Thứ hai: Trong mối quan hệ giữa Đức và Tài thì “Đức là gốc” nhưng đức và tài phải đi đôi với nhau, không thể có mặt này mà thiếu mặt kia được. Hồ Chí Minh yêu cầu: Tài lớn thì Đức càng phải cao, vì khi đã có trí thì cái đức chính là cái đảm bảo cho người cách mạng giữ vững được chủ nghĩa mà mình đã giác ngộ, đã chấp nhận và lựa chọn tin theo.

Hồ Chí Minh khẳng định: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi đến mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân”. “Đức là gốc” vì trong đức đã có tài, có cái đức sẽ đi đến cái trí. Bởi người thật sự có đức thì bao giờ cũng cố gắng học tập, nâng cao trình độ, rèn luyện năng lực để hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Và khi đã thấy sức không vươn lên được thì sẵn sàng nhường bước, học tập và ủng hộ người tài đức hơn mình, để họ gánh vác việc nước việc dân. Như vậy, “Đức là gốc” ở đây phải là “Đức lớn” - đức tận tâm, tận lực phấn đấu hi sinh vì cách mạng, vì nước vì dân, nó không đồng nhất với những phẩm chất đạo đức thông thường cụ thể, như hiền lành, ngoan ngoãn, tốt bụng... trong đời sống hàng ngày.

Thứ ba: “Đức là gốc” trong xây dựng Đảng. Phát triển tư tưởng của Mác, Ăngghen, Lênin về Đảng của giai cấp công nhân, trong bài phát biểu tại lễ kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Đảng, Hồ Chí Minh đã đưa ra một hình tượng về Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản: “...Đảng ta vĩ đại như biển rộng, như núi cao, ba mươi năm phấn đấu và thắng lợi biết bao nhiêu tình. Đảng ta là đạo đức, là văn minh....”

Như vậy, theo Hồ Chí Minh, Đảng phải “là đạo đức, là văn minh” trong đó đạo đức là “gốc”, vẫn là vấn đề được Hồ Chí Minh đặt lên trên hết, trước hết. Bởi Đảng

cộng sản muốn đóng được vai trò tiên phong thì trước hết phải là một đảng tiêu biểu cho đạo đức cách mạng, tận tâm, tận lực phụng sự Tổ quốc và nhân dân.

Tư tưởng của Hồ Chí Minh về đạo đức và đạo đức cách mạng đã đóng góp làm phong phú thêm tư tưởng đạo đức cách mạng của đạo đức học Mác-Lênin, được biểu hiện vận dụng nhuần nhuyễn giữa tính nhân văn của các dân tộc Việt Nam với đạo đức cách mạng của giai cấp công nhân.

Xét về lý luận, quan điểm “Đức là gốc” của Hồ Chí Minh có nội dung phong phú, bao trùm và xuyên suốt toàn bộ tư tưởng đạo đức cách mạng của Người.

Bqllang.gov.vn

8. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng

Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức cách mạng là đạo đức của người cách mạng xuất hiện trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc và đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Theo Hồ Chí Minh, đạo đức cách mạng là trung với nước, hiếu với dân, suốt đời phấn đấu hi sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua, kẻ thù nào cũng đánh thắng; là cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư; luôn yêu thương, quý trọng con người, sống có tình, có nghĩa và tinh thần quốc tế trong sáng... Và đạo đức cách mạng là cái gốc của nhân cách, là nền tảng của người cách mạng.

Thứ nhất, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh bắt nguồn từ truyền thống đạo đức của dân tộc Việt Nam, đồng thời kế thừa những tư tưởng đạo đức phương Đông, những tinh hoa đạo đức của nhân loại và đặc biệt quan trọng là tư tưởng đạo đức của chủ nghĩa Mác-Lênin. Trong lĩnh vực đạo đức, Hồ Chí Minh có sử dụng một số khái niệm và mệnh đề tư tưởng đạo đức của Nho giáo, nhưng trên cơ sở mới, chuyển tải những nội dung mới, vì vậy, về thực chất, đó là đạo đức mới, đạo đức cách mạng.

Hồ Chí Minh quan niệm đạo đức là nền tảng và là sức mạnh của người cách mạng, coi đó là cái gốc của cây, ngọn nguồn của sông nước. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang vì sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Người viết: “Cũng như sông thì có nguồn mới có nước, không có nguồn thì sông cạn. Cây phải có gốc, không có gốc thì cây héo. Người cách mạng phải có đạo đức, không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân” Người quan niệm đạo đức tạo ra sức mạnh, nhân tố quyết định sự thắng lợi của mọi công việc: “Công việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hay kém”.

Quan niệm lấy đức làm gốc của Hồ Chí Minh không có nghĩa là tuyệt đối hóa mặt đức, coi nhẹ mặt tài. Người cho rằng có tài mà không có đức là người vô dụng, nhưng có đức mà không có tài thì làm việc gì cũng khó. Cho nên, đức là gốc nhưng đức và tài phải kết hợp với nhau để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng.

Thứ hai, tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh là bộ phận quan trọng trong di sản lý luận của Người để lại cho Đảng và nhân dân ta. Trong tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh nguyên tắc kế thừa được Người vận dụng một cách nhuần nhuyễn và trở thành nguyên tắc có tính chất chỉ đạo trong việc tiếp thu các giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc Việt Nam và nhân loại để xây dựng nên một nền đạo đức mới - đó là đạo đức cách mạng như Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thường gọi.

Hồ Chí Minh xem xét đạo đức trên cả hai phương diện lý luận và thực tiễn:

Về mặt lý luận, Người đã để lại cho chúng ta một hệ thống quan điểm sâu sắc và toàn diện về đạo đức.

Về thực tiễn, Người luôn coi thực hành đạo đức là một mặt không thể thiếu của cán bộ, đảng viên.

Những quan điểm của Hồ Chí Minh về đạo đức là những quan điểm thực sự khoa học, biện chứng, Mác-xít; phù hợp với sự tiến hóa của xã hội loài người. Đó là sự kết hợp nhuần nhuyễn những quy tắc đạo đức cách mạng của giai cấp công nhân, giai cấp tiên tiến nhất trong thời đại ngày nay, với những truyền thống đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam.

Chính Hồ Chí Minh là tấm gương sáng ngời về đạo đức cách mạng, là mẫu mực kết tinh tất cả những phẩm chất tốt đẹp nhất của người Việt Nam với đạo đức cộng sản cao quý của Chủ nghĩa Mác-Lênin. Những quy tắc đạo đức của Người nêu ra đã trở thành vũ khí mạnh mẽ của cả dân tộc ta trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội, vì hòa bình, hợp tác và hữu nghị với tất cả các dân tộc khác trên thế giới.

Khi đánh giá vai trò của đạo đức cách mạng, Hồ Chí Minh coi đạo đức là nền tảng và là sức mạnh của người cách mạng, coi đó là cái gốc của cây, ngọn nguồn của sông nước. Người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng thì mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang vì sự nghiệp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Cho nên, đức là gốc nhưng đức và tài phải kết hợp với nhau để hoàn thành nhiệm vụ cách mạng. Muốn làm cách mạng thì trước hết con người phải có cái tâm trong sáng, cái đức cao đẹp đối với giai cấp công nhân, nhân dân lao động, với cả dân tộc mình. Cái tâm, cái đức ấy lại phải thể hiện trong các mối quan hệ xã hội hằng ngày với dân, với nước, với đồng chí, đồng nghiệp và với mọi người xung quanh mình.

Hồ Chí Minh cũng từng đề cập một nội dung mới, phản ánh đạo đức cao rộng hơn là “Trung với nước hiếu với dân”. Đó là một cuộc cách mạng trong quan niệm đạo đức. Nội dung chủ yếu của trung với nước là: Trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng và xã hội, phải biết đặt lợi ích của Đảng, của Tổ quốc, của cách mạng lên trên hết, trước hết; Quyết tâm phấn đấu thực hiện mục tiêu cách mạng; Thực hiện tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Một phẩm chất đạo đức nữa luôn gắn liền với những hoạt động hàng ngày của

Chủ tịch Hồ Chí Minh và luôn được đề cập nhiều nhất, thường xuyên nhất là cần kiệm liêm chính - chí công vô tư. Hồ Chí Minh đã sử dụng những khái niệm cần kiệm liêm chính, chí công vô tư của đạo đức phương Đông và đạo đức truyền thống Việt Nam. Người chỉ ra rằng: phong kiến nêu ra cần, kiệm, liêm, chính nhưng không thực hiện; ngày nay, ta đề ra cần kiệm liêm chính cho cán bộ thực hiện làm gương cho nhân dân noi theo. Cần kiệm liêm chính còn là thước đo sự giàu có về vật chất, vững mạnh về tinh thần, sự văn minh tiến bộ của một dân tộc. Quán triệt lời dạy của Bác, dù trong bất cứ hoàn cảnh nào, người cán bộ, lãnh đạo, Đảng viên cũng phải thực hiện “cần kiệm liêm chính - chí công vô tư”.

Thứ ba, tư tưởng Hồ Chí Minh còn là sự thống nhất, hòa quyện giữa chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế trong sáng. Tinh thần quốc tế trong sáng là phẩm chất đạo đức, là yêu cầu đạo đức nhằm vào mối quan hệ rộng lớn, vượt qua khuôn khổ quốc gia, dân tộc. Nội dung chủ nghĩa quốc tế trong tư tưởng Hồ Chí Minh rộng lớn và sâu sắc. Đó là sự thương yêu, tôn trọng tất cả các dân tộc, nhân dân các nước, chống sự hằn thù, bất bình đẳng dân tộc và sự phân biệt chủng tộc.

Tóm lại, đạo đức, đạo đức cách mạng là nhằm giải phóng và đem lại hạnh phúc, tự do cho con người, đó là đạo đức của những con người được giải phóng. Vì vậy tu dưỡng đạo đức phải gắn liền với hoạt động thực tiễn, trên tinh thần tự giác, tự nguyện dựa vào lương tâm và trách nhiệm của mỗi người. Hồ Chí Minh đã viết: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong. Có gì sung sướng, vẻ vang hơn là trau dồi đạo đức cách mạng để góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và giải phóng loài người”.-.

Ths. Hoàng Anh Tuấn - *Bqlang.gov.vn*

9. Thực hiện danh và lợi theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh giải thích nhiều về Danh và Lợi cho cán bộ đảng viên các cấp, các ngành hiểu đúng về Danh và Lợi để họ nắm rõ và ra sức phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân. Khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 mới thành công, dân tộc ta vừa mới giành độc lập, trong buổi nói chuyện với Đại biểu các báo, tạp chí về nội trị, ngoại giao của nước nhà. Bác nhấn mạnh: “Làm việc nước hay việc gì khác, người ta thường muốn có một chút Danh hay một chút Lợi về mình...Muốn cho danh chính, lợi chính, thì danh, làm sao cho dân tộc mình có danh với thế giới, và lợi, làm thế nào cho tranh được lợi với thế giới”^[1].

^[1] *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 4, tr.43

Khi nói về Danh, theo Hồ Chí Minh là phải làm tròn bất kỳ nhiệm vụ nào nhân dân giao phó cho là danh dự, là vẻ vang, là anh hùng, nếu phải hi sinh tính mạng thì tiếng thơm lưu truyền mãi mãi. Người cho rằng: “Công việc của xã hội không có cái gì là cao sang, cái gì là hèn kém, thử hỏi người hốt phân nghi hai ngày thì thành phố Hà Nội sẽ như thế nào?” Bác ví dụ cụ thể: “Nếu mà tôi làm tròn nhiệm vụ nhân dân giao phó cho tôi thì vẻ vang. Nếu tôi không làm tròn nhiệm vụ thì không vẻ vang” bởi “Người làm Chủ tịch mà không làm tròn nhiệm vụ thì có gì là vẻ vang đâu”^[1].

Về Lợi, Hồ Chí Minh thường nhắc nhở cán bộ, đảng viên đối với công việc hằng ngày “Việc gì có lợi cho dân, thì phải làm cho kỳ được. Việc gì có hại cho dân thì phải hết sức tránh”^[2] và việc gì dù lợi cho mình, phải xem xét có lợi cho nước hay không? Nếu không có lợi mà có hại cho nước thì quyết không làm. Khi phải cân nhắc, chọn lấy một, giữa lợi ích riêng và lợi ích chung, thì phải chọn lợi ích chung, phải hi sinh lợi ích riêng cho lợi ích chung, vì lợi ích cho nước tức là lợi ích cho mình, lợi ích chung của đất nước của dân tộc có thắng lợi thì lợi ích riêng của gia đình thắng lợi. Năm 1949 khi đến thăm Trường Đảng Nguyễn Ái Quốc, Bác đã ghi vào cuốn sổ vàng của Trường. Đến thăm và nói chuyện với lớp chính Đảng Trung ương Khóa II (3/1953), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Người cán bộ phải hi sinh cái nhỏ cho cái lớn, hi sinh cái riêng cho cái chung, giữa lợi ích riêng và lợi ích chung phải chọn lấy một, mà phải chọn cái ích chung...”. Đối với dân tộc Việt Nam, truyền thống hiếu học lúc nào cũng được nhân dân ta tôn trọng. Điều này Bác Hồ rất hiểu rõ và Người đã luôn luôn khuyến khích cán bộ, đảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị để phục vụ cho nhiệm vụ cách mạng. Nhưng Hồ Chí Minh cho rằng học văn hóa, học chính trị nhằm để lấy bằng cấp, để làm ông chủ tịch nọ, giám đốc kia... là không đúng. “Học để làm việc, làm người, làm cán bộ. Học để phụng sự đoàn thể giai cấp và nhân dân, Tổ quốc và nhân loại”. Theo Bác, nên bỏ tư tưởng học văn hóa, học chính trị để tìm bằng cấp với mục đích chỉ để “thăng quan tiến chức”, coi thường lao động chân tay.

Trong bài nói chuyện tại Đại hội lần thứ I Hội nhà báo Việt Nam ngày 14/6/1959, Hồ Chí Minh chỉ rõ một dạng hám danh khác: Có người chỉ muốn làm cái gì để “lưu danh thiên cổ”... Muốn viết bài cho oai, muốn đăng bài mình lên các báo lớn. Người cho rằng điều đó hoàn toàn không đúng. Theo Bác, “Làm việc gì có lợi cho dân cho cách mạng đều là vẻ vang... Tóm lại, trong lao động không có việc gì là hèn hạ, chỉ có lười biếng mới là hèn, làm tròn nhiệm vụ thì công tác nào cũng vẻ vang”^[3]. Hồ Chí Minh từng chỉ rõ chủ nghĩa cá nhân - căn bệnh luôn đặt lợi ích

[1] *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 8, tr.364; 375

[2] *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 8, tr.88

[3] *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 9, tr.413; 414

riêng của mình, của gia đình mình lên trên, lên trước lợi ích chung của dân tộc, chính là cha đẻ của tư tưởng danh lợi chỉ muốn làm ông này, ông khác, bà này, bà khác. Tư tưởng danh lợi lại đẻ ra trăm thứ bệnh như: Vô kỷ luật, vô tổ chức, bè phái, tham ô, quan liêu, tư lợi, hám địa vị, danh tiếng... Hồ Chí Minh chỉ rõ, người hám danh, lợi hay suy tỵ hoặc suy bì đả ngộ, địa vị. Những người này có chút thành tích thì tự cao, tự đại, kiêu ngạo, công thần, gây lòng căm ghét trong nội bộ. Hồ Chí Minh cho rằng suy bì là hay so sánh. Theo Người: Nên so sánh, nhưng cần phải so sánh với những đồng chí, những cán bộ có đạo đức cách mạng hơn mình, lập trường tư tưởng vững vàng hơn mình, tác phong dân chủ và tinh thần trách nhiệm hơn mình. So sánh với những đồng chí như thế để học để tiến bộ. Thế là so sánh. Còn so sánh về vật chất thì ngược lại, nên so sánh với những người nông dân nghèo, với những đồng bào dân tộc thiểu số đang còn thiếu thốn. So sánh như thế là mình cảm thông gần gũi với nhân dân, gần gũi với quần chúng chứ không phải so sánh với người ăn no, mặc ấm hơn mình. So sánh không đúng sinh ra kèn cựa địa vị, người cách mạng không phải như vậy. Theo Người, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đánh bật những tư tưởng công thần, địa vị danh lợi của chủ nghĩa cá nhân. Người cũng chỉ ra những biện pháp để đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân là: Phải học tập, phải học hỏi quần chúng, phải thật thà tự phê bình và phê bình, cái bí quyết thành công là quyết tâm.

Cả cuộc đời của Bác luôn mong muốn và yêu cầu cán bộ đảng viên khi gánh vác việc nước không ham danh trục lợi, sống xa hoa lãng phí của công. Đối với bản thân, Bác Hồ là tấm gương sáng về những phẩm chất cao quý đó. Năm 1946 trả lời các nhà báo nước ngoài, Bác khẳng định: “Tôi tuyệt nhiên không tham muốn công danh phú quý. Bây giờ phải gánh chức Chủ tịch là vì đồng bào ủy thác thì tôi phải gắng sức làm, cũng như người lính vâng mệnh lệnh của quốc dân ra mặt trận. Bao giờ đồng bào cho tôi lui, thì tôi rất vui lòng lui. Tôi chỉ có một ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho đất nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành. Riêng phần tôi thì làm một cái nhà nho nhỏ, nơi có non xanh nước biếc để câu cá, trồng hoa, sớm chiều làm bạn với các cụ già hái củi, em trẻ chăn trâu, không dính líu gì với vòng danh lợi”^[1].

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi xa, nhưng tư tưởng của Người mãi mãi sưởi ấm lòng mỗi người dân Việt Nam. Những cán bộ, đảng viên hôm nay hơn ai hết phải hiểu và thực hiện Danh và Lợi theo tư tưởng của Người. Là người cán bộ, đảng viên cộng sản phải biết đau nỗi đau của dân, phải biết động lòng trắc ẩn trước cảnh nghèo đói của dân, biết gần gũi, quan tâm đến từng số phận con người. Xa rời dân, sống đài các, trịch thượng, hách dịch, hám danh lợi đều trái ngược với truyền thống nhân nghĩa của ông cha, với tư tưởng vì dân vì nước của Hồ Chủ tịch. Trong bản *Di*

^[1] *Hồ Chí Minh, toàn tập*, Nxb. CTQG, H.1995, tập 4, tr.161

chúc Bác viết: “Đảng ta là một Đảng cầm quyền. Mỗi đảng viên và cán bộ phải thật sự thấm nhuần đạo đức cách mạng... phải xứng đáng là người đầy tớ thật trung thành của nhân dân”. Lời căn dặn cuối cùng và tâm huyết ấy của Bác khiến mỗi chúng ta càng phải suy nghĩ để tu dưỡng và rèn luyện mình, xứng đáng với niềm tin yêu của Bác.

Võ Thanh Bình - *Truongchinhtri.kontum.gov.vn*

10. Tư tưởng của Bác về tam nông còn nóng hổi

Nhân kỷ niệm Quốc khánh 2. 9 và 44 năm thực hiện *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, phóng viên Báo NTNN đã phỏng vấn ông Nguyễn Quốc Sơn - chuyên gia nghiên cứu về tư tưởng Hồ Chí Minh để làm sáng tỏ thêm những luận điểm, tư tưởng của Bác về nông dân và phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Nông dân giàu thì nước giàu

- Là người từng có nhiều thời gian nghiên cứu về Hồ Chí Minh, ông có thể khái quát đâu là tư tưởng đặc sắc nhất của Người về nông nghiệp - lĩnh vực vốn được coi là then chốt của nước nhà từ xưa đến nay?

- Theo tôi, nói về tư tưởng Hồ Chí Minh về nông nghiệp là nói về hệ thống những luận điểm, lý luận toàn diện và sâu sắc được rút ra từ thực tiễn cách mạng; từ sự kế thừa và phát triển những kinh nghiệm, truyền thống đặc sắc của dân tộc và trí tuệ của thời đại nhằm xây dựng và phát triển nền nông nghiệp Việt Nam từ sản xuất nhỏ, manh mún, lạc hậu tiến dần lên nền nông nghiệp hiện đại, khoa học - kỹ thuật tiên tiến, có khả năng cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân lao động.

Nông nghiệp với Hồ Chí Minh luôn có một vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng đối với sự phát triển của nền kinh tế, xã hội cũng như trong việc nâng cao đời sống, thu nhập của người nông dân. Với Người: Nông nghiệp là gốc, nông nghiệp là chính, là mặt trận chính; nông nghiệp là việc quan trọng nhất... Người cho rằng, Việt Nam là nước sống về nông nghiệp, nền kinh tế lấy canh nông làm gốc, do vậy “nông dân ta giàu thì nước giàu. Nông nghiệp ta thịnh thì nước thịnh”. Từ đó, Người coi việc tập trung phát triển nông nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm của toàn Đảng, toàn dân và yêu cầu các ngành phải lấy việc phục vụ nông nghiệp làm trọng tâm.

Như vậy, cái đặc sắc ở Hồ Chí Minh là Người đã chỉ rõ nông nghiệp là nhân tố đầu tiên, là cội nguồn giải quyết mọi vấn đề xã hội. Nếu nông nghiệp phát triển, lương thực, thực phẩm dồi dào, nông dân khá giả thì xã hội sẽ phồn vinh. Ngược lại, nông nghiệp đình đốn thì xã hội đình đốn, các ngành khác theo đó mà suy giảm.

- Theo ông, việc vận dụng các tư tưởng của Bác Hồ về nông nghiệp có ý nghĩa

thế nào đối với sự phát triển lĩnh vực này hiện nay? Đảng, Nhà nước đã vận dụng các tư tưởng đó như thế nào để phát triển nền nông nghiệp hiện đại?

- Cá nhân tôi cho rằng, những tư tưởng của Hồ Chí Minh về nông nghiệp không chỉ có giá trị về mặt lý luận mà còn có giá trị thực tiễn hết sức sâu sắc. Trong quá trình lãnh đạo, Đảng ta đã vận dụng và phát triển tư tưởng nông nghiệp của Hồ Chí Minh để xây dựng thành đường lối phát triển kinh tế nói chung, đường lối phát triển nông nghiệp nói riêng qua các giai đoạn lịch sử, đặc biệt là trong thời kỳ đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhờ có tư tưởng đúng đắn về xây dựng nền nông nghiệp toàn diện của Hồ Chí Minh mà nền nông nghiệp nước ta ngày càng phát triển. Chúng ta thấy là từ chỗ làm nhỏ lẻ manh mún, thuần nông, năng suất thấp, nền nông nghiệp nước nhà đang phát triển theo hướng toàn diện, năng suất, chất lượng sản phẩm ngày càng cao.

Để xây dựng nền nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, Đảng, Nhà nước ta đã đề ra đường lối phát triển nông nghiệp. Đường lối đó đã được cụ thể hóa trong Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc của Đảng lần thứ XI như là phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững; như đẩy mạnh cơ giới hóa, áp dụng công nghệ hiện đại (nhất là công nghệ sinh học); bố trí lại cơ cấu cây trồng, vật nuôi; phát triển kinh tế hộ, trang trại, tổ hợp tác, hợp tác xã nông nghiệp, khu công nghiệp công nghệ cao; phát triển lâm nghiệp toàn diện, hiện đại, trong đó chú trọng cả rừng sản xuất, rừng phòng hộ và rừng đặc dụng; phát triển mạnh nuôi trồng thủy sản đa dạng theo quy hoạch, phát huy lợi thế từng vùng gắn với thị trường; coi trọng hình thức nuôi công nghiệp. Quy hoạch phát triển nông thôn và đô thị và bố trí các điểm dân cư. Phát triển mạnh công nghiệp, dịch vụ và làng nghề gắn với bảo vệ môi trường...

Không để “2 chân” phát triển thiên lệch

- Hồ Chí Minh luôn coi công nghiệp và nông nghiệp là hai ngành kinh tế quan trọng và có tác động qua lại với nhau. Người đã nhiều lần nêu hình ảnh “công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế”. Thế nhưng, hiện nay vẫn có sự phát triển thiên lệch, biểu hiện rõ là các địa phương vẫn chạy theo phát triển công nghiệp, chạy đua dự án cảng biển, tàu bay... nhiều hơn là phát triển nông nghiệp. Theo ông, vì sao có hiện tượng này?

- Đúng là trong tư tưởng kinh tế của mình, Hồ Chí Minh luôn coi công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế, thậm chí Bác còn cho rằng nông nghiệp là chân phải, chân trụ của nền kinh tế. Thậm chí, Người dùng hần từ quê, khắp khiêng để phê phán sự phát triển không đồng bộ giữa công nghiệp và nông nghiệp để lưu ý toàn dân phải chú ý đúng mức đến phát triển nông nghiệp. Trước sau tư tưởng này đều nhất quán.

Thế nhưng, hiện nay việc phát triển công nghiệp - nông nghiệp đúng như phản ánh là đang có sự phát triển thiên lệch. Sở dĩ có điều này, theo tôi trước hết do ảnh hưởng tư tưởng coi trọng công nghiệp hơn nông nghiệp đã ăn sâu trong đời sống và

ý thức của nhiều lãnh đạo địa phương.

Mặt khác, xuất phát từ thực tế thế giới cũng như trong nước cho thấy, việc đầu tư vào công nghiệp đem lại hiệu quả, giá trị kinh tế cao hơn nông nghiệp. Chẳng hạn, ở các nước có nền công nghiệp phát triển như Mỹ, họ chỉ cần bán một chiếc điện thoại iPhone đã thu được cả chục triệu đồng, nó chứa hàm lượng chất xám cao nhưng thời gian, chi phí làm ra sản phẩm đó rất ít.

Ngược lại ở Việt Nam để thu được 10 triệu đồng thì phải xuất khẩu cả tấn gạo (giá trung bình giữa tháng 8), để làm ra 1 tấn gạo để bán phải mất rất nhiều thời gian, công sức của nhiều người... Hay, như Singapore - một nước có nền kinh tế phát triển, thu nhập bình quân đầu người thuộc nhóm cao nhất thế giới. Năm 2006, tỷ trọng công nghiệp trong GDP của họ là 34,8%, dịch vụ là 65,2%, nông nghiệp là 0%.

Ngoài ra, cũng phải nói tới nguyên nhân đó là việc đầu tư vào công nghiệp, dịch vụ cũng có rủi ro nhưng độ rủi ro thấp. Ngược lại, đầu tư vào nông nghiệp bên cạnh giá trị kinh tế thấp còn phải chịu độ rủi ro cao hơn vì nông nghiệp phụ thuộc nhiều vào yếu tố tự nhiên, khí hậu dẫn đến thiên tai dịch bệnh.

- Thưa ông, nếu có sự phát triển thiên lệch như vậy có ngược với quan điểm của Hồ Chí Minh về kinh tế như chúng ta đã nói ở trên không? Cần làm gì để sự thiên lệch này không ảnh hưởng đến sự phát triển chung?

- Tôi không nghĩ như thế. Nghe qua thì việc ưu tiên, chú trọng công nghiệp nhiều hơn so với nông nghiệp như ở nhiều tỉnh thành hiện nay thì có vẻ trái với quan điểm của Hồ Chí Minh về “hai chân của nền kinh tế” nhưng thực chất điều này là sự thống nhất, sự vận dụng linh hoạt tư tưởng Hồ Chí Minh về kinh tế của Đảng ta và các tỉnh thành hiện nay.

Như chúng ta đã biết, mọi quan điểm, tư tưởng đều có hoàn cảnh ra đời, mà thực tiễn thì luôn luôn vận động, thay đổi. Nông nghiệp là một trong hai chân của nền kinh tế, có vị trí ngang hàng với công nghiệp là vì Bác cảm nhận được nỗi khổ, thiếu đói của nhân dân ta dưới thời Pháp, Nhật cai trị.

Sau khi giành được độc lập rồi nhưng nhân dân vẫn đói, vẫn thiếu ăn, thiếu mặc, điều này trái với mong muốn “tốt bậc” của Bác. Mặt khác, Bác thường nói: “Dĩ thực vi tiên” (lấy cái ăn làm đầu) hay “Có thực mới vực được đạo”. Xuất phát từ đó mà quan điểm trên đã ra đời.

Ngày nay, nền kinh tế của đất nước đã từng bước phát triển, nhìn chung, nhân dân ta đã có ăn, có mặc, được học hành. Bây giờ là phải làm thế nào để nâng cao mức sống vật chất và tinh thần cho nhân dân, “làm cho dân giàu, nước mạnh”. Muốn vậy thì chúng ta cần phải coi trọng cả công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ.

Công nghiệp và nông nghiệp vẫn là “hai chân của nền kinh tế” ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, trong đó chúng ta vẫn cần ưu tiên phát triển công nghiệp, dịch vụ bởi đây là các ngành đem lại hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với xu thế của thời đại.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy hai lĩnh vực này có mối quan hệ tác động lẫn nhau, tạo điều kiện cho nhau phát triển nên chúng ta không được quá chú trọng vào công nghiệp mà xem nhẹ nông nghiệp. Để có sự phát triển hài hòa, theo tôi Nhà nước, chính quyền các tỉnh cần phải thực hiện tốt chương trình xây dựng nông thôn mới. Thực hiện được các nội dung chương trình nông thôn mới sẽ góp phần thúc đẩy nền nông nghiệp phát triển.

Hướng tới nền nông nghiệp toàn diện

- Ngoài việc mong có một nền nông nghiệp sản xuất đủ lương thực cho người dân, Bác Hồ còn muốn nền nông nghiệp của nước nhà phải phát triển toàn diện, hiện đại. Thưa ông, phát triển toàn diện trong tư tưởng của Bác là như thế nào?

- Qua các tác phẩm, bài nói và bài viết của Hồ Chí Minh, chúng ta có thể khẳng định một cách ngắn gọn quan niệm của Người về một nền nông nghiệp toàn diện phải là nền nông nghiệp phát triển; đó càng không phải trong một nền kinh tế thuần nông mà là một nền kinh tế bền vững hiện đại, với sự phong phú về ngành nghề, đa dạng hóa về sản phẩm có cơ cấu kinh tế nội bộ ngành hợp lý, cân đối, hài hòa, bổ sung cho nhau cùng phát triển mạnh mẽ, hiệu quả kinh tế cao và bền vững.

Theo Người: “Sản xuất phải toàn diện, sản xuất thóc là chính, đồng thời phải coi trọng hoa màu, cây ăn quả, cây công nghiệp, chăn nuôi, thả cá và nghề phụ”. Người nhắc nhở: “Trung ương thường nói nông nghiệp phải toàn diện. Mình không những cốt gạo, ngô, khoai, sắn, bông mà còn cốt các thứ khác nữa. Cho nên phải toàn diện”.

Hồ Chí Minh đã thẳng thắn phê bình đồng bào Tuyên Quang vì có “khuyết điểm là không toàn diện, không chú trọng đầy đủ về cây công nghiệp và hoa màu”. Người cũng phê bình nhân dân xã Đại Nghĩa (Hà Đông) vì: “Sản xuất chưa toàn diện” vì “xem nhẹ hoa màu và cây công nghiệp”...

- Vậy, theo ông, làm sao phải biến tư tưởng phát triển nông nghiệp toàn diện của Người thành hiện thực trong khi nền nông nghiệp còn manh mún, nhỏ lẻ như hiện nay?

- Vận dụng tư tưởng của Người để phát triển nền nông nghiệp hiện đại, bền vững, trong những năm tới chúng ta phải quan tâm phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, đồng thời phải phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, và dịch vụ ở nông thôn. Riêng về các giải pháp phát triển nền nông nghiệp bền vững, tôi cho rằng hiện nay Đảng, Nhà nước cũng đã có các hoạch định cụ thể. Cá nhân tôi thì cho rằng, cần làm tốt 7 việc sau đây:

Một là, cần xây dựng mới các quy hoạch, chương trình, đề án phát triển nông nghiệp, nông thôn, trong đó tiếp tục xây dựng các chương trình: Chương trình xây dựng nông thôn mới; Chương trình xóa đói, giảm nghèo và kiên cố hóa nhà ở cho hộ chính sách, hộ nghèo; Chương trình nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn... Bên cạnh đó, cần xây dựng các đề án chuyên ngành: Đề án phát triển ngành

trồng trọt; Đề án phát triển ngành chăn nuôi; Đề án bảo vệ phát triển rừng; Đề án nuôi trồng, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; Đề án phát triển ngành muối...

Hai là, phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, đồng thời phát triển mạnh công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.

Ba là, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (đất đai, nguồn nhân lực, nguồn vốn) để phát triển nông nghiệp bền vững; đi đôi với phát triển nhanh, đồng bộ kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, tăng cường năng lực dự báo, phòng, chống giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường.

Bốn là, đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và tăng cường hợp tác quốc tế về khoa học - công nghệ

Năm là, tiếp tục đổi mới và phát triển các doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác; khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.

Sáu là, mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa nông, lâm, thủy sản cho nông dân.

Bảy là, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn; tập trung giải quyết các vấn đề phát sinh, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội và xây dựng nông thôn mới...

Tôi nghĩ, làm tốt 7 vấn đề trên, tin chắc nền nông nghiệp của chúng ta không phát triển toàn diện thì cũng sẽ không gặp nhiều bất cập, khó khăn... như hiện nay.

- Xin cảm ơn ông!

Văn Hoài (thực hiện) - *Danviet.vn*

11. Hồ Chí Minh và những câu chuyện ứng xử ngoại giao

Chủ tịch Hồ Chí Minh không câu nệ về “đổi đẳng chức vụ”, không bị ràng buộc bởi nghi thức ngoại giao mà luôn chủ động, linh hoạt và hết sức chú trọng đến mục tiêu, hiệu quả của công tác đối ngoại. Đúng như lời cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng nhận xét: “Sự ứng xử linh hoạt của Hồ Chí Minh trong giao tiếp ngoại giao đã trở thành những câu chuyện huyền thoại”.

Dù người đối thoại là nguyên thủ quốc gia, lãnh tụ Đảng, chính khách, trí thức hay chỉ là người công nhân, nông dân bình thường, Hồ Chí Minh cũng luôn chủ động trong ứng xử. Sự chủ động đó vừa tự nhiên, bình dị, chân thành vừa ân cần tế nhị, được thể hiện hết sức sinh động và phong phú trong tư thế chủ động, với ngôn ngữ giản dị, ngắn gọn và dễ hiểu, với nụ cười luôn đem lại sự bất ngờ làm xóa nhòa mọi khoảng cách, đem lại hiệu quả cao.

Ông Vũ Đình Huỳnh, nguyên là thư ký của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã nhấn mạnh tới điều này khi kể câu chuyện Bác đối phó với tướng Tiêu Văn của quân đội Tưởng Giới Thạch khi chúng âm mưu thực hiện kế hoạch “Hoa quân nhập Việt” tháng 9/1945: “Bác bước nhanh vào phòng khách của Lãnh sự quán như bước vào

chôn quen thuộc đã từng lui tới nhiều lần... Tiêu Văn đang ngồi, vội đứng lên đón Bác. Hình như những bước đi thoải mái, tự nhiên và nụ cười rộng mở, đầy chân tình của Bác, tất cả nói lên nhiệt tình của người chủ hiếu khách, như thể Bác chờ đợi cuộc gặp gỡ này từ lâu, đã làm cho Tiêu Văn có phản ứng bất giác đó”.

Đồng chí Song Tùng, nguyên Phó trưởng ban đối ngoại Trung ương, người được giao nhiệm vụ phiên dịch cho Bác Hồ trong những ngày Bác sang thăm nước Cộng hòa Dân chủ Đức vào tháng 7/1957, kể: Cuộc hội đàm giữa đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ ta với các vị đại diện nước bạn diễn ra suốt cả ngày 26/7/1957. Do thời gian cách nhau sáu tiếng, 15 giờ chiều ở Berlin thì ở Việt Nam đã 21 giờ đêm, lại phải làm việc căng thẳng nên các đồng chí trong đoàn đại biểu ta ai cũng mệt mỏi và buồn ngủ. Khi phía bạn báo cáo năng suất cao của việc nuôi một loại cá chép lai giống, Bác hỏi: “Các đồng chí có loại cá không có xương không?” “Thưa không. Ở Việt Nam có loại cá không xương hay sao?” Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Otto Grotewohl hỏi với vẻ ngạc nhiên. Bác Hồ của chúng ta nói nghiêm nghị: “Vâng, có” (các thành viên đoàn Việt Nam tỉnh ngủ). “Thưa Chủ tịch, có thể xuất khẩu loại cá ấy cho chúng tôi được không?” Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Otto đề nghị. Bác nghiêm trang trả lời: “Chúng tôi sẵn sàng. Loại cá này ở quê hương đồng chí Song Tùng” rồi Bác kể về câu chuyện “con cá gỗ” của người xứ Nghệ. Các đại biểu được một trận cười thoải mái. Mọi người tỉnh táo hẳn.

Trong cuộc đấu tranh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì nền độc lập của đất nước, tự do của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giao tiếp với nhiều đối thủ. Với các đối tượng này, Người đã ứng xử bằng phong cách của một nhà hoạt động chính trị lão luyện, một nhà ngoại giao từng trải để giành thắng lợi. Nhiều người thường nhắc tới câu chuyện về cách ứng xử của Bác trong lần tới thăm Bộ trưởng Bộ nước Pháp Hải ngoại Marius Moutet năm 1946. Ông ta đi từ trên thang gác xuống đón Bác. Bác đi lên. Moutet giơ tay ra bắt tay, nhưng Bác lại hể hể gãi đi cùng ông ta lên đã, âu yếm cháu trong khi vẫn bước lên. Chỉ khi ở bậc thang ngang với Moutet, Bác mới đưa tay ra. Nếu Bác giơ tay đáp lại ngay thì trong tấm ảnh của các nhà báo chụp phút đó Bác sẽ ở vị thế dưới Moutet, là điều mang ý nghĩa tượng trưng không hay cho ta.

Chính vì tinh tế nên Chủ tịch Hồ Chí Minh rất am hiểu các đối tượng giao tiếp và rất uyên chuyên trong cách giao tiếp: Nếu cần làm thơ thì Người sẽ làm thơ, cần viết văn thì Người sẽ viết văn hoặc vận dụng những áng văn thơ điển hình của dân tộc và nhân loại phù hợp với từng hoàn cảnh giao tiếp. Khi đón Tổng thống Guinea Sekou Toure đến thăm Việt Nam tháng 9/1960, Người mượn ý lấy Kiều để thể hiện tình cảm:

“Bây giờ mới gặp nhau đây

Mà lòng đã chắc những ngày thanh niên”.

Sáng ngày 10/5/1963, tại sân bay Gia Lâm, khi đón Chủ tịch nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa Lưu Thiếu kỳ và Phó Thủ tướng Trần Nghị sang thăm Việt

Nam, Bác cũng đọc thơ và câu thơ khi đó nay đã trở thành câu nói tượng trưng cho quan hệ hai nước: “Mối tình thăm thiết Việt-Hoa, vừa là đồng chí vừa là anh em”.

Tháng 12/1961, đoàn đại biểu quân sự Trung Quốc do Nguyên soái Diệp Kiếm Anh dẫn đầu sang thăm hữu nghị chính thức nước ta. Trong kế hoạch đón tiếp có nội dung đoàn sẽ đến chào Bác ngay sau khi đến Hà Nội. Khi xem kế hoạch, Bác nói: “Hồi trước, khi Bác đi từ Diên An về phương Nam, đồng chí Diệp Kiếm Anh đã từng là đội trưởng và Bác là Bí thư chi bộ. Nay đồng chí ấy đến Việt Nam mà Bác lại đợi đồng chí ấy đến chào chính thức là không thân tình”. Do đó, Bác quyết định là Đại tướng Võ Nguyên Giáp sẽ ra đón đoàn tại sân bay, khi về tới Bắc Bộ phủ đã có Bác. Bác sẽ dự bữa cơm thân mật với đoàn nhưng không công bố trên báo, vì như vậy không tiện về mặt lễ tân. Bởi vì lúc đó, Bác là Chủ tịch nước, còn đồng chí Diệp Kiếm Anh chỉ là một trong 10 nguyên soái của Trung Quốc, chưa phải là Bộ trưởng Bộ Quốc phòng. Nhưng là chỗ thân tình từ trước nên Bác sẽ có mặt ở Bắc Bộ phủ. Đó là một cách xử trí rất tinh tế của Bác về mặt ngoại giao, lại có lý có tình.

Trên cương vị Chủ tịch nước bận trăm công nghìn việc, Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn nghe đài, đọc báo của nước ngoài để nắm vững tình hình, cùng Bộ tham mưu của mình vạch chính sách đối nội, đối ngoại đúng đắn và sáng suốt. Với các nhà báo nước ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn luôn là một người bạn lớn. Những nhà báo quốc tế khi đến Việt Nam đều mong muốn được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng những lời lẽ có lý có tình, thông qua báo chí, những thiện chí của Người và nhân dân Việt Nam đã đến được với nhân dân yêu chuộng hòa bình và tín nghĩa trên thế giới, qua đó họ hiểu và đứng lên đấu tranh ủng hộ cuộc kháng chiến chính nghĩa mà nhân dân Việt Nam đang tiến hành.

Trong chiến khu Việt Bắc, trước ngày chiến thắng Điện Biên Phủ, nhà báo Australia Wilfred Burchett đã gặp Bác Hồ. Ông viết: “Con người mảnh khảnh với chòm râu dài từ trong cánh rừng bước ra, gậy cầm tay, áo vắt vai, không phải ai khác mà chính là Cụ Hồ Chí Minh truyền thuyết. Được người Pháp đưa tin đã chết đến vài chục lần. Cụ vẫn ở đó tay dang rộng, mảnh dẻ, nhưng không thể nào nhầm được. Không thể nào quên được buổi gặp gỡ đầu tiên đó, với vẻ ấm cúng và thông minh trong đôi mắt nâu thăm của Người. Đầu tiên, Cụ Hồ Chí Minh ân cần hỏi thăm về sức khỏe của tôi”.

Phong cách ngoại giao Hồ Chí Minh thể hiện tầm vóc, trí tuệ lớn lao và tình cảm sâu sắc của Người trong những mối quan hệ hết sức đa dạng, phong phú đối với mọi lớp người ở các cương vị và thuộc các dân tộc khác nhau.

ThS. Vũ Kim Yến - *Chinhphu.vn*

12. Bữa cơm giản dị của con người vĩ đại

Phong cách sinh hoạt giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh được đồng bào cả

nước và nhân dân thế giới ngưỡng mộ. Một trong những yếu tố góp phần làm nên phong cách ấy bắt đầu từ điều vô cùng đơn giản của những người bình thường nhất, đó là những bữa ăn của vị Chủ tịch nước.

Một tác giả nước ngoài đã viết: Cuộc sống giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sự gần gũi với nhân dân là đặc trưng cho tình yêu đối với đất nước của một Con Người đã trở thành huyền thoại ngay trong cả cuộc sống đời thường của mình. Một trong những yếu tố góp phần làm nên huyền thoại ấy bắt đầu từ điều vô cùng đơn giản của những người bình thường nhất, đó là những bữa ăn của vị Chủ tịch nước.

Miếng ngon san sẻ

Ngày mới giành chính quyền sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Bác làm việc tại Bắc Bộ phủ trong căn phòng nhỏ trên gác hai. Mỗi tháng, Người được cấp 200 đồng cho việc ăn uống.

Tới giờ ăn, Bác đến ăn tại bếp tập thể cùng mọi người. Bữa ăn của Bác đạm bạc, thường chỉ có vài miếng cá nhỏ, bát canh, mấy quả cà, cọng dưa, dăm lát ớt, mỗi người miện bát cơm...

Kháng chiến bùng nổ, Bác cùng các cơ quan Trung ương và Chính phủ trở lại Việt Bắc. Những năm đầu, đời sống kháng chiến vô cùng kham khổ, Bác vẫn ăn chung với anh em. Bát ăn chỉ là ông bưng چرا ra, thức ăn chủ yếu là măng, rau, cao cấp nhất là thịt chim, sóc săn bắn hoặc đánh bẫy được đem kho mặn với muối để Bác ăn dần. Thi thoảng có con gà bồi dưỡng riêng cho Bác thì Người nói “lộc bất khả tận hưởng” rồi đem chia đều cho mọi người. Món ăn chủ lực của Bác và anh em vẫn là món được chế biến theo “công thức”: 1kg thịt + 1kg muối + 0,5kg ớt, được xào lên và cho vào ống, đi đến đâu dùng cũng tiện.

Có lần, đoàn công tác của Bác đi qua huyện Yên Sơn, ghé vào một cơ sở để ăn trưa. Nhưng khi đến nơi, vì nghe có tiếng máy bay địch nên Bác bảo anh em đưa cơm ra bãi cỏ ở bìa rừng ngồi ăn. Hai đồng chí bảo vệ vào xóm bưng cơm lại mượn thêm chiếc chiếu của gia đình đồng bào ra ngồi.

Lúc đặt mâm cơm xuống, Bác thấy có con gà luộc, đĩa cá và hai bát canh. Thấy thế, Bác không vui: “Các chú không nên mượn chiếu của bà con làm phiền đến dân”. Ngừng một lát, Bác nói tiếp: “Trong khi nhân dân đang thắt lưng buộc bụng kháng chiến, mình ăn cơm thế này là ăn cơm “quan” đấy”.

Nói rồi, Bác chia đôi tất cả các món ăn trên mâm. Bác bảo anh em mang một nửa vào biếu các gia đình nghèo trong xóm. Phần còn lại Bác lại chia đôi: chỉ ăn một nửa, còn một nửa dành cho bữa sau.

Một lần khác đi công tác, mấy Bác cháu được bố trí ăn cơm ở nhà một cơ sở. Đạo đó thiếu thốn nên cơm phải đun nhiều sắn, khoai. Vì thương Bác nên gia đình đã nấu thêm nồi cơm gạo trắng và sắp một mâm riêng.

Khi vào bữa, Bác bưng bát cơm trắng, gấp thêm mấy miếng thức ăn ngon đến mời cụ cố đang ngồi bên bếp lửa gian trong, Bác nói rành rọt: “Cơm này là để dành

cho người già nhất ăn”, rồi Bác lấy bát xới cho mình một bát cơm độn và ngồi cùng ăn với cả nhà.

Lãng phí là có tội với nhân dân

Cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Bác trở về thủ đô Hà Nội và Người ở tạm trong ngôi nhà của một thợ điện, gọi là nhà 54. Bữa ăn hằng ngày của Bác vẫn không cầu kỳ, không cao lương mỹ vị...

Mỗi khi xong bữa, Người tự tay xếp bát đĩa gọn ghẽ để bớt phần công việc cho các đồng chí phục vụ.

Có lần, đồng chí phục vụ đưa lên đĩa cá anh vũ, một loại cá quý thường chỉ có ở ngã ba sông Bạch Hạc, Việt Trì. Bác bảo: “Cá ngon quá, thế mà chú Tô (Thủ tướng Phạm Văn Đồng) lại đi vắng! Thôi, các chú để đến chiều đồng chí Tô về cùng thưởng thức”. Thấy Bác khen, anh em gửi tiếp cá đến, nhưng khi vẫn thấy món cá hôm trước, Bác không hài lòng: “Bác có phải là vua đâu mà phải cung với tiến”, rồi kiên quyết bắt mang đi, không ăn nữa.

Năm 1957, Bác sang thăm một số nước Đông Âu. Sau buổi tiệc do Đại sứ quán Việt Nam tổ chức để Bác chiêu đãi các vị lãnh đạo Ba Lan, Bác hài lòng khen anh em tổ chức tiết kiệm và trang trọng, các món ăn không thừa, không thiếu, Người nói: “Ăn uống lãng phí, Bác xót xa lắm, vì đây là tiền bạc của Nhà nước, của nhân dân. Bà con ta ở trong nước làm đồ mồ hôi, sôi nước mắt, mới có miếng mà ăn. Vì vậy để lãng phí, xa hoa là có tội với nhân dân”.

Từ tháng 5/1958, Bác chuyển sang ở nhà sàn, nhưng hằng ngày, đúng giờ quy định, Người trở về dùng bữa tại nhà ăn phía bên kia bờ ao, cơm nước xong, Người lại đi bộ trở về nhà sàn, dù hôm ấy mưa to, gió lớn.

Thủ tướng Phạm Văn Đồng là người được vinh dự dùng cơm với Bác nhiều lần nhất. Ông từng kể lại rằng bữa ăn nào Bác cũng ăn tiết kiệm, vừa đủ, không bỏ món thừa, không vương vãi một hạt cơm. Bác thích ăn những món dân dã như vó bò, cà dầm tương, mắm, canh cua với rau chuối thái ghém hoặc dọc mùng.

Những hôm mời khách ăn cơm, bao giờ Bác cũng báo trước cho đồng chí cấp dưỡng biết để chuẩn bị và số tiền đãi khách đó được trừ vào tiền lương của Bác, không bao giờ Người dùng tiền công quỹ. Bác thường mời cơm thân mật một số đồng chí trong Bộ Chính trị, đôi khi cả gia đình một số đồng chí trong Trung ương, cán bộ, các anh hùng dũng sĩ miền Nam ra báo cáo công tác hoặc chữa bệnh. Những lần tiếp khách như vậy, bao giờ Người cũng nhắc các đồng chí phục vụ nấu những món ăn phù hợp khẩu vị của khách để anh em ngon miệng.

Chiều ngày 1/8/1969, Bác mời cơm vị khách cuối cùng là đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phó Bí thư Trung ương Cục miền Nam ra Hà Nội báo cáo tình hình với Người.

Phong cách sinh hoạt đời thường của Bác Hồ tạo nên nét thanh cao trong nhân cách của Con người Việt Nam vĩ đại mà giải dị - Hồ Chí Minh. Với mỗi chúng ta,

cuộc đời của Hồ Chủ tịch trong như ánh sáng, là tấm gương tuyệt vời về chí khí cách mạng kiên cường, tinh thần độc lập tự chủ, lòng nhân đạo và yêu mến nhân dân thấm thiết, đạo đức chí công vô tư, tác phong khiêm tốn, giản dị.

Đỗ Hoàng Linh (Phó Giám đốc Khu Di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh) -
Ditichhochiminhphuchutich.gov.vn

13. Ngôi nhà đơn sơ của một tâm hồn vĩ đại

Nằm trong quần thể Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, ngôi nhà sàn là di tích trung tâm và cũng là di tích để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong lòng đồng bào, chiến sĩ cả nước và bạn bè quốc tế.

Sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi, miền Bắc giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Trung ương Đảng trở lại Thủ đô. Người đến sống và làm việc ở khu vực Phủ Toàn quyền cũ.

Lúc này, nền kinh tế đất nước còn vô cùng nghèo nàn, đời sống nhân dân còn hết sức khó khăn, lại phải khắc phục hậu quả do chiến tranh để lại, nên dù ở cương vị cao nhất của Đảng và Nhà nước nhưng Bác không muốn có mức sống cách biệt so với mức sống của đa số nhân dân.

Vì vậy Người đã từ chối đến ở trong dinh thự của Toàn quyền Đông Dương cũ và chọn căn nhà nhỏ của người thợ điện, nay là di tích nhà 54.

Để đảm bảo cho sức khỏe của Bác và thuận tiện cho những nghi lễ ngoại giao, các đồng chí trong Trung ương đã đề nghị xây dựng cho Người một ngôi nhà khác.

Từ ý kiến của Trung ương, Người đồng ý xây dựng một ngôi nhà theo kiểu nhà sàn của đồng bào dân tộc Việt Bắc. Ngôi nhà sàn hoàn thành vào dịp kỷ niệm 68 năm Ngày sinh của Người (17/5/1958).

Nhà làm bằng gỗ thường, mái lợp ngói, nhìn ra hồ nước theo hướng Đông Nam. Phía trước nhà là một vườn hoa nhỏ và hàng rào râm bụt giống những ngôi nhà nơi làng quê. Tầng dưới không thưng vách mà chỉ treo màn tre cho thoáng mát. Bên xây xung quanh làm ghế ngồi cho các cháu thiếu nhi, đặt cạnh đó là bể cá vàng nhỏ. Ở giữa phòng kê một bộ bàn ghế lớn dùng làm nơi họp Bộ Chính trị, làm việc với các cán bộ đầu ngành, tiếp đồng chí, bạn bè. Tầng trên có hai phòng nhỏ: phòng ngủ và phòng làm việc, chiếc giá sách đặt ở giữa làm vách ngăn 2 phòng. Dù được xây dựng ở giữa Thủ đô Hà Nội, song đứng trước ngôi nhà sàn Bác Hồ, mỗi người đều thấy ở đây bóng dáng những nếp nhà sàn của đồng bào nơi chiến khu.

Hình ảnh ngôi nhà sàn Bác Hồ trong câu chuyện kể của kiến trúc sư Nguyễn Văn Ninh và những người được vinh dự thi công, trong hồi ký của các đồng chí trong Bộ Chính trị, những vị khách quý từng được Bác Hồ tiếp tại nhà sàn, cũng như trong tâm trí mỗi người dân Việt Nam.

Sinh thời, Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng nói căn nhà nhỏ nhỏ đó luôn luôn

lộng gió và ánh sáng, phảng phất hương thơm của hoa vườn, một đời sống như vậy thanh bạch và tao nhã biết bao.

Ngôi nhà sàn của Người trong khuôn viên Phủ Chủ tịch đúng nghĩa “một cái nhà nho nhỏ” giữa non xanh nước biếc, ở đó “không dính líu gì với vòng danh lợi”, rất giản dị, tiết kiệm nhưng không tuềnh toàng mà vẫn rất thanh tao như nơi Nguyễn Trãi ở Côn Sơn thuở nào.

Nhà thơ Cuba Felix Pita Rodriguez khi đứng trước ngôi nhà sàn không mấy may dẫu vết của quyền lực, của cái, không cảm thấy xa lạ mà còn thấy rất đối thân quen, gần gũi, ông nhận xét: “Người chỉ sử dụng cho mình những gì tối cần thiết, chứ không phải là bất cứ cái gì cần thiết. Chiếc giường, tủ quần áo, chiếc bàn, chiếc ghế, cái giá sách. Những thứ cần cho công việc và nghỉ ngơi để lấy lại sức làm việc. Chỉ có thế thôi, không gì hơn nữa. Đó cũng chính là phong cách sinh hoạt của Hồ Chí Minh mà ở đó nhiều nét đã trở thành huyền thoại, không chỉ đối với nhân dân Việt Nam mà còn đối với cả thế giới.

Sống trong ngôi nhà sàn đơn sơ là một người với phong thái ung dung, tự tại, lúc làm việc cũng như khi tiếp khách, cách ứng xử tự nhiên, bình dị, chân tình, cởi mở, nhưng cũng rất chuẩn mực, tất cả toả ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai”.

Nhà báo Australia Wilfred Burchett đã có lần kể lại: “Khi tôi hỏi Người: Văn phòng của Chủ tịch ở đâu? Câu trả lời của Bác làm cho tôi kinh ngạc: Lúc nào trời tạnh thì ở ngoài hiên, khi nào trời mưa thì ở trong buồng ngủ”. Đó là phong cách sống của một danh nhân văn hóa, mang nét đặc trưng của tâm hồn người Việt. Từng đi rất nhiều nơi, đồng cảm cùng nhiều thân phận con người và cũng từng sống trong nhiều “kiểu nhà”, việc Người chọn kiểu nhà sàn làm nơi ở và làm việc khi đã là một nguyên thủ quốc gia, không đơn thuần chỉ là để gợi nhớ về những kỷ niệm mà đó còn là một ứng xử đặc sắc văn hóa với thiên nhiên và với con người của Hồ Chí Minh. Những ai đã từng một lần đến thăm ngôi nhà sàn của Người, đều có cảm nhận rằng Hồ Chí Minh từ chối chốn xa hoa, chọn nơi ở giản dị là để hòa đồng với cuộc sống của nhân dân mình, với thiên nhiên của Tổ quốc mình.

Ngôi nhà sàn trong khu Phủ Chủ tịch, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh sống và làm việc trong 11 năm cuối cuộc đời cùng với những dấu ấn kỷ niệm Người để lại là biểu trưng sinh động cho phong cách sống thanh tao, khiêm tốn, yêu lao động, không ham danh lợi, đạt đến độ mẫu mực, cảm hóa được tình cảm của mọi con người.

Phạm Hoàng Điệp - *Chinhphu.vn*

14. Chuyện về vị ân nhân của Bác Hồ qua lời kể của người phiên dịch

Trong những năm bôn ba hoạt động cách mạng, Bác Hồ đã gặp muôn vàn gian lao, nguy hiểm; mấy lần bị tù đầy, bị toà án thực dân Pháp kết án tử hình vắng mặt vào năm 1929 theo phán quyết số 115 ngày 10/10/1929 của Toà án Vinh (Nghệ An). Song với bản lĩnh vững vàng, sự thông thái và cẩn trọng; cộng với sự trợ giúp của lương tri và chính nghĩa, Người đã vượt qua mọi gian nguy, tiếp tục lãnh đạo cách mạng Việt Nam đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác.

Tháng 6/1931, Bác Hồ đang hoạt động tại Hồng Kông với tên gọi Tống Văn Sơ, thì bị cảnh sát Hồng Kông bắt giữ. Đây không phải là một vụ bắt bớ ngẫu nhiên mà là sự phối hợp giữa mật thám Pháp tại Đông Dương và cảnh sát Hồng Kông, sau khi bắt được một người Pháp có tên Lefranc (Lơphơrăng), là cán bộ Thanh tra của Quốc tế Cộng sản đang hoạt động tại Singapore và Đông Dương. Lefranc được Quốc tế Cộng sản cử theo dõi, giúp đỡ Đảng Cộng sản Đông Dương khi đó đang gặp rất nhiều khó khăn do sự đàn áp đẫm máu của chính quyền thực dân Pháp những năm 1930-1931. Cảnh sát thu được một bức thư tiếng Pháp viết bằng mực hóa học của Lefranc gửi cho T.V Wong, tức Nguyễn Ái Quốc ở số nhà 186 phố Tam Lung, Cửu Long, Hồng Kông.

Từ bức thư này, tung tích của Nguyễn Ái Quốc bị lộ và 4 ngày sau khi Lefranc bị bắt tại Singapore (2/6), cảnh sát Hồng Kông đã bắt được Nguyễn Ái Quốc tại địa chỉ trên vào ngày 6/6/1931. Vụ bắt giữ Tống Văn Sơ được cảnh sát Hồng Kông tiến hành bí mật, với âm mưu nhanh chóng trục xuất Tống Văn Sơ về Đông Dương, theo đúng kế hoạch của mật thám Pháp để thực hiện bản án tử hình đã tuyên năm 1929.

Nhà cầm quyền thực dân Pháp tại Đông Dương rất vui mừng trước tin đã bắt được Nguyễn Ái Quốc và nóng lòng chờ đợi chiếc tàu buôn Pháp từ Hồng Kông trở về mang theo nhà cách mạng lừng danh, dự kiến cuối tháng 9/1931 sẽ cập bến Nhà Rồng (Sài Gòn) - nơi mà đúng 20 năm trước, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã lên chiếc tàu Amiral Latouche Treville ra đi tìm đường cứu nước (5/6/1911).

Nằm trong âm mưu dẫn độ Nguyễn Ái Quốc về Đông Dương để thi hành án tử hình, nhà cầm quyền Pháp dùng mọi thủ đoạn để vận động Chính phủ Anh và Hội đồng Hành pháp Hồng Kông sớm trục xuất Nguyễn Ái Quốc. Ngày 26/6/1931, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Pháp chỉ đạo Đại sứ Pháp tại London: “Tôi đề nghị ông can thiệp khẩn cấp với chính quyền Anh. Ông hãy chỉ ra rằng, kẻ phiến loạn này nguy hiểm đối với tất cả các thuộc địa của châu Âu ở Viễn Đông và hoạt động của ông ta mở rộng đến tận Singapore, sang cả vùng Ấn Độ...”.

Về phần mình, Nguyễn Ái Quốc nhận thức mình đang ở trong một tình thế cực kỳ nguy hiểm. Người nhớ lại: “Khi bị bắt giam, trong tâm trạng chỉ có một điều là lo, không phải lo cho số phận mình sau này sẽ ra sao, vì sẵn biết kết quả cuối cùng chỉ có thể: hoặc sẽ bị bọn thực dân thủ tiêu; hoặc sẽ thoát khỏi xiềng xích, trở lại hoạt động cách mạng. Lo là lo những công việc mình làm chưa xong, ai sẽ tiếp tục

làm thay? Ít nhiều kinh nghiệm của mình đã gom góp được, làm thế nào để truyền lại cho đồng chí khác? Những mối manh và những địa điểm chỉ có mình biết từ nay ai sẽ xây dựng lại?... Trong cái rủi cũng có cái may: Bác vào nhà giam vài hôm thì đồng chí Hồ Tùng Mậu được ra tù để rồi bị bắt về nước.

Đồng chí Mậu báo tin Bác bị bắt cho Công ty Luật sư Russ (của người Anh), giám đốc Công ty Russ là luật sư Loseby vào nhà giam gặp Bác và nói ông sẽ ra sức cãi hộ Bác. Bác nói: “Tôi không có tiền trả cho ông đâu”. Ông Loseby: “Tôi biết ông là nhà cách mạng Việt Nam, tôi cãi hộ ông là vì danh dự chứ không nhất thiết chỉ vì tiền”. Từ đó, ông bà Loseby hết lòng giúp đỡ Bác về mặt án kiện cũng như về đời sống trong tù”.

Với sự giúp đỡ tận tình của luật sư Loseby và dư luận tiến bộ, cùng với sự ủng hộ thông minh của Tổng Văn Sơ, âm mưu của mật thám Pháp và cảnh sát Hồng Kông đã thất bại. Trải qua 9 phiên tòa xét xử, kể cả việc kháng án lên Hội đồng Cơ mật Hoàng gia Anh, Tòa án đã không thể khép Tổng Văn Sơ vào một tội danh nào và buộc phải trả tự do cho Người sau 20 tháng bị tù đầy (từ tháng 6/1931 đến tháng 1/1933). Buổi chiều ngày 22/1/1933, Nguyễn Ái Quốc bí mật cùng người thư ký riêng của luật sư Loseby rời khỏi Hồng Kông bằng chiếc thuyền riêng của Thống đốc Hồng Kông, ra khơi và lên chiếc tàu Anhui đi Hạ Môn. Sau đó Người đi Thượng Hải rồi sang Liên Xô...

Gần 30 năm sau khi thoát khỏi nhà tù Hồng Kông, mùa xuân năm 1960, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã mời gia đình luật sư Loseby thăm Việt Nam với tư cách là khách mời đặc biệt của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước đó nhiều năm, dịp lễ Noel, năm mới nào gia đình Loseby cũng nhận được thiệp chúc mừng và quà của Tổng Văn Sơ - Hồ Chí Minh.

Tháng 5/2013, nhân kết thúc chuyến công tác ra Trường Sa, tôi đến thăm bà Nguyễn Thị Cúc, một vị lão thành cách mạng, hiện trú tại phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh. Bà Nguyễn Thị Cúc và ông Trịnh Ngọc Thái (nguyên Đại sứ nước ta tại Pháp) là người phiên dịch cho gia đình luật sư Francis Henry Loseby trong chuyến thăm Việt Nam năm 1960.

Theo hồi ức của hai người phiên dịch, họ được Bác trực tiếp giao nhiệm vụ phiên dịch cho gia đình vị ân nhân. Ngày 26/1/1960 (28 Tết Nguyên đán Canh Tý), Bác thân hành sang sân bay Gia Lâm đón khách. Bác ngồi trong phòng khách, còn ông Cao Hồng Lãnh (Phó Ban đối ngoại Trung ương Đảng), ông Vũ Kỳ (Thư ký của Bác), ông Thái và bà Cúc, cùng một số người khác ra tận chân cầu thang máy bay đón gia đình luật sư Loseby. Khi họ đưa gia đình luật sư vào phòng khách, Bác đã đứng đợi từ lúc nào, Người xúc động ôm thăm thiết luật sư Loseby sau gần 30 năm xa cách; nhìn hai mái đầu bạc kề sát bên nhau, mọi người đều không khỏi trào nước mắt. Ông bà Loseby và con gái là Patisia (thường gọi là cô Pát) cũng rất xúc động trước sự đón tiếp nồng nhiệt của phía chủ nhà...

Trong chuyến thăm Việt Nam (từ ngày 26/1 đến ngày 3/2/1960), gia đình luật

sư Loseby đã được đón một cái Tết đặc sắc của dân tộc Việt Nam và có nhiều hoạt động ý nghĩa: thăm các nhà máy, trường học, Vịnh Hạ Long, các danh lam thắng cảnh của Hà Nội...

Và giờ phút chia tay đầy lưu luyến được bà Cúc ghi lại: Bác Hồ tiễn gia đình luật sư Loseby đến tận sân bay Gia Lâm. Trong khi chờ máy bay cất cánh, Bác cùng ông bà Loseby và cô Pát ngồi uống trà, nói chuyện vui vẻ. Bác thân mật vỗ nhẹ vào vai cô Pát: “Bao giờ có đám cưới, cháu Pát nhớ cho Bác hay nhé!”. Tiếc rằng, sau khi ông bà Loseby mất tại Hồng Kông, cô Pát trở về London và sống độc thân suốt đời. Cô Pát mang theo tất cả những kỷ vật của gia đình với Bác Hồ. Trước lúc mất, cô Pát đã nhờ người cháu của luật sư Loseby tặng lại các kỷ vật đó cho Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Trần Duy Hiền - *Cand.com.vn*

15. Bác Hồ với những mùa Xuân lịch sử của dân tộc

Mùa Xuân luôn khiến ta cảm thấy tràn trề nhựa sống, thiên nhiên, vạn vật dường như cũng sinh sôi nảy nở hơn vào mùa Xuân. Với dân tộc ta, mùa Xuân không chỉ thể hiện cho sự giao mùa, sự kết thúc của một năm cũ bước sang năm mới mà mùa Xuân còn gắn với nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc. Kể từ mùa Xuân đầu tiên nhân dân ta có Đảng, ngày 3/2/1930 đến nay, đã có rất nhiều sự kiện lịch sử quan trọng của dân tộc ta diễn ra.

Từ mùa Xuân Canh Ngọ năm 1930, nhận được liên lạc của Quốc tế Cộng sản, Bác Hồ của chúng ta sau khi bàn bạc với các đồng chí của mình, đã quyết định tổ chức Hội nghị hợp nhất các Đảng Cộng sản Việt Nam từ ngày 3 đến ngày 7/2/1930 (trùng với ngày 6 đến ngày 8/1 Âm lịch) tại Cửu Long (Trung Quốc). Ngày cuối cùng của Hội nghị, Người xúc động nói: “Các đồng chí! Hôm nay là ngày lịch sử của chúng ta. Lênin vĩ đại đã nói: Chỉ Đảng nào có được một lý luận tiên phong, mới có khả năng làm tròn vai trò chiến sĩ tiên phong. Bây giờ chúng ta đã có một Đảng như thế rồi - Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam. Nhân dân ta từ xưa đã có truyền thống anh dũng, nhưng suốt những năm ấy nhân dân ta lại thiếu những người cầm lái sáng suốt. Giờ đây, Đảng của chúng ta phải gánh lấy vai trò này và tôi tin rằng Đảng ta phải dẫn dắt nhân dân ta đến thắng lợi trong cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu”. Đúng như vậy, từ mùa Xuân năm 1930 cách mạng Việt Nam có Cương lĩnh đúng đắn do Bác Hồ khởi thảo, được Đảng không ngừng hoàn thiện, đời sống chính trị, tinh thần, khí thế đấu tranh cách mạng của toàn dân ta đã chuyển qua một giai đoạn mới, đưa con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua giông bão đi tới bến vinh quang.

Sau gần 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, mùa Xuân năm 1941, Bác Hồ đã trở về Cao Bằng - mảnh đất địa đầu của Tổ quốc, cùng Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc với bản Nghị quyết lịch sử của Hội nghị

Trung ương VIII. Những công việc đầu tiên của Người là chỉ đạo Đảng ta thành lập Mặt trận Việt Minh, tập hợp lực lượng toàn dân đứng lên để “đem sức ta mà giải phóng cho ta”; tổ chức xây dựng căn cứ địa cách mạng làm nơi đứng chân để xây dựng lực lượng, tích lũy lương thực, súng đạn, chuẩn bị tiền đề vật chất cho tổng khởi nghĩa cách mạng giành chính quyền. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ và sự đồng lòng đồng sức của nhân dân, Tổng khởi nghĩa đã thành công. Sự thành công của Cách mạng tháng Tám đã mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc ta: Kỷ nguyên của độc lập, tự do, hạnh phúc. Xuân Bính Tuất năm 1946 là mùa Xuân độc lập đầu tiên của dân tộc và cũng là lần đầu tiên cả nước ta được nghe Thơ chúc Tết của Bác Hồ vào giao thừa năm 1946. Mọi người vẫn còn nhớ lời Bác nhắn gửi các chiến sĩ:

“Bao giờ kháng chiến thành công
Chúng ta cùng uống một chung rượu đào”.

và chúc Tết toàn thể đồng bào:

“Trong năm Bính Tuất mới
Muôn việc đều tiến tới
Kiến quốc mau thành công
Kháng chiến mau thắng lợi
Việt Nam độc lập muôn năm”.

Trong bài *Mừng báo Quốc gia*, nhân Tết độc lập đầu tiên, Người đã chúc:

“Tết này mới thật Tết dân ta
Mấy chữ chào mừng báo Quốc gia
Độc lập đầy vơi ba cốc rượu
Tự do vàng đỏ một rừng hoa
Muôn nhà chào đón Xuân dân chủ
Cả nước vui chung phúc cộng hòa”.

Lời chúc của Bác thật đơn sơ, mộc mạc nhưng thấm đẫm nghĩa tình với triết lý “Tết này mới thật Tết dân ta”, chỉ một câu này thôi đã đủ cho ta thấy được ý nghĩa lớn lao của cái Tết độc lập đầu tiên của dân tộc. Vì từ xưa đến nay nhân dân ta chưa bao giờ được làm chủ mình, mà trước thì phải nghe lời vua quan, sau thì phải nghe lời thực dân cướp nước, luôn phải sống cuộc sống một cổ hai tròng. Chỉ từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, dân ta mới biết thế nào là tự do, bình đẳng, bác ái.

Sau mùa Xuân độc lập đầu tiên của dân tộc, mùa Xuân Bính Tuất năm 1946, cả dân tộc ta bước vào cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp. Trong giai đoạn trường kỳ kháng chiến này vào mỗi độ Xuân về Bác vẫn luôn làm thơ chúc Tết đồng bào cả nước. Những vần thơ chúc Tết, chào đón mùa Xuân của Bác luôn

gieo vào lòng mọi người niềm tin thắng lợi của ngày mai. Đó cũng là biểu hiện của tinh thần lạc quan cách mạng của người cộng sản. Khi cách mạng gặp khó khăn hay khi gần thắng lợi, Bác luôn thể hiện một niềm tin mãnh liệt vào tương lai. Vào những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, Bác đã nói:

“Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi
Thống nhất độc lập nhất định thành công”.

Chiến dịch Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” cũng bắt đầu từ những ngày đầu mùa Xuân năm 1954. Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã mở đầu cho sự sụp đổ hoàn toàn của hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân trên phạm vi toàn thế giới, chấm dứt gần một trăm năm đô hộ của thực dân Pháp trên đất nước ta. Miền Bắc bước vào thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm hậu phương lớn cho cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước lâu dài và vô cùng gian khổ, dân tộc ta đã có biết bao chiến công hiển hách được ghi dấu ấn lịch sử từ những mùa Xuân. Mở đầu cho những chiến công to lớn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đó là Phong trào Đồng khởi của quân và dân Bến Tre vào mùa Xuân năm 1960, tạo một bước phát triển mới quan trọng của cách mạng miền Nam. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân năm 1968 tạo tiếng vang lớn làm đau đầu cả Lầu Năm Góc, báo hiệu sự sụp đổ không thể nào tránh khỏi của quân xâm lược Mỹ và bè lũ tay sai.

Vào giao thừa Mậu Thân chuyển sang Kỷ Dậu (tháng 2/1969), đồng bào và chiến sĩ cả nước quây quần bên nhau chăm chú lắng nghe bài thơ chúc Tết của Bác Hồ truyền qua làn sóng của Đài Tiếng nói Việt Nam:

“Năm qua, thắng lợi vẻ vang,
Năm nay, tiền tuyến chắc càng thắng to!
Vì độc lập, vì tự do,
Đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào.
Tiến lên! Chiến sĩ, đồng bào,
Bắc Nam sum họp, Xuân nào vui hơn!”.

Đây cũng là lần cuối cùng đồng bào cả nước được nghe thơ của Bác, lời của Người thể hiện một ý chí sắt thép, một nghị lực phi thường. Lời thơ *Xuân* như hịch truyền cổ vũ cuộc đấu tranh cách mạng ngoan cường mà Hồ Chí Minh là ngọn cờ, là hồn thiêng sông núi.

Từ đó, hằng năm đến giao thừa, ta không còn có cái hạnh phúc được nghe giọng ấm cúng của Bác đọc thơ Xuân mới nữa, nhưng âm vang hào hùng và sâu lắng trong những bài thơ Xuân của Bác vẫn còn rung động lòng ta mãnh liệt. Theo những lời thơ chúc Tết của Bác và cũng là những mệnh lệnh, sự tiên đoán thần kỳ,

để rồi cuộc tiến công chiến lược mùa Xuân năm 1972, đặc biệt là Chiến dịch “Điện Biên Phủ trên không” cuối năm đó đã làm sụp đổ hoàn toàn uy lực của không lực Hoa Kỳ, buộc chúng phải ký Hiệp định Pa-ri rút quân về nước ngày 27/1/1973. Và cuối cùng là cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 mà đỉnh cao là chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, giải phóng hoàn toàn miền Nam, kết thúc vẻ vang ba mươi năm chiến tranh giải phóng giành độc lập, thống nhất Tổ quốc, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội. Chiến thắng vĩ đại của dân tộc ta dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng trong mùa Xuân năm 1975 như một điểm hẹn lịch sử, là sự kết tinh của đường lối cách mạng giải phóng dân tộc đúng đắn, theo tư tưởng Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”.

Đã trải qua 84 năm, qua nhiều thăng trầm của lịch sử nhưng mỗi năm Tết đến, Xuân về, toàn dân tộc ta vẫn rộn ràng niềm vui, niềm tự hào: “Mừng Đảng, mừng Xuân”. Với mùa Xuân mới, mỗi cán bộ, đảng viên, người dân của dân tộc Việt Nam anh hùng luôn nguyện sống, chiến đấu, lao động và học tập theo gương Bác Hồ vĩ đại, phấn đấu thực hiện thành công mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”, sánh vai với các cường quốc năm châu như mong ước của Người.

Kim Yến - *Bqlang.gov.vn*

16. Tình yêu Bác Hồ dành cho những khúc dân ca

Đã có nhiều công trình nghiên cứu, nhiều bài báo, lời ca, câu chuyện... ngợi ca vẻ đẹp con người Hồ Chí Minh - đó là vẻ đẹp của sự hoàn mỹ nhưng không xa lạ, vĩ đại mà gần gũi thân thương, toả sáng mà ấm áp hiền hòa. Bản thân Người, cuộc đời của Người là nguồn đề tài bất tận cho tất thảy những ai khao khát mong muốn cái đẹp “gieo mầm cho sự sống”. Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đã khiến cho mỗi chúng ta biết dừng lại trong nhịp sống hối hả của cơ chế thị trường để tự soi mình vào tấm gương đạo đức Bác Hồ, tự gột rửa mình, làm cho mình sống tốt đẹp hơn lên, có ích cho gia đình và xã hội hơn. Và trước muôn vàn câu chuyện kể về Người, trái tim tôi lại trào lên xúc cảm trước những phút giây cuối cùng trong cuộc đời Bác - đó là câu chuyện về tình yêu của Người dành cho những khúc hát dân ca.

Vào buổi sáng ngày 2/9/1969, đây là buổi sáng cuối cùng trong cuộc đời 79 mùa xuân của Bác. Bởi sau 9 giờ sáng hôm ấy Người thực sự bước vào “cuộc trường chinh nhẹ cánh bay”, để lại cho nhân dân Việt Nam và nhân dân thế giới một niềm đau thương, mất mát không thể nào diễn tả nổi bằng mọi ngôn từ.

Không gian của câu chuyện cũng chỉ thu nhỏ trong căn nhà A67. Căn phòng này cách ngôi nhà sàn của Bác chỉ vài chục bước chân. Trước đó, theo lời đề nghị của bác sỹ, để tiện cho việc theo dõi, chăm sóc sức khỏe của Người, ngày 18/8/1969, các đồng chí trong Bộ Chính trị và những đồng chí trực tiếp chăm sóc

Bác đã chuyển Bác xuống ở căn phòng này.

Sau gần 20 ngày chống chọi với bệnh tật, Bác đã yếu lắm. Nhưng hể tinh lại là ngay lập tức, Người hỏi thăm tình hình chiến đấu ở miền Nam, tình hình lũ lụt ở miền Bắc. Người còn dặn các đồng chí trong Bộ Chính trị phải làm sao tổ chức ngày lễ Quốc khánh thật long trọng để nhân dân vui, phải bắn pháo hoa cho nhân dân phấn khởi. Trong những giây phút cuối cùng, đứng giữa ranh giới mong manh của sự sống và cái chết, đối diện với quy luật nghiệt ngã của sự tồn vong Bác vẫn luôn nghĩ cho đồng bào, cho đất nước mà “nâng niu tất cả chỉ quên mình”. Nằm trên giường bệnh, sáng 2/9, lúc này Người đã rất mệt, mong muốn cuối cùng của Người là được gặp và thăm đồng bào miền Nam không thực hiện được, hơi thở của người mỗi lúc một yếu dần. Các đồng chí trong Bộ Chính trị và các bác sỹ không ai nỡ rời xa Người dù chỉ là một phút. Lần đầu tiên tỉnh lại sau cơn đau, Người nhìn xung quanh rồi hỏi:

- Trong các chú có ai biết hò Huế không?

Mọi người lúng túng nhìn nhau, quả là một tình huống không ai chuẩn bị trước. Thường ngày, Người vẫn thường nói “miền Nam luôn ở trong trái tim tôi”, thêm vào đó Huế vốn là mảnh đất gắn bó cùng Người suốt một thời gian dài tuổi thơ. Giờ đây, trong những phút cuối cùng, có lẽ Người mong muốn mang hình ảnh miền Nam yêu thương, hình ảnh núi Ngự, sông Hương với những kỷ niệm buồn đau theo mình vào cõi vĩnh hằng bất tử. Nỗi niềm ấy của người dường như ai cũng thấu hiểu, nhưng tìm nghệ sỹ hò Huế lúc này thật khó.

Lần thứ hai tỉnh lại, Người lại hỏi. Lúc này giọng người đã yếu hơn nhiều:

- Trong các chú, ai có thể hát cho Bác nghe một làn điệu ví dặm Nghệ Tĩnh được không?

Thêm một lần nữa sự im lặng và bối rối bao trùm căn phòng. Câu ví dặm câu hát dân ca xứ Nghệ đã bao bọc và nuôi dưỡng tâm hồn Người từ thừa lọt lòng. Người lớn lên và đi ra thế giới từ chiếc nôi văn hóa quê hương mặn mòi tình nghĩa ấy. Trước giây phút sắp biệt li Người khao khát được nghe, được sống trong hơi ấm quê hương.

Lần thứ ba tỉnh lại, Người ngỏ ý muốn nghe một khúc dân ca quan họ Bắc Ninh, lần này thật may mắn khi cô y tá bé nhỏ Ngô Thị Oanh tiến lại gần Bác: “Thưa Bác, cháu xin hát cho Bác nghe ạ”. Với chất giọng trong trẻo của người con gái Vĩnh Phúc, chị cất lời hát *Người ở đừng về...* Căn phòng nhỏ chìm trong tiếng hát. Tiếng hát hay tiếng lòng! Không ai phân biệt được. Chỉ biết rằng lời quan họ sâu lắng, tha thiết quá. “Người ơi, người ở đừng về. Mà người ơi, người ở đừng về” đã nói hộ lòng người. Cô y tá càng hát càng nện ngào, những người xung quanh không ai cầm được nước mắt. 9 giờ 47 phút ngày 2/9/1969 trái tim vĩ đại của Bác Hồ đã ngừng đập, để lại muôn vàn tình thương yêu cho đồng bào cả nước. Sinh ra và lớn lên từ trong câu hát dân ca, từ điệu ví dặm âu ơ ngọt ngào đậm thấm của mẹ, cuối cùng Người thanh thản nhẹ nhàng bước vào cuộc trường sinh bằng âm hưởng

tiếng hát dân ca.

Sau này, trong một bài báo tôi còn được biết chị Ngô Thị Oanh, cô y tá viện quân y 108, người hát khúc hát dân ca *Người ở đừng về* vào những giây phút cuối cùng của cuộc đời Bác kể lại: Sau khi chị hát xong, Bác Hồ nhìn chị, chị cảm giác như Bác đang mỉm cười. Người còn bảo lấy bông hoa hồng bạch trên bàn mang tặng chị. Cỡ chỉ nhỏ mà ý nghĩa thật to lớn. Cho đến phút cuối đời, quên cả nỗi đau đang vò xé, Người vẫn dành trọn niềm yêu thương, sự quan tâm đặc biệt cho mỗi người, đặc biệt là phụ nữ. Và bông hoa hồng nhỏ bé ấy chị đã ép khô để luôn giữ và xem nó là vật kỷ niệm thiêng liêng theo chị suốt cả cuộc đời:

“Giấu mình đi Người chẳng làm phiền ai cả

Dép một đôi, áo quần vài bộ

Chỉ có trái tim bao la là tất cả gia tài”.

Câu chuyện giản dị mà sâu sắc như biết bao câu chuyện kể về Người. Từ những tình tiết của câu chuyện ta nhận thấy ở Người một tình yêu lớn bao la và đặc biệt. Người không chỉ yêu cuộc sống, yêu con người, không những chẳng làm đau một chiếc lá trên cành, thích sống hòa đồng với thiên nhiên, cỏ cây hoa lá mà Người còn yêu biết mấy những khúc hát dân ca.

Người thêm nghe một câu hò Huế, một làn điệu ví dặm hay một khúc quan họ đâu phải chỉ là nghe hát mà chính là để mang cả hình ảnh quê hương xứ sở, hình ảnh miền Nam yêu thương vào cuộc trường sinh. Cả cuộc đời người sống cho nhân dân, cho dân tộc, không gợn chút riêng tư, hành trang mà Người mang theo về thế giới người hiền chỉ là ước nguyện bình dị: Mang theo âm hưởng câu hát dân ca vào cõi bất tử. Người đã để lại cho chúng ta bài học sâu sắc, thấm thía rằng muốn yêu Tổ quốc mình, càng yêu tha thiết những câu hát dân ca. Bởi khúc dân ca là linh hồn, là nơi nắn đọng tình yêu, tình hoa, bản sắc văn hóa dân tộc. Nó là nguồn sữa tinh thần bồi đắp và nuôi dưỡng tâm hồn con người. Trước lúc đi xa Người muốn thế hệ sau hãy yêu những câu hát dân ca, hãy trân trọng và giữ gìn nền văn hóa của dân tộc.

NSUT Phạm Quỳnh Hoa - *Ditichhochiminhphuchutich.gov.vn*

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ

1. Quyết tâm sắt đá của Bác Hồ và Bộ Chính trị

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta, quân đội ta. Người đã lãnh đạo Đảng, nhân dân, các lực lượng vũ trang nhân dân ta lật đổ ách thống trị của thực dân Pháp và giành thắng lợi trong các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ cũng như trong xây dựng Nhà nước. Kỷ niệm 60 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ (1954-2014), chúng ta thành kính tưởng nhớ công ơn trời biển của Người. Ôn lại những điều Người đã dạy đối với chiến dịch lịch sử này chúng ta dễ dàng nhận thấy, chính tư tưởng, quyết tâm của Người đã soi sáng con đường thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Năm 1953, cuộc kháng chiến thần thánh của nhân dân ta chống thực dân Pháp xâm lược đã trải qua 8 năm và đã thu được nhiều thắng lợi rất quan trọng. Thế và lực của nước ta ngày càng mạnh. Đặc biệt, Quân đội ta đã trưởng thành nhanh chóng về mọi mặt. Về phía Pháp, nội các chính phủ phải thay đổi nhiều lần, lại bị nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới phản đối chiến tranh, tài chính rất khó khăn, phải dựa vào Mỹ để tiếp tục nuôi chiến tranh ở Việt Nam. Lực lượng quân sự của Pháp bị tổn thất nặng nề, phải phân tán trên toàn chiến trường... Trước tình hình đó, Chính phủ Pháp phải thay đổi tướng Tổng chỉ huy quân đội Pháp thứ 6 là Xa-lăng bằng viên tướng Tổng chỉ huy thứ 7 là Na-va. Tướng Na-va có nhiệm vụ gấp rút tổ chức lại lực lượng quân đội, tập trung một lực lượng chiến lược mạnh và cơ động để lấy lại quyền chủ động trên chiến trường và giành một chiến thắng quân sự có ý nghĩa quyết định, nhằm buộc ta phải kết thúc chiến tranh theo những điều kiện của họ.

Na-va dự kiến trong 2 năm 1953-1954 sẽ tổ chức 27 binh đoàn cơ động, trong đó có 1 sư đoàn quân dù. Đồng thời, Na-va xây dựng một kế hoạch chiến lược gồm 2 bước: Trước hết mở tấn công chiếm đóng các vùng tự do ở Liên khu 5 kết hợp bình định miền Nam; sau đó sẽ chuyển ra tấn công trên chiến trường miền Bắc, để giành thắng lợi quyết định về quân sự nhằm đạt mục tiêu chính trị nói trên trong vòng 18 tháng.

Khi nghe Đại tướng Võ Nguyên Giáp báo cáo về kế hoạch Na-va thì Bác Hồ đã nói: “Na-va rất nhiều tham vọng, muốn giành chiến thắng lớn về quân sự. Dịch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... Không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn”.

Đến tháng 10/1953, Bộ Chính trị triệu tập hội nghị bàn về kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954. Kết thúc hội nghị Bác Hồ nói: Tổng quân ủy phải có một

kế hoạch lâu dài về mọi mặt để đối phó với kẻ địch trên chiến trường toàn quốc, sau đó phải có một kế hoạch đẩy mạnh những hoạt động du kích tại đồng bằng Bắc Bộ. Về hướng hoạt động lấy Tây Bắc là hướng chính, các hướng khác là phối hợp. Hướng chính hiện nay không thay đổi, nhưng trong hoạt động có thể thay đổi. Phép dùng binh là phải “thiên biến vạn hóa”.

Ngày 19/11/1953 đến dự hội nghị cán bộ phổ biến kế hoạch Đông Xuân 1953-1954 do Tổng Quân ủy triệu tập, Bác Hồ nhấn mạnh phương châm chỉ đạo tác chiến của Trung ương trong mùa khô này là: “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” và động viên cán bộ, chiến sĩ vượt mọi khó khăn giành thắng lợi lớn nhất trong Đông Xuân 1953-1954.

Đầu tháng Giêng năm 1954, sau khi Bộ Chính trị quyết định chọn Điện Biên Phủ là điểm quyết chiến chiến lược Đông Xuân 1953-1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp tới chào Bác trước khi lên đường ra Mặt trận, Người đã dặn dò: “Trận này rất quan trọng phải đánh cho thắng”.

Nhìn lại, phân tích, suy ngẫm cả quá trình từ khi bắt đầu nghiên cứu kế hoạch Na-va đến hội nghị Bộ Chính trị tháng 10/1953; Hội nghị phổ biến nhiệm vụ quân sự của Tổng Quân ủy tháng 11/1953; quyết định của Bộ Chính trị tháng 12/1953 cho đến lúc Bác Hồ dặn dò Đại tướng Võ Nguyên Giáp trước khi lên đường ra Mặt trận, chúng ta thấy rõ tư tưởng của Bác “phải đánh cho thắng”, thể hiện quyết tâm của Bác và của Bộ Chính trị giành thắng lợi quyết định ở Điện Biên Phủ là rất rõ ràng, có hệ thống và hết sức sâu sắc.

Cũng trong thời gian này, để động viên cán bộ, chiến sĩ và nhân dân xây dựng quyết tâm chiến đấu và chiến thắng, Bác Hồ đã viết rất nhiều thư gửi các đơn vị. Trong thư Bác Hồ gửi cán bộ và chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ có đoạn “...Thu - Đông năm nay, các chú lại có nhiệm vụ tiến quân vào Điện Biên Phủ để tiêu diệt thêm sinh lực địch, mở rộng thêm căn cứ kháng chiến, giải phóng thêm đồng bào còn bị giặc đè nén.

Năm ngoái, các chú đã anh dũng chiến đấu, tiêu diệt nhiều địch, đã thắng lợi to. Bác rất vui lòng. Năm nay, sau những cuộc chinh huấn chính trị và quân sự, các chú đã tiến bộ hơn. Các chú phải chiến đấu anh dũng hơn, chịu đựng gian khổ hơn, phải giữ vững quyết tâm trong mọi hoàn cảnh.

Quyết tâm tiêu diệt địch,

Quyết tâm giữ vững chính sách,

Quyết tâm giành nhiều thắng lợi.

Bác và Chính phủ chờ tin thắng lợi để khen thưởng các chú...”.

Đặc biệt, nhân kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam 22/12/1953, Bác lại gửi thư động viên chiến sĩ và cán bộ ra sức thi đua diệt giặc lập công. Cũng nhân dịp này Bác gửi tặng mỗi đại đoàn và mỗi liên khu một lá cờ “Quyết chiến - Quyết thắng” để làm giải thưởng luân lưu và động viên các đơn vị

hãy cố gắng thi đua để giết giải thưởng vinh dự đặc biệt này.

Dịp Tết Nguyên đán năm Giáp Ngọ, trong thư gửi cho cán bộ, chiến sĩ quân đội Bắc viết: “...Nhân dịp Tết năm Ngọ, Bác thân ái gửi lời chúc các chú: Năm mới, cố gắng mới, thắng lợi mới.

Các chú đã lập được nhiều chiến công. Hôm nay ngày Tết, các chú lại đang xung phong chiến đấu gian khổ, thi đua giết giặc. Bác luôn luôn nhớ các chú. Bác mong các chú nêu cao quyết tâm, chiến đấu bền bỉ, thu nhiều thắng lợi hơn nữa, làm cho mùa Xuân năm nay thành mùa Xuân đại thắng lợi...”.

Mặc dù bận rất nhiều công việc, Bác vẫn theo dõi chặt chẽ các bước hành quân của bộ đội. Khi các đơn vị sắp ra mặt trận Bác lại gửi thư động viên: “...Các chú sắp ra mặt trận. Nhiệm vụ các chú lần này rất to lớn khó khăn, nhưng rất vinh quang. Các chú vừa được chỉnh quân chính trị và chỉnh huấn quân sự và đã thu được nhiều thắng lợi về tư tưởng và chiến thuật, kỹ thuật. Nhiều đơn vị đã đánh thắng trên các mặt trận. Bác tin chắc rằng các chú sẽ phát huy thắng lợi vừa qua quyết tâm vượt mọi khó khăn gian khổ để làm tròn nhiệm vụ... Chúc các chú thắng to...”.

Những lá thư trên đây đã có tác dụng to lớn và kịp thời vừa động viên tinh thần, vừa làm cho cán bộ, chiến sĩ của Mặt trận nhận rõ nhiệm vụ, xác định quyết tâm đánh thắng, làm tròn nhiệm vụ vẻ vang. Bên cạnh đó, những bức thư ấy cũng lại thấy rõ quyết tâm của Bác và Bộ Chính trị đối với Chiến dịch Điện Biên Phủ là rất sâu sắc.

Song song với động viên bộ đội, Bác Hồ cũng rất quan tâm động viên các tầng lớp nhân dân và các địa phương. Tháng 12/1953, trong thư gửi các cán bộ hậu cần, cung cấp, dân công và đồng bào dân tộc, Bác viết: “...Thu - Đông năm nay, các cô các chú lại ra tiền tuyến để cùng bộ đội diệt giặc, để giải phóng đồng bào ta. Bác gửi lời thăm các cô, các chú và mong các cô các chú ra sức thi đua: Chịu đựng gian khổ - Vượt mọi khó khăn - Giúp sức cán bộ, tranh nhiều thắng lợi - Hoàn thành nhiệm vụ vượt mức. Đồng thời các cô, các chú phải giữ vững chính sách của Đảng và Chính phủ”.

Cũng trong tháng 12/1953, Bác Hồ đã viết thư cho quân và dân Tây Bắc và Lai Châu. Trong thư gửi quân và dân Tây Bắc, Bác viết “... Nhân dịp phái đoàn Chính phủ lên Tây Bắc, tôi thân ái gửi lời thăm toàn thể đồng bào, bộ đội và cán bộ. Trước kia, đồng bào, bộ đội và cán bộ đã anh dũng tham gia đánh đuổi giặc Tây. Ngày nay đã được giải phóng chúng ta cần phải ra sức củng cố và phát triển thắng lợi ấy... Kháng chiến của ta nhất định thắng lợi, nhưng phải trường kỳ gian khổ, tự lực cánh sinh. Đồng bào, bộ đội và cán bộ ta ở Tây Bắc phải hăng hái tham gia công cuộc kháng chiến để cùng đồng bào, bộ đội và cán bộ toàn quốc đánh đuổi giặc Tây, giặc Mĩ và tranh lại độc lập cho Tổ quốc, hạnh phúc cho nhân dân...”.

Trong thư gửi đồng bào và cán bộ Lai Châu, Bác viết: “... Đã hơn 80 năm nay, đồng bào tỉnh nhà bị thực dân Pháp và Việt gian phản động áp bức, bóc lột, lừa bịp;

chưa hề được hưởng hạnh phúc, độc lập, tự do như đồng bào các nơi khác. Tôi và Chính phủ luôn luôn thương xót đồng bào.

Ngày nay, đồng bào đã được bộ đội Chính phủ giải phóng khỏi ách thực dân và phản động, tôi thay mặt Chính phủ thân ái gửi lời hỏi thăm đồng bào và cán bộ.

Sau đây tôi có mấy lời dặn đồng bào và cán bộ ghi nhớ và làm cho đúng.

Đoàn kết thân ái giúp đỡ lẫn nhau;

Giúp đỡ bộ đội diệt phi, trừ gian, giữ gìn trật tự;

Ra sức tăng gia sản xuất để mọi người được ấm no;

Hết sức trung thành với Tổ quốc và Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Còn đối với những người trước đây đã lầm đường theo giặc nếu trở về với Tổ quốc thì Chính phủ sẽ khoan hồng.

Cán bộ thì phải thật sự gần gũi giúp đỡ nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết”.

Ngoài ra, Bác còn gửi thư cho cán bộ, chiến sĩ và thanh niên nam nữ vùng địch tạm chiếm. Trong thư Bác viết: “...Nhân dịp năm mới Giáp Ngọ, Bác thân ái chúc các cô, các chú năm mới, cố gắng mới, thắng lợi mới. Năm vừa qua các cô, các chú đã anh dũng đánh du kích và bảo vệ tính mạng tài sản của đồng bào. Sang năm mới, cuộc kháng chiến của ta sẽ gay go hơn, nhưng sẽ thu được nhiều thắng lợi hơn... Bác kêu gọi: Cán bộ và chiến sĩ phải thi đua thực hiện những nghị quyết của Hội nghị Du kích toàn quốc năm ngoái, tiêu diệt thật nhiều giặc để giữ nước, giữ làng. Thanh niên nam nữ thì cùng đồng bào ra sức đấu tranh chống giặc, quyết không đi lính cho giặc, hăng hái tham gia du kích và bộ đội của ta. Tất cả mọi người ra sức vận động ngụy binh quay về với Tổ quốc. Chính phủ và nhân dân ta sẽ khoan hồng đối với họ...”.

Thực tiễn cho thấy quyết tâm của Bác Hồ và Bộ Chính trị phải đánh thắng trong Chiến dịch Điện Biên Phủ là một quyết tâm rất cao, rất sâu sắc. Không những chỉ đạo nghiên cứu âm mưu của địch, định hướng tư tưởng cho phương châm tác chiến cũng như cho xây dựng các kế hoạch tác chiến, Bác Hồ còn rất chú trọng động viên cán bộ, chiến sĩ và các tầng lớp nhân dân để nâng cao ý chí quyết tâm, xây dựng sự đồng lòng trên dưới, trong quân đội và ngoài nhân dân. Chính tư tưởng, quyết tâm của Bác Hồ và Bộ Chính trị đã tạo ra sự thống nhất trong Đảng từ Trung ương tới các cấp ủy, tạo sự đồng tâm nhất trí trong quân và dân, động viên tinh thần hăng hái, khắc phục khó khăn gian khổ và sẵn sàng hi sinh cho thắng lợi, phát huy sự sáng tạo, trí thông minh của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân trong chiến dịch. Đây là một yếu tố quyết định thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Trung tướng Đặng Quân Thụy (Nguyên Ủy viên Trung ương Đảng, nguyên Phó chủ tịch Quốc hội) - *Qdnd.vn*

2. Đánh chắc thắng - Tư tưởng chỉ đạo hết sức quan trọng của Bác Hồ

“Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh” là tư tưởng chỉ đạo hết sức quan trọng của Bác Hồ trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Hơn nữa, khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp báo cáo với Bác trước lúc lên đường ra mặt trận là: Ở xa khi có vấn đề quan trọng cấp thiết khó xin ý kiến của Bác và Bộ Chính trị..., thì Bác đã nói: “Tổng Tư lệnh ra mặt trận, “Tướng quân tại ngoại”, trao cho chú toàn quyền. Có vấn đề gì khó khăn bàn thống nhất trong Đảng ủy, thống nhất với cố vấn thì cứ quyết định rồi báo cáo sau”.

Tư tưởng “phải đánh chắc thắng; chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh” của Bác đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp vận dụng khi hạ quyết tâm tấn công vào Điện Biên Phủ. Như nhiều tài liệu đã viết: Thời gian đầu, khi địch mới đổ bộ xuống Điện Biên Phủ khoảng 6 tiểu đoàn, công sự phần lớn còn dã chiến, thì cơ quan Tham mưu Tiền phương đã chuẩn bị phương án “đánh nhanh, giải quyết nhanh”. Nhưng trong quá trình ta chuẩn bị tấn công thì địch đã gấp rút tăng cường lực lượng lên tới hơn 12 tiểu đoàn, thêm cả pháo binh và xe tăng, ra sức củng cố công sự kiên cố... Trước tình hình đó, Đại tướng Võ Nguyên Giáp - Tổng chỉ huy kiêm Bí thư Đảng ủy chiến dịch vận dụng tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ là “chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh” nên đã thay đổi phương châm từ “đánh nhanh, giải quyết nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Đảng ủy chiến dịch đã thảo luận và thống nhất với phương châm này. Chính tư tưởng chỉ đạo của Bác Hồ đã tạo nên sự nhất trí trong Đảng ủy chiến dịch và các cấp chỉ huy các đơn vị

Cũng theo tư tưởng “phải đánh chắc thắng”, để bảo đảm cho các cuộc tấn công đánh chắc, tiến chắc, ít thương vong nên Bộ chỉ huy chiến dịch đã chủ trương tiến hành đào các trận địa gồm giao thông hào và chiến hào tiến dần vào các cứ điểm của địch để làm bàn đạp tấn công. Các đơn vị bộ đội đã chấp hành nghiêm túc; ngày đêm tiến hành đào trận địa, mặc dù địch tăng cường máy bay ném bom bắn phá và tung các toán quân ra san lấp. Kết quả quân ta đã đào tổng cộng hơn 200 cây số giao thông hào và chiến hào để hình thành một hệ thống được ví như chiếc thông lọng bao vây từng cứ điểm, rồi cả tập đoàn cứ điểm của địch.

Cũng để thực hiện tư tưởng “phải đánh chắc thắng” và phương châm “đánh chắc, tiến chắc” mà pháo binh cùng với pháo phòng không của ta đã vào trận địa nhưng lại phải kéo ra để tránh bị lộ. Sau đó đến gần thời gian tấn công mới đưa pháo vào bố trí tại các trận địa kiên cố, có ngụy trang cẩn thận và có cả trận địa giả để nghi binh.

Cũng theo tư tưởng “phải đánh chắc thắng” và phương châm “đánh chắc, tiến chắc” mà Bộ chỉ huy chiến dịch đã quyết định tiến hành tấn công địch từng bước, tiêu diệt địch từng bộ phận, rồi mới Tổng công kích. Trước hết tiến hành tiêu diệt các đơn vị bảo vệ vòng ngoài của tập đoàn cứ điểm. Cụ thể là đánh các cứ điểm

Him Lam, Độc Lập trước, uy hiếp buộc địch phải rút khỏi Bản Kéo. Kết quả của đợt tấn công lần thứ nhất này ta đã tiêu diệt toàn bộ các cứ điểm bảo vệ vòng ngoài của địch, tạo điều kiện mở cửa để tấn công vào trong. Sau đó từng bước tiến hành các đợt tấn công lần thứ 2, rồi lần thứ 3; cuối cùng là Tổng công kích kết thúc chiến dịch thắng lợi.

Cũng để bảo đảm thực hiện được phương châm “đánh chắc, tiến chắc” thắng lợi mà Bộ chỉ huy chiến dịch đã phát huy các loại pháo từ 75mm đến 105mm cùng các đơn vị súng DKZ để kiềm chế và phá hủy pháo binh của địch. Đối với không quân của địch, quân ta dùng pháo cao xạ và các súng cao xạ để tiêu diệt các máy bay tiếp tế hoặc tăng viện quân cho tập đoàn cứ điểm. Đồng thời quân ta thực hiện việc khống chế sân bay, rồi dùng các đơn vị đánh cắt đứt sân bay, không cho địch có thể sử dụng lại sân bay được. Kết quả là những điểm mạnh của địch như pháo binh và không quân bị thiệt hại nặng nề và bị vô hiệu hóa.

Cũng để thực hiện quyết tâm “phải đánh chắc thắng” cho nên sau khi đánh các cứ điểm A1, C, trong thời gian đầu chỉ mới chiếm được một phần, Bộ chỉ huy chiến dịch đã chỉ thị cho các đơn vị chuẩn bị kỹ lưỡng lại, đào cả đường hầm xuyên núi lên Đồi A1, sau đó mới kết hợp xung lực và hỏa lực tấn công bằng nhiều mũi. Kết quả là ta đã tiêu diệt hoàn toàn những cứ điểm này, tạo ra thế áp đảo mới đối với toàn bộ tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Như vậy, tư tưởng của Bác Hồ “Phải đánh chắc thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh” đã được Bộ chỉ huy chiến dịch quán triệt thành phương châm “đánh chắc, tiến chắc” một cách rất sáng tạo, lại được cán bộ, chiến sĩ chấp hành một cách dũng cảm, mưu trí, linh hoạt, với những biện pháp hết sức thông minh, làm địch bất ngờ, không tài nào phán đoán được. Đây là một trong những yếu tố rất quan trọng làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ.

“Đánh chắc, tiến chắc” là một trong những nét độc đáo của nghệ thuật quân sự Việt Nam. Cách đánh độc đáo này đã góp phần tạo ra thế chuyển hóa lực lượng làm cho địch suy yếu, tạo lợi thế cho ta, làm chuyển hóa căn bản thế so sánh lực lượng. Bộ đội ta tuy thô sơ về vũ khí, chưa được đào tạo chính quy, chiến đấu trong hoàn cảnh còn nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng nhờ phát huy tốt tinh thần và khả năng tác chiến nên đã tạo ra sức mạnh áp đảo trước kẻ thù, góp phần quyết định thắng lợi. Trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay, bài học này vẫn còn nguyên giá trị.

Trung tướng Đặng Quân Thụy - *Qdnd.vn*

3. Chiến thắng Điện Biên Phủ và thuật dùng người của Bác

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở các cán bộ lãnh đạo của Đảng ta là “dùng người như dùng gỗ” và “cán bộ là cái gốc của mọi việc”. Trên quan điểm đó, trong suốt cuộc đời làm cách mạng của mình, trong nghệ thuật dùng

người, Bác chưa một lần có sai sót đáng tiếc. Nhìn lại tài cầm quân thao lược của Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, càng thấy được tài năng của Bác trong thuật dùng người!

Chắc thắng mới đánh...

Trước khi lên đường ra mặt trận làm nhiệm vụ Bí thư Đảng ủy kiêm Tổng chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến Khuổi Tát để chào Bác và xin ý kiến Bác, Bác hỏi Võ Đại tướng:

- Chú đi xa như vậy, chỉ đạo các chiến trường có gì trở ngại?

Đại tướng báo cáo với Bác, ở mặt trận có mặt của Tổng Tham mưu phó và Phó Chủ nhiệm chính trị, sẽ tổ chức một cơ quan tiền phương của Bộ Tổng Tư lệnh để chỉ đạo chiến trường toàn quốc, kể cả bộ đội tình nguyện ở Lào và Campuchia. Hai đồng chí Nguyễn Chí Thanh và Văn Tiến Dũng ở lại căn cứ phụ trách Mặt trận đồng bằng Bắc Bộ. Chỉ có trở ngại là mặt trận Điện Biên ở xa, khi có vấn đề quan trọng và cấp thiết, khó xin ý kiến của Bác và Bộ Chính trị.

Bác thân mật nói với Võ Đại tướng:

- Tổng Tư lệnh ra mặt trận, “Tướng quân tại ngoại”! Trao cho chú toàn quyền. Có vấn đề gì khó khăn, bàn thống nhất trong Đảng ủy, thống nhất với cô vấn thì cứ quyết định, rồi báo cáo sau.

Khi chia tay, Bác còn nhắc:

- Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh.

Trên đường ra mặt trận, đến cây số 15 đường Tuần Giáo, Điện Biên Phủ, xe của Đại tướng rẽ vào Thảm Púa, nơi đặt chỉ huy sở. Trong không khí nhộn nhịp, Võ Đại tướng gặp đầy đủ cán bộ của Bộ Tổng tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Cung cấp, những người ở bộ phận tiền phương đã lên trước chiến trường một tháng.

Trước ngày 14/1/1954, trong cuộc hội ý Đảng ủy mặt trận đầu tiên ở chiến trường, đúng như lời đồng chí Hoàng Văn Thái, ý kiến chung là cần đánh ngay trong lúc địch chưa tăng thêm quân và củng cố công sự, có khả năng chiến thắng trong vài ngày đêm. Ai nấy đều tỏ ra hân hoan với chủ trương “đánh nhanh, thắng nhanh”.

Nhưng với tinh thần trách nhiệm trước sinh mệnh của hơn 40 ngàn quân tham chiến, với cương vị của người Tổng chỉ huy mặt trận, trên cơ sở tình hình đang diễn biến ở tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, Võ Đại tướng có cảm nhận nếu chọn phương án “đánh nhanh, thắng nhanh” là quá mạo hiểm. Vì vậy, Đại tướng đã gặp Trường đoàn cố vấn quân sự nước bạn Vi Quốc Thanh trình bày ý kiến, suy nghĩ của mình. Trường đoàn cố vấn quân sự Vi Quốc Thanh cho biết, ông đã gặp số chuyên gia quân sự Trung Quốc và cán bộ quân sự Việt Nam có mặt trước ở chiến

trường và tất cả đều nhất trí là cần đánh sớm, có nhiều khả năng giành chiến thắng. Sau khi cân nhắc, trưởng đoàn Vi Quốc Thanh nói: “Nếu không đánh sớm, nay mai địch tăng thêm quân và củng cố công sự thì cuối cùng sẽ không còn điều kiện công kích quân địch”.

Tuy cho rằng “đánh nhanh” không thể giành được thắng lợi, nhưng chưa đủ cơ sở thực tế để bác bỏ phương án các đồng chí đi trước đã lựa chọn và cũng không còn thời gian báo cáo xin ý kiến Bộ Chính trị, nên Võ Đại tướng đã triệu tập hội nghị triển khai kế hoạch tác chiến.

Ngày 14/1/1954, mệnh lệnh chiến đấu tấn công Điện Biên Phủ được phổ biến trên một sa bàn lớn tại hang Thẩm Púa. Cán bộ cao cấp, trung cấp các đại đoàn tham chiến đều có mặt. Trong đó có những tư lệnh, Chính ủy Đại đoàn như Vương Thừa Vũ, Lê Trọng Tấn, Lê Quảng Ba, Đào Văn Trường, Nam Long, Quang Trung, Cao Văn Khánh, Chu Huy Mân, Phạm Ngọc Mậu... và nhiều cán bộ trung đoàn, tiểu đoàn đã cùng chiến đấu qua nhiều chiến dịch.

Hoãn thời gian nổ súng

Thời gian nổ súng tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ được quyết định là 17 giờ ngày 25/1/1954. Gần ngày nổ súng, một chiến sĩ của Đại đoàn 312 không may bị địch bắt. Bộ phận thông tin kỹ thuật của ta nghe địch thông báo cho nhau qua điện đài về ngày giờ tiến công vào Điện Biên Phủ. Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định hoãn thời gian nổ súng tiến công lại 24 tiếng đồng hồ. Từ khi giao nhiệm vụ chiến đấu cho các đơn vị đến lúc này chỉ mới mười một ngày. Nhưng thêm mỗi ngày Đại tướng Võ Nguyên Giáp càng nhận thấy rõ là không thể “đánh nhanh” được. Đại tướng nhớ lại lời dặn của Bác Hồ trước khi lên đường ra trận và nghị quyết của Trung ương hồi đầu năm là “chỉ được thắng không được bại, vì bại thì hết vốn!”. Càng nhớ, càng thấy gánh nặng trên đôi vai của một “tướng quân tại ngoại”. Sự đắn đo, suy tính cho việc thắng hay bại của trận quyết chiến chiến lược và cái giá phải trả bằng xương máu hi sinh của cán bộ, chiến sĩ đã khiến Đại tướng nhiều đêm không ngủ được, đặc biệt là đêm 25/1/1954.

Đại tướng nêu lên những lý do vì sao mọi người đều lựa chọn phương án “đánh nhanh” và tìm trước lời giải đáp. Cái lý do về vấn đề tiếp tế khó khăn, không phải hoàn toàn không có cách khắc phục, mà vấn đề chính là nếu thời gian chuẩn bị kéo dài, địch sẽ tăng thêm quân, củng cố công sự sẽ làm ta mất cơ hội diệt địch. Có nhiều người cho rằng, sự xuất hiện lần đầu của lựu pháo và cao xạ đã làm cho quân địch choáng váng. Nhưng thực tế ta chỉ có vài ngàn viên đạn, không phải là yếu tố quyết định. Đặc biệt, mọi người đều tin vào khí thế của bộ đội khi xuất quân, tin vào sức mạnh tinh thần. Điều đó hoàn toàn đúng, nhưng sức mạnh tinh thần cũng có những giới hạn. Không phải chỉ sức mạnh tinh thần cao mà lúc nào cũng chiến thắng quân địch! Và, chúng ta cũng không thể giành chiến thắng với bất kể giá nào. Hơn nữa, từ đó đến thời điểm này tình hình địch đã thay đổi nhiều. Chúng đã củng cố công sự phòng ngự, không còn là trận địa dã chiến. Bộ đội ta phải tiến hành một

trận công kiên vào một tập đoàn cứ điểm phòng ngự vững chắc chưa từng có...

Tất cả những khó khăn đó chưa được bàn bạc kỹ cách khắc phục. Võ Đại tướng nhận thấy cần phải cho bộ đội rút ra khỏi trận địa để nghiên cứu cách đánh khác. Phải chuyển từ phương án “đánh nhanh, thắng nhanh” sang phương án “đánh chắc, tiến chắc”. Đồng thời, chỉ đạo cho Liên khu 5 đánh lên Tây Nguyên, điều lực lượng sang Thượng Lào để thu hút, phân tán địch.

Quyết định lịch sử

Sáng ngày 26/1/1954, văn phòng thông báo mời cuộc họp Đảng ủy Mặt trận. Trước khi vào họp Đảng ủy, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã tranh thủ thời gian gặp Trưởng đoàn cố vấn bạn Vi Quốc Thanh, nêu rõ tình hình và cho biết ý định của mình. Sau giây lát suy nghĩ, Trưởng đoàn cố vấn nói:

- Tôi đồng ý với Võ Tổng. Tôi sẽ làm công tác tư tưởng với các đồng chí trong đoàn cố vấn.

Cuộc trao đổi ý kiến giữa Đại tướng Võ Nguyên Giáp và Trưởng đoàn cố vấn Vi Quốc Thanh trong vòng hơn nửa giờ. Võ Đại tướng biết rằng Trưởng đoàn Vi Quốc Thanh không dễ dàng thuyết phục các chuyên gia Trung Quốc đã cho rằng chỉ có đánh nhanh mới giành được thắng lợi.

Cuộc họp Đảng ủy Mặt trận đi đến thống nhất một quyết định có tính chất lịch sử hôm 26/1/1954, có đủ các ủy viên: Hoàng Văn Thái, Lê Liêm và Đặng Kim Giang...

Lúc đầu, một vài đồng chí muốn giữ vững quyết tâm và duy trì phương án đánh nhanh, thắng nhanh. Có đồng chí lo không đánh ngay, sau này lại càng không đánh được. Có đồng chí nói lần này ta có ưu thế về binh lực, có pháo 105 và cao xạ xuất hiện lần đầu tạo thế bất ngờ, lại có kinh nghiệm của bạn, nếu ta đánh nhanh vẫn có khả năng giành được thắng lợi. Có người nói đã động viên sâu rộng trong bộ đội về nhiệm vụ rồi, anh em tin tưởng và quyết tâm rất cao. Giờ nếu thay đổi thì giải thích làm sao cho bộ đội thông suốt?

Võ Đại tướng nhắc lại lời Bác Hồ trao nhiệm vụ mình trước khi lên đường: “Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”. Với tinh thần trách nhiệm trước Bác và Bộ Chính trị, để bảo đảm yêu cầu trận đánh chắc thắng trăm phần trăm, Võ Đại tướng kiên trì phân tích những khó khăn của bộ đội ta chưa được bàn bạc khắc phục kỹ trước khi nổ súng.

Cuối cùng, Đảng ủy đi tới nhất trí là trận đánh có thể gặp nhiều khó khăn nếu đánh nhanh ta chưa có biện pháp khắc phục, không thể bảo đảm chắc thắng như nghị quyết Bộ Chính trị đề ra và quyết định thay đổi cách đánh của một trận quyết chiến chiến lược từ phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” đã được chuẩn bị trong thời gian khá dài, chuyển sang phương châm “đánh chắc, tiến chắc” trong thời điểm chỉ còn mấy tiếng đồng hồ nữa là đến giờ nổ súng, đã thể hiện bản lĩnh và sự quyết đoán đầy tinh thần trách nhiệm đối với lịch sử và dân tộc của một vị

danh tướng dưới thời đại Hồ Chí Minh.

Về sau, trong *Hồi ức Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử*, Võ Đại tướng đã thổ lộ: “Ngày hôm đó (tức ngày 26/1/1954), tôi đã thực hiện được một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình!”.

Ngày nay, tên tuổi của Đại tướng Võ Nguyên Giáp gắn liền với chiến thắng Điện Biên Phủ và đi vào lịch sử đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta như một điểm son sáng chói. Đó chẳng những là thắng lợi quyết định dẫn đến chấm dứt cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp ở Việt Nam và Đông Dương, mà còn góp phần làm sụp đổ hoàn toàn chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới.

Điều đó càng chứng minh sự lãnh đạo, chỉ đạo chiến tranh cách mạng tài tình của Đảng ta, của Trung ương và Bộ Chính trị, mà trước hết là của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bác đã sáng suốt, nhìn thấy rõ phẩm chất, bản lĩnh và tài năng của từng cán bộ. Người đã vững tin ở Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người học trò xuất sắc của mình.

Thiếu tướng Phùng Đình Âm - *Sggp.org.vn*

4. Chỉ đạo chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Chiến dịch Điện Biên Phủ

60 năm về trước, năm Giáp Ngọ 1954, cả dân tộc Việt Nam đã giành chiến công vĩ đại khi đánh thắng Pháp trong Chiến dịch Điện Biên Phủ nhờ sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chiến thắng này được ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch Đằng, Chi Lăng, hay Đống Đa trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của hệ thống nô dịch thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc. Điện Biên Phủ đã làm vẻ vang dân tộc Việt Nam và ghi danh Đại tướng Võ Nguyên Giáp trở thành một vị tướng huyền thoại. Tuy nhiên, để có được chiến công lẫy lừng đó, chính là nhờ sự lãnh đạo tài tình, sáng suốt của Đảng, mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhân dịp đầu năm mới Giáp Ngọ 2014, chúng ta hãy cùng nhìn lại một số chỉ đạo mang tầm chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào mùa Xuân Giáp Ngọ 1954.

Sau khi sa lầy ở các chiến trường, cuối năm 1953, Pháp chủ trương xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, là pháo đài kiên cố mà bộ đội ta không thể công phá được. Phương Tây coi đây là một sự chuyển hướng có tính chiến lược của tướng Na-va.

Trong khi đó, tìm hiểu về cục diện chiến trường, đầu năm 1954, khi chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ định cơ quan lãnh đạo và chỉ huy chiến dịch, điều động lực lượng lên Tây Bắc và giao cho Đại tướng Võ Nguyên

Giáp làm Tổng chỉ huy. Quyết tâm của ta là: “Tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ để tạo nên một bước ngoặt mới trong chiến tranh”.

Điện Biên Phủ được cả ta và địch chọn làm trận đánh then chốt để kết thúc chiến tranh. Khi trao nhiệm vụ cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Trao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không thắng không đánh”. Các nhà nghiên cứu cho rằng, đây là chỉ đạo quan trọng, mang tính chiến lược.

Đại tá Trần Ngọc Long, Phó Viện trưởng Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam khẳng định: “Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định đây là đòn quyết định. Việc thắng thua của trận Điện Biên Phủ có ý nghĩa tác động đến toàn bộ cuộc chiến, vượt ra ngoài phạm vi một trận đánh thông thường trong lịch sử quân sự Việt Nam cũng như trong lịch sử quân sự thế giới. Tư tưởng chỉ đạo chiến lược là chỉ có thắng, có thắng mới giải quyết được các vấn đề kháng chiến đang đặt ra trong 9 năm trời. Thể hiện tầm nhìn chiến lược, phân tích bối cảnh tình hình trong nước, quốc tế rồi mới khái quát một điều như vậy”.

Các nhà nghiên cứu cho rằng, chính nhờ tư tưởng chỉ đạo của Bác là “Phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh” mà Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã thay đổi phương châm tác chiến. Thay đổi này đã tạo nên thắng lợi lịch sử của quân đội ta trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Với phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, sau 56 ngày đêm chiến đấu ngoan cường, quân đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Chiến thắng này ghi danh Võ Nguyên Giáp thành một vị tướng huyền thoại.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, khi trả lời một chính khách nước ngoài, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã nói: “Chiến thắng Điện Biên Phủ là công đầu thuộc Chủ tịch Hồ Chí Minh - Hồ Chí Minh là một nhà chiến lược thiên tài, là người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. Những biến đổi phi thường của lịch sử Việt Nam trong mấy chục năm qua đều gắn liền công lao và sự nghiệp của Hồ Chủ tịch”.

Còn Đại tướng Hen-ri Na-va, người đối đầu với Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong trận Điện Biên phủ đã nói: “Phía Việt Nam chiến thắng là đúng. Vì trong suốt 9 năm chiến tranh, họ chỉ có 1 người chỉ huy quân sự duy nhất là Đại tướng Võ Nguyên Giáp, và 1 người chỉ huy chính trị cao nhất là Hồ Chí Minh”. Trong khi đó, phía Pháp có tới 20 Chính phủ, 7 Tổng tư lệnh, 8 Cao ủy thay nhau liên tiếp chỉ huy ở Đông Dương mà vẫn thất bại”.

Quỳnh Trang - Vtv.vn

5. Bác Hồ và mùa xuân Điện Biên Phủ

Mùa xuân năm ấy, Bác Hồ và Bộ Chính trị Trung ương đã dành nhiều tâm sức cho mặt trận quân sự, cho các chiến trường toàn quốc, đặc biệt là chiến trường Điện Biên Phủ.

Theo kế hoạch Na-va, từ tháng 11/1953, quân Pháp đã nhảy dù chiếm đóng Điện Biên Phủ và xây dựng nơi đây thành một tập đoàn cứ điểm mạnh. Ý đồ là giăng thành một cái bẫy, cuốn hút lực lượng chủ lực của Việt Minh lao vào để tiêu diệt và xoay chuyển tình thế.

Nhưng kẻ giăng bẫy lại chính là người bị mắc bẫy

Đầu tháng 12/1953, quân ta bắt đầu cuộc tiến công Đông - Xuân, bằng chiến dịch Lai Châu, đánh vào Tây Bắc, tiếp đó là các chiến dịch Thượng Lào, Trung - Hạ Lào, chiến dịch Tây Nguyên ở Liên khu 5, vừa giải phóng được nhiều vùng, vừa bẻ gãy được âm mưu địch, buộc lực lượng của chúng đã phân tán càng thêm phân tán.

Bác Hồ, trong cuộc họp của Bộ Chính trị bàn về cuộc tiến công chiến lược Đông - Xuân, đã phát biểu ý kiến, trình bày tư tưởng chiến lược bằng một động tác giản dị. Bác giơ bàn tay phải lên, nắm lại, xòe ra và nói:

- Bàn tay nắm lại thì thành quả đấm mạnh. Nếu duỗi ra thì dễ bị bẻ gãy từng ngón. Ta phải buộc khối quân sự cơ động của địch phải chia ra thành năm, bảy mảng mà tiêu diệt dần, làm cho chúng thất bại hoàn toàn.

Khi trao nhiệm vụ cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên chỉ huy mặt trận Điện Biên, Bác nói: “Trao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng! Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”

Tết Giáp Ngọ đến, như thường lệ, Bác gửi thư chúc tết đồng bào, chiến sĩ trong và ngoài nước:

“Năm mới, quân dân ta có hai nhiệm vụ rành rành

- Đẩy mạnh kháng chiến để giành độc lập, tự do

- Cải cách ruộng đất là công việc rất to

Dần dần làm cho người cày có ruộng khỏi lo nghèo nàn

Quân và dân ta nhất trí kết đoàn

Kháng chiến kiến quốc nhất định hoàn toàn thành công”.

Bác quyết định cho thêu cờ luân lưu “Quyết chiến quyết thắng” động viên bộ đội thi đua lập công và in thiệp hồng chúc tết gửi gấp cho cán bộ, chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ.

Đại tướng Văn Tiến Dũng nhớ lại:

“Có một niềm hạnh phúc bất ngờ mà chúng tôi không bao giờ tưởng tới là Bác mời anh Văn, chị Hà và tôi sang ăn tết với Bác tại nhà Bác ở Tìn Keo. Chúng tôi rung rung xúc động vì hiểu tấm lòng Bác đối với quân đội. Tôi thâm nhủ, tấm lòng yêu thương của Bác bao la biết mấy, song cũng tẻ nhị biết mấy. Phải chăng Bác dành bữa cơm tất niên này ở “Phủ Chủ tịch” để trực tiếp tiễn anh Văn ra mặt trận, tiễn người học trò gần gũi của mình mà mai đây phải gánh vác một nhiệm vụ rất nặng nề...”

Bác đã dành cho chúng tôi một buổi sum họp gia đình, sum họp giữa cha và con, giữa anh và em vào giờ phút thiêng liêng của ngày tết cổ truyền dân tộc. Chỉ còn ít ngày nữa Bác Hồ của chúng ta tròn tuổi 64. Bác đã giành lại cho dân tộc cả non sông đất nước, còn phần Bác một chút gì cũng không có. Con người ấy trên đời này lấy gì sánh nổi”.

Bác Hồ không trực tiếp ra trận. Nhưng thông tin về tình hình chiến trường thì Bác thường xuyên được Bộ Tổng tham mưu báo cáo. Đại tướng Văn Tiến Dũng viết: Có một lần tôi mạnh dạn tỏ ý lo lắng về sức khỏe của Bác, Bác cười rất vui:

- Cuộc chiến năm nay địch không hiểu ta làm gì, thế là khác thường. Địch lập cứ điểm Điện Biên Phủ và bảo rằng sẽ là nơi nghiền nát quân ta. Ta phải có nỗ lực khác thường, nếu ta chủ động làm được những việc mà địch không nghĩ ra được, hoặc chưa nghĩ ra được, hoặc chưa nghĩ tới được, quân và dân ta sẽ khỏe lên nhiều, ta sẽ chiến thắng và thế là Bác khỏe chứ.

Lại có lần, Bác hỏi Đại tướng Văn Tiến Dũng có biết câu này không: “Quân đội thắng lợi vì họ chắc thắng rồi mới đánh. Quân đội thất bại thì ra đánh rồi mới cầu thắng”. Đại tướng thú thật là chưa biết, nhưng từ đó không bao giờ quên câu này.

Ngày 13/3/1954, quân đội ta mở cuộc tiến công lớn đầu tiên vào tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 30/3 lại mở cuộc tiến công lần thứ hai. Cả hai đợt tiến công đó đều làm rung chuyển toàn bộ quân đội Pháp ở đây và báo hiệu thất bại hoàn toàn của họ là không tránh khỏi. Tại Việt Bắc, nhà báo Úc Bớt -sét xin gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh và hỏi: “Mỗi ngày tôi nghe đài Hà Nội đến ba, bốn lần. Họ nói đến cái địa điểm nào đó gọi là Điện Biên Phủ. Xin Cụ cho hay điều gì xảy ra ở đó vậy?”. Chủ tịch Hồ Chí Minh lật chiếc mũ cát vừa đặt ra bàn, rồi Người phác một vòng quanh vành mũ, chỉ xuống đáy chiếc mũ: “Điện Biên Phủ là một thung lũng bị đồi núi vây quanh. Đội hình của quân đội Pháp đang ở đáy mũ rồi, còn chúng tôi đang ở quanh vành mũ này. Họ đang bị vây hãm bởi các đồi xung quanh. Họ không thoát khỏi chỗ này được”.

Ngày 1/5, đợt tiến công thứ ba, cũng là đợt tiến công cuối cùng của quân ta vào Điện Biên Phủ. Ngày 7/5, quân địch thất thủ xin đầu hàng. Tướng Đờ - cát - xơ - ri và toàn bộ chỉ huy của ông ta bị bắt sống.

Ngày hôm đó, lúc 16 giờ 45 phút (theo giờ Pháp chậm hơn Việt Nam 6 tiếng), Thủ tướng Pháp Lanien mặc quần áo đen, mặt co rúm vì xúc động nặng nề bước

lên các bậc diễn đàn của điện Bourbon, thông báo bằng một giọng dứt quăng: “Chính phủ Pháp vừa được tin tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ đã thất thủ sau 20 ngày chiến đấu gay go liên tục”. Lanien nói chậm rãi trong hội trường rộng rãi âm vang, người ta nghe tiếng nói của ông như tiếng khóc nức nở của một thiếu phụ ở chốn xa xăm nào đó.

Báo Pháp *Rạng Đông* (*L'Aurore*), ngày 8/5 đưa tin như vậy.

Trong khi đó, cũng ngày 8/5, Bác Hồ gửi thư khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào Tây Bắc đã chiến thắng vẻ vang ở Điện Biên Phủ. Bác nhắc nhở quân và dân ta: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu. Chúng ta không nên vì thắng mà kiêu, không nên chủ quan khinh địch. Chúng ta kiên quyết kháng chiến để tranh lại độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình.”

Ngày 15/5/1954, trong thư gửi toàn thể cán bộ và chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ đăng trên Báo *Nhân dân*, Bác viết:

“Toàn thể các chú cũng như các cán bộ và chiến sĩ ở toàn quốc đã quyết tâm tranh được thắng lợi lớn để chúc thọ Bác.

Bác quyết định khao các chú. Khao thế nào tùy theo điều kiện nhưng nhất định khao.

Thế là Bác cháu ta cùng vui. Vui để cố gắng mới, để khắc phục khó khăn mới và để tranh thắng lợi mới.

Bác và Chính phủ định thưởng cho các chú huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên Phủ”. Các chú tán thành không?”

Thế đấy! Thật khiêm nhường. Thật thanh nhã. Mà cũng thật thanh cao. Mùa xuân của Bác Hồ với Điện Biên Phủ đã kết thúc một cách dung dị như vậy.

Hà Đăng - *Baophuyen.com.vn*

6. Chiến dịch Điện Biên Phủ và những vần thơ chiến thắng của vị lãnh tụ

Từ khi Chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn, Bác Hồ luôn theo dõi sát trận địa, gọi thư động viên, nhắc nhở và khi thắng trận, Bác còn làm thơ báo tiếp. Ngay khi chiến dịch thắng lợi, Bác đã có mấy câu tập Kiều như sau:

“Cùng trong một cuộc Điện Biên
Ta mừng thắng lợi, Pháp phiền xấu xa
Trăm năm trong cõi người ta
Bên chính ắt thắng, bên tà ắt thua”.

Ngày 14/03/1954, trên báo *Quân đội nhân dân* in *Thư gửi cán bộ và chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ* của Bác, có đoạn: Các chú sắp ra mặt trận. Nhiệm vụ các

chú lần này rất to lớn, khó khăn nhưng rất vinh quang (...). Bác chờ các chú báo cáo thành tích để thưởng những đơn vị và những cá nhân xuất sắc nhất. Sau đó, ngày 18/03/1954, mặt trận lại nhận được điện của Bác và Trung ương Đảng, vừa nêu ý nghĩa của chiến dịch “chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng”, vừa động viên, nhắc nhở toàn quân “Địch sẽ ra sức đối phó, ta phải cố gắng chiến đấu dẻo dai, bền bỉ, chớ chủ quan, khinh địch, giành toàn thắng cho chiến dịch này”.

Sau chiến thắng giải phóng Điện Biên một ngày, ngày 08/05/1954, Bác Hồ có thư khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào Tây Bắc đã chiến thắng vẻ vang ở Điện Biên Phủ một cách kịp thời. Trong thư, Bác khen ngợi các chiến sĩ “đã làm tròn nhiệm vụ một cách vẻ vang”. Nhưng với tầm nhìn của một lãnh tụ, Bác cũng chỉ ra rằng: Thắng lợi tuy lớn nhưng chỉ mới là bắt đầu. Chúng ta không nên vì chiến thắng mà kiêu, không nên chủ quan khinh địch. Chúng ta kiên quyết kháng chiến để giành lại độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình. Bất kỳ đấu tranh về quân sự hay ngoại giao cũng đều phải đấu tranh trường kỳ gian khổ mới đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Thực tế lịch sử đã chứng minh nhãn quan chính trị thiên tài của Bác. Mĩ lại gây hấn, hòng cướp nước ta. Nhân dân ta phải trường kỳ kháng chiến đến 20 năm sau mới giành lại trọn vẹn non sông vào mùa Xuân đại thắng 1975.

Sau đó, Bác còn gửi một bức thư gửi toàn thể cán bộ và chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ (in ở báo *Nhân dân* từ ngày 12 đến 15/5/1954), mà lời đầu tiên là “gửi lời thân ái thăm các chú thương binh” và những cán bộ, chiến sĩ đã “quyết tâm tranh được thắng lợi lớn để chúc thọ Bác”. Và “Bác quyết định khao các chú. Khao thế nào thì tùy theo điều kiện, nhưng nhất định phải khao”. Bức thư thể hiện niềm vui khôn tả của Bác: “Thế là Bác cháu ta cùng vui”. Và cuối cùng Bác dặn cán bộ, chiến sĩ như bao lần trước “chớ vì thắng mà kiêu, chớ chủ quan khinh địch”.

Như vậy, từ đầu chiến dịch cho đến kết thúc thắng lợi Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác Hồ đã thể hiện tình cảm của vị lãnh tụ, vị Cha già dân tộc đối với cán bộ và chiến sĩ tham gia mặt trận đồng thời thể hiện nhãn quan của nhà quân sự thiên tài đối với vận mệnh của đất nước.

Đặc biệt, ở đây cần nói thêm, chỉ ít ngày sau khi quân ta phát cao lá cờ “Quyết chiến, quyết thắng” trên nóc hầm Đờ-cát ở Điện Biên Phủ, trên báo *Nhân dân* số ra ngày 12/05/1954, chúng ta thấy xuất hiện một cách trang trọng bài thơ dài 46 câu có tiêu đề *Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ*. Dưới bài thơ ký tên là: C.B. Bây giờ, ta dễ dàng nhận ra đây là bút danh của Bác Hồ. Vào thời điểm ấy, những người nhạy cảm cũng nhận biết được tác giả bài thơ này là Bác Hồ. Bài thơ về sau được tập hợp in trong *Hồ Chí Minh toàn tập* (tập 6: 1951-1954; Nxb. Sự thật, H. 1986, tr.554-556).

Bài thơ gồm 4 phần:

Ở phần I, tác giả đưa ra những số liệu và phương thức tổ chức hoạt động của

địch chuẩn bị cho trận đấu ác liệt này. Phần này chỉ gồm 10 câu thơ:

“20 tháng 11 năm cũ
Giặc Pháp nhảy dù Điện Biên Phủ
Hai mươi một tiểu đoàn tinh nhuệ nhất,
Xe tăng, súng lớn đầy chồng chất.
Chúng khoe rằng: “Kế hoạch Na-va
Thế là mạnh dạn và tài hoa
Phen này Việt Minh phải biết tay
Quan thầy Mĩ thì vui lòng thay”
Các báo phản động khắp thế giới
Inh ỏi tâng bốc Na-va tới”.

Giọng thơ của tác giả khi miêu tả dáng vẻ của địch có pha chút dí dỏm, bộc lộ sự bất tả, lúng túng của chúng.

Phần II, cho thấy không khí hào hứng, phấn chấn, quang cảnh tập nập và tinh thần, ý chí bền bỉ sẵn sàng chiến đấu của quân dân ta.

“Bộ đội, dân công quyết một lòng
Xe non, đắp suối, vượt qua sông
Khắc phục khó khăn và hiểm trở
Đánh cho giặc tan mới hả dạ”.

Phần III, gồm 12 câu thơ, miêu tả cuộc chiến đấu khốc liệt, dữ dội mà kết cục là quân ta toàn thắng, quân thù đại bại.

“Hơn 50 ngày ta đánh đồn
Ta chiếm một đồn lại một đồn
Quân giặc chống cự tuy rất hăng
Quân ta anh dũng ít ai bằng”.

Khổ thơ này có những câu thơ nhẹ nhàng, dí dỏm nhưng vẫn toát lên thế chủ động của quân ta:

“Giặc kéo từng loạt ra hàng
Quân ta vui hát khải hoàn ca
Mười ba quan năm đều hàng nốt
Tên tướng chỉ huy cũng bị nốt
Một vạn sáu ngàn tên giặc Tây
Đều là tù binh hoặc bỏ thầy”.

Phần IV, gồm khổ thơ cuối cùng, có 6 câu thơ, thể hiện tình cảm đầm ấm, ân tình giữa các chiến sĩ và lãnh tụ. Quân ta lập nên chiến công hiển hách ở Điện Biên Phủ và xem đó là món quà có ý nghĩa mừng thọ sinh nhật Người. Qua khổ thơ này, Bác muốn biểu lộ rằng, Bác rất tự hào vì đội quân của Người là một đội quân dũng cảm, biết chiến đấu, hi sinh vì một lý tưởng cao đẹp. Chiến thắng Điện Biên Phủ là một món quà vô giá, mà chiến sĩ đã “cố gắng sắm được” dâng lên Bác và tặng các thế hệ mai sau:

“Xin Bác vui lòng mà nhận cho
Món quà chúc thọ sinh nhật Bác
Chúng cháu cố gắng đã sắm được”.

Đã gần nửa thế kỷ trôi qua nhưng đọc lại những vần thơ Bác Hồ viết về Chiến dịch Điện Biên Phủ chúng ta càng thấy ở Bác một tình cảm bao la đối với quân dân và một nhãn quan quân sự thiên tài. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến chiến thắng Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu”.

Trần Xuân Toàn - *Baobinhdinht.com.vn*

7. Bác Hồ với chiến thắng Điện Biên Phủ

Chiến thắng Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” là trang sử vàng chói lọi trong cuộc đấu tranh giành độc lập của dân tộc Việt Nam nói riêng và của nhân dân các nước thuộc địa trên toàn thế giới ở thế kỷ XX nói chung.

Một trong những yếu tố quan trọng góp phần làm nên sự kiện lịch sử trọng đại ấy là sự chỉ đạo sáng suốt và đúng đắn về phương hướng tác chiến cùng sự động viên quân dân rất kịp thời của Trung ương Đảng, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Với đường lối kháng chiến “toàn dân, toàn diện và lâu dài”, từ 1946 đến 1953, quân dân ta đã dần giành thế chủ động trên khắp các chiến trường và khắp các mặt trận, đẩy quân Pháp rơi vào thế bị động.

Mùa hè năm 1953, tướng Na-va (Henri Eugène Navarre) được Chính phủ Pháp cử sang làm Tổng chỉ huy quân đội tại Đông Dương, mang theo “Kế hoạch quân sự Na-va” hi vọng trong vòng 18 tháng giành được một thắng lợi quyết định về quân sự để làm cơ sở cho một giải pháp chính trị có “danh dự” cho nước Pháp.

Kế hoạch Na-va thể hiện sự ngoan cố và liều lĩnh của thực dân Pháp với ảo vọng “chuyển bại thành thắng” trong một thời gian tương đối ngắn.

Trước tình hình đó, tháng 9/1953, Bộ Chính trị đã họp bàn kế hoạch quân sự Đông - Xuân (1953-1954) mà qua đó, vai trò quan trọng của lãnh tụ Hồ Chí Minh càng được thể hiện một cách nổi bật trong việc xác định đường lối, phương châm chiến lược:

“Bác ngồi họp cùng chúng tôi với nét mặt chăm chú mà bình thản. Qua nhiều năm ở gần Bác, chúng tôi đã biết, cứ những khi con thuyền cách mạng gặp sóng to gió lớn là lúc Bác tỏ ra bình tĩnh nhất. Bác lúc nào cũng nhìn tình hình cách mạng bằng cái nhìn xa, rộng, rất lạc quan, đầy tin tưởng ở tương lai. Bác không bao giờ để lộ ra một niềm vui bông bột cũng như một sự lo âu quá đáng. Đúng là một con người đã được lò lửa đấu tranh cách mạng tôi luyện thành thép” (Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Vài hồi ức về Điện Biên Phủ*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1977).

Bác kết thúc hội nghị bằng một ý kiến vắn:

“Tổng Quân ủy phải có một kế hoạch lâu dài về mọi mặt để đối phó với kẻ địch trên chiến trường toàn quốc, sau đó phải có một kế hoạch đẩy mạnh những hoạt động du kích tại Đồng bằng Bắc Bộ. Cần đề phòng địch đánh ra vùng tự do ở những nơi đang tiến hành cải cách ruộng đất. Về hướng hoạt động, lấy Tây Bắc làm hướng chính, các hướng khác là hướng phối hợp. Hướng chính hiện nay không thay đổi, nhưng trong hoạt động có thể thay đổi. Phép dùng binh là phải thiên biến vạn hóa”...

“Chúng tôi đều nhận thấy, mỗi lần cuộc họp đã đi đến quyết định, khi nêu lại quyết định đó cho mọi người, bao giờ Bác cũng truyền thêm cho chúng tôi một quyết tâm sắt đá”... (Đại tướng Võ Nguyên Giáp, *Sdd*).

Thực hiện kế hoạch mà Bộ Chính trị đã đề ra, quân đội ta lần lượt thực hiện các đòn tiến công chiến lược trên các chiến trường Đông Dương, buộc thực dân Pháp phải co cụm cố thủ trong thung lũng Điện Biên Phủ.

Ngày 6/12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Bộ Chính trị đã thông qua phương án mở Chiến dịch Điện Biên Phủ của Tổng quân ủy. Đồng chí Võ Nguyên Giáp được chỉ định trực tiếp làm Tư lệnh kiêm Chính ủy chiến dịch.

Ngày 5/1/1954, Bác trao lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp để vừa động viên, thể hiện niềm tin của Người đối với quân dân trên mặt trận Điện Biên Phủ, đồng thời thể hiện sự quyết tâm giành chiến thắng của toàn Đảng, toàn quân và dân ta trong chiến dịch quan trọng này.

Trước khi cán bộ, chiến sĩ trên mặt trận Điện Biên Phủ bước vào trận quyết chiến chiến lược rất quan trọng và đầy khó khăn này, ngày 10/3/1954, Hồ Chủ tịch đã gửi thư để động viên và giao nhiệm vụ cao cả cho toàn thể bộ đội tại mặt trận Điện Biên Phủ:

“Các chú sắp ra trận. Nhiệm vụ các chú lần này rất to lớn, khó khăn, nhưng rất vinh quang... Bác tin chắc rằng các chú sẽ phát huy thắng lợi vừa qua, quyết tâm vượt mọi khó khăn, gian khổ để làm tròn nhiệm vụ vẻ vang sắp tới.

Bác chờ các chú báo cáo thành tích để thưởng những đơn vị và cá nhân xuất sắc nhất.

Chúc các chú thắng to!

Bác hôn các chú!...”

Ngày 15/3/1954, Bác lại gửi điện khen ngợi động viên cán bộ, chiến sĩ mặt trận. Bức điện nhấn mạnh: “Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng”.

Ngày 17/3, sau khi quân ta đã tiêu diệt 3 vị trí Him Lam, đồi Độc Lập và Bản Kéo, Hồ Chủ tịch đã có bức điện khen cán bộ, chiến sĩ Đại đoàn pháo binh 351, Đại đoàn bộ binh 312 cùng toàn thể bộ đội Điện Biên Phủ.

Đồng thời một lần nữa Người khẳng định ý nghĩa quan trọng của chiến dịch cũng như việc dồn tất cả sức người, sức của để giành được chiến thắng: “Toàn dân, toàn Đảng và Chính phủ nhất định đem toàn lực chi viện cho Chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất định làm mọi việc cần thiết để giành toàn thắng cho chiến dịch”.

Ngày 22/3/1954, Chủ tịch Hồ Chí Minh cử bác sĩ Vũ Đình Tụng (Bộ trưởng Bộ Thương binh) và Giáo sư Tôn Thất Tùng (Thư trưởng Bộ Y tế) trực tiếp làm công tác thương binh tại mặt trận Điện Biên Phủ. Việc bổ sung những bác sĩ giỏi hàng đầu của ngành y tế nước ta lúc bấy giờ phục vụ chiến dịch, cho thấy Bác đặc biệt quan tâm đến chiến trường Điện Biên Phủ nói chung và tính mạng, sức khỏe của bộ đội nói riêng...

Trước tình cảm của Bác, cán bộ chiến sĩ trên mặt trận Điện Biên Phủ đã khắc phục mọi khó khăn, chiến đấu dũng cảm, mưu trí, lập công xuất sắc: Tiêu diệt hoàn toàn Tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, phát cao lá cờ “Quyết chiến quyết thắng” trên nóc hầm Đờ-cát-xơ-ri vào 5 giờ 30 phút, chiều ngày 7/5/1954. Trong niềm vui chiến thắng ấy, Bác đã gửi thư khen ngợi quân đội và nhân dân tại mặt trận Điện Biên Phủ.

Đồng thời, Người cũng đã chỉ ra nguy cơ chiến tranh còn kéo dài bởi đế quốc Mỹ đang lăm le can thiệp vào Việt Nam: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bước đầu. Bất kỳ cuộc đấu tranh về quân sự hay ngoại giao cũng đều phải đấu tranh trường kỳ gian khổ mới đi đến thắng lợi hoàn toàn...”

Từ chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, quân và dân ta tiến tới giành thắng lợi trong trận “Điện Biên Phủ trên không” năm 1972, rồi Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Hình ảnh Bác cùng quan điểm, tư tưởng cách mạng của Người mãi mãi là ánh sáng soi đường cho toàn Đảng, toàn quân và dân ta giành những thắng lợi quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay và mai sau...

Trần Văn Lợi - Baovinhlong.com.vn

8. Bác Hồ và nơi khởi phát Điện Biên Phủ

Vào một chiều đông giá, gió mùa Đông Bắc hun hút ngược dãy núi Hồng - bức tường thành của rừng đại ngàn chõ che chiến khu Việt Bắc năm xưa, chúng tôi tìm

đến Tỉn Keo - một quả đồi xanh ngợp tre, vầu, cọ dưới chân Đèo De, thuộc xã Phú Đình, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. Trong một lần họp đơn sơ tại nơi đây, 50 năm trước, vào ngày 6/12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ.

*** Tỉn Keo - Phủ Chủ tịch trong lòng dân**

Tỉn Keo nằm ở trung tâm an toàn khu (ATK) Định Hóa. Trước khi rời Tân Trào về Hà Nội, Bác Hồ dặn anh em ở lại xây dựng ATK: “Biết đâu chúng ta còn quay lại nhờ cây đồng bào lần nữa”... Sau Tuyên ngôn độc lập 2/9/1945, trước dã tâm của thực dân Pháp quay lại cướp nước ta lần nữa, Người cử các đồng chí Nguyễn Lương Bằng, Trần Đăng Ninh trở lại Việt Bắc, chuẩn bị cho cuộc kháng chiến trường kỳ.

Sau ngày toàn quốc kháng chiến, huyện Định Hóa với địa thế “Tiến khả dĩ công, thoái khả dĩ thủ” và Đại Từ (Thái Nguyên) cùng với huyện Sơn Dương, Chiêm Hóa (Tuyên Quang) và Chợ Đồn, Chợ Mới (Bắc Kạn) đã trở thành ATK của Trung ương, nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng, Chính phủ, Bộ Tổng Tư lệnh lãnh đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1946-1954).

Đồi Tỉn Keo đáp ứng tiêu chí của Bác Hồ khi giao nhiệm vụ cho các đồng chí giúp việc tìm địa điểm đặt cơ quan: “Trên có núi, dưới có sông - Có đất ta trồng, có bãi ta vui - Tiện đường sang Bộ Tổng, thuận lối tới Trung ương - Nhà thoáng ráo kín mái, gần dân không gần đường”.

Xóm Nà Lọm của đồng bào Tày cách nơi Bác ở non 1 cây số. Nơi ở và làm việc của đồng chí Tổng Bí thư Trường Chinh ở Nà Mòn, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng ở đồi Thảm Khen (đều thuộc xã Lục Giã - nay là Phú Đình)... Từ Tỉn Keo ngược lên 1,2 km đến thác 7 tầng Khuôn Tát, leo lên chừng 3 km nữa đến đồi Nà Đình, nơi Bác ở 3 lần những năm 1947, 1948 và 1954. Vượt Đèo De sang Tân Trào chưa đầy 1 tiếng đồng hồ. Nơi Bác ở chỉ có lác đác 5-7 nóc nhà nhỏ ẩn hiện. Đại tướng Võ Nguyên Giáp từng nói: Dịch cũng không ngờ ở chỗ (giáp ranh) bản làng nghèo nàn, vắng vẻ lại là nơi “Chùa rách, bụi vàng”.

Dưới chỗ Bác ở là nhà sàn lợp cọ của gia đình bà Ma Thị Tôm - bà đi họp chi bộ, chúng tôi nhờ anh Hào con trai bà đi đón. Ở độ tuổi 76, người đảng viên, cán bộ phụ nữ xã có nụ cười hiền dịu, giọng nói chân chất của người Tày, nhỏ nhẹ từ tốn như gió thoảng rừng chiều. Khi mới 18 tuổi, sơn nữ Ma Thị Tôm (con ông Ma Tiến Đàm, Chủ tịch xã Lục Giã) cùng chồng là Lương Đình Nam đã ở chân đồi Tỉn Keo (1945). Bà nói: Đây là nơi sơ tán nhà nhỏ thôi... Hồi tháng 4/1948 Bác đến ở còn heo hút lắm. Hồ đã bắt mất con “tu ma mẹ” (con chó) do anh em bảo vệ nuôi, còn hai con, bà Tôm nuôi cho một con. Để giữ bí mật nơi ở của Bác và các cơ quan Trung ương, dân Lục Giã đều thực hiện ba không “không nghe, không biết, không thấy”.

Ngoài lán ở của Bác và anh em giúp việc có lán họp, có chòi gác và đường hầm

hào thoát xuống chân đồi. Bếp ăn đào xuống đất nấu không khói. Các buổi sáng Bác thường ra khoảnh đất nhỏ dưới chân đồi tập thể dục. Rau bí xanh mướt đồi Tìn Keo. Bác còn trồng rau cải xoong ở ven suối Khuôn Tát. Còn nương ngô ở tận chân núi Hồng có tên là Pụ Tung. Đi làm nương với Bác có 3 người Dao: anh Đức, anh Hồng Thắng, anh Nhất. Dụng cụ làm nương là con dao “quắm phên rời”. Tại trước lán của Bác trên đồi Tìn Keo còn bụi cây bông bụt do Bác mang từ Khau Tý về sau được bà con lấy giống trồng ra khắp nơi. Trên đường đi công tác, Bác còn lấy giống bưởi Đoan Hùng. Bà Tôm chỉ cho chúng tôi ngắm cây bưởi sai trĩu quả cao chừng 20m rất cô thụ trong phần đất nhà ông Ma Viết Mơ mà lòng xốn xang. Bà con Tìn Keo thực hiện ba không rất nghiêm, nên thằng địch có mắt như mù. Hối Thu Đông 1947, bọn địch đã đánh vào cánh đồng Cẩm Tra bị bộ đội du kích diệt trên trăm tên phải rút chạy. Sau này giặc Pháp ném bom Thanh Định, Bình Yên vẫn không phát hiện ra cơ quan Bác... Người dân Tìn Keo chẳng đã là những chiến sĩ bảo vệ Bác Hồ đó sao?

Trong thư đồng chí Vũ Kỳ, thư ký của Bác Hồ nhắc chúng tôi - Nói tới Phủ Chủ tịch dưới chân Đèo De không thể không nhắc đến tấm lòng của Bác với các cháu nhỏ. Vào tháng 7/1947, do cuộc chiến tranh xâm lược của giặc Pháp mở rộng, có nhiều trẻ em bị thất lạc, gia đình bị tan nát đã chạy vào lánh nạn ở các nhà thờ Chúa ở Phú Thọ. Bác đọc báo biết liền cử anh em tìm về được 35 cháu. Bác cùng anh em dựng lán trại, trích khẩu phần (không xin tiền Chính phủ), tăng gia, sản xuất, cử ba người nuôi dạy các em học. Đó là trại thiếu nhi tại xóm Nà Lọm chỉ cách nơi Bác ở chừng cây số.

*** Bác Hồ với năm đêm... xòe ra**

Sáng 29/11/2003, tại số nhà 30 Hoàng Diệu gần ngay đài liệt sĩ Bắc Sơn, trông ra Lăng Bác, chúng tôi hân hạnh được tiếp kiến Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Dù đã nhiều lần được phỏng vấn, tháp tùng Đại tướng lên Thái Nguyên, tôi không khỏi xúc động ngắm ông như một huyền thoại. Anh Nguyễn Huyền, người bí thư tận tụy của Đại tướng nhắc lại chuyện “anh Văn về lại chiến khu xưa” cách đây 5 năm (12/8/1998) khiến tôi chợt nhớ cuộc gặp các phóng viên, các cán bộ của Ban Nghiên cứu lịch sử Đảng, Bảo tàng Cách mạng Việt Nam, Bảo tàng tỉnh do đồng chí Nguyễn Ngô Hai, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy chủ trì. Đại tướng nhớ lại: Tại Định Hóa, Trung ương Đảng, Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Tổng Tư lệnh quyết định nhiều chủ trương chiến dịch lớn. Đặc biệt tại Tìn Keo, Bộ Chính trị và Hồ Chủ tịch đã phê duyệt kế hoạch mở Chiến dịch Điện Biên Phủ... Cũng tại Tìn Keo ngày 28/5/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chủ trì lễ phong quân hàm Đại tướng cho ông và Trung tướng Nguyễn Bình, các Thiếu tướng Trần Tử Bình, Văn Tiến Dũng, Lê Thiết Hùng, Trần Đại Nghĩa, Lê Hiến Mai, Hoàng Sâm, Nguyễn Sơn, Hoàng Văn Thái, Chu Văn Tấn...

Đại tướng kể lại “Cuộc họp ở Tìn Keo” do Hồ Chủ tịch chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị. Dự họp có các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng (các anh Nguyễn Chí Thanh và Trần Đăng Ninh không đến được vì đang bị mệt). Ngoài ra

còn có Tổng Tham mưu trưởng Hoàng Văn Thái. Vào hạ tuần tháng 9/1953, ta có được bản kế hoạch Na-va... Tướng bốn sao Na-va được bổ nhiệm làm Tổng Chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương từ 8/5/1953. Na-va chủ trương phòng ngự chiến lược ở miền Bắc, tập trung bình định ở miền Nam. Mùa thu 1954 sẽ tập trung quân ra Bắc tiêu diệt chủ lực của ta. Hoàn thành thôn tính nước ta trong 18 tháng vào khoảng giữa năm 1955. Tướng Na-va đã tập trung ở đồng bằng một lực lượng cơ động mạnh chưa từng có sẵn sàng chờ đón cuộc tấn công của ta. Nghe Đại tướng Võ Nguyên Giáp trình bày, đôi mắt Bác rất chăm chú, bàn tay Bác trên bàn bồng giơ lên và nắm lại. Người nói: “Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh. Không sợ, ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn”, bàn tay Bác mở ra mỗi ngón tay trở về một hướng. Đó chẳng đã là chỉ đạo mang tính chiến lược tạo thế làm bật ra một Điện Biên Phủ đó sao? Sau khi luận bàn, Bộ Chính trị đã xác định phương châm tác chiến của ta là tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt. Hướng chính của chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954 là Tây Bắc...

*** Trung tâm “Thủ đô gió ngàn” hôm nay**

Anh Lương Văn Lợi, Chủ tịch xã Phú Đình, cho biết: Được sự quan tâm của Nhà nước qua dự án: Bảo vệ tôn tạo di tích lịch sử cách mạng vùng ATK Định Hóa (1995-2000), đường ô tô từ cây số 31 (Quốc lộ 3) đến Đèo De đã trải nhựa. Điện lưới đã tỏa sáng khắp bản Dao Khuôn Tát, cây đa ghi dấu nơi Bác cùng anh em tập võ, chơi bóng chuyền đã trở thành sân bóng đá. Trường phổ thông cơ sở Phú Đình, trạm xá xã ngói đỏ tươi. Trong 1.124 hộ người Tày, Nùng, Dao, Kinh, Sán Chí ở Phú Đình không còn người đói, tuy hộ nghèo còn 25%. Dân trong xã có 30 máy điện thoại, 500 xe máy, 100% có vô tuyến điện hoặc radio cassette, đã trồng bảo vệ 1.265,5 ha rừng. Huyện Định Hóa, xã Phú Đình được tuyên dương Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân trong chống Pháp. Tổng cục Du lịch vừa về khu Nà Lạm, Tin Keo lập dự án khai thác du lịch với phát huy di tích ATK. Bà con rất phấn khởi.

Lý Thị Chiên, thiếu nữ Tày Định Hóa, tốt nghiệp Đại học Văn hóa Hà Nội, hướng dẫn chúng tôi tham quan khu di tích và Nhà trưng bày ATK tại Tin Keo. Từ ngày 17/5/1997, khi được Thủ tướng Võ Văn Kiệt lên cắt băng khai trương đến nay, đã đón trên 1 triệu lượt khách, đã nâng cấp trưng bày 400m² diện tích với trên 368 hiện vật tại Nhà trưng bày ATK. Tre, vầu, cọ trên đồi Tin Keo vẫn lên xanh. Cây bông bụt Bác trồng hoa lá sum suê, 2 lán cọ cùng hệ thống hầm hào được tôn tạo. Ngôi nhà sàn bà Ma Thị Tôm hiện nay được làm lại to hơn hồi Bác ở là một phần của quần thể di tích ATK.

VOV.vn

9. Đảng, Bác Hồ mùa xuân Giáp Ngọ với chiến thắng Điện Biên

Cách đây tròn 60 năm, đất nước và nhân dân ta chuẩn bị mừng Xuân Giáp Ngọ 1954 trong bối cảnh cuộc kháng chiến chống Pháp có nhiều chuyển biến mới. Thành tựu thực hiện ba nhiệm vụ chiến lược trong năm 1953 tạo thêm nhiều điều kiện thuận lợi cho ta. Thực dân Pháp đứng trước những khó khăn gay gắt, ngày càng lệ thuộc vào Mỹ. Mỹ đã can thiệp sâu vào Đông Dương và chờ cơ hội để hất cẳng Pháp.

Từ giữa năm 1953, thực dân Pháp triển khai kế hoạch Na-va với ý đồ tạo ra thế mạnh quân sự để buộc ta phải đàm phán theo điều kiện của chúng. Bộ Chính trị chủ trương đưa bộ đội chủ lực lên Tây Bắc để phân tán lực lượng địch và ta có điều kiện tiêu diệt sinh lực của chúng. Cuối tháng 11/1953, quân Pháp nhảy dù chiếm Điện Biên Phủ với ý đồ xây dựng tập đoàn cứ điểm kiên cố, sẵn sàng tiêu diệt quân chủ lực của ta, kết thúc chiến tranh trong thế thắng.

Ở thủ đô kháng chiến Việt Bắc, Bác Hồ theo dõi sâu sát cuộc chiến đấu của quân dân miền Nam. Cuối năm 1953, quân và dân miền Nam bẻ gãy các cuộc càn quét của quân Pháp vào rừng U Minh, Đồng Tháp Mười, Tây Nguyên và tiêu diệt nhiều quân địch. Hay tin thắng trận, Bác Hồ mở tiệc mừng tại Phủ Chủ tịch. Các món ăn gồm: thịt gà luộc, canh cải xanh, rau muống xào tỏi, xôi nếp, cơm tẻ; tất cả thực phẩm đều do cơ quan tự sản xuất. Bày giờ tối khai tiệc, Bác chúc nhân dân miền Nam thu được nhiều thắng lợi hơn nữa. Tiệc xong, Bác nói với giọng trầm xuống: “Hôm nay, Bác cháu mình ngồi ở chiến khu Việt Bắc ăn xôi với thịt gà mừng chiến thắng thì quân và dân ở miền Nam đã chín năm rồi kể từ ngày 23/9/1945 không lúc nào ngơi tay súng chiến đấu với quân thù để bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, biết bao đồng bào và chiến sĩ đã hi sinh anh dũng”. Mọi người đều lặng đi khi thấy hai giọt nước mắt lăn trên đôi má gầy sạm của Bác.

Ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ. Ngay ngày đầu năm mới dương lịch - 1/1/1954 - Bác dự họp Bộ Chính trị để chỉ định cơ quan lãnh đạo, chỉ huy chiến dịch và triển khai kế hoạch đưa lực lượng lên Tây Bắc. Khi trao nhiệm vụ cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Người nói: “Tổng Tư lệnh ra mặt trận, Tướng quân tại ngoại! Trao cho chú toàn quyền. Có vấn đề gì khó khăn, bàn thống nhất trong Đảng ủy, thống nhất với cố vấn thì cứ quyết định rồi báo cáo sau. Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng! Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh!”.

Đầu năm 1954, Bác Hồ viết bài thơ chữ Hán *Tâm hữu vị ngọ*; có thể xem đây là bài thơ mừng xuân mới của Bác:

“Tìm bạn không gặp

Trăm dặm tìm không gặp tướng quân

Đầu non vó ngựa xé mây ngàn
Đường về chợt gặp chòm mai núi
Mỗi đóa hoa vàng một nét xuân”.

Phạm Minh Khải dịch

Ngày 1/2/1954, tức 28 Tết Giáp Ngọ, Bác Hồ có *Thơ chúc Tết* đăng trên báo *Nhân dân* số 163:

Thơ chúc Tết

“Ngày Nguyên đán năm Giáp Ngọ

Năm mới quân dân ta có hai nhiệm vụ rành rành:

- Đẩy mạnh kháng chiến để giành độc lập tự do,
- Cải cách ruộng đất là công việc rất to.

Dần dần làm cho người cày có ruộng khỏi lo nghèo nàn.

Quân và dân ta nhất trí kết đoàn,

Kháng chiến, kiến quốc, nhất định hoàn toàn thành công.

Hòa bình dân chủ thế giới khắp Nam, Bắc, Tây, Đông,

Năm mới, thắng lợi càng mới, thành công càng nhiều”.

Hồ Chí Minh

Cùng ngày, Người có *Thư gửi các cán bộ và chiến sĩ nhân dịp Tết Nguyên đán năm Giáp Ngọ*. Người viết: “Bác mong các chú nêu cao quyết tâm, chiến đấu bền bỉ, thu nhiều thắng lợi hơn nữa, làm cho mùa xuân năm nay thành mùa xuân đại thắng lợi”. Trong thư gửi cán bộ, chiến sĩ và thanh niên nam nữ vùng địch tạm chiếm, Người căn dặn sang năm mới cuộc kháng chiến của ta sẽ gay go hơn, nhưng sẽ thu nhiều thắng lợi hơn. Cán bộ và chiến sĩ ta phải thi đua giết cho nhiều giặc, giữ nước giữ làng; thanh niên nam nữ ra sức đấu tranh chống giặc, không đi lính cho giặc, hăng hái tham gia du kích và bộ đội, vận động ngụy binh quay về với Tổ quốc.

Chiến dịch Điện Biên Phủ được chuẩn bị, triển khai nhanh chóng, chu đáo. Lúc đầu, ta chọn phương châm “Đánh nhanh, thắng nhanh” vì quân Pháp mới nhảy dù xuống Điện Biên Phủ, lực lượng của chúng chưa được tăng cường, bố trí phòng ngự còn sơ hở. Nhưng trong khi ta theo dõi tình hình và chuẩn bị thì quân Pháp tiếp tục tăng cường lực lượng, xây dựng tuyến phòng ngự khá vững chắc. Nhớ lời Bác dặn, sau khi cân nhắc kỹ lưỡng, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã quyết định thay đổi phương châm: “Đánh chắc tiến chắc” thay vì “Đánh nhanh thắng nhanh”. Trong bộ hồi ký của mình, Đại tướng Võ Nguyên Giáp nói đây là quyết định khó khăn nhất trong đời làm tướng, cầm quân của ông.

Ngày 13/3/1954, quân ta mở màn cuộc tấn công vào tập đoàn cứ điểm Điện

Biên Phủ. Một tháng sau, giữa lúc cuộc chiến diễn ra ác liệt, tại Việt Bắc, Bác Hồ tiếp chuyện nhà báo Úc W.Burchet. Nhà báo hỏi Bác về tình hình chiến sự Điện Biên Phủ. Bác lật ngửa chiếc mũ đặt trên bàn tre, đưa mấy ngón tay vòng quanh vành mũ, giải thích: “Đây là rừng núi, nơi có lực lượng của chúng tôi”. Rồi Bác nắm bàn tay lại, đấm vào lòng mũ và nói tiếp: “Còn đây là quân Pháp, họ không thể thoát khỏi chỗ này”. Ngày 7/5/1954, lúc 17h30, tướng Đờ - cát - xơ - ri và toàn bộ tham mưu bị quân ta bắt sống. Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng sau 55 ngày đêm chiến đấu gian khổ và kiên cường.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là chiến công lừng lẫy nhất của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Ta đã tiêu diệt và bắt sống trên 16.000 tên địch; bắn rơi 62 máy bay; tịch thu toàn bộ đạn dược, quân trang, quân dụng. Quân địch, một đội quân nhà nghề, thiện chiến, được trang bị phương tiện chiến tranh hiện đại chịu sự thất bại nặng nề và nhục nhã.

Ngày 8/5/1954, Bác Hồ gửi thư khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào Tây Bắc đã chiến thắng vẻ vang ở Điện Biên Phủ. Người căn dặn: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu. Chúng ta không nên vì thắng mà kiêu, không nên chủ quan khinh địch. Chúng ta kiên quyết kháng chiến để tranh lại độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình. Bất kỳ đấu tranh quân sự hay ngoại giao cũng đều phải đấu tranh trường kỳ gian khổ mới đi đến thắng lợi hoàn toàn”. Ngày 12/5/1954, Bác viết thư gửi toàn thể cán bộ và chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ; Bác căn dặn một lần nữa: “Chớ vì thắng mà kiêu, chớ chủ quan khinh địch, phải luôn sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ Đảng và Chính phủ giao cho các chú”. Cùng ngày này, Bác có bài thơ *Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ* đăng trên báo *Nhân dân* số 184.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại trong hồi kí: “Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tôi từ Tây Bắc trở lại Việt Bắc, đến chao Bac. Người bắt tay chúc mừng rồi nói: “Nhân dân ta còn phải tiếp tục chống Mỹ!”. Tôi nhớ tới những lời Bác viết trong thư khen ngợi quân và dân sau chiến thắng: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”. Những lời này chỉ có được ở Chủ tịch Hồ Chí Minh”. Lịch sử cách mạng nước ta từ năm 1954 trở đi diễn ra đúng lời dự báo của Bác.

Mùa Xuân Giáp Ngọ lại về. Năm qua, nước ta gặp biết bao khó khăn: thế giới nhiều biến động phức tạp, kinh tế suy giảm; trong nước còn những yếu kém tích tụ từ nhiều năm chưa khắc phục được, lại gánh chịu bão lũ nặng nề. Nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước cùng chung lưng đấu cật vượt qua mọi gian lao, đạt thêm nhiều thành tựu trên tất cả các lĩnh vực. Sự nghiệp đổi mới tiếp tục phát triển, có mặt đi vào chiều sâu. Thế giới càng yêu quý, tin nhiệm Việt Nam.

Mừng xuân mới, thắng lợi mới, mừng Hậu Giang 10 năm thành lập và khởi sắc, chúng ta khắc sâu lời dạy của Bác Hồ 60 năm trước: “Thắng lợi tuy lớn nhưng mới là bắt đầu”; “Chớ vì thắng mà kiêu, chớ chủ quan khinh địch”. Lời dạy của Bác thật sâu sắc và xác đáng vì kiêu ngạo, tự mãn thành tích bao giờ cũng là rào

cản ngăn chặn sự tiến bộ và phát triển. Thực hiện thường xuyên lời dạy của Bác, chúng ta nhất định sẽ khắc phục được các khuyết điểm, suy thoái; đạt thêm nhiều thành tựu hơn nữa; nâng cao chất lượng sự nghiệp đổi mới - nhất là chất lượng văn hóa và nhân văn - vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Phạm Minh Khải - *Baohaugiang.com.vn*

10. Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng chấn động địa cầu

Năm 2014, Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Ủy ban Trung ương MTTQ Việt Nam sẽ long trọng tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm chiến thắng Điện Biên Phủ (7/5/1954 - 7/5/2014). Với ý nghĩa, tầm vóc, giá trị lịch sử của chiến thắng Điện Biên Phủ đã khẳng định sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh, tinh thần đại đoàn kết dân tộc và sức mạnh của Quân đội nhân dân Việt Nam - nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Nhân dịp mừng Đảng, mừng Xuân Giáp Ngọ- 2014 và kỷ niệm 60 năm sự kiện trên, *Báo Xuân Bình Thuận* xin giới thiệu bài viết vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng Điện Biên Phủ.

Chiến thắng chấn động địa cầu

Với phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, sau khi đã hoàn tất công tác chuẩn bị, Chiến dịch Điện Biên Phủ được mở màn vào ngày 13/3/1954. Sau 3 đợt tiến công, 55 ngày đêm chiến đấu ngoan cường, vượt mọi hi sinh, gian khổ “khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt”, quân đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 7/5/1954, lá cờ “Quyết chiến, quyết thắng” của ta tung bay trên nóc hầm Đờ-Cát-xơ-ri, kết thúc cuộc kháng chiến 9 năm trường kỳ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đây là chiến thắng quân sự lớn nhất trong cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) của Quân đội nhân dân Việt Nam với quân đội Liên hiệp Pháp (gồm lực lượng viễn chinh Pháp, lê dương Pháp, phụ lực quân bản xứ).

Trên phương diện quốc tế, chiến thắng này có ý nghĩa rất lớn: Lần đầu tiên quân đội của một nước thuộc địa châu Á đánh thắng quân đội của một cường quốc châu Âu. Được xem là một thảm họa bất ngờ đối với thực dân Pháp và cũng là một đòn giáng mạnh với thế giới phương Tây, đã đánh bại ý chí duy trì thuộc địa Đông Dương của Pháp và buộc nước này phải hòa đàm và rút ra khỏi Đông Dương, các thuộc địa ở châu Phi được cổ vũ cũng đồng loạt nổi dậy. Chỉ riêng trong năm 1960, 17 nước châu Phi đã giành được độc lập và đến năm 1967, Pháp đã buộc phải trao trả độc lập cho tất cả các nước là thuộc địa của Pháp. Chấm dứt hơn 400 năm của chủ nghĩa thực dân cũ cai trị trên thế giới.

Tiên tri và tài thao lược của Hồ Chủ tịch Chủ tịch Hồ Chí Minh là linh hồn của cuộc kháng chiến, chính bản lĩnh, tài năng thao lược, điều binh khiển tướng của Người là một trong những nguyên nhân làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ.

Trước Chiến dịch Điện Biên Phủ 5 năm, tháng 6/1949, trong tác phẩm *Giấc ngủ mười năm* Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dự báo đúng cảnh tượng cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi, sau một trận quyết chiến chiến lược có quy mô rất lớn và rất ác liệt. Mặc dù thực dân Pháp được một nước khác giúp đỡ, nhưng hơn 1 vạn quân địch đã bị tiêu diệt. Số quân đó tương đương với 1,6 vạn quân Pháp bị loại khỏi vòng chiến đấu ở Điện Biên Phủ.

Cuối tháng 9/1953, tại bản Tin Keo, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên, Chủ tịch Hồ Chí Minh chủ tọa cuộc họp của Bộ Chính trị bàn kế hoạch tác chiến Đông - Xuân. Trong cuộc họp này, Hồ Chủ tịch khẳng định rõ: “Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh. Không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó không còn”. “Về hướng hoạt động, lấy Tây Bắc làm hướng chính, các hướng khác là hướng phối hợp. Hướng chính hiện nay không thay đổi, nhưng trong hành động có thay đổi. Phép dùng binh là thiên biến vạn hóa”.

Ngày 6/12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng Tư lệnh, quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ. Như vậy cả ta và địch đều chọn Điện Biên Phủ làm trận đánh then chốt, quyết chiến chiến lược. Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng đã hạ quyết tâm: “Tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ để kết thúc chiến tranh”.

Một thắng lợi mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tin tưởng khẳng định mạnh mẽ với giới quan sát nước ngoài ngay từ đầu chiến dịch này. Tháng 3/1954, nhà báo Ô-x-trây-li-a Bóc-sét hỏi Chủ tịch Hồ Chí Minh về tình hình Điện Biên Phủ. Người liền ngửa chiếc mũ lên bàn, chỉ vào đáy mũ nói: “Đây là Điện Biên Phủ, thung lũng có núi bọc xung quanh”. Sau đó, Người vòng tay theo vành mũ, nói tiếp: “Quân viễn chinh Pháp ở dưới thung lũng này, chúng tôi từ trên núi ở chung quanh bao vây chúng. Chúng nhất định không thể thoát được”. Thực tiễn đã diễn ra đúng như thế.

Tài chọn và dùng tướng

Hồ Chủ tịch từng khẳng định rằng, người lãnh đạo có tài lãnh đạo sẽ làm cho người “Tài nhỏ có thể hóa ra tài to. Lãnh đạo không khéo, tài to cũng hóa ra tài nhỏ”. Muốn vậy, phải khiến cho cán bộ có gan phụ trách, có gan làm việc. Khi giao công tác cho cán bộ cần phải chỉ đạo rõ ràng, sắp đặt đầy đủ. Vạch rõ những điểm chính, và những khó khăn có thể xảy ra. Những vấn đề đã quyết định rồi, thả cho họ làm, khuyến khích họ cứ cả gan mà làm. Trong chiến tranh, khi chiến lược chiến thuật và nhiệm vụ đã quyết định rồi, vị Tổng Tư lệnh không cần nhúng tay vào những vấn đề lặt vặt. Phải đề cấp chỉ huy có quyền “tùy cơ ứng biến”, mới có thể phát triển tài năng của họ. Chính Người đã thực hiện tư tưởng đó với Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Ngày 1/1/1954, thay mặt Bộ Chính trị, Người trao nhiệm vụ cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp làm Trưởng Ban chỉ huy và Bí thư Đảng ủy Chiến dịch Điện Biên Phủ, đồng thời là Tổng chỉ huy tất cả chiến trường, trừ chiến trường đồng bằng.

Trước khi Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên đường, Chủ tịch Hồ Chí Minh hỏi:

“Chú đi xa như vậy chỉ đạo chiến trường có gì trở ngại?”, Đại tướng trả lời: “Thưa Bác! Chỉ trở ngại là ở xa, khi có vấn đề quan trọng khó xin ý kiến của Bác và Bộ Chính trị”. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói: “Tướng quân tại ngoại, trao cho chú toàn quyền quyết định rồi báo cáo sau”. Người đã thay mặt Đảng, Chính phủ tin tưởng, trao đủ quyền lực cho một vị tướng giỏi đáng tin cậy.

Kết quả là như chúng ta đã biết, bằng thiên tài quân sự của mình Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã chỉ huy xuất sắc trận quyết chiến chiến lược, lập nên chiến công hiển hách, chiến thắng Điện Biên Phủ “Lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu” ghi một mốc son chói lọi trong lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc.

Huỳnh Lê - *Baobinhthuan.com.vn*

11. Kỷ niệm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ: Đọc những vần thơ của Bác Hồ viết về Điện Biên Phủ

Bác Hồ kính yêu của chúng ta sinh thời luôn coi văn học nghệ thuật như một hoạt động tinh thần phong phú, phục vụ có hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng.

Trong những năm kháng chiến chống Pháp, sau mỗi lần bàn xong việc quân, việc nước, Bác lại thả hồn mình với cảnh sắc thiên nhiên, làm bạn với trăng sao, suối rừng. Có khi Bác chống gậy lên non xem trận địa, để suy ngẫm về thế và lực của ta. Chiến dịch Điện Biên Phủ đã làm Bác nhiều đêm không ngủ tuy Bác đã có tiên đoán về sự thắng lợi ngay từ Chiến dịch Đông Xuân 1952:... Kháng chiến vừa sáu năm- Trường kỳ và gian khổ- Chắc thắng trăm phần trăm (*Thơ chúc Tết xuân Nhâm Thìn*).

Chiến thắng Điện Biên Phủ có ý nghĩa quyết định đem lại hòa bình độc lập cho Việt Nam. Bộ đội chủ lực của ta phải rải ra ở nhiều chiến trường, được nhân dân yêu mến gọi là vệ quốc quân, là bộ đội Cụ Hồ. Bác thấu hiểu nỗi gian lao vất vả của các anh. Để động viên các chiến sĩ ngoài mặt trận, Người đã viết bài thơ *Tặng bộ đội Điện Biên Phủ*:

“Đá rắn, quyết tâm ta rắn hơn đá
Núi cao, chí khí ta còn cao hơn.
Khó khăn ta quyết tâm vượt cho kỳ được
Gian khổ không thể làm lòng ta sờn...”.

Bài thơ có giọng chắc khỏe như một lời hiệu triệu thể hiện rõ quyết tâm sắt đá của quân dân ta. Các hình ảnh “đá rắn, núi cao” được Bác đặt vào hai vế đối, cùng với nhiều thanh trắc đi liền nhau đã hình tượng hóa sức mạnh và ý chí của quân đội ta.

Ngày 20/11/1953 theo kế hoạch Na-va, hai mươi một sư đoàn tinh nhuệ cùng với máy bay, xe tăng, đại bác, hàng ngàn lính Pháp đã nhảy dù xuống Điện Biên

Phủ. Ngày 13/3/1954, ta bắt đầu tấn công Điện Biên Phủ, và sau 56 ngày đêm khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt- máu trộn bùn non - gan không núng, chí không mòn (Tố Hữu), trưa ngày 7/5/1954, ta đã giành thắng lợi vẻ vang, kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp chín năm. Mặc dù rất bận, nhưng chỉ sau 5 ngày toàn thắng, Bác đã sáng tác một bài thơ khá dài so với thường lệ của thơ Người để chào mừng chiến thắng lịch sử vĩ đại này. Đó là bài *Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ* (đăng báo *Nhân dân* số 184, ngày 12/5/1954 - bút danh CB).

Bài thơ có 45 câu chia thành 5 khổ theo thể 7 chữ, vần chân, nó như một bản thông tin nhanh, có số liệu cụ thể nhưng rất giàu hình ảnh dễ nhớ, dễ thuộc. Đầu tiên Bác tập trung giới thiệu về âm mưu và binh lực của kẻ địch. Đồng thời Bác chỉ ra thói hợm hĩnh, kiêu căng của kẻ thù, và đó chính là một trong những nguyên nhân đã dẫn đến thất bại thảm hại của chúng, mặc dù thực dân Pháp đã được bọn quan thầy Mỹ hỗ trợ tích cực: “20 tháng 11 năm cũ - Giặc Pháp nhảy dù Điện Biên Phủ - Hăm một tiểu đoàn tinh nhuệ nhất - Xe tăng, súng lớn đầy chồng chất - Chúng khoe rằng: “Kế hoạch Na-va” - Thật là mạnh dạn và tài hoa - Phen này Việt Minh phải biết tay - Quan thầy Mỹ thì vui lòng thay - Các báo phản động khắp thế giới - Inh ỏi tăng bốc Na-va tới”.

Tiếp đến là những dòng thơ thể hiện quyết tâm của bộ đội, dân công và lời hứa với Đảng, Bác, Chính phủ sẽ giành thắng lợi: “Bộ đội, dân công quyết một lòng - Xẻ non, đắp suối, vượt qua sông - Khắc phục khó khăn và hiểm trở - Đánh cho giặc tan mới hả dạ - Lặng lẽ chuẩn bị suốt tháng ngày - Không quản gian khổ và đắng cay - Quyết tâm làm cho tròn nhiệm vụ - Đã hứa với Đảng, Bác, Chính phủ”. Những câu thơ thật gân guốc, chân thực như chính cuộc sống vốn có, tạo nên niềm tin yêu và sức mạnh để ta mở màn chiến dịch, khai tử chủ nghĩa thực dân Pháp trên đất nước ta.

Chỉ với 8 dòng nhưng ở khổ thơ tiếp theo, Bác đã khắc họa được khá rõ nét giấc mộng chủ quan của các tướng Pháp như “Na-va cùng Cô-nhi” ý vào quan thầy Mỹ, nuôi ảo tưởng: 13 tháng 3 ta tấn công “Giặc còn ở trong giấc mơ mòng- Mình có thầy Mỹ lo cung cấp - Máy bay cao cao, xe tăng thấp - Lại có Na-va cùng Cô-nhi- Những tay tướng giỏi nắm chỉ huy - Chúng mình chuyên này nhất định thắng - Việt Minh ắt thua chạy quỳnh cẳng”. Ở đây chất trào lộng hóm hỉnh trong thơ Bác lại có dịp xuất hiện, tạo ra tiếng cười châm biếm thói kiêu căng, hùng hổ của kẻ thù, để rồi chúng sẽ xem ai phải chạy quỳnh cẳng? Đó cũng là dự báo cho sự thất bại của quân đội viễn chinh Pháp.

Ở khổ thứ tư của bài thơ kéo dài 12 câu diễn tả chiến thắng liên tiếp của quân ta với những thống kê rất chi tiết. Sự đối lập trong câu tứ tăng tiến: “Hơn 50 ngày, ta đánh đồn - Ta chiếm một đồn, lại một đồn - Quân giặc chống cự tuy rất hăng - Quân ta anh dũng ít ai bằng - Na-va, Cô-nhi đều méo mặt - Quân giặc tan hoang, ta vây chặt - Giặc kéo từng loạt ra hàng ta - Quân ta vui hát “khải hoàn ca”- 13 quan năm đều hàng nốt - Tên tướng chỉ huy cũng bị nhốt - Một vạn sáu ngàn tên giặc Tây - Đều làm tù binh, hoặc bỏ thầy”. Đây là bức tranh công đồn khí thế ngút trời

của quân ta và sự thất bại thảm hại của kẻ thù. Là tiếng reo vui mừng nhất, là hồi kèn xung trận, là sự toàn thắng của quân ta, đồng thời là một màn bi hài kịch đối với quân Pháp.

Kết thúc bài thơ chỉ với 6 câu ngắn gọn, Bác đã tổng kết thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ, chỉ ra nguyên nhân ta thắng, địch thua. Và xem đó là một món quà đặc biệt mà Bác rất mong bộ đội, dân công sẽ dâng lên mừng thọ Bác 64 tuổi: “Thế là quân ta đã toàn thắng - Toàn thắng là vì rất cố gắng - Chiến sĩ viết thư dâng Cụ Hồ - Xin Bác vui lòng mà nhận cho - Món quà chúc thọ sinh nhật Bác - Chúng cháu cố gắng đã sắm được”.

Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ chính là món quà tinh thần quý nhất, đẹp nhất dâng lên Người. Niềm mong mỏi, khát vọng cháy bỏng của Bác về Chiến dịch Điện Biên Phủ đã thành sự thật.

Bài thơ *Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ* có kết cấu mạch lạc theo hình thức đọc tấu dân gian, có giọng điệu kể rất vui trong cung bậc thể hiện tình cảm chân thành, niềm vui và hi vọng của Người. Có thể xem đây là bản tổng kết chiến thắng Điện Biên Phủ một cách ngắn gọn nhất bằng thơ. Ngôn ngữ của bài thơ là thứ ngôn ngữ ý vị như ngôn ngữ của người dân quê Việt Nam. Người khéo dùng tục ngữ, hay nói ví, thường có lối châm biếm kín đáo và thú vị (Phạm Văn Đồng). Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Bác còn viết bài *Na-va Chinh phu ngâm* để tổng kết Na-va về Tây - ký bút danh CB - trong đó có câu:

“Thua to ở trận Điện Biên
Vì ai kế hoạch mà nên nỗi này!”.

Cuối bài thơ Bác ghi chú ý: “Chinh phu” chứ không phải “Chinh phụ”. Có nghĩa rằng khúc ngâm ai oán này không còn là của người vợ lính trong khúc ngâm nổi tiếng, nguyên bản của Đặng Trần Côn... mà là khúc ngâm của chính người lính viễn dương thất trận Na-va, vì kế hoạch tan thành mây khói.

Mười năm sau chiến thắng Điện Biên Phủ, ngày 12/11/1964, trên báo *Nhân dân* số 3878, với bút danh “Chiến sĩ”, Bác viết bài văn *Uy danh lừng lẫy khắp năm châu*, trong đó có bốn câu thơ dự báo sự thất bại của đế quốc Mỹ trong cuộc chiến tranh ở Việt Nam:

“Uy danh lừng lẫy khắp năm châu
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu
Thành đồng trống thẳm lay Lầu trắng
Điện Biên, Mỹ chẳng phải chờ lâu”.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là bài học đầu tiên cho thực dân Pháp và đó cũng là bài học tiếp theo cho bất kỳ kẻ thù nào dám tới xâm phạm bờ cõi nước ta. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, quân đội ta lớn mạnh trùng trùng, điệp điệp, cao như núi, dài như sông”(Tố Hữu) góp phần đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ (*Di*

chúc của Bác).

Kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ 7/5/2007, đọc lại những vần thơ của Bác viết về chiến dịch vĩ đại này, ta không khỏi bồi hồi xao xuyến xen lẫn tự hào, tin yêu về Đảng, Bác và dân tộc ta, về chiến thắng “Lừng lẫy Điện Biên, chấn động địa cầu”.

Theo CTO - *Cinet.gov.vn*

12. Chiến dịch Điện Biên - Bản hùng ca bất diệt

Chiến thắng Điện Biên Phủ là sự hội tụ của nhiều yếu tố, nhưng trước hết nó được bắt nguồn từ tư tưởng tự lực cánh sinh của Bác, kết hợp với cuộc đấu tranh chung của nhân dân tiến bộ thế giới và đã tiềm ẩn qua dự báo của Bác trong tác phẩm *Giác ngủ mười năm* viết từ tháng 6/1949. Bác luôn bám sát, theo dõi chặt chẽ diễn biến, kịp thời chỉ đạo chiến dịch, gửi thư động viên quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Ngay sau khi Chiến dịch Điện Biên Phủ của ta thắng lợi, Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Cu Ba H.R.Lom-pác viết: “Ba tiếng Việt Nam - Hồ Chí Minh - Điện Biên Phủ từ nay gắn liền với nhau thành một sự thật vĩ đại, chói lọi như một niềm hi vọng to lớn và tươi sáng”. Thực ra, sự gắn kết này được chấp nối từ đầu thế kỷ XX - khi mà Bác chọn theo con đường cách mạng của Lênin, vì rằng không có sự lựa chọn ấy thì không có Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời năm 1930, mà không có Bác và Đảng ta thì không có Cách mạng tháng Tám năm 1945 và hiển nhiên càng không có chiến thắng Điện Biên Phủ 1954.

Chiến thắng Điện Biên Phủ là sự hội tụ của nhiều yếu tố, nhưng trước hết nó được bắt nguồn từ tư tưởng tự lực cánh sinh của Bác, kết hợp với cuộc đấu tranh chung của nhân dân tiến bộ thế giới và đã tiềm ẩn qua dự báo của Bác trong tác phẩm *Giác ngủ mười năm* viết từ tháng 6/1949. Bác luôn bám sát, theo dõi chặt chẽ diễn biến, kịp thời chỉ đạo chiến dịch, gửi thư động viên quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Ngày 6/12/1953, trong khi Na-va đang ra sức xây dựng tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ thì Bác Hồ lại chủ trì Hội nghị của Đảng, quyết định mở chiến dịch này làm trận quyết định kết thúc kháng chiến chống Pháp. Giữa tháng này, Bác gửi thư đến cán bộ và chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ, kịp thời động viên tinh thần, khí thế chiến đấu, trong đó viết: “Thân ái gửi cán bộ chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ.

Năm ngoái các chú đã anh dũng chiến đấu, tiêu diệt nhiều địch. Năm nay các chú phải chiến đấu anh dũng hơn, chịu đựng gian khổ hơn, phải giữ vững quyết tâm trong mọi hoàn cảnh, quyết tâm tiêu diệt địch,... giành nhiều thắng lợi...”.

Ngày 22/12/1953, Bác lại có thư gửi cán bộ chiến sĩ, sự tin tưởng cao độ của mình vào thắng lợi ở Điện Biên Phủ. Hơn thế, khi được các nhà báo nước ngoài

phỏng vấn về kết quả Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác khẳng định chắc chắn: “Chiến thắng sẽ thuộc về nhân dân và lực lượng vũ trang của Việt Nam”.

Từ đầu tháng 3/1954, để củng cố tinh thần trước khi bước vào giai đoạn đầu tiên của chiến dịch, Bác có thư dặn dò các chiến sĩ: “Nhiệm vụ các chú lúc này là rất to lớn, khó khăn nhưng rất vinh quang”. Ngày 13/3/1954, quân ta nổ súng mở đầu đợt tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, thì ngày 15/3, Bác và Trung ương Đảng gửi điện khen ngợi, động viên chiến sĩ ngoài mặt trận: “Bác và Trung ương vừa được nghe báo cáo về trận thắng đầu tiên của ta ở Điện Biên Phủ, Bác và Trung ương có lời khen các đồng chí.

Đây là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và ý nghĩa chính trị quan trọng. Dịch sẽ ra sức đôi phó, ta phải cố gắng, chiến đấu dẻo dai bền bỉ...”. Từ đó cho đến kết thúc, Bác và Trung ương Đảng luôn luôn theo dõi tình hình chiến sự ở Điện Biên Phủ để chỉ đạo kịp thời.

Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng, ngày 9/5, Bác có thư khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong cùng đồng bào Tây Bắc đã chiến thắng vẻ vang, rồi gửi thư chúc mừng toàn thể cán bộ chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ bày tỏ vui mừng: “Thế là Bác cháu ta cùng vui, vui để cố gắng mới, để khắc phục khó khăn mới và giành thắng lợi mới, Bác và Chính phủ thưởng cho tất cả các chú Huy hiệu chiến sĩ Điện Biên Phủ”, rồi trong các ngày 8 đến 12/5, Bác đã tặng Huy hiệu này cho các chiến sĩ.

Bác còn làm thơ, viết những mẩu chuyện về Điện Biên Phủ đăng ở báo *Cứu quốc* và một số tờ báo khác. Trong mẩu chuyện *Nói láo trên trời, dưới đất nghe*, Bác khẳng định Chính phủ phản động Pháp rất thạo nghề nói láo và thắng lợi của ta ở Điện Biên Phủ chứng tỏ Pháp bị mất mùa nói láo; ở bài *Nội bộ Pháp lung củng*, Bác viết: “khi thất bại thì bọn chính trị Pháp đổ lỗi cho bọn quân sự, song chúng đều nhất trí không thể giữ Bắc Bộ được nữa”; rồi trong bài viết có nhan đề *Pháp vỡ đầu, Mĩ cũng méo mặt*, đăng báo *Cứu quốc* ngày 31/5, Bác viết: “Điện Biên Phủ là một thất bại đau đớn cho Pháp, cũng là thất bại nhục nhã cho Mĩ”; bài *Trời đất Việt không dung giặc Pháp* Bác nói về sự huênh hoang của địch: mặc dù Pháp cứ tuyên truyền Việt Minh sẽ bị đánh tan ở Điện Biên Phủ, nhưng kỳ thực thì tinh thần quân Pháp rất bạc nhược, ngay từ khi ta thắng đợt 1, chúng đã có người tự tử rồi; bài *Quân binh Pháp không thương thương binh Pháp*, Bác viết về chính sách khoan hồng, nhân đạo của ta đối với tù binh Pháp, nhưng chính bọn chỉ huy Pháp lại đối xử dã man với quân lính của mình.

Bác vui sướng mà ca ngợi chiến thắng Điện Biên Phủ trong bài *Từ biên giới đến Điện Biên Phủ*: Khi ta thắng ở Biên giới năm 1950 đã làm cho cả nước Pháp xôn xao và Pháp cho đây là thất bại to nhất trong lịch sử thực dân Pháp. Nhưng đến Điện Biên Phủ thì làm cho cả thế giới xôn xao. Ta, bạn bè ta và cả châu Á thì vui mừng còn Pháp - Mĩ thì ngơ ngác.

Bác còn viết bài *Quân ta toàn thắng Điện Biên Phủ* dưới dạng thơ để cho

người đọc dễ nhớ, đăng báo *Nhân dân* các ngày 12 - 15/5, trình bày tỉ mỉ về diễn biến, thắng lợi và ý nghĩa của chiến dịch này. Ngày 7/5/1964, Bác ghi trong sổ lưu niệm Bảo tàng Điện Biên Phủ rằng: đó là thắng lợi vĩ đại của nhân dân ta, cũng là thắng lợi chung của tất cả dân tộc bị áp bức trên thế giới.

Chiến thắng Điện Biên Phủ càng làm sáng ngời chân lý của chủ nghĩa Mác-Lênin trong thời đại ngày nay: Chiến tranh xâm lược của bọn đế quốc nhất định thất bại, cách mạng giải phóng của các dân tộc nhất định thành công.

Đức Hoàng - *Congannghean.vn*

13. Tầm nhìn chiến lược về quân sự của Bác Hồ về địa hình

Trong lịch sử các cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược của các dân tộc trên thế giới, hiếm có một đất nước nào, một dân tộc nào phải liên tục chiến đấu chống ngoại xâm lâu dài, để tồn tại và phát triển như dân tộc Việt Nam. Cũng hiếm có một dân tộc nào lại lập được những chiến công hiển hách trong các cuộc kháng chiến chống quân xâm lược bằng những loại vũ khí thô sơ để chống lại kẻ thù tàn bạo, hung hãn qua các thời đại, để rồi ghi đậm những chiến công huyền thoại, làm rạng rỡ dân tộc, vẻ vang giống nòi trong lịch sử hình thành và phát triển của mình như dân tộc Việt Nam.

Chúng ta tự hào bởi truyền thống đấu tranh anh dũng của các bậc cha ông trước, cùng với đường lối lãnh đạo quân sự đúng đắn, sáng suốt và tài tình của Đảng và Bác Hồ vĩ đại. Đường lối đó đã tiếp thu những tinh hoa quân sự cổ, kim, Đông, Tây kết hợp một cách hài hòa giữa kiến thức quân sự truyền thống và hiện đại, vận dụng một cách sáng tạo vào thực tiễn hoạt động quân sự ở Việt Nam.

Trong hai cuộc kháng chiến thần thánh chống Pháp và chống Mỹ, với nhãn quan chính trị sắc bén và tầm nhìn chiến lược tài tình, cũng như vốn am tường lý luận quân sự cổ phương Đông, cùng với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, Bác Hồ đã rất coi trọng ba điều kiện của tự nhiên, đó là “Thiên thời, địa lợi, nhân hòa”. Cả 3 yếu tố này đã góp phần không nhỏ, và lập nên những kỳ tích trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

Người hiểu rất rõ điều kiện địa hình là 1 trong 13 điều quan trọng của binh pháp Tôn Tử. Người đã chỉ ra rằng: “Nguyên tắc dùng binh của Tôn Tử chẳng những đúng về quân sự, mà đem dùng về chính trị cũng rất hay, những nguyên tắc này vẫn còn rất đúng bởi nó đã nêu được những quy luật tổng quát của chiến tranh. Nhiều câu nói của Tôn Tử vẫn còn nguyên giá trị chỉ đạo chiến lược cũng như chiến thuật của cuộc đấu tranh”^[1]. Từ thực tiễn khách quan ấy, Người coi “thiên

^[1] Theo sách *Hồ Chí Minh toàn tập*. T4 – H; Nxb.Sự thật, 1984.

thời, địa lợi, nhân hòa” trong quân sự là 3 yếu tố cần thiết góp phần hết sức quan trọng để hoạt động quân sự và làm nên chiến thắng.

Từ xa xưa, ông cha ta đã quan niệm “Thùy tri vạn cổ trùng hưng nghiệp, bán tại quan hà, bán tại nhân”, có nghĩa là “Sự nghiệp trùng hưng muôn thuở, nửa do sông núi, nửa do người”. Bác Hồ đã đưa ra nhận định: “Địa lợi không chỉ có sông sâu núi hiểm, mà còn có cả những con người sinh trưởng tại chỗ, quyết tâm đánh giặc, vận dụng những cách đánh có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm địa hình, địa thế”... Tiếp thu truyền thống cách đánh giặc độc đáo của dân tộc, “binh pháp mọi nhà” dùng mưu cao, kế hiểm, sáng tạo vận dụng linh hoạt địa hình tự nhiên, Người chỉ rõ “Từ hang cùng, ngõ hẻm, núi cao rừng rậm, đâu đâu cũng là đất nước Việt Nam, quân địch tiến đến chỗ nào cũng không thuộc địa hình, địa vật và có dân quân ta ở đó, chúng sẽ bị đánh bất ngờ...”. Vì thế ta phải dùng cách “Dĩ tật đãi lao”, có nghĩa là “Lấy cái sung sức của lực lượng tại chỗ mà đánh quân địch mệt mỏi từ xa tới”.

Người quan niệm: “Yếu tố quan trọng của địa hình là tính hiểm sâu để lập thế trận ta, phá thế trận địch”... Dáng đất, điểm dân cư, đường sá, sông ngòi, cây cối, núi cao có giá trị cho việc quan sát, cơ động phát huy tính năng kỹ thuật cũng như hành động chiến đấu của từng người hay từng đơn vị, đã tạo thế uy hiếp, tiến tới làm sụp đổ dây chuyền toàn bộ trong hệ thống phòng ngự chiến lược của địch để giành thắng lợi...

Người cho rằng: “Về quân sự, đành rằng phải có binh mạnh, tướng giỏi nhưng không nghiên cứu địa hình một cách tường tận không thể xuất trận thành công được... “Đối với người thường thì một hố sâu, một đồng cao, một bụi rậm nó chỉ là cái đồng, cái hố cát bụi thôi, nhưng về mặt quân sự lại có một giá trị đặc biệt, có khi nhờ bụi rậm, hố sâu mà thoát được hiểm nguy...”. Người chỉ ra 4 đặc điểm địa hình thường gặp là: “Vùng có nhiều núi cao hiểm trở, nhiều sông ngòi, vùng bãi lầy, suối sâu, trong lúc tiến quân cần phải tránh những địa điểm như đường độc đạo lên dốc núi cao, thung lũng trũng xung quanh có núi cao bao bọc, khu rừng núi quanh co, vào dễ nhưng ra khó... cần phải cho quân đi dò xét cẩn thận...”.

Đúc kết kinh nghiệm yếu tố địa hình, từ khi xây dựng căn cứ địa cách mạng đến hai cuộc kháng chiến, Người đã có những sách lược và chiến lược cho mỗi cuộc đấu tranh. Vận động nhân dân thực hiện “Vườn không nhà trống”, phát huy lối đánh du kích, từ rừng núi đến đồng bằng, từ nông thôn đến thành thị, chia cắt làm nhiều mảnh tấn công địch. Người nói: “...lòng yêu nước của đồng bào, nhập với địa hình hiểm trở của núi rừng, sông, suối thành một lực lượng vô địch, nó đã đánh tan cuộc tấn công của thực dân Pháp”. Trong chống Mỹ cứu nước có đường mòn Hồ Chí Minh, đường Hồ Chí Minh trên biển, các địa đạo nổi tiếng: Vĩnh Mốc, Củ Chi... đã che chở cho quân và dân ta, đảm bảo bí mật cho “những đoàn quân từ trong lòng đất, xông lên diệt hết quân thù”, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.

Sự nghiệp - tư tưởng quân sự của Bác Hồ đã đi vào lịch sử, thấm sâu vào lòng dân. Những hoạt động quân sự thực tiễn của Người đã cổ vũ và nêu gương cho toàn dân. Nó trở thành niềm tin tất thắng, thành nghệ thuật quân sự, thành sức mạnh vật chất trên chiến trường, góp thêm chất liệu mới để bổ sung và hoàn chỉnh đường lối, sách lược của Đảng, mạng lại chiến thắng vẻ vang cho dân tộc, đưa cuộc Cách mạng tháng Tám đến thành công và hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

Nguyễn Thị Lan - *Haiduongdost.gov.vn*

14. Sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng và Bác Hồ trong chiến thắng Điện Biên Phủ

Cách đây 58 năm, lá cờ quyết chiến quyết thắng của Quân đội Nhân dân Việt Nam tung bay trên nóc hầm Đờ-cát báo hiệu Chiến dịch Điện Biên Phủ, đỉnh cao của chiến cuộc Đông Xuân 1953 -1954, toàn thắng... Chiến thắng Điện Biên Phủ mãi là một bản anh hùng ca tuyệt vời về tinh thần và ý chí quyết chiến, quyết thắng, về trí tuệ và bản lĩnh của con người Việt Nam trong đấu tranh cách mạng...

Cuối tháng 9/1953, trước tình hình địch ráo riết triển khai thực hiện Kế hoạch Na-va, dưới sự chủ trì của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Bộ Chính trị bàn nhiệm vụ quân sự Đông Xuân 1953-1954, xác định phương hướng chiến lược và chủ trương tác chiến.

Bộ Chính trị nhấn mạnh phương châm “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” và các nguyên tắc về chỉ đạo chiến lược, chỉ đạo tác chiến là tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng ta; đánh chắc thắng; đánh tiêu diệt; chọn nơi địch sơ hở, nơi địch tương đối yếu mà đánh; giữ vững chủ động, kiên quyết buộc địch phải phân tán lực lượng để đối phó với ta trên nhiều hướng.

Ngày 20/11/1953, địch mở cuộc hành quân Ca-xto, đánh chiếm Điện Biên Phủ, từng bước biến nơi đây thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất của Pháp tại Đông Dương.

Ngày 6/12/1953, Bộ Chính trị họp khẩn cấp, quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ và nhất trí thông qua phương án tác chiến của Tổng Quân ủy. Như vậy, từ chủ trương chọn nơi địch sơ hở mà đánh đến quyết định nhằm vào chỗ địch mạnh nhất (Điện Biên Phủ) mà đánh là một chủ trương kiên quyết, linh hoạt, sáng tạo, kịp thời; thể hiện tầm nhìn chiến lược và quyết tâm rất lớn của Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh nhằm đánh bại thực dân Pháp xâm lược.

Khi quân Pháp mới nhảy dù xuống Điện Biên Phủ (tháng 11/1953), ta chủ trương “đánh nhanh, thắng nhanh”. Đến cuối tháng 1/1954, trong quá trình triển khai Chiến dịch Điện Biên Phủ, ta nhận thấy tình hình địch đã thay đổi; lực lượng của chúng được tăng cường, hệ thống phòng ngự được củng cố. Đảng ủy Mặt trận Điện Biên Phủ quyết định chuyển sang phương châm “đánh chắc, tiến chắc” và

được Bộ Chính trị nhất trí.

Sau hai đợt tiến công ở Điện Biên Phủ, ta đã giành thắng lợi rất lớn và rất quan trọng. Tuy nhiên, vào cuối đợt hai, do thời gian tác chiến diễn ra đã hơn một tháng, sức lực và tinh thần ở một số đơn vị và cá nhân có dấu hiệu suy giảm. Trước tình hình đó, Bộ Chính trị và Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ đạo kịp thời khắc phục điểm yếu này và lực lượng cả nước phối hợp hoạt động với mặt trận Điện Biên Phủ. Cùng ngày 19/4/1954, Bộ Chính trị ban hành hai nghị quyết: một là, chỉ đạo Điện Biên Phủ tiếp tục thấu triệt phương châm “đánh chắc, thắng chắc”; hai là, chỉ đạo chiến trường trong cả nước tiếp tục thấu triệt phương châm “đánh nhỏ, ăn chắc”. Sự chỉ đạo kịp thời, đúng và trúng này đã khắc phục những khuynh hướng bất lợi và tạo lập sức mạnh tổng lực hướng về Điện Biên Phủ.

Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh còn kịp thời đưa ra những nhận định chính xác về tình hình chiến dịch, là cơ sở cho quyết định chiến trường của quân đội ta. Trong thư gửi Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp, ngày 21/4/1954, Ban Bí thư truyền đạt ý kiến của Bộ Chính trị, lưu ý âm mưu và hành động chống đỡ của địch ở khu trung tâm và dùng trọng pháo, máy bay đánh phá trận địa của ta, phá hoại đường tiếp tế hồng cổ giữ đến mùa mưa. Từ nhận định như vậy, quân ta quyết tâm phá tan âm mưu của địch, đánh thắng trước mùa mưa.

Sau 56 ngày đêm chiến đấu dũng cảm, kiên cường, ngày 7/5/1954, ta đã tiêu diệt và bắt sống toàn bộ quân địch, đập tan tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ.

Kỷ niệm 58 năm Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, chúng ta càng thêm tự hào về truyền thống vẻ vang của dân tộc Việt Nam, tự hào về Tổ quốc ta, Đảng ta, nhân dân ta và sự nghiệp cách mạng của quân và dân ta. Dù phía trước còn nhiều nguy cơ, thách thức nhưng chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng, với tài thao lược, sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng và tinh thần “quyết chiến, quyết thắng” trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, đất nước ta sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới.

VXS - *Ctd.binhdinhh.gov.vn*

15. Bác Hồ với chiến sĩ Điện Biên

Đại tá Hoàng Đăng Vinh, nguyên chiến sĩ tiểu đoàn 130, trung đoàn Sông Lô, sư đoàn Chiến Thắng, tham gia bắt sống tướng Đờ - cat trong Chiến dịch Điện Biên Phủ vào chiều 7/5/1954. Nhân kỷ niệm 56 năm Chiến thắng Điện Biên Phủ, ông Vinh đã kể cho *Đất Việt* về giờ phút giá quý nhất của đời mình khi được gặp Bác Hồ.

Bác mặc bộ quần áo kaki bạc màu, cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng, Chính phủ, quân đội, đứng dưới tán cây cổ thụ, đón chúng tôi. Chúng tôi ùa đến bên Bác, mừng vui đến trào nước mắt cứ đứng ngây ra ngắm Người. Bác chỉ các dãy ghế và ôn tồn bảo: “Các chú ngồi xuống, ngồi lại gần bác”. Rồi Bác nghe chúng tôi báo

cáo thành tích và cười rất vui. Ông kính của các nhà báo, nhà quay phim cứ hướng vào Bác và chúng tôi, khiến mọi người trở nên lúng túng. Thấy vậy, Bác nói: “Các chú phải cười lên. Cười để quay phim, chụp ảnh chứ!”. Lúc đó, chúng tôi chưa hiểu ý Bác muốn nét mặt chiến sĩ Điện Biên Phủ - Những người chiến thắng quân Pháp, phải thật tươi, thật rạng ngời, nên vẫn cứ ngượng ngáp. Bác nói vui: “Chú nào cười trước, Bác lấy vợ cho”.

Chúng tôi bật cười. Bác cũng cười. Lát sau, Bác thân mật nói với chúng tôi: “Trung ương Đảng, Chính phủ và Bác rất vui vì các chú đã đánh thắng ở Điện Biên Phủ. Thay mặt Trung ương Đảng, Chính phủ, Bác khen ngợi toàn thể cán bộ, chiến sĩ trên khắp các mặt trận. Các chú đã lập được thành tích, nhưng chớ vì thắng lợi mà kiêu, chớ chủ quan, khinh địch, mà phải luôn luôn sẵn sàng làm tròn mọi nhiệm vụ được giao!”. Ngừng giây lát, Bác nói tiếp: “Trước chiến dịch, Bác và Chính phủ có chủ trương thưởng Huy hiệu Chiến sĩ Điện Biên Phủ cho các chú. Bây giờ, Bác thưởng mỗi chú một huy hiệu”.

Chúng tôi lập tức đứng cả dậy, nghiêm trang chờ đợi được gắn huy hiệu. Tôi trẻ nhất (19 tuổi) trong số anh em đứng gần Bác nên được Bác gắn huy hiệu trước. Tim tôi đập rộn lên, sung sướng, tự hào (tấm ảnh Bác gắn huy hiệu Điện Biên Phủ cho tôi sau này được trưng bày ở nhiều bảo tàng, in trên nhiều sách báo, khiến tôi hết sức cảm động. Nó là kỷ niệm quý nhất đời tôi).

Gắn xong Huy hiệu Chiến sĩ Điện Biên Phủ cho chúng tôi, Bác thân mật nói: “Các chú trở về đơn vị cho Bác gửi lời thăm các chú thương binh, thăm toàn thể cán bộ, chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ. Các chú đã lập được thành tích, cần cố gắng lập thành tích lớn hơn nữa. Chú nào lập được nhiều thành tích, Bác sẽ khen thưởng.”

Chiều đến, chúng tôi được Bác mời dự chiêu đãi mừng chiến thắng. Bác đến, chúng tôi đứng cả dậy, vỗ tay không ngớt. Đột nhiên, tôi nghe tiếng Bác hỏi: “Chú Vinh có đây không?”. Không dám nghĩ là Bác hỏi tôi, nên tôi vẫn im lặng. Bác nhìn khắp lượt rồi hỏi tiếp: “Chú Vinh tham gia bắt tướng Đờ - cát - tơ - ri đâu?”. Tôi run run đứng dậy. Bác vẫy tôi: “Lên đây, chú lên đây”. Tôi hồi hộp bước đến bên Bác. Bác dẫn tôi đến cạnh mâm cơm đối diện với các vị khách nước ngoài, rồi bảo: “Chú ngồi đây ăn cơm với Bác” và giới thiệu tôi với mọi người. Niềm vui lớn lao đến với tôi quá bất ngờ. Bác ân cần hỏi thăm tôi về hoàn cảnh gia đình, trình độ văn hóa. Khi biết tôi mới biết đọc, biết viết, Bác dặn: “Chú còn trẻ nên tranh thủ thời gian học văn hóa để công tác tốt”.

Từ đó đến nay, mỗi dịp kỷ niệm chiến thắng Điện Biên Phủ, kỷ niệm ngày sinh Bác, tôi càng nhớ ơn Bác và nhớ Bác khôn nguôi. Tôi nghĩ nếu không được Đảng, Bác Hồ và quân đội chăm lo bồi dưỡng giáo dục, thì cuộc đời tôi - một anh nông dân nghèo - đâu được như hôm nay.

16. Tấm lòng vị cha già trong chiến dịch huyền thoại

Bác Hồ là Tổng chỉ huy tối cao của quân đội Việt Nam. Thu - Đông 1953, Người ngày đêm suy nghĩ vạch chiến lược đánh thắng kế hoạch Na-va của Pháp. Theo 5 ngón tay của Người chụm trên bản đồ tác chiến, 5 hướng tấn công đã được triển khai khắp các mặt trận, để hỗ trợ cho Điện Biên Phủ. Công việc bề bộn thế nhưng Bác luôn quan tâm đến bộ đội, dân công mặt trận cũng như đồng bào Tây Bắc. Thời gian trước chiến dịch Điện Biên, Bác liên tục gửi thư, điện, viết nhiều bài báo, bài thơ chuẩn bị tư tưởng cho nhân dân và chiến sĩ vào trận. Đọc lại những bức thư, bài viết của Bác, ta càng thấy tầm nhìn xa trông rộng và quyết tâm chiến thắng của Người.

Chuẩn bị Chiến dịch Điện Biên Phủ, ngày 21/11/1953, Bác gửi thư cho quân và dân Tây Bắc: "... Đồng bào, bộ đội và cán bộ ta ở Tây Bắc phải hăng hái tham gia công cuộc kháng chiến để cùng đồng bào chiến sĩ toàn quốc đánh đuổi giặc Tây, giặc Mĩ và giành lại độc lập cho Tổ quốc...". Một tháng sau, ngày 21/12, Bác gửi thư cho đồng bào và cán bộ tỉnh Lai Châu vừa được giải phóng, căn dặn đồng bào đoàn kết, giúp đỡ bộ đội, tăng gia sản xuất giỏi.

Nhân ngày 22/12 Thành lập QĐND Việt Nam, Bác gửi thư chúc mừng đến toàn quân: "... Nhân dịp này Bác cho mỗi Đại đoàn và mỗi Liên khu một lá cờ "Quyết chiến quyết thắng" để làm giải thưởng luân lưu". Tháng 12/1953, Bác gửi thư cho CBCS Điện Biên: "Thu - Đông năm nay, các chú lại có nhiệm vụ tiến quân vào Điện Biên Phủ để tiêu diệt thêm sinh lực địch, mở rộng thêm căn cứ kháng chiến, giải phóng thêm đồng bào còn bị giặc đè nén...".

Cũng cuối năm 1953, Bác gửi thư cho cán bộ cung cấp và đồng bào dân công (tức đội quân hậu cần chiến dịch): "... Bác gửi lời thăm các cô các chú, và mong các cô, các chú ra sức thi đua: chịu đựng gian khổ; vượt mọi khó khăn; giúp sức bộ đội tranh nhiều thắng lợi; hoàn thành nhiệm vụ vượt mức...". Đầu tháng 3/1954, trước giờ nổ súng mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ, Bác Hồ đã kịp có thư gửi CBCS: "Các chú sắp ra trận. Nhiệm vụ các chú lần này rất to lớn, khó khăn, nhưng rất vinh quang... Bác chờ các chú báo cáo thành tích để thưởng...". Những bức thư và những lời động viên, căn dặn ân cần đó bao giờ cũng được đọc trước các đoàn quân, làm nức lòng mọi người trên đường tiến quân vào Điện Biên Phủ.

Ngày 13/3, mặt trận mở màn. Ngày 15/3, điện Hồ Chủ tịch và Trung ương Đảng gửi CBCS ở mặt trận, viết: "Bác và Trung ương Đảng được báo cáo về hai trận thắng đầu tiên của quân đội ta ở Điện Biên Phủ. Bác và Trung ương Đảng có lời khen các đồng chí. Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng...". Bác luôn nhắc nhở bộ đội không được chủ quan, coi thường địch. Vấn đề quan trọng có tính chất quyết định nhất là Bác đã giao cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp toàn quyền quyết định cách đánh. Thế là Đại tướng Tổng tư lệnh đã thay đổi cách đánh nhanh thắng nhanh mà các cố vấn quân sự Trung Quốc đề ra, đã được Bộ Chính trị duyệt,

bằng cách đánh tiến chắc, thắng chắc. Sự thay đổi phương án tác chiến đó đã mang lại chiến thắng Điện Biên lòng lẫy địa cầu.

Ngày 7/5, quân ta đại thắng Điện Biên Phủ, ngày 8/5, Bác gửi thư khen ngợi bộ đội, dân công, thanh niên xung phong và đồng bào Tây Bắc đã chiến thắng vẻ vang. Sau đó Bác còn có thư gửi CBCS mặt trận Điện Biên Phủ: “Bác quyết định khao các chú. Khao thế nào tùy theo điều kiện, nhưng nhất định khao”, Bác “gửi lời thân ái thăm các chú thương binh”. Trong thư Bác hỏi: “Bác và Chính phủ định thưởng cho tất cả các chú huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên Phủ”. Các chú tán thành không?”. Đọc bức thư, ta biết đó là lúc Bác rất vui. Không vui sao được, khi quân đội của một nước thuộc địa bé nhỏ đã đánh bại hoàn toàn đội quân tinh nhuệ của cường quốc thực dân Pháp với sự giúp sức của Mĩ trong một trận quyết chiến chiến lược!

Ngoài những thư, điện động viên đó, Bác Hồ còn có nhiều bài báo, bài thơ rất kịp thời biểu dương chiến sĩ ta và vạch trần sự khoe khoang của giặc Pháp ở Điện Biên Phủ. Báo *Nhân dân* ngày 16/11/1953 in bài thơ *Kế hoạch Na-va, đầu voi đuôi chó* của Bác, ký CB viết rất trào lộng: “Giặc Na-va gằm thét- Hấn mở trận Muết-Hồng đánh chiếm Nho Quan- Phái 20 tiểu đoàn- Hồng đánh chiếm Thanh Hóa”. Nhưng rồi bộ đội ta đã “Đuổi chúng khỏi Nho Quan- Ngăn chúng vào Thanh Hóa- 20 ngày ròng rã- Diệt chúng gần 4 ngàn- Kế hoạch Na-va tan- Thành đầu voi đuôi chó”.

Trong thơ chúc Tết Giáp Ngọ, tháng 2/1954, Bác tiên đoán rất chính xác: “Kháng chiến, kiến quốc nhất định hoàn toàn thành công”. Sau khi quân ta toàn thắng ở Điện Biên, Bác Hồ cũng có bài thơ đăng báo *Nhân dân* ký CB *Quân ta toàn thắng ở Điện Biên Phủ*. Trên 6 số báo *Cứu quốc*, từ ngày 26/5 đến 7/6/1954, lần lượt in bài báo dài *Mẩu chuyện về Điện Biên Phủ* của Hồ Chủ tịch với bút danh Đ.X. Trong bài báo này, trên góc nhìn khái quát, Bác đã nêu bật ý nghĩa chiến thắng Điện Biên Phủ bằng những mẩu chuyện rất sinh động.

Bài báo cho biết: “Hiện nay (tức tháng 6/1954), kiều dân Pháp ở Hà Nội, Hải Phòng,... đều chuẩn bị cuốn gói chuồn. Các nhà tư bản Pháp ở vùng bị tạm chiếm thì rút lui vốn liếng có trật tự, một đồng bạc Mĩ trước kia đổi 34 đồng Đông Dương, nay đổi 100 đồng... Thực dân Pháp trách Mĩ... không kịp thời cứu vãn. Đế quốc Mĩ thì trách Pháp hèn hạ, bất tài. Nội bộ chính phủ Pháp lục đục, tên này đổ lỗi cho tên kia. Bại tướng Na-va bị cách chức...”, đoạn văn trên phản ánh rất chi tiết bối cảnh thực của tình hình thực dân Pháp sau Điện Biên Phủ.

Qua thư, điện và những bài viết của Bác về Điện Biên Phủ ta càng thấy phong cách điềm tĩnh, ung dung của Bác trong cuộc độ sức quyết liệt Điện Biên Phủ, và sự quan tâm, săn sóc của Bác đến từng đồng bào, chiến sĩ trong Chiến dịch Điện Biên Phủ.

(*Hồ Chí Minh toàn tập*, tập 7, từ tr. 166 đến tr. 290)

Ngô Minh Khôi - *Cand.com.vn*

17. Người lính “chép sử” trên vùng Cổ tích

Cuối tháng 2/2014, nhà báo lão thành Nguyễn Khắc Tiếp đã có chuyến trở về thăm Khu di tích lịch sử Đền Hùng. Ở tuổi 91 và từng nhiều lần đến vùng đất lịch sử, nhưng chuyến đi năm nay mang lại trong ông nhiều cảm xúc, bởi cách đây 60 năm, khi đang là phóng viên Báo *Quân đội nhân dân*, ông đã có mặt ở sân Đền Giếng để chứng kiến sự kiện lịch sử: Ngày 19/9/1954, Bác Hồ tới gặp gỡ và căn dặn Đại đoàn Quân Tiên Phong trước khi đơn vị trở về tiếp quản Thủ đô: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Nhà báo Nguyễn Khắc Tiếp kể rằng, trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, Đại đoàn 308 - Đại đoàn Quân Tiên Phong - chính là đơn vị ông từng có nhiều năm gắn bó, bởi từ lúc ở chiến trường cho tới khi về hậu phương, ông thường xuyên có mặt ở đơn vị “anh cả” ấy. “Ngày đó, anh em đơn vị thường gán ghép, gọi vui chúng tôi là những anh “Phóng - Phái”, nghĩa là chúng tôi vừa làm công việc của một phóng viên, vừa được giao thêm nhiệm vụ là phái viên. Vì thế, suốt thời kỳ chống Pháp, tôi đã có mặt ở tất cả các trung đoàn của Đại đoàn 308 để làm nhiệm vụ nắm tình hình, báo cáo về Tổng cục Chính trị”, nhà báo Khắc Tiếp nhớ lại.

Sau Chiến thắng Điện Biên Phủ, Nguyễn Khắc Tiếp được cử theo Đại đoàn Quân Tiên Phong trở về tiếp quản Thủ đô. Những ngày đầu tháng 9/1954, khi đang thâm nhập đơn vị và có nhiều bài viết cổ vũ, động viên bộ đội chuẩn bị “ngày về” như lời hẹn thề 9 năm trước, nhà báo Khắc Tiếp bỗng nhận được lệnh: Lên Đền Hùng làm nhiệm vụ đặc biệt. Với chức trách của một phóng viên, ông không thể biết trước “nhiệm vụ đặc biệt” của mình, cũng chưa hình dung được đường đi lối lại từ Thái Nguyên tới vùng đất Tổ. Thế là với chiếc xe đạp cà tàng, vừa “chân đi, miệng hỏi”, cuối cùng ông cũng tới được thôn Cổ Tích, xã Hi Cương (huyện Phong Châu, Phú Thọ)...

Nhà báo Khắc Tiếp vẫn nhớ khung cảnh suốt ngày và đêm 18/9/1954, mảnh đất Phong Châu vốn tĩnh mịch chợt xáo động hẳn lên vì có hàng trăm bộ đội kéo về. Ông nhận ra phần lớn trong số họ “quan” đông hơn “lính”, bởi qua tiếp xúc, lớp cán bộ ấy toát lên vẻ tinh anh, lanh lợi cùng cách nói năng hoạt bát. Bà con địa phương tò mò dò hỏi, nhưng rồi chỉ nhận được câu trả lời: “Bộ đội đến đây để diễn tập!”. Cán bộ xã, dân quân địa phương được huy động tới bảo vệ khu vực cũng chỉ biết vậy. Hôm sau, Nguyễn Khắc Tiếp được các chiến sĩ bảo vệ đi cùng Hồ Chủ tịch kể lại, tối 18/9, Bác Hồ đã có mặt ở Đền Hùng. Mũ cát, quần áo nâu giản dị, dép cao su, khăn to quàng cổ để che râu, nhìn Bác giống như một cụ già ở nơi khác tới hành hương. Tới Đền Hùng, Bác nhẹ nhàng nói với một cán bộ cơ sở: “Tôi là khách từ phương xa tới, muốn nhờ địa phương tìm giúp một cụ già có hiểu biết về Đền Hùng để ngày mai dẫn tôi đi thăm”. Đêm 18/9, Bác Hồ đã nằm ngủ trên một giường xếp dã chiến ngay tại Đền Giếng, sáng hôm sau, theo chỉ dẫn của cụ ông người địa phương, Người đã đi thăm một vòng quanh Đền Hùng. Tới đền nào, Bác cũng chăm chú đọc các biển hoành, câu đối, những lời răn dạy, nhắc nhở con dân

nước Việt ghi xương khắc cốt truyền thống: “Uống nước nhớ nguồn”...

Khoảng hơn 9 giờ sáng ngày 19/9/1954, tại sân Đền Giếng, nhà báo Khắc Tiếp đã vinh dự chứng kiến sự kiện lịch sử: Bác Hồ gặp gỡ, căn dặn các cán bộ Đại đoàn Quân Tiên Phong trước khi về Hà Nội làm nhiệm vụ tiếp quản Thủ đô. Hàng trăm cán bộ có mặt hôm đó hầu hết là những cán bộ từ cấp đại đội, những người lính dạn dày chinh chiến, từng trực tiếp chiến đấu và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Dưới tiết trời đầu thu, nhìn Bác thật hồng hào, khỏe mạnh. Sau khi thăm hỏi sức khỏe anh em, Bác nói về công ơn các vua Hùng, về tính chất quan trọng của Thủ đô, về âm mưu phá hoại của địch... rồi Người căn dặn bộ đội phải hết sức cảnh giác, đề phòng “viên đạn bọc đường”, phải kính trọng nhân dân vùng giải phóng, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, kỷ luật của quân đội cách mạng. Sau khi nhận mệnh vinh dự mà Trung ương Đảng, Chính phủ tin nhiệm giao cho Đại đoàn 308, Bác căn dặn: “Các vua Hùng đã có công dựng nước, Bác cháu ta phải cùng nhau giữ lấy nước”.

Nhà báo Khắc Tiếp nhớ lại: “Sáng hôm đó, Bác nói chuyện với cán bộ Đại đoàn 308 chừng hơn nửa giờ, nhưng tư tưởng lớn, tình cảm sâu sắc của Bác thấm sâu vào tim óc mỗi người, đó là: Đừng quên cội nguồn dân tộc, hãy xứng đáng với công ơn tổ tiên! Các cán bộ Đại đoàn Quân Tiên Phong đã đứng dậy hứa với Bác, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ và chúc Bác khỏe mạnh, sống lâu. Bác cười: “Muốn Bác vui về sống lâu, hãy làm đúng lời Bác dặn”. Tất cả cùng đồng loạt vỗ tay chào tiễn Bác. Sau đó, Bác lại nhanh nhẹn theo con đường tắt từ Đền Giếng xuống ngã ba đường cái, lên ô tô đã chờ sẵn. Đến lúc này, việc Bác tới Đền Hùng không còn là “bí mật” nữa. Bộ đội ulla xuống đường, bà con làm đồng chạy lên, các cháu nhỏ thì reo vang: “Bác Hồ! Đúng Bác Hồ rồi!”.

Mang vinh dự của một người làm nhiệm vụ “chép sử”, nhà báo Khắc Tiếp vội vã đạp xe trở về tòa soạn ở Thái Nguyên để hoàn thành bài tường thuật *Chúng cháu nguyện cố gắng xứng đáng là cháu Bác*.

“...Trong khung cảnh trang nghiêm xinh đẹp của vùng Cổ tích lịch sử, lời nói của Bác vang lên, mỗi chúng tôi thấy thấm thía thêm nhiệm vụ vinh quang sắp tới của mình. Bác nhắc nhở chúng tôi sự quan trọng của Thủ đô về mọi mặt và kết luận: “Hà Nội không phải chỉ là một đô thị, một vùng bé nhỏ. Hà Nội là trung tâm chỉ đạo khắp nơi. Tiếp thu Hà Nội tốt hay xấu ảnh hưởng đến việc củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc. Các cháu chỉ có nhiệm vụ và chỉ có quyền làm cho việc tiếp thu tốt, không được làm cho việc tiếp thu xấu”... Lời nói của Bác lúc này rất hiền từ, nhưng chúng tôi coi đó như một mệnh lệnh tác chiến...” (Khắc Tiếp, bài *Chúng cháu nguyện cố gắng xứng đáng là cháu Bác*, Báo QĐND ngày 7/10/1954).

Khi báo chưa kịp ra, Nguyễn Khắc Tiếp lại tiếp tục lên đường, theo bước chân Đại đoàn Quân Tiên Phong đang chia làm 3 cánh để chuẩn bị nhập Thành...

Nhà báo Khắc Tiệp kể rằng, gần hai chục năm trước, khi chính quyền địa phương và các ban, ngành thuộc Khu di tích lịch sử Đền Hùng mời ông tới tọa đàm nhằm làm rõ sự kiện lịch sử trên sân Đền Giếng, ông đã có dịp gặp lại cụ già từng dẫn Bác Hồ đi thăm Đền Hùng trong buổi sáng 19/9/1954, tiếc rằng, thời gian trôi qua đã lâu nên giờ đây ông đã không còn nhớ tên cụ.

Bùi Minh Vũ - *Qdnd.vn*

18. Hai quyết định quan trọng là nhân tố làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ

Chiến thắng Điện Biên Phủ (1954) mãi làm vẻ vang dân tộc Việt Nam. Chiến thắng ấy gắn liền với tên tuổi những người con đất Việt hữu danh và khuyết danh, gắn với sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, gắn với tên tuổi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Qua các tài liệu lịch sử cho thấy trong năm 1953, Người đã có hai quyết định quan trọng là nhân tố làm nên chiến thắng lẫy lừng này. Đó là quyết định mở chiến dịch Tây Bắc và quyết định giao quyền cầm quân thực hiện Chiến dịch Điện Biên Phủ cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Quyết định mở Chiến dịch Tây Bắc

Năm 1953, những thất bại liên tiếp trên chiến trường Đông Dương đã đẩy quân Pháp vào thế bị động. Nhằm cứu vãn tình thế, hòng đảo ngược thế trận trên chiến trường, chính phủ Pháp đã quyết định thay đổi tướng tá và kế hoạch tác chiến. Tháng 5 năm 1953, Hăng-ri Na-va, Tham mưu trưởng lục quân của khối NATO được cử làm Tổng chỉ huy quân đội viễn chinh Pháp ở Đông Dương. Na-va vạch ra kế hoạch tác chiến gồm 2 bước: Bước 1, phòng ngự chiến lược ở chiến trường miền Bắc, bình định miền Nam, xóa bỏ vùng tự do Liên khu V (từ Thu Đông 1953 - Xuân 1954); bước 2, tiến công chiến lược miền Bắc, từ thắng lợi quyết định về quân sự, buộc ta đàm phá theo điều kiện có lợi cho Pháp (từ mùa thu năm 1954). Đây là một kế hoạch có quy mô rộng lớn, địch tập trung binh lực nhằm trong vòng 18 tháng, tiêu diệt phần lớn chủ lực của ta, giành lấy một thắng lợi quyết định, làm cơ sở cho một giải pháp chính trị. Từ mùa hè 1953, Na-va bắt đầu thực hiện bước thứ nhất. Quân địch đã mở liên tiếp nhiều cuộc hành quân trên các chiến trường và ra sức tập trung quân cơ động. Đến cuối năm 1953, Na-va đã tập trung ở đồng bằng Bắc Bộ 44 tiểu đoàn.

Trước âm mưu của địch, tháng 9/1953, tại Tin Keo, Định Hóa, Thái Nguyên, Bộ Chính trị đã họp dưới sự chủ tọa của Chủ tịch Hồ Chí Minh bàn kế hoạch tác chiến Đông Xuân 1953-1954. Tại cuộc họp này, Người nêu rõ chủ trương của ta: “Địch muốn đẩy ta vào thế bị động thì ta sẽ buộc chúng phải lâm vào thế bị động, địch muốn tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh thì ta sẽ có kế sách phân tán địch ra mà đánh thì sức mạnh ấy sẽ không còn”. Trên tinh thần ấy, sau khi nghe

Đại tướng Võ Nguyên Giáp báo cáo tình hình địch, Bộ Chính trị đã phê chuẩn phương án tác chiến của Bộ Tổng tham mưu với hướng tiến công chiến lược là Tây Bắc, Tây Nguyên và Trung - Hạ Lào là những nơi địch yếu nhưng không thể bỏ. Bộ Chính trị nhấn mạnh phương châm tác chiến của ta là “tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” và nguyên tắc về chỉ đạo chiến lược và chỉ đạo tác chiến là: tiêu diệt sinh lực địch, bồi dưỡng lực lượng của ta; đánh ăn chắc, đánh chắc thắng; chọn nơi sơ hở và tương đối yếu của địch để đánh, giữ vững chủ động, kiên quyết buộc địch phải phân tán. Với phương châm tác chiến này, ta đã khiến quân địch phải thụ động đối phó theo cách đánh của ta. Trong khi chúng tập trung lực lượng ở đồng bằng Bắc Bộ để uy hiếp lực lượng ta thì ta chủ trương tiến công nhiều hướng ở phía Tây để buộc chúng phải phân tán lực lượng.

Giữa tháng 11/1953, bộ đội chủ lực của ta theo kế hoạch tiến lên Tây Bắc giải phóng Lai Châu, phối hợp với bộ đội Pathét Lào tiến công địch ở Trung và Hạ Lào. Na-va buộc phải điều quân lên Điện Biên Phủ để bảo vệ Lai Châu và Thượng Lào. Kế hoạch của Na-va hoàn toàn bị đảo lộn, chúng phải căng lực lượng ra để đối phó với ta. Tuy vậy, dù trong thế bị động nhưng với sự trợ giúp của Mĩ, Pháp đã nhanh chóng xây dựng Điện Biên Phủ trở thành tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Quân số địch ở Điện Biên Phủ lên tới 16.200 quân, bao gồm lực lượng bộ binh tương đương 14 tiểu đoàn, 3 tiểu đoàn pháo binh, 1 tiểu đoàn công binh, 1 đại đội xe tăng, 1 đại đội xe vận tải, một liên đội 12 máy bay. Tập đoàn Điện Biên Phủ có 49 cứ điểm đề kháng mạnh với 3 phân khu liên hoàn. Chính tướng Mĩ Ô.Đa-rhi-en khi lên kiểm tra Điện Biên Phủ đã xác nhận đây là một “pháo đài bất khả xâm phạm”. Với một tập đoàn cứ điểm như vậy địch hi vọng sẽ nghiền nát chủ lực Việt Minh ở thung lũng Mường Thanh.

Ngày 6/12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến của Bộ Tổng Tư lệnh, quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ. Như vậy cả ta và địch đều chọn Điện Biên Phủ làm trận đánh then chốt để kết thúc chiến tranh.

Giao quyền cầm quân cho Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Trong Chỉ thị gửi Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà còn đối với quốc tế. Vì vậy, toàn quân, toàn dân, toàn Đảng phải tập trung hoàn thành cho kỳ được”. Bộ Chỉ huy Mặt trận Điện Biên Phủ được thành lập do Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Ủy viên Bộ Chính trị Trung ương Đảng trực tiếp làm Bí thư Đảng ủy và Chỉ huy trưởng mặt trận.

Ngày 22/12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh trao cờ “Quyết chiến, quyết thắng” cho quân đội, động viên các đơn vị thi đua lập công. Trước khi Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp kiêm Tổng Chỉ huy chiến dịch lên đường ra mặt trận, Chủ tịch Hồ Chí Minh trao toàn quyền quyết định cho Đại tướng, Người ân cần căn dặn:

“Trao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng! Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”.

Ngày 12/1/1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp lên Sở Chỉ huy tiền phương thị sát mặt trận. Lúc này chủ trương của ta là “đánh nhanh, thắng nhanh”, dự kiến bắt đầu vào ngày 26/1 và kết thúc sau 3 ngày 2 đêm. Trực tiếp thị sát Mặt trận, nhận thấy tình hình không được thuận lợi, sau nhiều ngày đêm trăn trở suy tính, Đại tướng đã đề nghị lên Đảng ủy Mặt trận và các chuyên gia chuyên phương án tác chiến từ “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”.

Theo phương châm “đánh chắc, tiến chắc”, khi đã hoàn tất công tác chuẩn bị, Chiến dịch Điện Biên Phủ được mở màn vào ngày 13/3/1954. Sau 3 đợt tiến công, 55 ngày đêm chiến đấu ngoan cường, vượt mọi hi sinh, gian khổ “khoét núi, ngủ hầm, mưa dầm, cơm vắt”, Quân đội ta đã tiêu diệt hoàn toàn tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 7/5/1954, lá cờ “Quyết chiến, quyết thắng” của ta tung bay trên nóc hầm Đờ-cát-tơ-ri, kết thúc cuộc kháng chiến 9 năm trường kỳ của nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Thịnh Giang - *Baodaknong.org.vn*

19. Chiến thắng Điện Biên Phủ - Thắng lợi rực rỡ của tư tưởng Hồ Chí Minh

Trong tiến trình cách mạng Việt Nam, tư tưởng Hồ Chí Minh đã soi đường cho Đảng và nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Với chiến thắng Điện Biên Phủ “chấn động địa cầu”, cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp của nhân dân ta kết thúc thắng lợi. Đây là một mốc son chói lọi ghi dấu thắng lợi vẻ vang của tư tưởng và nghệ thuật chỉ đạo chiến tranh của Bác Hồ và của Đảng ta.

Là linh hồn của cuộc kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh cùng với Trung ương Đảng đề ra đường lối “Toàn dân kháng chiến, toàn diện kháng chiến” và Người trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến tranh cách mạng của toàn dân. Đây là nhân tố có ý nghĩa hàng đầu đưa tới thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Đường lối chiến tranh nhân dân là một sáng tạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa truyền thống chống ngoại xâm của tổ tiên và được nâng lên trong thời đại cách mạng mới. Dưới ánh sáng lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác-Lênin về cách mạng giải phóng dân tộc và chiến tranh cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn dân với ý chí của cả một dân tộc: “Thà hi sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Với tinh thần ấy, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã động viên toàn dân, lãnh đạo toàn dân, tổ chức toàn dân kháng chiến kiến quốc. Người đồng cam cộng khổ với dân, với cán bộ, chiến sĩ. Người đi chiến dịch, vạch “đường đi từng bước từng giờ” cho

cuộc kháng chiến. Tại hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng đầu năm 1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu 10 nhiệm vụ của toàn Đảng để lãnh đạo cuộc kháng chiến và chính sách quân sự khi chuẩn bị cho giai đoạn tổng phản công, chọn Tây Bắc làm hướng hoạt động chính. Nhiệm vụ số 1 mà Bác chỉ cho lực lượng vũ trang ta tác chiến là phải “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu để phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do. Đó là phương hướng chiến lược của ta hiện nay”. Tư tưởng này của Bác đã trở thành phương châm, đường lối quân sự của Đảng chỉ đạo toàn bộ cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, là cơ sở, nền tảng cho các bước tiến vững chắc trong những chiến dịch, các kế hoạch tác chiến của lực lượng vũ trang, nhất là trong chiến cuộc Đông Xuân 1953-1954, chúng ta đã chủ động tiến công trên hướng Tây Bắc và các chiến trường toàn quốc phối hợp tác chiến để phân tán lực lượng địch.

Đối với Chiến dịch Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt. Theo như suy nghĩ của Bác thì Điện Biên Phủ là trận quyết chiến chiến lược giữa ta và Pháp. Khi quân Pháp tập trung đến Điện Biên Phủ, ngay từ đầu tháng 12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ thị cho Đại tướng, Tổng tư lệnh Võ Nguyên Giáp: Chiến dịch này là một chiến dịch rất quan trọng không những về quân sự mà cả về chính trị, không những đối với trong nước mà đối với quốc tế.

Thực hiện chỉ thị của Bác, Trung ương Đảng và Chính phủ đã quyết định: toàn dân, toàn Đảng tập trung toàn lực chi viện cho tiền tuyến, nhất định bảo đảm cho Chiến dịch Điện Biên Phủ toàn thắng. Trong suốt chiến dịch, cả nước đã huy động hơn 26 vạn dân công với hơn 18 triệu ngày công, 25 nghìn tấn gạo, hơn 900 tấn thịt và gần một vạn tấn thực phẩm khác, hơn 2 vạn xe đạp thồ, gần 12 nghìn bò, ngựa cùng hàng nghìn ngựa thồ. Đặc biệt là đóng góp tại chỗ rất kịp thời, thiết thực về người, phương tiện vận tải, của cải của đồng bào các dân tộc vùng Tây Bắc và Đông Bắc Tổ quốc, nhất là đồng bào tỉnh Lai Châu, Điện Biên là nơi trực tiếp diễn ra trận đánh Điện Biên Phủ.

Có thể khẳng định, thắng lợi của Chiến dịch Điện Biên Phủ là biểu tượng sinh động của khối đoàn kết toàn dân, đoàn kết quân dân “cả nước một lòng, toàn dân đánh giặc”. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: Đó là sức mạnh của lòng yêu nước của dân ta. Sức mạnh đó đã được nhân lên gấp bội do Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta giáo dục, tổ chức toàn dân trong Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể cứu quốc. Chiến thắng Điện Biên Phủ còn là thắng lợi của tư tưởng và nghệ thuật quân sự thiên tài Hồ Chí Minh - Người sáng lập và rèn luyện quân đội nhân dân Việt Nam, một đội quân cách mạng vì dân mà chiến đấu hi sinh.

Chiến thắng Điện Biên Phủ, thắng lợi vẻ vang của cuộc kháng chiến chống Pháp xâm lược còn bắt nguồn từ tư tưởng và hoạt động quốc tế của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, chính sách đối ngoại khôn khéo, bằng những hoạt động ngoại giao cụ thể, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nối liền mối liên kết dân tộc ta với các dân tộc ở Đông Dương thuộc địa và những người tiến bộ của nước Pháp thống trị, với các nước xã hội chủ nghĩa và dân chủ

nhân dân. Nhờ thế nên cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp và can thiệp Mỹ của nhân dân ta đã giành được sự ủng hộ to lớn, có hiệu quả của phong trào giải phóng dân tộc, các nước anh em bầu bạn khắp năm châu. Đúng như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tổng kết: Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã đánh thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lực lượng hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa trên thế giới.

Phạm Văn Khánh - Baobacgiang.com.vn

20. Thiên tài Hồ Chí Minh trong Chiến dịch Điện Biên Phủ chấn động địa cầu

Cuộc chiến tranh Việt - Pháp kéo dài 9 năm (1946-1954) đã lùi vào lịch sử vừa tròn 60 năm, song mỗi khi nhắc đến Điện Biên Phủ, đến Việt Nam, người Pháp và cả người Mỹ vẫn không khỏi ngỡ ngàng bởi với họ, cùng với Điện Biên Phủ năm xưa, tư tưởng quân sự của Hồ Chí Minh, tiên đoán của Người về một trận quyết chiến chiến lược, “trận đánh cuối cùng” đã trở thành lịch sử.

Đi liền cùng chiến thắng đó là một Việt Nam - Hồ Chí Minh trở thành thiên thần thoại trong lịch sử thế giới đương đại.

Trong tiến trình dựng nước và giữ nước, Tây Bắc luôn là một vùng đất thiêng của Tổ quốc, luôn được giữ gìn và bảo vệ “như một phần máu thịt” của dân tộc Việt. Khi thực dân Pháp xâm chiếm Đông Dương, Tây Bắc cũng là một địa bàn chiến lược trong bản đồ quân sự Đông Dương.

Nằm trong hướng chiến lược phía Tây Đông Dương, trải dài từ Tây Bắc Việt Nam qua Thượng Lào, Trung Lào và Hạ Lào, vị trí đặc địa của Tây Bắc ngày càng được chú ý. Điều đó lý giải rằng, vì sao ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, đặc biệt là từ những năm đầu của cuộc trường chinh chống Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã quan tâm đến vị trí, và tầm quan trọng của địa bàn chiến lược này. Người từng nhấn mạnh và yêu cầu các đội quân của chúng ta phải kiên trì chiến đấu, bám trụ, xây dựng vững chắc cơ sở cách mạng trong lòng đồng bào các dân tộc Tây Bắc.

Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, làm tốt được nhiệm vụ trọng yếu đó, không những chúng ta có thể triển khai tốt thế trận chiến tranh nhân dân và tạo điều kiện phát huy sở trường đánh địch ở vùng rừng núi của quân ta; bảo vệ được Việt Bắc - căn cứ đầu não kháng chiến, tạo thế liên hoàn với hậu phương rộng lớn, mà còn thuận lợi nhiều trong giao lưu quốc tế, đặc biệt là xây dựng khối đoàn kết liên minh chiến đấu Việt - Lào.

Trên cơ sở hiểu rõ về địa bàn Tây Bắc, hiểu rõ thế và lực giữa ta và địch, và cùng với sự phát triển của sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc, sau Chiến thắng Việt Bắc thu đông 1947, chiến thắng Biên giới 1950, dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân ta không những đã giữ vững thế chủ động tiến công trên chiến trường, mà còn biết kết thúc đúng lúc.

Sau khi “cân nhắc kỹ chỗ dễ và chỗ khó của chiến trường” và so sánh tương quan lực lượng, Trung ương Đảng và Tổng Quân ủy đã quyết tâm mở chiến dịch Tây Bắc (14/10 đến 10/12/1952). Từ kết quả của chiến thắng quan trọng này, so sánh lực lượng giữa quân ta và quân Pháp đã có những diễn tiến bất ngờ.

Tuy nhiên, sự thay đổi lớn cũng chỉ diễn ra nhanh chóng khi tướng 4 sao Na-va được cử thay Xa-lăng. Vẫn bận tâm đến Điện Biên Phủ, Xa-lăng cũng không quên “bàn giao” cả những suy nghĩ và những việc làm còn dang dở của mình cho tướng Na-va. Tuy nhiên, trong kế hoạch quân sự Na-va (1953-1955) được triển khai, với mục tiêu “chuyển bại thành thắng” trong vòng 18 tháng, Điện Biên Phủ dường như không được chú ý đến.

Chỉ đến khi Hiệp định giữa Pháp và Lào được ký kết, chỉ đến khi suy nghĩ cần phải bảo vệ Thượng Lào, Na-va và cộng sự của ông ta mới nghĩ đến việc chiếm và xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh. Duy có điều, đội ngũ tướng lĩnh quân sự Pháp đã bỏ sót một điều quan trọng: Đó là, địa thế tự nhiên của Điện Biên Phủ tuy rất thuận lợi để xây dựng một căn cứ lực quân - không quân kiên cố, nhưng sẽ trở nên “trơ trọi”, dễ bị uy hiếp và khó khăn cho công tác chi viện, hậu cần khi bị bao vây, chia cắt.

Về phía quân ta, trước việc quân Pháp tập trung quân cơ động nhằm tạo nên sức mạnh, giữ thế phòng ngự trong chiến cuộc 1953 -1954, tránh giao chiến với chủ lực của Việt Minh, bảo đảm an toàn và tăng cường sức mạnh cho quân đội viễn chinh; chuẩn bị để có thể chuyển sang thế tiến công trong chiến cuộc 1954-1955, gây cho chủ lực Việt Minh những thất bại quân sự để có thể buộc họ phải đi đến thương lượng hòa giải..., Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ phương hướng chiến lược của quân ta là “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu để phân tán lực lượng địch và tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng tự do”.

Tại cuộc họp Bộ Chính trị ở Tân Keo tháng 9/1953, sau khi nghe Đại tướng Võ Nguyên Giáp trình bày tình hình địch, cân nhắc kỹ thế trận giữa ta và địch, thật bình tĩnh, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt bàn tay mình lên bàn, và bỗng Người giơ lên, nắm lại rồi nói: “Địch tập trung quân cơ động để tạo nên sức mạnh... Không sợ! Ta buộc chúng phải phân tán binh lực thì sức mạnh đó cũng sẽ không còn”. Bàn tay Bác mở ra, mỗi ngón trở về một hướng.

Cũng theo Đại tướng, bản đề án tác chiến của Tổng Quân ủy được Bộ Chính trị thông qua, trong đó ta chủ trương dùng một bộ phận quân chủ lực phối hợp với các lực lượng địa phương chủ động mở các cuộc tiến quân lên Tây Bắc, Trung Lào, Hạ Lào, Bắc Tây Nguyên để phân tán lực lượng địch, nhưng vẫn lấy Tây Bắc làm

hướng hoạt động chính, còn các hướng khác chỉ là hướng phối hợp. Người và Bộ Chính trị cũng đồng thời nhấn mạnh: “Hướng chính hiện nay không thay đổi, nhưng trong hoạt động có thể thay đổi. Phương châm hành động là “Tích cực, chủ động, cơ động, linh hoạt” và nguyên tắc chỉ đạo tác chiến là “Đánh chắc thắng, đánh tiêu diệt. Chọn nơi địch sơ hở mà đánh, chọn nơi địch tương đối yếu mà đánh”.

Với tinh thần chỉ đạo đó, thông qua 5 đòn chiến lược và cách điều quân cơ động tài tình: Tiến công Tây Bắc, tiêu diệt phần lớn quân địch ở Lai Châu, bao vây Điện Biên Phủ; tiến công vào Trung Lào, giải phóng Thà Khẹt; tiến xuống Hạ Lào, giải phóng cao nguyên Bôlôven; mở cuộc tiến công lên Bắc Tây Nguyên, giải phóng Kon Tum, nối liền với khu giải phóng Hạ Lào; và bất ngờ tiến công Thượng Lào, uy hiếp Luông Phrabang vào hạ tuần tháng 1/1954, chúng ta đã điều động được lực lượng địch, thu hút quân địch đến những chiến trường có lợi cho quân ta, và buộc khối cơ động chiến lược của Na-va phải phân tán “thành nhiều nhóm nhỏ”. Năm đòn chiến lược đó đã làm cho kế hoạch Na-va từng bước bị đảo lộn và phá sản. Na-va đã không thể “luôn luôn tiến công”, “luôn luôn chủ động”, và càng không thể “chuyển bại thành thắng” trong vòng 18 tháng.

Sau ngày 20/11/1953, khi phát hiện quân chủ lực của ta tiến lên Tây Bắc, tướng Na-va đã lập tức cho quân nhảy dù chiếm Điện Biên Phủ, gấp rút xây dựng Điện Biên Phủ thành một tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương. Khác với kế hoạch Na-va và kế hoạch tác chiến của quân ta lúc đầu, với vai trò là một “tập đoàn cứ điểm mạnh nhất Đông Dương”, từ đây, Điện Biên Phủ đã trở thành nơi sẽ diễn ra trận quyết chiến chiến lược giữa quân ta và thực dân Pháp.

Như vậy, “số phận của Na-va đã được định đoạt từ cuộc họp ở Tỉn Keo” khi Bộ Chính trị thông qua kế hoạch tác chiến Đông - Xuân 1953-1954; nhất là khi tướng Na-va “quyết định tiếp nhận chiến đấu ở Tây Bắc”, quyết định “chiến đấu bảo vệ Tây Bắc sẽ xoay quanh căn cứ lực quân, không quân Điện Biên Phủ mà phải được bảo vệ bằng bất cứ giá nào”.

Trong khi đó, sau những thắng lợi to lớn của quân ta trong đợt 1 của chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954, kế hoạch tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, làm phá sản hoàn toàn kế hoạch chiến lược Na-va đã được Bộ Chính trị hạ quyết tâm vào ngày 6/12/1953. Bước vào giai đoạn 2 của chiến cuộc Đông - Xuân 1953-1954, với quyết tâm tiêu diệt tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ - tập đoàn cứ điểm mạnh nhất trong hàng loạt các tập đoàn cứ điểm của Pháp ở Đông Dương, quân ta đã chuyển từ việc “tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu” sang đánh trực tiếp vào chỗ mạnh nhất của quân địch.

Nhận thức được tầm quan trọng và ý nghĩa to lớn của trận quyết chiến chiến lược này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã được trao trọng trách Chỉ huy trưởng Mặt trận và Bí thư Đảng ủy mặt trận. Trước khi lên đường, Đại tướng đã nhận được từ Chủ tịch Hồ Chí Minh mật lệnh: “Tổng tư lệnh ra mặt trận. Tướng quân tại ngoại.

Trao cho chú toàn quyền quyết định. Trận này quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh”.

Tháng 12/1953, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư cho cán bộ và chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ, trong đó nhấn mạnh: Người và Chính phủ “chờ tin thắng lợi để khen thưởng”. Ngày 22/12/1953, nhân dịp kỷ niệm 9 năm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Chủ tịch Hồ Chí Minh quyết định “cho mỗi đại đoàn và mỗi liên khu một lá cờ Quyết chiến, Quyết thắng để làm giải thưởng luân lưu”.

Từ thực tế chiến trường, từ những khó khăn và thuận lợi của quân ta và quân địch, từ lời căn dặn “đánh chắc thắng” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trước khi mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ, trưa ngày 26/1/1954, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời cầm quân của mình. Đó chính là việc thay đổi phương châm từ “đánh nhanh thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”, và đi liền cùng đó là việc hoãn thời điểm tiến công, kéo pháo quay trở ra.

Quyết tâm mới của vị Tổng tư lệnh chỉ huy mặt trận được báo cáo ngay về Trung ương và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Sau này, trong nhiều hồi ký của các tướng lĩnh, sĩ quan và chiến sĩ từng tham gia Chiến dịch Điện Biên Phủ, chúng ta đều biết: Với địa thế của Điện Biên Phủ, việc kéo pháo vào đã khó, việc kéo pháo ra còn khó hơn nhiều. Tuy nhiên, để tiêu diệt bằng được tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ, để “chỉ có thắng chứ không được bại, vì bại thì hết vốn” như Nghị quyết Trung ương đầu tháng 12/1953 chỉ rõ, nhiệm vụ khó khăn đó đã được Đại tướng Võ Nguyên Giáp và toàn thể các lực lượng tại mặt trận Điện Biên Phủ thực hiện và thực hiện rất tốt.

Sau đó, khi công việc chuẩn bị chiến dịch theo phương châm “đánh chắc tiến chắc” đã hoàn thành, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư động viên cán bộ, chiến sĩ mặt trận Điện Biên Phủ và nhấn mạnh: “Các chú sắp ra mặt trận. Nhiệm vụ của các chú lần này rất to lớn, khó khăn nhưng rất vinh quang”.

Ngày 13/3/1954, quân ta mở màn cuộc tấn công tập đoàn cứ điểm Điện Biên Phủ. Ngày 15/5/1954, Trung ương Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi điện cho cán bộ, chiến sĩ ở mặt trận Điện Biên Phủ và nhấn mạnh: Chiến dịch này là một chiến dịch lịch sử của quân đội ta, ta đánh thắng chiến dịch này có ý nghĩa quân sự và chính trị quan trọng. Tuy nhiên, với thắng lợi ở trận đầu, Chủ tịch Hồ Chí Minh căn trọng nhắc nhở: Chớ vì thắng mà kiêu, chớ chủ quan khinh địch, phải luôn luôn sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ.

Trong khi đó, khi nói về triển vọng của cuộc chiến ở Điện Biên Phủ (tại bộ não chỉ huy ở Việt Bắc), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói với nhà báo người Úc Bớc-sét (Wilfred Burchett) vào một buổi chiều tháng 3/1954 như sau: Lòng chảo Điện Biên Phủ là “hình tượng một chiếc mũ lật ngược”, mà vành mũ là những dãy núi, còn phía dưới là thung lũng Điện Biên Phủ. Nơi dãy núi là nơi quân đội Việt Nam đang ở, còn phía thung lũng là nơi quân Pháp với những đội quân tinh nhuệ nhất đang chiếm đóng. Và Người kết luận chắc chắn rằng: “Họ sẽ không bao giờ ra được”.

Niềm tin của Người đã trở thành sự thật. Ngày 7/5/1954, lá cờ Quyết chiến Quyết thắng đã phất cao ở lòng chảo Điện Biên Phủ. Tinh thần gian khổ hi sinh, đoàn kết chiến đấu, quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm nên chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ. Với thắng lợi vĩ đại này, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của quân và dân ta đã kết thúc, đồng thời mang lại cho chúng ta một vị thế mới trên bàn đàm phán của Hội nghị Giơnevơ.

V.T.TM - *Cand.com.vn*

BÁC HỒ

TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ

1. Nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước

Lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam đã chứng minh, thắng lợi của các cuộc kháng chiến chống ngoại xâm không chỉ có đường lối chiến lược, chiến thuật độc đáo, đúng đắn, mà còn phải kể đến nhân tố con người - quyết định trực tiếp đến thắng lợi cuối cùng của cuộc chiến tranh. Nhân tố con người được kết tinh bởi lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết, ý chí tự lực tự cường, tự tôn dân tộc của người Việt Nam yêu nước. Mỗi khi có giặc ngoại xâm, muôn người Việt Nam như một, đoàn kết một lòng “Vua tôi đồng lòng, anh em hòa thuận, cả nước góp sức” hay “Tướng sĩ một lòng phụ tử, hòa nước sông chén rượu ngọt ngào”. Lòng yêu nước, tinh thần đoàn kết của một dân tộc yêu chuộng hòa bình đã chống lại mọi áp bá cường quyền và sự xâm lược của các thế lực ngoại quốc, bảo vệ nền độc lập chủ quyền. Phát huy truyền thống đánh giặc, giữ nước của tổ tiên lên tầm cao mới thời đại Hồ Chí Minh, cùng với đường lối đúng đắn, sáng tạo, độc lập tự chủ, nghệ thuật mở đầu và kết thúc chiến tranh nhân dân, về phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại... Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn coi trọng bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người Việt Nam trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước - một bài học hết sức quý giá không chỉ làm nên thắng lợi của Đại thắng Mùa xuân năm 1975 mà còn có ý nghĩa sâu sắc đối với phát huy nhân tố con người vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hôm nay.

Chiến tranh không chỉ là thử thách khắc nghiệt đối với mỗi cộng đồng dân tộc mà đối với mỗi con người, thử thách còn khắc nghiệt gấp bội phần, vì mỗi người đều phải trực tiếp giải quyết các mâu thuẫn giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa sự sống và cái chết, giữa gia đình và Tổ quốc... nảy sinh từ chính cuộc chiến tranh. Và, trong mỗi con người Việt Nam, ý thức sâu sắc về vận mệnh của đất nước, sự tồn vong của dân tộc luôn được đặt lên hết thảy. Đó cũng là lý do trong kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, mọi người Việt Nam từ hậu phương tới tiền tuyến đều nhận rõ vai trò và trách nhiệm của mình, đặt sang một bên quyền lợi riêng, lấy lợi ích và quyền dân tộc làm mục đích sống, phương châm chiến đấu!

Ở miền Nam, ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ năm 1954 được ký kết, Mĩ và tay sai đã tỏ rõ ý đồ không thực hiện Hiệp định, không thực hiện hiệp thương và tổng tuyển cử tự do, đồng thời ra sức củng cố quyền lực, triển khai chiến dịch “tổ cộng, diệt cộng” để dìm phong trào cách mạng vào trong biển máu. Với tinh thần

bất khuất, kiên cường, cán bộ và đồng bào miền Nam đã vượt qua mọi gian khổ, hi sinh, từng bước khôi phục, phát triển lực lượng, đẩy lên phong trào Đồng khởi, đẩy chính quyền tay sai vào thế lúng túng. Chính vì thế, đế quốc Mỹ phải đưa quân viễn chinh vào Việt Nam. Hàng triệu quân Mỹ và tay sai, hàng triệu tấn bom đạn được sử dụng, những loại vũ khí hiện đại nhất được huy động, các thủ đoạn chiến tranh thâm độc, tàn bạo nhất được tiến hành, sức mạnh kinh tế được huy động để tạo ra cuộc sống “phồn vinh giả tạo” nhằm mê hoặc đồng bào ở vùng tạm chiếm... nhưng đã không thể khuất phục, không thể lung lạc ý chí, quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ, đồng bào miền Nam.

Ngay từ những ngày đầu của sự nghiệp xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chuẩn bị tiền đề để cả dân tộc bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, quan điểm “người trước súng sau”, “vũ khí là cần, nhưng quan trọng hơn là con người vác súng” và “Dù có bao khí giới tinh xảo mà con người không có lập trường vững, quan điểm đúng, thiếu tinh thần trong sạch, một lòng một dạ phục vụ nhân dân thì súng cũng bỏ đi”^[1] của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ một vấn đề có tính nguyên tắc là: đối với chiến tranh giải phóng, vũ khí là quan trọng, những yếu tố con người luôn phải đặt lên hàng đầu và con người Việt Nam yêu nước - một trong các yếu tố cơ bản quyết định sự thành bại của cách mạng. Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh là sự vận dụng sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin về vai trò của con người trong sự nghiệp cách mạng vào hoàn cảnh lịch sử, cụ thể cách mạng Việt Nam. Nhất là trong hoàn cảnh của hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đặc biệt là cuộc chiến đấu không cân sức giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc Mỹ xâm lược. Điều này phản ánh, dân tộc ta luôn phải đương đầu với những kẻ thù có sức mạnh vượt trội gấp nhiều lần về quân sự, về kinh tế nên việc phát huy nhân tố con người phải trở thành một phương châm chỉ đạo xuyên suốt toàn bộ cuộc kháng chiến.

Đồng cam, cộng khổ, chịu đựng mọi gian khổ, thiếu thốn, cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Nam từ nông thôn tới thành thị, từ đồng bằng tới miền núi, không phân biệt già trẻ, gái trai, không phân biệt sắc tộc và tôn giáo đã cùng đứng trong một đội ngũ, chủ động và sáng tạo tìm ra cách đánh hiệu quả nhất, lập nên vô vàn chiến công hiển hách, làm kẻ thù phải kinh ngạc, khiếp sợ, chịu thất bại sau khi quân và dân Việt Nam tiến hành cuộc Tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước với Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Trong cuộc chiến đấu hào hùng ấy, hàng triệu người con ưu tú của dân tộc đã ngã xuống trên chiến trường. Các anh hùng liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi, Bùi Ngọc Dương, Mai Quốc Ca, Lê Anh Xuân... trở thành tấm gương tiêu biểu cho thế hệ con người Việt Nam mới, trung thành với lý tưởng cộng sản và hiến dâng thân mình cho sự nghiệp cách mạng vĩ đại, giải phóng Tổ quốc.

^[1] *Hồ Chí Minh, Biên niên tiểu sử*, tập 5, Nxb. CTQG, H.1993, tr.357-358.

Ở miền Bắc, suốt mấy chục năm, khẩu hiệu “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả vì miền Nam ruột thịt” đã ăn vào máu thịt, thôi thúc toàn dân vừa sản xuất vừa chiến đấu. Là công nhân hay nông dân, là trí thức hay thợ thủ công, là nam giới hay phụ nữ, là người cao tuổi hay là học sinh đang học tập dưới mái trường xã hội chủ nghĩa... mọi người đều nhận thức cụ thể, nghiêm túc về trách nhiệm và nghĩa vụ. Các phong trào “Thanh niên ba sẵn sàng”, “Phụ nữ ba đảm đang”, “Ruộng đất là chiến trường, nhà nông là chiến sĩ” đã trở thành biểu tượng cho ý chí của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Dù đời sống vật chất còn rất nhiều thiếu thốn, nhưng từ nhà máy, công trường tới ruộng đồng, mọi người đều cố gắng thi đua lập thành tích trong sản xuất để chi viện miền Nam. Cũng từ miền Bắc, hàng vạn, hàng vạn thanh niên ưu tú được giáo dục, đào tạo theo phương châm “vừa hồng, vừa chuyên” đã tiếp bước cha anh lên đường vào chiến trường, như câu thơ Tố Hữu từng viết: “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước - Mà lòng phơi phới dậy tương lai”. Khi đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh, miền Bắc trở thành chiến trường ác liệt. Dưới mưa bom bão đạn, nhân dân miền Bắc vẫn sản xuất và chiến đấu nêu cao khẩu hiệu “thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người. Vì miền Nam ruột thịt, miền Bắc làm việc bằng hai”. Với ý chí và nghị lực ấy, quân và dân miền Bắc vừa làm nên những “cánh đồng năm tấn” vừa bắn rơi hàng nghìn máy bay của không quân Mỹ, bắt sống hàng trăm giặc lái, làm nên những kỳ tích mà trận “Điện Biên Phủ trên không” là ví dụ điển hình cho nghị lực, quyết tâm của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào miền Bắc.

Con người Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là con người của truyền thống văn hóa Việt Nam, con người của lòng yêu nước và ý thức tự hào, tự tôn dân tộc. Lòng yêu nước và ý thức tự hào, tự tôn dân tộc đã trở thành một bộ phận cấu thành “cốt cách” dân tộc Việt Nam - đã được chứng minh suốt chiều dài lịch sử. Từ thuở Hùng Vương dựng nước, mỗi khi độc lập dân tộc bị xâm lăng, danh dự dân tộc bị xúc phạm cũng là lúc cả dân tộc Việt Nam sát cánh bên nhau, đồng cam cộng khổ, muôn người như một, vượt qua mọi khó khăn để làm nên những chiến công lẫy lừng từ Bạch Đằng, Chi Lăng, Đống Đa... tới Điện Biên Phủ đến Mùa xuân Đại thắng năm 1975. Con người dưới thời đại Hồ Chí Minh, dưới lá cờ vẻ vang của Đảng được tiếp thêm sinh lực từ lý tưởng tiên tiến của thời đại, truyền thống yêu nước của dân tộc đã được nâng lên một tầm cao mới, các phẩm chất cao quý của văn hóa, con người Việt Nam được kết tinh và phát huy đến mức cao nhất, trở thành động lực tinh thần của toàn dân, toàn quân cùng Đảng và Bác Hồ vượt qua mọi gian khổ, đưa sự nghiệp giải phóng Tổ quốc đến đích thắng lợi cuối cùng. Vì vậy, khẳng định vai trò quyết định trực tiếp của yếu tố con người trong thắng lợi vĩ đại của kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ IV của Đảng khẳng định: “Đó là thắng lợi của cuộc chiến đấu đầy gian khổ, hi sinh, ngoan cường và bền bỉ, anh dũng và thông minh, của nhân dân và quân đội cả nước, đặc biệt là các Đảng bộ miền Nam, các cán bộ và chiến sĩ công tác ở miền Nam và hàng chục triệu đồng bào yêu nước đã chiến đấu trên tuyến đầu Tổ quốc đã nêu cao tấm gương kiên cường, bất khuất hơn ba mươi năm dưới ách quân xâm lược.

Đó là thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, thắng lợi của đồng bào miền Bắc vừa tự xây dựng, vừa chiến đấu để bảo vệ căn cứ địa chung của cả nước, đồng thời động viên ngày càng nhiều sức người, sức của để đánh Mỹ, cứu nước ở miền Nam, một lòng một dạ vì miền Nam ruột thịt”^[1].

Chiến tranh đã lùi xa 39 năm, đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn trong công cuộc đổi mới và hội nhập quốc tế, song ký ức về một thời Hoa - Lửa của dân tộc Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vẫn không thể phai mờ. Đối với thế hệ hôm nay, mỗi lần viếng thăm Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn, Nghĩa trang liệt sĩ Đường 9, tới Đền thờ liệt sĩ Bến Dược, thăm Thành cổ Quảng Trị, địa đạo Củ Chi... đều cảm nhận được những gì cha anh đã trải qua, hiểu đất nước có ngày hôm nay là nhờ công lao và tinh thần hi sinh lớn lao của thế hệ đi trước. Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là kết quả tổng hòa của nhiều yếu tố mà nền tảng là đường lối cách mạng của Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh. Từ chủ nghĩa yêu nước, con người Việt Nam trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa dân tộc và giai cấp, truyền thống và hiện đại, lấy sức mạnh tinh thần làm nền tảng để xây dựng sức mạnh mọi mặt, từ sức mạnh tinh thần khơi dậy ý chí chiến đấu, tập hợp và huy động sức mạnh đoàn kết dân tộc, từ đó khơi dậy tiềm năng sáng tạo, phát huy mọi nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân làm nên chiến thắng. Đó là một trong những bài học quý báu trong tổ chức và lãnh đạo cách mạng của Đảng ta, bài học đó vẫn còn nguyên ý nghĩa đối với hôm nay, khi sự nghiệp đổi mới toàn diện đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, tạo đà vững chắc để dân tộc Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thời cơ và thách thức trước mắt đang đòi hỏi sự nỗ lực của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân vươn lên vừa khẳng định bản lĩnh trí tuệ Việt Nam giai đoạn cách mạng mới vừa để xứng đáng với thế hệ đi trước, đưa được sự nghiệp cách mạng mà thế hệ đi trước để lại đến bến bờ vinh quang!

Phạm Thị Nhung (Trường sĩ quan Lục quân 2) - Xaydungdang.org.vn

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh - Ánh sáng soi đường cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam

Khẳng định công lao to lớn của Chủ tịch Hồ Chí Minh và sức mạnh tư tưởng của Người, Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành T.Ư Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV (tháng 12/1976) đã viết: “Thắng lợi to lớn của sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước cũng như những trang sử chói lọi của cách mạng Việt Nam

^[1] Văn kiện Đảng toàn tập, tập 37, Nxb. CTQG, H.2004, tr.852.

ngót nửa thế kỷ qua mãi mãi gắn liền với tên tuổi Chủ tịch Hồ Chí Minh”^[1].

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh nhân dân được phát huy lên đỉnh cao mới; là ánh sáng soi đường cho dân tộc ta giành thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, thống nhất Tổ quốc, mở đường cho cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Thứ nhất, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định vai trò to lớn của quần chúng và phát huy sức mạnh toàn dân trong chiến tranh cách mạng. Trong thời kỳ chuẩn bị cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược trên phạm vi cả nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ: “Chiến tranh ngày nay phức tạp và hết sức khó khăn. Không dùng toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt để ứng phó, không thể thắng lợi được”^[2]. Bước sang thời kỳ kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, Người phát triển quan điểm trên và nhấn mạnh:

Phải nâng cao kiến thức quân sự cho toàn dân, “Giáo dục nhân dân từ các cháu đến ông già, bà cả về chiến tranh nhân dân và quân đội nhân dân”, tạo điều kiện cho nhân dân phát huy cao độ tinh thần yêu nước và mưu trí sáng tạo trong chiến đấu. Người còn căn dặn: Nói giành thắng lợi quân sự, nhưng phải chú ý tới giữ sức dân, người, của kiệt thì quân nhiều không đánh được.

Quán triệt tư tưởng của Người, trong suốt thời kỳ kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, Đảng, Nhà nước ta hết sức chăm lo cho nhân dân về đủ mọi mặt. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân cả nước trở thành một khối thống nhất, cao trào cách mạng dâng cao trong mọi giới, mọi ngành. Trong giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, “toàn lực của nhân dân về đủ mọi mặt” được phát huy cao độ, kết hợp với sức mạnh của thời đại, thực lực cách mạng ngày càng lớn mạnh. Nhờ có thực lực cách mạng lớn mạnh, ta đã tạo ra thời cơ và khi thời cơ đến, ta nhanh chóng mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

Thứ hai, Người nhấn mạnh phát huy tinh thần độc lập tự chủ, giữ vững tính chủ động trong chiến tranh cách mạng. Quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh, trong suốt các chặng đường cách mạng, Đảng ta luôn luôn chủ động, độc lập tự chủ trong việc hoạch định đường lối cũng như trong việc tổ chức lực lượng và chỉ đạo thực tiễn sắc bén để giải quyết các vấn đề quan trọng của cách mạng Việt Nam. Ngay sau khi ký Hiệp định Giơnevơ, phát biểu tại Hội nghị T.Ư Đảng lần thứ sáu (7/1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng: “Bất kỳ hòa bình hoặc chiến

^[1] Đảng Cộng sản Việt Nam: *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV*, Nxb Sự thật, H, 1977, tr 5.

^[2] Q.Th: *Hình thức chiến tranh nhân dân ngày nay*, Báo Cứu quốc ngày 20/9/1946.

tranh, ta cũng phải nắm vững chủ động, phải thấy trước, chuẩn bị trước”^[1]. Hội nghị T.Ư Đảng lần thứ 15 (5/1959) xác định con đường phát triển cơ bản của cách mạng Việt Nam ở miền Nam là khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân. Đại hội Đảng lần thứ ba (9/1960) xác định nhiệm vụ cách mạng cả nước: Đưa miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Dưới ánh sáng Nghị quyết của Đảng, cách mạng miền Nam đã chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công, giành được thắng lợi ngày càng to lớn trên các chiến trường, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Mùa xuân 1968, sau những thắng lợi to lớn của quân và dân ta trên chiến trường, với tư tưởng chủ động tiến công địch, Đảng ta chủ trương mở cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và làm lung lay ý chí xâm lược của đối phương, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh, ngồi vào đàm phán tại Hội nghị Pa-ri. Sau thắng lợi rất to lớn của cuộc Tổng tiến công chiến lược năm 1972 và chiến công vang dội của quân và dân ta đập tan cuộc tập kích chiến lược bằng máy bay B52 vào Hà Nội, Hải Phòng, cuối cùng giới cầm quyền Mỹ buộc phải ký Hiệp định Pa-ri về Việt Nam, rút hết quân Mỹ về nước. Tuy nhiên, với bản chất cực kỳ tàn bạo và ngoan cố, đối phương đã phá hoại Hiệp định Pa-ri một cách có hệ thống. Trước tình hình đó, quán triệt tư tưởng độc lập tự chủ, chủ động tiến công của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội nghị T.Ư Đảng lần thứ 21 (7/1973) đã khẳng định: “Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, nắm vững đường lối chiến lược tiến công”^[2].

Với tư tưởng chỉ đạo đó, Bộ Tổng Tham mưu tiếp tục chuẩn bị kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam. Qua tám lần dự thảo^[3], Hội nghị Bộ Chính trị mở rộng, có các đồng chí lãnh đạo chủ chốt các chiến trường dự, họp từ ngày 18/12/1974 đến ngày 8/1/1975, thảo luận và chính thức thông qua. Trên chiến trường miền Nam, quân và dân ta phản công địch lần chiếm, và đầu năm 1975, ta chủ động tiến công giải phóng hoàn toàn tỉnh Phước Long, một tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng gần Sài Gòn. Thắng lợi đó giúp ta có thêm căn cứ thực tiễn hạ quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam, đánh bại hoàn toàn chiến tranh xâm lược thực dân mới của Mỹ bằng cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975 lịch sử.

Thứ ba, Người khẳng định rằng chiến tranh nhân dân phải có lực lượng vũ

^[1] *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, Tập 7, Sdd, 1996, tr 317.

^[2] Nghị quyết Hội nghị BCH T.Ư Đảng lần thứ 21 (7/1973).

^[3] Từ giữa năm 1973 đến đầu năm 1975, Kế hoạch chiến lược giải phóng miền Nam qua 8 lần dự thảo. Lần 1 (6/1973), lần 2 (7/1973), lần 3 (8/1973), lần 4 (5/1974), lần 5 (6/1974), lần 6 (15/8/1974), lần 7 (25/8/1974), lần 8 (12/1974) được thông qua ngày 8/1/1975.

trang ba thứ quân làm nòng cốt, có cách đánh tài giỏi. Trên nền chung của cuộc khởi nghĩa toàn dân, chiến tranh nhân dân, quốc phòng toàn dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh xác định quan điểm xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ quân làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc. Đối với lực lượng dân quân tự vệ, Người đánh giá cao, coi đó là bức tường sắt, vô luận kẻ địch nào đụng vào đó cũng thất bại. Để hoàn chỉnh dần cơ cấu, ngày 1/4/1949, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh thành lập bộ đội địa phương. Cùng với việc xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, bộ đội địa phương, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh rất chú trọng việc xây dựng các đơn vị chủ lực và chuẩn bị các điều kiện tiến tới xây dựng các đơn vị cấp đại đoàn. Theo phương hướng đó, trong những năm 1949-1952, sáu đại đoàn bộ binh chủ lực và đại đoàn công pháo lần lượt ra đời. Đến thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, nhiều quân chủng, binh chủng mới như Quân chủng Phòng không - Không quân, Bộ đội Đặc công... được thành lập và nhanh chóng trưởng thành. Đặc biệt, các đơn vị chủ lực bộ binh có sự phát triển mạnh về tổ chức với quy mô từ cấp sư đoàn phát triển thành quân đoàn binh chủng hợp thành vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh. Lực lượng vũ trang ở miền Nam phát triển mạnh.

Sự phát triển của lực lượng vũ trang nhân dân gồm ba thứ quân theo tư tưởng Hồ Chí Minh phản ánh tính chất toàn dân rộng rãi của tổ chức quân sự kiểu mới của cách mạng nước ta. Qua đó, chúng ta đã đưa cuộc chiến tranh nhân dân phát triển. Rơi vào thế trận chiến tranh nhân dân, quân Mỹ bị tiêu hao, bị tiêu diệt ngày càng nhiều, ý chí ngày càng suy sụp, quân nguy bị đánh từ mọi phía, mọi nơi, tinh thần chiến đấu giảm sút, cuối cùng bị đánh bại hoàn toàn.

Thực hiện nghệ thuật quân sự cách mạng, hạt nhân trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là tiến công và phương châm đánh chắc thắng. Người rất coi trọng vấn đề thời cơ, mối quan hệ giữa thế, lực và thời. Nói chuyện với cán bộ cao cấp toàn quân (11/5/1969), Người giải thích: “Quả cân chỉ một ki-lô-gam, ở vào thế lợi thì lực nó tăng lên nhiều, có sức mạnh làm bồng được một vật nặng hàng chục, hàng trăm ki-lô-gam. Đó là thế thắng lực. Ta đánh Mỹ, lấy ít thắng nhiều được là nhờ cái thế của ta rất lợi”^[1]. Quán triệt sâu sắc tư tưởng của Người về cách đánh giặc, quân và dân ta ở cả hai miền Nam - Bắc đều đánh giỏi, thắng gọn, từng bước đẩy đôi phương vào thế thua không thể cứu vãn. Vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, trên cơ sở thế và lực mạnh, ta đã tạo ra thời cơ và khi thời cơ xuất hiện, ta quyết định mở chiến dịch Tây Nguyên; Tây Nguyên thắng lợi tạo thời cơ mới thuận lợi cho quân dân ta giải phóng Huế - Đà Nẵng và hội tụ lực lượng giải phóng Sài Gòn.

Thứ tư, cần xây dựng hậu phương vững mạnh. Từ nhận thức sâu sắc vai trò của

^[1] Báo *Quân đội nhân dân* ngày 23/5/1969

hậu phương trong chiến tranh cách mạng, nên sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược kết thúc thắng lợi, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã xác định nhiệm vụ xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa của cách mạng cả nước. Người khẳng định rằng: Miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ lực lượng đấu tranh của toàn dân ta. Phát biểu kết luận Hội nghị Bộ Chính trị (2/1961), Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh nhiệm vụ của miền Bắc là phải làm thật tốt các mặt: “Lương thực, đường sá và hợp tác xã”^[1]. Người còn căn dặn cán bộ phải hết sức quan tâm đến giao thông vận tải. Bởi vì: “Giao thông vận tải thắng lợi, tức là chiến tranh đã thắng lợi một phần rồi”. Đối với việc xây dựng hậu phương tại chỗ, Người nhiều lần dặn dò các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy chủ chốt chiến trường miền Nam ra Bắc họp là phải hết sức chăm lo xây dựng hậu phương tại chỗ ở miền Nam. Đồng thời Người nêu rõ, ta cần phát huy ưu thế chiến tranh chính nghĩa của ta, làm cho bạn bè quốc tế tin vào cuộc chiến đấu của nhân dân ta nhất định thắng lợi để qua đó tranh thủ sự ủng hộ tinh thần và vật chất ngày càng nhiều.

Xây dựng hậu phương theo tư tưởng Hồ Chí Minh, miền Bắc đã phát huy sức mạnh to lớn của mình trong chiến tranh cách mạng. Vượt qua hai lần chiến tranh phá hoại khốc liệt của quân Mỹ, miền Bắc vẫn đứng vững và có bước phát triển mới. Trong suốt chặng đường chống Mỹ, cứu nước, hợp tác xã ở nông thôn giữ vững sản xuất và cung cấp hơn hai triệu lao động phục vụ quân đội và các ngành nghề khác. Hàng vạn cán bộ và chiến sĩ được cử vào chiến trường “cùng đồng bào miền Nam đánh Mỹ cho kỳ thắng lợi”. Trước khi bước vào Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân năm 1975, theo kế hoạch Bộ Chính trị thông qua, hậu phương lớn chi viện cho tiền tuyến 56 vạn tấn vật chất. Bằng sự cố gắng cao độ, hậu phương miền Bắc đã hoàn thành vượt mức chỉ tiêu đó. Bước vào chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, các đơn vị chủ lực được trang bị đầy đủ về mọi mặt. Các nhu cầu chủ yếu như vũ khí, xe cộ, lương thực, thực phẩm... đều vượt mức yêu cầu. Quân dân ta đánh địch trên thế mạnh, áp đảo, kết thúc chiến tranh hợp với quy luật mạnh thắng yếu thua.

Cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước toàn thắng để lại những bài học sâu sắc về nguồn sức mạnh vô địch của chiến tranh nhân dân chống xâm lược. Đó là sức mạnh toàn dân đánh giặc, sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân được xây dựng theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng và ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, dân tộc Việt Nam đã làm nên chiến thắng vĩ đại mùa Xuân năm 1975, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội, từng bước xây dựng Tổ quốc Việt Nam giàu mạnh như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

^[1] Quân ủy Trung ương: Các chủ trương công tác lớn của kế hoạch quân sự 5 năm (1961-1965). Lưu trữ tại Bộ Quốc phòng. Hồ sơ 264-QU

3. Hậu phương miền Bắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, đối thủ của nhân dân Việt Nam là đế quốc Mỹ - đế quốc mạnh nhất hành tinh. Để đương đầu và đánh bại kẻ thù xâm lược, nhất định dân tộc Việt Nam phải mạnh lên. Muốn vậy, ngoài đường lối kháng chiến đúng đắn, sáng tạo, cần phải có đường lối và biện pháp xây dựng, bảo vệ hậu phương, nhằm tạo nên sức mạnh cần thiết ấy.

Ngay sau khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, miền Bắc sạch bóng quân xâm lược, Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (khóa II) đã nhận định: “Miền Bắc là chỗ đứng của ta. Bất kể trong tình hình nào, miền Bắc cũng phải được củng cố”. Tiếp đó, phát biểu trong Đại hội Mặt trận dân tộc thống nhất toàn quốc (tháng 9/1955), Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: “Miền Bắc là nền tảng, là gốc rễ lực lượng đấu tranh của nhân dân ta. Nền có vững, nhà mới chắc. Gốc có mạnh cây mới tốt”. Để củng cố miền Bắc thành nền gốc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ III năm 1960, đã chủ trương tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc gắn bó chặt chẽ với cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam và giữ vai trò quyết định nhất đối với sự phát triển của toàn bộ sự nghiệp cách mạng của cả nước, đối với cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Như vậy, từ đầu, vai trò và vị trí của miền Bắc đã được Đảng ta xác định rất rõ. Để làm tròn vai trò đó, trong kháng chiến chống Mỹ, hậu phương miền Bắc được xây dựng theo một đường lối đúng đắn, sáng tạo. Đó là đường lối tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, gắn chặt nhiệm vụ xây dựng với nhiệm vụ bảo vệ vững chắc hậu phương, gắn chặt nhiệm vụ chiến lược của hậu phương với nhiệm vụ chiến lược của tiền tuyến. Chế độ xã hội ưu việt được thiết lập không những đảm bảo cho miền Bắc trở thành hậu phương vững mạnh toàn diện, được tổ chức chặt chẽ, mà còn mang lại cho người thợ trong xưởng máy, dưới hầm lò, người nông dân trên đồng ruộng, người chiến sĩ trên chiến hào, sức mạnh tập thể to lớn và niềm tin không gì lay chuyển vào sự lãnh đạo của Đảng, vào tương lai tốt đẹp. Đó là nguồn gốc, là nền tảng, tạo nên sức mạnh bền vững của hậu phương miền Bắc suốt những năm kháng chiến chống Mỹ.

Nhờ thế, suốt những năm xây dựng, chiến đấu gian lao mà rất đổi hào hùng, miền Bắc đã vươn lên hoàn thành sứ mệnh lịch sử vẻ vang của mình. Sự đồng tâm, nhất trí của người hậu phương đã là một trong số những nhân tố nền tảng để Đảng ta đề ra và chỉ đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân Việt Nam trên cả hai miền, thực hiện thắng lợi đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Về phía đế quốc Mỹ, miền Bắc xã hội chủ nghĩa luôn là một nhân tố chi phối mọi tính toán chiến lược của Mỹ trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Nhận biết rất rõ vai trò, vị trí miền Bắc, giới lãnh đạo Mỹ vừa đẩy mạnh nỗ lực quân sự ở miền Nam, vừa gia tăng các hoạt động chống phá miền Bắc. Đế quốc Mỹ đã hai lần

tiến hành chiến tranh phá hoại, bằng không quân và hải quân với quy mô và cường độ ngày càng mở rộng, ngày càng khốc liệt đối với miền Bắc và đối với tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn. Mục tiêu chiến lược của đế quốc Mỹ là bẻ gãy ý chí kháng chiến của nhân dân Việt Nam, phá hoại tận gốc tiềm lực và sức mạnh của cuộc kháng chiến, ngăn chặn sự chi viện từ ngoài vào miền Bắc và từ miền Bắc vào miền Nam. Cuộc chiến đấu anh dũng của quân dân Việt Nam trên vùng trời, vùng biển miền Bắc và trên tuyến vận tải chiến lược Trường Sơn đã đập tan những nỗ lực quân sự to lớn của đế quốc Mỹ, bảo vệ vững chắc hậu phương kháng chiến, bảo vệ và mở rộng tuyến vận tải chiến lược Bắc - Nam...

Suốt 21 năm chiến tranh, đặc biệt từ sau Nghị quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (1959), miền Bắc bắt đầu tổ chức chi viện sức người, sức của cho miền Nam, cho cách mạng Lào và sau đó, cho cách mạng Campuchia. Sự chi viện đó là to lớn, toàn diện, liên tục, với nhịp độ ngày càng tăng, đáp ứng đòi hỏi của chiến trường. Năm 1959, miền Bắc đưa vào miền Nam hơn 500 người. Năm 1964, con số đó tăng lên hơn 17.000 người. Trong thời gian diễn ra những cuộc tiến công chiến lược (1968, 1972, 1975), nhân lực động viên ở miền Bắc phục vụ nhu cầu chiến tranh tăng gấp 4 đến 5 lần so với trước. Không tính số quân bảo vệ miền Bắc, làm lực lượng dự bị chiến lược, chiến đấu và công tác trên tuyến vận tải 559, chỉ tính riêng số quân đưa vào miền Nam trong các năm kể trên như sau: Năm 1968 là 141.000 người, năm 1972 xấp xỉ 153.000 người, năm 1975 là 117.000 người. Ngoài lực lượng trực tiếp chiến đấu, các lực lượng vận tải, đảm bảo giao thông, mở đường và các lực lượng bảo đảm khác gần hàng chục vạn người cũng được động viên từ miền Bắc.

Về vật chất, miền Bắc đã tổ chức tiếp nhận hàng triệu tấn vật chất, vũ khí, phương tiện kỹ thuật do nước ngoài viện trợ; tổ chức nghiên cứu, thiết kế, cải biên, cải tiến nhiều loại vũ khí, khí tài; tổ chức vận chuyển vượt hàng nghìn kilômét dưới bom đạn đánh phá của địch tới các chiến trường, các vùng giải phóng. Trong những năm từ 1965 đến 1968, miền Bắc đưa vào miền Nam khối lượng vật chất gấp 10 lần so với những năm từ 1961 đến 1964. Con số đó trong những năm chống chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” còn tăng gấp nhiều lần.

Bên cạnh việc chi viện sức người, sức của cho chiến trường, miền Bắc còn tiếp nhận hàng chục vạn cán bộ, chiến sĩ, con em miền Nam tập kết; đón tiếp gần 310.000 thương bệnh binh và hơn 350.000 lượt người từ tiền tuyến ra hậu phương chữa bệnh, học tập... Với chế độ xã hội mới ưu việt được xây dựng và tỏ rõ sức sống mãnh liệt trong khói lửa chiến tranh, miền Bắc thực sự là chỗ dựa vững chắc về tinh thần cho những người ra trận, cho đồng bào, cán bộ, chiến sĩ đang ngày đêm chiến đấu ở miền Nam, đặc biệt trong những lúc cách mạng miền Nam bị tổn thất, gặp nhiều thử thách, khó khăn...

Vào giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh, trong 2 năm 1973 và 1974, 25 vạn thanh niên miền Bắc gia nhập lực lượng vũ trang, 15 vạn quân từ biệt hậu phương vào Nam chiến đấu, hàng vạn cán bộ, nhân viên kỹ thuật, thanh niên xung phong

miền Bắc tới các vùng giải phóng ổn định tình hình. Lực lượng công binh, bộ đội Đoàn 559, ngành vận tải miền Bắc cùng hàng vạn dân công hỏa tuyến dồn sức sửa chữa, mở rộng đường Trường Sơn, đặt thêm đường ống dẫn dầu. Trong hai năm này, 397.000 tấn vật chất từ miền Bắc được chuyển tới mặt trận, bằng 54% tổng khối lượng vật chất giao cho các chiến trường trong suốt 16 năm trước đó. Trên miền Bắc, Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương quyết định thành lập các quân đoàn chủ lực. Các quân chủng, binh chủng cũng khẩn trương phát triển thêm nhiều đơn vị mới.

Được hậu phương miền Bắc chi viện mạnh mẽ, toàn diện, thế và lực cách mạng miền Nam biến chuyển nhanh chóng, áp đảo quân địch. Trước tình hình đó, tháng 1/1975, Bộ Chính trị hạ quyết tâm động viên cao độ sức mạnh của cả nước mở cuộc Tổng tiến công chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Thực hiện quyết tâm chiến lược của Bộ Chính trị, cả miền Bắc hướng ra tiền tuyến, dốc sức chi viện cho miền Nam. Các đoàn cán bộ của Đảng, của Bộ Quốc phòng lên đường tới các mặt trận để đôn đốc, kiểm tra công tác chuẩn bị. Bộ Chính trị quyết định thành lập Hội đồng chi viện miền Nam ở Trung ương do Thủ tướng Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch. Trên mọi nẻo đường ra mặt trận, những đoàn xe vận tải nối đuôi đi suốt ngày đêm, chuyển nhanh các binh đoàn chủ lực, các đoàn cán bộ dân, chính, Đảng và hàng vạn tấn vật chất vào Nam, tạo ra thế và lực áp đảo trước khi chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh bắt đầu. Nhờ đó, cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 toàn thắng, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vĩ đại của nhân dân Việt Nam.

Đại tá, PGS. TS Hồ Khang (Viện Lịch sử quân sự Việt Nam) - *Baomoi.com*

4. Dự báo thiên tài về thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh

Dự báo về thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong *Di chúc* của Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta dù phải kinh qua gian khổ hi sinh nhiều hơn nữa, song nhất định thắng lợi hoàn toàn. Đó là một điều chắc chắn”^[1].

Tìm hiểu dự báo chiến lược về thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam trong *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những giúp ta hiểu giá trị to lớn về dự báo thiên tài của Người, mà còn là cơ sở để nghiên cứu, học tập tư tưởng Hồ Chí Minh. Qua đó góp phần đấu tranh phê phán một số quan điểm cho rằng dự báo đó là không có căn cứ, chỉ là lời động viên “thuần túy” của các nhà lãnh tụ, là “khẩu hiệu tuyên truyền” trong nhân dân trước cuộc chiến

^[1] *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 509.

“không cân sức”, “không biết ngày nào ra”. Nếu có thắng lợi cũng chỉ là “ăn may”. Trái lại dự báo đó của Hồ Chí Minh là hoàn toàn khoa học

1. Hồ Chí Minh - Người nắm bắt đúng xu thế vận động phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam

Kết thúc thắng lợi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (7/1954), nhân dân Việt Nam phải đối phó với một kẻ thù mới, nguy hiểm là đế quốc Mỹ. Nắm bắt được xu thế vận động tất yếu của cách mạng, Hồ Chí Minh dự báo: Đế quốc Mỹ âm mưu muốn kéo dài chiến tranh ở Đông Dương, phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tìm cách hất cẳng Pháp để độc chiếm Việt Nam. Tranh lấy hòa bình lúc này không phải dễ dàng, nó là cuộc đấu tranh trường kỳ gian khổ, phức tạp. Tại Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 15 (1/1959), Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Cách mạng Việt Nam nhất định thắng lợi vì Đảng ta và nhân dân ta có đủ sức khắc phục khó khăn, chỉ cần nhân dân ta đoàn kết một lòng, trước hết là đoàn kết trong Đảng thì mọi khó khăn sẽ vượt qua.

Dự báo trên của Hồ Chí Minh xuất phát từ thực tiễn Việt Nam bước vào giai đoạn mới (sau 1954 cách mạng gặp vô cùng khó khăn). Mỹ - Diệm tập trung đàn áp cách mạng, chúng liên tiếp mở các cuộc hành quân càn quét qua các chiến dịch “tổ cộng”, với khẩu hiệu “đạp lên oán thù, thà giết nhầm còn hơn bỏ sót”, “Dĩ đảng trị đảng”, “dĩ dân trị dân”. Hàng trăm cán bộ đảng viên và quần chúng yêu nước bị sát hại. “Trong vòng 10 tháng (7/1955 đến 5/1956) chúng đã bắt và giết 108835 người dân Việt Nam”^[1].

Cơ sở thực tiễn trên khẳng định Hồ Chí Minh đã nhìn thấy trước tính chất gay go quyết liệt của cách mạng Việt Nam. Theo quy luật ở đâu có áp bức, ở đó có đấu tranh. Thắng lợi của nhân dân miền Nam qua phong trào đồng khởi 1960 đã làm xoay chuyển cục diện trên chiến trường miền Nam, từ chỗ giữ gìn lực lượng chuyển sang thế tiến công, đẩy chính quyền Mỹ - Ngụy vào thế bế tắc, mở ra một bước ngoặt mới cho cách mạng miền Nam.

2. Thực tiễn dự báo nối tiếp của những dự báo

Dự báo về thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ trong *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh là dự báo nối tiếp của những dự báo. Sau thắng lợi ở Điện Biên Phủ (7/1954), Hồ Chí Minh nói: “Mỹ đang biến thành kẻ thù trực tiếp”^[2] của nhân dân Việt Nam. Tại thời điểm lịch sử lúc đó, việc nhận rõ kẻ thù của cách mạng thật không đơn giản chút nào. Hồ Chí Minh dự báo tiếp: Mỹ vào thay Pháp, kẻ thù mới còn hung ác hơn nhiều. Người nhắc nhở cán bộ đảng viên và nhân dân phải luôn

^[1] *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội 2004, tr 210.

^[2] *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 314.

cảnh giác.

Năm 1960, nhân ngày Quốc khánh lần thứ 15 của nước ta Người lại dự báo: Chậm lắm là 15 năm nữa, Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc Nam nhất định sẽ sum họp một nhà. Tháng 12 năm 1962 đồng chí Phùng Thế Tài - Tư lệnh, kiêm Chính ủy Quân chủng Phòng không - Không quân được Bác Hồ hỏi: “Chú biết gì về B52 chưa?” Và dặn lại phải theo dõi chặt chẽ, thường xuyên quan tâm đến loại máy bay B52. Vào cuối năm 1967, đầu năm 1968, Hồ Chí Minh dự báo: “Sớm muộn rồi đế quốc Mỹ cũng đưa B52 ra đánh Hà Nội, rồi có thua nó mới chịu thua. Phải dự kiến mọi tình huống càng sớm càng tốt để có thời gian mà suy nghĩ, chuẩn bị. Nhớ là trước khi thua ở Triều Tiên, đế quốc Mỹ đã hủy diệt Bình Nhưỡng. ở Việt Nam Mỹ sẽ nhất định thua. Nhưng nó chỉ thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”^[1].

Dự báo nối tiếp của những dự báo. Dự báo trước làm cơ sở, tiền đề cho dự báo sau. Kết quả thắng lợi từng phần của cách mạng cho thấy đó là một thực tiễn sinh động, một căn cứ khoa học để Hồ Chí Minh viết trong *Di chúc*: Cuộc chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam nhất định thắng lợi. Đó là một điều chắc chắn.

3. Sức mạnh tổng hợp trong cuộc chống Mỹ cứu nước nhất định được phát huy cao độ

Sức mạnh tổng hợp trong cuộc đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam nhất định được phát huy cao độ. Sức mạnh đó đầu tiên bắt nguồn từ đường lối lãnh đạo của Đảng, sự chỉ đạo linh hoạt, sáng tạo, kịp thời, đúng lúc qua các thời kỳ cách mạng. Bị thua đau trên các chiến trường, đế quốc Mỹ mở rộng chiến tranh ra cả hai miền Nam Bắc. Tình hình trên đặt ra cho Đảng, nhân dân, Quân đội ta câu hỏi lớn, Việt Nam có dám đánh Mỹ không? Đánh Mỹ bằng cách nào? Đánh rồi có thắng được không? Câu hỏi này, như đã có câu trả lời từ trước, qua dự đoán khoa học của Người: Nhất định ta thắng Mỹ, đó là điều chắc chắn. Bởi vì, chúng ta có sức mạnh tổng hợp của cuộc chiến tranh mà kẻ thù không bao giờ có (tính chất chính nghĩa của chiến tranh). Có ý chí quyết tâm “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Có sức mạnh của sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Sức mạnh tình đoàn kết chiến đấu của nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia và sự ủng hộ, giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em.

Thắng lợi của cuộc chiến tranh thường tuân theo quy luật mạnh được, yếu thua. Nếu so sánh lực lượng giữa ta và địch về quân sự và kinh tế là quá xa lệch, ta gặp nhiều khó khăn. Nhưng thiên tài của Hồ Chí Minh ở chỗ, chính Người đã nhìn thấu suốt được sức mạnh tổng hợp mà nhân dân Việt Nam sẽ có được. Cốt lõi của sức mạnh ấy là ý chí quyết tâm của cả dân tộc “thà chết không chịu làm nô lệ”; là “Không có gì quý hơn độc lập tự do”; là “Còn non còn nước còn người, thắng giặc

^[1] Trần Dương, *Hồ Chí Minh nhà dự báo thiên tài*, Nxb Thanh niên 2008, tr 89.

Mĩ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”.

4. Cách mạng Việt Nam thắng lợi đưa dự báo của Hồ Chí Minh thành hiện thực

Thực hiện lời tiên đoán của Người “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”, quân và dân hai miền Nam Bắc luôn kề vai sát cánh bên nhau đánh thắng hết chiến lược chiến tranh này đến chiến lược chiến tranh khác. Từ chiến tranh đơn phương, chiến tranh đặc biệt, chiến tranh cục bộ, đến Việt Nam hóa chiến tranh (1954-1960, 1961-1965, 1966-1968, 1969-1972). Mỹ đã rút về nước, chớp lấy thời cơ có một không hai này, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta thực hiện “Đánh cho ngụy nhào”(1973-1975), giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, thực hiện trọn vẹn lời tiên đoán của Người. Với thắng lợi này, nhân dân ta đã quét sạch bọn đế quốc xâm lược, chấm dứt ách thống trị tàn bạo hơn một thế kỷ của chủ nghĩa thực dân cũ và mới trên đất nước ta. Đúng như trong *Di chúc*, Hồ Chí Minh đã viết “Nước ta sẽ có vinh dự lớn là nước nhỏ mà đã anh dũng đánh thắng hai đế quốc to - là Pháp và Mỹ”^[1]. Nhân dân ta đã đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược quy mô lớn nhất, dài ngày nhất của chủ nghĩa đế quốc kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai.

Trên đây là một số căn cứ thực tiễn quan trọng của dự báo về thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong *Di chúc* Chủ tịch Hồ Chí Minh. Khi nói về Thiên tài của Hồ Chí Minh trong dự báo chiến lược, cố Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng đã viết: Hồ Chí Minh “Là bậc yêu nước đại chí sĩ, là lịch nghiệm cách mạng đại chuyên gia. Chân đi khắp năm châu, mắt trông xa vạn dặm; nhận rõ thời cuộc, lặn dò thời cơ”^[2]. Và “Về bằng cấp thì ông Hồ không tiên sĩ, phó bằng gì cả. Nhưng nói về tri thức và sự nghiệp cách mạng thì chắc chắn lớp chúng ta cũng như lớp trước chúng ta, không ai bì kịp. Sự thấu hiểu của ông Hồ rất xa, rất rộng, chẳng những việc trong nước và cả việc thế giới nữa kia. Nước này tương lai sẽ về đâu? Nước kia rồi đây sẽ thay đổi như thế nào? Ông nói rất rành rọt, mạch lạc, nghe không chán!”^[3].

Đã 40 năm trôi qua, nay nghiên cứu, tìm hiểu, đọc lại tư tưởng trên trong *Di chúc* Hồ Chí Minh, chúng ta thấy còn rất mới trong công tác khoa học dự báo của Đảng hiện nay. Để làm tốt vấn đề này, cần chú ý một số yêu cầu có tính chất phương pháp luận sau.

Một là, nhận thức sâu sắc vai trò quan trọng của công tác dự báo khoa học.

Trên cơ sở nhận thức đúng mới có hành động đúng. Làm tốt công tác dự báo là cơ sở quan trọng cho Đảng ta hoạch định đường lối chủ trương đúng, tổ chức lãnh

^[1] *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 12, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr 511.

^[2] Trần Dương, *Hồ Chí Minh nhà dự báo thiên tài*, Nxb Thanh niên 2008, tr 109.

^[3] Trần Dương, *Hồ Chí Minh nhà dự báo thiên tài*, Nxb Thanh niên 2008, tr 110.

đạo nhân dân tiến hành công cuộc đổi mới thắng lợi. Trong điều kiện biến động phức tạp của tình hình thế giới và trong nước hiện nay, công tác dự báo đặt ra vừa là cơ bản lâu dài, vừa là cấp bách trước mắt. Không nhận thức đúng vai trò quan trọng của công tác dự báo, dẫn tới những cách làm không đúng thường gặp như dự báo không sát, không rõ. Hoặc dự báo theo kiểu chấp vá, thiếu cơ sở thực tiễn.

Hai là, trong dự báo chiến lược của Đảng phải xem xét, đánh giá tình hình thế giới trong nước một cách khách quan, toàn diện, cụ thể và phát triển.

Để dự báo tình hình thế giới, trong nước được sát, đúng, vấn đề có tính nguyên tắc là phải đánh giá đúng tình hình, xem xét sự vật trong điều kiện cụ thể nhất định, qua đó dự kiến, nắm bắt chiều hướng phát triển của chúng. Thực tiễn cho thấy, nhờ có nắm chắc phương pháp luận này mà Hồ Chí Minh đã có niềm tin tất yếu vào thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ như đã viết trong *Di chúc*. Trong điều kiện mới hiện nay, trước sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu, Đảng ta nhận định: “Lịch sử thế giới đang trải qua những bước quanh co; song, loài người cuối cùng nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội vì đó là quy luật tiến hóa của lịch sử”^[1].

Ba là, luôn bám sát sự vận động biến đổi của thực tiễn, làm tốt công tác tổng kết thực tiễn.

Trong dự báo những vấn đề chiến lược của cách mạng, phải luôn bám sát sự vận động biến đổi của thực tiễn trong nước, thực tiễn thế giới, khu vực, qua đó tổng kết rút ra từ thực tiễn những bài học kinh nghiệm. Đây là một căn cứ quan trọng trong hoạch định đường lối của Đảng. Xa rời vấn đề có tính nguyên tắc này, chủ trương đường lối của Đảng sẽ khó đi vào trong đời sống nhân dân, không động viên, cổ vũ được nhân dân tham gia. Nhận thức sâu sắc vấn đề này, qua các kỳ Đại hội, Đảng ta luôn tổng kết, rút ra một trong những bài học kinh nghiệm là: Đường lối của Đảng phải luôn xuất phát từ thực tiễn, tôn trọng và hành động theo quy luật khách quan.

Bốn là, làm tốt công tác dự báo của dự báo

Trong công tác dự báo, yêu cầu phải biết phối hợp giữa các ngành, các lĩnh vực, các bộ phận. Lấy kết quả nghiên cứu khoa học của bộ phận này làm cơ sở, căn cứ, điều kiện để dự báo chiều hướng phát triển của khoa học khác và ngược lại. Dựa vào nghiên cứu khoa học của nhiều ngành, nhiều lĩnh vực, cả trong nước và ngoài nước để định ra chủ trương đường lối đúng. Trong dự báo cần phân ra từng giai đoạn, thời kỳ, từng lĩnh vực cụ thể. Có dự báo tổng thể và có dự báo bộ phận. Ngay chính trong một giai đoạn cũng phân ra từng lĩnh vực của thể. Trên cơ sở

^[1] *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Nxb ST, Hà Nội 1991, tr 8.

những dự báo cần có kế hoạch tổ chức thực hiện với những biện pháp linh hoạt sáng tạo.

Thượng tá, Th S Vũ Đình Đợi - *Dangcongsan.vn*

5. Đại đoàn kết dân tộc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

Thắng lợi của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975, kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là kết quả tổng hợp của nhiều nhân tố, mà một trong những nhân tố có ý nghĩa quyết định là Đảng ta đã xây dựng và phát huy được sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc.

Việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước là sự tiếp nối đường lối đoàn kết dân tộc của Đảng ta trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp; mà theo đó, tư tưởng “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công” của lãnh tụ Hồ Chí Minh đã được vận dụng một cách sáng tạo, với nhiều hình thức phong phú, vào điều kiện lịch sử mới - điều kiện đất nước tạm thời bị chia làm hai miền, cả nước đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng, dưới sự lãnh đạo của một Đảng.

Ở miền Bắc, sau ngày giải phóng, tháng 9/1955, Mặt trận Tổ quốc (MTTQ) Việt Nam được thành lập. Mặt trận đã đoàn kết đại bộ phận 17 triệu nhân dân miền Bắc, dựa chắc trên nền tảng của khối liên minh công - nông và đội ngũ trí thức, để thực hiện công cuộc xây dựng và bảo vệ miền Bắc; đồng thời, chi viện đắc lực cho cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam.

Ở miền Nam, những năm sau Hiệp định Giơnevơ, với niềm tin vào Đảng, vào Chủ tịch Hồ Chí Minh, vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước, các tầng lớp nhân dân miền Nam, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đã đoàn kết một lòng, liên tục nổi dậy đấu tranh, mà đỉnh cao là phong trào Đồng khởi cuối năm 1959 và trong năm 1960, đập tan từng mảng chính quyền Sài Gòn ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn, đưa cách mạng miền Nam từ thế giữ gìn lực lượng sang thế tiến công. Thắng lợi của phong trào Đồng khởi được tạo nên bởi lòng dân, ý Đảng, phản ánh sự thống nhất về ý chí, hành động và quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân vì sự nghiệp đấu tranh thống nhất đất nước. Cũng chính từ đây, phong trào đấu tranh cách mạng của nhân dân miền Nam đặt ra yêu cầu khách quan phải có một tổ chức đoàn kết thật rộng rãi các lực lượng chống chế độ thực dân mới của Mỹ và bè lũ tay sai. Theo đó, ngày 20/12/1960, Mặt trận dân tộc giải phóng (MTDTGP) miền Nam Việt Nam được thành lập. Mặt trận chủ trương đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân, các giai cấp, các dân tộc, các đảng phái, các đoàn thể, các tôn giáo và nhân sĩ yêu nước, không phân biệt xu hướng chính trị, nhằm đánh đổ ách thống trị của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai, thực hiện độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Dựa chắc vào khối liên minh công - nông, Mặt trận chủ trương tranh thủ bất cứ người nào có thể tranh thủ được, đoàn

kết bất cứ người nào có thể đoàn kết được, nhằm triệt để phân hóa và cô lập kẻ thù, tập hợp rộng rãi tất cả các tầng lớp nhân dân miền Nam chĩa mũi nhọn vào đế quốc Mỹ xâm lược và bọn tay sai phản động. Thông qua cương lĩnh đúng đắn, chương trình hành động thiết thực, bằng những mục tiêu phù hợp, với những bước đệm: tự do, dân chủ, cải thiện dân sinh, hòa bình trung lập..., Mặt trận đã thu hút không chỉ các tầng lớp nhân dân lao động (công nhân, nông dân, tiểu thương), mà còn lôi cuốn được cả các tầng lớp trí thức, học sinh, sinh viên, tín đồ các tôn giáo, ngoại kiều, tư sản dân tộc, lớp dưới trong bộ máy chính quyền ngụy Sài Gòn... vào cuộc đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, để thực hiện thống nhất đất nước. Với sự ra đời của MTDTGP miền Nam Việt Nam, phong trào đấu tranh chống đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai đã phát triển rộng khắp, với nhiều hình thức đấu tranh rất phong phú và sáng tạo, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị và binh vận, tạo nên sức mạnh tổng hợp, làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của Mỹ.

Đứng trước khả năng đế quốc Mỹ trực tiếp đưa quân vào thực hiện chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt vào ngày 27/3/1964. Với hơn 300 đại biểu gồm những người tiêu biểu cho các ngành, các giới, đại diện cho 31 triệu đồng bào cả hai miền: Nam, Bắc, Hội nghị biểu thị khối đại đoàn kết toàn dân và ý chí quyết tâm sắt đá chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc. Được xem như là một “Hội nghị Diên Hồng” của dân tộc trong thời đại mới, Hội nghị chính trị đặc biệt đã thổi thúc cao trào hành động cách mạng trong cả nước. Khi đế quốc Mỹ trực tiếp đổ quân ồ ạt vào miền Nam để tiến hành chiến lược “Chiến tranh cục bộ” và phát động cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân, ngày 17/7/1966, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi chống Mỹ, cứu nước. Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biểu thị quyết tâm đoàn kết toàn dân tộc để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, thống nhất đất nước với ý chí sắt đá: “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Hưởng ứng Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân miền Bắc đã kết thành một khối, đẩy mạnh các phong trào thi đua sôi nổi trên tất cả các lĩnh vực với khẩu hiệu hành động: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”. Các phong trào, như: “Thanh niên ba sẵn sàng”, “Phụ nữ ba đảm đang”, “Tay cày, tay súng”, “Tay búa, tay súng”; hoặc các khẩu hiệu hành động: “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, “Xe dọc Trường Sơn đi cứu nước, mà lòng phơi phới dậy tương lai”... đã lôi cuốn đông đảo mọi tầng lớp nhân dân, từ thành thị đến nông thôn, từ miền xuôi đến miền núi, từ biên giới đến hải đảo hăng hái thi đua vừa lao động sản xuất, vừa sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu dũng cảm, bắn rơi nhiều máy bay Mỹ; đồng thời, sẵn sàng lên đường chi viện cho chiến trường miền Nam. Tất cả những hành động đó đã biểu thị tinh thần đoàn kết của toàn thể nhân dân miền Bắc xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng và tình đoàn kết của nhân dân miền Bắc đối với nhân dân miền Nam trong cuộc chiến đấu bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Trên chiến trường miền Nam, hưởng ứng Lời kêu

gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, quân và dân miền Nam đẩy mạnh tiến công địch trên cả ba vùng chiến lược, bằng ba mũi giáp công, kết hợp chặt chẽ giữa đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, góp phần chia lửa với đồng bào miền Bắc. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân là sự tiếp nối của những hoạt động đó; đã làm phá sản chiến lược “Chiến tranh cục bộ”, làm lung lay ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ. Cuộc Tổng tiến công không chỉ huy động sức mạnh của lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam (gồm cả chủ lực và địa phương) tiến công vào các cơ quan đầu não trung ương và địa phương của Mỹ - ngụy, mà còn huy động được sức mạnh của nhân dân toàn miền Nam, từ các đô thị (nơi cơ quan đầu não của Mỹ - ngụy đóng), đến các vùng nông thôn rộng lớn, phối hợp với các đòn tiến công quân sự để nổi dậy giành quyền làm chủ. Trong cao trào tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, ngày 20/4/1968, Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam ra đời, tập hợp những người Việt Nam có cảm tình với cuộc đấu tranh của ta, nhưng vì lý do này hay lý do khác mà chưa tham gia vào MTDTGP miền Nam Việt Nam. Sự ra đời của Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam (một hình thức tập hợp “ngoài mặt trận” của Đảng) và việc phối hợp chặt chẽ hoạt động của Liên minh với hoạt động của MTDTGP miền Nam Việt Nam đã góp phần cô lập cao độ kẻ thù, tạo nên sức mạnh mới của khối đại đoàn kết toàn dân. Tất cả những hoạt động của quân và dân 2 miền trong giai đoạn này là những biểu hiện sinh động của sự đoàn kết Bắc - Nam, đoàn kết quân - dân, đoàn kết nhân dân nông thôn và nhân dân thành thị, đoàn kết tất cả các tầng lớp nhân dân vì mục tiêu chung: giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước; đó cũng chính là sự biểu dương ý chí và lực lượng của quân và dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhằm đánh bại chiến lược “Chiến tranh cục bộ” ở miền Nam và chiến tranh phá hoại ở miền Bắc của đế quốc Mỹ trong thời kỳ này.

Sau sự kiện Tết Mậu Thân, sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân tộc lại được thử thách và tiếp tục phát huy trong tình hình mới. Mặc dù có những năm tháng mà cuộc chiến đấu của quân và dân ta ở miền Nam gặp khó khăn lớn (giai đoạn giữa 1968 - đầu 1970); ở miền Bắc, quân và dân ta phải đương đầu với cuộc tập kích chiến lược đường không bằng máy bay B.52 của Mỹ vào Hà Nội, Hải Phòng, nhưng với lòng tin vào Đảng, vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp chính nghĩa, các tầng lớp nhân dân trong cả nước vẫn đoàn kết xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, vượt qua bao hi sinh, gian khổ, liên minh chiến đấu với cách mạng Lào và Cam-pu-chia, làm phá sản một bước quan trọng chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam và đánh bại cuộc tập kích chiến lược đường không bằng B.52 của đế quốc Mỹ, buộc Mỹ phải ký Hiệp định Pa-ri, rút hết quân Mỹ và quân các nước đồng minh ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tiếp theo đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, MTTQ Việt Nam, MTDTGP miền Nam Việt Nam và Liên minh các lực lượng Dân tộc, Dân chủ và Hòa bình Việt Nam đã phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ nhau để tiếp tục phân hóa và cô lập cao độ kẻ thù, tập hợp các tầng lớp nhân dân đoàn kết đấu tranh buộc địch phải thực hiện

nghiêm chỉnh Hiệp định Pa-ri; đồng thời, tranh thủ thời cơ, với quyết tâm đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đến ngày toàn thắng. Mùa xuân 1975, chớp lấy thời cơ mới xuất hiện, Đảng ta hạ quyết tâm động viên sức mạnh cao nhất của cả nước để giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước. Hướng ra tiền tuyến, miền Bắc đã dốc toàn bộ sức mạnh hiện có và tiềm tàng của mình cho miền Nam tổng tiến công và nổi dậy. Trên chiến trường miền Nam, các hoạt động tiến công quân sự của các binh đoàn chủ lực, của các lực lượng vũ trang địa phương và nổi dậy tại chỗ của nhân dân các địa phương đã phối hợp, hỗ trợ nhau, nhanh chóng đập tan sự kháng cự của địch, buộc chính quyền ngụy Sài Gòn phải tuyên bố đầu hàng vô điều kiện vào ngày 30/4. Sài Gòn được giải phóng trong trạng thái hầu như nguyên vẹn, tràn ngập cờ, hoa của các tầng lớp nhân dân chào đón Quân giải phóng; không có một cuộc “tắm máu”, hay trả thù nào như kẻ thù tuyên truyền, xuyên tạc là minh chứng hùng hồn về sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc ngay trong chiến dịch cuối cùng của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa Xuân 1975 - Chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

Sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng ta dày công xây dựng và phát huy mạnh mẽ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước có nguồn gốc trước hết từ đường lối cách mạng độc lập, tự chủ, đúng đắn của Đảng. Đó là đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng: cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, nhằm thực hiện một mục tiêu chung là hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trên phạm vi cả nước, thực hiện thống nhất nước nhà, mở đường đưa cả nước đi lên CNXH. Với việc giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và CNXH, Đảng ta đã phản ánh được nguyện vọng và lợi ích chính đáng của tuyệt đại đa số nhân dân cả nước; nhờ đó, đã động viên và kết hợp được sức mạnh của CNXH với chủ nghĩa yêu nước - truyền thống lâu đời của dân tộc ta; đã tập hợp được một cách vững chắc và rộng rãi nhất mọi lực lượng của cả dân tộc vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước. Với đường lối ấy, Đảng cũng đã kết hợp được sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp có sức tiến công mạnh mẽ để đánh thắng đế quốc Mỹ.

Bên cạnh đó, việc phát huy cao độ truyền thống yêu nước của nhân dân ta cũng là một nhân tố quan trọng tạo nên sức mạnh đại đoàn kết của cả dân tộc trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước; bởi như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”^[1]. Truyền thống yêu nước ấy bắt gặp đường lối cách mạng đúng đắn của Đảng và ngọn cờ đại đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nên đã phát huy mạnh mẽ và rộng rãi hơn bất cứ thời kỳ nào trong

^[1] *Hồ Chí Minh, Toàn tập*, tập 6, Nxb. CTQG, H. 1995, tr. 171.

lịch sử của dân tộc, thúc đẩy mọi người dân Việt Nam kết thành một khối vững chắc xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, vượt qua mọi hi sinh, gian khổ, sáng tạo ra nhiều hình thức đấu tranh, nhiều cách đánh giặc độc đáo và có hiệu quả. Hình ảnh người mẹ miền Nam khi tiễn con ra Bắc tập kết đã căn dặn: “Con ra thưa với Cụ Hồ, Việt Nam này chỉ một ngọn cờ vàng sao” đã nói lên tấm lòng của 14 triệu đồng bào miền Nam luôn hướng về miền Bắc, hướng về Bác Hồ kính yêu với một quyết tâm đoàn kết đấu tranh để thống nhất nước nhà. Và cũng chính từ lòng yêu nước, với niềm tin sắt son vào sự lãnh đạo của Đảng, vào Chủ tịch Hồ Chí Minh, vào thắng lợi cuối cùng của cuộc đấu tranh chính nghĩa, nên trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến, trước sự khủng bố tàn bạo của chính quyền Ngô Đình Diệm qua các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, đại bộ phận nhân dân miền Nam vẫn một lòng một dạ theo cách mạng. 12 triệu lượt quân chúng, thuộc các tầng lớp nhân dân miền Nam, được Đảng huy động vào đấu tranh chính trị với các hình thức khác nhau trong giai đoạn 1955-1958 nhằm giữ gìn lực lượng và giữ thế đấu tranh đã nói lên điều đó. Cũng từ lòng yêu nước, từ ý thức dân tộc, căm thù sự tàn bạo của Mĩ - ngụy, các giai tầng trong xã hội đều tự nguyện tập hợp lại trong các tổ chức khác nhau, dưới ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, để thực hiện hai chiến lược cách mạng của đất nước cho đến ngày toàn thắng.

Không thể bỏ qua một nhân tố quan trọng khác, cho phép xây dựng và phát huy được khối đại đoàn kết toàn dân tộc một cách rộng rãi và vững chắc trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, đó là phương thức tập hợp quần chúng vô cùng sáng tạo của Đảng. Với chủ trương “Đoàn kết bất cứ người nào có thể đoàn kết được”, Đảng đã vận dụng nhiều hình thức, biện pháp phù hợp với yêu cầu, mục tiêu của từng chiến lược cách mạng ở mỗi miền để xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân, mà không dập khuôn, máy móc. Mặc dù việc xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở mỗi miền vẫn trên cơ sở lấy liên minh công - nông làm nền tảng cho mặt trận dân tộc thống nhất, song mặt trận dân tộc thống nhất ở mỗi miền lại có mục tiêu, cương lĩnh, hình thức tổ chức, cơ cấu thành phần không giống nhau. Ở miền Nam, việc đặt ra mục tiêu của MTTQGP miền Nam Việt Nam là: “thực hiện một miền Nam Việt Nam độc lập, dân chủ, hòa bình, trung lập, tiến tới hòa bình thống nhất nước nhà” là một chủ trương hết sức mềm dẻo, linh hoạt, có nhiều bước đệm so với cương lĩnh của MTTQ Việt Nam ở miền Bắc, nên đã tập hợp được mọi lực lượng, mọi người dân yêu nước ở miền Nam tham gia vào cuộc đấu tranh chống Mĩ - ngụy, thực hiện mục tiêu chung là giành độc lập dân tộc, thống nhất đất nước. Do vậy, có thể khẳng định rằng: xây dựng, phát triển mặt trận dân tộc thống nhất trên cả 2 miền, với hình thức mặt trận khác nhau, nhưng vẫn do một Đảng lãnh đạo, là nét độc đáo của Đảng ta về tổ chức tập hợp lực lượng, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân trong cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước.

Cùng với các nhân tố nói trên, chính sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng, trước hết là trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư là hạt nhân của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Ngay trong thời điểm đau thương của cả dân tộc,

khi lãnh tụ Hồ Chí Minh qua đời, kẻ thù hi vọng vào sự chia rẽ, mất ổn định trong Đảng, nhưng đó chỉ là ảo tưởng. Chính sự đoàn kết trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và Ban Bí thư đã tạo ra chất keo gắn kết toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta. Từ đó, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân luôn một ý chí, quyết vượt qua mọi gian khổ, hi sinh để phấn đấu hoàn thành mục tiêu cao cả: giành độc lập cho nước nhà, thu non sông về một mối.

Nhìn lại lịch sử cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước, chúng ta càng thấm nhuần sâu sắc tư tưởng đoàn kết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, càng tự hào với sự lãnh đạo tài tình của Đảng. Ngày nay, việc phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc được Đảng ta tiếp tục coi trọng; bởi đó không chỉ là bài học thành công của quá khứ, mà tiếp tục là động lực chủ yếu, nhân tố có ý nghĩa quyết định, bảo đảm cho thắng lợi bền vững của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Để vận dụng thành công bài học đại đoàn kết toàn dân tộc trong tình hình mới, chúng ta cần tiếp tục bám sát 4 nhân tố tạo nên sức mạnh đại đoàn kết nói trên, để có những giải pháp phù hợp với yêu cầu của thời kỳ mới; trong đó, yếu tố có ý nghĩa quyết định, then chốt là phải thực hiện có hiệu quả Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) về công tác xây dựng Đảng, tích cực chăm lo xây dựng và củng cố “thế trận lòng dân” bằng những giải pháp đồng bộ cả về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại; đồng thời, kiên quyết đấu tranh với những thủ đoạn thâm độc của các thế lực nhằm phá hoại, chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Nguyễn Ngọc Hồi - *Tapchiquptd.vn*

6. Chủ tịch Hồ Chí Minh và những dự báo thiên tài về cuộc kháng chiến chống Mĩ

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ thiên tài, suốt đời đấu tranh không mệt mỏi vì hòa bình dân tộc và nhân loại. Người còn được xem là nhà tiên tri vĩ đại của cách mạng Việt Nam khi có những dự báo chính xác về cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Đã hơn nửa thế kỷ trôi qua, những lời tiên tri và niềm tin vào chiến thắng của đất nước của Bác vẫn còn nguyên giá trị.

Với tầm nhìn chiến lược và kỹ năng tiên tri tuyệt vời, ở mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể, Người đã đưa ra những tiên đoán kỳ diệu với độ chính xác gần như tuyệt đối. Còn nhớ, năm 1954, khi cả nước tung bừng với niềm vui chiến thắng Điện Biên Phủ thì Bác đã nhìn thấy những âm mưu xâm lược của ngoại bang. Bác nói: “Đây chỉ là chiến thắng bước đầu. Chiến tranh chưa kết thúc đâu, không khéo chúng ta phải đánh nhau với Mĩ còn lâu dài gian khổ nữa đấy!”. Sự thật chỉ ít lâu sau, chúng ta phải tiếp tục chiến đấu chống Mĩ, cuộc chiến tranh ác liệt hơn rất nhiều, gian khổ và hi sinh lớn hơn rất nhiều so với chống Pháp và cuộc kháng chiến đã kéo dài hơn 20 năm đúng như nhận định của Bác. Với trí tuệ và sự mẫn cảm chính trị của mình, Bác Hồ đã nhìn thấu những khó khăn, phức tạp đe dọa đến vận

mệnh đất nước.

Năm 1960, trong diễn văn chào mừng ngày Quốc khánh 2/9, Bác nói: “Toàn dân đoàn kết nhất trí, bền bỉ đấu tranh thì chậm lắm là 15 năm nữa, Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc Nam nhất định sẽ sum họp một nhà”. Đúng 15 năm sau, mùa xuân năm 1975, với thắng lợi vĩ đại của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, đất nước ta thống nhất, Nam Bắc sum họp một nhà như tiên đoán diệu kỳ của Người.

Cuối năm 1967, khi làm việc với Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không không quân, Bác đã tiên liệu: “Sớm muộn rồi đế quốc Mĩ cũng sẽ đưa B52 ra đánh Hà Nội rồi có thua nó mới chịu thua”. Từ kinh nghiệm ở Triều Tiên, trước khi thua, Mĩ đã ném bom hủy diệt Bình Nhưỡng, Người đã sớm dự báo: “Ở Việt Nam, Mĩ nhất định thua nhưng nó chỉ chịu thua sau khi thua trên bầu trời Hà Nội”. Thực tế, tháng 12/1972, Mĩ đã mở cuộc tập kích chiến lược bằng không quân vào Hà Nội và Hải Phòng. Chỉ sau khi thất bại nặng nề trong trận “Điện Biên Phủ trên không”, ý chí xâm lược bị đập tan, Mĩ đã phải chịu ký kết Hiệp định Pa-ri, thừa nhận các quyền dân tộc cơ bản của nhân dân Việt Nam và rút hết quân về nước. Là một nhà tiên tri vĩ đại của cách mạng Việt Nam, Người có tầm nhìn xa, trông rộng, nắm bắt được xu thế vận động tất yếu của cách mạng Việt Nam. Khi nói về thiên tài của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cô Bộ trưởng Huỳnh Thúc Kháng đã viết: “Hồ Chí Minh là bậc yêu nước đại chí sĩ, là lịch nghiệm cách mạng đại chuyên gia, chân đi khắp năm châu, mắt trông xa vạn dặm, nhận rõ thời cuộc, lặn dò thời cơ”.

Theo dõi sát sao, lo lắng cho vận mệnh dân tộc luôn thường trực trong từng hơi thở của Người. Ngay trong bản *Di chúc* đề ngày 10/5/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiên đoán chính xác vấn đề mang tính vận mệnh của dân tộc: “Cuộc kháng chiến chống Mĩ còn có thể kéo dài mấy năm nữa. Đồng bào ta có thể phải hi sinh nhiều của, nhiều người. Dù sao chúng ta cũng phải quyết tâm đánh giặc Mĩ đến thắng lợi hoàn toàn. Dù khó khăn gian khổ đến mấy, nhân dân ta nhất định sẽ hoàn toàn thắng lợi. Đế quốc Mĩ nhất định sẽ cút khỏi nước ta. Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất. Đồng bào Nam Bắc nhất định sẽ sum họp một nhà”. Tất cả những gì Người dự báo đều trở thành hiện thực. Chỉ 6 năm sau khi bản *Di chúc* được công bố, năm 1975, dân tộc ta đã vang lên khúc ca khải hoàn. Chỉ tiếc rằng trong ngày vui đại thắng không có sự hiện diện của Bác Hồ kính yêu, nhưng chúng ta tin rằng, Người vẫn đang dõi theo mỗi bước đi trong cuộc cách mạng của dân tộc Việt Nam. Chúng ta đời đời nhớ ơn công lao của Bác, Người không chỉ là vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc ta, nhà văn hóa lớn của thế giới mà Người còn là nhà tiên tri vĩ đại của cách mạng Việt Nam.

Bích Thủy - Congannghean.vn

**TẤM LÒNG
BÁC HỒ VỚI CHIẾN SĨ,
CHIẾN SĨ VỚI BÁC HỒ**

BÁC HỒ VỚI CÁC VỊ TƯỚNG LĨNH

1. Bác Hồ - Bác Tôn hai con người một chí hướng

Trên mảnh đất 4000 năm văn hiến đã sinh ra Hồ Chí Minh và Tôn Đức Thắng - hai người con ưu tú của dân tộc, đã làm rạng rỡ cho non sông Việt Nam.

Bác Hồ và Bác Tôn được sinh ra ở hai miền khác nhau của đất nước, có quãng đời niên thiếu khác nhau, mỗi người chọn cho mình một con đường riêng để bước vào đời nhưng cuối cùng đã gặp nhau và trở thành đôi bạn thân thiết, cùng sát cánh bên nhau đấu tranh cho mục đích vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Giữa lúc đất nước chìm trong đen tối, nhân ta phải sống cảnh lầm than của thân phận người dân mất nước và giữa tiếng súng chống giặc ngoại xâm vang dội khắp nơi thì tại cù lao Ông Hổ, ngày 20/8/1888 Bác Tôn ra đời. Người sau này trở thành những tinh hoa tiêu biểu cho phẩm chất cách mạng và phong cách của giai cấp công nhân Việt Nam.

Hai năm sau tại làng Hoàng Trù - Xứ Nghệ, Nguyễn Sinh Cung được ra đời vào ngày 19/5/1890 đó là Bác Hồ kính yêu của chúng ta - Người đã trở thành biểu tượng cao quý, là niềm tự hào của dân tộc.

Dù ở cách xa hàng ngàn cây số, Tôn Đức Thắng và Nguyễn Sinh Cung đều lớn lên trong cảnh mất nước, dân nô lệ, chứng kiến tội ác dã man của thực dân Pháp đối với đồng bào mình.

Năm 1911, Bác Hồ đã rời bến Nhà Rồng ra đi tìm đường cứu nước trên con tàu Latuache de Fravelle. Tại Pháp, Bác đã hoạt động sôi nổi, tháng 12/1920 Bác đã tham gia Đại hội lần thứ 18 của Đảng xã hội Pháp, tán thành gia nhập Quốc tế III và bỏ phiếu thành lập Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của giai cấp công nhân Việt Nam.

Từ năm 1925-1930 là quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin vào phong trào công nhân và phong trào yêu nước tại Việt Nam thông qua các hoạt động của Hội Việt Nam Cách mạng Thanh niên để đến năm 1930, Đảng cộng sản Đông Dương (nay Đảng Cộng sản Việt Nam) ra đời chấm dứt quá trình khủng hoảng về đường lối cách mạng, xác định vai trò lãnh đạo cách mạng của giai cấp công nhân Việt Nam mà đại diện là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Cùng thời điểm ấy, năm 1906 Bác Tôn đã rời quê hương An Giang lên Sài Gòn để học việc và làm thợ, chọn làm người công nhân công nghiệp sau đó vào học ở trường cơ khí Á Châu. Năm 1916, Bác được đưa sang Pháp làm lính thợ. Trong thời gian Bác Tôn làm lính thợ trên chiến hạm France, một sự kiện gây tiếng vang lớn trong phong trào công nhân quốc tế là cuộc binh biến của lính thủy Pháp phản

đổi cuộc tấn công của các nước đế quốc chống chính quyền Xô Viết mà là Bác Tôn là người đã kéo là cờ đỏ phản chiến. Chính bằng hành động trên Bác Tôn đã đại diện cho giai cấp công nhân Việt Nam thể hiện tinh thần quốc tế vô sản. Năm 1920, Bác Tôn thành lập công hội đầu tiên ở Việt Nam. Dưới sự lãnh đạo của Công hội phong trào đấu tranh của công nhân Sài Gòn - Chợ Lớn phát triển một bước mới từ tự phát lên tự giác bằng cuộc đấu tranh của hơn 1000 công nhân Ba Son vào tháng 8/1925, Công hội bí mật của Tôn Đức Thắng là mảnh đất tốt để hạt giống cách mạng của Bác Hồ đơm hoa kết trái.

Đầu năm 1946, Bác Tôn được Đảng điều động về Trung ương. Tại đây Bác Tôn đã vinh dự được gặp Bác Hồ. Từ đó hai Bác luôn sát cánh bên nhau lãnh đạo cuộc kháng chiến.

Hưởng ứng cuộc vận động “Kháng chiến kiến quốc” do Bác Hồ đề ra, Bác Tôn đã cùng các ngành, các ban thi đua vận động hướng dẫn nhân dân thi đua ái quốc “Diệt giặc đói, diệt giặc dốt, diệt giặc ngoại xâm” làm cho guồng máy kháng chiến chuyển động mạnh và đều.

Sau 9 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, hòa bình lập lại ở miền Bắc. Bác Hồ, Bác Tôn cùng với trung ương Đảng và chính phủ trở về Hà Nội. Sau đó hai Bác bắt tay vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống Mỹ ở miền Nam.

Ngày 19/8/1958 tại câu lạc bộ Ba Đình, Bác Hồ đã thay mặt nhân dân và Chính phủ trao tặng cho Bác Tôn Huân chương Sao vàng nhân dịp Bác 70 tuổi. Đây là phần thưởng cao quý nhất của nước ta mà Bác Tôn là người đầu tiên được trao tặng.

“Đoàn kết, đoàn kết đại đoàn kết

Thành công, thành công, đại thành công”

Có thể nói Bác Hồ là linh hồn của chính sách đại đoàn kết, Bác Tôn là người tiêu biểu cho chính sách đó. Tại phiên họp thứ 11 Quốc hội khóa I Bác Hồ đã ôm hôn Bác Tôn thể hiện sự gắn bó với nhau trong tình cảm cách mạng, tình đồng chí bền chặt keo sơn. Niềm vui của Bác Hồ cũng là niềm vui của Bác Tôn và thực sự trở thành hạnh phúc của Bác Tôn.

Ngày 15/7/1960 Bác Tôn được Quốc hội bầu làm Phó Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Dù ở cương vị nào trong Đảng và Nhà nước, hai bác vẫn là những tấm gương tiêu biểu vô giá về đạo đức cách mạng.

Mặc dù công việc bề bộn, nhưng hai bác vẫn chăm sóc đến các cháu thiếu nhi - thế hệ mầm non của đất nước, những người chủ tương lai của xã hội như Bác Hồ đã nói:

“Vì lợi ích mười năm trồng cây
Vì lợi ích trăm năm trồng người”

Giữa lúc quân và dân ta đang tiến tới con đường giành thắng lợi. Do tuổi cao sức yếu sau gần 60 năm hoạt động cách mạng, Bác Hồ đã vĩnh biệt chúng ta, ngày 2/9/1969. Bác Tôn đã cùng các đồng chí lãnh đạo Đảng và nhà nước ngày đêm túc trực bên linh cữu của Người.

Để tiếp tục con đường giải phóng dân tộc, thực hiện di chúc của Bác Hồ, kế tục sự nghiệp làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Bác Tôn đã lãnh đạo nhân dân 2 miền Nam - Bắc vừa xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, vừa đưa công cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi cuối cùng.

Ngày 2/9/1945, Bác Hồ đọc *Tuyên ngôn độc lập* tại quảng trường Ba Đình - Hà Nội khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ngày 15/5/1975 Bác Tôn đọc “Diễn văn mừng ngày chiến thắng 30/4/1975” tại thành phố Sài Gòn - Gia Định, hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc đưa nước ta thành một nước độc lập tự do.

Hai Bác đã đi hết cuộc đời mình một cách trọn vẹn trong cuộc chiến đấu của dân tộc để tạo lập nên một xã hội mới của lịch sử đất nước - một tấm gương trong sáng về mọi mặt cho các thế hệ Việt Nam noi theo. Lịch sử cách mạng Việt Nam mãi mãi ghi nhận mỗi tình bạn vĩ đại của Bác Hồ - Bác Tôn.

Ngày nay, mỗi chúng ta đều học tập ở hai Bác đạo đức, những phẩm chất tốt đẹp, tình cảm của hai Bác là tình yêu bao la đối với dân tộc. Sự gặp gỡ của hai Bác đã để lại dấu ấn trong lịch sử về 2 con người mà cả nhân loại đều biết đến.

Hình ảnh của Bác Hồ - Bác Tôn vẫn toả sáng cho hôm nay và mai sau, thông qua sự sáng tạo, phẩm chất đạo đức của Bác Hồ - Bác Tôn. Là những nhân viên trẻ đang làm việc tại bảo tàng mang tên Người, chúng tôi luôn tìm hiểu những mẫu chuyện kể về Bác để góp phần tuyên truyền về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Tôn Đức Thắng. Công chúng sẽ được học tập, tìm hiểu thêm về Bác Tôn và gia đình, họ sẽ hiểu hơn về cuộc sống đời thường giản dị của Bác.

Tài liệu tham khảo “*Bác Tôn (1888 - 1980) cuộc đời và sự nghiệp*” -
Nhà xuất bản Sự Thật - Baotangtonducthang.com

2. Hoàng Sâm, vị tướng theo Bác Hồ từ khi 12 tuổi

Đầu năm 1948, Bác Hồ ký quyết định tấn phong quân hàm đại tướng cho ông Võ Nguyên Giáp, trung tướng cho ông Nguyễn Bình và thiếu tướng cho 9 ông: Hoàng Văn Thái, Nguyễn Sơn, Văn Tiến Dũng, Lê Thiết Hùng, Chu Văn Tấn, Hoàng Sâm, Lê Hiến Mai, Trần Tử Bình và Trần Đại Nghĩa.

12 tuổi đi làm giao liên cho Bác Hồ

Hoàng Sâm tên thật là Trần Văn Kỳ, sinh năm 1915 tại Lệ Sơn, Tuyên Hóa,

Quảng Bình. Ông theo bố mẹ sang sinh sống ở Nakhon, rồi Chiang Mai (Thái Lan).

Khi Thầu Chín (Bác Hồ) vừa từ châu Âu về, thấy bé kỳ mới 12 tuổi nhưng sáng dạ, nhanh nhẹn nên chọn làm liên lạc viên. Theo Thầu Chín đi khắp các tỉnh, vừa làm vừa học, tham gia rải truyền đơn, vận động bà con Việt kiều tham gia phong trào yêu nước. Bị lộ, tổ chức cho ông trốn sang Quảng Châu. Ở nhà, mật thám đã bắt và thủ tiêu bố ông.

Tại Quảng Châu, ông cùng vào học trường Quân sự Hoàng Phố. Năm 1933, ông được kết nạp vào Đảng.

Đầu 1937, từ Trung Quốc về nước tham gia Tỉnh ủy Cao Bằng. Năm 1938, tham gia đội du kích kháng Nhật của Đảng CS Trung Quốc tại biên giới Việt - Trung.

Mùa đông 1940, ông gặp lại Bác Hồ cùng các ông Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp. Ngày 8/2/1941, Bác từ Trung Quốc về Pắc Bó (Cao Bằng). Trong chuyến hồi hương, Hoàng Sâm cùng các ông Phùng Chí Kiên, Lê Quảng Ba, Đặng Văn Cáp... bảo vệ Người trở về an toàn. Tháng 5 năm đó, Hội nghị Trung ương 8 họp, quyết định nhiều vấn đề quan trọng.

Cuối năm 1941, đội du kích đầu tiên của Cao Bằng được thành lập gồm 12 chiến sĩ do Lê Thiết Hùng làm đội trưởng, Lê Quảng Ba làm chính trị viên và Hoàng Sâm là đội phó. Đội có nhiệm vụ bảo vệ khu căn cứ, bảo vệ Bác, tuyên truyền xây dựng cơ sở cách mạng và tiêu phi trừ gian ở vùng biên giới. Từ giữa 1942, ông Lê Thiết Hùng đi “Nam tiến”, Hoàng Sâm thay thế.

Thu phục tướng phi

Lợi dụng điều kiện xã hội phức tạp và địa lý hiểm trở vùng biên giới mà nhiều toán phi có vũ trang đã cướp bóc, giết chóc, gây nhiều khó khăn cho cuộc sống bà con các dân tộc. Đã khổ vì quan Tây, quan Châu, nay lại phải chịu “nạn phi”. Nếu không dẹp được “nạn phi” thì sẽ khó động viên bà con ủng hộ cách mạng. Từ năm 1939, Châu ủy Hà Quảng phát động dân lập Hội Chống phi với sách lược “kiên quyết trừng trị đi đôi với giáo dục thuyết phục những người nghèo làm lạc theo phi trở về với nhân dân”.

Lào bên khí tài mới.

Nhưng việc thuyết phục những toán phi lớn không phải dễ. Chúng rất đông, có nhiều súng và hoạt động rất tàn bạo. Những tên trùm phi sống ngang tàng “anh hùng hảo hán” nhưng rất kính nể những người can đảm, tài ba. Trong số đó có anh em Voòng A Sáng, Voòng A Sính, có Châu Slam Tha (Châu “ba mắt”), Lý Sứu...

Hoàng Sâm còn có tên Trần Sơn Hùng nổi tiếng cả vùng Cao Bằng là người gan dạ “đánh đông dẹp bắc”, bắn súng bằng 2 tay “bách phát bách trúng”, phi ngựa thì như kị sĩ, nói tiếng Quảng thì như người Hoa. Bọn trùm phi nghe danh rất kiêng nể nhưng lại muốn thi gan, độ tài.

Một lần, Lý Sứ kéo quân đến cửa hang Pắc Bó đòi gặp ông Trần và ông Lê (Lê Quảng Ba). Vừa trông thấy 2 ông, hấn vội cúi đầu chào và có lời: “Xin mời cán bộ uống rượu đến say rồi thì bắn súng, ném lựu đạn!”.

Quả như lời đồn, gan và tài của ông Trần có một không hai - với tác phong oai phong, khoanh 2 tay trước ngực, súng “pắc-khoọc” đeo lệch một bên vai, con dao quắm đi rừng dắt bên hông - ông lững thững bước ra khoảng trống. Cho dù đã ngấm hơi men nhưng không cần ngấm, ông Trần nâng súng lên, vẩy đầu trúng đó. Lý Sứ thấy vậy vội quỳ gối, chắp 2 bàn tay, miệng dạ ran: “Bái phục đại ca! Bái phục đại ca!”.

Biết những tên trùm phi gốc Hoa rất trọng đồng hương, đồng họ, đồng môn, đồng niên... nên Hoàng Sâm đã thân chinh cưỡi ngựa vào tận sào huyệt Voòng A Sáng. Nghe tiếng đã lâu, nay mới “hội ngộ” lại thấy ông anh “đồng họ” (Hoàng phát âm theo tiếng Quảng là Voòng, Hoàng Sâm là Voòng Sám) nên trùm phi hết sức quý trọng, mở tiệc chiêu đãi.

Trong bữa tiệc, Voòng A Sáng mời Hoàng Sâm uống rượu nhắm với “nào hầu” (óc khi sông) và đề nghị kết nghĩa huynh đệ. Nhờ hành động rất kiên quyết nhưng lại khôn khéo mà ta đã hạn chế được sự phá phách, cướp bóc của bon phi, làm cho nhân dân thêm tin tưởng ở cách mạng. Vì vậy số hội viên cứu quốc theo Việt Minh ngày càng đông.

Làm cố vấn quân sự ở Lào

Từ giữa 1943, phong trào cách mạng phát triển và tiến dần về xuôi. Đội du kích Cao Bằng phân tán mỗi người một nhiệm vụ. Hoàng Sâm được giao nhiệm vụ tổ chức đội bảo vệ các đội xung phong Nam tiến.

Ngày 22/12/1944, đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân được thành lập tại khu rừng Sam Cao, Nguyên Bình, Cao Bằng, ông được cử làm đội trưởng. Sau 2 chiến thắng Phai Khắt, Nà Ngần, đội phát triển thành đại đội, ông được cử là C trưởng. Ít lâu sau, từ đại đội phát triển thành chi đội (tương đương tiểu đoàn) ông lại được cử làm chi đội trưởng.

Theo chân Bác, trong 2 cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, ông đảm đương các nhiệm vụ: Chỉ huy trưởng mặt trận Tây tiến (1947), Chỉ huy trưởng khu 3 (1948), Đại đoàn trưởng 304 (1952-1954) và Tư lệnh quân khu 3...

Trong 41 năm tham gia cách mạng, ông có 2 năm (1962 - 1964) làm chuyên gia quân sự cho Lào cùng tướng Lê Chương. Ngày ấy, giữa Pathet Lào và Hoàng gia lập ra Chính phủ liên hiệp. Cố vấn quân sự Việt Nam sang giúp đỡ cả 2 lực lượng “tả” và “hữu”.

Tướng lĩnh Hoàng gia, sĩ quan “cánh hữu” vốn rất ngang bướng, nhưng với tri thức học được qua các trường quân sự ở Trung Quốc, kết hợp kinh nghiệm trong đấu tranh giải phóng dân tộc ở Việt Nam, cả kinh nghiệm thu phục các trùm phi, ông đã làm cho tướng lĩnh Quân đội quốc gia Lào nể phục.

Diễn hình là trung tướng Coong-le - thuộc “cánh hữu”, vốn trẻ, đẹp trai, ngang tàng lại ăn chơi đàng điếm khi gặp ông cũng phải quy phục.

Chiến tranh chống Mỹ, ông tiếp tục ra trận và hi sinh tại mặt trận Trị Thiên ngày 15/12/1968, tròn 53 tuổi.

Trianlietsi.vn

3. Bác Hồ với các tướng lĩnh đầu tiên của quân đội

Chủ tịch Hồ Chí Minh, người sáng lập và rèn luyện Đảng, Nhà nước ta; Người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam. 67 năm qua kể từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Quảng trường Ba Đình lịch sử (2/9/1945 - 2/9/2012); dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ, Quân đội nhân dân Việt Nam đã lớn mạnh và trưởng thành qua các cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc. Thời gian sẽ qua đi nhưng lịch sử luôn sống mãi; đặc biệt và xúc động hơn trong những ngày này khi mỗi chúng ta lại thấy được Hành trình gian khổ đi đến Cách mạng thành công của Hồ Chí Minh và việc bồi dưỡng, rèn luyện, xây dựng Quân đội nhân dân Việt Nam gắn với những tình cảm thiêng liêng của Người.

Sau gần 30 năm bôn ba tìm đường cứu nước, ngày 28/01/1941 Bác từ Quảng Tây Trung Quốc qua cột mốc 108 về nước và ở hang Pắc Bó thuộc bản Cốc Bó, Hà Quảng, tỉnh Cao Bằng. Tại đây, Bác đã trực tiếp chỉ đạo đường lối cách mạng Việt Nam. Ngày 13/8/1942 với tên gọi mới là Hồ Chí Minh, Người tích cực tổ chức các hoạt động ở trong nước và quốc tế và một hành trình đầy gian khổ để đấu tranh cho sự ra đời nhà nước Việt Nam mới. Đầu tháng 12/1944 tại hang Pắc Bó, Bác giao nhiệm vụ cho đồng chí Võ Nguyên Giáp về việc gấp rút phải chuẩn bị thành lập lực lượng vũ trang. Ngày 22/12/1944 tại khu rừng Trần Hưng Đạo thuộc tỉnh Cao Bằng, Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân được ra mắt. Tháng 2/1945 cuốn sách *Phép dùng binh của Tôn Tử* do chính tay Bác soạn thảo được in ấn phát hành trở thành tài liệu đầu tiên của quân đội. Ngày 22/8/1945 Bác chính thức dời Pắc Bó về Tân Trào để chỉ đạo cách mạng. Tại 38 Hàng Ngang Hà Nội trong 5 ngày, từ 28 đến 31/8 dù bận nhiều công việc, Bác đã viết dự thảo *Bản Tuyên ngôn Độc lập*. Ngày 2/9/1945, Bác đã đọc *Bản Tuyên ngôn Độc lập* tại Quảng trường Ba Đình khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Thực dân Pháp quyết tâm xâm lược Việt Nam một lần nữa. Bác và Trung ương quyết định bí mật dời Thủ đô Hà Nội trở lại Tân Trào (Tuyên Quang) và Thái Nguyên để trường kỳ kháng chiến. Với đường lối cách mạng đúng đắn nhất là phải chăm lo xây dựng lực lượng vũ trang hùng mạnh để trường kỳ kháng chiến và kháng chiến thắng lợi; ngày 22/3/1946, Bác đã ký Sắc lệnh số 33-SL về việc Tổ chức lực lượng Quân đội nhân dân Việt Nam. Năm 1947 với Chiến dịch Thu Đông thắng lợi, đã đến lúc Quân đội nhân dân Việt Nam cần chính quy hiện đại cả về lực lượng và vị thế. Ngày 19/1/1948 tại cuộc họp của Hội đồng Chính phủ, Bác đề nghị thành lập Bộ Tổng tư

lệnh Quốc gia Việt Nam; phong quân hàm cho một số cán bộ quân đội; ban hành 3 loại Huân chương để khen thưởng. Hội đồng Chính phủ đã tán thành ý kiến của Bác. Ngay ngày hôm sau, ngày 20/1/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký 5 sắc lệnh phong 11 tướng lĩnh đầu tiên của Quân đội ta: Đại tướng Võ Nguyên Giáp (số 110-SL), Trung tướng Nguyễn Bình (số 115-SL) và các Thiếu tướng: Lê Thiết Hùng (số 107-SL), Nguyễn Sơn, Chu Văn Tấn, Hoàng Sâm, Hoàng Văn Thái (số 111-SL); Lê Hiến Mai, Văn Tiến Dũng, Trần Đại Nghĩa, Trần Tử Bình (số 112-SL). Đó là đợt phong tướng đầu tiên cho các cán bộ ưu tú của Quân đội nhân dân Việt Nam. Quân đội nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng, Bác Hồ đã góp phần cùng dân tộc hoàn thành thắng lợi qua 9 năm Trường kỳ kháng chiến, kết thúc bằng Chiến dịch Điện Biên Phủ chấn động địa cầu, đánh thắng thực dân Pháp. Bước sang thời kỳ mới, với tầm nhìn chiến lược trước kẻ thù mới là đế quốc Mỹ, Bác đã cùng Trung ương Đảng tiếp tục chăm lo rèn luyện xây dựng Quân đội không ngừng phát triển. Ngày 31/05/1958 Bác đã ký Sắc lệnh số 109-SL- L11 ban hành Luật quy định về chế độ phục vụ của sĩ quan QĐND Việt Nam làm cơ sở quan trọng trong công tác quản lý, động viên chiến sĩ, sĩ quan QĐND. Một năm sau, ngày 31/8/1959, Bác đã ký Sắc lệnh số 36-SL trao quân hàm Đại tướng cho đồng chí Nguyễn Chí Thanh, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị; đồng chí được phong quân hàm Thượng tướng; 4 đồng chí được phong quân hàm Trung tướng; 09 đồng chí được phong quân hàm Thiếu tướng (đồng chí Nguyễn Chí Thanh là Đại tướng thứ hai của quân đội, 2 đồng chí được phong vượt cấp từ Thiếu tướng lên Thượng tướng là Văn Tiến Dũng và Chu Văn Tấn). Bác đã đi xa 40 năm, kế thừa di sản của Người, đến nay hệ thống tướng lĩnh sĩ quan QĐND Việt Nam đã trưởng thành hùng hậu từ những người lính Cụ Hồ. Đã có 12 Đại tướng, 41 Thượng tướng và nhiều tướng lĩnh sĩ quan quân đội được thụ phong. Gần 70 năm qua, những bài học về sự quan tâm rèn luyện Quân đội nói chung, về con người nói riêng cũng như những câu trả lời về đạo đức người làm tướng, tiêu chí phong tướng của Bác vẫn còn tính thời sự và đậm tính nhân văn cao cả.

Bác Hồ xúc động, im lặng, lau nước mắt trong buổi Lễ tấn phong đầu tiên ngày 28/5/1948 là một câu chuyện sâu lắng và cảm động. Lễ tấn phong lễ ra được Chính phủ tổ chức vào ngày 27/5, nhưng vì nước lũ to, các đại biểu từ các nơi trên chiến khu về chậm nên phải lùi sang ngày hôm sau. Mọi người đều có mặt trừ Nguyễn Sơn đang ở Quân khu IV. Theo Hồi ký của Bộ trưởng Lê Văn Hiến kể lại: Trong một căn nhà dựng bên cạnh suối lớn, dựa một bên núi, cây cối che phủ kín; một phòng trưng bày đơn giản nhưng trang nghiêm, có bàn thờ Tổ quốc, chung quanh băng đỏ ghi hai khẩu hiệu: “Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi”, “Thống nhất độc lập nhất định thành công”. Đến giờ làm lễ, Hồ Chủ tịch và cụ Bùi Bằng Đoàn, Trưởng ban Thường trực Quốc hội lên đứng 2 bên bàn thờ, toàn thể nhân viên Chánh phủ đứng sắp hàng trước bàn thờ. Hồ Chủ tịch tay cầm sắc lệnh gọi tên đồng chí Võ Nguyên Giáp lên trước bàn thờ, rồi Cụ nín lặng, sụt sùi rơi nước mắt mà không nói được tiếng gì... Giây lâu, Hồ Chủ tịch mới cất được tiếng mà tuyên bố: “Nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trao cho chú chức vụ

Đại tướng đề chú điều khiển binh sĩ làm tròn sứ mạng mà quốc dân phó thác cho”. Võ Nguyên Giáp nhận sắc lệnh... Cụ Trường ban Thường trực thay mặt Quốc hội tuyên bố mấy lời. Ông Phan Anh thay mặt Chính phủ nói mấy câu chúc mừng. Cuối cùng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng Tạ Quang Bửu nhân danh bộ đội tỏ lời mừng của toàn thể bộ đội và nêu cao tinh thần phấn đấu anh dũng dưới sự chỉ huy của Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Sau cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp đứng lên cảm ơn Hồ Chủ tịch, Quốc hội và Chính phủ và tuyên bố sẽ tiếp tục nỗ lực làm tròn nhiệm vụ để đem lại độc lập và thống nhất cho đất nước... Sau khi hết lễ, ai nấy ngồi chung quanh Hồ Chủ tịch và nghe Cụ nói sự xúc cảm của Cụ trong buổi lễ... 12 giờ đêm, xong các cuộc hội nghị, Hồ Chủ tịch từ giã ra về và dặn ai nấy sáng mai nên phân tán cho sớm...”. Về sự kiện này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp sau này có nói: Giọt nước mắt ấy của Bác ẩn chứa bao tình cảm tri ân, đó là lời nhắc nhở phía sau vinh quang của mỗi vị tướng đã có máu xương đồng đội! Nên nhớ rằng, trước buổi lễ này một năm, Bác Hồ đã ký sắc lệnh truy phong hàm cấp tướng cho đồng chí Phùng Chí Kiên, người đầu tiên được Bác và Trung ương Đảng giao phụ trách Cứu quốc quân từ năm 1941 và đã hi sinh. Như vậy, người được phong hàm cấp tướng đầu tiên của quân đội ta lại là một liệt sĩ. Có thể hiểu rõ hơn vì sao Bác khóc, qua chính lời phát biểu của Người trong buổi lễ ấy: “Các cụ ta qua bao thế hệ chiến đấu cho độc lập mà không thành, nhắm mắt mà chưa thấy dân được tự do. Chúng ta may mắn hơn nhưng còn phải bao nhiêu hi sinh, cố gắng. Hôm nay việc phong hàm cho chú Giáp và các chú khác cũng là kết quả của bao nhiêu hi sinh, chiến đấu của đồng bào, đồng chí. Chúng ta phải cố gắng, phải quyết giành cho được độc lập, tự do, cho thỏa lòng những người đã mất...”. Bác Hồ luôn giáo dục, rèn luyện đội quân ta là quân đội cách mạng, của dân, do dân, vì dân. Sự thành đạt không đơn thuần chỉ là đề tiến chức, thăng quan mà còn để cống hiến nhiều hơn, tốt hơn. Sự nỗ lực của cá nhân rất quan trọng nhưng không tách rời công lao của tập thể và nhân dân. Chính vì vậy, trước buổi lễ này, Bác và Trung ương đã cân nhắc, cuối cùng đi tới quyết định phong quân hàm Trung tướng cho riêng đồng chí Nguyễn Bình với lý do thật sâu sắc: Quân và dân Nam Bộ chiến đấu sớm nhất, gian khổ nhất. Bác Hồ là vậy!

Việc thụ phong tướng Nguyễn Sơn lại là một câu chuyện sâu sắc có ý nghĩa giáo dục cao của Bác. Do Nguyễn Sơn đang ở Liên khu IV nên chưa nhận được Sắc lệnh thụ phong cấp bậc, Chính phủ ủy nhiệm cho Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến Liên khu IV làm lễ thụ phong. Nguyễn Sơn có ý chưa đồng tình, chưa chịu nhận vì cho là mình có hơn một số tướng lĩnh thời đó và cách phong... Tin đó đến tai Bác. Bác Hồ đã gọi Bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, Bộ trưởng Y tế làm đặc phái viên Chủ tịch vào Liên khu IV để trao và chủ trì lễ thụ phong quân hàm cho Nguyễn Sơn. Trước khi đi, Bác gửi kèm một tấm thiệp nhỏ và dặn Bác sĩ khi đề cập việc thụ phong thì đưa luôn thiệp cho chú Sơn. Tấm thiệp Bác viết: “Tặng Sơn đệ”, trong thiệp Bác viết: “Đảm dục đại - Tâm dục tế - Trí dục viên - Hành dục phương”. Nghĩa là: Gan phải to, Tâm phải tế, Trí phải tròn, Hành phải thẳng ngay. Những câu này Bác mượn ý câu thơ của Tôn Tử Mạo Trung Quốc. Bác lấy

12 chữ đầu ở hai câu thơ đầu bỏ đi một số từ. Bác sĩ Thạch sau về báo cáo lại Bác: Đúng với ý Bác đã lường, xem xong danh thiếp, qua suy nghĩ, thái độ anh Sơn vui vẻ nhún nhả hẳn đi, tiếp thu một cách thoải mái. Tôi không phải thuyết phục nhiều như đã chuẩn bị... Anh Sơn còn nói; “Mình rất quen văn học Trung Quốc nhưng thấy ít người viết ngữ văn Trung Quốc xúc tích như ông Cụ”. Lễ thụ phong diễn ra kịp thời và Nguyễn Sơn đã lấy 12 chữ Bác tặng, luôn mang theo cuộc đời binh nghiệp của mình kể cả khi được cử sang Trung Quốc, để trở thành Lương quốc tướng quân.

Hơn thế nữa, có một người đi theo Bác từ khi mới 12 tuổi, trở thành một vị tướng và cả đời hi sinh vì cách mạng: Tướng Hoàng Sâm. Hoàng Sâm tên thật là Trần Văn Kỳ, sinh năm 1915 tại Lệ Sơn, Tuyên Hóa, Quảng Bình. Ông theo bố mẹ sang sinh sống ở Chiang Mai (Thái Lan). Khi Thầu Chín (Bác Hồ) vừa từ Châu Âu về, thấy bé kỳ mới 12 tuổi nhưng sáng dạ, nhanh nhẹn nên Bác chọn, bồi dưỡng làm liên lạc viên. Hoàng Sâm theo Thầu Chín đi khắp các tỉnh, vừa làm vừa học, tham gia rải truyền đơn, vận động bà con Việt kiều tham gia phong trào yêu nước. Bị lộ, tổ chức bố trí Hoàng Sâm trốn sang Quảng Châu. Ở nhà, mật thám đã bắt và thủ tiêu bố ông. Tại Quảng Châu, Hoàng Sâm được Bác giới thiệu vào học trường Quân sự Hoàng Phố. Năm 1933, anh được kết nạp vào Đảng, đầu năm 1937 về nước hoạt động cách mạng tại Cao Bằng và vùng biên giới. Mùa đông 1940, Hoàng Sâm gặp lại Bác Hồ cùng các đồng chí Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp. Ngày 8/2/1941, Bác từ Trung Quốc về Pắc Bó, Hoàng Sâm cùng các đồng chí Phùng Chí Kiên, Lê Quảng Ba, Đặng Văn Cáp... bảo vệ Người trở về an toàn. Hoàng Sâm còn có tên Trần Sơn Hùng nổi tiếng là Hùm Xám vùng Cao Bằng về sự gan dạ. Theo Bác, trong cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, Hoàng Sâm đã không ngừng trưởng thành: Chỉ huy trưởng mặt trận Tây tiến (1947), Chỉ huy trưởng khu 3 (1948), Đại đoàn trưởng 304 (1952-1954) và Tư lệnh quân khu 3... Năm (1962-1964) Bác cử ông làm chuyên gia quân sự cho Lào trong hoàn cảnh chính trị Việt Lào đang cần phát triển tình đoàn kết hữu nghị. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ quốc tế, Hoàng Sâm về nước tiếp tục tham gia cuộc kháng chiến chống Mĩ làm Tư lệnh Quân khu 3, Tư lệnh Quân khu Hữu ngạn, Tư lệnh Quân khu Trị - Thiên và hi sinh ngày 15/12/1968 tại chiến trường Trị - Thiên ở tuổi 53. Nghe tin, Bác vô cùng thương tiếc. Hoàng Sâm được truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh năm 1999.

Là vậy, sẽ còn biết bao nhiêu câu chuyện kể về Bác - người Cha thân yêu của các lực lượng vũ trang QĐND Việt Nam. Song, trong mỗi chúng ta chắc sẽ không bao giờ quên những điều Bác dạy ngắn gọn mà đầy đủ về người chiến sĩ quân đội: “Vì Tổ quốc quên thân, vì nhân dân phục vụ”. Nhớ lại buổi Lễ phong tướng ngày 20/5/1945, khi sự kiện này được công bố, có một nhà báo phương Tây hỏi Bác: “Vì sao một lúc phong nhiều tướng như vậy và việc phong cấp này dựa theo những tiêu chuẩn nào?”. Bác đã điềm tĩnh trả lời: “Đánh thắng đại tá phong đại tá, đánh thắng thiếu tướng phong thiếu tướng, đánh thắng trung tướng phong trung tướng, đánh thắng đại tướng phong đại tướng!” Đó là cách nói hàm súc của Bác, thực tế qua

một Hội nghị quân sự tại chiến khu Việt Bắc năm 1948, Bác đã cô đọng 6 đức tính cần phải có của một người lãnh đạo quân đội là: Trí, Dũng, Nhân, Tín, Liêm, Trung. Về điều này, nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước, Thượng tướng Đàm Quang Trung đã kể lại một kỷ niệm sâu sắc: “Năm 1966, tôi nhận lệnh lên đường vào miền Nam chiến đấu. Trước khi đi, Bác gọi tôi lên gặp để Bác dặn dò. Bác hỏi thăm tình hình gia đình tôi và hỏi chú có gặp những khó khăn gì không. Tôi thưa với Bác là tôi đã chuẩn bị sẵn sàng. Bác vui và ôn tồn nói: “Chú lên đường đi chiến trường xa xôi. Bác nói với chú về nhân cách một người làm tướng. Trong tướng có nhiều loại: mãnh tướng như Trương Phi, dũng tướng như Quan Vân Trường, hồ tướng như Triệu Tử Long. Các loại tướng như thế đều tốt. Nhưng theo Bác, cuộc chiến đấu của chúng ta, cần nhiều nhân tướng, vì đây là cuộc chiến đấu vì con người. Nhân tướng là người tướng hiểu con người, biết quý con người, biết dùng người và được mọi người yêu quý. Chỉ có những vị tướng như thế mới trăm trận trăm thắng được”.

Là thế, khi một người nước ngoài hỏi Đại tướng Võ nguyên Giáp: “Tại sao, một nhà giáo sử học không qua đào tạo tại một trường quân sự nào, lại là Tổng Tư lệnh lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam và đã đánh thắng nhiều kẻ xâm lược, giành độc lập, thống nhất cho đất nước?” Đại tướng vui vẻ trả lời “Câu này xin hỏi chính Chủ tịch Hồ Chí Minh?” Rõ ràng một câu hỏi lớn chưa có lời giải nhưng minh chứng lịch sử và tâm vóc vĩ nhân Hồ Chí Minh thì câu trả lời đã có. Việc trao quyền chỉ huy quyết định hàng trăm vạn sinh mạng và cả vận mạng đất nước trong cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc cho một nhà giáo dạy sử là một quyết định chính xác của Bác Hồ. Có lẽ đây cũng là trường hợp duy nhất trong lịch sử quân sự thế giới, có một vị tướng xuất thân như thế, từ một thầy giáo trở thành một vị tướng lừng danh.

Hồ Chí Minh là một con người như vậy, với kẻ thù thì kiên quyết, với nhân dân thì trân trọng nói chung và chí tình chí nghĩa với quân đội nói riêng. Sinh thời Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: “Hồ Chí Minh không chỉ là số cộng của Việt Nam và thời đại mà là sự kết tinh của dân tộc và thời đại. Hồ Chí Minh lãnh hội, phát huy được chân lý của thời đại, tiêu biểu cho phẩm chất của dân tộc và đã trở thành biểu tượng đẹp nhất của dân tộc”. Hồ Chí Minh là thế, càng đọc, càng hiểu và học tập về Bác, lòng ta càng thấy trong sáng hơn.

Hoitruongson.vn

4. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp là những người con anh hùng của dân tộc Việt Nam. Lịch sử nước nhà mãi lưu danh hai nhân vật vĩ đại: Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa kiệt xuất và Đại tướng Võ Nguyên Giáp - vị tướng huyền thoại, thiên tài quân sự, người anh Cả của Quân đội Nhân dân Việt Nam, người học trò xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí

Minh. Lịch sử đã đưa hai con người xuất chúng ấy đến gần với nhau, trở thành hai thầy trò, hai người đồng chí, hai người tri kỷ để làm nên hai cái tên mà chắc là hàng trăm năm nữa, lịch sử còn phải nhắc tới.

Nhân duyên lịch sử

Lịch sử luôn có những sự trùng hợp rất ngẫu nhiên. Dân tộc Việt Nam đã sinh ra Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp và chính Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là những người đã làm thay đổi lịch sử dân tộc ta, đã làm hồi sinh đất nước, làm cả thế giới phải nghiêng mình tôn kính trước một Việt Nam nhỏ bé nhưng anh hùng, đưa tên tuổi của nước nhà vươn cao, vươn xa trên trường quốc tế.

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đều sinh ra ở mảnh đất miền Trung giàu truyền thống cách mạng: Bác Hồ sinh ra ở quê hương Nghệ An đầy nắng và gió, còn Đại tướng Võ Nguyên Giáp cất tiếng khóc chào đời từ “miền gió lạ cát trắng” - Quảng Bình. Quê hương anh hùng là một trong những yếu tố quan trọng góp phần hun đúc và hình thành lòng yêu nước sâu nặng trong con người Bác Hồ và Bác Giáp.

Năm 1911, Bác Hồ ra đi tìm đường cứu nước từ Bến cảng Nhà Rồng cũng là năm Đại tướng Võ Nguyên Giáp cất tiếng khóc chào đời trong một gia đình nhà nho yêu nước tại làng An Xá. Cũng thật ngẫu nhiên, lịch sử lại đưa hai con người kiệt xuất của hai thế hệ nối tiếp nhau ấy trùng phùng, gắn bó mật thiết với nhau trong suốt phần đời còn lại của mỗi người và trở nên vĩ đại, bất tử.

Tháng 6/1940, lần đầu tiên đồng chí Võ Nguyên Giáp được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh trên một con thuyền ở Thúy Hồ, Côn Minh, Trung Quốc. Kể từ đó, đồng chí Võ Nguyên Giáp luôn luôn có vinh dự được sống và chiến đấu bên cạnh Chủ tịch Hồ Chí Minh và được Người dìu dắt. Đối với Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thường trực trong trái tim, là người có ảnh hưởng to lớn trong cuộc đời và sự nghiệp của Đại tướng. Những thành công trong cuộc đời cầm binh đưa Võ Nguyên Giáp đến vị thế của một tướng lĩnh huyền thoại có dấu ấn sâu đậm của người Thầy vĩ đại Hồ Chí Minh.

Đại tướng từng bộc bạch: “Tôi được biết và ngưỡng mộ Người từ lúc mới giác ngộ cách mạng - từ lúc tôi 13-14 tuổi. Lúc đầu, được xem ảnh Bác, được đọc tác phẩm của Người; về sau tham gia các tổ chức cách mạng, lại được tiếp xúc với nhiều bài viết của Người. Lòng hâm mộ đối với Bác trong trái tim tôi lúc bấy giờ thật là không bờ bến. Và tôi hằng mơ ước có ngày được gặp nhà lãnh đạo nổi tiếng của cách mạng nước ta. Thế rồi, lần đầu tiên được gặp Bác, ấn tượng sâu sắc để lại trong tâm trí tôi là con người Bác sao mà giản dị thế. Bác gọi tôi là đồng chí, tôi gọi Bác là anh... Bác là một con người giản dị và vĩ đại, càng giản dị lại càng vĩ đại.

Về sau, được sống và làm việc gần Bác, ấn tượng của buổi gặp mặt ban đầu ấy càng thêm sâu sắc, càng được khẳng định.”^[1]

Người học trò xuất sắc

Đại tướng Võ Nguyên Giáp là một trong những học trò gần gũi, xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, người luôn ghi nhớ và làm theo lời dạy của Bác Hồ, cũng là một tấm gương điển hình về đạo đức của người cách mạng, về đặt quyền lợi của quốc gia, dân tộc lên trên hết.

Chính Bác Hồ là người đã đưa Võ Nguyên Giáp đến với nghiệp “võ”. Trong cuộc trả lời phỏng vấn nhà báo Pháp Daniel Roussel vào năm 1992, Đại tướng Võ Nguyên Giáp kể lại những ngày đầu đến với việc... nhà binh: “... Tôi được gặp Hồ Chủ tịch lần đầu tiên ở Trung Quốc năm 1940. Chính ở đó, một hôm Người đã đề nghị tôi nghiên cứu vấn đề quân sự. Tôi đã trả lời Bác là tôi quen cầm bút hơn cầm kiếm. Tôi đã nói nguyên văn như vậy... Sau này trở về Việt Nam, ở Pác Bó, khi chúng tôi thảo luận về sự cần thiết chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang, một đồng chí đã nói: “Khởi nghĩa vũ trang ư? Nhưng chúng ta làm gì có vũ khí?”. Hồ Chủ tịch trả lời cần ưu tiên vấn đề con người: “Con người trước đã, vũ khí tính sau. Nếu quần chúng ủng hộ, chúng ta sẽ có tất cả”.

Sau đó, Người nói thêm: “Đồng chí Văn (tức là tôi) cùng các đồng chí khác sẽ làm công tác vận động quần chúng”. Hồ Chủ tịch trao cho tôi nhiệm vụ phát triển phong trào Việt Minh ở vùng Cao Bằng. Và Người nhắc lại, tôi phải chịu trách nhiệm về vấn đề tổ chức quân sự. Vì vậy, tôi đã phát triển các tổ chức quần chúng, trước hết là các tổ chức chính trị, sau đó là các đội tự vệ.

Tháng 12/1944, Bác Hồ giao cho đồng chí Võ Nguyên Giáp trọng trách thành lập đội quân chủ lực đầu tiên. Trong một bài phát biểu vào năm 1989, Đại tướng khẳng định mình vẫn luôn nhớ lời Bác dạy khi giao cho đồng chí nhiệm vụ đặc biệt vào thời điểm năm 1944 đó: “Phong trào có lúc lên, lúc xuống. Nếu có được đội ngũ cán bộ, cán bộ trong đảng và cán bộ ngoài Đảng, có đội ngũ cốt cán thì lúc phong trào lên sẽ tốt, lúc khó khăn, phong trào xuống, cũng vẫn vững vàng thôi. Vì vậy, phải hết sức chú trọng cán bộ, nhất là thanh niên, cả gái và trai”. Tôi đã làm như vậy. Đến mãi sau này, tôi vẫn làm như vậy.”^[2]

Ngày 22/12/1944, tại Cao Bằng, Đội Việt Nam Tuyên truyền giải phóng quân - tiền thân của Quân đội nhân dân Việt Nam làm lễ thành lập do đồng chí Võ Nguyên Giáp trực tiếp chỉ huy. Kể từ đây Võ Nguyên Giáp bắt đầu bước vào cuộc

^[1] Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2006), *Nghiên cứu học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr.510

^[2] Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2006), *Nghiên cứu học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 515

đời của một vị tướng cầm quân suốt cuộc trường chinh thế kỷ, trở thành người Anh Cả của Quân đội nhân dân Việt Nam, lãnh đạo quân ta lập nên những chiến công vang dội.

Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân dưới sự chỉ huy của đồng chí Võ Nguyên Giáp đã góp phần quyết định vào thắng lợi của Cách mạng tháng Tám năm 1945, đưa nhân dân ta từ thân phận nô lệ trở thành người làm chủ vận mệnh của đất nước, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và mở ra một kỷ nguyên cho dân tộc Việt Nam - kỷ nguyên của độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Ngày 20/1/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh số 110/SL phong quân hàm Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, Tổng chỉ huy Quân đội Quốc gia và Dân quân Tự vệ. Đến ngày 28/5/1948, tại buổi lễ phong quân hàm cho vị Đại tướng đầu tiên của Quân đội ta, Hồ Chủ tịch long trọng tuyên bố: “Nhân danh Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trao cho chú chức vụ Đại tướng, để chú điều khiển binh sĩ, làm trọn sứ mệnh mà quốc dân phó thác”. Từ đây, đồng chí Võ Nguyên Giáp trở thành vị Đại tướng đầu tiên của Việt Nam khi mới ở tuổi 37, là vị quân nhân đầu tiên được đặc cách phong quân hàm Đại tướng không qua các cấp trung gian. Điều này thể hiện sự thiên tài của Bác trong dùng người: Bác không chọn bất kỳ một nhà quân sự được đào tạo bài bản nào mà lại chọn đúng một thầy giáo dạy Sử, một sinh viên Luật học để cầm quân. Và cũng chính nhà giáo ấy đã lãnh đạo quân đội ta từ vòn vẹn 34 chiến sĩ với trang bị vũ khí thô sơ trở thành một quân đội chính quy ngày càng hiện đại với những binh đoàn hùng mạnh ngày nay.

Ngày 22/12/1949, trong thư gửi bộ đội và dân quân du kích nhân kỷ niệm 5 năm Ngày thành lập Quân đội, Bác Hồ viết: “Quân đội ta quen gọi Đại tướng Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp là anh Cả. Cách gọi thân ái ấy rất đúng với tinh thần và lịch sử của Quân đội ta...”.

Trong sự nghiệp, Tướng Giáp không bao giờ quên lời dạy sâu sắc của Bác: “Tình hình phức tạp phải nhớ: “Dĩ bất biến ứng vạn biến”. Mục tiêu độc lập dân tộc, chủ quyền đất nước là bất biến, cần nắm vững, đó là nguyên tắc, đó là chiến lược. Trên cơ sở nguyên tắc ấy, sự bất biến ấy mà vận dụng sách lược, tùy tình hình cụ thể mà ứng phó. Suốt đời, tôi nhớ lời dạy của Bác, mỗi lần gặp khó khăn lại nhớ đến lời dạy ấy. Sao mà sâu đậm đến như thế”.^[1]

Trong ký ức của Tướng Giáp, “vào tháng chạp năm 1944... trong hang đá lạnh lẽo, cùng nằm trên giường làm bằng cây rừng ghép lại, ánh lửa bập bùng, trò chuyện đã rất khuya, bỗng Bác nói: Làm cách mạng là phải “Dĩ công vi thượng”. Câu nói ngắn gọn ấy, tôi nhớ mãi đến bây giờ. Việc dân, việc Đảng đặt lên trên hết,

^[1] Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2006), *Nghiên cứu học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 513

không nghĩ đến cá nhân. Điều tâm đắc đó đã trở thành máu thịt trong tôi.”^[1] Dĩ công vi thượng là cốt cách người cách mạng. Bốn từ ấy đã được Đại tướng nhớ mãi và phấn đấu làm theo lời Bác suốt đời cho đến tận lúc ra đi về với Người.

Việc dùng người đối với Bác Hồ mà nói là cả nghệ thuật. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nhắc nhở các cán bộ lãnh đạo của Đảng ta là “dùng người như dùng gỗ” và “cán bộ là cái gốc của mọi việc”. Đối với Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bác luôn thể hiện sự vững tin ở phẩm chất, bản lĩnh và tài năng của người học trò xuất sắc của mình.

Còn nhớ trước khi lên đường ra mặt trận làm nhiệm vụ Bí thư Đảng ủy kiêm Tổng Chỉ huy Chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến Khuổi Tát để chào Bác và xin ý kiến Bác, Bác hỏi Võ Đại tướng:

- Chú đi xa như vậy, chỉ đạo các chiến trường có gì trở ngại?

Đại tướng báo cáo với Bác, ở mặt trận có mặt của Tổng Tham mưu phó và Phó Chủ nhiệm chính trị, sẽ tổ chức một cơ quan tiền phương của Bộ Tổng Tư lệnh để chỉ đạo chiến trường toàn quốc, kể cả bộ đội tình nguyện ở Lào và Campuchia. Hai đồng chí Nguyễn Chí Thanh và Văn Tiến Dũng ở lại căn cứ phụ trách Mặt trận đồng bằng Bắc Bộ. Chỉ có trở ngại là mặt trận Điện Biên ở xa, khi có vấn đề quan trọng và cấp thiết, khó xin ý kiến của Bác và Bộ Chính trị.

Bác thân mật nói với Võ Đại tướng:

- Tổng Tư lệnh ra mặt trận, “Tuống quân tại ngoại”! Trao cho chú toàn quyền. Có vấn đề gì khó khăn, bàn thống nhất trong Đảng ủy, thống nhất với cố vấn thì cứ quyết định, rồi báo cáo sau.

Khi chia tay, Bác còn nhắc:

- Trận này rất quan trọng, phải đánh cho thắng. Chắc thắng mới đánh, không chắc thắng không đánh.

Và trong những thời khắc lịch sử quan trọng, đồng chí đã thể hiện bản lĩnh và sự quyết đoán đầy tinh thần trách nhiệm trước Bác và Bộ Chính trị, trách nhiệm đối với lịch sử và dân tộc của một vị danh tướng, ra quyết định quan trọng để làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ chấn động địa cầu.

Về sau, trong hồi ức *Điện Biên Phủ, điểm hẹn lịch sử*, Võ Đại tướng đã thổ lộ: “Ngày hôm đó (tức ngày 26/1/1954), tôi đã thực hiện được một quyết định khó khăn nhất trong cuộc đời chỉ huy của mình!”.

Trong suốt cuộc đời cầm quân sau này, Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn quán triệt câu nói của Bác Hồ: “Vì nước ta nhỏ, yếu, nhân dân ta sẽ ít thôi, không nhiều

^[1] Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2006), *Nghiên cứu học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 514

như Trung Quốc cho nên làm thế nào để thắng địch nhiều mà tổn thất ít nhất”, phải chắc thắng mới đánh, chiến thắng nhưng phải giảm thiểu được tối đa thiệt hại của quân ta, không để cấp dưới phải hi sinh nhiều. Đó chính là tính nhân văn trong con người vị danh tướng dưới thời đại Hồ Chí Minh.

Đại tướng Võ Nguyên Giáp được đánh giá là “một trong những học trò trung thành và xuất sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đồng chí là một trong số ít người có được cái nhìn sâu sắc và toàn diện nhất về cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh”.^[1]

Hai cốt cách phi thường, hai con người toàn năng

Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp đều là những con người toàn năng, vĩ đại, đã làm cho Việt Nam tỏa sáng. Cuộc đời của hai Bác thật trong sáng và đẹp đẽ: Đẹp từ tuổi thiếu niên cho đến phút cuối cùng, đẹp về trí tuệ, về đạo đức, về phong cách; đẹp từ việc nhỏ đến việc lớn; đẹp trong quá khứ, trong hiện tại và sáng mãi trong tương lai! Một vẻ đẹp bình dị mà cao quý.

Năm 1992, đồng chí Peter MacDonald, một nhà quân sự và một nhà nghiên cứu, đã xuất bản tác phẩm *Võ Nguyên Giáp - Một sự đánh giá* (Giap, an assessment) bằng tiếng Anh (bản dịch tiếng Pháp là: *Giáp - Hai cuộc chiến tranh Đông Dương*). Trong đó có đoạn: Người Việt Nam, bất kể là ai, đều là những nhân tố thật sự kiến tạo nên thắng lợi: Họ đã tỏ ra cương quyết, hết lòng, kỷ luật, dũng cảm và nhiệt tình. Họ đã có một vị Tổng tư lệnh phi thường, đó là Hồ Chí Minh, người cầm lái; Võ Nguyên Giáp, người chỉ huy các lực lượng vũ trang (....).

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị anh hùng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam, danh nhân văn hóa kiệt xuất. Trọn cuộc đời, Người đã hi sinh cho hạnh phúc của toàn dân tộc. Người là hiện thân của những phẩm chất tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam, giá trị của toàn nhân loại. “Chỉ có ít nhân vật trong lịch sử trở thành một bộ phận của huyền thoại ngay từ khi còn sống và rõ ràng Hồ Chí Minh là một trong số đó. Người sẽ được ghi nhớ không chỉ là người giải phóng cho Tổ quốc và nhân dân bị áp bức mà còn là một nhà hiền triết hiện đại đã mang lại một viễn cảnh và hi vọng mới cho những người đấu tranh không khoan nhượng để loại bỏ bất công, bất bình đẳng khỏi trái đất này”^[2]. Đó là những lời ngợi ca đẹp đẽ mà Tiến sĩ A.Atmet, Giám đốc UNESCO khu vực Châu Á - Thái Bình Dương - đại diện đặc biệt của Tổng Giám đốc UNESCO dành cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người đã để lại cho dân tộc và nhân loại cần lao những di sản vô cùng to lớn đó là tư tưởng Hồ Chí Minh. Tư tưởng của Người đã và đang soi đường cho cuộc đấu tranh cách mạng

^[1] Đại tướng Võ Nguyên Giáp (2006), *Nghiên cứu học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, tr. 3

^[2] Ban Quản lý Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh (2001), *Hồ Chí Minh sống mãi với dân tộc Việt Nam và bầu bạn quốc tế*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội, tr.5.

của dân tộc ta đi đến thắng lợi.

Võ Nguyên Giáp - vị tướng văn võ toàn tài, một thiên tài toàn năng trên tất cả các lĩnh vực chính trị, quân sự, khoa học, văn hóa, kinh tế... Trong thế kỷ XX, thế giới chắc không có vị tướng nào như Đại tướng Võ Nguyên Giáp, người đã đánh bại 10 đại tướng của Pháp, 4 đại tướng của Mỹ, được cả thế giới vinh danh. Hội nghị các nhà nghiên cứu quân sự hàng đầu Thế giới được tổ chức ở Thủ đô Luân Đôn (Vương quốc Anh) đã nhất trí bầu Võ Nguyên Giáp là 1 trong số 10 vị tướng huyền thoại xuất sắc nhất của nhân loại mọi thời đại (Việt Nam có 2 người trong danh sách này, người còn lại là Trần Hưng Đạo). Hãng tin AP đánh giá: Là một anh hùng dân tộc, đồng chí Giáp để lại một di sản chỉ đứng sau duy nhất người thầy của mình, chủ tịch sáng lập và nhà lãnh đạo giành độc lập cho đất nước - Hồ Chí Minh.

Trong sự nghiệp trồng người, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đào tạo được nhiều học trò và Võ Nguyên Giáp là một trong những học trò xuất sắc nhất. Giờ đây, cả Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp - hai người con kiệt xuất của dân tộc ta đều đã về với thế giới bên kia. Song, đối với toàn thể đồng bào và nhân dân cả nước ngày nay và cho đến tận mai sau thì Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp vẫn sống mãi với non sông, đất nước.-.

Thu Hiền - Qdnd.vn

5. Xúc động lễ trao quân hàm cho vị Đại tướng đầu tiên

Khi sự kiện trọng đại được công bố trên Đài Tiếng nói Việt Nam, một phóng viên nước ngoài phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại ý: Vì sao cùng một lúc phong nhiều tướng, tá như vậy và việc phong cấp dựa trên tiêu chuẩn nào?. Hồ Chủ tịch đã trả lời giản dị: “Đánh thắng đại tá phong đại tá, đánh thắng thiếu tướng phong thiếu tướng, đánh thắng trung tướng phong trung tướng, đánh thắng đại tướng phong đại tướng”.

Từ khi Cách mạng tháng Tám thành công, trải qua giai đoạn chính quyền Việt Minh gặp phải vô vàn khó khăn khi kẹp giữa nhiều thế lực ngoại bang, Đảng, Chính phủ và Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn tin tưởng, đặt trọng trách Tổng Tư lệnh quân đội lên vai đồng chí Võ Nguyên Giáp. Sau chiến thắng mang ý nghĩa lớn lao của Chiến dịch Việt Bắc năm 1947, quân đội Việt Nam ngày càng tinh nhuệ. Giữa “Thủ đô gió ngàn”, Bác Hồ quyết định ký Sắc lệnh phong quân hàm Đại tướng cho vị Tổng Tư lệnh của mình.

Quân đội Việt Nam ngày càng tinh nhuệ

Không hề đánh giá thấp Việt Minh, trong một cuộc họp với các tướng lĩnh, tướng Valuy, Tổng Tư lệnh quân đội Pháp ở Đông Dương, đã nói đại ý: Việt Nam ngày nay không còn là những cộng đồng riêng rẽ như trong quá khứ để có thể đánh chiếm bằng chiến lược bình định cổ truyền.

Dưới sự lãnh đạo của Việt Minh, họ đã trở thành một cấu trúc hình tháp, được lãnh đạo chặt chẽ từ bên trên. Muốn tái chiếm, chúng ta phải tách được cái đỉnh ra khỏi đáy của hình tháp vững chắc đó. Dựa trên nhận định này, Va-lu-y đã cùng với tướng Xa-lang, Tư lệnh quân đội Pháp ở Bắc Đông Dương, vạch ra cuộc tiến công đại quy mô vào Việt Bắc, nhằm tiêu diệt quân đội và các cơ quan đầu não của Việt Minh.

Nhiều nhà quan sát thời đó cho rằng, hai viên tướng cáo già nhất của quân đội Pháp ở Đông Dương đã nhận định không sai. Tuy nhiên, họ đã không đánh giá đúng sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng, Bác Hồ; không nhìn thấy sức mạnh của quân đội Việt Nam đang ngày càng tăng lên dưới sự chỉ huy tài tình của một bộ óc chiến lược: Võ Nguyên Giáp.

Ngày 7/10/1947, cuộc tiến công đại quy mô của Pháp diễn ra bắt đầu bằng cuộc nhảy dù xuống Bắc Kạn. Tiếp tục những ngày sau đó, khoảng 15 ngàn quân Pháp cùng tàu chiến và hầu hết máy bay có ở Đông Dương, tiến lên vùng Việt Bắc cả bằng đường bộ, đường thủy và đường không.

Ngày 15/10, tiếp thu Lời kêu gọi quân dân Việt Bắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng Tư lệnh quân đội Võ Nguyên Giáp ký bản Mệnh lệnh, ra lệnh cho mọi đơn vị ở Việt Bắc tiến hành đánh giặc.

Theo một số tài liệu, những binh lính Pháp trên chiến trường đã nhận ra sự thất bại, sớm hơn rất nhiều so với các vị tướng chỉ huy họ từ xa. Có thể thấy điều này qua thư từ, nhật ký của chính những người Pháp có mặt ở vùng Việt Bắc.

Sau hơn hai tháng chiến đấu anh dũng, quân đội Việt Nam đã đập tan cái gọi là “cuộc hành quân đại quy mô” của Pháp. Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp đã chỉ huy binh lính của mình, bảo vệ vững chắc các cơ quan đầu não của Chính phủ. Không chỉ thế, qua chiến trận, các đơn vị bộ đội Việt Minh còn tỏ rõ sự tinh nhuệ, nhuần nhuyễn trong nhiều hình thái chiến tranh.

“Đánh thắng đại tướng phong đại tướng”

Quân đội ngày càng tiến lên chính quy, hiện đại. Đã đến lúc Nhà nước phải có sự phong cấp quân hàm cho đúng với vị thế của một quân đội đã đương đầu và không hề thua kém đội quân thiện chiến của một nước Đế quốc. Trong phiên họp của Hội đồng Chính phủ ngày 19/1/1948, Chủ tịch Hồ Chí Minh đề nghị thành lập Bộ Tổng Tư lệnh Quân đội quốc gia Việt Nam, phong hàm cho một số cán bộ quân đội.

Chủ trương đó được toàn thể các thành viên Chính phủ hoan nghênh. Bác Hồ nói giản dị: “Chính phủ phong chú Văn (bí danh của đồng chí Võ Nguyên Giáp) hàm Đại tướng, chỉ có thể thôi và không báo trước. Sau đó, với tư cách là Chủ tịch nước, Bác mới ra Sắc lệnh”.

Ngày hôm sau, Bác Hồ ký Sắc lệnh số 110-SL phong quân hàm cho một số cán bộ chỉ huy quân đội. Đồng chí Võ Nguyên Giáp được trao quân hàm Đại tướng,

cùng với 10 đồng chí khác được phong Trung tướng và Thiếu tướng.

Thời điểm này, Đại tướng đang đi công tác xa. Vì thế, mãi đến ngày 28/5/1948, lễ phong quân hàm mới được tổ chức trọng thể. Hội trường là một ngôi nhà mới dựng lên bên dòng suối lớn, nép dưới tán cây rừng, dựa lưng vào vách núi. Xung quanh chần bằng những tấm vách mới đan, còn thơm mùi nứa. Phía trong, bàn thờ Tổ quốc trang trọng, nổi lên là lá cờ đỏ sao vàng. Hai bên bàn thờ chăng các khẩu hiệu: Trường kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi. Thống nhất độc lập nhất định thành công.

Buổi lễ bắt đầu, Hồ Chủ tịch hai tay nâng tờ Sắc lệnh, mời đồng chí Võ Nguyên Giáp lên. Bằng giọng trang nghiêm, vị Cha già dân tộc nói: “Hôm nay, thay mặt Chính phủ và nhân dân...”. Người bỗng ngừng lời, nâng tấm khăn choàng trên cổ lau nước mắt. Giây phút đó, cả hội trường vô cùng xúc động. Một lát, Người nói tiếp: “... Nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trao cho chú chức vụ Đại tướng để chú điều khiển binh sĩ, làm tròn sứ mạng mà quốc dân phó thác...”.

Vị Đại tướng cũng vô cùng xúc động. Ông cẩn trọng đón nhận Sắc lệnh từ tay Hồ Chủ tịch, rồi phát biểu: “... Tôi hứa sẽ đem hết tinh thần và nghị lực làm tròn nhiệm vụ, góp phần nhỏ bé của mình vào sự nghiệp đấu tranh cho độc lập và thống nhất Tổ quốc”.

Khi sự kiện trọng đại nói trên được công bố trên Đài Tiếng nói Việt Nam, một phóng viên nước ngoài đã xin gặp, phỏng vấn Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người phóng viên đã hỏi đại ý: Vì sao cùng một lúc phong nhiều tướng, tá như vậy và việc phong cấp dựa trên tiêu chuẩn nào?. Hồ Chủ tịch đã trả lời giản dị: “Đánh thắng đại tá phong đại tá, đánh thắng thiếu tướng phong thiếu tướng, đánh thắng trung tướng phong trung tướng, đánh thắng đại tướng phong đại tướng”.

Quả nhiên, trong Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông 1947, nhiều viên tướng, tá cao cấp của quân đội Pháp đã phải chịu thất bại. Còn ở tầm hoạch định chiến lược, Tổng Tư lệnh quân đội Việt Nam đã đánh bại cả hai viên tướng Tư lệnh cao cấp nhất của Pháp lúc bấy giờ ở Đông Dương.

Không chỉ thế, sau này, tên tuổi Đại tướng Võ Nguyên Giáp còn đi vào lịch sử quân sự thế giới. Hết lần này đến lần khác, nhiều tổ chức quốc tế bầu chọn ông vào danh sách những vị danh tướng tiêu biểu của khu vực, châu lục và thế giới. Trong nhiều cuộc phỏng vấn quốc tế về sau, không khi nào, nhà quân sự lỗi lạc quên nhận mình là người học trò trung hiếu của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Baophapluat.vn

6. Bác Hồ với vị tướng Trần Canh, tại Chiến dịch Biên giới năm 1950

Đúng dịp Tết Nguyên đán Canh Dần năm 1950, Bác Hồ thực hiện một chuyến đi bí mật sang Trung Quốc, Liên Xô. Ngày 2/1/1950, Bác cùng đồng chí Trần Đăng Ninh, từ Tuyên Quang đi bộ tới Trùng Khánh tỉnh Cao Bằng, rồi đi tiếp đến Long Châu, Quảng Tây. Đến đây, Bác bắt được liên lạc với Bạn. Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Trung Quốc đã bố trí xe đón Đoàn đi Nam Ninh, từ đó Đoàn đi xe lửa đến Bắc Kinh. Bác làm việc ở Bắc Kinh một tuần, sau đó Bác cùng đồng chí Trần Đăng Ninh đi xe lửa liên vận đến Liên Xô.

Ngày 16/2/1950, Nguyên soái Xtalin mở tiệc chiêu đãi đại biểu sứ quán các nước xã hội chủ nghĩa tại Mát-xcơ-va nhân dịp Liên Xô và Trung Quốc ký “Hiệp ước Tương trợ Đồng minh hữu hảo Xô-Trung” ngày 14/2/1950. Xtalin tự xếp chỗ ngồi gần Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh. Sau buổi tiệc, Xtalin mời Chủ tịch Mao Trạch Đông, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang phòng riêng để trao đổi về việc Liên Xô, Trung Quốc giúp Việt Nam đánh thực dân Pháp.

Chuyến đi bí mật này, Bác đã thành công ở cả hai phương diện chính trị và ngoại giao, đó là chuyến đi lịch sử làm tiền đề cho việc thiết lập quan hệ ngoại giao giữa Việt Nam - Liên Xô, giữa Việt Nam - Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác. Ngày 11/3/1950, Bác và đồng chí Trần Đăng Ninh về đến Bắc Kinh, giữa tháng 4/1950, Bác mới về đến Tuyên Quang.

Tháng 6/1950, Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới. Ngày 7/7/1950, Bộ Tổng Tư lệnh ra Mệnh lệnh về Chiến dịch Biên giới. Mục đích của chiến dịch là tiêu diệt sinh lực địch, giải phóng một phần biên giới Việt - Trung, mở đường nối liền Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa, mở rộng và củng cố căn cứ Việt Bắc. Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy chiến dịch, Thiếu tướng Hoàng Văn Thái, Tổng Tham mưu trưởng làm Tham mưu trưởng chiến dịch, Trần Đăng Ninh, Chủ nhiệm Tổng cục Cung cấp phụ trách hậu cần cho chiến dịch. Trung tuần tháng 9/1950, Hồ Chủ tịch lên đường đi chiến dịch.

Đầu năm 1950, Trung tướng Trần Canh đang chỉ huy quân đội trên chiến trường Vân Nam (khi đó Vân Nam chưa giải phóng). Thực hiện cam kết không thành văn giữa Nguyên soái Xtalin, Chủ tịch Mao Trạch Đông và Chủ tịch Hồ Chí Minh. Theo yêu cầu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về việc Trung Quốc giúp Việt Nam, Chủ tịch Mao Trạch Đông đích thân điều động Trung tướng Trần Canh về Bắc Kinh nhận nhiệm vụ dẫn đầu Đoàn Cố vấn Quân sự Trung Quốc gồm 14 đồng chí sang Việt Nam. Ngày 7/7, Đoàn Cố vấn Trung Quốc xuất phát từ Côn Minh đi đến Thái Nguyên. Tại một nhà sàn đơn sơ trên chiến khu, Bác Hồ cảm kích gặp lại người bạn. Bác Hồ và Trần Canh là bạn cũ của nhau. Tháng 5/1924, Trần Canh học khóa 1 Trường Quân sự Hoàng Phố - Quảng Châu, còn Bác Hồ khi đó là Thư ký của Phái bộ Brôđin - Cố vấn Chính trị của Chính phủ Liên Xô bên cạnh Tôn Trung

Sơn, khi đó hai người thường xuyên gặp nhau trao đổi công tác.

Ngày 16/9/1950, Chiến dịch Biên giới mở màn bằng trận đánh Đông Khê tỉnh Cao Bằng, đến trưa ngày 18/9 kết thúc thắng lợi. Trong niềm vui lớn, Bác Hồ viết tặng Trần Canh một bài thơ bằng chữ Hán. Theo nguyên bản tài liệu trong *Nhà kỷ niệm Trần Canh* bài thơ này có nội dung như sau:

“Huề trượng đấng cao quan trận địa
Vạn trùng sơn ủng vạn trùng vân
Nghĩa binh tráng khí thôn ngư đầu
Thệ diệt sài lang xâm lược quân”.

Dịch:

“Chống gậy lên non xem trận địa
Vạn trùng núi đỡ vạn trùng mây
Quân ta khí mạnh nuốt Ngư Đầu
Thề diệt xâm lăng lũ sói cay”.

Đọc xong bài thơ, Trần Canh rất cảm kích, vui vẻ nói với Bác Hồ: “Hồ Chủ tịch đã hạ quyết tâm như thế, thì một móng quân Pháp cũng chạy không thoát!”.

Ngày 8/10/1950, Bác viết thư biểu dương các chiến sĩ ngoài mặt trận và gửi tặng Trần Canh bài thơ thứ hai:

“Hương tân mĩ tửu dạ quang bôi
Dục ẩm, tỳ bà mã thượng thôi
Túy ngọa sa trường quân mạc tiếu
Địch nhân hưu phóng nhất nhân hồi”.

Dịch:

“Rượu ngọt sâm banh lấp lánh li
Muốn uống, tỳ bà thúc ngựa phi
Đừng cười say nghỉ nơi trận mạc
Không tha quân địch một tên về”.

Từ 10/9 đến 23/10/1950, quân Pháp tháo chạy khỏi Thất Khê, Cao Bằng, Na Sầm, Lạng Sơn, Đình Lập, An Châu. Ta hoàn toàn phá vỡ hệ thống phòng ngự đường số 4 của địch, giải phóng 5 thị xã, 13 thị trấn với 35 vạn dân, nhiều vùng quan trọng của biên giới Việt - Trung được củng cố và mở rộng, chiến khu Việt Bắc được nối liền với các tỉnh và với các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Đây là chiến dịch tiến công trên qui mô lớn đầu tiên của quân đội ta, tạo ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đánh dấu sự trưởng thành về tổ chức, chỉ huy và trình độ tác chiến của quân đội ta. Trong bữa tiệc mừng thắng lợi, Hồ Chủ

tịch tằng tướng Trần Canh hai câu thơ:

“Loạn thạch sơn trung cao sĩ ngọa
Mậu mật lâm lý anh hùng lai”.

(Tạm dịch: Ẩn sĩ nơi núi đá. Anh hùng chốn rừng xanh. TG).

Qua những bài, câu thơ Bác tặng Trần Canh trên đây, đủ thấy tình cảm của Bác Hồ quý trọng vị tướng Trần Canh đến mức nào! Ngày 11/11/1950, tướng Trần Canh tạm biệt Hồ Chủ tịch và Việt Nam về nước nhận nhiệm vụ mới.

Theo Nguyễn Ngọc Điệp - *Khcncaobang.gov.vn*

7. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Vị đại tướng được Bác Hồ đặt tên

Quân đội ta có hai vị Đại tướng đầu tiên thì một người xuất thân từ trí thức, một người xuất thân từ nông dân và cùng quê Bình Trị Thiên. Có điều đặc biệt, người xuất thân từ trí thức thì trở thành quan võ, Bộ trưởng Quốc phòng, Tổng Tư lệnh. Người xuất thân từ nông dân thì trở thành quan văn, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam...

Người cộng sản kiên cường

Nói thế thôi, chứ thực ra cả hai vị đại tướng này đều là văn võ kiêm toàn, đều có nhãn quan chiến lược vào loại tầm cỡ, xứng đáng được ghi vào sử sách. Một người thì rõ ràng đã được thế giới suy tôn là một trong các vị tướng nổi tiếng thế giới. Còn một người thì đã từ giã chúng ta, để lại một chỗ trống không gì có thể bù đắp được và cho đến nay nhiều người vẫn nuối tiếc...

Tên khai sinh của Đại tướng Nguyễn Chí Thanh là Nguyễn Vịnh. Tại Hội nghị Đảng toàn quốc ở Tân Trào tháng 8/1945, khi nghe có tên Nguyễn Chí Thanh trong danh sách Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Nguyễn Vịnh quay sang hỏi đồng chí Võ Nguyên Giáp ngồi bên cạnh: “Nguyễn Chí Thanh là ai mà nghe lạ thế!”. Đồng chí Võ Nguyên Giáp mỉm cười trả lời: “Là anh chứ ai nữa, chính Bác đặt tên cho anh đấy”. Nguyễn Vịnh vừa ngỡ ngàng, vừa sung sướng! Từ đây cái tên Nguyễn Chí Thanh trở thành một phần lịch sử của quân đội ta, của Cách mạng Việt Nam.

Nguyễn Vịnh sinh ngày 1/1/1914 tại làng Niệm Phò, huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên.

Cuối năm 1936, đầu năm 1937, anh may mắn được gặp các anh Phan Đăng Lưu, Nguyễn Chí Diểu trong Phong trào Mặt trận Bình dân và bắt đầu được giác ngộ về lý tưởng Cộng sản. Tháng 7/1937, Nguyễn Vịnh được kết nạp vào Đảng.

Trong 8 năm, từ khi là một đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương, rồi Bí thư Chi bộ và sau đó là Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên, Nguyễn Vịnh đã bị đế quốc bắt giam 3 lần ở các nhà lao Huế, Lao Bảo, Buôn Ma Thuột và đã từng vượt ngục để

tiếp tục hoạt động. Suốt thời gian lăn lộn với phong trào cũng như những năm tháng bị tù đày Nguyễn Vĩnh luôn tỏ ra là một đảng viên cộng sản kiên cường, nguy hiểm không sờn lòng, khó khăn không lùi bước. Anh đã góp phần xây dựng cơ sở Đảng, đẩy mạnh phong trào cách mạng ở Thừa Thiên - Huế trong suốt thời kỳ hoạt động bí mật trước cách mạng.

“Chúng ta chỉ sợ mất lòng tin của dân”.

Đầu năm 1947, anh là người có công lớn trong việc khôi phục phong trào sau khi mặt trận Huế bị vỡ. Ngày 25/3/1947, tức 40 ngày sau khi quân ta rút khỏi Huế, với cương vị là Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên, anh triệu tập một cuộc họp đặc biệt, địa điểm họp không phải ở chiến khu mà là ở ngay làng Nam Dương (huyện Quảng Điền) - một làng ở ngay sát nách địch, chỉ cách Huế 20 cây số.

Mở đầu cuộc họp, anh đọc lá thư đề ngày 5/3/1947 của Bác Hồ “Gửi các đồng chí Trung Bộ”, nêu lên những khuyết điểm của cán bộ đảng viên trong những ngày đầu kháng chiến. Liên hệ với tình hình địa phương, anh nghiêm khắc tự phê bình và phê bình để rút ra bài học sâu sắc trong thời gian qua. Anh nói: “Bộ đội ta rất anh dũng. Tinh thần cách mạng của đồng bào ta rất cao. Điều đáng trách là cán bộ, đảng viên chúng ta không biết cách tổ chức huấn luyện và chỉ huy anh em đánh giặc”. Cuối cùng anh củng cố lòng tin cho mọi người: “Mất đất chưa phải là mất nước. Chúng ta chỉ sợ mất lòng tin của dân. Có lòng tin của dân là có tất cả. Vì vậy chúng ta không được chạy dài. Chúng ta phải trở về với dân”.

Sau đó Tỉnh ủy Thừa Thiên đã ra nghị quyết nhấn mạnh tư tưởng chỉ đạo: “Phải nhanh chóng chuyển sang tiến công địch. Kiên quyết luôn trở lại vùng đồng bằng đang bị địch chiếm đóng, bám đất, bám dân, phát động phong trào chiến tranh du kích, phá tan chính sách bình định của địch”. Từ đó phong trào kháng chiến ở vùng sau lưng địch của Bình Trị Thiên đã vượt qua được những khó khăn hiểm nghèo, từng bước tiến lên giành những thắng lợi.

Năm 1948, Trung ương quyết định thành lập Phân khu Bình Trị Thiên để thống nhất chỉ huy 3 tỉnh Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên. Phân khu ủy Bình Trị Thiên được thành lập và anh Thanh được chỉ định làm Bí thư.

Nhận nhiệm vụ mới, anh cùng các đồng chí trong Phân khu ủy đi sâu nghiên cứu tình hình và ra nghị quyết mở một chiến dịch phá tề trong cả 3 tỉnh của Phân khu. Đây là một chủ trương sáng suốt và kịp thời. Kết quả là cả một hệ thống quyền địch ở cơ sở bị ta đập vỡ từng mảng lớn, làm cho chúng hết sức hoảng sợ. Bởi vì khi một khu vực hàng mấy huyện lớn không còn hội tề nữa thì tự nhiên cả hệ thống đồn bót của địch bị trơ ra giữa vòng vây của nhân dân.

Trên một vùng nông thôn rộng lớn của Bình Trị Thiên, sau chiến dịch đâu đâu cũng có chính quyền cách mạng, có dân quân du kích hoạt động, những đồn lẻ của địch bị tiêu diệt. Những cuộc hành quân của địch luôn bị chặn đánh bởi hoạt động của du kích tại chỗ. “Bình Trị Thiên khói lửa” sau một thời gian tạm lắng đã vươn

lên hòa nhập với phong trào cả nước. Trong chiến công chung đó có sự đóng góp quan trọng, nếu không nói là quyết định của Nguyễn Chí Thanh. Sau sự việc này, Bác Hồ đã tặng Nguyễn Chí Thanh danh hiệu: “Vị tướng du kích”.

Giữa năm 1950, cuộc kháng chiến chống Pháp bước sang một giai đoạn mới, quân đội ta phát triển nhanh chóng và ngày càng lớn mạnh. Trong bối cảnh đó, Nguyễn Chí Thanh được Đảng giao cho một trọng trách mới. Anh được điều động vào quân đội và được bổ nhiệm giữ chức Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam. Về Đảng anh được cử giữ chức Phó Bí thư Quân ủy Trung ương.

Năm 1951, tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 2, Nguyễn Chí Thanh được bầu lại vào Ban Chấp hành Trung ương và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị.

Với trọng trách đảm nhận công tác Đảng, công tác chính trị trong quân đội, Nguyễn Chí Thanh đã có đóng góp to lớn tạo nên sức mạnh của quân đội ta, liên tiếp đánh thắng địch trong nhiều chiến dịch lớn, kết thúc bằng Chiến dịch Điện Biên Phủ lịch sử tháng 5/1954. Năm 1959, anh được phong hàm Đại tướng và đây là vị Đại tướng thứ hai của quân đội ta.

Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ 3 tháng 9/1960, Nguyễn Chí Thanh lại được bầu vào Ban Chấp hành Trung ương và được Ban Chấp hành Trung ương bầu vào Bộ Chính trị.

Năm 1961, do yêu cầu của công cuộc hợp tác hóa nông nghiệp và đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Nguyễn Chí Thanh được Trung ương Đảng giao cho phụ trách Ban Nông nghiệp Trung ương. Chỉ ít lâu sau, một phong trào thi đua mới trên mặt trận nông nghiệp nổi lên như sóng cồn. Đó là kết quả của mấy tháng liền Nguyễn Chí Thanh xuống xâm nhập cơ sở ở Hợp tác xã Đại Phong (xã Phong Thủy, huyện Lệ Thủy, Quảng Bình). Bài báo *Hoan nghênh Hợp tác xã Đại Phong* do anh viết đăng trên báo Đảng, trở thành một sự kiện trong đời sống chính trị của nhân dân miền Bắc lúc bấy giờ.

Con người của quần chúng

Nói đến Nguyễn Chí Thanh là nói đến quần chúng, nói đến phong trào quần chúng. Hầu như anh sinh ra trên đời này là để sống với nhân dân. Là Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Nông nghiệp Trung ương nhưng hầu như Nguyễn Chí Thanh có mặt cả tháng liền với các hợp tác xã, và từ đó sinh ra gió “Đại Phong”. Hồi còn là Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị cũng vậy - Là Đại tướng nhưng Nguyễn Chí Thanh thường xuyên có mặt ở các đơn vị, gần gũi cán bộ, chiến sĩ và từ đó cò “Ba Nhất” phát phoir bay. Có thể nói Nguyễn Chí Thanh ở đâu là ở đó có phong trào quần chúng. Bởi anh tin tưởng sâu sắc vào sức mạnh của quần chúng. Anh thường nói, không có quần chúng thì không thể có thắng lợi của cách mạng. Anh cũng thường nói: “Cán bộ thế nào thì phong trào thế ấy”, cán bộ phải lăn lộn, gắn bó với phong trào và chính anh là điển hình của một cán bộ như thế.

Có một giai thoại về vị “Đại tướng nông dân” này rất thú vị. Đó là vào năm 1951, khi Nguyễn Chí Thanh vừa được bổ nhiệm chức vụ Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị chưa được bao lâu, anh cùng đơn vị đi Chiến dịch Hòa Bình. Trên đường hành quân ra trận, phải qua một con suối, ai cũng xắn quần lội qua. Có một anh cán bộ cấp đại đội hay tiểu đoàn gì đó đang loay hoay với đôi giày thì thấy một người trạc tuổi chưa đến 40, da ngăm đen, khỏe mạnh mặc bộ quần áo nâu bạc đi qua, anh cán bộ nghĩ chắc là một bác nông dân, liền gọi lại:

- Ông chịu khó cõng mình qua suối một tí.

“Người đó” không tỏ ra khó chịu mà vui vẻ nhận lời, ghé lưng vác quần cõng anh cán bộ qua suối.

Sang đến bờ bên kia, anh cán bộ phần khởi vỗ vai người đã giúp cõng mình qua suối, định nói lời cảm ơn. Nhưng bỗng thấy bác nông dân nghiêm mặt lại, nói giọng miền Trung nghiêm khắc:

- Cậu có biết tớ là ai không?

Anh cán bộ chưa kịp định thần vì câu hỏi bất ngờ thì được nghe người đó nói tiếp:

- Tớ là Nguyễn Chí Thanh - Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị. Hôm nay tớ giúp cậu vì xét ra cậu cũng cần giúp nhưng nhớ lần sau đừng bắt người khác cõng như thế nữa nhé.

Năm 1954, khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, anh cùng gia đình từ chiến khu trở về Hà Nội, cơ quan định bố trí cho anh một căn hộ ở bên hồ Trúc Bạch. Đó là một biệt thự đẹp, có mái nhọn cao vút, trang trí nội thất sang trọng. Nhưng anh đã từ chối và đề nghị bố trí cho mình một chỗ ở trong khu quân đội. Anh tâm sự với các đồng chí xung quanh: “Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình, khó tránh khỏi chớm nở trong bộ đội tư tưởng đòi hưởng thụ. Mình ở nhà sang quá thì khó gần gũi anh em, mà có khi muốn nói điều cần nói cũng khó lọt tai người nghe”.

Trung tướng Đoàn Chương, nguyên thư ký riêng cho anh Thanh nhiều năm, kể lại: Theo chế độ, chính sách, với cương vị cao là Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, gia đình anh được cơ quan trang bị thêm tủ, giường và một số đồ dùng khác. Nhưng anh bảo đem phân phối cho những anh em khác còn thiếu thốn. Trung tướng Đoàn Chương còn nói về chị Cúc, vợ anh bằng những lời lẽ tốt đẹp: “Là vợ một cán bộ lãnh đạo cao cấp, nhưng tuyệt nhiên chị không bao giờ cậy thế chồng để lên mặt “bà chủ” với anh em phục vụ. Điều đó một phần do bản chất đôn hậu của chị, một phần quan trọng là do thái độ của anh Thanh. Anh chúa ghét những thói ấy”.

Có một lần anh xuống dự đại hội đại biểu một tỉnh có nhiều hiện tượng cán bộ đảng viên tham ô, xâm phạm đến lợi ích của quần chúng. kỳ giáp hạt năm ấy địa phương bị mất mùa, nhân dân thiếu ăn. Nhà nước đưa gạo về giúp, nhưng một số nơi cán bộ thiếu trách nhiệm, quản lý không chặt chẽ, để xảy ra nhiều hiện tượng

tiêu cực rất đáng xấu hổ. Đối với những trường hợp như thế anh thường không giữ được bình tĩnh. Trên bục phát biểu khi nhắc đến hiện tượng này giọng anh như lạc hẳn đi:

“Đảng viên gì? Cán bộ gì?; Dân đói, Nhà nước gửi về mấy tạ gạo, ba ông Chi ủy dám dúi chia nhau mỗi người mấy chục cân, thì không bằng... con! Không thể nào để lại trong Đảng ta những con người thoái hóa đến mức ấy”.

Trung tướng Trần Quý Hai kể lại, hồi ở chiến khu Thừa Thiên, mặc dầu với cương vị Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, anh và gia đình vẫn sống hòa chung cuộc sống thiếu thốn, gian khổ với nhân dân. Có tháng cả nhà liên tục ăn sắn, nấu cháo bằng sắn, làm bánh bằng bột sắn. Có ai đem biếu một tí gạo, thức ăn, anh lại đem chuyển sang bệnh viện cho thương bệnh binh - Mẹ anh thương anh làm việc vất vả, người hốc hác nói với anh rằng đây là người ta thương anh người ta biếu anh chứ có phải của tham ô đâu, nhưng anh nói với mẹ: “Mẹ hãy hiểu cho con, con là cán bộ của Đảng, của dân thì không thể dân ăn khổ mà chỉ riêng con ăn ngon được”.

Tttx-qdien.thuathienhue.edu.vn

8. Thượng tướng Phùng Thế Tài - Người cận vệ tài ba - Vị tướng trung kiên

Trong gia phả họ Phùng và trong danh sách những vị tướng tài, vị trí thượng tướng Phùng Thế Tài luôn được xếp vào hạng khai quốc công thần, một vị tướng tài ba, có nhiều công lao trong việc bảo vệ lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và lập nên những chiến công vang dội góp phần trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Thượng tướng Phùng Thế Tài tên thật là Phùng Văn Thụ, sinh năm 1920 tại huyện Phú Xuyên, tỉnh Hà Tây (TP. Hà Nội ngày nay). Ông sinh ra và lớn lên trong một gia đình nông dân nghèo, cuộc sống cơ cực, đất nước lại đang trong hoàn cảnh bị chiến tranh, xâm lược. Năm 1933, ông phải xa gia đình lưu lạc sang tỉnh Vân Nam, Trung Quốc để tìm kế sinh nhai. Tại đây ông làm đủ thứ nghề, đêm đến ông sống chung với đám cừu vạ ở chợ trời giữa những cơn gió mùa lạnh lẽo. Mặc dù nai lưng cật lực, bằng mồ hôi sôi nước mắt vẫn không đủ sống, lại bị lũ con gia chủ ức hiếp, miệt thị. Vốn có sức khỏe và một chút võ nghệ, nên ông tản cho chúng một trận rồi bỏ lên Côn Minh-thủ phủ của tỉnh Vân Nam, Trung Quốc.

Ở Côn Minh, ông có gần 3 năm sống lang thang trên các ngã đường và làm nhiều công việc lặt vặt để sống. Một hôm, ông tình cờ gặp một người đồng hương hỏi chuyện về nhân thân. Đó chính là ông Vũ Anh- một đảng viên Cộng sản trong một chi bộ hoạt động ở nước ngoài tại Vân Nam. Từ đó ông giác ngộ theo cách mạng, và đến năm 1939 được kết nạp vào Đảng.

Ngày Bác Hồ về Cao Bằng, ông lại tiếp tục được tin cậy và được tổ chức giao nhiệm vụ bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cho Bác tại hang Pác Pó trong điều kiện bí

mật, gian nan và khổ sở giữa núi rừng trùng điệp.

Rồi ông được cử làm tiểu đội trưởng tiểu đội giải phóng quân Thất Khê trong ngày thành lập Đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân. Năm 1945. Ông tham gia giành chính quyền tại Thất Khê. Từ đó cuộc đời ông gắn liền với binh nghiệp.

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, tháng 9/1954, ông được cử làm Đại đoàn trưởng Đại đoàn Pháo binh 349 vừa được thành lập. Trong đợt phong quân hàm đầu tiên của Quân đội, ông được phong quân hàm Thượng tá (1958). Từ tháng 11/1961 đến tháng 11/1962, ông giữ chức Hiệu trưởng Trường Sĩ quan Pháo binh, kiêm Tham mưu trưởng Quân chủng Pháo binh.

Tháng 12/1962, ông là Tư lệnh Quân chủng Phòng không. Năm 1963, Quân chủng Phòng không - Không quân thành lập, ông được cử giữ chức Tư lệnh đầu tiên của quân chủng này. Trong thời kỳ chiến tranh phá hoại miền Bắc lần thứ nhất của đế quốc Mỹ, dưới sự chỉ đạo của ông, Quân chủng Phòng không đã góp phần không nhỏ trong việc đánh bại chiến tranh leo thang phá hoại của không quân Mỹ bảo vệ vững chắc bầu trời miền Bắc. Năm 1967, từ đại tá Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân, ông được Nhà nước bổ nhiệm chức Phó Tổng Tham mưu trưởng và điều động về công tác tại Tổng hành dinh - Bộ Quốc phòng.

Trong trận Điện Biên Phủ trên không (12/1972), trên cương vị Phó Tổng tham mưu trưởng, ông thay mặt Quân ủy Trung ương trực tiếp chỉ đạo Quân chủng Phòng không Không quân làm lên chiến thắng lịch sử, đánh bại sức mạnh của không lực Hoa kỳ buộc Mỹ phải ký kết Hiệp định Pa-ri.

Xung quanh thượng tướng Phùng Thế Tài còn có nhiều giai thoại được lưu truyền trong các chiến sĩ quân đội. Tháng 8/1944, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc lấy tên là Hồ Chí Minh quyết định sang Trung Quốc gặp đại diện đồng minh để tranh thủ sự giúp đỡ. Đồng chí Phùng Thế Tài được giao nhiệm vụ bảo vệ Bác trong chuyến đi này. Về kỷ niệm này, Thượng tướng Phùng Thế Tài viết trong hồi kí: “Lần ấy chỉ có một mình tôi đi bảo vệ Bác. Tôi mặc bộ dạ sĩ quan Tướng oai lẫm. Tôi nói thạo tiếng Trung Quốc, lại có sẵn giấy thông hành đặc biệt của chính quyền Tưởng Giới Thạch cấp hồi còn học ở trường quân sự Hoàng Phố nên yên trí. Bác mặc bộ quần áo của quân đội Tưởng, người ngoài cuộc chỉ có thể cho Bác cháu tôi là anh lính trẻ đi với ông lính già. Khi đến Tỉnh Tây, cơm chưa xong, Bác vào làm việc tại trụ sở của Quốc dân đảng Trung Hoa và là tổng hành dinh của Trung tướng Trần Bảo Xương. Tối hôm đó, Bác ngủ ngay ở chỗ làm việc. Tôi không rõ Bác liên lạc với Trần Bảo Xương để làm gì, nhưng không dám hỏi vì nguyên tắc bí mật. Một điều bất ngờ làm tôi lạnh cả xương sống. Trên đường về phòng nghỉ, Bác đã bỏ quên mũ ở phòng khách bảo tôi quay lại lấy. Và chính trong tình huống này tôi đã nghe lỏm được bọn Trần Bảo Xương đang bàn trong phòng kín tìm cách bắt giữ hai Bác cháu tôi lại. Tôi vốn là một chàng trai không biết sợ là gì, nhưng nghe chúng bàn nhau như vậy, tim tôi như có ai bóp chặt. Tôi lại nghĩ đến cảnh tù đầy qua mấy chục nhà giam của chính quyền Tưởng Giới Thạch mà Bác phải chịu năm 1942. Và

vai trò của Bác trong những ngày sắp tới đối với cách mạng Việt Nam, tôi bình tĩnh lại và nhẹ nhàng quay lại báo ngay với Bác. Nhưng khác với tôi, Bác rất bình tĩnh, chỉ thoáng một chút đăm chiêu. Suy nghĩ một lúc, Bác quyết định quay về Việt Nam ngay trong đêm hôm đó.

Nhưng làm sao mà ra khỏi hai cánh cổng sắt có lính gác của tổng hành dinh Trần Bảo Xương được? Như hiểu được ý tôi, Bác khẽ nói:

- Ta đi không mang hành lý gì, đi người không, giả bộ với lính gác ra ngoài mua bao thuốc lá!

Thoát khỏi được tổng hành dinh của Trần Bảo Xương, hai Bác cháu quên cả mệt đi như chạy ra khỏi Tỉnh Tây và cuộc bộ một mạch không nghỉ. Sáng hôm sau trông thấy Bác quá mệt, người phờ phạc lòng tôi quặn lại. Đời người lính cận vệ có biết bao điều khó lường có thể xảy ra. Nhưng với tôi, một khi đã kiên trì lòng trung thành với Đảng và cái tâm sáng thì điều khó lường ấy dù có nguy hiểm đến mấy cũng có thể vượt qua kể cả phải hi sinh tính mạng của mình. Càng thương Bác tôi càng ý thức được trách nhiệm của mình, bảo vệ Bác an toàn tuyệt đối”.

Thời gian sau thấy năng khiếu chỉ huy quân sự và nguyện vọng của ông Phùng Thế Tài được đi chiến đấu, Bác đồng ý. Trước khi ra mặt trận Bác dặn ông: “Chú sẵn sàng đi chiến đấu, thế là tốt, nhưng nhớ đừng có “hữu dũng, vô mưu” đó nhé...”.

Từ một cậu bé lang thang không nơi nương tựa đến với cách mạng là cận vệ đầu tiên của Chủ tịch Hồ Chí Minh rồi chuyển sang chỉ huy quân sự. Là một vị chỉ huy từng có mặt trong đoàn quân Tây Tiến rồi đến Tư lệnh đầu tiên của một Quân chủng hiện đại còn hết sức non trẻ của Quân đội ta khi đó - Quân chủng Phòng không Không quân. Ông đã cùng các vị chỉ huy của Quân chủng như Trung tướng Lê Văn Tri, Trung tướng Nguyễn Văn Tiên, Đại tá Đặng Tính lãnh đạo Quân chủng làm thất bại hai cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc của đế quốc Mỹ. Ông vẫn được gọi là “Vị tướng của tháng 12 lịch sử”. Cánh lính trẻ rất thích thú trước tướng Phùng Thế Tài bởi bản tính xuề xòa nhưng không phải không sợ cái oai rất tướng của ông, thân hình cao to, tiếng nói sang sảng khuôn mặt hồng hào và tính nóng như lửa của ông. Chính vì cái tính nóng với cấp dưới mà ông đã nhiều lần bị Bác Hồ chỉnh. Có thể nói ít tướng lĩnh nào của Việt Nam lại gắn bó với Bác Hồ như Thượng tướng Phùng Thế Tài. Ông gắn bó với Bác từ những ngày còn bên Trung Quốc đến khi về Pác Bó trực tiếp chỉ đạo cách mạng Việt Nam được Bác dạy bảo và phát hiện ra khả năng quân sự của ông. Khi Bác mất, ông lại là một trong những người chỉ đạo công việc bảo quản thi hài Bác.

Ông được phong quân hàm Thiếu tướng (1974), Trung tướng (1980), Thượng tướng (1986). Ông được nhà nước Việt Nam tặng thưởng các Huân chương Hồ Chí Minh, Huân chương Quân công hạng Nhất và hạng Ba, Huân chương Chiến công hạng Nhất, Huân chương Chiến thắng hạng Nhất...

Ngày nay, tuy ông đã vĩnh viễn ra đi nhưng tên tuổi của vị tướng tài ba vẫn còn lưu mãi với núi sông, lưu mãi trong lòng mỗi người dân nước Việt.

Phùng Hiệu - *Congluan.vn*

9. Ký ức của một vị tướng

Dù đã ở tuổi 87 nhưng Trung tướng Phạm Hồng Cư, nguyên Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam, vẫn luôn nhớ như in những dấu ấn lịch sử hào hùng của dân tộc trong hành trình 10.000 ngày mà ông đã kinh qua trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cứu nước.

Trung tướng Phạm Hồng Cư tên thật là Lê Đỗ Nguyên, sinh năm 1926 trong một gia đình viên chức ở Thanh Hóa. Năm 1940, ông ra Hà Nội theo học tại trường Bưởi (nay là trường Chu Văn An) niên khóa 1940-1945. Đầu năm 1945, trường Bưởi bị mật thám Pháp bao vây, ông bị thực dân Pháp cầm tù. Sau ngày Nhật đảo chính Pháp 9/3/1945, ông thoát tù, tham gia hoạt động cách mạng, rồi ra nhập vào Đội Tự vệ chiến đấu Cứu quốc Hoàng Diệu, đơn vị bộ đội tập trung đầu tiên của Hà Nội, do Thành ủy Hà Nội tổ chức ngay sau Cách mạng tháng Tám để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chính quyền nhân dân mới thành lập.

Dù đã gần 70 năm trôi qua, nhưng khi kể lại câu chuyện lần đầu tiên được gặp Bác Hồ khi Người đọc Tuyên ngôn Độc lập trên Quảng trường Ba Đình lịch sử vào ngày 2/9/1945, Trung tướng Phạm Hồng Cư đều không giấu được nỗi niềm xúc động. Ông kể: “Ngày 2/9, tôi và các đồng chí trong Đội Tự vệ chiến đấu Cứu quốc Hoàng Diệu vinh dự được giao nhiệm vụ bảo vệ Lễ đài tại Quảng trường Ba Đình. Khoảng 3 giờ chiều, một đoàn xe ô tô đi từ phía đường Điện Biên Phủ hướng thẳng về Lễ đài, hai bên và phía sau có đoàn xe đạp đi theo hộ tống. Đến trước thềm Lễ đài, đoàn xe dừng lại. Từ trên xe, một ông cụ cao, gầy, mặc áo ka ki trắng, dáng vẻ nhanh nhẹn xuống xe bước lên Lễ đài. Lúc đó anh Hoàng Phương, sau này là Chính ủy Bộ Tư lệnh Quân chủng Phòng không Không quân, ghé vào tai tôi nói: “Cậu có biết không? Ông cụ đó là Nguyễn Ái Quốc!”. Nghe anh Hoàng Phương nói, lòng tôi bỗng trào dâng nỗi xúc động khó tả. Cả biển người hôm đó im phăng phắc lắng nghe Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc bản Tuyên ngôn Độc lập. Đang đọc, bỗng dừng Bác dừng lại hỏi: “Tôi nói đồng bào nghe rõ không?”. Tức thì cả biển người đồng thanh đáp lại như sấm dậy: “Có!”. Như nhiều người lần đầu tiên gặp Bác, tôi không ngờ Bác lại giản dị, gần gũi đến thế”.

Sau cái ngày lịch sử đáng nhớ ấy, theo tiếng gọi của non sông, ông tiếp tục lên đường vì cuộc trường chinh đấu tranh giải phóng đất nước. Trung tướng Phạm Hồng Cư đã đi qua nhiều địa danh, nhiều chiến trường ác liệt. Đặc biệt, ký ức về Chiến dịch Điện Biên Phủ cùng với những câu chuyện về Đại tướng Võ Nguyên Giáp luôn sống mãi trong lòng ông.

Ông nhớ lại, trong Chiến dịch Điện Biên Phủ, Đại tướng Võ Nguyên Giáp là

Tư lệnh Chiến dịch nên phải trăn trở suy nghĩ nhiều đến mức đầu đau nhức, bác sĩ phải buộc trên trán ông một nắm ngải cứu. Cuối cùng Đại tướng đi đến quyết định phải chuyển từ phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” sang “đánh chắc, tiến chắc”. Lúc đó ông đang là Phó Chính ủy của Trung đoàn 36, Đại đoàn 308, đơn vị được giao nhiệm vụ thực hiện phương châm “đánh nhanh, thắng nhanh” vào trung tâm Mường Thanh thì nhận được lệnh của Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ chuyển hướng đánh về phía Luang Prabang (Bắc Lào) để tạo hướng nghi binh chiến lược. Khi đó hoàn cảnh rất gian khó, địch tình, địa hình chưa biết. Trong tay chỉ có một bản đồ tỷ lệ 1/100.000 và trên vai mỗi người không hơn năm lạng gạo. Mặc dù gặp vô vàn khó khăn nhưng sau mười ngày tiến quân, Đại đoàn 308 đã giải phóng toàn bộ lưu vực sông Nậm Hu, lúc đang tiến sát đến Luang Prabang thì được lệnh dừng lại, lập tức quay trở về Điện Biên Phủ.

Trong Chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Trung tướng Phạm Hồng Cư giữ vai trò là Cục trưởng Cục Văn hóa, Phái viên Tổng cục Chính trị và vinh dự là người có mặt tại Dinh Độc Lập chỉ vài giờ sau khi Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng. Nói về niềm vui ngày non sông thống nhất, khước mắt của vị tướng già từng xông pha trận mạc vẫn rơm rớm nước mắt: “Thời khắc những người lính cụ Hồ chúng tôi ôm nhau mừng vui vì Chiến dịch đã toàn thắng nhưng đó cũng là lúc chúng tôi nhớ đến Bác Hồ đa diết nhất, Người đã ra đi, không được chứng kiến niềm vui ngày non sông sum họp một nhà!”.

Chiến tranh chấm dứt, đất nước hòa bình, ông được Đảng, Nhà nước và quân đội giao giữ nhiều trọng trách quan trọng trong quân đội. Từ năm 1986 đến năm 1995, ông là Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội Nhân dân Việt Nam và nghỉ hưu vào năm 1995.

Trước khi chia tay chúng tôi, Trung tướng Phạm Hồng Cư tâm sự, lời tâm sự như một lời nhắn gửi đầy tâm huyết cho thế hệ trẻ Việt Nam hôm nay: “Thế hệ chúng tôi là thế hệ của Lời thề độc lập, đã cùng toàn dân xóa được nỗi nhục mất nước dưới sự dẫn dắt, chỉ huy của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp. Bây giờ là thế hệ của thời kỳ đổi mới tôi mong rằng thế hệ ngày nay sẽ cùng với toàn dân xóa nhọc nghèo nàn và lạc hậu để đưa Việt Nam phát triển, sánh vai cùng các cường quốc năm châu như Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn”.

Ngân Hà - *Vietnam.vnanet.vn*

10. Vị tướng tài ba và một nhân cách lớn

Có lẽ, trong lực lượng vũ trang, ít có vị tướng nào đặc biệt như Trung tướng Phạm Kiệt. Nói là đặc biệt bởi ông đã cống hiến đến tận cùng khả năng cho cách mạng, cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và cho lực lượng vũ trang. Trong đó, một nửa đời đầu là tận trung cho Quân đội, nửa đời còn lại tận tụy, hết lòng với lực lượng Công an.

Ngày 25/7/2012, tỉnh Quảng Ngãi và gia đình tổ chức lễ đón nhận danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân mà Đảng, Nhà nước truy tặng cho Trung tướng Phạm Kiệt, người con ưu tú của núi Ấn, sông Trà. Niềm vinh dự lớn lao này chứng tỏ cuộc đời, tên tuổi và những đóng góp to lớn của ông đã và sẽ sống mãi trong lòng quê hương, đất nước.

Trưởng thành từ đội du kích Ba Tư

Trung tướng Phạm Kiệt tên thật là Phạm Quang Khanh, sinh ngày 10/1/1910 tại làng An Phú, nay là thôn Minh Thành, xã Tịnh Minh, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi. Ông là con thứ 10 trong một gia đình giàu truyền thống cách mạng. Cụ thân sinh ra ông là Phạm Quang Đình, một nông dân yêu nước và tham gia phong trào đấu tranh chống Pháp từ rất sớm.

Đặc biệt mẹ ông - bà Võ Thị Vàng là một người phụ nữ trung hậu, đảm đang, gánh vác hết mọi việc nhà để tạo điều kiện cho chồng, con tham gia cách mạng. Bản thân bà cũng từng là thành viên của phong trào văn thân. Khi đã ngoài 70 tuổi, sức yếu nhưng bà vẫn lặn lội vượt gần 100km để lên tận căn cứ Ba Tư thăm, nuôi những đứa con của mình.

Các anh trai và em gái của ông như ông Phạm Ngọc Trân, bà Phạm Thị Trinh cũng đều tham gia cách mạng từ rất sớm và sau này giữ nhiều trọng trách quan trọng như Trưởng ty Công an đầu tiên của Quảng Ngãi và phụ trách Hội Phụ nữ cứu quốc tỉnh Quảng Ngãi.

Sơn Tịnh không chỉ nức tiếng với vẻ đẹp hữu tình của núi Ấn - sông Trà mà còn nổi tiếng là một trong những miền quê nghèo nhất nước. Dường như chính sự nghèo khó cùng cực và với truyền thống gia đình đã tạo nên tính cách gai góc, kiên cường, thẳng thắn, chính trực của những người con ưu tú như Phạm Kiệt. 15 tuổi, người trai Phạm Kiệt đã tham gia phong trào văn thân chống Pháp và hoạt động yêu nước.

Năm 1929, ông đã cùng các đồng chí thành lập tổ chức Thanh niên Cách mạng đồng chí hội tại huyện nhà và trở thành đảng viên Đảng Cộng sản Đông Dương phụ trách công hội đỏ.

Tháng 6/1931, ông bị mật thám Pháp bắt giam tại nhà lao Quảng Ngãi rồi đưa lên nhà lao Lao Bảo. Do xác định ông là nhà cách mạng đầu sỏ, nguy hiểm nên chỉ vài ngày sau, lập tức chúng chuyển ông về nhà tù ở Buôn Ma Thuột, nơi giam giữ những nhà cách mạng “cứng đầu” như Nguyễn Chí Thanh, Trương Quang Giao. Trong những ngày bị giam cầm tại đây, ông đã cùng các nhà hoạt động cách mạng khác tổ chức chi bộ nhà tù tập huấn bí mật về lý luận và phương pháp vận động quần chúng cho các đảng viên mới. Đặc biệt, ông là một trong những người quyết tâm và tích cực tổ chức vượt ngục cho một số nhà cách mạng, trong đó có Nguyễn Chí Thanh.

Cuối năm 1943, ông và một số tù chính trị khác được đưa về quản thúc tại Căn

An Trí, Ba Tơ.

Năm 1944, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi được tái thành lập và Phạm Kiệt giữ chức vụ Tỉnh ủy viên.

Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, lúc này chỉ thị từ Trung ương “Nhật đảo chính Pháp-hành động của chúng ta” tuy chưa vào đến nơi nhưng bằng sự nhạy bén của mình, Tỉnh ủy lâm thời Quảng Ngãi đã quyết định cướp đồn Ba Tơ, giành chính quyền về tay nhân dân Ba Tơ. Nhiệm vụ trực tiếp chỉ huy khởi nghĩa Ba Tơ đã được Tỉnh ủy lâm thời giao cho Phạm Kiệt.

Cuộc giằng co, đấu trí giữa lực lượng cách mạng và quân lính đồn Ba Tơ diễn ra căng thẳng từ chập tối ngày 10/3/1945 cho đến rạng sáng ngày 11/3, quân chúng cách mạng đã chiếm đồn Ba Tơ, bắt tất cả sĩ quan và quân lính trong đồn, giải tán chính quyền phản động, giành thắng lợi hoàn toàn mà không hề đổ máu, hi sinh một ai.

Ngày 13/3/1945 đội du kích Ba Tơ chính thức thành lập và Phạm Kiệt được Tỉnh ủy giao làm chỉ huy trưởng. Sau Cách mạng Tháng 8, quân du kích Ba Tơ lan tỏa đi khắp liên khu V và Nam Bộ. Những người du kích Ba Tơ năm xưa sau đó đã trở thành lực lượng nòng cốt và tiên thân của QĐND Việt Nam.

Người góp công xây dựng lực lượng QĐND và CAND

Trong vòng 30 năm (từ 1945 đến 1975) là quãng thời gian Phạm Kiệt phải “chia đều” để phục vụ cả trong Quân đội lẫn Công an. Dù ở cương vị nào, ông cũng đều hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình. Chỉ tính riêng 15 năm công tác trong Quân đội, đồng chí Phạm Kiệt được giao đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng: Chỉ huy trưởng Ủy ban Quân chính Nam phần Trung Bộ (1945); Tổng đội trưởng quân sự trường Lục quân Quảng Ngãi; Phó hiệu trưởng trường Lục quân Trần Quốc Tuấn (1952); đặc phái viên của Tổng Tư lệnh và phụ trách công tác bảo vệ mặt trận tại Chiến dịch Điện Biên Phủ (1954); Cục trưởng Cục Bảo vệ (1957), Bí thư Đảng ủy Tổng cục Chính trị QĐND Việt Nam (1957-1960).

Trong đó, có nhiều chiến dịch đã lưu lại đậm nét dấu ấn cá nhân của ông. Đó là Chiến dịch Mađrắc, 101 ngày đêm bảo vệ Nha Trang thắng lợi làm cho quân Pháp ở phần Nam Trung Bộ nao núng, khiếp đảm. Sau này, tại Chiến dịch Điện Biên Phủ, Phạm Kiệt cũng chính là người duy nhất mạnh dạn đề xuất với Đại tướng, Tổng Tư lệnh Võ Nguyên Giáp thay đổi cách đánh “nhanh” sang đánh “chắc”.

Năm 1960, đồng chí Phạm Kiệt được Đảng và Bác Hồ điều sang làm Thứ trưởng Bộ Công an: “Quân đội cũng rất cần chú. Nhưng nay Bác và các đồng chí lãnh đạo muốn điều chú sang Bộ Công an vì bên đó đang thiếu cán bộ rành về chỉ huy quân sự”.

Đầu năm 1961, Đảng và Bác Hồ lại giao thêm cho ông một nhiệm vụ vừa làm Thứ trưởng Bộ Công an, vừa làm Tư lệnh kiêm Chính ủy Công an nhân dân vũ trang (CANDVT).

Dẫu thời gian ông gắn bó với lực lượng Công an cũng kéo dài 15 năm (từ 1960-1975) như thời gian ông phục vụ trực tiếp trong Quân đội song đây lại là khoảng thời gian ông đảm nhận nhiều trọng trách lớn, vinh dự và tự hào nhất trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình. Bởi lẽ, CANDVT hay còn gọi là “Bộ đội quân hàm xanh” thời ấy được giao cùng một lúc nhiều nhiệm vụ nặng nề khác nhau, từ bảo vệ biên cương - biển đảo của Tổ quốc; chống phá kế hoạch nhảy dù, xâm nhập biên giới biển đảo của bọn biệt kích Mỹ -ngụy cho đến bảo vệ Bác và lãnh đạo Nhà nước; bảo vệ các cơ quan Trung ương trọng yếu...

Với một khối lượng công việc “khổng lồ” như vậy nhưng với bản chất thẳng thắn, trung thực, luôn hết lòng yêu thương cán bộ chiến sĩ; đặt lợi ích của dân tộc, của Tổ quốc lên trên hết, Trung tướng Phạm Kiệt đã hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, trở thành vị thủ lĩnh, người anh cả khả kính của lực lượng CANDVT ngày đó.

Đầu năm 1973, Trung tướng Phạm Kiệt được vinh dự tháp tùng lãnh tụ Phidel Castro và Thủ tướng Phạm Văn Đồng vào thăm vùng giải phóng Quảng Trị. Sau chuyến đi dài ngày này, những bệnh tật do gần 15 năm bị tù đầy trước cách mạng bắt đầu quay lại quấy phá khiến sức khỏe của ông ngày càng giảm sút. Đảng và Nhà nước đã đưa ông sang CHDC Đức để chữa trị.

Về nước, ông tiếp tục được Giáo sư Tôn Thất Tùng và các bác sĩ nổi tiếng khác trực tiếp điều trị nhưng do tuổi cao, sức khỏe có hạn nên ông đã trút hơi thở cuối cùng vào ngày 23/1/1975. Ghi nhận những đóng góp đặc biệt của Phạm Kiệt, vào ngày ông ra đi, Đảng và Nhà nước đã truy tặng Huân chương Hồ Chí Minh - Huân chương cao quý tặng cho cá nhân đầu tiên trên cả nước.

Vị tướng được Bác Hồ tặng ba “báu vật”

Một trong những niềm vinh dự, tự hào lớn nhất trong đời của Trung tướng Phạm Kiệt là luôn được Bác Hồ dành cho một cảm tình và niềm tin đặc biệt.

Lần đầu tiên Phạm Kiệt được gặp Bác Hồ, đó là vào năm 1950, khi ông được điều ra Việt Bắc để chuẩn bị đi Trung Quốc bồi dưỡng thêm kiến thức về quân sự. Khi vừa bước vào lán nơi Bác làm việc, Bác đứng dậy và vỗ tay: “Chú Đê-Tơ (bí danh của Phạm Kiệt tại Quân khu V) vào đây!” Sau khi hỏi thăm sức khỏe, gia đình, Bác nói: “Nghe các đồng chí nói chú xin ở lại chiến đấu rồi đi học sau. Bác cũng nghĩ nên như thế”. Sau đó Bác trù mếu và dí dỏm: “Chú mà đi học về thì còn giặc đâu mà đánh!”.

Một vinh dự khác đến với Phạm Kiệt là sau Chiến dịch Biên giới, một đồng chí chỉ huy tặng Bác khẩu Cacbin chiến lợi phẩm, Bác đã gọi ông lên và trao lại khẩu Cacbin 585440 này rồi nói: “Chú là người xông pha trận mạc, cần thứ này hơn Bác, Bác tặng chú đây...”. Khi gia đình, vợ và hai con đồng chí Phạm Kiệt ra Việt Bắc năm 1954, Bác Hồ lại tặng bà Trần Thị Ngộ, vợ ông một khẩu súng lục hiệu Mode 6,35 li số 707271 và dặn: “Cô dùng nó để bảo vệ các cháu cho chú yên tâm nơi chiến trường nhé”.

Rồi vào tháng 5/1954, Bác Hồ gọi tướng Phạm Kiệt lên và tặng ông một chiếc radio. Bác vui vẻ nói: “Đây là chiếc đài tướng De Castries dùng suốt Chiến dịch Điện Biên Phủ. Chú Vương Thừa Vũ tặng Bác, nay Bác tặng lại cho chú vì đã có công đặc biệt xuất sắc góp phần thắng lợi Điện Biên Phủ”.

Cả ba hiện vật quý này đều được trưng bày tại Bảo tàng Lịch sử Quân sự Việt Nam. Đặc biệt, trong thời gian Phạm Kiệt phục vụ ở Quân đội hay khi đã chuyển sang Công an, đi công tác ở đâu Bác cũng gọi Phạm Kiệt theo cùng.

Nhớ về vị thủ trưởng của mình, Thiếu tướng Nguyễn Tấn, nguyên Phó Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, người từng được Trung tướng Phạm Kiệt tin cậy, giữ làm Bí thư riêng từ năm 1964 đến năm 1975 tâm sự: Khi anh chuyển bệnh nặng, nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đã đến thăm anh. Trên giường bệnh, anh hay nói đến điều day dứt nhất của lòng mình là “Tôi được Đảng, Bác giao phụ trách lực lượng CANDVT nhưng gần 15 năm nay tôi chưa lo được gì. Mong các anh giúp đỡ để lo cho lực lượng vũ trang về tổ chức, đỡ khó khăn, hoàn thành tốt nhiệm vụ...”.

Tấm lòng và nhân cách ấy sẽ còn sống mãi với quê hương Quảng Ngãi, với lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân

Thái Huyền - *Cand.com.vn*

11. Vị tướng Đất Mũi

Thiếu tướng Phan Văn Xoàn sinh ngày 15/1/1924 tại xã Tân Hưng, huyện Cà Mau, tỉnh Minh Hải trong một gia đình nông dân nghèo, nơi có truyền thống cách mạng và giàu lòng yêu nước. Là con thứ ba trong gia đình có bốn chị em, ngay từ khi còn nhỏ đồng chí đã cùng bố, mẹ gánh vác công việc gia đình và xã hội. Đồng chí sớm giác ngộ cách mạng, tham gia dân quân du kích và các tổ chức đoàn thể quần chúng địa phương. Tháng 6/1940 ông được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam, tham gia nhiều hoạt động trong đó có nhiệm vụ rải truyền đơn và tổ chức quần chúng làm cách mạng.

Tháng 3/1945, đồng chí bắt liên lạc với Đảng và sinh hoạt tại Chi bộ Thanh Phú, vận động quần chúng tham gia cướp chính quyền tại xã Tân Hưng, huyện Cà Mau. Năm 1951, ông tham gia đoàn cán bộ miền Nam được triệu tập ra căn cứ Việt Bắc để chuẩn bị đi học ở nước ngoài.

Đến chiến khu Việt Bắc, ông được gặp Bác Hồ và nhận chỉ thị sang Trung Quốc học, sau khi tốt nghiệp khóa chính trị ở Trung Quốc về, ông vinh dự được điều động về công tác tại Cục Cảnh vệ - đơn vị được Đảng, Nhà nước giao trọng trách bảo vệ Bác Hồ, bảo vệ Trung ương, Chính phủ. Trong thời gian công tác tại đây ông có rất nhiều lần được bảo vệ Bác đi công tác.

Về kỷ niệm với Bác Hồ, ông nhớ như in lần được bảo vệ Bác đi chợ trong dịp Tết. Ông kể lại: “Những năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ III,

nền kinh tế miền Bắc nước ta có những chuyển biến mạnh mẽ và đáng tự hào. Những năm đó, Bác Hồ và nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước liên tục đi thăm và làm việc tại các tỉnh miền Bắc. Đặc biệt, nhân dịp Tết cổ truyền năm Quý Mão, Bác Hồ đã đề nghị Bộ Chính trị và chỉ thị lãnh đạo Bộ Công an bố trí Bác đi thăm chợ Đồng Xuân - một trung tâm buôn bán sầm uất nhất Hà Nội”.

Thế theo nguyện vọng của Người, lãnh đạo Bộ Công an yêu cầu lãnh đạo Cục Cảnh vệ (nay là Bộ Tư lệnh Cảnh vệ) nhanh chóng xây dựng kế hoạch và phương án bảo vệ an toàn tuyệt đối Bác Hồ đi thăm chợ tết tại khu vực Đồng Xuân.

Lãnh đạo Cục Cảnh vệ đã triệu tập chỉ huy các đơn vị để bàn bạc xây dựng kế hoạch, phương án sát hợp và khả thi nhất. Thực tiễn công tác bảo vệ Bác Hồ cho thấy bất kỳ ở đâu, Người đều có sức hút kỳ lạ đối với các tầng lớp nhân dân. Do vậy, đi thăm chợ Đồng Xuân trong ngày tết, người đông như mắc cửi, nếu nhận ra Bác Hồ thì bà con kéo đến vây quanh Bác đông biết nhường nào, gây khó khăn và hậu quả khôn lường.

Trước tình hình đó, đã có rất nhiều ý kiến đưa ra. Có ý kiến Bác và các đồng chí bảo vệ đóng giả đoàn của Sở Y tế Hà Nội đi kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm khu chợ Đồng Xuân. Cục Cảnh vệ đã cử người sang Sở Y tế Hà Nội mượn quân trang về hóa trang. Người bảo vệ tiếp cận Bác Hồ là đồng chí Phạm Lê Ninh (sau này đồng chí Ninh là Phó Cục trưởng Cục Cảnh vệ) và đồng chí Phạm Đình - cán bộ phòng Bảo vệ I - Cục Cảnh vệ.

Trong lúc hai đồng chí đang chọn, thử bộ quần áo mặc cho vừa thì một đồng chí lãnh đạo Cục đưa ra ý kiến, đồng chí Phạm Lê Ninh không đi bảo vệ Bác lần này được. Vì nhà riêng của đồng chí Ninh ở phố Hàng Khoai, gần chợ Đồng Xuân, rất nhiều người biết đồng chí là cán bộ chuyên đi bảo vệ Bác Hồ. Nếu thấy đồng chí Ninh thì bà con nghi ngờ và phát hiện ra Bác. Do vậy lãnh đạo cử đồng chí Phan Văn Xoàn, Phó Cục trưởng đi bảo vệ tiếp cận Bác và chỉ đạo công tác bảo vệ Người đi chợ tết.

Về kỷ niệm này thiếu tướng Phan Văn Xoàn kể lại:

Chúng tôi bàn đi tính lại, phương án hóa trang đóng giả đoàn của Sở Y tế đi kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm chợ Đồng Xuân cũng không khả thi. Vì bà con buôn bán khu vực chợ Đồng Xuân chẳng lạ gì mấy cán bộ ở Sở Y tế Hà Nội hay đi kiểm tra. Thấy người lạ đi kiểm tra, bà con nghi ngờ ngay.

Trần trờ, tính toán mãi, lãnh đạo Cục đã đưa ra một phương án tối ưu. Đó là phương án bảo vệ Bác hoàn toàn bí mật, lấy yếu tố bất ngờ để giành thắng lợi trong tình thế khó khăn. Phương án này được lãnh đạo Bộ Công an đồng ý. Đồng chí Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn lên báo cáo Bác, được Bác khen ngợi.

Kế hoạch bảo vệ Bác Hồ đi thăm chợ tết Đồng Xuân được triển khai hết sức chặt chẽ và bí mật. Ngày 24/1/1963 (đúng 30 Tết năm Quý Mão), tôi và đồng chí Phạm Đình được giao nhiệm vụ trực tiếp bảo vệ tiếp cận Bác. Sáng sớm hôm đó,

cái lạnh của những ngày cuối đông như cắt da cắt thịt, ngoài trời mưa lất phất, hai yếu tố đó càng thuận lợi cho công tác hóa trang của Bác và hai chúng tôi. Lần đó, Bác hóa trang thành một cụ già. Người đội chiếc mũ cát đã cũ, đeo kính lão, mặc bộ quần áo nâu đã bạc màu và chiếc áo bông giữ ấm; bên ngoài khoác chiếc áo mưa bằng vải bạt; cổ quấn khăn len quấn mấy vòng che kín bộ râu; chân đi đôi dép cao su. Bác tự hóa trang rất khéo. Nhìn Bác khi hóa trang, chúng tôi rất xúc động. Là vị Chủ tịch nước, thế mà Người hóa thân thành người dân lao động giống đến từng chi tiết, không ai phát hiện ra.

Ba bác cháu đi chợ được hóa trang bằng mối quan hệ gia đình. Bác là bố, tôi là con và đồng chí Phạm Đình là cháu. Người cháu theo ông đi chợ tết xách chiếc làn đựng mấy túm hành hoa, mấy củ cà rốt và ít rau thơm. Bố con, ông cháu đi chợ tết rất vui và tự nhiên. Ông đưa Bác theo đường Phan Đình Phùng đến phố Hàng Đậu. Sau đó, ba “ông cháu” xuống đi bộ theo đường Nguyễn Thiệp rồi rẽ vào phố Hàng Khoai. Đến cổng phía sau chợ Đồng Xuân, bỗng Bác dừng lại ngắm nhìn cảnh nhộn nhịp ở chợ Bắc Qua rồi đi thẳng vào chợ. Tôi hơi lo, vì trong kế hoạch không đi chợ Bắc Qua. Nên tôi vội mời Bác:

- Thưa bố! Đi đường này cơ mà.

Vừa nói tôi vừa giơ tay chỉ về phía chợ Đồng Xuân. Bác mỉm cười cầm tay tôi khẽ nói:

- Bố con mình vào đây thăm đã!

Thăm xong chợ Bắc Qua, Người sang chợ Đồng Xuân, Bác quan sát rất kỹ, tìm hiểu thái độ, mối quan hệ giữa người mua với người bán và giá cả từng mặt hàng. Người mua sắm hàng tết đông như mắc cửi, vài người sơ ý va vào Bác, họ quay lại lễ độ xin lỗi. Bác gật và cười độ lượng.

Thăm chợ Đồng Xuân xong, Bác đi tham quan chợ hoa ở gần đó. Quang cảnh chợ hoa ngày tết tấp nập và đủ loại hoa muôn màu sắc rực rỡ. Đến hàng bán hoa huệ, Bác ngồi xuống chọn một bó huệ và hỏi chị bán hoa:

- Bó huệ này bao nhiêu tiền?

- Dạ thưa cụ! 5 hào một bó ạ.

Tôi lo bị lộ nên trả luôn 2 hào. Rẻ quá chị hàng hoa không bán, tôi nhanh chóng mời Bác đi. Hiểu ý tôi là vì trách nhiệm bảo vệ, nên Người đứng dậy đi và nói nhỏ để tôi đủ nghe:

- Trả giá như chú thì đi chợ cả ngày cũng chẳng mua được gì!

Thấy Bác không vui, tôi cũng buồn nhưng không hiểu tại sao. Sau này, tôi nghĩ ra thì đã muộn. Bác rất thích hoa huệ, thế mà tôi thì thật vô tâm.

Bây giờ, cứ mỗi lần vào Lăng viếng Bác, thăm nhà sàn nơi ở và làm việc của Người. Nhìn thấy những bông huệ ngát hương cắm trên bàn làm việc của Người, lòng tôi lại tê tái vì điều ân hận năm xưa.

Trong quá trình công tác, Thiếu tướng Phan Văn Xoàn nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng và Nhà nước, như: Huân chương Kháng chiến hạng Hai; Huân chương chống Mĩ cứu nước hạng Nhất; Huân chương Chiến thắng; Huân chương Quân công; Huy hiệu Thành đồng Tổ quốc; Huy chương kháng chiến Nam Bộ; Huy chương Vì “ANTQ”; Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp bảo vệ Đảng, bảo vệ lãnh tụ”; Huy hiệu 40 năm, 50 năm, 60 năm và 70 năm tuổi Đảng cùng nhiều phần thưởng cao quý khác.

Nguyễn Đức Quý - *Congan.com.vn*

12. Ba vị tướng được Bác Hồ đặt tên

Có ba vị tướng của Quân đội ta đã vinh dự được Bác Hồ đặt những cái tên mang ý nghĩa sâu sắc...

Đặt thế phòng chú bót kiêu căng

Người đầu tiên là Phùng Văn Thụ. Vốn dáng người cao to, Thụ làm phu khuân vác và kéo xe tay. Năm 1937, anh theo một người bà con sang làm ăn tại Trung Quốc. Năm 1939, anh Thụ được giác ngộ cách mạng, được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Đến mùa xuân năm 1940, anh Thụ được tổ chức tin cậy giao cho nhiệm vụ đặc biệt: Bảo vệ an toàn bằng bất cứ giá nào một cán bộ cách mạng, nhưng phải tuyệt đối bí mật. Lúc ấy chưa có súng ngắn, chỉ có con dao găm và cái búa, anh Thụ đã phải rất mưu trí cảnh giác, chống chọi với bọn mật vụ Quốc dân đảng của Tưởng Giới Thạch ráo riết bắt bớ các chiến sĩ cách mạng đang hoạt động ở Quảng Châu - Trung Quốc.

Sau một thời gian làm việc đầy thử thách, anh Thụ mới được biết người mình bảo vệ là đồng chí Trần - tức Nguyễn Ái Quốc mới từ Mát-xcơ-va về hoạt động. Thấy Thụ trung kiên, mẫn cán, khỏe mạnh, giỏi võ lại thông thạo tiếng Hoa, lãnh tụ Trần rất tin cậy, mới đổi tên cho là Phùng Hữu Tài (gặp người có tài). Sau này sợ anh Tài kiêu căng, Người đổi lại tên cho anh Thụ là Phùng Thế Tài. Ngày 8/12/1941, Phùng Thế Tài theo lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc về nước ở Pắc Bó, Cao Bằng. Hoạt động nơi núi cao, rừng thẳm, muôn vàn khó khăn bất trắc rình rập, hai bác cháu sống rất gian khổ. Tài vừa lo bảo vệ Bác tuyệt đối an toàn, vừa lo ngày ngày vào rừng, xuống suối hái rau, đào củ mài, bắt ốc, kiếm cá cải thiện bữa ăn, chăm lo sức khỏe cho Bác. Sau này trong cuộc kháng chiến chống Pháp, ông Tài đã chỉ huy một trung đoàn bộ binh thuộc Đại đoàn 320. Đến thời kỳ chống Mĩ, ông là Tư lệnh Quân chủng Phòng không - Không quân rồi làm Phó tổng Tham mưu trưởng QĐND Việt Nam với quân hàm Thượng tướng.

Giúp chú an toàn và thắng lợi

Người thứ hai được Bác đặt tên là ông Phạm Quang Lễ, quê ở tỉnh Vĩnh Long. Ông Lễ là kỹ sư Tây học, rất giỏi về vũ khí, lúc bấy giờ đang làm việc tại Pháp và Đức. Năm 1946, khi Bác Hồ sang thăm Pháp, ông Lễ cùng đoàn đại biểu Việt kiều

đến Pa-ri chào Người. Tại buổi gặp mặt này, ông bày tỏ nguyện vọng được về nước phục vụ Tổ quốc. Ngày 11/9/1946, Bác Hồ đã đưa ông Lễ và một số trí thức khác lên tàu thủy rời cảng Mác-xây cùng về nước. Ngày 5/12/1946, ông Lễ được gọi vào gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh. Người giao cho ông làm Cục trưởng Cục Quân giới kiêm Cục trưởng Pháo binh của quân đội quốc gia Việt Nam. Bác Hồ hỏi ông:

- Hiện nước ta rất ít kỹ sư và công nhân chuyên về vũ khí. Máy móc và nguyên liệu, vật liệu cũng thiếu thốn, liệu chú có làm được việc Bác giao cho không?

Không một chút lưỡng lự, ông tự tin hứa với Bác sẽ hoàn thành tốt nhiệm vụ Bác giao cho. Cũng trong ngày hôm đó, cái tên khai sinh của kỹ sư Phạm Quang Lễ được Bác Hồ đổi lại là Trần Đại Nghĩa. Bác nói: Làm cách mạng là phải chấp nhận gian khổ, bởi thế Bác mới đặt tên cho chú là Đại Nghĩa. Còn Trần là dòng họ anh hùng của nước ta, đã ba lần đánh thắng quân xâm lược Nguyên Mông. Cái tên hoàn toàn khác lạ này còn để bảo vệ an toàn cho chú và gia đình chú trong quê.

Chính từ gợi ý của Bác nhắc ông nên nghiên cứu chế tạo ngay loại súng chống tăng vì quân Pháp rất mạnh về cơ giới còn bên ta chưa có loại súng nào bắn diệt được xe tăng, ông đã chế tạo ra súng Ba-dô-ka 60, giúp bộ đội ta bắn cháy nhiều xe tăng, xe cơ giới của quân Pháp. Ngày 28/5/1948, Cục trưởng Trần Đại Nghĩa đã được Chính phủ phong quân hàm Thiếu tướng. Ông là một trong số 11 tướng lĩnh đầu tiên của quân đội ta.

Chí hướng thanh cao và trong sáng

Người thứ ba là ông Nguyễn Chí Thanh, sinh năm 1914 ở Phong Điền, Thừa Thiên - Huế. Ông tham gia hoạt động cách mạng ở địa phương từ rất sớm. Tên khai sinh của ông là Nguyễn Chí Vịnh. Đầu tháng 8/1945, khi ra Việt Bắc họp Đại hội quốc dân ở Tân Trào-Tuyên Quang, ông Vịnh được gặp Bác Hồ. Người rất quý ông nên bảo: Tên chú là Nguyễn Chí Vịnh, cũng được nhưng theo Bác, chú nên đổi là Nguyễn Chí Thanh thì hay hơn. Chí là chí hướng, Thanh là thanh cao trong sáng.

Làm cách mạng mà chí hướng thanh cao trong sáng sẽ giúp ta mau tiến bộ, trở thành một người lãnh đạo có uy tín của Đảng. Trong Cách mạng tháng Tám và kháng chiến chống Pháp, ông Nguyễn Chí Thanh đã trở thành một cán bộ xuất sắc của Đảng, lần lượt đảm nhiệm các cương vị quan trọng: Bí thư tỉnh ủy Thừa Thiên, Bí thư phân khu Bình - Trị - Thiên rồi Bí thư Liên khu ủy Liên khu 4. Tại Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ hai, năm 1951, ông được bầu vào Bộ Chính trị rồi chuyển sang quân đội làm Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị, được phong hàm Đại tướng. Trong kháng chiến chống Mỹ, ông được Bác Hồ cử vào Nam làm bí thư Trung ương cục miền Nam, Chính ủy các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam.

Thế Trường - Qdnd.vn

13. Chuyện ít biết của vị tướng không quân huyền thoại

Một vị tướng không quân Việt Nam từng nói: “Ở Việt Nam ra ngõ là gặp anh hùng, trong một đại đội không quân cũng có đến gần chục anh hùng”. Tuy nhiên, với tướng Cốc, có lẽ không quá khi nói rằng ông xứng đáng là “anh hùng của những anh hùng”. Vừa tròn 27 tuổi, ông được phong tặng danh hiệu Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân. Ông cũng đang giữ kỷ lục Việt Nam là người bắn rơi nhiều máy bay nhất trong kháng chiến chống Mỹ. Hơn 10 lần xuất kích, riêng “Chim cất số 2” đã hạ 9 máy bay địch đồng thời hỗ trợ đồng đội bắn hạ thêm 9 chiếc nữa. Chiến tích của ông từng là nỗi khiếp đảm của các đối thủ trên bầu trời. Bản thân các cựu binh Mỹ sau này cũng phải dùng từ “thần phục” khi nói về tài năng của tướng Cốc.

Tuổi thơ dữ dội và giấc mơ “người giỏi”

Theo chân đoàn công tác của Quỹ “Mãi mãi tuổi hai mươi”, chúng tôi đến thăm Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Trung tướng Nguyễn Văn Cốc khi ông đang được điều trị tích cực tại tư gia của thầy thuốc. Căn phòng ông nằm ở sâu phía trong ngôi nhà, được trang bị những dụng cụ chẳng khác gì trong bệnh viện. Bác sĩ trị liệu luôn túc trực và sẵn sàng can thiệp lúc cần thiết. Cú ngã “thập tử nhất sinh” (ngã từ cầu thang xuống) vào năm 2004, đã khiến ông bị chấn thương dây thần kinh sọ não, bị liệt toàn thân phải nằm một chỗ. Nhưng người anh hùng năm xưa vẫn chưa bao giờ tuyệt vọng. Ngày ngày ông vẫn luyện tập và lặng lẽ vượt lên dốc đứng của số phận...

Nếu không được giới thiệu từ đầu, có lẽ khách đến chơi không thể hình dung được rằng người bệnh đang ngồi xe lăn, tuổi ngoại lục tuần, phong cách bình dị, điệu cười đôn hậu này là Anh hùng, Trung tướng Nguyễn Văn Cốc, nguyên Tư lệnh quân chủng Không quân, nguyên Tổng Thanh tra Quân đội nhân dân Việt Nam.

Có lẽ đã rất lâu, từ sau khi bị tai nạn, tướng Cốc mới có dịp bộc bạch nhiều về mình như vậy. Ông kể, sinh ra phải thời loạn lạc, mới 4 tuổi đã phải đón nhận tin “sốc”, cả hai người thân là bố và chú ruột đều hi sinh một lúc. Khi địch đưa quân về càn tại Bích Sơn (Việt Yên, Bắc Giang) quê ông, bố và chú đã tổ chức nghi binh để đồng đội rút lui. Hai người đã cùng anh em chiến đấu ngoan cường chặn bước tiến của địch nhưng chẳng may bị bắt. Không hốt được cả mề lưới, địch điên cuồng đốt phá xóm làng, xâu dây thép gai vào tay 20 người rồi dong đi khắp nơi thị uy, bắt chỉ chỗ Việt Minh ẩn náu. Mọi người thà chết không chịu khai. Giặc Pháp đã thẳng tay ném 20 người xuống giếng làng, biến nơi đây thành mồ chôn tập thể.

Nhắc đến chuyện xưa tướng Cốc như lặng đi, khuôn mặt trùng xuống, ẩn sâu nơi đáy mắt, hai giọt lệ rung rung như trực trào ra. Có lẽ đó là những ký ức đau buồn mà vị tướng lão thành này không muốn nhắc lại. “Sau khi ba và chú tôi ngã

xuống, bà nội khóc thương đến mù cả hai mắt. Một năm sau bà cũng bỏ chúng tôi mà đi. Quê hương bị giặc Pháp tàn phá, nhiều lúc mẹ phải gánh hai anh em tôi chạy lên tận vùng Thái Nguyên sơ tán, rồi lại trở về xóm làng. Hồi đó tôi còn nhỏ nên chưa hiểu chuyện. Hàng đêm, nằm trong vòng tay mẹ, hai anh em lại hỏi: “Bố đi đâu sao không về hả mẹ?”. Mẹ tôi bảo: “Các con cứ đếm sao trên trời, khi nào đếm hết sao thì bố sẽ trở về”. Nói xong, mẹ tôi khóc nức nở. Hai anh em nhìn lên bầu trời đêm thăm thẳm có những vì sao lấp lánh, mỗi mắt đếm từng ngôi, đếm mãi đêm này qua đêm khác mà tin bố vẫn bật tắt. Sau này lớn lên, tôi mới hiểu được nỗi mất mát của mình”.

Theo lời kể của trung tướng Nguyễn Văn Cốc, giấc mơ chinh phục bầu trời, làm chủ những con “chim sắt” khổng lồ được nhen nhóm ngay từ khi ông còn nhỏ. Ở gần quê ông có sân bay Chũ. Ông thường say mê ngắm những chú “chim sắt” bay lượn trên bầu trời mà không biết chán. Nhìn những người lính dù, ông trầm nghĩ, không biết cảm giác được lơ lửng, làm chủ bầu trời sẽ thế nào?.

Khi ông đang là học sinh cấp 3, có đoàn bác sĩ về khám sức khỏe và tuyển chọn phi công. Chẳng do dự, biết cơ hội đã đến, ông lập tức đăng ký khám tuyển. Thật bất ngờ, ông nằm trong tốp đầu, xuất sắc vượt qua hàng trăm học sinh khác để trúng tuyển cùng với hai người nữa. Ông cười nói: “Tôi đến với phi công như một mối nhân duyên tiền định vậy!”.

“Chim cắt số hai”

Theo một thống kê mới đây, trong chiến tranh Việt Nam, phía Mỹ chỉ có hai phi công trở thành “Át”, là Randy “Duke” Cunningham (Hải quân Hoa Kỳ) và Steve Ritchie (Không lực Hoa Kỳ) thì Việt Nam có đến 16 phi công đạt được danh hiệu tự hào đó. Trung tướng Nguyễn Văn Cốc là “Át chủ bài” dẫn đầu, với thành tích hạ 9 máy bay Mỹ (7 máy bay và 2 chiếc “xe trên trời không người lái” Firebees). Trong số 7 chiếc của ông, có 6 chiếc được chính thức xác nhận bởi Không lực Hoa Kỳ. Còn chiếc thứ 7 nữa, F-102A của phi công Mỹ Wallace Wiggins (chết) bị hạ ngày 3/2/1968, sau này được kiểm tra chính xác bởi Không quân Việt Nam.

Theo hồi tưởng của tướng Cốc, ngày 9/6/1961, ông chính thức được nhận giấy gọi nhập ngũ. Ông được điều về huấn luyện tại Trường Dự khóa bay ở sân bay Cát Bi (Hải Phòng). Cuối năm đó, ông sang Liên Xô học lái máy bay. “Tôi vẫn còn nhớ, lúc đầu, đoàn có 120 người. Sau khi học xong lý thuyết tại nước bạn còn để lại 60 người. Tuy nhiên khi về nước chỉ còn có 23 người đủ tiêu chuẩn trở thành phi công. Tôi là một trong 17 người học lái máy bay MiG-17”, tướng Cốc nhớ lại.

Sau khi về nước, tướng Cốc được phân công về Đại đội 1, Trung đoàn 921 (Đoàn Không quân Sao Đỏ) đóng tại sân bay Nội Bài. Không lâu sau, ông lại được chọn để đi học chuyển loại máy bay MiG-21 ở Liên Xô một năm, rồi lại về đơn vị cũ chiến đấu vào đầu năm 1967. Trong đội hình biên đội MiG-21, số 2 chỉ có nhiệm vụ yểm trợ, quan sát đối phương giúp cho số 1 vào công kích. Tướng Cốc được phân công bay ở vị trí số 2 với mục đích bảo vệ cho số 1 tiêu diệt đối phương.

Sau này, Trung tướng Nguyễn Văn Cốc đã cải tiến chiến thuật, cùng tham gia tiêu diệt máy bay đối phương. Do đó, hiệu suất phi đội tăng lên. Theo lời kể của ông, trước kia, do chỉ có số 1 công kích nên tối đa phi đội chỉ bắn hạ được 2 máy bay đối phương. Theo chiến thuật cải tiến, phi đội của ông có lúc bắn hạ được 3 máy bay đối phương. Để đạt được điều này, số 2 phải phán đoán và hành động chớp thời cơ rất nhanh. Do chiến thuật cải tiến này, ông được đồng đội đặt cho biệt danh “Chim cắt số 2”. Trong thành tích bắn rơi 9 máy bay Mỹ có tới 6 chiếc được ông bắn hạ ở vị trí số hai.

Tướng Cốc nhớ lại, ông bắt đầu tham gia chiến đấu từ giữa năm 1966 nhưng do còn “non kinh nghiệm” nên chưa bắn rơi được máy bay địch. Bước sang năm 1967, những trận xuất quân của ông đã trở thành cơn ác mộng của kẻ thù. Sáu “pháo đài bay” từng làm mưa làm gió trên bầu trời đã bị ông tiêu diệt trong năm này. Gần 9h sáng ngày 30/4/1967, có tin địch từ hướng Sầm Nưa - Tuyên Quang - Tam Đảo vào, biên đội của ông được lệnh vào cấp 1 cất cánh chiến đấu. Hai chiếc MiG-21 xuất kích bay vút lên vùng trời Hòa Bình, Sơn La bám đuôi địch. Nguyễn Ngọc Độ ở vị trí số 1, còn ông ở vị trí số 2 bay lên độ cao khoảng 4.000m, cao hơn máy bay địch trên dưới 1.000m. Vừa nhập cuộc ông đã lập tức phát hiện 4 chiếc F105 màu đen bay theo hình thang cách nhau từ 1,5 đến 2km phía dưới, phía sau là các tốp cường kích có nhiệm vụ oanh tạc các mục tiêu. Khi cự li còn khoảng 2km, phi công Nguyễn Ngọc Độ hô “Tốt rồi đấy, bắn đi”. Đúng lúc đó thì tên lửa ở máy bay ông cũng cho tín hiệu bắt nhiệt. Ông nhanh chóng nhấn cò, quả tên lửa phụt đi, trong tích tắc, chiếc F105 bùng cháy cùng tiếng reo của biên đội trưởng “Cháy rồi”. Cả hai nhanh chóng thoát li, tập hợp đội hình và trở về sân bay. Đó là trận đầu tiên mở màn cho những trận đánh lập công của ông trong năm đó.

Trong hành trình làm chủ bầu trời, kỷ niệm “nhớ đời” nhất có lẽ là lần ông bị địch bắn rơi. Tướng Cốc cười hóm hỉnh: “Một lần, tôi cùng anh Phạm Thanh Ngân, cất cánh khỏi sân bay Nội Bài, vòng về phía núi Tam Đảo chiến đấu. Vừa lên được khoảng trên 1000m, ra khỏi mây, đã bị vài con F4 bám đuôi. Lúc đó, anh Ngân tinh táo phát hiện ra, đuôi theo bắn rơi một chiếc. Do mây mù che khuất, chưa kịp nhận diện mục tiêu tôi đã nghe thấy tiếng “uỳnh”..., một chiếc F4 của địch bắn tên lửa trúng chúng tôi. Trúng đạn quá bất ngờ, tôi bị mất điều khiển. Tuy nhiên, máy bay may mắn không bị cháy. Tôi lái vòng về phía thị trấn Kim Anh (thị xã Mê Linh, Vĩnh Phúc) thoát khỏi sự đeo bám của địch. Được một lúc thì máy bay rơi, tôi phải nhảy dù hoát thân. Đang loay hoay cuốn dù, bỗng bà con khắp vùng kéo đến hò hét “Bắt giặc lái”. Nhìn thấy tôi, một cụ già nhận ra người mình bèn chào: “Ô! Anh đây à”. Lúc đó, tôi ngượng chín mặt. Tôi đành quay sang hỏi thúc: “Thôi bà con về đi, trên trời vẫn còn máy bay địch đó!”. Một lúc sau, ô tô của quân y đến đưa tôi trở về doanh trại và chuyển đến bệnh viện quân y 108. Sau này, anh Phạm Thanh Ngân gặp lại tôi có cười nói: “Tớ bắn rơi một chiếc, cậu phải nhảy dù, coi như ta với địch hòa một đều”.

“Mong có nhiều Cốc hơn nữa”

Một kỷ niệm không thể quên trong cuộc đời của tướng Cốc là lần được gặp Bác Hồ. Bác đến dự Đại hội Anh hùng, chiến sĩ thi đua của Quân chủng Phòng không - Không quân. Tướng Cốc nhớ lại, dáng Bác cao gầy, sức khỏe có vẻ không được tốt. Cả hội trường đứng dậy vỗ tay và hô vang tên Bác. Bác bước vào, ra hiệu cho mọi người ngồi xuống. Bác ngồi nghe Tư lệnh Phùng Thế Tài báo cáo. Sau khi nói chuyện với cán bộ, chiến sĩ đại hội, Bác hướng xuống hội trường bảo: “Chú Cốc đâu, lên Bác gặp”. Ông ngượng nghịu bước lên, Bác bắt tay ông và hỏi: “Chú đã bắn được mấy máy bay rồi?”. Ông trả lời: “Dạ thưa Bác, cháu bắn được 9 cái ạ”. Bác lại hỏi: “Thế chú được tặng mấy huy hiệu của Bác rồi?”. “Dạ thưa Bác, 9 chiếc ạ”.

Bác cầm tay ông giơ cao và hướng xuống hội trường nói: “Năm mới, Bác chúc cho Quân chủng Phòng không - Không quân có nhiều Cốc hơn nữa”. Khoảnh khắc đáng nhớ ấy đã được phóng viên ảnh ghi lại. Bức ảnh đó đã trở thành vật kỷ niệm đáng quý nhất trong cuộc đời ông với vị lãnh tụ kính yêu, vì cuối năm đó Người ra đi mãi mãi.

Anh Đức - *Nguoiduatin.vn*

14. Vị tướng trấn ải miền Tây Bắc và lão nông vùng Đông Bắc

Những ngày này, vị tướng già 85 tuổi, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Trọng Tháp lại bồi hồi nhớ hình ảnh những đoàn người băng rừng mở núi tải đạn dược, lương thực phục vụ Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Tròn 60 năm trước, ông đang là Trưởng Công an huyện Tuần Giáo (tỉnh Lai Châu, nay thuộc tỉnh Điện Biên) và trực tiếp tham gia chỉ đạo công tác phòng gian, bảo mật, trấn áp bọn gián điệp, phản động để góp sức mình vào thắng lợi “chấn động địa cầu”. Ra đi từ mái tranh nghèo, người con của quê hương xứ Đông được cách mạng giác ngộ, trở thành một trong những “thủ lĩnh” trấn ải Tây Bắc trong hàng chục năm trời và gần 20 năm nay, ông trở về với đồng đất, thực thụ là một lão nông tri điền ở vùng Đông Bắc...

Năm nay tướng Tháp bước vào tuổi 85 (ông sinh năm 1929). Gặp ông, nhìn bề ngoài giản dị, luôn xởi lởi và thân thiện, ít ai hình dung đây là một vị tướng từng trấn ải miền sơn cước Tây Bắc ngút ngàn. Tuổi đã cao nhưng ông vẫn ngày ngày đi thăm khắp những gốc bưởi, na, cam, nhãn... Hết bắt mấy con sâu, bẻ vài cành mực, ông lại ra thăm ao cá, rồi khu chăn nuôi. Ngắm ông như một lão nông tri điền đáng bộ thành thơ, an nhàn giữa khu trang trại đồi Mít (xã An Sinh, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh). Dưới tán lá cây của trang trại là một ngôi nhà sàn giản dị mang đậm nét kiến trúc của bà con người Thái miền Tây Bắc. Đây chính là “đại bản doanh” của Thiếu tướng, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân Nguyễn Trọng Tháp, nguyên Giám đốc Công an tỉnh Lai Châu, nguyên Cục trưởng Cục Chống

phản động; nguyên Trưởng đoàn chuyên gia Bộ Công an tại Lào.

Trong ngôi nhà sàn mà chủ nhân khéo léo sắp đặt các vật dụng gắn với sinh hoạt thường ngày của đồng bào các dân tộc, như để luôn nhớ về miền biên ải, cuộc trò chuyện với vị tướng già đã cuốn hút chúng tôi. Năm nay, sức khỏe của vị lão tướng thêm phần suy giảm, tai hơi nặng; nhưng ông vẫn còn tinh anh lắm. Từ chuyện chống gián điệp, biệt kích năm xưa tới những kinh nghiệm làm vườn hiện nay... “Cuộc đời tôi dành trọn trái tim cho Đảng, cho cách mạng”, Tướng Nguyễn Trọng Thấp từng gói gọn lẽ sống của mình bằng mấy lời mộc mạc như vậy. Chúng tôi hiểu, thế hệ ông sinh ra và lớn lên trong cảnh đất nước lầm than nên khát vọng độc lập dân tộc, hòa bình và thống nhất đất nước thật là cháy bỏng, lớn lao. Bởi vậy mà ông đã đến với Cách mạng, trở thành người đảng viên chân chính luôn phấn đấu hết mình vì lý tưởng cao cả, đẹp đẽ ấy...

Tướng Nguyễn Trọng Thấp sinh năm 1929 trong một gia đình bản nông ở xã Thất Hùng, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương. Mới 13 tuổi, ông đã bươn bả vào cuộc mưu sinh, làm thuê làm mướn ở và tự học tại Hải Phòng. Năm 1945, ông tham gia cách mạng, làm liên lạc viên cho Đội Tự vệ Trung Trắc - Hải Phòng. Giữa những ngày nước sôi lửa bỏng sau Cách mạng tháng Tám, ông về quê tham gia Ban Chấp hành thanh niên và làm giáo viên bình dân học vụ xã Thất Hùng. Từ năm 1947 đến 1950, ông làm văn thư, thư ký đánh máy tại Tỉnh ủy Quảng Yên. Tháng 11/1948, ông được đứng trong hàng ngũ của Đảng Cộng sản Việt Nam...

Nhớ lại những năm tháng hào hùng ấy, ông kể: Cán bộ khi đó còn ít, trình độ dân trí rất thấp. Đầu những năm 1950, tôi là Trưởng Công an huyện Tuần Giáo, kiêm chính trị viên huyện đội và là ủy viên kháng chiến huyện. Tôi đã chủ động đề xuất và được cấp trên giao tổ chức đưa cán bộ công an, bộ đội về các bản làng vận động quần chúng, vận động người có uy tín động viên bà con ủng hộ cách mạng, tham gia dân quân, du kích và bộ đội địa phương. Tôi đã trực tiếp tổ chức, huấn luyện và chỉ huy một trung đội đánh chìm 3 thuyền của địch trên sông Đà (đoạn qua xã Nậm Cà Hàng, giáp Tuần Giáo). Chiến công nhỏ nhưng ý nghĩa rất lớn, vì nó đã động viên, khích lệ sự phấn chấn, tự giác và niềm tin chiến thắng của bà con nơi đây với sự nghiệp kháng chiến.

Vị tướng già tỏ ra bồi hồi xúc động khi nhắc tới Điện Biên Phủ: “Những hình ảnh 60 năm trước vẫn tươi mới, chộn rộn trong tôi. Khắp các ngã đường ra chiến dịch, râm ran tiếng cười nói, tiếng hò tiếng hát lành lốt như ngày hội. Thâu đêm suốt sáng trong những bản làng là tiếng giã gạo thậm thịch của các mẹ, của đám thanh niên để cung cấp lương thực cho tiền tuyến. Có những chị lưng đeo con, chân giã gạo, rồi lại sàng sảy. Mọi người làm việc với tinh thần hăng say, tự giác dù bụng đói nhưng vẫn luôn vui vẻ, lạc quan... Với anh em công an, ngoài nhiệm vụ phòng gian bảo mật, góp phần cung cấp lương thực cho tiền tuyến là yêu cầu hết sức quan trọng. Chúng tôi đã tổ chức xây dựng hệ thống kho tàng cất giấu lương thực. Bây giờ ít ai hình dung được, nhưng tôi khi đó đã trực tiếp đến các xã Mường Hươi, Mường Quài, Mường Ảng chỉ đạo khâu xay và giã gạo, phát động nhân dân

hường ứng “Ngày hội Sen Mừng” thành ngày hội giã gạo nuôi quân. Nhờ có lòng dân tin tưởng cách mạng mà khi đó, toàn tỉnh Lai Châu đã phục vụ chiến dịch 2.666 tấn gạo, vượt chỉ tiêu 64 tấn. Số liệu là như thế, nhưng từng ấy gạo mà chỉ giã, sàng sảy bằng sức người... thì càng thấy nhiệt huyết, nhiệt tình cách mạng của đồng bào các dân tộc tỉnh Lai Châu (gồm cả Điện Biên và Lai Châu hiện nay)...

Một trong những chiến công nổi bật của Công an tỉnh Lai Châu thời kỳ này là bảo vệ bí mật chiến dịch lịch sử và tiểu phi. Tướng Tháp nhớ lại: “Với sự tiếp sức của giặc Pháp, hoạt động phi diễn ra khá phức tạp, có nguy cơ gây bất ổn vùng Tây Bắc. Chúng âm mưu đẩy mạnh hoạt động ở vùng biên giới Việt - Lào, Việt - Trung và từng bước tiến sâu vào nội địa nhằm không chế, chiếm toàn bộ tỉnh Lai Châu, sau đó phối hợp với quân Pháp ở Điện Biên Phủ tiêu diệt bộ đội chủ lực... Dưới sự chỉ đạo sáng suốt của Trung ương Đảng và Bác Hồ, lực lượng Công an đã đẩy lùi nguy cơ này. Tại Lai Châu, chúng tôi đã tiêu diệt nhiều toán phi nguy hiểm, đồng thời trấn áp bọn phản cách mạng định “đục nước béo cò”. Trong thời gian này, Công an tỉnh Lai Châu đã đấu tranh, khám phá 13 vụ án phản động, xung vua, nổi phi...”

Gần 40 năm (từ 1951 đến 1988) sống, chiến đấu tại địa bàn Tây Bắc, trải qua nhiều cương vị như: Ủy viên Ban cán sự huyện Tuần Giáo - Lai Châu; Chính trị viên Huyện đội; Trưởng Công an huyện Tuần Giáo; Phó Trưởng phòng Bảo vệ chính trị Sở Công an khu Tây Bắc; Phó trưởng Ty Công an Lai Châu; Thường vụ Tỉnh ủy, Giám đốc Công an tỉnh Lai Châu... Dù ở vị trí nào, tướng Nguyễn Trọng Tháp cũng luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, lập được nhiều chiến công. Chính thời gian này, ông đã tự học tiếng Mông, tiếng Thái, tiếng Dao... giao tiếp thành thạo với bà con dân tộc, tìm hiểu và hòa nhập phong tục, tập quán, làm tốt công tác vận động quần chúng, xây dựng và củng cố các cơ sở cách mạng ở vùng sâu, vùng xa.

Trong kháng chiến chống Mỹ, tướng Nguyễn Trọng Tháp đã trực tiếp tham gia đấu tranh góp phần làm thất bại âm mưu và hoạt động gián điệp, biệt kích của Mỹ - ngụy; trong đó có những chuyên án nổi tiếng đã đi vào giáo trình của các trường Công an, thể hiện trí tuệ và bản lĩnh của lực lượng An ninh nhân dân. Trong 10 năm (1961-1971), Sơn La và Lai Châu là địa bàn trọng điểm mà Mỹ - ngụy đã tung nhiều toán gián điệp với hàng trăm tên cùng nhiều vũ khí, khí tài, điện đài, chất nổ. Chúng âm mưu dùng lực lượng này làm hạt nhân để tiến hành các hoạt động bạo loạn, phá hoại, gây mất an ninh trật tự của hậu phương lớn miền Bắc. Dưới sự chỉ đạo của Bộ Công an, tướng Nguyễn Trọng Tháp đã trực tiếp tham gia, chỉ đạo các phương án, lập kế hoạch và tổ chức đấu tranh, truy lùng, vây bắt được hầu hết các toán gián điệp biệt kích, góp phần bảo vệ tuyệt đối an toàn, giữ vững an ninh chính trị trên địa bàn Tây Bắc.

Trong chuyên án nổi tiếng chống gián điệp biệt kích PY27 ở địa bàn tỉnh Sơn La, ông đã trực tiếp hỏi cung 4 tên biệt kích đầu tiên bị bắt để khai thác nóng những thông tin quan trọng. Từ những thông tin ban đầu này, được sự chỉ đạo trực tiếp của

đồng chí Bộ trưởng Bộ Công an Trần Quốc Hoàn và sự phối hợp của các đơn vị chức năng thuộc Bộ, một kế hoạch tài tình và hoàn hảo được tiến hành. Các cơ quan tình báo đặc biệt của Mỹ - ngụy không mấy may nghi ngờ “Trò chơi nghiệp vụ” của Công an Việt Nam, tiếp tục thả các toán biệt kích và vũ khí, phương tiện hoạt động và đều bị ta tóm gọn với hàng trăm tên cùng hàng chục tấn vũ khí, đạn dược, điện đài... Những kết quả và thành công trong công tác chống gián điệp, biệt kích này đã được đúc rút thành bài học kinh nghiệm và bổ sung vào lý luận của lực lượng Công an nhân dân Việt Nam.

Một trong những điều hạnh phúc của tướng Nguyễn Trọng Tháp là sau khi hoàn thành nhiệm vụ của người trai với đất nước, ông được trở về với đồng đất quê hương làm một lão nông tri điền, trở lại những công việc đồng áng của người nông phu. Sau ngày nghỉ hưu, trong một chuyến đi tình cờ, tướng Nguyễn Trọng Tháp bỗng “phải lòng” vùng đất Đông Triều, Quảng Ninh. Ông bàn bạc cùng gia đình, rồi ở vào tuổi gần thất thập lại “dựng nghiệp” tại đồi Mít, cơ ngơi hiện nay của ông. Vợ chồng ông cùng gia đình người con trai út cải tạo đất hoang hóa, quy hoạch làm trang trại, trồng nhiều cây ăn quả, đào ao, thả cá, chăn nuôi, tạo công ăn việc làm cho nhiều lao động tại địa phương. Mô hình kinh tế trang trại của ông được nhiều người đến nghiên cứu, tham quan, học tập. Nhiều năm qua, Anh hùng Nguyễn Trọng Tháp được tin nhiệm giữ chức Hội trưởng Hội làm vườn tại địa phương. Ông đã có nhiều sáng tạo trong phát triển kinh tế trang trại, giúp nhiều hội viên có thêm cách làm hay, tăng thêm thu nhập. Chính vì vậy, người dân nơi đây đặt cho ông cái tên trìu mến: “Vị tướng nhà nông” hay “Ông tướng làm vườn”.

Gần bốn thập kỷ gắn bó với đồng bào Tây Bắc, trong đó có nhiều năm giữ vai trò “thủ lĩnh trấn ải”, đến nay Thiếu tướng, Anh hùng Nguyễn Trọng Tháp lại có thêm 20 năm gắn bó cùng bà con vùng Đông Bắc với vị trí của một lão nông tri điền. Chắc hẳn đó là hạnh phúc và niềm vinh dự mà nhiều trượng phu mong muốn.

Duy Hiền - Anh Hiếu - *Cand.com.vn*

15. Những chuyến đi bảo vệ Bác Hồ của tướng quân Phùng Thế Tài

Thượng tướng Phùng Thế Tài năm nay đã trên 90 tuổi. Trời cho ông một sức khỏe hiếm thấy và sự minh mẫn, tinh tường cũng vào loại hiếm. Đúng hẹn, tôi chờ nhà văn Hoàng Quảng Uyên đến làm việc với ông. Hoàng Quảng Uyên đến để xác minh một thông tin năm 1944, khi ấy, chàng thanh niên họ Phùng vừa tốt nghiệp Trường Sĩ quan Hoàng Phố với quân hàm trung úy, tháp tùng Hồ Chủ tịch sang làm việc tại Trung Quốc. Nhắc đến Bác Hồ, đôi mắt Phùng tướng quân linh động hẳn lên.

Buổi sáng trời mưa và có vẻ hơi rét nhưng Phùng tướng quân vẫn rất thoải mái trong bộ quần áo ở nhà và nói rất nhiều với các nhà văn.

Phùng tướng quân bảo, năm 1944, Bác Hồ quyết định phải nổi mặt trận ngoại giao với những người cộng sản Trung Quốc và đặc biệt là thiết lập mối quan hệ với người Mỹ ở Trung Quốc. Khi ấy, tình hình chính trị của Trung Quốc rất phức tạp nhưng cũng là giai đoạn bắt tay giữa Đảng Cộng sản và Quốc Dân Đảng của Tưởng Giới Thạch. Lúc đó, ta mới bắt được một trung úy phi công Mỹ tên là Saw tại bản Ngần, ven thị xã Cao Bằng nên Bác quyết định sử dụng viên trung úy như một bức thông điệp để tiếp cận với viên tướng Tư lệnh không quân Mỹ ở Vân Nam.

Chuyến đi được giữ hết sức bí mật. Đoàn vận vận có 4 người gồm Bác Hồ, viên phi công Mỹ, Đinh Đại Toàn và Phùng Thế Tài, hai người là bảo vệ. Đoàn xuất phát ở cột mốc 108 Cao Bằng đi thẳng sang Tỉnh Tây.

Sau nhiều ngày lặn lội trên đường rất vất vả, vừa phải cảnh giới với những nhúc nhát thám vừa tìm những con đường an toàn, đoàn cũng đến được Tỉnh Tây. Do thông hiểu tiếng Trung Quốc nên Phùng Thế Tài tới công gác quân doanh của Trung tướng Trần Bảo Xương, chủ nhiệm sở chỉ huy Tỉnh Tây thuộc chiến khu 4 do tướng Trương Phát Khuê làm tư lệnh. Sau khi xưng danh và mục đích, đặc biệt có món quà là viên phi công Mỹ, đoàn công tác lập tức được tướng Trần Bảo Xương đón tiếp nhưng viên phi công Mỹ chỉ nói được tiếng Anh lại không có phiên dịch nên phải đợi các tùy tùng của Trần Bảo Xương tìm phiên dịch. Cũng ngay lúc đó, Trần Bảo Xương gọi điện thoại báo cáo thượng cấp và nhận thông tin được phép tiếp đoàn của Bác. Sau khi có phiên dịch làm việc, Trần Bảo Xương lệnh cho sĩ quan đối ngoại sắp xếp nơi ăn chốn ở cho đoàn và thân mật mời cơm Người.

Phát hiện thấy thái độ vô vập thái quá với viên trung úy phi công, Phùng Thế Tài đã bắt đầu nghi ngờ, chỉ sợ sau khi có trong tay món hời, các tướng lĩnh Quốc dân Đảng tranh công rồi làm khó dễ cho Bác, thậm chí chúng có thể làm càn vì trước đó, Tưởng Giới Thạch đã từng bắt giam Bác hơn một năm trời ở các nhà tù Quảng Tây. Thấy tình hình bất lợi, Phùng Thế Tài xin phép Bác lén theo dõi động tĩnh của viên trung úy và tướng Trần Bảo Xương. Khi ấy khoảng chín mươi giờ tối, các sĩ quan của Trần Bảo Xương mời Bác đi ngủ.

Trần trọc không ngủ được, thấy phía nhà khách còn sáng đèn, Phùng Thế Tài bí mật lén đến, thấy Trần Bảo Xương cùng với phiên dịch đang tìm mọi cách khai thác viên trung úy Saw. Loáng thoáng nghe thấy tiếng “bắt giữ”, Phùng Thế Tài cận vệ lập tức về báo cáo Bác. Tình hình lúc đó rất khẩn trương, Bác nhận định tay chân của Tưởng Giới Thạch hoàn toàn có thể lợi dụng thời cơ này để một lần nữa bắt giữ Bác. Bác hội ý với hai cận vệ và cả ba thống nhất phải rời sở chỉ huy của Trần Bảo Xương ngay lập tức. Bác quyết định quay trở lại biên giới ngay trong đêm, về lại Pác Bó rồi hạ lệnh tắt điện, sắp xếp giường chiếu như là đã đi ngủ để đánh lạc hướng. Khi đi qua cổng, Phùng Thế Tài nhanh trí nói là đi mua thuốc nên chúng không nghi ngờ gì.

Ba bác cháu gấp rút tranh thủ rời khỏi nơi nguy hiểm. Bác quyết tâm làm sao đến mờ sáng phải có mặt ở cột mốc 108 trước khi mệnh lệnh bắt giữ của Trần Bảo

Xương kịp ban bố. Khi ấy sức khỏe của Bác không được tốt nhưng Bác rất cố gắng để không ảnh hưởng tới sự an nguy của đoàn nếu chậm chân.

Khi đã đi được nửa đoạn đường, Bác rất khát nước và bắt đầu xuống sức, Phùng Thế Tài phải đi hàng cây số tìm suối lấy nước cho Bác uống. Trước khi đi, Phùng Thế Tài mời Bác điều thuốc lá (Phùng Thế Tài được phân công giữ thuốc lá và chỉ để cho Bác hút hết sức hạn chế theo chỉ định của bác sĩ). Có nước uống, lại được hút điều thuốc thêm phần tinh táo, Bác phấn chấn giục mọi người gấp rút lên đường. Đến mờ sáng thì về được sát biên giới.

Mấy bác cháu được đồng chí Lê Quảng Ba đón về ở một cái hang cách cột mốc 108 hơn một kilômét. Bác lập tức hội ý với đồng chí Lê Quảng Ba, xác định phải tìm mọi cách tiếp tục đến Côn Minh bởi tình hình cách mạng rất khẩn trương, trên các mặt trận trực phát xít đang thua đậm, thời cơ làm cách mạng giành độc lập dân tộc đang có những điều kiện quốc tế thuận lợi. Lần đi này cũng được giữ tuyệt đối bí mật và có sự chuẩn bị kỹ lưỡng hơn. Phùng Thế Tài được tổ chức giao cho ba con ngựa dùng để cưỡi nhưng Bác kiên quyết không cưỡi. Bác bảo đi bộ cũng là một phương pháp rèn luyện thể lực. Thế là hai người cận vệ trẻ (Phùng Thế Tài và Đinh Đại Toàn) cưỡi ngựa còn Bác đi bộ. Hai anh cận vệ bàn nhau như thế thì không thể được nên lại giao ngựa cho dân. Ba bác cháu hạ quyết tâm bí mật đi theo hướng Điện Đông, Điện Cà, qua một loạt xã, huyện, thị trấn đến Côn Minh. Đinh Đại Toàn, người dân tộc Thổ rất chăm chỉ, đặc biệt rất khỏe nên mang đồ cho đoàn khá tốt. Chỉ phải cái chàng thanh niên người Thổ này ăn rất khỏe, mỗi bữa cứ phải bảy, tám bát mà cậu chàng vẫn còn muốn ăn nữa. Phùng Thế Tài loay hoay không biết làm sao nhưng cũng phải báo cáo với Bác vì cứ ăn thế này có khi không đủ lộ phí để đến được Côn Minh. Bác cười bảo: “Cứ để cho cậu ấy ăn, vài ngày nữa mệt tự khắc ăn ít đi”. Đúng như dự đoán, cậu chàng ăn rút dần. Khi ấy, Phùng Thế Tài mới thờ phào.

Chuyến đi rất gian lao nhưng kết quả thì rất tốt. Bác đã tiếp xúc được với người Mĩ ở Côn Minh, đạt được một số thương thảo có lợi cho cách mạng Việt Nam, thậm chí phía đoàn Mĩ còn giao hẳn một chiếc máy bay để phục vụ đoàn Việt Nam. Sau khi đàm phán thành công, tháng 3/1945, máy bay Mĩ chở Bác và đoàn từ Côn Minh về Bách Sắc để Bác làm việc với Bộ Tư lệnh chiến khu 4, tướng Trương Phát Khuê và tướng Trần Bảo Xương, những người luôn ngấm kính trọng tài năng và nhân cách của Hồ Chủ tịch. Tướng Trương Phát Khuê cho xe zip ra tận sân bay đón Bác.

Sau khi chiêu đãi đoàn và được Bác thông báo phía Mĩ đã công nhận tổ chức Việt Nam cách mạng đồng chí hội là tổ chức cách mạng hợp pháp đại diện cho quyền lợi của nhân dân Việt Nam, tướng Trương Phát Khuê đã điện báo cáo Tưởng Giới Thạch ngay. Khi ấy Tưởng cũng đồng ý để Trương Phát Khuê tiếp đón Bác trọng thể. Cũng thời điểm ấy, có lính gác báo cáo với đoàn Việt Nam có người xưng tên là Hoàng Quốc Việt xin được gặp các đại biểu. Phùng Thế Tài lập tức báo cáo Bác Hồ. Bác bảo mời ngay Hoàng Quốc Việt cùng các đồng chí Đặng Việt Châu, Dương Đức Hiền vào gặp. Đồng chí Hoàng Quốc Việt vừa ở trong nước

sang đã báo cáo tình hình công việc mọi mặt với Bác. Bác lắng nghe, sau đó căn cứ chuyển biến của tình hình quốc tế, phân công ngay Hoàng Quốc Việt về báo cáo trung ương một số việc cần làm ngay.

Khi ấy có một việc đột biến xảy ra. Khi thấy cục diện chiến tranh biến đổi, phát xít Nhật đang trên bờ diệt vong, Tưởng Giới Thạch tính nước cờ để Hoa quân nhập Việt. Tiếng là tước vũ khí và tiếp nhận đầu hàng của quân Nhật nhưng thực chất là định thôn tính Việt Nam với sự cấu kết của một số thế lực phản động trong nước. Phát hiện ra âm mưu đen tối của chúng, Bác lập tức hạ mệnh lệnh lên đường trước khi lệnh của Tưởng Giới Thạch tới được các cửa ải và tay chân mặt thám của Tưởng. Cũng rất may mắn là tướng Trần Bảo Xương, chủ nhiệm sở chỉ huy Tỉnh Tây của chiến khu 4 sau sự việc hiểu lầm trước kia đã tỏ ra rất khâm phục Bác. Trần tướng quân chỉ thông báo lệnh của thượng cấp một cách chiếu lệ để đoàn ta kịp về nước.

Mới thấy rằng, đạo đức và nhân cách của Người đã cảm hóa rất nhiều người, trong đó có cả tướng lĩnh của kẻ thù.

Bác kịp về Pác Bó an toàn cùng với đoàn tùy tùng chỉ đạo thắng lợi cách mạng Việt Nam, giành độc lập tự do cho dân tộc.

Vị tướng trầm ngâm một lúc sau những hồi nhớ xúc động một thời như vẫn còn quá gần gũi. Tôi và nhà văn Hoàng Quảng Uyên ngồi lặng trước những ký ức rất xúc động của vị tướng trận một thời từng là cận vệ của Bác Hồ. Nhắc đến Bác, lão tướng quân vẫn nhớ được từng chi tiết nhỏ dù câu chuyện xảy ra cách đây đã gần bảy mươi năm. Người cận vệ của Bác Hồ ngồi đó, thâm trầm như một trái núi mà ẩn chứa trong đáy những tâm tư, kỷ niệm, niềm tin và lẽ sống đã lặng lẽ ngấm sang từ một con người vĩ đại - Hồ Chí Minh

Cand.com

16. Ký ức về những lần được gặp Bác của một vị tướng Dương Bá Nuôi

Cứ mỗi lần sắp đến kỷ niệm ngày sinh nhật Bác Hồ là vị tướng đã từng lừng danh trên mọi chiến trường Dương Bá Nuôi lại vô cùng bồi hồi xúc động. Bởi đó là lúc ông nao lòng nhớ đến Bác kính yêu, nhớ đến vị lãnh tụ, đến vị cha già của dân tộc, nhớ đến những lần ông vinh dự được gặp Bác Hồ.

Vị tướng quê ở đất cổ đô Huế này đã kể rằng, từ thuở còn thơ ấu, ông đã biết đến tên tuổi của Nguyễn Ái Quốc. Ông luôn mỉm cười khi nhắc đến sự nhầm lẫn rất đáng yêu của ông ở cái tuổi lên 10, ấy là ông luôn tin vào lời đồn: Nguyễn Ái Quốc là người làng Thanh Lương, xã Hương Thạnh, huyện Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ông tin, vì ông có người anh trai cả là Dương Bá Quán và ông dượng là Dương Quang Hùng (gia đình cơ sở của đồng chí Nguyễn Chí Thanh và đồng chí Hoàng Anh) tuy là dượng cháu nhưng rất thân thiết với nhau và đều thương ông.

Người anh ruột và ông dượng của vị tướng Dương Bá Nuôi lại từng quen biết với ông Nguyễn Tất Đạt (ông Cả Khiêm), người anh của Bác, khi ông Cả Khiêm từng lui tới làng Thanh Lương để bốc thuốc chữa bệnh cứu người. Thế là, vào những năm 1936-1937, người ta đồn ông Cả Khiêm có người em là Nguyễn Ái Quốc tài cao, học rộng, là vị cứu tinh của dân tộc, sẽ đưa nhân dân ta ra khỏi cảnh gông xiềng nô lệ... Thế là ông tin vào lời đồn: Nguyễn Ái Quốc là người làng Thanh Lương... Mãi đến tháng 8/1945, ông mới vỡ lẽ ra rằng: Nguyễn Ái Quốc chính là Bác Hồ, là người huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An... Nhưng từ thuở ấu thơ, ông đã từng sống trong những huyền thoại đẹp về một con người như thế nên ông cứ ấp ủ trong lòng ước mơ: Làm sao gặp được Người! Ước mơ đó đã thôi thúc ông đến với cách mạng, đến với cuộc kháng chiến chống xâm lược. Trở thành người lính, ông đã cố gắng phấn đấu, công tác, rèn luyện và vinh dự được gặp Bác ba lần. Mỗi lần gặp Bác là mỗi lần để lại trong ông những dấu ấn đẹp, những bài học làm người sâu sắc.

Ông xúc động kể lại lần được gặp Bác đầu tiên của ông. Thu đông năm 1950, khi ông đang tham dự một lớp học tại Việt Bắc thì vào một buổi tối cả lớp học bất ngờ được gặp Bác ở hội trường. Tất cả đều xúc động và đồng thanh hô lớn: “Bác Hồ muôn năm!”. Riêng ông, nỗi vui mừng sung sướng quá đột ngột này đã làm ông rơi nước mắt. Cuộc gặp gỡ diễn ra thật đầm ấm, giọng Bác gần gũi thân thương như neo vào lòng từng người: - Bác đến thăm để cháu nào chưa thấy Bác mà chỉ thấy trong ảnh thì Bác cháu ta biết nhau. Bây giờ Bác bắt nhịp bài hát *Kết đoàn* để Bác cháu ta cùng hát”. Bác vừa bắt nhịp, vừa hát cùng lớp học: “Kết đoàn chúng ta là sức mạnh...”. Hát xong, Bác căn dặn đôi lời về đoàn kết. Bác nói: “Nhiệm vụ cách mạng của nhân dân ta chống thực dân Pháp là rất nặng nề, muốn giành được thắng lợi phải đoàn kết được cả toàn dân, làm thế nào để dân tin yêu Đảng, đoàn kết là sức mạnh, đoàn kết là thành công...”. Lần gặp Bác đầu tiên đó đã để lại trong ông những kỷ niệm thật đẹp. Nhớ lời Bác, ông lại càng thêm nhớ quê hương, nhớ đồng đội, nhớ chiến trường. Cho nên khi lớp học kết thúc, mặc dù ông được cấp trên chỉ thị ở lại để nghiên cứu và trao đổi kinh nghiệm với các đơn vị đàn anh đã có những thành tích trong diệt giặc và xây dựng lực lượng, nhưng đến cuối năm 1950, ông quyết định trốn về chiến trường Thừa Thiên mà không báo cáo với cấp trên, dù biết thế là sai. Ông trở lại chiến trường trong niềm vui của những người đồng đội. Ông cũng dấu biệt việc ông trốn về trước thời gian qui định. Một thời gian sau, ông được phân khu bổ nhiệm giữ chức vụ Trung đoàn phó Trung đoàn 18 kiêm Tham mưu trưởng trung đoàn. Ông nhận nhiệm vụ trong nỗi lo và ân hận.

Rồi việc trốn về chiến trường của ông cũng bị phát hiện. Ông phải viết bản tự kiểm điểm và nhận kỷ luật trở lại làm tiểu đoàn trưởng. Rồi ông lại nhận được lệnh đi chinh quân, Không ngờ, lần ra Bắc thứ hai này, ông lại được gặp Bác. Nét mặt ánh lên niềm vui, ông kể: Đầu năm 1953, tôi lên đường đi Việt Bắc. Tôi còn lo cho cái tội trước đây của mình. Thế nhưng, khi gặp lại đồng chí Cương (hiệu trưởng), thấy anh ấy vui, tôi yên tâm. Anh Cương chỉ hỏi tôi về tình hình chiến trường, về

sức khỏe, về gia đình...Tôi hằng say chuẩn bị cho việc học tập. Và cũng bất ngờ, một buổi sáng, khi buổi học chưa kết thúc, Bác lại xuất hiện. Cả hội trường reo hò đón Bác. Trang phục của Bác giản dị, phong cách, cử chỉ của Bác gần gũi vô cùng. Lần gặp gỡ này, Bác lại bắt nhịp bài hát truyền thống của quân đội *Vì nhân dân quên mình*. Bác cháu vừa vỗ tay, vừa hát: “Vì nhân dân quên mình; Vì nhân dân hi sinh; Anh em ơi, vì nhân dân quên mình...”. Từ trên cao, Bác thể hiện nhịp nhàng vai trò nhạc trưởng của mình. Hát xong, Bác nói đại ý rằng: Các chú là quân đội, quân đội của ai, chiến đấu cho ai và vì ai thì đồng chí Văn (tướng Giáp) đã nói rồi, qua bài hát mà bác cháu mình vừa hát, Bác chỉ dặn thêm là: đây là bài hát truyền thống của quân đội, thuộc bài hát này để nhớ nhiệm vụ của quân đội là tất cả vì nhân dân, không có nhân dân thì không có gì cả. Cả Đảng-Chính-Quân đều phải vì nhân dân... Bác nói về mối quan hệ quân - dân. Chính những lần gặp gỡ như thế đã nhắc nhủ tôi bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, nhiệm vụ gì cũng phải vì nhân dân... Không chỉ suốt quãng đời binh nghiệp, mà cho đến lúc ông quay về với cuộc sống đời thường, vị tướng này cũng luôn nhớ lời Bác “luôn sống vì nhân dân”... Lần thứ ba vị tướng “vì nhân dân” đất cố đô Huế được gặp Bác Hồ là vào tháng 12/1963. Lần này, ông được Liên tỉnh ủy Trị - Thiên - Huế cử ông ra Hà Nội để báo cáo tình hình mọi mặt của chiến trường. Rời cơ quan, đi dọc biên giới Lào - Việt đến làng Ho (Quảng Bình) thì có xe của Bộ Tổng tham mưu đón. Ra Hà Nội, sau một đêm nghỉ ngơi, ông đến Văn phòng làm việc của Bộ Tổng tham mưu để báo cáo tình hình chiến trường Trị - Thiên - Huế với đồng chí Văn Tiến Dũng. Đang báo cáo với Tổng Tham mưu trưởng thì Bác đột ngột xuất hiện. Nhưng lần này Bác rất bận, Bác chỉ đến để nghe và căn dặn đồng chí Văn Tiến Dũng về công tác dân vận cả với nước bạn Lào. Khi biết có đồng chí Dương Bá Nuôi ở chiến trường Trị - Thiên - Huế ra báo cáo tình hình, Bác nói: “Hay quá, nhưng hôm nay Bác bận, Bác muốn nghe tình hình Trị - Thiên - Huế, văn phòng sẽ thu xếp và báo cho cháu sau”. Sáng hôm sau, đúng giờ, Bác qua để nghe báo cáo. Vừa ngồi xuống, Bác vào chuyện ngay: “Chú Dũng, chú có thể về làm việc, Bác biết chú còn nhiều việc lắm, cứ để Bác với chú Nuôi trò chuyện cũng được”.

Người tướng già xúc động: Lúc đó, tôi hồi hộp và xúc động và lúng túng lắm. Nhưng nghe giọng nói ấm áp, cử chỉ thân mật và những lời thăm hỏi thấu tình của Bác, tôi dần lấy lại được bình tĩnh. Tôi báo cáo với Bác tình hình chiến trường. Nhìn bản đồ, Bác bất ngờ hỏi: “Quân giải phóng ở chỗ nào?”. Tôi thưa với Bác rằng “Quân giải phóng đều ở trên biên giới Lào - Việt thuộc miền Tây Thừa Thiên”. Bác lại hỏi: “Thế có gần dân không?”. Tôi lại thưa “Quân giải phóng luôn gần dân”. Và báo với Bác rằng dân chủ yếu là đồng bào các dân tộc miền Tây Trị - Thiên như Pa Cô, Vân Kiều, Tà Ôi, nhân dân rất thiết tha với cách mạng, một lòng vì cách mạng. Bác lại hỏi đến chuyện ăn của bộ đội. Khi biết rằng nhân dân Trị - Thiên dù còn khổ, nhưng làm ra được thứ gì vẫn nhường hầu hết cho bộ đội, còn họ chủ yếu là ăn sắn..., mắt Bác rung rung. Rồi Bác lại hỏi về tình hình đồn bốt giặc, về một số trận đánh của ta. Tôi lại kể cho Bác nghe chuyện quân giải phóng và nhân dân bao vây công đồn và tạo các thứ vũ khí đánh giặc. Nét mặt Bác vui hẳn,

Bác cười và khen: “Các chú giỏi, bộ đội giải phóng thì dân nuôi, giặc thì dân đánh, vậy là chiến tranh nhân dân rồi đó”. Cuộc gặp đã cho tôi nhiều bài học lớn nhất là chuyện con đường trong lòng dân. Đường trong dân khi đã thông thì không có cái gì không làm được. Những bài học đó cho đến bây giờ vẫn còn nguyên giá trị và tính thời sự nóng hổi...

(Nhà nghiên cứu Việt Phương đã kể 5 câu chuyện cảm động về Bác Hồ mà ở đằng sau là sự minh triết tuyệt vời của Bác.

“Năm 1963, Bác tiếp đoàn đại biểu quân sự tỉnh Bình Trị Thiên, trong đó có thiếu tướng Dương Bá Nuôi vốn xuất thân là con quan, nhà giàu. Bác biết ông Nuôi còn rất mặc cảm về thành phần nên đã đặc biệt quan tâm hỏi han. “Chú là con quan phải không, con nhà quan mà tham gia đánh giặc từ sớm và đánh giặc giỏi là tốt.” Và Người nói vui: “Bác cũng là con quan đây, chú đã được gọi là cậu ấm chưa?” Sau lần ấy ông Nuôi đã hoàn toàn hết mặc cảm, toàn tâm toàn ý phục vụ cách mạng - Theo *Minh triết Hồ Chí Minh* - Việt Báo)

Nguyễn Thành Vinh (Theo *Netcodo*)

17. Thiếu tướng Trần Chí Cường được gặp Bác Hồ trước Chiến dịch Khe Sanh 1967

Thiếu tướng Trần Chí Cường (tên khai sinh là Trần Thanh Nhã), nguyên Phó chủ nhiệm, Tham mưu trưởng Tổng cục Hậu cần, sinh năm 1926 tại thôn Phước Hưng, tổng An Cư, nay là xã Lộc Thủy, huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Từ một anh học trò bươn chải cuộc sống chốn đồng quê, ông trở thành người chiến sĩ đi qua hai cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.

Với mong muốn ghi lại đôi nét về cuộc đời hoạt động của mình, qua đó nhắc nhở thế hệ trẻ về công lao to lớn của bao đồng chí, đồng bào đã anh dũng chiến đấu để giành độc lập tự do cho đất nước, Thiếu tướng Trần Chí Cường đã viết cuốn hồi ký *Đường lên phía trước* (NXB Quân đội Nhân dân - nhà văn Nguyễn Minh Ngọc ghi). Dưới đây, Báo *SGGP* xin trân trọng giới thiệu một đoạn hồi ức của đồng chí.

Vào một buổi chiều mùa hè năm 1967, anh Đinh Đức Thiện, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần, trước khi đi công tác nước ngoài có dặn tôi, người giúp anh theo dõi tình hình hậu cần các chiến trường: Nếu trong ấy có điện ra xin ngoại tệ thì đến báo cáo với đồng chí Phạm Hùng, Phó Thủ tướng phụ trách Tài - Mậu và chiến trường.

Tôi đến nhà đồng chí Phạm Hùng ở 72 đường Phan Đình Phùng vào buổi chiều ngày chủ nhật, mang theo điện chiến trường và bản dự trù xin ngoại tệ. Anh Phạm Hùng tiếp và làm việc với tôi thân tình, thoải mái.

Giữa lúc tôi đang báo cáo thì có tiếng động nhẹ ở phòng khách bên cạnh. Vừa ngẩng lên tôi đã nhìn thấy Bác Hồ. Mừng quá, tôi định reo to: “Bác đến!”. May kịp kiềm chế. Người đến bất ngờ từ cửa sau và ngồi vào ghế bành.

Đồng chí Phạm Hùng và tôi vội đứng lên chào Bác. Anh Phạm Hùng vào phòng mặc thêm áo. Tôi loay hoay xếp tài liệu, cúi đầu xin phép Bác ra ngoài. Thấy tôi là bộ đội, Bác vẫy tôi đến bắt tay, chỉ cho ngồi cạnh. Bác hỏi:

- Chú làm gì trong bộ đội?

- Thưa Bác, cháu ở Tổng cục Hậu cần, giúp anh Đinh Đức Thiện theo dõi các chiến trường B, C, 559. Trong đó vừa có điện xin đôn và tiền Campuchia, cháu đến báo cáo với anh Phạm Hùng xin để gửi vào mua lương thực và vật dụng cho bộ đội.

- Xa thế, Đoàn 559 không đưa vào kịp à?

- Thưa Bác, đang bắt đầu mùa vận chuyển, song có tiền mua thêm tại chỗ vừa nhanh và rẻ.

- Như thế tốt, nhưng phải tiết kiệm ngoại tệ vì ta không có nhiều.

Bác ân cần hỏi:

- Thế bộ đội có bị thiếu thốn nhiều, có ai bị đói không? Khi ốm đau có thiếu thuốc không?

- Thưa Bác, thiếu thì có, nhưng không đói. Do thiếu thuốc tốt nên chữa bệnh lâu lành.

Người chỉ thị:

- Chú về nói các chú ở Bộ Quốc phòng, Tổng cục Hậu cần quan tâm đến đời sống bộ đội tốt hơn, đừng để anh em thiếu ăn, ốm đau nhiều, mất sức chiến đấu.

- Dạ, vâng ạ!

Đồng chí Phạm Hùng kịp trở ra phòng khách tiếp Bác. Tôi đứng lên xin phép Bác ra ngoài. Ra sân, tôi thấy xe Bác vừa đến là loại xe du lịch thông thường do Liên Xô sản xuất. Chiếc Pô-bê-đa màu trắng đục. Đồng chí lái xe ngồi dưới gốc cây trông xe và canh vệ một cách bình thản. Tôi đi vào phòng thư ký riêng của đồng chí Phạm Hùng.

Chừng 20 phút sau, Bác Hồ ra xe, đồng chí Phạm Hùng đi theo tiễn Bác. Tôi trở lại làm việc tiếp, được đồng chí Phó Thủ tướng giải quyết rốt ráo mọi yêu cầu của chiến trường. Tôi ra về với niềm vui được nhân lên gấp bội. Quả là đời tôi thật may mắn vì được gặp Bác hai lần, được Bác ân cần hỏi han dạy bảo.

Về cơ quan, tôi điện báo với Thủ trưởng Bộ. Thủ trưởng Tổng cục Hậu cần đang thường trực ngày chủ nhật về việc được gặp Bác Hồ và những lời dạy bảo của Người.

Càng về cuối năm 1967, tình hình diễn biến hết sức khẩn trương. Các cơ quan từ Tổng hành dinh đến các đơn vị đều náo nức khí thế lên đường ra mặt trận. Bộ Tham mưu Tổng cục Hậu cần cùng với Cục Tác chiến xây dựng kế hoạch chuẩn bị cho Chiến dịch Khe Sanh.

Tháng 11/1967, tôi cùng anh Lê Ngọc Hiền, Cục trưởng Cục Tác chiến với một số cán bộ vào Nam Quân khu 4 để triển khai kế hoạch. Tiếp đó, chúng tôi đi nghiên cứu thực địa Khe Sanh để chuẩn bị các hướng của chiến dịch.

Thung lũng Khe Sanh có chiều ngang, dọc vào khoảng 5 - 10km. Đây là huyện lỵ của huyện Hướng Hóa, tỉnh Quảng Trị. Khe Sanh có vị trí chiến lược rất quan trọng trên hệ thống trục Đường 9 qua Lào. Tuyến Đường 9 từ biên giới Việt - Lào đến Cửa Việt cách chừng 100km.

Đã mười bốn năm xa cuộc sống tiền tuyến, nay tôi mới có dịp trở lại. Tiếng máy bay địch gầm rú điên loạn, tiếng bom rung chuyển đất trời, tiếng súng của ta vang dội. Không khí của chiến trường khá rộn rịp, bắt chập bom đạn của kẻ thù.

Ở Khe Sanh, gặp những ngày mưa, lạnh tê người. Trong những ngày đi nghiên cứu thực địa các căn cứ hậu cần cho chiến dịch, tôi mang theo niềm vui được gặp Bác Hồ và những lời nói của Người tại nhà đồng chí Phạm Hùng để cổ vũ động viên anh em.

Sau mấy ngày nghiên cứu kỹ, chúng tôi xác định về hậu cần bố trí 3 căn cứ. Hướng chủ yếu H1 phía Tây Khe Sanh, hướng thứ yếu H2 phía Đông, H3 phía sau. H1 và H3 sẽ tiếp giáp với tuyến 559, H2 sẽ tiếp giáp với hậu cần Quân khu 4. Sở chỉ huy cơ bản, Sở chỉ huy hậu cần đều ở phía Tây Khe Sanh.

Ngày 6/12/1967, Đảng ủy và Bộ Tư lệnh Mặt trận Đường 9 - Khe Sanh được thành lập. Đồng chí Trần Quý Hai là Tư lệnh; đồng chí Lê Quang Đạo, Chính ủy; Phó Tư lệnh chung là Đàm Quang Trung; Chỉ huy hướng Đông, Phó Tư lệnh Tham mưu trưởng Cao Văn Khánh; cơ quan tham mưu Lê Ngọc Hiền; cơ quan chính trị Nguyễn Trọng Yên; Phó Tư lệnh hậu cần Trần Thọ; cơ quan hậu cần Trần Chí Cường.

Trước khi bắt đầu chiến dịch, lực lượng địch trên toàn chiến trường miền Nam có 9 sư đoàn quân Mỹ, 3 lữ đoàn quân ngụy. Quân chủ hầu gồm 2 sư đoàn và 3 trung đoàn của Úc, Phi Luật Tân, Thái Lan, Nam Triều Tiên, Tân Tây Lan. Chúng có hệ thống phòng thủ kiên cố, có sức mạnh hỏa lực, có các cứ điểm Tà Cơn, Làng Vây, chi khu quân sự Hướng Hóa, có pháo hạm... và những căn cứ B52 ở Thái Lan sẵn sàng chi viện.

Lực lượng của ta ở phía Tây có Sư đoàn 304 và 325. Hướng Đông có Sư đoàn 320 và 324, Trung đoàn 66 và Trung đoàn 27. Ngoài ra, ta còn có 5 trung đoàn pháo binh, 3 trung đoàn cao xạ, 4 đại đội xe tăng. Một đoàn và 5 đại đội đặc công, một trung đoàn công binh tăng cường, một tiểu đoàn thông tin.

Ý định của Bộ là tổ chức tác chiến bằng hiệp đồng binh chủng, tiêu diệt một bộ phận quan trọng quân Mỹ - ngụy, thu hút lực lượng địch ra Đường 9 càng nhiều càng tốt, tạo điều kiện cho các chiến trường khác hoạt động. Từ cuối tháng 12/1967 đến đầu tháng 1/1968, các cơ quan, các lực lượng của ta đã triển khai xong theo kế hoạch tác chiến đã định.

Trước chiến dịch, hậu cần các hướng H1, H2 và dự trữ ở H3 đã đủ lực lượng và cơ sở vật chất, kỹ thuật bảo đảm đủ cho tất cả các hướng. Đồng thời có kế hoạch hiệp đồng với Đoàn 559 và Quân khu 4 trong các trường hợp cần thiết.

Cuối tháng 12/1967, sau khi phát hiện ta tập trung quân chủ lực mạnh về quanh Khe Sanh và tăng cường áp sát các vùng ven đô thị lớn, Mĩ vội vàng co cụm về phòng thủ. Chúng cấp tốc điều quân chiến đấu tăng cường cho chiến trường Trị - Thiên.

Lúc này lực lượng địch có trên mặt trận là 32 tiểu đoàn, trong đó có 25 tiểu đoàn lính Mĩ, bằng một nửa số đơn vị chiến đấu của Mĩ ở miền Nam Việt Nam.

Sư đoàn 325 và 304 lần lượt nổ súng tiêu diệt cứ điểm Động Trị và các điểm cao 1009, 845, 832, 573. Ngày 20/1/1968, Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh tiến công tập đoàn cứ điểm Khe Sanh và tuyến phòng thủ Đường số 9. Ta đánh chiếm huyện lỵ Hướng Hóa, đánh chiếm căn cứ Huội San, cắt Đường 9.

Ngày 6/2, các đơn vị của ta nổ súng áp đảo căn cứ Làng Vây, tiêu diệt trên 400 tên địch, bắt sống hàng trăm tù binh. Đây là trận đánh hiệp đồng binh chủng đầu tiên trên chiến trường Trị - Thiên. Chiến thắng này tạo bàn đạp vững chắc để quân ta vây hãm Tà Cơn, thừa thắng xốc tới.

Trên cả ba hướng, các đơn vị chủ lực cũng như tại chỗ của ta đều được bảo đảm tốt về hậu cần, kỹ thuật. Đặc biệt, các lực lượng cơ giới pháo, xe tăng, xe kéo, xe tải, xe đặc chủng có đủ nhiên liệu để hoạt động. Sở chỉ huy chiến dịch bị địch đánh phá ác liệt nhất. Sở chỉ huy hậu cần và sở chỉ huy các binh chủng vẫn được an toàn.

Bộ Tư lệnh chiến dịch ra lệnh di chuyển sở chỉ huy về phía Đông Bắc. Cơ quan hậu cần hành quân di chuyển ngày đêm. Ban đêm đi dưới bom B52, ban ngày thì máy bay trinh sát quần đảo trên đầu. Chúng tôi vượt sông Xê-băng-phai, vượt núi 1.001 an toàn, liên lạc được với đồn công an vũ trang Làng Ho (Quảng Bình) cũng là nơi có Sở chỉ huy hậu cần Sư đoàn 308.

Không chịu nổi sức ép của quân ta, rạng sáng ngày 9/7/1968, địch tháo chạy tán loạn khỏi căn cứ. Pháo binh ta liên tục đánh chặn, gây cho địch nhiều thiệt hại. Ngày 15/7, ta làm chủ hoàn toàn Khe Sanh, giải phóng huyện Hướng Hóa. Đường số 9 từ Cà Lu lên biên giới Việt - Lào dài trên 40km được giải phóng. Con đường vận tải chiến lược thông cả Đông và Tây Trường Sơn.

Theo tài liệu Mĩ công bố, quân Mĩ đã huy động 334 lần chiếc B52; 17.731 lần chiếc máy bay chiến thuật ném xuống ngoại vi Khe Sanh 78.000 tấn bom trong 60 ngày^[1]. Trong lúc quân ta siết chặt vòng vây, Khe Sanh bị vây hãm. Hướng Đông Đường 9, Sư đoàn 320 đánh mạnh vào các khu vực Đông Hà, Gio Linh, Cửa Việt,

^[1] *Trận đánh 30 năm - Ký sự lịch sử* - Nxb. QĐND, H.2005.

đánh bại cuộc càn quét, liên tục đánh phá các hệ thống giao thông trên Đường 9, kìm chân 10 tiểu đoàn Mĩ - nguy, uy hiếp tuyến phòng thủ Đường 9 làm cho Khe Sanh càng bị cô lập, buộc địch phải tháo chạy.

Khi đến cách làng Ho chừng 500m, tôi gặp hai chiến sĩ ở hậu cứ trong một hang đá. Xung quanh có đất trồng rau. Chúng tôi vào đây nghỉ tạm. Đã quá nửa đêm mà tôi vẫn không tài nào ngủ được. Người chiến sĩ công an vũ trang nằm bên cạnh mới 22 tuổi, quê ở Quảng Trạch, Quảng Bình rất mê thơ. Tôi liền đọc mấy bài thơ của Tố Hữu, trong đó có bài viếng đồng chí Nguyễn Chí Thanh.

Tôi vẫn không hề chớp mắt. Thấy tôi trần trọc, cậu ta hỏi: “Vì sao chú không ngủ?”. Tôi chép miệng nói rằng giờ này ở sườn núi bên kia có một đơn vị vẫn hành quân, trong đó có vị chỉ huy 55 tuổi đang mệt phải đợi sáng mai sương mù, không có máy bay mới sang sông.

Nghe vậy, cậu ta bỏ ra ngoài. Tôi hơi lo và thoáng chút hồ nghi nên có phần cảnh giác. Hồi lâu, người chiến sĩ này trở lại với thái độ vui vẻ. Tôi gợi hỏi có chuyện gì mới không, cậu ta trả lời:

- Nghe chú nói có đồng chí cán bộ cao cấp già chỉ huy bị mệt mà còn phải tiếp tục đi chiến dịch, cháu bảo thằng bạn làm thịt con gà nấu cháo để bồi dưỡng cho đồng chí ấy. Gọi là tấm lòng của chúng cháu ở đây, coi các chú như cha chú mình ở nhà mà.

Cảm động trước tấm tình chân thật đó, tôi ôm đồng chí công an vũ trang vào lòng. Tự nhiên, bao nỗi lo âu và sự mệt mỏi tan biến đâu mất. Vượt qua tất cả khó khăn, các căn cứ hậu cần với sự chi viện của Đoàn 559 và tiền phương Quân khu 4, các tuyến của chiến dịch bảo đảm thông suốt tận các đơn vị cho đến khi kết thúc toàn bộ chiến dịch.

Kết thúc chiến dịch, tôi về Hà Nội dự tổng kết. Trong buổi chiêu đãi của Quân ủy Trung ương, đồng chí Đại tướng Võ Nguyên Giáp vui vẻ nói: “Nào đi chiến dịch về có chuyện gì thú vị kể cho mọi người cùng nghe”.

Tôi kể về chuyện đồng chí chiến sĩ công an nhân dân vũ trang ở làng Ho, nghe xong mọi người đều cảm động với tấm lòng của người chiến sĩ dành cho chỉ huy và đồng đội. Các anh Trần Quý Hai và Trần Thọ ngồi bên cạnh đều xúc động vì là người trong cuộc.

Sggp.vn

KÝ ỨC NGƯỜI LÍNH VỀ VỊ LÃNH TỰ KÍNH YÊU

1. Ký ức về Bác Hồ sáng mãi trong tim

Với nữ dũng sĩ diệt Mĩ Ngô Thị Tuyết, những lần được ra Hà Nội, được gặp Bác Hồ tại Phủ Chủ tịch đã trở thành những kỷ niệm khó phai trong lòng nữ dũng sĩ diệt Mĩ Ngô Thị Tuyết. Ký ức về Bác Hồ vẫn sáng mãi trong tim chị...

Sinh ra trong một gia đình truyền thống cách mạng kiên trung ở xã Bình Đông (huyện Bình Sơn, Quảng Ngãi), chị và người em trai đều trở thành “Dũng sĩ diệt Mĩ” khi tuổi đời còn rất nhỏ. Chiến công ấy được Bác Hồ ngợi khen: “Chị dũng sĩ, em cũng dũng sĩ. Chị dũng sĩ trước, em dũng sĩ sau, chị em cháu đều anh dũng đánh Mĩ”.

Chị Ngô Thị Tuyết bắt đầu tham gia du kích từ năm 12 tuổi với nhiều nhiệm vụ khác nhau như liên lạc, tiếp tế lương thực, nuôi giấu cán bộ và chiến đấu chống càn. Trong 3 năm từ 1962-1964, lần lượt người anh đầu rồi đến ba mẹ chị bị bắt, bị bắn và hi sinh khi đang làm nhiệm vụ khiến trái tim chị se thắt lại trước những mất mát quá lớn. Lòng căm thù giặc ngày càng bùng cháy, quyết tâm đánh Mĩ, đánh nguy càng mãnh liệt.

Những năm tham gia đánh Mĩ, với lợi thế là một đứa trẻ, cô bé Tuyết lân la làm quen với lính Mĩ, vừa thu thập tin tức báo cáo với cơ sở, vừa lấy vũ khí của địch cung cấp cho đội du kích xã.

Nhằm bảo vệ cho hai đồng chí cán bộ Huyện ủy trong một đợt càn, chị bị địch bắn thương nặng và chuyển về bệnh xá Quảng Ngãi, chờ bình phục để tra tấn xét hỏi. Nhưng bằng sự khôn khéo, chị đã liên lạc và nhờ đơn vị đến cứu, đưa chị lên căn cứ.

Sau gần 1 năm nằm tại trạm xá X50 trên chiến khu V, chị Tuyết nhận được được ra miền Bắc chữa trị, hồi phục vết thương...

Điều bất ngờ và là niềm hạnh phúc suốt cuộc đời chị, là được gặp Bác ngay khi vừa ra Hà Nội. Chị nhớ như in khoảnh khắc ấy: “Vừa ăn sáng xong, tôi ngồi nghỉ ngơi trên ghế đá trong khuôn viên khu điều dưỡng cán bộ miền Nam K5 ở Hồ Tây thì có đồng chí đón tôi vào thăm Bác. Lòng tôi ngập tràn những cảm khó tả, vừa mừng khi mình may mắn được gặp Bác, lại vừa lo lắng không biết phải thưa hỏi với Bác như thế nào”.

Đến Phủ Chủ tịch, nhìn thấy Bác Hồ ngồi đọc sách bên hồ cá, chị không nín được xúc động òa đến bên Bác.

Chị đã kể với Bác về cuộc sống ở quê hương mình, về tội ác của địch, về lòng sắt son của đồng bào miền Nam với Bác, về lời dạy của những anh bộ đội còn rất trẻ trên con đường Trường Sơn chị gặp khi ngược ra Bắc: “Nếu được gặp Bác, em nhớ thưa với Bác, các anh vào Nam không sợ hi sinh, không ngại gian khổ, quyết chiến đấu giành độc lập, để có thể đón Bác vào thăm miền Nam”.

Bữa cơm đầu tiên được ngồi cùng Bác, chị nhớ mãi lời dạy của Bác về việc trân trọng công sức lao động và tiết kiệm dù chỉ là một hạt cơm. Bác dặn “đồng bào mình còn nghèo, nhưng vẫn nhường cơm cho chiến sĩ, cho bác cháu mình. Cháu phải trân quý từng hạt cơm, không được bỏ đi, dù chỉ một hạt”. Thức ăn còn trong đĩa, Bác để gọn lại dành cho bữa sau. Chị bảo, kể từ đó, chưa bao giờ chị bỏ phí dù chỉ một hạt cơm.

Sau đó, mỗi dịp lễ, Bác lại gọi chị vào thăm, hỏi han chuyện học tập, chữa bệnh. Khi chị đang học ở Hưng Yên, lại ở nhờ nhà dân, Bác dặn dò, phải nhớ luôn giúp đỡ mọi người, thương bà con chòm xóm, Bác nói đây là công tác dân vận mà người cán bộ cách mạng nào cũng phải chú ý làm cho tốt...

Sau này, khi đất nước thống nhất, chị trở về Đà Nẵng làm công tác Công đoàn.

Với chị, những lần hiếm hoi gặp Bác trở thành kỷ ức đẹp đẽ, không phai mờ trong tâm trí. Những lời Bác dặn dò trở thành kim chỉ nam cho cuộc sống của chị: sống tiết kiệm, không lãng phí; luôn yêu thương anh em trong gia đình, đồng bào mình và giúp đỡ cộng đồng mỗi khi có thể. Suốt những năm công tác Công đoàn, chị luôn hết lòng giúp đỡ những anh em có hoàn cảnh khó khăn. Mỗi lần làm điều có ích cho mọi người, chị đều nghĩ đến Bác, đến niềm vui nếu Bác còn sống, Bác có thể mỉm cười vì đứa cháu này đã làm đúng lời Bác dặn.

• Nữ dũng sĩ diệt Mĩ gan dạ ngày nào giờ đã trở thành bà hàng ngày quây quần bên đàn cháu nhỏ, nhưng kỷ ức về Bác Hồ vẫn sáng mãi trong lòng chị. Những lời dặn dò của Người thường được chị nhắc lại với con, với cháu và những người xung quanh để mọi người hiểu thêm về Bác, từ đó học và làm theo Bác, góp phần xây dựng quê hương.

Mai Vy - *Chinhphu.vn*

2. Kỷ ức Trung đoàn Cảnh vệ bảo vệ Bác Hồ

Trung đoàn 600 (TĐ 600) - Bộ Tư lệnh Cảnh vệ - Bộ Công an, được giao nhiệm vụ vũ trang bảo vệ Bác Hồ, các đồng chí lãnh đạo cấp cao, các mục tiêu trọng yếu của Đảng, Nhà nước. Tôi may mắn được gắn bó với TĐ hơn 20 năm. Đã từng gặp nhiều cán bộ Cảnh vệ lão thành, từng nghe nhiều câu chuyện cảm động về Bác Hồ với cán bộ, chiến sĩ (CBCS) TĐ.

Nhân dịp kỷ niệm 55 năm Ngày thành lập Trung đoàn 600 (20/9/1954 - 20/9/2009), xin được giới thiệu những kỷ niệm khó quên, những lời dạy bảo ân cần,

sâu sắc của Bác.

Đơn vị nằm giữa trung tâm chính trị Ba Đình lịch sử, trên phố Ngọc Hà, Hà Nội. Cuối năm 1954, TĐ 600 tiếp quản một doanh trại quân đội Pháp bảo vệ Phủ toàn quyền và Toàn quyền Đông Dương để lại. Tất cả là những ngôi nhà ngói liên hoàn, từ nơi làm việc, ăn ở, đến nhà nuôi ngựa, nhà thương xá của quân đội Pháp. Chọn nơi đây làm đại bản doanh của TĐ bởi một lý do đơn giản: gần nơi ở của Bác Hồ và các cơ quan Trung ương, Chính phủ trên đường Hoàng Diệu, Phan Đình Phùng, Hoàng Văn Thụ rất thuận tiện cho công tác bảo vệ lâu dài.

Ngày ấy, tuy là nhà ngói, nhưng do những năm chính quyền đô hộ Pháp không tu sửa nên nhiều nhà đã xuống cấp, xập xệ, đường sá lầy lội, cây cối um tùm, ruồi muỗi và chuột cống nhiều vô kể.

Để nhanh chóng ổn định nơi ăn ở, khẩn trương triển khai các kế hoạch bảo vệ, CBCS TĐ ngày đêm dọn dẹp, đắp đường, phát quang bụi rậm, nạo vét bùn ao. Chỉ trong một thời gian ngắn, khu doanh trại của trung đoàn đã khang trang, vệ sinh sạch sẽ.

Hôm nay, trở lại TĐ, lòng chúng tôi tràn ngập niềm vui bởi cơ ngơi doanh trại đã khang trang, đẹp đẽ hơn trước rất nhiều. Cái lớn hơn chính là thành tích của TĐ, năm sau cao hơn năm trước. Tiếp chúng tôi hôm nay là các cán bộ chỉ huy TĐ: Đại tá Nguyễn Huy Động - TĐ trưởng; Đại tá Hoàng Hồng; Thượng tá Nguyễn Văn Nho; Trung tá Đậu Văn Diễm. Các anh là thế hệ chỉ huy thứ 8, tuổi đời trạc tứ tuần, luôn xông xáo, cởi mở, dễ gần, dễ mến.

Tâm sự với chúng tôi, các anh đều chung một suy nghĩ: Nhiệm vụ vũ trang trực tiếp bảo vệ Bác Hồ trước đây và ngày nay bảo vệ các đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng, Nhà nước, các cơ quan đầu não Trung ương, Chính phủ là niềm vinh dự lớn lao nhưng rất nặng nề. Để hoàn thành nhiệm vụ đó, chúng tôi luôn ý thức rằng, xây dựng TĐ vững mạnh toàn diện là lương tâm, trách nhiệm của các thế hệ CBCS nối tiếp nhau.

Bác đặt tên Tiểu đoàn 600

Từ lớp cán bộ đầu tiên như anh Tạ Đình Hiếu - TĐ trưởng, nay là Thiếu tướng tuổi đời đã ngót 90, đến lớp CBCS thế hệ hôm nay đều xúc động nhớ lại những kỷ niệm thiêng liêng, đẹp đẽ về Bác Hồ. Ngày đó, lực lượng chuyên trách bảo vệ khu căn cứ ATK đã phát triển thành 5 đại đội.

Năm 1953, do yêu cầu công tác bảo vệ ATK và các đồng chí trong Thường vụ Trung ương cần phải có một lực lượng đầy đủ quân số, chỉ huy tập trung thống nhất. 5 đại đội độc lập phải thống nhất lại thành một tiểu đoàn vũ trang cận vệ. Trong khi các cán bộ tổ chức đang loay hoay, lúng túng chưa biết đặt tên tiểu đoàn là gì, thì Bác biết tin. Bác đến và gặp gỡ hỏi ý kiến từng người.

- Thưa Bác, là Tiểu đoàn “đặc biệt” ạ! Một đồng chí cán bộ thưa với Bác.
- Thưa Bác, Tiểu đoàn 32 ạ! - Người khác thưa với Bác.

Cứ như thế, mỗi người một ý kiến khác nhau. Cuối cùng, Bác nói: “Chúng ta có 5 đại đội, mỗi đại đội 120 người. Vậy là 600 người. Bác đặt là Tiểu đoàn 600, các chú có đồng ý không?”.

Mọi người thấy có lý và hay quá vỗ tay hoan hô ủng hộ.

- Thưa Bác, tên 600 hay lắm, chúng cháu đồng ý ạ!

Từ đó, cái tên 600 thiêng liêng gắn bó suốt cả cuộc đời của nhiều thế hệ CBCS TĐ.

Đầu tháng 8 năm nay, tôi may mắn được tháp tùng đồng chí Thiếu tướng Vũ Xuân Sinh - Tư lệnh Cảnh vệ, Bộ Công an trong chuyến thăm về cội nguồn của Tiểu đoàn 600 năm xưa tại thôn Nà Đoòng, xã Trung Sơn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Nơi đây là một địa danh lịch sử có truyền thống cách mạng, cách Tân Trào trung tâm khu giải phóng chừng gần 30 km.

Ngày nay, đến đó ô tô đi lại dễ dàng. Nhưng trước đây, đường đến đó chỉ là lối mòn, cây cối rậm rạp. Dựa lưng vào sườn núi cao, doanh trại tiểu đoàn là những lán tre nứa. Bên cạnh có bãi cỏ rộng chừng vừa một sân bóng chuyền. Ông Nguyễn Đức Hậu là người dân ở bản đó có mặt ngay từ những ngày đầu tiểu đoàn mới thành lập. Gặp chúng tôi, ông hào hứng kể lại: Nhiều lần ông đã đứng lặng nghe anh em 600 hát bài *Quốc ca* mà trong lòng rạo rực. Và một buổi chiều, ông đã mài miết ngồi xem Bác Hồ cùng anh em 600 đánh bóng chuyền. Dáng Bác mảnh khảnh, nhanh nhẹn. Bác phòng thủ chắc chắn, khi có thời cơ Bác mới tấn công.

“Thưa cụ, cho cháu xem cái giấy ra vào ạ!”

Một lần, đồng chí Nha, người dân tộc vùng cao được phân công bảo vệ Đại hội Đảng, đứng gác ở một vị trí quan trọng. Thấy một cụ già chân đi dép cao su, đầu đội mũ đã cũ, vai mang một túi vải đang đi vào khu vực bảo vệ. Đồng chí Nha đến gần và hỏi: “Thưa cụ cho cháu xem cái giấy ra vào ạ”. Thấy vậy, một đồng chí trong tổ tiếp cận đến nói: “Bác đấy! Sao lại hỏi giấy Bác?”. Nha lúng túng rồi trả lời: “Bác cũng phải có cái giấy mới được vào”.

Đồng chí tiếp cận tỏ thái độ bức mình. Bác ôn tồn bảo: “Chú phải đi tìm chỉ huy của chú ấy mới được. Bác cháu mình quên giấy rồi”. Một lát sau, đồng chí chỉ huy vội chạy đến bảo: “Bác Hồ đấy, sao lại không để cho Bác vào!”. Lúc đó, đồng chí Nha mới biết ông cụ là Bác Hồ. Nha sung sướng quá, nhưng rồi ân hận đứng đờ người ra. Bác vui vẻ bảo Nha: “Chú làm nhiệm vụ bảo vệ như vậy là tốt”.

Sáng hôm sau, Bác cho gọi đồng chí chỉ huy và Nha lên chỗ Bác. Bác thưởng cho Nha tấm hình Bác vì Nha làm tốt nhiệm vụ. Bác phê bình đồng chí chỉ huy: “Chú là cán bộ khi giao nhiệm vụ cho chiến sĩ mới chưa giới thiệu về Bác làm trợ ngại công việc là khuyết điểm”. Đây là bài học sâu sắc không những đối với người chiến sĩ mà còn cả với người chỉ huy trong công tác cảnh vệ

3. Ký ức người cận vệ về sinh nhật của Hồ Chủ tịch

Là chủ tịch nước nhưng Bác Hồ chưa bao giờ tổ chức sinh nhật cho mình. Ngày 19/5, Bác thường đi ra ngoài với các chiến sĩ cảnh vệ vì không muốn làm phiền đồng bào”, ông Đặng Ngọc Hợi, người cận vệ năm xưa nhớ lại.

Sinh ra và lớn lên tại vùng quê cách mạng Làng Đỏ (TP. Vinh, Nghệ An), năm 1953, khi tròn 17 tuổi, chàng trai Đặng Ngọc Hợi gia nhập đội thiếu sinh quân, ra Việt Bắc huấn luyện và trở thành đội viên của Đoàn thanh niên xung phong do ông Vũ Kỳ làm đoàn trưởng.

Năm 1954, Đặng Ngọc Hợi trở về tiếp quản thủ đô. Sau một thời gian về làm việc tại Công an Hà Nội, được cử đi học nhiều lớp huấn luyện, năm 1959, Đặng Ngọc Hợi được gọi lên giao nhiệm vụ đặc biệt bí mật. “Nghĩ lúc đó được đưa đi làm tình báo, nhưng cho đến khi xe công vụ chở đến Phủ Chủ tịch, tôi mới biết mình được làm cận vệ Bác Hồ”, ông Hợi kể.

Nhiệm vụ của người lính cận vệ 1 là ngày đêm túc trực, canh gác, bảo vệ tuyệt đối an toàn bí mật cho Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày ngày, các chiến sĩ thay nhau canh gác dưới nhà sàn để khi cần thì Hồ Chủ tịch gọi. Những khi Bác đi dạo hoặc đi công tác, lính cảnh vệ được đi cùng để đảm bảo an toàn cho người đứng đầu nhà nước.

Được sống gần Chủ tịch Hồ Chí Minh, những chiến sĩ như Đặng Ngọc Hợi luôn khâm phục cách sống giản dị, chu đáo của người. Ông Hợi còn nhớ, khi thấy Hồ Chủ tịch đi guốc mộc hoặc dép cao su qua con đường nhỏ quanh ngôi nhà sàn rất khó khăn, các lãnh đạo trong Bộ Chính trị đề nghị lát xi măng, nhưng Bác Hồ chỉ yêu cầu rải sỏi lên nền đất cho sạch sẽ bởi “xi măng để dùng cho các công trình thủy lợi đang cần kíp”.

Người cận vệ già cho biết, hàng ngày Hồ Chủ tịch rất tiết kiệm và lúc nào cũng lo cho dân, cho nước. Người luôn căn dặn các chiến sĩ cảnh vệ phải ra sức tiết kiệm bởi đất nước còn nghèo, người dân đang khổ, miền Nam chưa được giải phóng và Bác luôn làm gương. Chủ tịch thường ăn cơm trong nhà ăn tập thể với đĩa rau muống, quả cà và một bát nước rau muống vắt chanh. Khi bà con phải ăn cơm độn khoai sắn, Hồ Chủ tịch cũng ăn cơm độn...

Những ngày hè oi bức năm 1960, thấy Hồ Chủ tịch ngồi ăn cơm mà mồ hôi ra ướt áo, các chiến sĩ cảnh vệ chạy đến bật quạt liên bị Bác ngăn lại và nói rằng: “Chúng ta không ngồi trong nhà cũng mát hơn nhiều so với các bác nông dân ngoài ruộng, mát hơn những người lính đang cầm súng ở miền Nam. Lúc này, điện rất cần cho nông nghiệp và công nghiệp, chúng ta phải biết tiết kiệm”, vừa nói, Chủ tịch vừa phe phẩy chiếc quạt nan.

Dù là người đứng đầu đất nước, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh chưa bao giờ tổ chức sinh nhật cho mình. Hàng năm, sắp đến ngày sinh nhật, Hồ Chủ tịch lại thông báo với văn phòng và các cảnh vệ lịch đi ra ngoài, thường là đi thăm hỏi đồng bào,

thăm các đơn vị chiến đấu hoặc sang Quế Lâm (Trung Quốc) để tranh thủ sự ủng hộ của nước bạn trong cuộc kháng chiến.

“Sở dĩ Bác Hồ không muốn ở nhà vào những ngày sinh nhật là Bác sợ làm phiền mọi người bởi đất nước chưa được giải phóng hoàn toàn, nhân dân còn nghèo, việc tổ chức sinh nhật sẽ tốn kém. Vì vậy ngày 19/5 với Hồ Chủ tịch cũng bình thường như tất cả ngày khác”, người chiến sĩ cảnh vệ năm xưa kể.

Biết được suy nghĩ và mong muốn của Hồ Chủ tịch nên lãnh đạo trong Bộ Chính trị không bao giờ chúc mừng sinh nhật Bác một cách rầm rang. Trung tuần tháng 5, các ông Lê Duẩn, Trường Chinh, Phạm Văn Đồng... thường mang một bó hoa đến chúc mừng Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Chiều 14/5/1965, biết Hồ Chủ tịch sắp đi thăm chiến sĩ đồng bào nên các đồng chí trong Bộ Chính trị và một số ủy viên Trung ương Đảng tranh thủ tới chúc thọ trước. Nhận bó hoa tươi từ tay Tổng bí thư Lê Duẩn, Hồ Chủ tịch nói lời cảm ơn rồi hỏi “Chú Kỳ xem có gì chiêu đãi không?”. Sau khi thư ký Vũ Kỳ ra hiệu cho những người phục vụ chuyển bánh kẹo ra, Hồ Chủ tịch vui vẻ mời mọi người ăn kẹo, bánh và dặn: “Nhớ để dành phần cho các thím và các cháu ở nhà nữa”.

“Tiệc sinh nhật cũng là tiệc mừng thọ của một vị cha già dân tộc với sự có mặt của những người cao nhất trong Đảng và Nhà nước diễn ra rất ấm cúng, giản dị và vui vẻ”, ông Đặng Ngọc Hợi tâm sự.

Những ngày tháng 5, Hồ Chủ tịch nhận được rất nhiều thư và hoa chúc thọ của đồng bào cả nước, Bác đều đáp lại một cách tình cảm. Có năm vào dịp sinh nhật, Bác Hồ tặng bức ảnh chân dung cho Đảng bộ và nhân dân Nghệ An, năm khác lại viết thư khen thiếu niên hợp tác xã Măng Non (xã Hàm Sơn, huyện Yên Phong, tỉnh Hà Bắc) có nhiều thành tích chăm sóc trâu bò.

Năm 1963, khi nghe Quốc hội muốn tổ chức trao Huân chương Sao vàng cho mình vào dịp sinh nhật, Hồ Chủ tịch đã từ chối và đề nghị: “Chờ ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hòa bình thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao tôi Huân chương cao quý ấy”.

“Ngày 19/5/1969, dù sức khỏe đã yếu nhưng Hồ Chủ tịch vẫn quan tâm thăm hỏi tình hình miền Nam và đời sống của nhân dân khi tiếp chị Phan Thị Quyên (vợ liệt sĩ Nguyễn Văn Trỗi), chị Nguyễn Thị Châu (Ủy viên Ban Chấp hành Hội Liên hiệp Thanh niên sinh viên giải phóng khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định) đến chúc thọ”, người cảnh vệ già nhớ lại.

Nhắc đến những ngày tháng 5 lịch sử được ở bên Hồ Chủ tịch ông Hợi xúc động kể: “Dù là những người cảnh vệ nhưng Bác Hồ luôn ân cần dạy bảo, coi chúng tôi như con cháu trong nhà. Sống gần Bác, chúng tôi được học nhiều điều về đức tính giản dị, tiết kiệm, chịu khó, kiên trì, khiêm tốn và sự nhân ái”.

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh qua đời, ông Hợi xin về quê để được gần gia đình, vợ con. Trong căn nhà của ông, nổi bật nhất là tấm ảnh Hồ Chủ tịch ghi lại kỷ

niệm của đội cảnh vệ với Bác Hồ, thủ tướng Phạm Văn Đồng và cả tấm bằng khen “hoàn thành xuất nhiệm vụ bảo vệ Bác Hồ” do thư ký Vũ Kỳ ký tặng.

Hàng năm, vào dịp sinh nhật Hồ Chủ tịch, ông Hợi lại cùng gia đình ra Hà Nội, vào lăng viếng Bác Hồ, đến thăm nhà sàn nơi ông từng phục vụ.

Nguyễn Khoa - *VnExpress*

4. Chú bé “lạ” trong bức ảnh chụp với Bác Hồ

Bức ảnh Bác Hồ cùng Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Tổng Bí thư Trường Chinh với các chiến sĩ Điện Biên trong sinh nhật Bác 19/5/1954 do nhà quay phim Vladimira Isurin chụp đã được đăng trên báo nhiều lần, nhưng rất ít người để ý về một “chú bé lạ”, đứng nép bên Bác Hồ. Chú bé ấy bây giờ tuổi đã ngoài 60, là Thiếu tướng Quân đội nhân dân Việt Nam, và là tác giả cuốn tiểu thuyết đầu tiên về đường ông xăng dầu, bộ đội Trường Sơn vừa được xuất bản...

Thiếu tướng Hồ Sĩ Hậu kể: “Ngày chiến thắng Điện Biên Phủ tôi mới lên 8 tuổi, theo cha lên chiến khu Việt Bắc, trong cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, đoàn làm phim của nhà quay phim nổi tiếng người Nga Roman Căcmen từ mặt trận về cơ quan Văn phòng Trung ương Đảng để quay phim về Bác Hồ.

Bọn trẻ chúng tôi được may quần áo mới và quàng khăn đỏ mỗi khi ra trước ông kính. Tôi thì được các cô may cho một bộ quần áo ka ki màu tím than mà trước đó tôi chưa bao giờ dám mơ. Chúng tôi được đi mừng sinh nhật Bác Hồ, sau đó thì được mặc quần áo mới để đón các chiến sĩ ưu tú từ Điện Biên Phủ về báo công mừng sinh nhật Bác. Hôm đó, khi các bạn tản đi chơi chỗ khác hết rồi, tôi vẫn la cà quanh khu vực Bác Hồ tiếp khách.

Trong cơ quan, thỉnh thoảng Bác cho trẻ con lên nhà sàn chơi. Tôi cũng có lần được Bác bế lên ngồi lòng. Qua cửa sổ nhà sàn, tôi thấy dòng suối, nương ngô xanh mướt, thấp thoáng bóng áo chàm có chút gì đó như sương khói. Phong cảnh của một buổi chiều Việt Bắc cứ đọng lại mãi trong trí nhớ của tôi. Thấy Bác Hồ và các chú, các bác lãnh đạo nói chuyện rất vui vẻ với các chiến sĩ nên tôi đứng cạnh một gốc cây gần đó xem một cách tò mò và thích thú. Bác ân cần hỏi chuyện gia đình từng chiến sĩ rồi gắn huy hiệu “Chiến sĩ Điện Biên Phủ” cho từng người.”

Nhớ lại câu chuyện được chụp ảnh với Bác Hồ, Thiếu tướng Hồ Sĩ Hậu vẫn còn bồi hồi xúc động. Trong ký ức non nớt của một cậu bé 8 tuổi, hình ảnh Bác tỏa ra một vẻ đẹp diệu kỳ. Bác nghiêm khắc khi chú bé sà vào lòng Bác lúc Bác đang làm việc. Nhưng đến khi xong việc rồi, Bác lại gọi chú bé vào hỏi han, âu yếm, không một chút khó tính. “Thấy tôi thập thò ở gốc cây hóng chuyện, Bác gọi: “Cháu vào đây với Bác”. Rồi Bác lách tay qua mấy anh bộ đội để dắt tôi vào.

Hai tay Bác ôm lên vai tôi, như cách của một người ông hiền từ yêu chiều cháu

nhỏ. Tôi đứng nép vào Bác, nghe Bác và các bác lãnh đạo nói chuyện với bộ đội. Tôi không thể ngờ toàn bộ những kỷ niệm trên đều được quay vào những thước phim tư liệu của nhà làm phim Cécmen. Và ngạc nhiên hơn nữa là thấy mình trong bức ảnh Bác Hồ và các vị lãnh đạo Đảng, Nhà nước và 6 chiến sĩ Điện Biên. Những bức ảnh này được chụp bởi nhà nhiếp ảnh người Nga Isurin - người đi cùng đoàn làm phim với đạo diễn Cécmen”.

Sau này một vài bài báo viết về bức ảnh lại cho rằng chú bé đứng cạnh Bác Hồ là TS Đặng Việt Bích, con trai cô Tổng Bí thư Trường Chinh. Về chi tiết này, khi trò chuyện với phóng viên, “chú bé” trong ảnh, nay là Thiếu tướng Hồ Sĩ Hậu hóm hỉnh: “Tôi nghiệp Đặng Việt Bích, cậu ấy trắng trẻo, thư sinh, đẹp trai nữa, lại bị nhầm với thằng bé “nhà quê một cục” như tôi”. Anh hùng LLVTND Lê Mã Lương, Giám đốc Bảo tàng Quân đội đã “đính chính” lại với mọi người đến xem bảo tàng mỗi khi có ai hỏi về chú bé trong bức ảnh, rằng đó là Hồ Sĩ Hậu, con trai một đồng chí nguyên là ủy viên Trung ương Đảng....

Chú bé 8 tuổi đứng nép vào Bác Hồ, và ngồi cạnh bác Trường Chinh trong những bức ảnh lịch sử của hơn nửa thế kỷ về trước, nay đã là một thiếu tướng quân đội, một nhà văn. Theo truyền thống gia đình, lớn lên, “chú bé” vào bộ đội, là một kỹ sư thiết kế, thi công tuyến đường ống xăng dầu Trường Sơn huyền thoại. Những năm tháng được sống cùng cha ở chiến khu Việt Bắc, lại được gần gũi Bác Hồ và các bác, các chú lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước đã thôi thúc trong lòng “chú bé” một mong muốn, là phải phấn đấu để có cơ hội gặp lại Bác với tư cách là “một người anh hùng hay một chiến sĩ thi đua”.

Tham gia vào cuộc chiến tranh khốc liệt, đóng góp công sức, trí tuệ cho đường ống xăng dầu Trường Sơn, Thiếu tướng Hồ Sĩ Hậu là một nhân chứng sống của lịch sử. Những tư liệu không lồ, chân thực về con đường “huyền thoại trong huyền thoại”, là đường ống xăng dầu Trường Sơn đã được ông kể lại trong tiểu thuyết *Dòng sông mang lửa*.

Cuốn tiểu thuyết đầu tiên của một thiếu tướng quân đội đã làm ngỡ ngàng bạn đọc, cả về tính chân thực và chất lãng mạn hòa quyện. Cả tuổi trẻ của mình, Hồ Sĩ Hậu đã cống hiến cho cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc. Ông là người đã sống qua mất mát, qua lửa đạn, đối mặt với cái chết nhiều lần, và “nắm giữ” nhiều ký ức sống động về chiến tranh. Dù việc viết văn đối với ông không phải để nổi tiếng, hay để trở thành một nhà văn, nhưng chỉ bằng cuốn tiểu thuyết đầu tay, viết với mong muốn để tri ân đồng đội này, Thiếu tướng Hồ Sĩ Hậu đã có những đóng góp nhất định cho nền văn học.

Dòng sông mang lửa là cuốn sách đầu tiên viết về bộ đội xăng dầu. Tác giả đã cung cấp cho bạn đọc những trang tư liệu sống động về quá trình xây dựng đường ống xăng dầu Trường Sơn, con đường quan trọng được ví như mạch máu của quân đội, nhưng có đặc điểm là sau khi hoàn thành nhiệm vụ thì mọi dấu vết của nó đều được xóa đi, không giống như đường mòn Hồ Chí Minh còn tồn tại đến hôm nay.

Không có cuốn sách của Hồ Sĩ Hậu, không có những trang viết chân thực của một vị tướng đã “ném mật nằm gai” trên những cung đường để vận chuyển xăng dầu vào chiến trường, phục vụ cho quân đội, thì rất ít người trong chúng ta hôm nay hiểu được thấu đáo những đóng góp quan trọng và to lớn của những người lính xăng dầu cho chiến thắng cuối cùng của dân tộc.

Trong suốt những năm đeo ba lô, cầm súng đi chiến đấu dưới trời bom đạn, người lính Hồ Sĩ Hậu, “chú bé lạ” trong bức ảnh nổi tiếng của các nhà làm phim tài liệu người Nga mà chúng ta vừa nhắc, đã luôn nhớ về hình ảnh vị Cha già dân tộc như một nguồn cổ vũ, động viên lớn lao để hoàn thành nhiệm vụ của mình. Thiếu tướng Hồ Sĩ Hậu kể lại: “Bác Hồ từ trần ngày 2/9/1969, khi tôi đang là trợ lý kỹ thuật đi tiền trạm cho cơ quan tiền phương Trung đoàn đường ống.

Vì không có báo đài để biết thông tin, nên đến ngày 5/9 tôi mới biết tin Người đã ra đi. Nhớ đến kỷ niệm năm xưa được chụp ảnh chung với Bác, và lời tự hứa sẽ gặp lại Bác khi mình đã làm được nhiều việc có ích cho Tổ quốc, tôi hiểu rằng mình đã không còn cơ hội để gặp Người. Đêm ấy ở Trường Sơn tôi đã khóc rất nhiều, và hiểu đến tận cùng niềm vinh dự lớn lao về một đoạn đời tuổi thơ tôi được gần gũi Bác. Không có mấy bạn thiếu nhi bằng tuổi tôi ngày đó có được may mắn và vinh dự ấy.

Sáng ngày 6/9/1969 và hàng tháng trời sau đó, từng đợt B52 và mọi loại bom đạn của địch càn đi quét lại trên tuyến ống dẫn dầu của bộ đội đường ống Trường Sơn chúng tôi. Rất nhiều đồng đội của tôi đã hi sinh, nằm lại trên những cánh rừng. Họ đã biến thành đất đai, cây cỏ. Với sự sáng tạo, lòng dũng cảm, gan dạ, bền chí của những người lính xăng dầu, chúng tôi đã góp phần mình cho ngày đại thắng của dân tộc. Ngày trở về, đứng trước bàn thờ của Bác, tôi đã khấn: “Thưa Bác, cháu nguyện sẽ sống và cống hiến xứng đáng với những kỷ niệm tuổi thơ đã được ở gần Bác và được Bác dạy dỗ, thương yêu”.

Thiếu tướng, nhà văn Hồ Sĩ Hậu hiện đã nghỉ hưu. Ông có nhiều dự định trong những ngày tháng này, mà dự định lớn nhất là viết về bè bạn, những người lính đã cùng ông chia ngọt sẻ bùi trong một phần đời rất quan trọng, là phần đời chiến trận...

Bình Nguyên Trang - *Cand.com.vn*

5. Ông hội thẩm và ký ức chuyến bay đưa tiễn Bác

Dù đã 44 năm trôi qua nhưng phút giây đặc biệt được lái máy bay tham gia đội hình tiễn biệt Hồ Chủ tịch (ngày 9/9/1969) vẫn luôn vẹn nguyên đối với ông hội thẩm Nguyễn Văn Lý.

Nhiều năm nay, ông Nguyễn Văn Lý (SN 1941) được biết đến là vị hội thẩm “cứng nghề” khi tham gia xét xử những vụ án dân sự, hình sự... ở TAND TP. Hà Nội. Ít ai biết rằng vị hội thẩm này còn có những ký ức đặc biệt của thời trai trẻ khi

là phi công lái máy bay chiến đấu...

Nhiệm vụ đặc biệt

Ông Lý nói rằng, cứ mỗi khi đến dịp 2/9, ông lại thấy lòng mình chộn rộn. Dù đã 44 năm trôi qua nhưng phút giây đặc biệt được lái máy bay tham gia đội hình tiến biệt Hồ Chủ tịch (ngày 9/9/1969) vẫn luôn vẹn nguyên trong ông.

Cuối năm 1965, tốt nghiệp khóa huấn luyện phi công chiến đấu MiG21 ở Liên Xô trở về, ông Lý được phân công nhiệm vụ ở Trung đoàn Không quân Sao Đỏ - trung đoàn không quân tiêm kích đầu tiên của Việt Nam. Khoảng 2 giờ sáng 2/9/1969, khi ông Lý và đồng đội đang ngủ bỗng có lệnh triệu tập đề họp gấp. Cấp trên thông báo “nhiệm vụ đặc biệt” tổ chức chuyến bay biên đội lớn 12 chiếc. Sau đó cấp trên chính thức thông báo biên đội sẽ bay trong tang lễ của Hồ Chủ tịch tại quảng trường Ba Đình lịch sử. Niềm tiếc thương vô hạn dâng lên trong lòng các phi công khi hay tin Bác mất, cùng với đó sự lo lắng trước nhiệm vụ đặc biệt.

“Chúng tôi rất vinh dự được tuyển chọn vào biên đội bay biểu diễn, tất cả đều có thành tích bắn rơi máy bay Mỹ. Tuy nhiên đó chỉ là kinh nghiệm đánh nhau chứ chưa biết bay theo hình thức trình diễn là gì. Trước nhiệm vụ thiêng liêng, ai nấy đều hào hứng nhưng cũng lo lắng”- ông Lý kể.

Với kinh nghiệm và thành tích từng lái máy bay MiG 21 bắn rơi máy bay Mỹ (tháng 6/1967 ở vùng trời Tuyên Quang), ông Lý được phân công chỉ huy biên đội nhỏ 4 chiếc, bay ở tốp giữa trong đội hình. Các phi công khác trong biên đội này là Phạm Phú Thái, Lê Thanh Đạo (sau này đều được phong Anh hùng LLVTND) và Nguyễn Hồng Mĩ.

Ký ức để đời

Từ 3/9 đến 8/9/1969, biên đội lao vào việc luyện tập, mỗi ngày 2 chuyến, mỗi chuyến 45 phút. Phương án bay được thống nhất: Sở chỉ huy hạ lệnh cất cánh, 2 chiếc cùng lần bánh cất cánh trên một đường băng, cự li chạy đà cách nhau khoảng 20 - 30m. Khi cả 12 chiếc cùng cất cánh xong sẽ tập hợp đội hình ở độ cao 1.000m. 12 chiếc chia thành 3 tốp, mỗi tốp 4 chiếc theo hàng dọc. Một yêu cầu nghiêm ngặt với phi công là khi vào đội hình phải bay với tốc độ ổn định để giữ khoảng cách đều nhau.

Việc giữ đều được tốc độ, cự li giữa các máy bay trong cùng biên đội, giữa các biên đội với nhau vẫn được anh em phi công nói vui là bay kiểu “bắt vít”. Trong biên đội thì chiếc số 1 dẫn đầu làm chuẩn, chiếc số 2 bên phải giữ khoảng cách chiều ngang với số 1 từ 30 -50m, chiếc số 3 và 4 ở bên trái, số 3 giữ khoảng cách chiều ngang với số 1 từ 50 -70m, số 4 cách số 3 từ 30 -50m. Cự li giữa các biên đội từ 600 - 800m, tất cả bay ở độ cao khoảng 300m, tốc độ 850km-giờ.

“Tốp bay sau phải cao hơn tốp trước chừng 20m để tránh luồng khí thải rất nguy hiểm. Lúc cất cánh, chiếc lên trước, chiếc lên sau rồi phải chờ nhau vào đội hình. Nhiên liệu cũng phải tính toán kỹ. Khi tập xong, 12 chiếc cùng bay trở về để

hạ cánh cũng rất phức tạp. Phi công phải tính toán làm sao cho nhịp nhàng trong khoảng thời gian ngắn hạ cánh lần lượt được an toàn” - ông Lý cho biết.

Khi đã bay ổn định theo kiểu đội hình, một yêu cầu nghiêm ngặt khác được đặt ra với các phi công đó là thời gian. Phải hiệp đồng thực hiện theo kế hoạch làm sao khi kết thúc bài điều vẫn ít giây là đội hình sẽ bay qua Quảng trường Ba Đình. Nếu sớm quá hoặc chậm quá sẽ làm hỏng buổi lễ trang nghiêm của hàng triệu người vĩnh biệt Hồ Chủ tịch. “Ngày 8/8/1969, đội hình đã bay thử qua Quảng trường Ba Đình, lúc này tôi cảm thấy không căng thẳng như những ngày tập trước đó. Trong lòng tôi trào dâng niềm vinh dự trước một nhiệm vụ đặc biệt và nghĩ ngày mai phải hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc để tỏ lòng thành kính trước anh linh lãnh tụ vĩ đại, cũng như sự tin tưởng của đơn vị” - ông Lý tâm sự.

Sáng 9/9/1969, tất cả Trung đoàn Không quân Sao Đỏ được lệnh tập trung từ sớm để nhận nhiệm vụ. Đích thân Tư lệnh Quân chủng Phòng Thế Tái và Chính ủy Nguyễn Xuân Mậu giao nhiệm vụ cho tập bay. Chỉ huy trực tiếp là Trung đoàn trưởng Đào Đình Luyện. Qua 9 giờ, đội hình được lệnh cất cánh bay một vòng trên sân bay Nội Bài rồi vào điểm xuất phát ở khu vực Phủ Lỗ (Sóc Sơn) bay hướng về Ba Đình. Khi sắp vào điểm tập kết chuẩn (phía tây bắc quảng trường, lấy đường Thanh Niên làm mốc), các biên đội tập hợp thành đội hình chuẩn.

Ông Lý kể: “Thế rồi giây phút đặc biệt cũng đến, khi bay vào khu vực Quảng trường Ba Đình, tim tôi bỗng đập rất mạnh. Tôi cố gắng quan sát kỹ, tai lắng nghe hiệu lệnh, tay linh hoạt để điều khiển máy bay giữ khoảng cách đảm bảo với biên đội”.

12 chiếc máy bay giữ độ cao khoảng 300m, nghiêm cẩn lướt qua Quảng trường Ba Đình. Hàng triệu đôi mắt ngược lên hướng theo những cánh bay. Giây phút thiêng liêng qua đi, cũng là lúc nhiệm vụ đặc biệt đã hoàn thành.

Về đến sân bay Nội Bài, anh em phi công trong biên đội ai cũng thở phào vì đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Phút giây căng thẳng, hồi hộp qua đi, đọng lại trong lòng họ là sự ghen ngạo, tiếc thương vô hạn vị cha già dân tộc.

Lương Kết - *Danviet.vn*

7. Gặp người ở bên Bác Hồ tại Tân Trào lịch sử

Ông là Đại tá Nguyễn Việt Cường, người y tá từng dám liều chích thuốc cứu Bác Hồ lúc Người trong cơn nguy kịch tại lán Nà Lừa ngày 15/7/1945, người được cử làm Trưởng ban hậu cần lo nấu cơm phục vụ Quốc dân Đại hội Tân Trào ngày 16/8/1945.

Nay đã 89 tuổi song ông vẫn khỏe mạnh, minh mẫn, tràn đầy nhiệt huyết. Tại ngôi nhà bên sông Tô Lịch, Hà Nội, ông đã dành cho tôi cuộc trò chuyện về những gì diễn ra tại “Thủ đô Cách mạng” những ngày tháng Tám lịch sử năm 1945...

Người tiêm thuốc cứu “ông cụ” trong cơn nguy kịch

Nhân chứng cuối cùng của Thủ đô cách mạng Tân Trào ngôi đó, trên ngực áo trắng đeo huy hiệu Bác Hồ, phong thái đĩnh đạc. Ông Nguyễn Việt Cường vào chuyện: Tôi tên thật là Nguyễn Đức Kính, sinh năm 1925, ở làng Khau Chủ, xã Đông Viên, huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Còn cái tên Nguyễn Việt Cường là của anh Khang tức Đại tướng Hoàng Văn Thái đặt cho đây.

Tôi được anh Thái đặt cho là Việt Cường ý nói đất Việt lớn mạnh. Tôi được ở bên cạnh anh Văn (tức đồng chí Võ Nguyên Giáp) tại nhà ông Hoàng Trung Dân bản Tân Trào. Trước đây, là một trí thức người Tày, tôi từng được đưa về Hải Dương học trường trung cấp y tá, sau Nhật đảo chính thì về quê và theo cách mạng.

Trước khi về Tân Trào, tôi gặp một người lính làm việc cho sở Đoan của Pháp nhưng có tư tưởng yêu nước muốn theo Việt Minh và là người quen, xin được cái máy chữ và ít bơm tiêm mang theo. Hành trang về Tân Trào có hai thứ quan trọng. Điều đáng nói nhất là sau này tôi đã dùng hai thứ ấy để làm hai việc lớn nhất - hai “sự kiện” khó khăn nhất, ấn tượng nhất trong đời hoạt động của tôi là hai việc làm mà bây giờ nhớ lại tôi vẫn còn... run.

Việc thứ nhất: Tôi tiêm thuốc cứu Bác Hồ trong cơn nguy kịch. Lúc đó tôi chỉ biết đó là “ông cụ” - một nhân vật mà theo tôi là khá quan trọng. Tôi nhớ như in đang buổi chiều ngày 15/7/1945, anh Văn từ lán Nà Lừa về bảo tôi: “Cường mang theo thuốc men và theo mình lên chỗ “ông cụ” để kịp cứu cụ.

Là một thanh niên theo các anh đi làm cách mạng, tôi chưa biết “ông cụ” là ai, chỉ biết đó là một cụ già gầy yếu đang trong cơn nguy kịch. Mạch đuối lắm, mắt cụ trông rất mệt mỏi... Tình thế ấy khiến anh Văn bối rối vô cùng. Tôi không còn cách nào khác là muốn cứu người mà theo linh cảm đây là một người quan trọng, có lẽ là cấp... phó của anh Văn.

Theo nguyên tắc, y tá không được tự tiện chữa bệnh, nhưng lúc này tôi phải tuân thủ mệnh lệnh của anh Văn, tôi lấy ống kim tiêm, chích cho cụ một mũi thuốc long não trợ lực. Vài phút sau thấy cụ cử động được. Hai anh em mừng quá, nhưng vẫn chưa hết lo. Rồi mười phút sau thấy ông cụ mở mắt nhìn anh Văn.

Vừa thấy anh Văn, ông cụ hình như sợ lỡ mất việc gì quan trọng nên dặn luôn ba ý. Theo tôi, đó là một chỉ đạo có tính chiến lược. Giữa rừng xanh núi thẳm như vậy, sau trận sốt thập tử nhất sinh mà cụ vẫn vô cùng sáng suốt. Trong những điều “ông cụ” dặn anh Văn, tôi thấy có câu nói mà sau này đã thành bất hủ: “Dù có đốt hết dãy Trường Sơn cũng kiên quyết giành cho được tự do độc lập”...

Thấy lời dặn dò của cụ quan trọng quá, tôi tự giác ra ngoài để hai người tiếp tục câu chuyện hệ trọng liên quan đến vận mệnh đất nước. Đến lúc ấy tôi vẫn chưa biết “ông cụ” là ai chỉ biết chắc chắn là người ấy phải “to” hơn anh Văn rất nhiều, mới có việc dặn dò quan trọng thế.

Sáng hôm sau lên lán Nà Lừa tôi đã thấy “ông cụ” dậy ngồi đánh máy chữ rất sớm. Dáng cụ tiêu tụy vì sốt rét, da cụ xanh xao... Tôi lễ phép:

- Thưa cụ, anh Văn bảo tôi lên tiêm thuốc cho cụ...

Ông cụ quay lại nhìn tôi rất nghiêm:

- Hôm qua chú tiêm thuốc gì cho tôi mà “độc” thế?

Tôi hốt hoảng:

- Thưa cụ chỉ là thuốc cảm thôi ạ!

- Tiêm vào đâu?

- Dạ tiêm vào đùi ạ!

- Sao tôi thấy đau trên đầu.

- Dạ chỉ là tinh dầu thôi ạ. Chắc cụ thiếu máu nên mới đau đầu...

- Thế thì chú tiêm tiếp đi.

Lúc tôi đang ngồi lược kim tiêm dưới lán thì “ông cụ” xuống ngồi cạnh: Chú con ai mà biết tiêm?

- Dạ cháu học trường y tá thực hành Bắc kỳ rồi ạ. Khi về quê thì đồng chí Khang gọi đi Việt Minh đây ạ!

Cụ dặn tôi:

- Làm cách mạng phải gian khổ. Phải học tập mới làm được.

Ngày thứ hai tôi tiêm cho cụ một ống ký ninh chống sốt rét. Đến ngày thứ ba lên tiêm thì cụ bảo: “Thôi tôi khỏi rồi đừng tiêm nữa”. Tôi chạy về báo cáo anh Văn, lát sau anh bảo: “Đi với tôi” rồi dẫn tôi lên lại lán.

Tôi thấy anh Văn bước lại ngồi cạnh “ông cụ”, nói: “Thưa anh! Tình hình rất khẩn trương. Anh lại bị sốt như thế, nên tiêm thêm mấy mũi nữa mới khỏi...” - “Thế thì chú tiêm đi” - “ông cụ” nói.

Hai sự kiện lớn nhất tại Tân Trào ngày 16/8/1945

Là người giúp việc anh Văn, tôi thường đánh máy những văn bản cần thiết nhưng hôm anh Trần Huy Liệu đã đưa bản Quân lệnh số 1 do Bác soạn cho chị Trần Thị Minh Châu đánh và chị Châu đã giao cho tôi đánh lại cho nhanh vì thời gian rất gấp nên không còn cách nào khác...

Sáng 16/8/1945, 7 giờ 30, dưới gốc đa Tân Trào trong lễ xuất phát của đoàn Giải phóng quân về giải phóng Thái Nguyên, anh Văn (Đại tướng Võ Nguyên Giáp) đã trình trọng đọc bản Quân lệnh số 1.

Trong khi đó tại đình Tân Trào, hơn 50 đại biểu cả ba miền Bắc - Trung - Nam về họp Quốc dân Đại hội đã tề tựu cùng anh Tống (tức đồng chí Phạm Văn Đồng). Tôi thấy có cả những nữ đại biểu miền Nam thướt tha trong tà áo dài rất đẹp và

trong khung cảnh rừng núi, lúc ấy thật là lãng mạn...

Tôi được giao làm công tác hậu cần cho Đại hội. Hai đầu bếp chuyên nghiệp của chủ đồn điền ở Vĩnh Yên được bí mật mời lên phục vụ nấu ăn. Tân Trào mưa, không thể vào rừng lấy củi, tôi phải đi vào nhà dân xin củi, mượn thêm xoong nồi bát đĩa phục vụ Đại hội. Anh Tổng gọi tôi đến bảo: “Đồng chí lên mời “ông cụ” xuống họp”. Tôi vâng lệnh chạy lên lán Nà Lừa thưa: “Thưa cụ, ông Tổng mời cụ xuống họp ạ!”. Ông cụ hỏi lại:

- Chuẩn bị xong rồi à?

Khi đi qua khe nước lạnh, sợ cụ ốm mệt tôi ghé lưng muốn cống cụ qua suối “ông cụ” xua tay: “Không! Tôi sang được”. Rồi cụ tự xắn quần lội qua con suối. Lúc sắp đến sân đình Tân Trào tôi thấy anh Tổng ra đón “ông cụ”. Cụ dừng lại lấy tay xả ống quần xuống rồi vuốt lại cho thẳng, đoạn cài lại cúc cổ chiếc áo chàm cho chỉnh tề rồi bước vào hội trường...

Tôi nghe anh Tổng giới thiệu: “Đồng chí Hồ Chí Minh” thì hết sức ngỡ ngàng. Khi thấy cả hội trường đứng dậy vui mừng chào đón cụ thì tôi vô cùng xúc động vì lần đầu tiên tôi nghe tên lãnh tụ Hồ Chí Minh. Tôi bàng hoàng vui sướng vì mình có vinh dự vừa mới tiêm thuốc cứu vị lãnh tụ tối cao của dân tộc mà không biết...

Đại hội thông qua Chương trình Việt Minh, Phát động Tổng khởi nghĩa, lập Ủy ban Dân tộc giải phóng và bầu ra Chính phủ lâm thời do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu. Buổi chiều, Chính phủ lâm thời làm lễ ra mắt quốc dân tại sân đình Tân Trào.

Dân rất ít, chỉ có một trung đội Giải phóng quân tề tựu bằng súng chào và bắn ba loạt đạn chào mừng sự kiện trọng đại... Ngay tối ấy các đại biểu phải lên đường về lại địa phương chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền...

Bồi hồi ôn lại chuyện xưa, những ngày vinh dự hiếm hoi được ở gần bên Bác, ông Nguyễn Việt Cường lặng người đi khi nhắc đến hình ảnh vị lãnh tụ đất nước mà hành lý lúc bấy giờ chỉ có một bộ quần áo chàm trong cái tay nải. Ông Lê Giản thì chỉ có độc mỗi cái quần cộc...

Ông chợt nhắc chuyện cũ: “Hôm chuẩn bị để tiễn “ông cụ” đi họp với Đồng minh ở Côn Minh, Trung Quốc, phải đi mượn vali, mượn ghế đầu của dân làm cái ghế khiêng cụ từ Tân Trào ra sân bay Lũng Cò để máy bay Đồng minh đón cụ đi họp vì cụ đang rất yếu... Bây giờ nhớ lại, thương Bác quá!...”.

Ông Nguyễn Việt Cường tâm sự: “Được ở bên Bác những ngày ấy, mãi mãi sau này tôi luôn nghĩ về Bác, học tập tác phong, đạo đức của Bác và nguyện sống và cống hiến thật nhiều cho đất nước.

Tân Linh - Anninhthudo.vn

6. Chiếc áo Bác Hồ và kỷ ức 2/9

Gần 57 năm nay, người thương binh đặc biệt Lê Thống Nhứt, nhà ở đường Hồ Hảo Hớn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh vẫn giữ vẹn nguyên một kỷ vật vô cùng thiêng liêng, đó là chiếc áo trấn thủ do Bác Hồ tặng vào mùa đông năm 1955.

Năm ấy đông giá, hầu hết anh em chiến sĩ miền Nam tập kết ra Bắc, đặc biệt là thương binh nặng, không chịu nổi cái rét cắt da cắt thịt. Nhận được chiếc áo, ông biết ơn Bác vô cùng nhưng không dám mặc, sợ áo sờn cũ nên lồng áo trong chiếc gói để gói đầu hằng đêm.

Mặc dù là thương binh đặc biệt, mất 91% sức lao động, khắp khiêng một chân đau nhức với đôi nặng nhưng từ năm 1956 đến 1969, mỗi dịp 2/9, ông đều có mặt ở quảng trường Ba Đình để mừng ngày Quốc khánh và thực hiện ước nguyện bấy lâu: gặp Bác Hồ - người mình mang nặng ơn nghĩa.

Sinh ra tại vùng sông nước Kiên Giang, năm 1932, Lê Thống Nhứt là một trong những chiến sĩ trinh sát đặc công đầu tiên của tỉnh Cần Thơ, tham gia chiến đấu tại Tổ trinh sát đặc công, Đại đội 1085 thuộc Liên trung đoàn 22-24. Giặc Pháp nghe tên ông đều sợ bởi sự gan lì, mưu trí và lối đánh hiểm. Cuối năm 1953, chiến sĩ Lê Thống Nhứt bị thương nặng trong một trận càn. Tay phải, chân trái bị thương, chân phải bị cắt bỏ hoàn toàn. Ông được điều trị ở Quân y viện ở U Minh. Đến năm 1955, ông tập kết ra Bắc.

Ông kể: “Từ năm 1955-1959, tôi ở Nam Định, rồi chuyển sang Thanh Hóa nhưng năm nào gần đến ngày 2/9 cũng nhất định đón tàu hỏa về Hà Nội để dự lễ Quốc khánh. Ngày đó đông vui và thiêng liêng lắm. Trưa ngày 1/9, ngoài nhà ga ở Nam Định người chật như nêm, ai cũng mang theo lá cờ. Đến tối khi tàu đến Hà Nội thì mọi người tranh thủ trải chiếu ngả lưng bên vệ đường. Nói ngả lưng vậy thôi chứ ai cũng nôn nao lắm, cứ cầu trời cho mau sáng để coi bộ đội duyệt binh, để gặp Bác Hồ”. Ông kể các cửa hiệu đều đóng cửa, Hà Nội rực rỡ cờ hoa. Quần chúng nhân dân đủ mọi thành phần từ công nhân, nông dân đến học sinh, sinh viên, người già, trẻ nhỏ... khắp các tỉnh đổ về. Thời khắc Chủ tịch Hồ Chí Minh xuất hiện trên kỳ đài, nhiều người reo lên, “Bác Hồ kìa! Bác Hồ kìa!”. Có bà cụ lấy khăn chầm chầm lau nước mắt. Bác vận áo kaki, đi dép cao su giản dị, vầng trán cao, đôi mắt sáng. Cả biển người im phăng phắc lắng nghe bài phát biểu của Bác, giọng Người trầm ấm, điềm đạm. Ngay khi nhìn thấy Người, ông Nhứt không giấu nổi niềm xúc động, hình ảnh vị cha già sao quá gần gũi.

Năm 1960, ông Nhứt tập kết về Hà Nội. “Hồi đó, tôi thăm anh họ điều trị tại trại thương binh hỏng mắt. Sáng sớm hôm đó đài phát thanh nội bộ thông báo có phái đoàn tới thăm. Phái đoàn chia ra nhiều tốp đi thăm. Tốp của một ông bác sĩ đi xuống bếp. Bác sĩ chỉ vài chỗ trên thềm nhà chưa sạch có ý bảo cần phải cọ rửa cẩn thận để anh em thương binh đi lại không bị trượt ngã. Tôi và anh em trong phòng

thương binh đang khao nhau: “Hôm nay chắc có Bác Hồ đến thăm!” thì tự nhiên ông bác sĩ bước vào phòng, tháo nón, khẩu trang: “Liệu có Bác Hồ đến thăm thật không các cháu?”. Giọng trầm ấm quen thuộc vừa dứt, các thương binh mù đồng loạt hô to: “Bác Hồ đây rồi!” rồi theo hướng phát ra tiếng nói mà xúm lại ôm Bác. Nhưng anh em thương binh mù không thấy Bác nên toàn ôm nhầm nhau. Lúc đó Bác cười hiền, ôn tồn: “Bây giờ các cháu trở lại giường của mình, Bác sẽ bắt tay hết từng cháu”. Lâu nay, tôi chỉ toàn nhìn Bác từ xa trên kỳ đài mỗi dịp 2/9 nên lần đầu tiên được nhìn Bác thật gần, được Bác cầm tay, nghe Bác ân cần thăm hỏi, lúc đó tôi chỉ biết lặng đi vì xúc động” - ông Nhứt nhớ lại.

Ngày 2/9/1969, cờ đỏ sao vàng năm ấy vẫn rợp trời đón ngày Quốc khánh nhưng vắng hình ảnh vị cha già kính yêu của dân tộc. Ngày 3/9, ông và nhân dân cả nước bàng hoàng khi nhận được tin Bác mất. Ông lật lại chiếc áo trấn thủ, nghẹn ngào nhớ Bác. Chiếc áo trấn thủ ông vừa gửi tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh nhân dịp 122 năm ngày sinh của Người (19/5/2012).

Hàng năm, dịp Quốc khánh 2/9, mỗi khi lái chiếc xe mô tô 3 bánh tự chế kiểu nhà binh, phía trước phát phới lá cờ đỏ sao vàng đi gặp gỡ đồng đội cũ trên những nẻo đường của thành phố mang tên Bác, ông lại rung rung nhớ những ngày Thủ đô Hà Nội rợp cờ đỏ sao vàng. Hơn 10 lần đón Lễ Quốc khánh tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội (từ năm 1956 đến năm 1969) với những ký ức về Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc là kỷ niệm thiêng liêng mà người thương binh đặc biệt Lê Thống Nhứt không bao giờ quên.

Quỳnh Nga - Qdnd.vn

7. 29 Tết Quý Tỵ (1953) Bác đến Đại đoàn quân Tiên phong

Sau Chiến dịch Tây Bắc diễn ra từ ngày 14/10 đến ngày 10/12/1952, Đại đoàn 308 (Đại đoàn Quân Tiên Phong) về Phú Thọ chuẩn bị cho những trận đánh mới. Đang đón xuân 1953, mừng công, tổng kết, từ đại đoàn đến đại đội thì vinh dự lớn lao đến với đại đoàn: Bác Hồ đến thăm. Gần 55 năm đã trôi qua, hình ảnh Bác, lời Bác căn dặn, cho đến hôm nay vẫn còn in đậm trong ký ức của cán bộ, chiến sĩ đại đoàn Quân Tiên Phong.

Chiều mùng chín Tết Quý Tỵ, đang buổi thảo luận, cán bộ đại đoàn truyền nhau một tin vui lớn: “Bác Hồ đến!”. Một cán bộ tường thuật lại: Bác đến từ nửa đêm hôm qua. “Ông Cụ” không báo trước, sợ phiền người ra đón, cho đỗ xe ô tô ở đường số 2, rồi theo đường tắt, đi bộ vào. Sáng, Bác vẫn dậy sớm như thường lệ. Suốt cả buổi, Bác nghe Bộ tư lệnh đại đoàn báo cáo tình hình tư tưởng, tập luyện, sức khỏe của bộ đội. Bác hỏi kỹ: Ăn có khá không? Ngủ tốt không? Cán bộ nắm quân chắc không? Luyện quân có giỏi không? Có ngại đi chiến đấu xa không?...

Những tin tức trên làm cán bộ, chiến sĩ đại đoàn ai cũng xúc động. Được gặp Bác, hạnh phúc đó thật lớn lao. Mỗi lần Bác đến thăm là một phần thưởng vô giá

đối với đại đoàn: lần trước, sau chiến thắng Biên giới, lần này sau chiến thắng Tây Bắc. Ngoài ra, ai cũng mang máng cảm thấy Bác có thể giao cho đại đoàn một nhiệm vụ quan trọng nào đó.

Buổi tối, cán bộ và đại biểu đơn vị, cơ quan toàn đại đoàn tập hợp trên một bãi rộng. Khi Bác đến, mọi người đều đứng cả dậy, hướng cặp mắt về Bác. Trông Bác hơi gầy, mái tóc bạc nhiều hơn trước, nhưng nét mặt Bác vẫn hồng hào, bước đi rắn chắc. Bác tươi cười vẫy chào. Tiếng vỗ tay vang dậy, cùng tiếng hô: “Hò Chủ tịch muôn năm!”. Mọi người cùng hát vang bài *Lãnh tụ ca* để mừng tuổi Bác nhân dịp đầu xuân.

Tiếng hát vừa dứt, Bác vẫy tay bảo cán bộ, chiến sĩ đại đoàn ngồi lại gần Bác hơn. Tất cả ùa đến vây quanh xung quanh Bác. Bác chú ý mấy nữ chiến sĩ chặm chân, phải ngồi lại phía sau. Người gọi lên, cho ngồi ngay hàng đầu. Bác ngồi bên đèn, bắt đầu nói chuyện. Giọng của Bác trầm ấm, đầy tình thương yêu. Bác nói:

- Kỳ vừa qua, chúng ta thu được thắng lợi lớn. Đơn vị các chú đã làm tròn nhiệm vụ. Ưu điểm lớn nhất là có quyết tâm. Nhưng quyết tâm đó chưa đầy đủ.

Bác nêu một số khuyết điểm cụ thể. Một là, khi thắng lợi còn chủ quan, tự mãn, khinh địch. Hai là, khi khó khăn còn có thiếu sót về chấp hành chính sách thương binh, liệt sĩ. Ba là, đối với chiến lợi phẩm còn thiếu ý thức bảo vệ của công.

Mỗi lần nói xong một khuyết điểm, Bác lại hỏi: “Có phải thế không? Các chú có thể không?”. Cán bộ, chiến sĩ đại đoàn đều thành khẩn trả lời: “Thưa Bác, có ạ! Chúng cháu hứa sửa chữa”.

Nói xong khuyết điểm, Bác khen đại đoàn Quân Tiên Phong đã có ưu điểm lớn là quyết tâm khắc phục khó khăn, gian khổ ở mặt trận Tây Bắc, Phú Thọ. Nhưng quyết tâm đó phải được giữ vững và phát triển hơn nữa. Bác khen đã nắm vững quân số so với trước. Bác cũng khen đã chú ý tiết kiệm. Bác dặn ba điểm:

1. Phải cố gắng học tập. Sự học là vô cùng. Hoàn cảnh xã hội ngày một phát triển, ngày một có những cái mới. Không học thì sẽ lạc hậu.

2. Phải đề cao tinh thần trách nhiệm với bất cứ việc lớn, nhỏ của Đảng và Chính phủ giao cho.

3. Phải cố gắng tự phê bình và phê bình để phát huy ưu điểm, sửa chữa khuyết điểm.

Bác báo tin: Đảng và Chính phủ đã quyết định phát động quần chúng nông dân đấu tranh với giai cấp địa chủ, phong kiến, đòi triệt để giảm tô, giảm tức, tiến tới cải cách ruộng đất. Bác dặn phải tích cực tham gia vào cuộc phát động đó. Nhưng trước mắt phải học tập cho tốt để sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ chiến đấu mà Đảng, Chính phủ giao cho. Đó là nhiệm vụ đặc biệt, rất quan trọng, ở chiến trường xa...

Cán bộ, chiến sĩ vừa vui mừng với tin cuộc phát động nông dân đấu tranh, vừa thích thú nghĩ đến nhiệm vụ chiến đấu mới. Nhiệm vụ gì đây mà Bác trực tiếp đến

giao cho? Chưa được biết rõ, nhưng “Bác bảo đi là đi. Bác bảo đánh là đánh”. em chúng tôi nghĩ: nhất định sẽ đánh thắng để mừng thọ Bác 63 tuổi.

Nói chuyện xong, Bác trả lời một số câu hỏi của cán bộ, chiến sĩ đại đoàn, rồi giờ cho mọi người xem chín ngôi sao đỏ của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô tặng Bác. Bác đem những ngôi sao đó đến cho đại đoàn Quân Tiên Phong treo giải thưởng thi đua. Những ngôi sao bằng hồ phách trong suốt, lấp lánh, y hệt ngôi sao trên nóc điện Krem-li, làm cho các chiến sĩ xúc động nghĩ đến mối tình quốc tế vô sản sáng ngời.

Đại đoàn trưởng Vương Thừa Vũ thay mặt anh em hứa với Bác: Cố gắng học tập đạt kết quả tốt. Sau này ra trận, bất cứ ở nơi nào cũng quyết tâm chiến đấu, tiêu diệt thật nhiều sinh lực địch, lập chiến công to, lấy thành tích dâng Bác, làm cho Bác vui, Bác khỏe.

Đã đến giờ ra về, Bác đứng dậy, bảo anh chị em hát đồng ca một bài, Bài hát vang lên nửa chừng thì Bác nói t “Các cô, các chú cứ hát đi, Bác về trước nhé!”. Thế là Bác nhanh nhẹn bước ra.

Hàng trăm cặp mắt nhìn theo Bác nhảy lên ngựa, nhanh nhẹn như trai tráng. Trong lòng mỗi người đều sâu lắng lời hứa: “Dù trăm ngàn gian khổ, hiểm nguy, chúng cháu cũng xin làm vui lòng Bác”.

Gần hai tháng sau ngày Bác đến thăm, chúng tôi nhận nhiệm vụ mà Bác giao cho là cùng với các Đại đoàn: 312, 316, 304 sang Lào phối hợp với lực lượng vũ trang bạn mở chiến dịch Thượng Lào, nhằm tiêu diệt sinh lực địch, mở rộng vùng giải phóng, xây dựng và củng cố các căn cứ du kích, đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân Lào.

Ngày 3/4/1953, Bác gửi thư căn dặn bộ đội tham gia chiến dịch: “Lần đầu tiên, các chú nhận một nhiệm vụ quan trọng và vẻ vang như nhiệm vụ này, tức là giúp nhân dân nước bạn. Mà giúp nhân dân bạn tức là mình tự giúp mình”. Vâng lời Bác, toàn đại đoàn đã lên đường, chiến đấu anh dũng, cùng với các đơn vị bạn diệt 5 vị trí địch, bức rút 25 vị trí địch, giải phóng hơn 40.000 km² đất đai trên một trận tuyến dài 270 km.

Lịch sử Sư đoàn quân Tiên Phong - 308 - Qdnd.vn

8. Sớm hôm có Bác...

Cụu chiến binh Kim Phước Hương đắm đắm nhìn căn nhà do đồng đội góp tiền xây tặng, đang trong giai đoạn hoàn thành mà lòng rộn ràng niềm vui... Phút chốc, ông đưa cặp mắt già nua về hướng đặt ảnh chân dung Bác Hồ, miệng thì thầm như muốn nói một điều gì đó rất thiêng liêng.

Sống gần trọn một kiếp người, ông Hương mới có được căn nhà đảng hoàng đế ở. Niềm vui ấy càng nhân lên bội phần vì ông biết chắc, khi căn nhà được xây

xong, sẽ có một cái ban thờ mới tốt hơn dành riêng để thờ phụng Bác sớm hôm...

Ông Hương năm nay 81 tuổi, không phải là dân gốc tại ấp Thanh Tùng, xã Thanh Tùng, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau mà ông là lính chi viện cho chiến trường miền Nam. Trong cuộc đời cách mạng của mình, ông may mắn được hai lần gặp Bác Hồ. Lần đầu tiên là vào tháng 10/1956, Bác Hồ đến thăm Trường Cán bộ Dân tộc Trung ương-nay thuộc Gia Lâm - Hà Nội. Khi đó ông Hương đang là cán bộ giảng dạy tại trường. Lần thứ hai là vào tháng 5/1968. Bác Hồ đến gặp mặt và động viên cán bộ chiến sĩ chuẩn bị vào miền Nam chiến đấu, công tác. Khi đó ông Hương là cán bộ quay trở lại miền Nam công tác cho nên có mặt trong cuộc gặp đó. Đến ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, nhớ công lao của Bác, ông tìm mua ảnh Bác Hồ đặt chung với bàn thờ tổ tiên để tưởng nhớ Bác. Ông tâm sự: “Thời gian lâu quá nên cái ảnh Bác Hồ bị mờ nét, mấy lần định nhờ người quen mua giúp nhưng chưa có dịp. Giờ thì đã có ảnh Bác được chính quyền địa phương tặng rồi. Nhà xây xong sẽ có luôn ban thờ mới. Mong ước cuối đời của tôi coi như đã toại nguyện”.

Ở xã nghèo Thanh Tùng, ít ai được may mắn như ông Hương vì được gặp mặt Bác lúc còn sống. Cả khi Bác mất, số gia đình đủ điều kiện vật chất để ra viếng Lăng Bác Hồ chỉ đếm trên đầu ngón tay. Nhớ thương Bác, đầu năm ngoái, người dân ấp Tân Điền A và Phú Quý (Thanh Tùng) nhờ người đặt mua 1.000 bức ảnh chân dung Bác Hồ, để bà con treo trong nhà, tưởng nhớ về Bác, học tập theo lời hay, việc làm tốt đẹp của Bác. Niềm mong ước của số hộ còn lại ở xã Thanh Tùng được treo ảnh Bác cũng thành hiện thực, khi cuối năm vừa qua, xã nghèo Thanh Tùng được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch tặng 3.000 tấm ảnh Bác Hồ. Những tấm ảnh ý nghĩa được nhân dân nơi đây xem như báu vật. Bà con làm khung, lồng kính... rồi đặt ở nơi trang nghiêm nhất, để nhìn nhất trong nhà như muốn kẻ cận sớm hôm có Bác...

Gần một tháng trôi qua nhưng mỗi khi đề cập đến chuyện nhận ảnh Bác Hồ, chị Thạch Thị Phel, người dân tộc Khmer ở ấp Tân Điền B, cứ mừng hoài. Chị tâm sự: “Trước giờ chỉ biết những đức tính cao đẹp của Bác Hồ qua sách báo, qua lời kể của ông bà, cha mẹ... chứ chưa được gặp Bác bao giờ. Vì vậy, tôi luôn mong mỏi được một lần ra Hà Nội viếng Bác. Nhưng nhà nghèo, làm gì có điều kiện để đi. Bởi vậy, có được tấm ảnh Bác để treo trong nhà, tôi mừng như lúc được Đảng, Nhà nước hỗ trợ nhà tình thương. Nhà không thờ ai hết nên tôi làm riêng cho Bác một cái ban thờ, sớm hôm vào ra hương khói”.

Thanh Tùng là xã có đông đồng bào dân tộc Khmer của huyện Đầm Dơi, điều kiện đi lại vùng sông nước còn gặp rất nhiều khó khăn. Dù vậy, đây là vùng đất giàu truyền thống cách mạng, nhân dân trong vùng một lòng son sắt với Đảng, với Bác Hồ, cả trong kháng chiến lẫn hiện tại. Đồng chí Lê Thanh Lam, Chủ tịch UBND xã Thanh Tùng cho biết: “Là xã nghèo đang thụ hưởng Chương trình 135 của Chính phủ, cái ăn, cái ở còn cần Đảng, Nhà nước hỗ trợ thì nói chi đến chuyện viếng Lăng Bác Hồ. Chỉ có những gia đình có điều kiện tốt lắm mới có điều kiện đi

ra Hà Nội viếng Bác. Bởi vậy, được tặng ảnh Bác Hồ, bà con trong xã ai cũng phấn khởi”.

Một điều đặc biệt ở xã Thanh Tùng là 100% các hộ dân đều treo ảnh và thờ phụng Bác Hồ trong nhà. Gia đình nào không có điều kiện thì đặt ảnh Bác cùng bàn thờ tổ tiên, hoặc ở nơi cao, thoáng và dễ thấy nhất trong nhà để thể hiện lòng tôn kính đối với Bác. Nhà có điều kiện hơn thì làm bàn thờ riêng cho Bác. Một số hộ còn làm mâm cơm thắp hương vào dịp sinh nhật của Bác Hồ, 19/5 hằng năm. Ông Nguyễn Hân Hoan, thương binh 4/4, ấp Thanh Tùng, bộc bạch: “Ảnh và lư hương thờ Bác, tôi đặt ở trên cùng, cao hơn ảnh và lư hương thờ ông cố và chú của tôi. Với tôi, có Bác gia đình mình mới có ngày hôm nay, được no ấm, thanh bình, hạnh phúc... Công lao ấy không có gì cao quý, không có gì sánh bằng nên phải đặt ảnh Bác ở nơi cao nhất, trang trọng nhất. Vào dịp cúng cơm Bác hằng năm, tôi tập hợp con cháu lại và giáo dục như vậy”.

Lê Khoa - *Nhandan.org.vn*

9. Ba lần gặp Bác

“Những ngày đất nước hòa bình thống nhất, bác nam sum họp một nhà, đó cũng là thời gian tôi đoàn tụ lại với gia đình trong nước mắt và niềm vui òa vỡ. Sống, chiến đấu và dâng trọn cho Đảng tấm lòng sắt son của mình, đó là trọng trách, bổn phận của một người lính. Với tôi, những lời căn dặn của Bác Hồ năm ấy đã trở thành động lực, thành niềm tin soi sáng suốt cuộc đời”. Đại tá, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân Huỳnh Thúc Bá nói như nói với chính mình như thế.

Người chiến sĩ quả cảm

Ngồi đối diện với tôi trong căn nhà nhỏ tại số 446 đường Nguyễn Tri Phương, quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng, đại tá, Anh hùng LLVTND Huỳnh Thúc Bá lần giờ lại từng kỷ niệm đời lính bằng những bức ảnh quý đã ngả màu thời gian. Trong đó có hai bức ảnh mà ông treo trang trọng cùng với nhiều bằng khen, huân, huy chương, đó là tấm ảnh ông và đồng đội chụp với Bác Hồ năm 1969 và ảnh ông chụp với Đại tướng Võ Nguyên Giáp mùa xuân năm 1969.

Ông sinh năm 1944 tại xã Duy Tân, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam. Tuổi thơ của ông đã phải chứng kiến quá nhiều cảnh chiến tranh tàn khốc, cướp đi sinh mạng của người thân. 12 tuổi, ông làm giao liên, rồi trở thành y tá tận tụy, một người chiến sĩ ngoan cường, dũng cảm khi mới 16 tuổi của đại đội 1, tiểu đoàn 72, bộ đội địa phương tỉnh Quảng Nam. Năm 1967, ông được tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua và được cử đi dự Đại hội chiến sĩ thi đua quân khu rồi toàn miền Nam. Tháng 9/1967, ông vinh dự được Đảng, Nhà nước tặng thưởng Huân chương Quân công giải phóng hạng ba và phong tặng danh hiệu Anh hùng LLVTND. Năm đó ông mới tròn 23 tuổi. Đó là phần thưởng cao quý nhất đối với cuộc đời binh nghiệp mà ông đã sống và cống hiến cho đất nước.

Ông vinh dự ba lần được gặp

Bác Hồ và lần thứ tư khi có mặt trong đoàn Anh hùng cả nước đứng canh linh cữu khi Người mất. Ông bồi hồi nhớ lại: Lần đầu tiên ông được gặp Bác Hồ là tháng 5/1968, đúng dịp sinh nhật lần thứ 78 của Bác. Khi đó những trận sốt rét rừng cùng những vết thương do đạn găm trên đầu hành hạ, ông được chuyển từ khu V ra miền Bắc chữa bệnh. Biết tin đoàn ra miền Bắc, Bác Hồ cho mời ông và một đồng chí quê Nam Bộ vào gặp Bác. Bác ân cần thăm hỏi về tình hình sức khỏe và chuyện đánh Mỹ. Tiễn các chiến sĩ dũng cảm, Bác dặn: “Các cháu về đơn vị cố gắng phấn đấu nhiều hơn, lập nhiều thành tích hơn nữa” và kèm lời nhắn: “Cháu Bá mang quà về cho anh em ở miền Nam ra, nói đây là quà Bác Hồ gửi tặng nhé!”. Lần thứ hai ông được gặp Bác là tháng 9/1968, khi đó ông vinh dự có mặt trong đoàn 50 Anh hùng, Dũng sĩ miền Trung, Khu 5 và Nam Bộ được gặp Bác Hồ tại Hội trường Ba Đình. Bác căn dặn, động viên các anh hùng dũng sĩ học tập tốt để trở về quê hương chiến đấu. Trước khi trở lại chiến trường, ông may mắn được gặp Bác Hồ lần thứ ba vào tháng 5/1969. Thật cảm động khi đoàn đến Phủ Chủ tịch, Bác vẫn nhớ, vậy ông đến gần và hỏi: “Cháu Bá đã hết sốt rét chưa, học tập có tốt không?”. Lần này ông và đồng đội được chụp ảnh kỷ niệm cùng Bác. Với ông, đó là những phút giây không thể nào quên.

Chiếc khăn Bác Hồ tặng

Gói trọn cuộc đời mình trên những chiến công vì nước quên thân, vì dân phục vụ, nhưng cuộc sống bình dị của vợ chồng người anh hùng này như một câu chuyện cổ tích giữa đời thường mà ít ai có được. Ông và vợ, Thiếu tá Nguyễn Thị Kim Tiến đều là thương binh hạng 3/4. Ông bà quen và yêu nhau trên chiến trường ác liệt Quảng Nam. Là đồng đội, chung nhau một mặt trận, đối mặt với quân thù với nhiệm vụ một người bác sĩ-chiến sĩ, bà luôn động viên ông vượt qua khó khăn, sống và chiến đấu để dành lại độc lập, tự do cho quê hương, đất nước. Ông hứa và thực hiện đúng lời hứa với bà rằng “Vì tình yêu của chúng mình và vì quê hương, anh sẽ cố gắng”.

Gắn liền với mỗi tình vượt thời gian này là chiếc khăn mà Anh hùng Huỳnh Thúc Bá được Bác Hồ tặng trong lần gặp trước khi ông vào chiến trường miền Nam tiếp tục chiến đấu. Chiếc khăn được bà Tiến giữ gìn cẩn thận. 41 năm qua, trải qua nhiều khó khăn trong chiến tranh, đến ngày hòa bình lập lại, vợ chồng ông phải di chuyển chỗ ở nhiều nơi, nhưng chiếc khăn luôn là vật bất li thân được mang theo mọi lúc mọi nơi. Năm 1971, bà đã trải qua nỗi đau quặn lòng và ám ảnh về sự tàn khốc của chiến tranh khi con gái đầu lòng chào đời bị nhiễm chất độc da cam. Bà lặng lẽ một mình, vừa lo học văn hóa, vừa chăm sóc con gái để chồng yên tâm công tác và chiến đấu. Mỗi khi buồn bà lại mang chiếc khăn ra để đỡ cô quạnh, và tự động viên mình vượt qua nhiều khó khăn, thiếu thốn. Bây giờ cô con gái đã tự mở một quầy đánh máy vi tính ngay trước nhà, là gương người khuyết tật vượt khó của TP. Đà Nẵng. Còn hai em gái kế thì khỏe mạnh, đều tốt nghiệp đại học và hiện đang công tác tại Quân khu V. Cách đây hơn mười năm, bà mới chuyển công tác từ

Hà Nội về Quân khu V, và đến bây giờ khi đã nghỉ hưu bà mới có thời gian để chăm sóc chồng khi trái gió trở trời với những cơn đau do vết thương cũ tái phát. Bà chia sẻ: “Gia tài quý nhất của vợ chồng tôi là các con và kỷ vật duy nhất còn lại là chiếc khăn này. Chiếc khăn len bình dị ấy đã là động lực, là hơi ấm giúp tôi vượt qua rất nhiều khó khăn”.

Đặng Thị Anh Đào - *Nhandan.org.vn*

10. Gặp người chiến sĩ bảo vệ Bác Hồ

Trong suốt 10 năm làm nhiệm vụ bảo vệ Bác Hồ, ông Nguyễn Duy Kỳ đã có được những bài học giản dị mà vô cùng quý báu và những kỷ ức về Bác vẫn dạt dào.

Ông Nguyễn Duy Kỳ (còn có tên gọi khác là Nguyễn Văn Nho), sinh năm 1928, thành viên Đội 40 - Cục Cảnh vệ, Bộ Công an, người từng làm nhiệm vụ bảo vệ Bác Hồ trong khoảng thời gian miền Bắc vừa giải phóng. Từ năm 1954-1964, ông Kỳ là một trong những người trực tiếp làm nhiệm vụ bảo vệ an ninh, an toàn cho Bác Hồ. Sau năm 1964, ông Kỳ vào Nam, tiếp tục công tác tại Trung ương Cục miền Nam.

Đến năm 1965, ông về Tây Nam Bộ, bảo vệ Khu ủy Tây Nam Bộ đến ngày đất nước hoàn toàn giải phóng. Sau khi về hưu (năm 1989), ông Kỳ về sinh sống tại An Giang, hiện đang ở tại phường Mỹ Long, TP. Long Xuyên.

Lúng túng lần đầu gặp Bác

Nguyễn Duy kỳ quê quán tại tỉnh Quảng Nam. Theo tiếng gọi non sông và lời kêu gọi của Bác Hồ, năm 1945, chàng trai đất Quảng lên đường nhập ngũ làm lính trẻ tại Trung đoàn 93, tỉnh Quảng Nam. Về sau, kỳ được chuyển đến công tác tại quân giới Liên khu 5, cũng đóng trú ở Quảng Nam.

Năm 1953, Tỉnh ủy Quảng Nam rút Nguyễn Duy kỳ và một số người khác để bổ sung lực lượng ra Việt Bắc học lớp đào tạo công an của Bộ Công an. Sau 1 năm học tập nghiệp vụ, kỳ được cử vào lực lượng ATK Việt Bắc (An toàn khu chiến khu Việt Bắc) làm nhiệm vụ bảo vệ Trung ương Đảng và Chính phủ tại chiến khu.

Đến ngày 10/10/1954, ông cùng lực lượng tiến về Hà Nội tiếp quản Thủ đô do Pháp trao trả. Sau đó, Bộ Công an quyết định thành lập một lực lượng cảnh vệ mới làm nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho Trung ương của Chính phủ lâm thời tại Thủ đô Hà Nội. Khi đó, các thành viên ATK tiếp tục được trưng dụng vào Đội 40 (có 40 người)- Cục Cảnh vệ.

“Chúng tôi có nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho Bác tại nơi ở, nơi làm việc hoặc trong những chuyến công tác. Ngoài ra, Đội 40 còn làm nhiệm vụ bảo vệ, mở đường cho các vị lãnh đạo của Trung ương Đảng, lãnh sự các nước tại thủ đô và nguyên thủ các nước đến thăm, làm việc tại Việt Nam”- ông Kỳ cho biết.

Cho đến bây giờ, ông Kỳ vẫn không thể quên được cảm xúc và kỷ niệm khi lần đầu tiên trong cuộc đời được gặp Bác Hồ. 10 ngày sau khi tiếp quản Thủ đô Hà Nội, ông Kỳ được cử đến Vụ Lễ tân- Bộ Nội vụ (số 2, Ngô Quyền) để canh gác.

“Khoảng 12 giờ trưa, tôi đang đứng gác trên lầu 1 thì bất ngờ Bác xuất hiện rồi đi thẳng lên hướng cầu thang. Lần đầu gặp Bác, tôi hết sức vui mừng lẫn ngỡ ngàng và lúng túng. Thấy tôi, Bác sựng lại trong phút chốc rồi tiến đến ân cần thăm hỏi. Tôi cung kính chào Bác, Bác hỏi: “Cháu ở trong Nam à?” - “Dạ, cháu ở Quảng Nam” - tôi đáp.

Bác dặn dò phải cố gắng công tác, học tập tốt để mai này giải phóng miền Nam - ông Kỳ nhớ như in cái vinh dự lần đầu trong cuộc đời được gặp Bác với những lời dạy vô cùng quý báu.

Những bài học giản dị, quý báu

Nhắc tới những kỷ ức, kỷ niệm về Bác, ông Kỳ tỏ ra vô cùng hào hứng. Ông nói những bài học quý báu về Bác mà ông được tận mắt chứng kiến thì nhiều lắm, kể biết bao giờ mới hết. Nhất là hình ảnh vị lãnh tụ kính yêu chỉ mặc bộ đồ bà ba nâu đơn giản, mang đôi dép cao su khi đi công tác, thăm hỏi đời sống người dân đã trở thành kỷ ức đẹp trong lòng ông.

Ông kể, năm 1957, Bác Hồ đến thăm một ngôi làng đang bị hạn hán nặng tại tỉnh Hà Đông. Đến nơi, Bác đi thẳng ra ruộng. Thấy dân đang dùng gàu sòng múc nước tưới lúa, Bác liền xắn quần, lột đôi dép cao su rồi cầm gàu múc nước với dân.

“Nhiều người dân hết sức ngỡ ngàng và phấn khởi khi thấy Bác hòa mình vào cuộc sống lao động của họ. Còn vị Chủ tịch tỉnh đi chung đoàn thì vô cùng lúng túng, không thể làm được như Bác vì ông này mang giày, vận quần tây, áo sơ mi”- ông Kỳ nói.

Nhiều năm theo làm bảo vệ cho Bác, ông Kỳ hiểu rõ tính tình và thái độ làm việc của Người. Ông bảo, trước khi đi công tác, đến thăm hay kiểm tra nơi nào, lực lượng bảo vệ chỉ được biết trước khoảng 1-2 giờ đồng hồ để nắm tình hình an ninh, bố trí lực lượng. Song Bác yêu cầu tuyệt đối không được thông báo cho địa phương hay đơn vị đó biết.

“Bác muốn nhìn thấy sự thật, không muốn có sự chuẩn bị cũng như không muốn phô trương tiếp đón, hao tốn tiền bạc và thời gian. Đến nơi là Bác đi thẳng vào nhà ăn, chỗ ở của công nhân, cán bộ nắm rõ tình hình rồi mới gặp lãnh đạo làm việc”- ông Kỳ cho biết. Có lần Bác đến thăm một Trường Đảng tại huyện Từ Liêm (Hà Nội).

Đến nơi, Bác đi thẳng lên lầu, vào hội trường, đi từng phòng xem xét chuyện ăn ngủ của các học viên. Sau đó, gặp lãnh đạo nhà trường, Bác phê bình: “Đảng, Nhà nước xây dựng một ngôi trường lớn, đẹp và sạch sẽ như thế này cho các đồng chí học tập vậy mà các đồng chí lại làm nơi này trở nên bê bối, lộn xộn, mất vệ sinh. Các đồng chí không gương mẫu, tiêu biểu thì làm sao dạy ai, làm sao làm tốt

nhiệm vụ của Đảng giao phó và phục vụ nhân dân, đất nước”.

Mùng 1 tết năm 1962, Bác đi thăm làng Đại Thắng (huyện Từ Liêm) nằm cặp đê sông Hồng. Các thành viên Đội 40 đến nơi bố trí lực lượng vừa xong thì Bác đến khoảng 7 giờ. Trời Hà Nội vào xuân rét mướt nhưng Bác chỉ mặc bộ bà ba nâu, khoác ngoài chiếc áo bông mỏng và mang dép cao su.

Nghe Bác đến thăm, dân vô cùng mừng rỡ, chỉ khoảng nửa giờ họ tụ hợp chật cứng cả sân đình Đại Thắng. “Đứng trước đông đảo bà con, Bác nói: “Tết Bác đến thăm hỏi đời sống bà con mình thế nào, ăn tết ra sao”.

Bác tặng mấy gói trà cho các cụ dùng trong ba ngày tết, còn các cháu thiếu nhi thì được Bác tặng cho kẹo, bánh. Bác căn dặn, làng Đại Thắng phải đại thắng từ trong sản xuất nông nghiệp đến trong chiến đấu”- ông Kỳ nhớ lại. Theo ông Kỳ, người làm nhiệm vụ bảo vệ lo sợ nhất là có quá nhiều người đến gần Bác nên phải cản trở dân, có “va chạm”.

“Vì tình cảm, tình yêu thương, tôn kính với Bác quá lớn nên mọi người cứ cố tiến đến gần Bác nhất có thể. Có người chỉ cần vịn được vào bầu áo, vào tay Bác đã cảm thấy hạnh phúc đến rung rung nước mắt rồi. Song với nhiệm vụ bảo vệ, chúng tôi cảm thấy lo nên phải ngăn cản, Bác biết Bác rầy”- ông thổ lộ.

Ông Kỳ còn nhớ rõ trong hội nghị tổng kết một năm công tác bảo vệ của Đội 40, bất ngờ Bác đến thăm. Các đồng chí vui mừng chạy ùa ra đón Bác như những đứa con gặp mẹ, gặp cha vậy. Bác cười vui vẻ: “Các chú có lạ gì Bác mà sao cũng lộn xộn vậy?”

Rồi Bác ôn tồn nói tiếp: “Một năm công tác bảo vệ của các cô, các chú đã có nhiều thành tích và vẫn còn thiếu sót đấy! Thành tích là bảo vệ an toàn cho Đảng, Nhà nước và lãnh đạo các nước đến thăm, làm việc tại nước ta. Đặc biệt là các cô chú đưa Bác đi đâu, đến đâu cũng đều giữ được bí mật theo đúng yêu cầu của Bác. Còn thiếu sót là ngăn cản quá đáng với những người muốn đến gần Bác...”.

Bùi Quốc Dũng - *Baovinhlong.com.vn*

11. Nhớ người cha thân yêu

Tiếp quản Thủ đô ngày 10/10/1954, ngày 11/10/1954 anh em chúng tôi trong trang phục gọn gàng, súng đạn sẵn sàng tiến quân vào Hà Nội nhận nhiệm vụ cao quý mới. Những ngày đầu, cơ quan Trung ương đóng tại nhà thương Đồn Thủy (nay là Quân y viện 108), về sau chuyển về khu Ba Đình.

Năm đó Bác rất khỏe và đi đứng nhanh nhẹn, ánh mắt Bác thật ấm áp trìu mến. Thường ngày Bác hay mặc bộ bà ba màu nâu và đi dép cao su. Lúc rảnh rỗi, Bác tập trung anh em cảnh vệ lại, bằng giọng nói rõ ràng và ấm áp, Bác chỉ bảo cho chúng tôi biết phong tục tập quán riêng của đồng bào Hà Nội, cách đi đứng và những việc thông thường rất cần thiết như vào nhà tắm, nhà vệ sinh, uốn nắn chúng

tôi từng lời ăn tiếng nói... Với tấm lòng yêu mến lãnh tụ, nhân dân trong nước và kiều bào nước ngoài thường hay tặng Bác những món quà đặc biệt quý hiếm. Một lần, có người dân chài lặn lội từ miền biển lên, biếu Bác mấy cân bong bóng cá. Bác giao cho đồng chí Cẩn mang đến tặng đơn vị chúng tôi. Bác còn cẩn thận nhờ đồng chí Cẩn, là người lo cơm nước cho Bác chế biến để anh em chúng tôi được thưởng thức đặc sản. Một lần khác, có tiền nhuận bút từ Liên Xô (cũ) gửi về, Bác đem đến tặng đại đội chúng tôi trước lễ Quốc Khánh 2/9 khoảng hai, ba tháng. Bác dặn: “Nhiều no ít đủ, Bác không có nhiều tiền cho các chú. Số tiền này, các chú mua con giống tăng gia thêm để đến ngày Quốc Khánh các chú có đủ thịt, cá, rau mà liên hoan cùng nhau”.

Ngày lễ lớn những năm đầu tiếp quản Thủ đô, nhân dân Hà Nội và các cơ quan đoàn thể tham dự mít tinh thả bồ câu trắng tung bay rợp trời, tượng trưng cho khát vọng hòa bình. Hàng đàn bồ câu trắng ở lại quanh lễ đài, quanh nhà khách Chủ tịch và quanh nhà Bác ở. Đất lành chim đậu, Bác rất vui. Những lúc rảnh rỗi, Bác thường cho bồ câu ăn. Vậy mà có một vài đồng chí bộ đội vô ý thức bắt bồ câu làm thịt. Bác không vui, phê bình thật nhẹ nhàng, thấm thía: “Nhân dân thả bồ câu để cầu nguyện hòa bình, sao các chú nỡ giết thịt?”.

Nhớ một ngày hè, Bác dạo quanh vườn bắt gặp tổ 3 người chúng tôi là anh Hạnh, anh Thái và tôi đang trèo cây hái nhãn. Sợ quá, tưởng Bác sẽ quở trách, ai ngờ Bác vui vẻ dặn dò: “Hái nhãn ăn cũng được nhưng phải hết sức cẩn thận, kéo ngã thì khôn”. Những việc làm của Bác, những lời của Bác dạy bảo chúng tôi chỉ là những chuyện thông thường, rất giản dị nhưng đã làm chúng tôi nhớ mãi như những điều thiêng liêng, bởi những điều đó xuất phát từ tình thương bao la của Bác, thấm đượm tình cảm của Bác - như tình cảm một người cha dành cho những đứa con thân yêu của mình.

Những lần đại tiệc, tiếp khách nước ngoài, Bác đều dặn dò bộ phận giao tế nhớ để phần cho bộ đội bảo vệ. Những hôm có đoàn ca kịch hoặc chiếu phim, ngoài những người đang làm nhiệm vụ còn tất cả chúng tôi đều được quây quần quanh Bác cùng xem. Một lần đoàn kịch của Trung Quốc biểu diễn tích xưa có vai các tướng đấu kiếm với nhau, buổi biểu diễn kết thúc, các đại sứ nước ngoài đua nhau tặng hoa cho vị tướng đóng vai thắng trận. Riêng Bác, Bác tặng hoa cho viên tướng đóng vai thua trận. Bác cười vui: “Ăn cho đều, kêu cho khắp, phải động viên họ để lần sau đánh thắng chứ”. Có lần Đoàn tuồng Ái Liên biểu diễn phục vụ cơ quan Chính phủ ở Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài, diễn viên trình diễn xuất sắc làm rung động lòng người, khán giả hoan nghênh nhiệt liệt. Xong buổi diễn Bác có vẻ không được vui, Người bước lên sân khấu và đọc mấy vần thơ:

“Lương Sơn Bá - Chúc Anh Đài

Chữ tình nên trọng, chữ tài nên thương

Lão già dờ dờ ương ương.

Làm đôi anh chị dờ duyên không thành

Đánh cho phong kiến tan tành,
Cho trăm ngàn Sơn Bá - Anh Đào thành đôi”.

Bác dạy chúng tôi những bài học thật tế nhị, trong lúc chờ phim, chúng tôi quây quần bên Bác vui văn nghệ, một cô gái xung phong hát bằng tiếng nước ngoài, Bác đề nghị:

“Người mình nên hát tiếng mình thì Bác và các chú ở đây mới hiểu, mới hay chứ”. Lại một đồng chí bộ đội xung phong: “Tôi ra đây hát mừng Cụ Hồ sống lâu muôn tuổi”, Bác bảo: “Chú hát bài khác, bài này cũ lắm rồi!”. Có một đêm chiếu phim ở Liên Xô (cũ) không có người thuyết minh chính, một cán bộ học ở Nga về có lẽ chưa quen nên dịch nghe không được rõ. Bác cười bảo để Bác thuyết minh cho. Chúng tôi lắng nghe từng đoạn, từng ý, Bác dịch thật mạch lạc, gãy gọn, dễ hiểu... Ở Bác, điều gì cũng thật giản dị, và hình như điều gì Bác cũng có thể làm được!...

Hoàng Văn Hiến - *Tuoitre online*

12. Tấm lòng Bác Hồ với chiến sĩ

Đối với chiến sĩ là những người hi sinh nhiều nhất cho dân tộc, Bác Hồ thường dành cho anh em sự chăm lo, săn sóc ân tình, chu đáo nhất. Mùa đông, thương anh em chiến sĩ rét mướt ở rừng núi hay bung biển, Bác đem tấm áo lụa của mình được đồng bào tặng, bán đấu giá để lấy tiền mua áo ấm gửi cho các chiến sĩ.

Bác thường nói: “Chiến sĩ còn đói khổ, tôi ăn ngon sao được!”. “Chiến sĩ còn rách rưới, mình mặc thế này cũng là đầy đủ lắm rồi!”.

Mùa hè năm ấy (1967), trời Hà Nội rất nóng. Sức khỏe Bác Hồ đã kém, thần kinh tuổi già cũng suy nhược, dễ bị toát mồ hôi, ướt đẫm, có ngày phải thay mấy lần quần áo, có khi hong tại chỗ, rồi lại thay ngay. Bác không cho dùng máy điều hòa nhiệt độ. Bác bảo: mùi nó hôi lắm, Bác không chịu được! (Bác không dùng nên nói vậy thôi, chứ máy đã có nút xả thơm).

Thấy trời oi bức quá, Bác nói với đồng chí Vũ Kỳ:

- Nắng nóng thế này, các chú bộ đội trực phòng không trên nóc hội trường Ba Đình thì chịu sao được? Các chú ấy có đủ nước uống không? Chú thử lên tìm hiểu xem thế nào, về cho Bác biết.

Đồng chí Vũ Kỳ lên, được biết trên đó có một tổ súng máy 14 li 5. Ụ cát sơ sài, nếu địch bắn vào thì chỉ có hi sinh, rất nguy hiểm. Trời nắng chói, đứng một lúc mà hoa cả mắt. Đồng chí Vũ Kỳ hỏi:

- Các đồng chí có nước ngọt uống không?
- Nước chè thường còn chưa có, lấy đâu ra nước ngọt!
- Dưới hội trường thấy có nước ngọt cơ mà!

- Đây là dành cho các “ông bà” đến họp mới được uống, còn bọn tôi lấy đâu ra!

Đồng chí Vũ Kỳ về nói lại với Bác, Bác gọi điện ngay cho đồng chí Văn Tiến Dũng:

- Sao các chú không lo đủ nước uống cho các chiến sĩ trực phòng không? Nghe nói ụ súng trên nóc hội trường Ba Đình rất sơ sài, chú phải lo sửa ngay để bảo đảm an toàn cho chiến sĩ trong chiến đấu!

Sau đó Bác bảo đồng chí Vũ Kỳ đi lấy sổ tiết kiệm của Bác, xem tiền tiết kiệm của Bác còn bao nhiêu.

Tại sao Bác có tiền tiết kiệm? Lương Bác cao nhất nước, nhưng hàng tháng cũng chỉ đủ tiêu. Mọi chi phí cho sinh hoạt của Bác, từ cái chổi lông gà, đều ghi vào lương cả.

Tiền tiết kiệm của Bác là do các báo trả nhuận bút cho Bác. Bác viết báo nhiều, có năm hàng trăm bài. Các báo gửi đến bao nhiêu, văn phòng đều gửi vào sổ tiết kiệm của Bác. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Bác cũng đã có tiền tiết kiệm. Đến dịp Tết Nguyên đán, Bác lại đem chia cho cán bộ các cơ quan chung quanh Bác, mua lợn để đón xuân.

Đồng chí Vũ Kỳ xem sổ và báo cáo:

- Thưa Bác, còn lại tất cả hơn 25.000 đồng (lúc đó là một món tiền rất lớn, tương đương với khoảng 60 lạng vàng).

Bác bảo:

- Chú chuyển ngay số tiền đó cho Bộ Tổng tham mưu và nói: đó là quà của Bác tặng để mua nước ngọt cho anh em chiến sĩ trực phòng không uống, không phải chỉ cho những chiến sĩ ở Ba Đình, mà cho tất cả các chiến sĩ đang trực chiến trên mâm pháo ở khắp miền Bắc. Nếu số tiền đó không đủ thì yêu cầu địa phương nào có bộ đội phòng không trực chiến góp sức vào cùng lo!

Về sau, Bộ Tư lệnh Phòng không không quân báo cáo lại cho Văn phòng Phủ Chủ tịch biết: số tiền của Bác đủ mua nước uống cho bộ đội phòng không, không quân được một tuần!

QT - sưu tầm - Doansoldtbxhhcm.com

13. Người chiến binh hai lần được gặp Bác Hồ

Ông tên là Đỗ Thanh Hiến, trung tá đặc công, thương binh nặng hạng 2/4, hiện ở tại nhà số 073, phố Ngô Quyền, thị xã Lai Châu, tỉnh Lai Châu. Sinh năm 1948, quê ở xã Hải Sơn, Hải Hậu, Nam Định, người cựu chiến binh này đã hai lần được gặp Bác Hồ và có một quãng đời chiến đấu hào hùng như huyền thoại.

Ba lần viết đơn bằng máu xin nhập ngũ

Trước mặt tôi là người đàn ông 65 tuổi, thấp đậm và có nụ cười đôn hậu, hiền

lành. Trông ông đi lại, nói năng, không thể ngờ là ông mang trên mình hơn 40 vết thương, trong đó có đến 18 vết thương nặng, là thương binh 2/4.

Ông bồi hồi nhớ lại những trang đời của mình: Chàng trai trẻ Đỗ Thanh Hiến sinh năm 1948 trong một gia đình cách mạng. Tuy nhiên, khi lớn lên, thì gia đình ông bị chính quyền và xóm giềng dị nghị về việc bố ông... là phản động, đi theo “địch” vào Nam. Khi ông hỏi thì mẹ ông chỉ khóc và không nói (dù bà biết sự thực nhưng không thể nói cho con biết) làm ông nghi ngờ, lòng đầy uẩn khúc. Sự thật, bố ông là cán bộ hoạt động bí mật, sau này hi sinh lúc mang quân hàm đại tá quân đội, nhưng đó là chuyện mãi về sau này khi được minh oan.

Cái tiếng “con nhà phản động” và niềm tin vào người bố của mình đã nung nấu trong Đỗ Thanh Hiến quyết tâm nhập ngũ, đánh giặc, bảo vệ danh dự cho bố, cho gia đình.

Tháng 8/1966, vừa học xong lớp 10, Hiến mới 18 tuổi, và chỉ nặng 32 kg, anh tự tìm đến nhà ông xã đội trưởng xin nhập ngũ. Ông xã đội trưởng phán: “Bây giờ mày bé lắm, bao giờ mày to tao mới cho mày đi”. Một tháng sau, Hiến quay lại nhà ông xã đội trưởng cùng lá đơn tình nguyện nhập ngũ viết bằng máu. Ông xã đội trưởng nói không tin, bảo Hiến dùng mực đỏ viết. Hiến liền dùng kim đâm luôn vào đầu ngón tay cho máu chảy ra rồi viết lại lá đơn ngay trước mặt ông xã đội trưởng. Nhưng vẫn không được đồng ý.

Một năm sau, Hiến lớn vồng lên, được 40kg, Hiến quay lại nhà ông xã đội trưởng lần thứ ba. Lần này, Hiến không dùng kim nữa mà dùng dao cắt thẳng vào ngón tay cho máu chảy ra rồi viết đơn. Đến mức này, ông xã đội trưởng đành gật đầu, “Thôi được rồi tao cho mày đi!”.

Nhập ngũ, Hiến công tác tại Đoàn Công an biên phòng Văn Quán - Chợ Cồn (Nam Định). Chỉ sau bốn tháng, Hiến đã nổi bật với khả năng bắn giỏi, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, nên anh được cử đi học tại Trường sĩ quan Đặc công khóa II (1967 - 1969), ở Sơn Tây. Hiệu trưởng của Trường lúc đó là ông Trần Quang Mít.

Và hai lần vinh dự được gặp Bác Hồ

Ngay trong năm học đầu tiên, Hiến đạt kết quả học tập xuất sắc, được bầu chọn đi dự Đại hội Chiến sĩ thi đua của Trường, vào tháng 9/1967. Nhân dịp này, Bác Hồ đã đến dự, thăm trường. Ông Hiến vẫn còn nhớ Bác đi đôi dép cao su bốn quai, mặc bộ quần áo bà ba và đội nón lá. Bác nói với hiệu trưởng cho gặp các cháu học viên giỏi nhất. Và lần này, Đỗ Thanh Hiến là một trong 12 chiến sĩ học viên được Bác gặp riêng và tặng mỗi người một cây bút Trường Sơn làm kỷ niệm. Khi lãnh đạo trường giới thiệu với Bác “đồng chí Đỗ Thanh Hiến là chiến sĩ trẻ, bắn giỏi, chấp hành nghiêm nhất các điều lệnh của nhà trường”, Hiến đứng trước Bác rung rung nước mắt. Thấy vậy, Bác Hồ ân cần hỏi: “Cháu sợ Bác hay sao mà khóc?”. Hiến trả lời “Dạ không ạ, do cháu lần đầu tiên được gặp Bác, cháu vui sướng quá nên không kìm được nước mắt!”. Bác Hồ mỉm cười, lại hỏi tiếp: “Thế cháu quê ở

đâu?”. Hiến trả lời quê ở biển Hải Hậu. Bác cười, ôm Hiến rồi khen: “Cháu là trai quê biển thì học đặc công là đúng rồi, cháu đẹp lắm, khỏe lắm, cháu phải cố gắng học thật giỏi và bắn thật giỏi để khi ra trường trực tiếp vào trong Nam đánh giặc Mỹ, cháu có sợ không?”. Hiến khẳng định: “Thưa Bác, cháu không sợ ạ!”

Lần thứ hai được gặp Bác Hồ là khi Hiến chuẩn bị ra trường. Lần này Bác đến, vẫn với dáng vẻ ung dung, ân cần, giản dị. Khi Bác nói chuyện với các chiến sĩ sắp tốt nghiệp, ông Hiến còn nhớ định ninh lời Bác căn dặn đại ý: Hiện nay là giai đoạn chiến tranh ác liệt nhất của đất nước. Tổ quốc rất trông mong vào sự chiến đấu của các cháu. Là những đặc công tinh nhuệ, khi vào chiến trường phải làm sao đánh nhanh, thắng nhanh với phương châm “thần tốc, kiên trì, gan dạ”. Nếu nếu bị địch bắt thì thà hi sinh chứ không được khai và luôn luôn phải nhìn về lá cờ Tổ quốc...

Rồi Bác đi bắt tay toàn thể các sĩ quan sắp ra trường. Khi đến lượt Hiến, Bác Hồ dừng lại nói: “À, cháu này lần trước Bác đã gặp rồi đúng không? Thế cháu có phải là cháu Hiến không?” Hiến lại một lần nữa ứa nước mắt, cảm động vì sau hai năm gặp lại, Bác vẫn nhớ tên mình. Sau đó, với cương vị là lớp trưởng, Hiến cùng cả đơn vị hô vang... Hồ Chủ tịch muôn năm! Hồ Chủ tịch muôn năm! Quyết tâm nghe theo lời Hồ Chủ tịch! Quyết tâm...

Cuộc chiến hào hùng trên ba chiến trường và hai lần báo tử

Chiếc bút Trường Sơn được Bác Hồ tặng, anh Hiến mang theo vào chiến trường, và luôn gài trên ngực trái. Sau khi tốt nghiệp, anh được điều thẳng vào chiến trường C, phối thuộc với sư đoàn 316 để đánh phi Vàng Pao.

Cũng trên chiến trường này, kỷ niệm với vết thương nặng đầu tiên cũng gắn bó với chiếc bút Bác tặng. Đó là khi Hiến chỉ huy một tổp đặc công đánh chiếm cao điểm 168 ở Bun Xa Phăn (gần cánh đồng Chum). Khi trận chiến gần xong, thì anh bị một tên phi bắn lén từ trên cao, đạn xuyên dọc cánh tay trái. Anh vẫn còn nhớ lúc đó, với phản xạ nhanh như chớp, cánh tay trái của anh (vừa bị đạn bắn xuyên qua) vẫn áp vào ngực để giữ cây bút của Bác, tay phải kịp rút súng ngắn bắn một phát. Đạn trúng ngực tên phi trong hang đá làm hắn rơi xuống từ trên cao như một con mèo... Kết quả trận này, chỉ có 16 chiến sĩ đặc công mà diệt được 156 tên địch, chiếm lại cao điểm.

Sự phối thuộc của lính đặc công tinh nhuệ làm cho sư đoàn 316 nổi tiếng với những trận chiến ở miền rừng núi. Hết chiến trường Lào, Đỗ Thanh Hiến được cử đi Liên Xô và Triều Tiên để tập huấn đặc công, rồi năm 1973, vào miền Nam.

Năm 1974, anh dự trận chiến lịch sử ở Buôn Mê Thuột, rồi cùng những mũi tiên phong đánh xuống Lai Khê, Bình Dương. Chính ở trận chiến Lai Khê - Bình Dương, anh và một số đồng đội bị dính một quả đạn pháo, hi sinh gần hết. Riêng Hiến bị mất một mảnh sọ. Theo lời các bác sĩ quân y sau này kể lại cho anh, hôm đó có hai thương binh nặng phải khoan sọ, thì cùng đêm đó cả hai (hông hết thân kinh) đều tự bò đi mất ra khỏi bệnh xá. Hiến không nhớ mình bò đi khỏi bệnh xá như thế nào. Chỉ lảng máng nhớ mình đến được trước cổng một ngôi nhà và nghe

một tiếng kêu: “Má ơi, ông giải phóng”, rồi bất tỉnh. Gia đình đã cứu giúp và nuôi sống “anh giải phóng” với cái đầu bị thủng một cái lỗ bằng cái chén uống rượu ấy là má Nguyễn Thị Thanh Bưởi và con gái Trần Thị Út (là bà mẹ nuôi và em nuôi thứ nhất của anh Hiến, hiện nay vẫn còn sống).

Sáu tháng trời thập tử nhất sinh, nhợt nhợt quên quên, từ 70kg, Hiến sụt xuống còn hơn 30 kg. Khi đã khỏe hơn một chút, cô Trần Thị Út lấy xe đưa Hiến đi chơi (lúc này đã giải phóng), đi ngang qua một đơn vị, Hiến chợt nhận ra một người bạn là anh Hải, cùng là C trưởng. Khi về lại đơn vị cũ, Hiến cũng vừa được biết đơn vị đã báo tử mình được... bốn tháng. Lần báo tử hụt này làm anh Hiến... mất đi mối tình đầu.

Vài tháng sau, khi được trở ra Bắc về quê, nửa đêm, anh gọi cửa mà mẹ ở trong nhà không dám mở. Cụm cứ cầu khẩn: “Hiến ơi, con sống khôn chết thiêng..., đừng về dọa mẹ”. Một quá vì đi bộ và người còn yếu, anh trải nilon ra ngủ ngay ngoài hè. Đến sáng ra, khi mẹ mở cửa ra la ầm lên thì người đầu tiên chạy đến là người yêu của anh, vừa bị gia đình ép lấy chồng do đã nhận giấy báo tử... Cuộc đoàn tụ sau lần báo tử hụt đầu tiên này tổn không biết bao nhiêu là nước mắt!

Những tưởng đã giải phóng, thân chết bay qua đầu một lần là xong, nhưng không ngờ hòa bình chưa bao lâu thì hai cuộc chiến tranh biên giới liên tiếp xảy ra.

Tháng 2/1979, đang ở chiến trường Tây Nam thì Đỗ Thanh Hiến được điều động gấp ra biên giới phía Bắc. Cuộc chiến vừa mới xảy ra, lực lượng quân ta còn rất mỏng. Lần đó, khi anh đang đứng trên chòi quan sát ở cao điểm 800, khu vực đèo Ô Quy Hồ, Sa Pa thì bị một mảnh đạn pháo - theo lời anh kể là: “Xèo một cái, thì mình đã bị mất hai quả mông và một cái xương sườn, đầu gối, chân cũng bị mảnh, tổng cộng là tám vết thương”. Sau đó, anh được đồng đội dìu vào trong hang đá, nằm bảy ngày đêm gần chết ở trong đó. Lần thoát chết này cũng là một sự thần kỳ, vì Hiến kiên quyết không uống nhiều nước. Theo lời bà mẹ nuôi thứ hai kể lại, là khi đó địch tấn công lên trận địa của ta, rồi dùng xe trâu chở xác các liệt sĩ và thương binh của ta về bên trận địa của chúng để “khoe công”. Khi quân ta đánh giải vây thì chúng bỏ chạy, bỏ lại một số xe trâu. Khi lật xác người chết trên xe, bà Đỗ Thị Chung - trưởng phòng quân y Sa Pa thấy một chiến sĩ mất còn lơ lơ ngoi ngóp, bà bảo “Thằng này còn sống, để tao đem về nuôi”. Ba tháng chăm nuôi và cứu chữa, gấp từng con giò to bằng đầu dừa trên mình Hiến ra, bà Chung và ông Nung chồng bà, cùng cô con gái là Nguyễn Thị Khánh đã cứu được anh Hiến về từ tay tử thần. Đến khi anh tìm được đường về đơn vị, khi đó lui về đóng tại Phố Ràng (nay là Bảo Yên) thì cũng được biết, đơn vị vừa gửi tin báo tử lần thứ hai cho anh...

Bồi hồi kể lại chuyện cũ mà cứ như vừa mới xảy ra, ông Hiến bảo, không hiểu sao ông lại thoát chết kỳ diệu như vậy. Hỏi chiếc bút Trường Sơn Bác Hồ tặng, ông còn giữ được không? Thì ông thờ dài tiếc nuối, giá như để lại ở nhà thì có thể vẫn còn, vì chiếc bút đã mất cùng với hành trang bên chiến trường Lào. Cuốn nhật ký mà ông ghi rõ từng trận đánh, cũng đã mất cùng với chiếc ba lô, trong đó có 20

triệu ông được đồng đội vừa cho, vừa cho vay để về xây nhà năm 1992. Những “nhân chứng, vật chứng” còn lại của cuộc đời ông, chính là trí nhớ cực kỳ sắc sảo của một cựu binh đặc công tinh nhuệ đã trải qua hơn 50 trận đánh ác liệt lớn nhỏ (dù đã... thủng sọ mà vẫn nhớ kỹ rất nhiều cao điểm, tên của địa phương đã từng chiến đấu).

Sau khi giải ngũ về hưu, ông định cư tại thị trấn huyện Than Uyên. Mới đây, gia đình ông chuyển lên thị xã Lai Châu. Vợ ông, cũng là một bác sĩ quân y, kém ông hơn chục tuổi, nhưng đã đem lòng yêu và gả nghĩa cùng người sĩ quan thương binh năm 1980. Chuyện tình của ông bà Hiến cũng là một thiên tình sử đầy lãng mạn gắn với vết thương cuối cùng của đời ông tại Vị Xuyên, Hà Giang. Ba người con của ông Hiến đều đã trưởng thành, một con gái tốt nghiệp ngành y, hai con trai theo ngành cảnh sát.

Đó có lẽ là cái kết đẹp nhất cho cuộc đời quân ngũ của người chiến binh quả cảm với sự nghiệp anh dũng, bi hùng.

Vũ Lâm - *Nhandan.com.vn*

14. Bác Hồ qua lời kể của nữ cảnh vệ

“Là một lãnh tụ nhưng Bác Hồ chưa bao giờ có một sinh nhật cho riêng mình. Hàng năm, cứ đến gần ngày sinh nhật là Bác lại có lịch đi tiếp khách, lịch đi công tác xa. Nhiều lần trùng hợp như thế, cán bộ phục vụ lấy làm thắc mắc. Tìm hiểu, chúng tôi được biết, thì ra, Bác cố tình tránh nhắc đến ngày đó vì sợ anh em, đồng chí tổ chức lại tốn kém, trong khi nước nhà còn chưa hoàn toàn thống nhất, dân ta còn nghèo”, bà Lưu Thị Tính- nữ cảnh vệ có gần 20 năm phục vụ Bác Hồ chia sẻ.

Duyên tiền định

Sức mạnh của thời gian có thể làm thay đổi nhiều thứ, nhưng có những giá trị bất biến vẫn tồn tại như thách thức với tạo hóa, trêu đùa với nhân gian. Đã gần nửa thế kỷ trôi qua, trong ký ức của người lính cảnh vệ Lưu Thị Tính dường như mọi khoảnh khắc được phục vụ Bác như diễn ra hôm qua. Lật giờ trang hồi ký như những thước phim quay chậm trong đầu, bà tìm về những ngày tháng đầy tự hào của mình. Tôi chợt hiểu rằng, chừng ấy hay nhiều thời gian hơn nữa cũng không đủ sức để xóa nhòa phần quá khứ đầy ắp kỷ niệm trong người lính già này.

Có lẽ khi quyết định đặt chân vào cục Cảnh vệ, nhận về mình nhiệm vụ khó khăn của một người lính Cụ Hồ là một bước ngoặt lớn lao trong cuộc đời của người nữ cảnh vệ Lưu Thị Tính (quê ở Quất Động, Thường Tín, Hà Nội). Bởi, nơi đây không chỉ ghi lại dấu ấn những năm tháng gian khổ nhưng oanh liệt và không kém phần tự hào của tuổi trẻ của bà mà đặc biệt hơn, chính đây là mảnh đất đã ươm mầm, bén rễ cho mối tình chung thủy, son sắt của bà với người đồng nghiệp - ông Nguyễn Ngọc Cẩn những năm về sau.

Trong hơn 20 năm công tác tại cục Cảnh vệ, bà được tổ chức giao nhiều nhiệm vụ quan trọng khác nhau như: Tiếp đoàn khách quốc tế, bảo vệ mục tiêu, bảo vệ vòng trong, cán bộ đội Kỹ thuật bảo vệ thực phẩm... Thời gian đầu khi mới vào cục Cảnh vệ, nữ cảnh vệ Lưu Thị Tính được tin tưởng giao nhiệm vụ đi đón đoàn khách quốc tế, bảo đảm an toàn cho họ trong những ngày lưu lại tại Việt Nam. Thời điểm đó, các nữ chính khách, nguyên thủ quốc gia đặt chân đến Việt Nam, người đầu tiên họ tiếp xúc chính là những nữ cảnh vệ như bà, khi ra về, cũng chính những nữ cận vệ khéo léo này là người đưa tiễn họ ra máy bay về nước. Chính vì vậy, những ấn tượng đầu tiên, những tình cảm đầu tiên về đất nước và con người Việt Nam đều được thể hiện qua thái độ, phong cách của các nữ cảnh vệ - bà Tính nhớ lại nhiệm vụ của mình.

Đầy ắp kỷ ức về Bác

Công tác tại cục Cảnh vệ từ năm 1955 cho đến khi Bác Hồ qua đời, quãng thời gian dài đó đã giúp cho những người tiếp xúc thường xuyên với Bác Hồ như bà thấy thấm và ngấm hơn phong cách của Người. Hình ảnh vị cha già dân tộc với khuôn mặt hiền lành, mái tóc bạc, chiếc áo bà ba nâu sẫm, đôi dép cao su... đã đầy ắp kỷ ức của bà. “Những sở thích giản dị, những thú vui lúc rảnh rỗi của Người hay những kỷ niệm trong những lần được trò chuyện cùng Bác đã ngấm vào cuộc sống thường nhật của bà. Bác sống thật giản dị, là lãnh tụ nhưng Người không bao giờ cầu kỳ mà cố gắng tối giản, tiết kiệm mọi thứ có thể để cho dân, cho nước. Từ ăn uống, trang phục, thói quen lẫn đức tính hay cách chăm lo cho dân, cho nước của Bác đều toát lên một nhân cách vĩ đại”, bà Lưu Thị Tính bồi hồi kể.

Bà Tính nhớ lại: “Món ăn yêu thích của Người rất đơn giản. Đó là rau muống luộc chấm với tương Nam Đàn (Nghệ An), là canh cua nấu với rau cải mướt, là cá bống kho tương, là cà muối... Người luôn căn dặn các chiến sĩ cảnh vệ phải hết sức tiết kiệm bởi đất nước mình còn nghèo, người dân đang khổ và Bác luôn làm gương. Chủ tịch thường ăn cơm trong nhà ăn tập thể với đĩa rau muống, quả cà và một bát nước rau muống vắt chanh. Khi bà con phải ăn cơm độn khoai sắn, Người cũng ăn cơm độn với đồng bào dù các đồng chí cảnh vệ, người phục vụ luôn làm cơm có thức ăn để Bác dùng nhằm duy trì sức khỏe”.

“Một chi tiết ấn tượng về Bác mà đến giờ tôi vẫn không thể nào quên, đó là dù bận trăm công ngàn việc, việc nước, việc dân nhưng Bác luôn gần gũi với mọi người, từ đồng chí, đồng bào, từ anh lính cảnh vệ cho đến người làm bếp, làm vườn. Đồng bào biểu con cá, mớ rau ngon hay đặc sản vùng quê ngon, Bác luôn dành phần cho cảnh vệ, người phục vụ. Mùa hè nóng nực hay mùa đông buốt giá nhưng Bác hạn chế dùng quạt điện hay lò sưởi trong phòng. Các đồng chí cảnh vệ xót xa, lo cho sức khỏe của Bác nên lén bật quạt hoặc lò sưởi lên. Nhưng, Bác trách: “Dân ta còn nghèo khổ, điện cần để dùng cho thủy điện, cho chiến đấu, cho dân chứ Bác không cần”, nữ cảnh vệ Lưu Thị Tính chia sẻ.

Có một điều ít ai biết đó là, dù là lãnh tụ, là người đứng đầu đất nước nhưng

chưa bao giờ Bác Hồ có được một sinh nhật cho riêng mình. Ngày sinh nhật của Người bận bịu trong công việc, trong những chuyến công tác xa xôi, trong những buổi tiếp khách. Điều anh em cảnh vệ, chiến sĩ phục vụ lấy làm thắc mắc là năm nào cũng vậy, cứ đến dịp sinh nhật là Bác lại đi công tác, không biết vô tình hay hữu ý. Nhưng, đó chính là ý nguyện của Người vì sợ các đồng chí tổ chức sinh nhật cho mình tốn kém trong khi đất nước chưa thống nhất hoàn toàn, dân còn phải ăn cơm độn khoai nên ngày sinh nhật cũng giống như những ngày bình thường khác trong năm. “Hiểu được tấm lòng cao cả của Bác, hàng năm cứ đến ngày 19/5, các đồng chí cán bộ mang một bó hoa vườn, thật giản dị đến chúc mừng sinh nhật Người. Sinh nhật lần đó, tôi thấy Người rất vui”, bà Tính chia sẻ.

Và công việc đặc biệt của nữ cảnh vệ

Sau 10 năm công tác tại đội bảo vệ của cục Cảnh vệ, đến năm 1965 do nhu cầu luân chuyển cán bộ, bà được cử đi học một lớp cấp tốc về Hóa- Kỹ thuật để trở thành cán bộ nòng cốt của đội Kỹ thuật bảo vệ thực phẩm. Nhiệm vụ của bà là hàng ngày đến tận nhà ăn, lấy mẫu thực phẩm về, sau đó dùng phản ứng để kiểm tra mẫu thực phẩm có đảm bảo an toàn hay không một cách nhanh nhất để quay trở lại trả kết quả. Nếu sử dụng các phương pháp kiểm định truyền thống thường phải mất vài ngày tới một tuần mới cho ra kết quả, trong khi bà Tính chỉ có vài tiếng đồng hồ để cho ra kết quả mà vẫn đảm bảo yếu tố chính xác lên hàng đầu. Hơn nữa, thời gian đó, chưa có điều kiện để sắm trang thiết bị dụng cụ đắt tiền nên phương pháp thẩm định về an toàn vệ sinh thực phẩm cho bữa ăn của Bác vẫn còn rất khó khăn.

Bảo đảm an toàn tuyệt đối về thực phẩm cho Bác Hồ và các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước là nhiệm vụ quan trọng nhất của lực lượng kỹ thuật bảo vệ trong cục Cảnh vệ. “Tiếp xúc trực tiếp với hóa chất nhiều lại không có điều kiện phòng ngừa nên sức khỏe của tôi thời gian đó bị suy giảm khá nhiều”, bà Tính bộc bạch. Theo bà, bà đã nhận ra được điều đó nhưng mang trong mình tinh thần thép của người lính cảnh vệ nên cho rằng: “Chút hi sinh sức khỏe đó có đáng gì so với việc thực hiện tốt nhiệm vụ của Đảng, Nhà nước giao phó, so với việc được là người lính cảnh vệ của Bác”.

Ánh mắt hân hoan, nụ cười rạng rỡ của bà khi kể về kỷ niệm với Bác cũng khiến tôi hiểu rằng, bà đang sống lại với quãng thời gian tươi trẻ nhất của cuộc đời.

Bảo Hằng - *Nguoiduatin.vn*

15. Người phi công kể chuyện lái chuyên cơ chở Bác Hồ

Đại tá Trần Ngọc Bích đã bước sang tuổi 82, nhưng nhắc đến những kỷ ức lái chuyên cơ chở Bác Hồ đi công tác vẫn mãi khắc sâu trong tâm trí của người lính xưa.

9 năm lái chuyên cơ chở Bác

Gần đến ngày sinh nhật Bác (19/5) người phi công trẻ năm xưa Trần Ngọc Bích ở xã Vạn Phúc Trung, xã Trường Sơn, Đức Thọ (Hà Tĩnh) lại nhớ đến những kỷ niệm không bao giờ quên trong những năm gần bên Bác. Sau khi lau dọn bát nhang, mâm ngũ quả, để trà bánh bày lên bàn thờ Bác, ông kể lại những ký ức trong 9 năm lái chuyên cơ chở Bác.

Khi chưa đến 19 tuổi, theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, Trần Ngọc Bích đã nhập ngũ vào tháng 10/1953. Đến tháng 2/1956, ông được tuyển chọn đi sang tỉnh Cát Lâm, Trung Quốc học lái máy bay. Tháng 4/1958, ông tốt nghiệp lớp máy bay TU2 (máy bay ném bom), ở Trung Quốc. Vào thời điểm đó tình hình trong nước có một số biến động, ông Bích phải chuyển sang học lớp máy bay AN2 (vận tải). Sau khi hoàn thành khóa học, tháng 2/1960, ông về nước tham gia vào Đoàn bay 919, thuộc Quân chủng phòng không không quân Việt Nam.

Lúc bấy giờ, Việt Nam chỉ có ba chiếc máy bay trực thăng, chưa có người lái, Liên Xô cử một chuyên gia dạy lái và một thợ sửa máy sang giúp đỡ. Khi chuyên gia Menlêp lái máy bay đưa Bác đi công tác thì thiếu lái phụ, nhận thấy ông Bích có tài năng, được đào tạo nên cho ông đảm nhận nhiệm vụ đó. Sau đó, ông Bích còn được nhận nhiều nhiệm vụ quan trọng để chuyên chở vũ khí, lương thực chi viện cho các chiến trường. Không lâu sau, Đoàn bay 919 có một tổ bay phục vụ Bác và Bộ Chính trị.

Từ đó, ngoài việc chuyên vũ khí và lương thực chi viện cho chiến trường, máy bay Mi-4 của ông còn đảm nhận nhiệm vụ đặc biệt là bay phục vụ Bác Hồ và các đồng chí Trung ương Đảng đi công tác.

Trong 9 năm phục vụ Bác, (từ năm 1960 đến 1969), ông Bích không nhớ mình đã bao nhiêu lần lái chiếc máy bay VN51Đ và chiếc Lốc xoáy 48 đưa Bác đi công tác xa. Ấn tượng nhất vào năm 1963, ông đưa Bác về Tuyên Quang, thăm đồng bào, thăm lại căn cứ địa cách mạng Tân Trào. Trong chuyến bay đó có mấy đồng chí đi cùng với Bác là đồng chí Phạm Ngọc Thạch, đồng chí Vũ Kỳ và đồng chí Trần Đăng Ninh.

Buổi chiều máy bay hạ cánh ở Tuyên Quang, lúc đó trời tối nên Bác phải nghỉ lại. Sáng hôm sau, ông Bích đã lái máy bay đưa đoàn vào Tân Trào. Vừa hạ cánh, Bác xuống đi bộ đến một khe suối và nói với mọi người rửa tay chân rồi ăn cơm. Nhìn Bác cười trần, mặc một chiếc quần cộc, dùng tay khoát nước lên người, ông Bích không ngờ trên thế giới này lại có một vị Chủ tịch quá đỗi giản dị như thế. “Không có bữa cơm nào mà bình dị như bữa cơm ở Tân Trào năm 1963. Bác cùng với đoàn đã trải một chiếc ni lông, dùng dao thái từng nắm cơm đùm. Bác bốc cho mỗi người một miếng cơm và nói “các chú ăn no vào, tối chúng ta mới về đến Hà Nội”, ông Bích nhớ lại.

Những ký ức không quên

Đến bây giờ hơn 80 tuổi, ông Bích không ngờ mình lại được may mắn lái máy bay cho một vĩ lãnh tụ giản dị, gần gũi với dân như con. Trong 9 năm lái máy bay đưa Bác đi công tác hay đi thăm đồng bào ông Bích nhận ra ở vị cha già dân tộc có một cái gì đó rất gần gũi. Lần đầu tiên làm phụ lái cho Menlêép, ông rụt rè, e ngại, khi nghĩ tiếp xúc với Bác sẽ rất khó. Nhưng sau khi được Bác hỏi thăm quê quán và dặn: “Cháu cố học lái cho bằng anh, bằng em” thì ông Bích mới biết trong suốt cuộc đời hi sinh vì dân vì nước, Bác rất quan tâm đến người khác cho dù đó là một anh lính tập sự.

Ông Bích nhớ lại, vào năm 1963, sau khi lái máy bay đưa Bác và anh hùng vũ trụ Ti Tốp(German Titov) đi thăm Vịnh Hạ Long về, Bác đã cho người gọi tổ bay ông Bích lên Phủ Chủ tịch cùng ăn cơm

“Lần thứ hai cũng vậy, ăn cơm với Bác thì tôi được ăn nhiều rồi. Nhưng được Bác gọi lên Phủ Chủ tịch ăn cơm, xem phim thì mới hai lần. Tôi cảm giác giữa một nguyên thủ quốc gia với một người lái máy bay tầm thường như tôi không còn ranh giới nữa. Bác xem tất cả mọi người như con của một nhà”, ông Bích chia sẻ.

Một kỷ niệm đáng nhớ nữa là vào 3/1969. Năm đó máy bay Mĩ ném bom, cầu Long Biên bị hư hỏng nặng, đường ra sân bay Nội Bài bị chia cắt. Ngày hôm đó ông Bích nhận mật hiệu “chuyến cơ A” đi đón Bác từ sân bay Nội Bài.

“Tôi vẫn nhớ chuyến bay đưa Bác từ sân bay Nội Bài về Phủ Chủ tịch. Hôm đó tôi chờ Bác ở sân bay. Khi Bác bước lên máy bay để về Phủ Chủ tịch tôi nhận ra, Bác đã gầy yếu đi rất nhiều. Từ chuyến bay đó tôi cùng đội bay đi an dưỡng tại Tam Đảo. Và cũng từ đó tôi không nhận được mật hiệu “chuyến cơ A” hay thấy Bác bước đi rất thanh thoát từ Phủ Chủ tịch lên máy bay. Đó là “chuyến cơ A” cuối cùng của lịch sử Hàng không Việt Nam. Vào khoảng cuối tháng 8/1969, chúng tôi nghe Đài tiếng nói Việt Nam thông báo Bác lâm bệnh nặng được mấy ngày sau Chủ tịch Hồ Chí Minh mất”, ông kể.

Hiện nay trong ngôi nhà từ đường khá khang trang của ông Bích một gian dành riêng đặt bàn thờ Bác. Đến ngày mùng một, ngày rằm ông thường thắp hương lên bàn thờ. Đặc biệt đến ngày sinh nhật và ngày giỗ của Bác, ông tự mình đi mua hương hoa, trà bánh bày lên bàn thờ. Bác đối với ông như người cha trong đời.

Đình Xuân - *Infonet*

16. Bác Hồ qua ký ức của người cận vệ

Gần 30 năm qua, cứ đến ngày 19/5 hay ngày 2/9, Đại tá Nguyễn Hữu Trục lại dậy từ rất sớm, sửa soạn lễ vật để cùng con cháu thực hiện các nghi lễ tưởng niệm Bác Hồ ngay trong ngôi nhà nhỏ của mình. Đó không chỉ là cách để ông tưởng nhớ về người cha già vĩ đại của dân tộc mà còn là dịp để ông ôn lại những kỷ niệm

không thể nào quên trong 7 năm làm cận vệ cho Người.

Một đời noi gương Bác

Vị Đại tá năm xưa nay đã bước qua tuổi 81, sống ở thôn Giữa, xã Nghĩa Hưng, Lạng Giang (Bắc Giang). Mái tóc đã bạc trắng, giọng nói đã run run, tai có đôi phần nghễnh ngãng... nhưng tác phong của ông thì vẫn nhanh nhẹn, dứt khoát. Đặc biệt, khi nhớ lại khoảng thời gian 7 năm (gồm 5 năm làm nhiệm vụ bảo vệ vòng ngoài và 2 năm trực tiếp phục vụ Bác Hồ trong Phủ Chủ tịch) được cận kề bên Bác Hồ, giọng vị Đại tá già vẫn rung rung đầy xúc động.

Đại tá Nguyễn Hữu Trục sinh năm 1932 trong một gia đình thuần nông. Tháng 10/1950, ông tham gia lực lượng thanh niên xung phong phục vụ các chiến dịch Biên giới, Trần Hưng Đạo và Hoàng Hoa Thám. Vì hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, tháng 2/1955, ông Trục được nhận vào công tác tại ngành công an và tham gia một khóa huấn luyện nghiệp vụ.

Qua một thời gian huấn luyện nghiệp vụ, lần đầu tiên ông cùng đội cảnh vệ tháp tùng Bác Hồ đi thăm viếng nghĩa trang liệt sĩ vào dịp kỷ niệm Quốc khánh lần thứ 10. “Khi biết mình có tên trong danh sách cùng với đội cảnh vệ tháp tùng Bác Hồ đi viếng nghĩa trang liệt sĩ vào ngày 2/9/1955 tôi đã định nhảy và hét lên vì sung sướng. Nhiệm vụ không cho phép tôi bộc phát cảm xúc đó ra ngoài nhưng trong suy nghĩ tôi vẫn được phép dấy lên hai chữ hạnh phúc và vinh dự”, Đại tá Trục chia sẻ.

Sau lần đó, ông được điều về làm cảnh vệ vòng ngoài của Phủ Chủ tịch. “Có nghĩa là tôi được nhìn thấy Bác Hồ thường xuyên hơn, được thấy dáng Người hàng sáng tập thể dục, cho cá ăn, chăm sóc cây, nâng niu trái quả, ngồi trầm tư... Những cử chỉ, lời nói, việc làm đơn giản, bình dị, thường ngày đó cứ thấm dần vào tính cách và cuộc sống của những chiến sĩ bảo vệ, phục vụ Bác, trong đó có tôi...”, ông nói.

Những kỷ niệm không thể nào quên

Tháng 6/1957, ông được tham gia bảo vệ Bác Hồ trong lần Người về thăm quê hương Nghệ An. Sau đó, ông được đồng chí Vũ Kỳ phân công trực tiếp bảo vệ Bác Hồ trong Phủ Chủ tịch.

Theo Đại tá Trục, bảo vệ Bác Hồ trong Phủ Chủ tịch là việc thường ngày nhưng việc bảo vệ Bác ra ngoài thì phức tạp hơn nhiều. Khi ra khỏi Phủ Chủ tịch, Bác luôn muốn tận mắt nhìn thấy mọi thứ, trực tiếp tiếp xúc, thăm hỏi mọi người. Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III, Bác Hồ muốn đi thăm bà con nông dân, muốn trực tiếp ngắm nhìn ruộng đồng và quan sát cảnh bà con nông dân gặt lúa. Cánh đồng lúa ở khu vực tỉnh Hà Tây (cũ) được bố trí để Bác đến thăm nhưng khi phát hiện ra, Bác đã yêu cầu lái xe tiếp tục chạy mà không dừng lại nơi cảnh vệ đã bố trí trước. Bác còn nói vui nhưng hàm ý phê bình một cách tế nhị: “Các chú lại bố trí rồi. Làm gì có chuyện bà con đi gặt lúa mà đều ăn mặc quần áo đen giống

nhau thế?”.

Xe chạy đến cánh đồng lúa ở huyện Đan Phượng, thấy nhiều bà con đang gặt lúa, nói chuyện rộn ràng, khuôn mặt ai cũng tươi rói vì mùa vụ bội thu, Bác yêu cầu dừng xe. Bác xuống xe, xắn quần đi thẳng xuống ruộng lúa đến nơi có mọi người đang gặt thăm hỏi. Những người đang gặt ở các mảnh ruộng khác biết Bác Hồ đến thăm thì vui mừng khôn xiết. Họ vội vàng chạy đến bên Bác khi trong tay vẫn cầm nguyên liềm gặt lúa và đòn gánh khiến anh em cảnh vệ... toát mồ hôi.

Một lần khác, vào chiều 30 Tết năm 1960, Bác quyết định đi thăm chợ Đồng Xuân xem bà con tiểu thương buôn bán, đồng bào mua hàng, sắm Tết thế nào. Kế hoạch của cảnh vệ đề xuất là có người sẽ đến giúp Bác cải trang nhưng Bác không đồng ý. Bác tự mặc áo bông, đội mũ và quàng khăn rồi đi. Bác đến khắp các dãy hàng trong chợ, qua từng cửa hàng, đứng nhìn, ngắm, thậm chí hỏi mua hàng nhưng không ai nhận ra Bác.

Khi đến dãy hàng cuối cùng của chợ, có một cháu thiếu niên theo mẹ đi chợ, nhận ra Bác. Có lẽ do bất ngờ và sung sướng nên khi nhìn thấy Bác cháu bé đã reo lên “A! Bác Hồ”. Rất may cảnh vệ kịp phát hiện và ra hiệu cho cháu bé giữ im lặng.

Trong những chuyến đi công tác, Bác thường đến thăm người lao động, thiếu niên, nhi đồng, thăm nơi họ làm việc, sinh hoạt trước khi đến trụ sở chính quyền, nhà máy. Bác muốn biết tình hình làm việc, sinh sống của đồng bào trước khi làm việc với chính quyền, với lãnh đạo nhà máy. Đặc biệt, Bác luôn ăn, ở, sinh hoạt cùng đội ngũ cán bộ đi cùng trong những chuyến công tác dài ngày với tác phong giản dị, tiết kiệm...

Ông Trục kể, vào ngày nghỉ, Bác hay cùng cảnh vệ, đội ngũ phục vụ xem phim hoặc ngồi chơi trò gì đó. Có thể là đố vui, có thể là hỏi - đáp kiến thức về địa lý, lịch sử, hoặc là đặc tính của cây cối, con vật... Những lần như thế, Bác cháu rất chan hòa và vui vẻ.

Khánh Toàn - *Giadinh.net.vn*

17. Chiến sĩ công an kể chuyện 10 năm bảo vệ Bác Hồ

Với ông Lê Minh Thương ở xã Nghi Thịnh, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An thì 10 năm được làm nhiệm vụ bảo vệ Bác Hồ là quãng thời gian ông thấy hạnh phúc và sống có ích nhất.

Ông vẫn luôn tự hào khi kể cho mọi người nghe về công việc đó. Mỗi lần có dịp nhắc lại, hàng trăm kỷ niệm quý giá lại ùa về trong ông như mới hôm nào.

Đến xóm 2, xã Nghi Thịnh hỏi ông Thương thì ai cũng biết. Họ biết không phải vì nhà ông giàu hay ông đang làm quan to, chức lớn mà họ biết đến ông như một sự tự hào về người hàng xóm đã có thời gian 10 năm được giao trọng trách bảo vệ Bác

Hồ.

Những kỷ niệm khó quên

Ấn tượng đầu tiên của chúng tôi khi gặp ông Thường là sự nhanh nhẹn và phong thái khỏe khoắn ít gặp ở tuổi “xưa nay hiếm”. Mở đầu buổi trò chuyện, ông Thường dẫn chúng tôi vào gian phòng lưu niệm của gia đình để giới thiệu về những kỷ vật vô giá mà ông còn cất giữ được. Treo trang trọng trên bức tường giữa phòng là tấm hình ông chụp cùng với Bác và các cán bộ lãnh đạo Trung ương nhân dịp Đại tướng Nguyễn Chí Thanh từ chiến trường miền Nam ra báo cáo tình hình với Bộ Chính trị.

Ông giới thiệu tên từng người trong bức hình: “Bác Hồ và Bác Tôn ngồi ở giữa, tôi bế một cháu bé trong lòng ngồi bên phải Bác, rồi lần lượt xung quanh là các ông Nguyễn Chí Thanh, Lê Duẩn, Văn Tiến Dũng, Tố Hữu, Trường Chinh, Lê Đức Thọ, Xuân Thủy, Vũ Kỳ, Trần Quốc Hoàn...”. Lấy tấm khăn bông lau tấm hình, ông Thường rung rung nói trong xúc động: “Với tôi, tấm hình này là vô giá. Dù nghèo đói đến mấy mà có người trả chục cây vàng, tôi cũng không bao giờ bán”.

Miễn ký ức ulla về, ông Thường nhớ lại quãng thời gian 10 năm làm nhiệm vụ bảo vệ Bác. Năm 1960 ông được đưa về Cục Cảnh vệ, bảo vệ Đại hội Đảng lần thứ 3. Đến tháng 9/1960, ông được điều về bảo vệ Bác Hồ. Ban đầu chỉ bảo vệ vòng ngoài, dần dần ông mới được tiếp xúc với Bác nhiều hơn. 10 năm bảo vệ Bác, ông Thường có hàng nghìn kỷ niệm về Người. Ông nhớ lần đưa Bác đi chợ Đồng Xuân dịp Tết năm 1964. Để phòng trường hợp xấu xảy ra, mọi người phải hóa trang cho Bác và một người nữa giống như Bác.

Ông Thường có nhiệm vụ đi trước dò đường. Hôm đó trời mưa, lúc vào chợ, Bác đi xem quây lương thực, thực phẩm. Lại hàng thực phẩm tự do, Bác hỏi cô bán thịt bao nhiêu tiền 1 cân. Nghe Bác nói giọng Nghệ An quen quen, cô bán thịt cứ nhìn Bác chăm chăm. Đồng chí Phạm Lệ Ninh (Trưởng phòng bảo vệ Bác) nhanh trí nhảy vào đứng che phía trước, đẩy Bác ra và hỏi lại bằng giọng bắc. Thế là cô bán thịt không để ý nữa. Thật may, chứ không cả chợ Đồng Xuân sẽ vỡ òa khi biết Bác ghé thăm.

Đặc biệt là lần Bác về Thanh Hóa. Lúc đầu Bác ngồi xe có kính đàn hoàng, nhưng sau Bác lại chuyển sang xe CTAL 69 không có kính. Lúc đó dân đông lắm, ông Hồ Văn Ban - Phó chủ tịch tỉnh Thanh Hóa lúc bấy giờ - nói Bác ngồi xe xấu nhất. Thế là dân ulla vào, mãi Bác mới đi tiếp được. Đến khi Bác vào thăm xưởng sản xuất nông cụ Thanh Hóa, một lần nữa Bác lại bị bao vây giữa rừng người. Những công nhân tại đây khi biết Bác đến thăm, dù quần áo đang bụi bẩn nhưng đều bỏ dụng cụ làm việc chạy về phía Bác để được nhìn tận mắt, nắm tận tay. Những người đi theo bảo vệ Bác như ông Thường phải vô cùng vất vả mới đưa được Bác ra khỏi vòng vây của mọi người.

Suốt đời theo gương Bác

10 năm được gần gũi Bác, ông Thường được Bác dạy nhiều điều hay lẽ phải. Lần đầu tiên bảo vệ Bác đi bộ, ông Thường được Bác dạy rằng: “Cùng đi thì phải nói chuyện, làm như vậy quãng đường sẽ ngắn lại. Việc gì biết thì nói cho mọi người nghe, không biết thì phải hỏi, đừng im lặng làm thinh. Im lặng có thể là dốt hoặc là tự cao, tự đại...”. Sau khi Bác mất, ông Thường còn ở lại sửa sang mọi thứ trong Phủ chủ tịch một năm. Thời gian sau, ông được điều về công tác ở Cục Cảnh sát hình sự. Năm 1980, ông chuyển về Phòng Cảnh sát hình sự tỉnh Nghệ Tĩnh với chức vụ Đội trưởng Đội săn bắt cướp.

Năm 1990, ông Thường về nghỉ hưu với hàm trung tá. Suốt cuộc đời hoạt động, ông đã được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều huân, huy chương cao quý như Huân chương Kháng chiến hạng nhất, Huân chương Chiến công hạng nhất. Đặc biệt, quý hơn cả là tám Huy hiệu Bác Hồ do chính tay Bác tặng ông vào năm 1968.

Ngoài ra, còn một phần thưởng vô giá mà ông Thường được nhận chính là những bài học làm người mà ông học được trong suốt 10 năm gần Bác. Trong tiệc tùng Bác không bao giờ uống bia rượu. Những lúc tiếp khách, Bác cũng nâng li nhưng không uống. Đi công tác ở đâu, Bác không bao giờ cho phép tổ chức tiệc tùng, đình đám, tránh lãng phí tiền của nhân dân.

Ông Thường tâm sự: “Người là lãnh tụ, là kho tàng vĩ đại của dân tộc ta. Dù có học suốt đời cũng không thể thấm nhuần hết đạo đức của Người”. Chính vì vậy, dù trong lúc đang công tác hay lúc đã về hưu, ông Thường luôn định hướng cho thế hệ trẻ phải học tập và làm theo tấm gương của Bác. Ngay ở trong gia đình mình, những lúc rảnh rỗi, ông lại gọi con cháu lại để kể những câu chuyện về Bác Hồ, để cho con cháu học tập, noi theo.

Dòng Đời - *Danviet.vn*

18. Hồi ức nữ cảnh vệ đầu tiên của Việt Nam

Đại tá Thuận, nữ cảnh vệ đầu tiên của Việt Nam kể lại những kỷ niệm đáng nhớ về những năm tháng bảo vệ các lãnh đạo cấp cao.

Ở căn nhà nằm sâu trong một ngõ nhỏ tại Hà Nội, đại tá Nguyễn Thị Bích Thuận, nguyên là Phó Cục trưởng thuộc Bộ Tư lệnh cảnh vệ (Bộ Công an) vẫn minh mẫn, khỏe mạnh dù năm nay đã ngoài 90 tuổi. Trong số những cán bộ được vinh dự bảo vệ Bác, bà là nữ cảnh vệ được đào tạo chuyên nghiệp đầu tiên.

Lần đầu gặp Bác Hồ

Bà Thuận kể, lần đầu được **thấy** Bác là trong ngày Bác đọc *Tuyên ngôn độc lập*. “Tôi nhìn Bác chăm chú, nhớ ra đã thấy ảnh Bác in trong sách do mật thám Pháp in để nghiên cứu, tìm hiểu Đảng cộng sản Đông Dương. Sau ngày Nhật đảo

chính Pháp có một người bạn đưa cho tôi xem, nhưng lúc ấy tôi đâu biết đó là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Lần thứ hai bà Thuận được gặp Bác là lần chúc tết Bác dịp tết Bính Tuất năm 1946, Tết đầu tiên của đất nước Việt Nam độc lập.

“Lúc đó tôi và một chị nữa tranh nhau đứng cạnh Bác. Lúc ấy, Bác rất tinh tế khi đứng giữa hai chị em chúng tôi rồi chụp ảnh. Một cử chỉ tuy nhỏ nhưng khiến chúng tôi tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Người”, bà Thuận nói.

Khép kín, tuyệt mật

Theo bà Thuận, rất nhiều nguyên tắc và phương pháp bảo vệ của ngành công an sau này đều thừa hưởng từ điều mà Bác dạy: “Không ngừng học hỏi và luôn dựa vào nhân dân, vào đồng chí, cơ quan. Học những phương pháp của nước ngoài là tốt, nhưng phải ứng biến, vận dụng phù hợp với điều kiện Việt Nam”.

Năm 1961, bà Thuận là một trong những sinh viên tốt nghiệp khóa đầu tiên ở Đại học Y Dược với tấm bằng đỏ.

Nhận nhiệm vụ từ ông Trần Quốc Hoàn, Bộ trưởng bộ Công an khi đó, nữ chiến sĩ Nguyễn Thị Bích Thuận được chuyển sang làm công tác Cảnh vệ.

Trong lần đầu được điều động làm công tác bảo vệ an ninh cho Đại hội Đảng lần thứ 3, bà Thuận làm việc cùng một nữ cảnh vệ chuyên trách an ninh cho Chủ tịch Mao Trạch Đông của Trung Quốc.

Nữ chuyên gia Trung Quốc tỏ ra vô cùng ngạc nhiên trước những phương pháp kiểm định thực phẩm cực nhanh và chuẩn của bà Thuận.

Nếu dùng phương pháp kiểm định chính quy, thường phải 1 tuần mới cho kết quả, trong khi bà Thuận chỉ mất vài giờ đồng hồ để cho kết quả tuyệt đối khớp với chuyên gia Trung Quốc.

“Lúc đó tôi làm bằng phương pháp nghiệp vụ kết hợp kiến thức khoa học, vẫn đảm bảo tính an toàn nhưng quan trọng là phải nhanh, chuẩn trong điều kiện Việt Nam chưa có nhiều tiềm lực tài chính để mua sắm trang thiết bị đắt tiền”, bà Thuận nói.

Bảo đảm an toàn tuyệt đối về thực phẩm là nhiệm vụ quan trọng nhất của lực lượng kỹ thuật bảo vệ trong ngành công an.

Ít ai biết rằng, bà Thuận là một trong những chiến sĩ có công đầu trong việc vận chuyển những bó hoa lay ơn tươi rói sang cho Đại hội Đảng cộng sản Liên Xô (cũ) lần thứ 22, được tổ chức năm 1962.

Lần đó, bà Thuận đứng đầu đội cán bộ đưa những củ hoa lay ơn đã qua chọn lọc xuống trồng tại Hải Dương. Đến ngày thu hoạch, bà Thuận lại xuống tận nơi, kiểm tra từng bông hoa một để đảm bảo tuyệt đối an toàn rồi sau đó “áp tải” hoa sang tận Matxcova.

Các đại biểu dự Đại hội Đảng cộng sản Liên Xô đã vô cùng bất ngờ và thích thú khi thấy những bông hoa lay ơn rực rỡ khoe sắc trong phòng họp giữa mùa đông giá lạnh ở Matxcova.

Bà Thuận cũng từng trực tiếp làm việc với nhiều chuyên gia Trung Quốc, Liên Xô trong đội ngũ bảo vệ Mao Trạch Đông, Stalin. Năm 1962, bà được cử sang Liên Xô làm việc cùng các chuyên gia cao cấp trong đội bảo vệ Stalin. Tại đây, bà Thuận có dịp tiếp xúc những kỹ thuật tối tân của thế giới thời đó.

Cảm phục sự thông minh, chăm chỉ của nữ chiến sĩ cảnh vệ Việt Nam, các chuyên gia Liên Xô tặng bà quyển sổ tay ghi chép những biện pháp tuyệt mật về những khâu kiểm định an toàn. Kinh nghiệm quý báu của các chuyên gia Liên Xô sau này được bà vận dụng rất thành công và truyền dạy lại cho những thế hệ cán bộ tiếp theo.

“Cho đến nay, lực lượng cảnh vệ nói chung và lực lượng kỹ thuật bảo vệ nói riêng chưa từng để xảy ra sai sót nào đáng kể, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho các lãnh đạo trong những chuyến công tác trong và ngoài nước”, bà Thuận nói với giọng tự hào.

Nhân chứng lịch sử

Đầu tháng 1/1947, trước Tết Nguyên đán Tân Hợi, bà Thuận được giao nhiệm vụ “mã” bức thư đánh qua điện đài mật của Trung ương vào mặt trận Liên khu I.

Đó là bức thư của Bác Hồ: “... Các em là đội cảm tử. Các em quyết tử để Tổ quốc quyết sinh. Các em là đại biểu cái tinh thần tự tôn tự lập của dân tộc ta mấy nghìn năm để lại, cái tinh thần quật cường đó đã kinh qua Hai Bà Trưng, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung, Phan Đình Phùng, Hoàng Hoa Thám truyền lại cho các em.

Nay các em gan góc tiếp tục cái tinh thần bất diệt đó, để truyền lại cho nòi giống Việt Nam muôn đời về sau...”.

Trong kháng chiến chống Pháp, bà được mã hóa bức điện Bác gửi vào cho cán bộ chiến sĩ mặt trận Liên khu I. Bức điện lịch sử được gửi đi từ cơ sở bí mật tại Mễ Trì, Hà Nội.

Nội dung là lời Bác căn dặn chiến sĩ quyết tâm bảo vệ nền độc lập nước nhà: “Các em quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”.

Câu nói ấy sau này qua nhiều lần hội thảo, qua nhiều lần xác nhận, đã được UBND TP. Hà Nội xây dựng đài tưởng niệm tại Vườn hoa Hàng Đậu xưa, nay là Vườn hoa Vạn Xuân...

Theo nguyên tắc giữ bí mật, bà Thuận không được lưu giữ bức điện và các công văn, giấy tờ khác.

Sau đó, bà Thuận lại “dịch” bức điện của Liên khu I hứa với Trung ương Đảng và Bác Hồ, thề “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”, thể hiện quyết tâm hi sinh xương

máu để bảo vệ độc lập, chủ quyền của Tổ quốc.

Ít người biết rằng, bà Thuận là người sau này đã kiên trì 8 năm liên tục kiến nghị để sửa lại câu khẩu hiệu cho đúng như lời của Bác Hồ là: “Quyết tử để Tổ quốc quyết sinh”.

“Bác viết là “đề”, chứ không phải là “cho”, hoặc “đề cho”, vì Bác Hồ của chúng ta là người làm việc vì dân, vì Đảng, phục vụ nhân dân, phục vụ Đảng.

Bác không bao giờ lấy cương vị Chủ tịch nước, lãnh tụ Đảng để đặt mình cao trên Tổ quốc, trên nhân dân.

Vì vậy, Bác không dùng từ “cho”, hoặc “đề cho” - từ thường dùng của người bề trên với kẻ dưới. Bác dùng từ chuẩn xác, trợn nghĩa, dễ thấm, dễ hiểu, hợp với đức “vì mọi người” của Bác”, bà Thuận kể lại với giọng xúc động.

Văn Việt - VTC.vn

19. Người phụ nữ dân tộc H're 5 lần gặp Bác Hồ

Là diễn viên trong Đoàn văn công Quân khu 5, bà Từ Công Lễ (SN 1940, trú 275-21 Trường Chinh, Đà Nẵng) cùng đồng đội may mắn được biểu diễn cho Bác Hồ xem và được gặp Bác 5 lần. Những lần gặp Bác là những kỷ niệm không bao giờ quên trong cuộc đời bà.

Trong căn nhà nhỏ nằm trong hẻm đường Trường Chinh, thành phố Đà Nẵng, bà Từ Công Lễ đặt bàn thờ Bác Hồ trang trọng giữa nhà. Tay run run thấp nén nhang, bà Lễ cho biết, mỗi ngày nhìn lên ảnh Bác, bà lại nhớ về những lần may mắn được gặp Bác, như Bác đang có ở bên cạnh.

Xuất thân là người dân tộc H're, con một gia đình có truyền thống cách mạng thời kỳ chống Pháp, quê ở Quảng Ngãi, năm 1954 bà Lễ vừa tròn 14 tuổi được chọn ra miền Bắc học tập. Trước khi đi, bạn bè, bà con hàng xóm cùng là người dân tộc H're dặn đi dặn lại là nếu có gặp được Bác Hồ thì phải nhìn thật kỹ Bác để về miêu tả lại. Bởi bấy lâu người dân tộc H're yêu kính Bác Hồ nhưng mới chỉ nghe Bác nói trong Đài mà chưa được nhìn thấy Bác ở ngoài đời.

Nhờ chăm chỉ học tập xuất sắc nên vào tết Trung thu năm 1956, bà Lễ vinh dự nằm trong đoàn giáo viên, học sinh đến Phủ Chủ tịch gặp Bác Hồ. “Khi đó tôi hồi hộp lắm vì nghe tiếng Bác nói từ lâu nhưng chưa một lần nhìn thấy Bác ngoài đời. Khi tới Phủ Chủ tịch, mọi người đều nhìn lên cầu thang tưởng Bác đi lên từ đó, ai ngờ Bác đi tới đằng sau lưng mọi người với giọng nói ấm áp, truyền cảm làm ai cũng bất ngờ quay lại và mừng rỡ. Bác hỏi: “Các cháu muốn ăn kẹo không?”. Chúng tôi đồng thanh đáp: “Dạ có”. Rồi Bác nói với các cô các chú chia bánh kẹo cho chúng tôi. Sau đó Bác hỏi tiếp: “Các cháu có muốn xem phim không?”. Chúng tôi đồng thanh đáp: “Dạ có”. Bác lại nói: “Thôi, bây giờ hát bài *Kết đoàn* đã rồi xem phim sau”. Bác hỏi: “Ai lên bắt nhịp nào? Ai là người dân tộc? Có khoảng 7-8

người giơ tay lên trong đó có tôi. Bác nhìn tôi và nói: Cháu bắt nhịp hát bài *Kết đoàn* nhé. Và tôi bắt nhịp tất cả mọi người cùng hát...", bà Lễ xúc động kể lại.

Khi mọi người cùng hát thì bà Lễ cứ chăm chăm nhìn Bác và lại gần bên trái Bác ngồi xuống xin phép Bác nhìn thật kỹ để về kể lại cho đồng bào dân tộc H're. "Khi đó tôi ngồi bên cạnh Bác, xin phép Bác cầm tay và vuốt chòm râu, Bác khẽ gật đầu và đôi mắt rung rung, nhìn tôi âu yếm. Tôi thấy Bác giản dị, gần gũi lắm. Đó là lần đầu gặp Bác cảm động nhất cuộc đời tôi", bà Lễ kể lại.

Hôm đó, Phủ Chủ tịch chiếu phim gì bà Lễ cũng không biết vì cả buổi bà mãi ngắm Bác Hồ. Thậm chí đến khi về nhà, những cái kẹo Bác cho, tất cả học sinh không ai ăn và cất giữ, nâng niu như báu vật.

Bà Lễ kể tiếp "Năm 1957, Bác Hồ về Vinh (Nghệ An) nói chuyện với các đơn vị bộ đội miền Nam tập kết ra Bắc, tôi may mắn được gặp Bác lần 2 nhưng lần gặp này tôi chỉ đứng xa nhìn Bác. Năm 1961, Bác về Nghệ An thăm quê, Đoàn văn công cử tôi và một nữ diễn viên ra sân bay tặng hoa Bác. Gặp Bác ở sân bay và được tặng hoa Bác tôi xúc động vô cùng. Hôm ấy Bác mang bộ đồ màu nâu nhìn rất giản dị. Sau khi về thăm quê, Bác đã đến thăm, nói chuyện với bộ đội Quân khu, trong đó Đoàn văn công chúng tôi cũng được gặp. Đó là hai lần gặp Bác trong năm 1961. Nhưng lần gặp Bác mà có lẽ suốt đời tôi không bao giờ quên là vào năm 1967, Đoàn văn công chúng tôi vinh dự được vào Phủ Chủ tịch biểu diễn 30 phút phục vụ Bác với tiết mục tấu hài *Tổng ngốc sa lũy* (nội dung muốn nói về tổng thống Mỹ sa lũy ở chiến trường miền Nam, Việt Nam). Xem tiết mục này, Bác Hồ rất thích, cười sáng khoái nên anh chị em văn công ai nấy cũng vui lây...".

Khi biểu diễn xong tiết mục *Tổng ngốc sa lũy*, tốp nữ tiếp tục biểu diễn màn múa *Tay chài, tay súng*; do mãi ngắm Bác Hồ nên bà Lễ quên không búi tóc. Khi đó nhạc bắt đầu dạo, chồng bà là ông Lê Tôn Sùng gọi to: "Tóc, tóc!". Nghe tiếng chồng gọi, bà Lễ mới biết mình chưa búi tóc và vội búi lại mái tóc dài. Trong suốt thời gian múa, bà cứ nơm nớp lo tóc sẽ xổ xuống làm hỏng màn diễn, không hoàn thành nhiệm vụ thì sẽ ân hận suốt đời. May mắn tóc không xổ xuống, tiết mục thành công tốt đẹp. Xem xong, Bác Hồ lên sân khấu bắt tay từng người một và nói: "Các cháu diễn hay lắm. Các cháu có đói không? Các cháu ăn phở nhé!". Nói xong Bác quay sang nhà thơ Tố Hữu đứng bên cạnh, căn dặn: "Chú Hữu nhớ cho các cháu ăn thật no, thật ngon vào. Nói xong mọi người cùng chụp ảnh với Bác, tôi chen vào đứng gần Bác. Đây là lần cuối cùng tôi may mắn được gặp Bác".

Bà Lễ công tác trong Đoàn văn công Quân khu 5 cho tới năm 1982 là nghỉ hưu với quân hàm Đại úy. 5 lần gặp Bác bà Lễ kính yêu tính giản dị, gần gũi và thương dân của Bác. "Cuộc đời của tôi nếu không có Đảng, không có Bác thì một người dân tộc H're như tôi chắc không có ngày hôm nay", bà tâm sự.

Đức Hoàng - *Giadinh.net.vn*

20. Nữ biệt động “thép” 8 lần gặp Bác Hồ

Những ngày nắng nóng gay gắt, các vết thương cũ tái phát khiến nữ thương binh nặng 1/4 Trần Thị Kim Cúc cảm thấy đau nhức khắp người. Vậy mà, nhắc đến những lần được gặp Bác Hồ, giọng bà trào dâng niềm xúc động sâu xa.

Trần Thị Kim Cúc sinh năm 1936, tại vùng quê nghèo xã Hòa Phong, huyện Hòa Vang (Đà Nẵng). Bà làm giao liên cho huyện ủy Hòa Vang từ năm 14 tuổi. Năm 1961, bà được tổ chức phân công làm đội trưởng đội công tác đặc biệt, có nhiệm vụ thăm dò tình hình địch, đưa thông tin liên lạc cho cách mạng. 4 năm sau, bà vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng. Dũng cảm, mưu trí, gan dạ, bà đã tham gia nhiều trận đánh “tìm Mĩ mà diệt” làm nức lòng đồng bào và chiến sĩ. Nhiều lần bị địch bắt, tra tấn cực kỳ tàn độc nhưng bà vẫn kiên cường giữ vững khí tiết của người cộng sản. Ra tù, được tổ chức bí mật đưa ra Bắc chữa bệnh, bà vinh dự 8 lần được gặp Bác Hồ.

Bà Cúc bồi hồi nhớ lại: “Một buổi chiều giữa năm 1966, tôi và chị Mười quê ở Mĩ Tho, Tiền Giang nằm điều trị chung một phòng ở Bệnh viện Việt - Xô, được thông báo sắp có người trong Phủ Chủ tịch đến thăm. Tối đó, một chiếc ô tô con đỗ trước hiên Khoa A1. Một ông già dáng dong dong, râu tóc bạc, nét mặt đôn hậu, mặc bộ bà ba màu nâu sẫm, chân đi dép cao su và một người trẻ tuổi hơn (về sau tôi mới biết là chú Vũ Kỳ, thư ký của Bác), nhanh nhẹn đi về phía buồng bệnh. Tôi hồi hộp nói với chị Mười: “Đúng là Bác rồi, chị ơi!”. Chúng tôi định chạy ra, thấy thế Bác liền vẫy tay, bảo: “Hai cháu đừng chạy, ngã đấy!” rồi đưa hai tay đỡ chúng tôi. Tôi ôm lấy Bác mà nước mắt cứ trào ra. Ước mơ cháy bỏng ấp ủ bấy lâu, bây giờ đã thành hiện thực!

Chú Trịnh Kim Ảnh, Giám đốc Bệnh viện thưa với Bác: “Cô Cúc ngoài các vết thương trong người còn có 2 vết thương rất nặng: Vết thương ở đầu do bọn địch đóng đinh vào gây chấn thương não, để lại di chứng động kinh kéo dài. Vết thương thứ 2 ở cửa mình vẫn ra máu do mảnh vụn đèn neon địch tra tấn”. Nghe vậy, mắt Bác ngấn lệ. Người đưa tay sờ lên vết thương trên đầu tôi, lo lắng hỏi: “Đau thế, đêm cháu ngủ có được không? Cháu ăn có biết ngon miệng không?” Tôi liền thưa: “Dạ thưa Bác! Con ăn và ngủ cũng được ít”. Bác đưa tay vẫy anh Bình, Chủ nhiệm khoa A1 lại gần, căn dặn: “Chú phải theo dõi cả việc ăn uống của các cháu, nhắc nhà bếp phải thường xuyên đổi món và chế biến thức ăn cho hợp khẩu vị. Ở miền trong thường thích món cá nấu chua lắm!”.

Sau lần đó, tôi và chị Mười còn nhiều lần được đón vào Phủ Chủ tịch cùng ăn cơm với Bác và chú Tô (tức Thủ tướng Phạm Văn Đồng). Tình cảm của Bác dành cho chúng tôi sâu nặng, áp áp như tình thương của người cha vậy. Biết bệnh của chúng tôi không thuyên giảm, Bác quyết định đưa sang Trung Quốc chữa trị và động viên 2 chị em cố gắng học tiếng nước bạn, để nếu có nhà báo đến thì kể cho họ nghe về tội ác của đế quốc Mĩ và ý chí chiến đấu kiên cường của đồng bào ta. Khắc ghi lời Bác, tôi vừa chiến đấu với bệnh tật vừa nỗ lực học hỏi, luyện cách

giao tiếp bằng tiếng Trung. Sau gần 2 năm, các vết thương được chữa lành, trở về Hà Nội, tôi được Bác cho xe đón vào Phủ Chủ tịch. Đó là buổi chiều 30 tết Mậu Thân 1968, tiết trời se lạnh, Bác bảo chú Vũ Kỳ đưa ra một cái khăn và chiếc mũ ấm bảo tôi mang vào kéo lạnh (Chiếc khăn này tôi đã tặng lại Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Quân khu 5). Rồi Bác ân cần hỏi thăm sức khỏe, và bất ngờ hỏi bằng tiếng Trung: “Cháu đã học được tiếng nước bạn đến đâu rồi? Bác hỏi một câu, cháu trả lời Bác nghe thử”. Tôi lúng túng thưa với Bác cũng bằng tiếng Trung, Bác khen và dặn: “Có chí, ở hoàn cảnh nào học cũng được, cháu ạ!”. Tôi trình bày nguyện vọng muốn được trở về miền Nam đánh giặc, mắt Bác rung rung. Bác bảo hãy cố gắng giữ gìn sức khỏe, vì người còn yếu thể chưa về được đâu”.

Sau đó, Trần Thị Kim Cúc học văn hóa tại Trường phổ thông lao động Trung ương, đầu năm 1969, được Đài tiếng nói Việt Nam nêu gương về thành tích học tập. Bà kể: “Nhận được tin ấy, Bác bảo đồng chí Vũ Kỳ đến trường đón tôi. Bác ôm chầm lấy tôi như một người cha đón đứa con sau bao ngày xa cách. Tình cảm của Bác vẫn nồng ấm, nhưng cử chỉ và giọng nói đã yếu đi nhiều. Bác dặn chú Tô bằng giọng khàn khàn: “Sau này, tôi có mệnh hệ gì, không chăm lo được cho cháu Trần Thị Cúc và cháu Trần Thị Lý (Anh hùng LLVTND, quê Điện Quang, Điện Bàn, Quảng Nam) thì nhờ chú thay tôi chăm lo cho hai cháu đến nơi đến chốn”.

Đến chiều, chú Vũ Kỳ đưa tôi trở lại trường, Bác lấy tay xoa nhẹ lên đầu tôi và bảo: “Cháu về trường, nhớ giữ gìn sức khỏe, Bác gửi lời thăm thầy cô, bạn bè của cháu!”. Nghe thế, tôi cắn môi lại cố không để bật ra tiếng khóc, lòng thầm ao ước: “Cầu mong Bác mạnh khỏe, bình an”. Nào ngờ đó cũng là lần cuối cùng tôi được gặp Bác. Ngày 2/9 năm ấy Bác đã đi xa mãi mãi”.

Sau này, bà Cúc thi đỗ vào khoa Hóa Trường Đại học Bách khoa Hà Nội, học đến năm thứ tư thì vết thương tái phát, đôi mắt không nhìn được, phải sang chữa trị tại Cộng hòa Dân chủ Đức. Mãi đến sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, bà mới được trở về quê hương. Hiện nay, bà đang sinh sống trong căn nhà nhỏ số 149 đường Thanh Long, phường Thanh Bình, quận Hải Châu, Đà Nẵng. Các con của bà đều đã trưởng thành, trong đó 2 người con trai đang công tác trong quân đội (Đại úy Huỳnh Thanh Hà Nam, trợ lý Ban Chính trị - Cục Chính trị Quân khu 5 và Thượng úy Huỳnh Trần Thanh Hải, trợ lý thanh niên Bộ CHQS thành phố Đà Nẵng). Bà bảo: “Tôi thường kể cho các con nghe kỷ niệm về những lần được gặp Bác Hồ. Đó chính là hành trang để các cháu trọn đời vững bước đi theo con đường mà Đảng, Bác Hồ đã lựa chọn”.

Đỗ Thị Ngọc Diệp - *Giadinh.net.vn*

21. Tình thương yêu của Bác Hồ với các chiến sĩ bảo vệ

Trong quá trình đi sưu tầm tài liệu viết *Lịch sử công tác Đảng, công tác chính trị trong Bộ đội Biên phòng*, chúng tôi đã gặp Đại tá Nguyễn Văn Lợi, nguyên

Chính ủy Trung đoàn 600 Công an nhân dân vũ trang - đơn vị bảo vệ Bác Hồ, các đồng chí lãnh đạo Đảng và Nhà nước. Ông Lợi kể nhiều chuyện về những ngày bảo vệ Bác Hồ trên chiến khu Việt Bắc và những năm tháng ở Thủ đô Hà Nội. Tôi nhớ nhất chuyện ông Lợi và đồng đội đi bảo vệ Bác trong một chuyến công tác.

Giọng ông Lợi đều đều kể. Đêm ấy, ông Lợi làm nhiệm vụ trực ban nên phải đi kiểm tra các mục tiêu đơn vị bảo vệ. Ông về đến doanh trại thì trời đã gần sáng. Ngay lúc đó, cấp trên lệnh cho ông cùng hai chiến sĩ chuẩn bị tư trang gấp để lên đường đi công tác gấp. Sau mấy phút chuẩn bị chóng vánh, ông và đồng đội đã có mặt ở vị trí quy định. Vừa đến nơi, ông Lợi ngỡ ngàng đã thấy Bác Hồ ngồi ở trong xe. Ông Lợi hô anh em đứng “ng nghiêm” chào Bác, rồi sau đó lên xe đi bảo vệ Bác.

Hơn một tiếng đồng hồ sau, xe của Bác cũng đã đến nơi quy định trước. Bác xuống xe đi thăm hỏi đồng bào, cơ quan rồi sau đó mới nghe báo cáo của các đồng chí lãnh đạo địa phương. Xong công việc trời cũng đã quá trưa, Bác cháu mới được ăn cơm. Cơm nước xong, ông Lợi và anh em trong tổ bảo vệ đề nghị Bác nghỉ trưa ít phút để có sức khỏe, chiều lại đi thăm đơn vị khác. Bác chỉ cười và nói: “Thời gian có ít phải tranh thủ đi ngay”.

Quãng đường đến đơn vị khác cũng không dài lắm, nhưng phải qua đèo, nhiều con suối sâu và rộng. Có những con suối nước chảy khá mạnh, lòng suối lại có nhiều đá cuội, rêu phủ rất trơn, đi không khéo dễ bị ngã. Ông Lợi và các chiến sĩ lúc đó tuổi mới ngoài hai mươi, lợi thủ cũng đã thấy vất vả lắm, huống chi Bác Hồ tuổi đã cao, sức lại yếu. Vì thế, ông Lợi và hai chiến sĩ rất lo lắng. Ông Lợi và anh em bàn nhau chuẩn bị một con đò của dân để đưa Bác qua suối. Mọi người bí mật chờ Bác ra gần suối mới mời Bác xuống đò. Thấy vậy, Bác nhìn ông Lợi và hai chiến sĩ rồi hỏi:

- Suối sâu nhưng có lợi được không?

Ông Lợi đứng “ng nghiêm” báo cáo thật với Bác:

- Thưa Bác, nước suối chảy xiết, lòng suối có nhiều đá cuội, rêu phủ rất trơn, có nhiều chỗ sâu, lợi chỉ ngang người.

Nghe ông Lợi báo cáo xong, Bác bảo:

- Nếu lợi được thì ta cứ lợi mà đi! Tranh thủ thời gian chúng ta đến cơ sở.

Vốn được đi bảo vệ Bác nhiều lần, nhiều năm, nên ông Lợi rất hiểu tính Bác. Bao giờ cũng vậy, Bác không muốn làm phiền mọi người. Những việc Bác làm được là Bác làm lấy, không muốn người khác làm thay.

Vừa nói Bác vừa xắn quần, chống gậy lội xuống suối trước cả ông Lợi và hai chiến sĩ. Hôm đó, Bác mặc bộ quần áo lụa màu nâu, chân đi đôi dép cao su to bản có quai hậu quen thuộc. Lúc này, trời đã ngả về chiều, nắng vàng nhạt, gió hơi to. Bác Hồ không đội mũ. Mái tóc bạc của Bác bay bay trong gió. Trong ánh nắng nhạt buổi chiều, da Bác hồng hào, trông Bác chẳng khác gì ông tiên giáng trần. Vừa lội suối, Bác vừa kể chuyện vui cho các chiến sĩ nghe để quên đi vất vả. Bác hỏi ông

Lợi và anh em trong tổ đã tìm hiểu con suối này chảy từ đâu ra và có cách gì để lấy nước phục vụ tăng gia sản xuất của đơn vị.

Đến đoạn chỗ nước chảy xiết và sâu, Bác lội chậm chậm. Bác trở tay gậy và đưa ra phía trước dò đường. Thình thoảng Bác lại nhắc ông Lợi và các chiến sĩ:

- Chỗ này, các chú cẩn thận, sâu đấy và có nhiều đá phù rêu trơn dễ trượt ngã!

Nghe Bác nói vậy, ông Lợi và các chiến sĩ cảm động đến trào nước mắt. Mọi người thấy thương Bác quá. Không ai bảo ai, nhưng trong lòng ông Lợi và các chiến sĩ ước sao được phép cống Bác qua suối, để Bác khỏi vất vả. Là người phục vụ Bác nhiều năm, ông Lợi biết tính Bác, nếu có đề nghị thì Bác cũng không cho phép. Ông Lợi và các chiến sĩ đành phải lội lại gần Bác và bao giờ cũng lội phía dưới dòng nước để phía trên nước trong, Bác dễ dò đường.

Gần vào đơn vị mới có một con suối sâu và rộng không thể lội sang được. Ông Lợi và các chiến sĩ lại chuẩn bị một con thuyền nhỏ mời Bác sang suối. Bác dẫn đo một lúc rồi sau mới đồng ý. Ông Lợi nhanh chóng nhảy xuống nước kéo thuyền vào sát bờ để hai chiến sĩ đưa Bác lên thuyền và ngồi gần chỗ lái. Khi Bác ngồi yên vị, ông Lợi đẩy thuyền ra và nhảy lên ngồi sau Bác. Thấy vậy, Bác bảo:

- Chú ngồi lên trên này để có chỗ cho người chèo thuyền!

Ông Lợi luống cuống khó xử, vì chiếc thuyền bé chỉ có 3 then ngang để ngồi. Biết ông Lợi đang phân vân lúng túng, Bác lấy tay quàng ngang người ông Lợi, cho phép được ngồi bên Bác. Tuy vậy, ông Lợi cũng không dám ngồi gần Bác, sợ Bác nóng, liền ngồi sát mép thuyền. Bác lại giơ tay ra kéo sát ông Lợi vào mình và nói:

- Chú ngồi sát vào đây kéo ngã xuống nước đấy!

Nghe Bác nói vậy, ông Lợi xúc động không ngăn nổi những dòng nước mắt sung sướng tuôn trào. Ông Lợi thầm nghĩ: “Không phải chúng con đi bảo vệ Bác mà chính Bác đang như người cha mang cả tấm lòng thương yêu trù mến bảo vệ và chăm sóc, dạy bảo chúng con từng li, từng tý để chúng con nên người. Ơn Bác đời đời chúng con ghi nhớ”.

Ông Lợi đang miên man suy nghĩ, con thuyền đã cập bờ lúc nào không hay. Bác lại giục ông bước lên bờ. Đường đến đơn vị mới còn một đoạn ngắn nhưng đường nhỏ, mấp mô và có dốc cao. Ông Lợi và anh em trong tổ không ai bảo ai, mọi người đi chậm lại có ý mong Bác thông thả bước cho đỡ mệt. Nhưng Bác tay chống gậy, chân vẫn bước đi đều đều. Đến chỗ dốc cao, hai chiến sĩ đi sát hai bên Bác, ông Lợi vội chạy lên trước, giơ tay để đón Bác. Bác giơ tay ra hiệu để Bác đi một mình, chưa cần các chú giúp. Cứ thế một tay chống gậy, một tay Bác vịn vào gốc cây, mấp mô Bác vượt lên, chẳng mấy chốc mà đến đỉnh dốc. Bác vượt qua con dốc đứng cao chênh vênh không chỉ bằng sức khỏe tuổi già, mà còn bằng ý chí và niềm tin.

Ông Lợi và đồng đội nhìn Bác leo dốc mà hai hàng nước mắt cứ trào ra vừa cảm động, sung sướng, vừa thương Bác. Sung sướng vì Bác đã vượt qua khó khăn,

vất vả để chiến thắng tuổi già, bệnh tật. Thương Bác cả cuộc đời chỉ biết chăm lo cho hạnh phúc nhân dân, thương yêu, chăm sóc, chỉ bảo cho các chiến sĩ như những đứa con bé bỏng của mình. Còn đối với Bác, Bác chẳng chịu để cho một ai được phép chăm sóc, ngay cả những người lính cận vệ của Người. Kể đến đây, khước mắt Chính ủy Nguyễn Văn Lợi, người lính già nhòe đi vì xúc động. Giây phút xúc động đi qua, ông nói với chính mình và cũng là nói với thế hệ mai sau:

- Năm tháng đã đi qua, những kỷ niệm ấy cứ sáng mãi trong lòng tôi, thôi thúc, giúp tôi vượt qua bao khó khăn thử thách của cuộc đời, kể cả trong binh nghiệp và sau này về với cuộc sống đời thường. Tấm gương đạo đức, lối sống của Bác Hồ như ngọn đèn soi sáng không chỉ cho hôm nay, mà còn cho các thế hệ mai sau học tập và noi theo.

Thi Vũ (Theo Đại tá Nguyễn Văn Lợi, Trung đoàn 600 CANDVT) -
Bienphong.com.vn

22 Chuyện ít biết về người lính pháo cao xạ được Bác Hồ tặng quà

Gần 50 năm trôi qua, nhưng chưa bao giờ ông quên giây phút được gặp Bác Hồ ngay trong trận địa sân bay Bạch Mai. Cuộc gặp ấy, ông là người được Bác mượn chiếc mũ sắt đội thử lên đầu.

Người lính được Bác cho quà

Trong chuyến công tác về Thái Nguyên, chúng tôi có dịp tìm đến vùng đất cách mạng Định Hóa nổi tiếng một thời. Tại đây, chúng tôi được dịp trò chuyện với ông Lương Phúc Thoại, khẩu đội trưởng khẩu đội 6. B2.C1E234. Suốt cuộc đời làm lính của mình, không bao giờ ông quên giây phút Bác Hồ bất ngờ đến thăm khẩu đội pháo của ông ngày 19/7/1965, tại trận địa sân bay Bạch Mai.

Năm 1963, khi vừa tròn 18 tuổi ông lên đường nhập ngũ theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc. Ông được điều về đơn vị pháo cao xạ 210 đóng tại Thái Nguyên. Năm 1964, ông được bổ sung sang tiểu đoàn 234 giúp nước bạn Lào. Cũng trong năm này diễn ra sự kiện Vịnh Bắc Bộ, đơn vị ông được lệnh trở về bảo vệ Thủ đô Hà Nội. Tháng 4/1965, khi địch đánh phá cầu Hàm Rồng (Thanh Hóa), với mục đích ngăn chặn sự chi viện của miền Bắc cho miền Nam, đơn vị ông lại tiếp tục lên đường vào Thanh Hóa chiến đấu. Địch bắn phá vô cùng ác liệt, thế nhưng không làm lung lay ý chí chiến đấu của quân dân Thanh Hóa và các đơn vị chiến đấu tại đây. “Chỉ trong hai ngày đầu tháng 4/1965, đơn vị tôi kết hợp cùng các đơn vị chiến đấu khác và nhân dân Thanh Hóa bắn rơi 47 chiếc máy bay”. Nói đến đây, gương mặt ông hiện rõ niềm tự hào. Cũng trong trận chiến này, vì chiến đấu không ngừng nghỉ, ông bị ảnh hưởng nặng bởi tiếng nổ. “Kết thúc mấy ngày chiến đấu, tai tôi bị điếc nặng. Rời khỏi trận địa, miệng toàn mùi thuốc súng, ăn uống cũng không có cảm giác. Ba ngày sau, tai tôi mới dần hồi phục, bắt đầu nghe

được tiếng nói của mọi người nhưng vẫn còn rất nhỏ”, ông bồi hồi nhớ lại.

Cuối tháng 5/1965, đơn vị ông có lệnh ra bảo vệ bầu trời Hà Nội. Đêm 16/7/1965, đơn vị được lệnh hành quân nghi binh suốt 5 cửa ô. Đến gần sáng thì tiến về trận địa sân bay Bạch Mai. Khi tập hợp quân, hầu như ai cũng trong trạng thái mệt mỏi. “Đúng lúc ấy, ở phía cổng có một chiếc ô tô tiến vào, khi đó khẩu đội tôi đang tập hợp gần cổng. Cửa xe mở ra, Bác Hồ bước xuống. Nhìn thấy Bác, mọi người đều thấy phấn chấn hẳn lên, những mệt mỏi sau trận hành quân đêm qua tan biến hết. Chúng tôi càng vui mừng hơn khi Bác tiến thẳng về phía khẩu đội của tôi. Trước đó, chúng tôi được thông báo là có lãnh đạo cấp cao quân đội hay Chính phủ đến thăm, nhưng thật bất ngờ đó là Bác Hồ. Gặp Bác, đó là niềm vui sướng nhất trong cuộc đời của tôi và của các chiến sĩ trong khẩu đội. Khi Bác Hồ tiến về phía khẩu đội của tôi, Bác thăm hỏi từng li, từng tí. Bác ân cần hỏi: “Các cháu ăn uống có đầy đủ không, đơn vị đã bắn rơi bao nhiêu máy bay”. Sau khi thăm hỏi xong, Bác lấy thuốc lá chia cho mọi người”. Kể đến đây, gương mặt ông bừng lên niềm tự hào.

“Sau khi chia thuốc lá cho sáu người trong đội, đến lượt tôi, tôi xin phép không nhận điều thuốc lá Bác cho. Thấy tôi không nhận, Bác hỏi: “Sao cháu không lấy?”, tôi trả lời: “Thưa Bác, cháu không hút thuốc lá ạ”. Nghe tôi nói thế, Bác bảo: “Ồ, không hút là tốt”. Bác nhìn chiếc mũ sắt trên đầu tôi và bảo tôi đưa chiếc mũ sắt cho Bác. Sau đó, Bác đội chiếc mũ sắt lên đầu và hỏi chiếc mũ ấy của nước nào, cái mũ này khi chiến đấu rất tốt, lại có thể dùng cho việc múc nước được. Tiếp đó, Bác cất tiếng hỏi công việc chiến đấu của đội, đại ý Bác nói: “Pháo chiến đấu của các cháu mỗi lần bắn bao nhiêu viên đạn thì rơi một máy bay”, chúng tôi trả lời: “Thưa Bác, pháo này bắn được 1.500 viên, bắn được ít máy bay lắm ạ”. Nghe vậy Bác bảo, như thế này thì tốn lắm, mỗi lần bắn, Bác chỉ cho phép các chú bắn 20 viên đạn một máy bay thôi.

Vâng lời Bác, các đồng chí trong đội pháo cao xạ của ông luôn cố gắng tới mức tối đa sử dụng đạn tiết kiệm nhất. Đưa tay chỉ vào bức ảnh, ông tâm sự: “Bức ảnh này chụp đúng hôm khẩu đội tôi được Bác Hồ đến thăm tại trận địa sân bay Bạch Mai. Có thể nói, đây là lần gặp mà suốt đời tôi không bao giờ quên. Những lời Bác dặn tôi và các đồng đội luôn ghi nhớ trong lòng và quyết tâm thực hiện”.

Những kỷ niệm không bao giờ quên

Trong cuộc đời cầm súng chiến đấu, không bao giờ ông quên câu nói của Bác: “Đế quốc Mỹ cày nhiều súng, nhiều máy bay B52, B57 gì đấy nhưng mà nó thua mình và chỉ thua mình trên bầu trời Hà Nội. Các chú phải quyết tâm, phải tiêu diệt bằng được và phải giành chiến thắng”. Câu nói này, ông ghi vào cuốn nhật ký trong cuộc đời làm lính để nhắc nhở mình phải thực hiện đúng theo lời Bác.

Còn nhớ trận chiến đấu ác liệt nhất chống lại máy bay địch bắn phá khu vực cầu Long Biên, các chiến sĩ khẩu đội chiến đấu ở đó hi sinh hết. Lúc này những chiến sĩ cao xạ các khẩu đội khác không sợ hi sinh, trong họ chỉ còn lòng căm thù

địch và ý chí phải hoàn thành nhiệm vụ. Theo lời ông Thoại, một người hi sinh, lập tức có người khác thay thế, bởi một khẩu đội pháo cao xạ phải đủ 7 người, mỗi người đảm nhiệm một nhiệm vụ. Dù mới hay cũ, thế nhưng để có chiến thắng, mọi người trong đội phải ý hợp tâm đầu, nếu không kết hợp chặt chẽ, sẽ bắn lệch trọng tâm hoặc bắn lên trời ngay.

Ông tâm sự: “Hôm hành quân ra cầu Long Biên chiến đấu bảo vệ cầu và nhà máy điện Yên Phụ, đồng chí pháo thủ số 6 đi ngay sau tôi, bị trúng bom bi hi sinh. Nén nỗi đau, tôi cùng anh em trong đội tiếp tục tiến về phía trước để chiến đấu. Bởi lúc ấy tình thế ngàn cân treo sợi tóc, cả đất nước đang đợi mình phía trước. Có thể nói, trong chiến tranh, sự sống và cái chết chỉ cách nhau trong gang tấc”. Ông nhớ lại lần đơn vị sang Lào cùng các đơn vị khác để bảo vệ, giúp đỡ đất nước bạn Lào. Trên đường hành quân, địch ném bom toạ độ khiến nhiều đồng đội của ông hi sinh nhưng các chiến sĩ vẫn kiên cường, dũng cảm, quyết tâm hoàn thành nhiệm vụ.

Cũng trong những năm tháng sống và chiến đấu ở Lào, ông bị sốt rét rừng hành hạ đến nỗi chỉ còn da bọc xương. Ông kể: “Những ngày đầu bị sốt rét, ngày nào tôi cũng lên cơn sốt li bì. Sau hai ngày mà chỉ còn da bọc xương, đi không nổi phải bò, lết. Sau 7 ngày nằm trong lán, tôi cố gắng bò ra trận địa, bởi nếu càng nằm, chắc chỉ còn nước chết. Lên đến nơi, mặc anh em khuyên nhủ cần nghỉ ngơi, tôi vẫn cố gắng sát cánh cùng anh em trong đội. Nhờ cố gắng ra trận địa, sức khỏe tôi tăng lên đáng kể. Từ hôm ấy, cơn sốt rét hạ dần. Rời quân ngũ, khi trở về nhà, vợ tôi còn không nhận ra vì chỉ còn da bọc xương. Có thể nói sốt rét rừng vô cùng đáng sợ, những ai chiến đấu ở rừng, hầu hết đều trải qua, mấy năm sau này tôi vẫn bị sốt rét hành hạ”.

Trở về từ quân ngũ khi đất nước hòa bình, ông theo học ngành luật rồi về làm ở toà án tỉnh Bắc Thái (cũ). Công tác hơn chục năm, ông về nghỉ hưu. Tuy nhiên, nhớ lời Bác dạy, không cho phép mình nghỉ ngơi, ông tiếp tục tham gia vào hội đồng y của huyện bởi ông biết một số bài thuốc gia truyền. Bên cạnh đó, ông còn đảm nhiệm chức phó ban liên lạc và hội cựu chiến binh quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam giúp cách mạng Lào của huyện Định Hóa (Thái Nguyên).

Hồng Mây - *Nguoiduatin.vn*

23 Chuyện kể về lời dặn cuối cùng của Bác

“Còn đất nước thì nhất định không được chia!”, đó là lời dặn của Bác trong lần chúc thọ cuối cùng của Người.

Đó là đêm 3/9/1969. Trên đường vượt dốc cao điểm 405 để chuẩn bị cho trận đánh mới, chúng tôi nhận được tin đau đớn: Bác Hồ qua đời. Mệnh lệnh của đơn vị gấp rút trở về hậu cứ chịu tang Bác. Chúng tôi như chết lặng giữa sườn núi. Tôi nhớ lại câu chuyện về người đồng đội Lê Nhật Tụng, người đã may mắn được gặp Bác Hồ lần cuối trong lễ mừng thọ Người trước lúc Người đi xa.

Lê Nhật Tụng là trung đội phó của đại đội 4, tiểu đoàn 2 Nghệ An đỏ, thuộc Trung đoàn 27 Xô viết Nghệ Tĩnh (nay là Trung đoàn 27 - Triệu Hải). Trong cùng một trận đánh tại bắc đường số 9 (Quảng Trị), anh đã dùng khẩu B41, lần lượt bắn tiêu diệt 6 xe tăng địch, trở thành dũng sĩ diệt tăng nổi tiếng mặt trận B5. Với chiến công đặc biệt xuất sắc đó, tháng 5/1969, Lê Nhật Tụng được vinh dự đại diện cho các chiến sĩ Quân giải phóng đường 9 Quảng Trị, tham gia đoàn đại biểu dũng sĩ Quân giải phóng miền Nam ra Hà Nội dự đại hội chiến sĩ thi đua. Cũng trong dịp này, Lê Nhật Tụng đã có được niềm hạnh phúc tốt cùng khi được tham gia đoàn đại biểu dũng sĩ Quân giải phóng miền Nam thăm, chúc thọ Bác Hồ. Để rồi, ngày trở lại đơn vị, trong hành trang của mình, ngoài chiếc Huy hiệu Bác Hồ do chính người tự tay gắn trên ngực áo của Lê Nhật Tụng, cùng tấm ảnh Lê Nhật Tụng đang cùng các dũng sĩ miền Nam quây quần bên Bác, còn có nguyên những câu chuyện cảm động về Bác Hồ. Những câu chuyện đó được Lê Nhật Tụng kể lại cho chúng tôi đã trở thành động lực giúp những người lính Trung đoàn 27 vượt qua những cam go, thử thách, sẵn sàng hi sinh xương máu vì độc lập tự do của Tổ quốc. Hồi đó, ai cũng khao khát được một lần gặp Người nên luôn cố gắng lập công. Trong đêm mưa đầu tháng 9/1969, giữa mặt trận khét lẹt đạn bom, tin Bác mất khiến ai cũng trào nước mắt tiếc nuối. Bất chợt trong nghẹn lòng tiếc thương, câu chuyện kể về lần thăm, chúc thọ Bác Hồ của Lê Nhật Tụng lại trở về... Chuyện rằng, hôm đó, mặc dù tuổi Bác đã cao, sức khỏe Bác không được tốt như trước, nhưng Bác vẫn dành cả một khoảng thời gian khá dài để tiếp và thăm hỏi nam, nữ dũng sĩ miền Nam. Trên bàn tiếp khách được bày sẵn những đĩa kẹo, bánh, trái cây. Mặc dù Bác liên tục nhắc mọi người ăn kẹo, uống nước, nhưng trong một không khí ấm áp tình cha con, cả đoàn như quên hẳn các đĩa kẹo, bánh, nước trà trên bàn. Cứ vậy, sau những lời thăm hỏi, động viên và tự tay mình gắn Huy hiệu cho từng người, Bác chia tay với đoàn. Nhưng ra đến cửa, Bác bỗng dừng bước, ngoảnh về phía dãy bàn còn nguyên các đĩa kẹo bánh và bình nước trà và nhắc: “Kẹo bánh của nhân dân cho đó, các cháu ăn không hết thì chia nhau mang về. Rồi bất ngờ Bác nhấn mạnh từng lời: Còn đất nước thì nhất định không được chia!” Đó chính là lời dặn, và cũng khát vọng thống nhất đất nước mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đau đáu suốt cả cuộc đời, thực sự là bài học về ý chí chiến đấu, hi sinh vì “độc lập tự do”, trở thành hành trang cho mỗi người lính chúng tôi đi tiếp suốt chiều dài chiến tranh, tiếp tục thực hiện ý chí, lời thề và là khát vọng thiêng liêng của mỗi con dân đất Việt: Vì độc lập tự do, vì sự nghiệp thống nhất đất nước. Giây phút đó, ngược nhìn lên thác nước đổ phía đầu suối Cù Đình, những câu thơ như theo bóng hình Bác bỗng đổ về thành lời: Đung đưa vũng mắc lung sườn dốc. Đem về gió núi lạnh tái tê. Vọng nghe suối đổ như triều dậy. Vẩn ám lòng con, bóng Bác về. Chúng tôi đã vĩnh viễn không bao giờ có dịp được gặp Bác như người đồng đội của chúng tôi. Nhưng Bác vẫn luôn hiện hữu bên chúng tôi trong từng chặng gian nan trận mạc với lời dặn như tạc vào lòng mỗi người lính giải phóng rằng: Đất nước không được chia!

Vtc.vn

24. Hồi ức người lính bảo vệ Bác Hồ khi Người về thăm quê

“Những đoạn đường được công binh kiểm tra cẩn thận Bác không đi. Người rẽ vào những con đường nhỏ để thăm hàng xóm. Những lúc đó, chúng tôi toát cả mồ hôi vì lo cho sự an nguy của Người”.

Đó là tâm sự của ông Nguyễn Mạnh Tấn (còn có tên gọi khác là Chu Mạnh Tấn) - người được vinh dự giao nhiệm vụ bảo vệ, đảm bảo an toàn cho Bác Hồ trong dịp Người về thăm quê hương Kim Liên (Nam Đàn, Nghệ An) lần thứ nhất, năm 1957.

Sinh năm 1927 ở Thái Bình, bước sang cái tuổi 86, ông Tấn không còn được minh mẫn như trước nữa. Đặc biệt là sau 2 cái tang đột ngột của con gái và cháu ngoại. Nhiều chuyện đã xảy ra, ông nhớ nhớ, quên quên nhưng kỷ niệm được gặp Bác Hồ bằng xương bằng thịt, được tham gia bảo đảm an toàn tuyệt đối cho Người, cứ như một cuốn phim được lưu giữ mãi trong ký ức của ông. Hôm nay, trong ngôi nhà khang trang ở xóm 14, xã Nghi Phú (TP. Vinh), cuốn phim ấy đã được tái hiện cho chúng tôi bằng giọng kể run run xúc động.

Sinh ra trong một gia đình địa chủ, ông được cho ăn học tử tế và nổi tiếng là người thông minh, học giỏi. Lớn lên đúng lúc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám diễn ra, ông từ già bút nghiên, tham gia hoạt động cách mạng. Cách mạng thành công, Nguyễn Mạnh Tấn lên đường nhập ngũ. Năm 1946, ông vinh dự được đứng vào hàng ngũ của Đảng.

Sau một thời gian công tác tại Trường Trần Quốc Tuấn với chức danh Hiệu ủy viên, ông được giao nhiệm vụ tuyển quân ở vùng Thanh - Nghệ - Tĩnh để phục vụ cho chiến trường Điện Biên Phủ. “Đang thực hiện nhiệm vụ tuyển quân thì cán bộ Trung ương báo tin Bác Hồ sẽ về thăm quê và giao cho tôi nhiệm vụ chuẩn bị công tác đón và bảo vệ Bác. Nhiệm vụ được giao trước khi Bác về thăm quê có mấy ngày thôi nên anh em chúng tôi vừa mừng, vừa lo. Sợ thời gian quá gấp rút, khó hoàn thành nhiệm vụ được giao nhưng vinh dự này không phải ai cũng có được. Chính vì vậy, tất cả anh em đều quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao”, ông Tấn nhớ lại.

Ngay ngày hôm đó, các kế hoạch bảo vệ Bác Hồ được triển khai, đơn vị ông Tấn có nhiệm vụ chuẩn bị đường sá và mọi công tác nhằm đảm bảo an toàn, thuận lợi cho Bác. Ông Tấn cho công binh đến rà mìn đoạn đường từ trung tâm huyện Nam Đàn đến xã Kim Liên. Tất cả các trục đường chính được lực lượng công binh rà soát cẩn thận, kỹ càng, rà đến đâu ông bố trí cho lực lượng bộ đội cải trang bảo vệ đến đó.

Công việc này được tiến hành trong vòng 4 ngày. Các công tác an ninh cũng được nhanh chóng hoàn thành. Ông Tấn còn được cấp trên trang bị một khẩu súng lục và giao nhiệm vụ phải luôn luôn có mặt bên cạnh Bác để bảo vệ tuyệt đối an toàn cho Người.

Sáng 14/6/1957, ông cùng các đồng chí trong đơn vị ra quốc lộ đón Bác. Giây phút chờ đợi bao nhiêu lâu nay đã thành hiện thực. Nhìn thấy Bác, bằng xương bằng thịt, ông chỉ muốn chạy thật nhanh đến bên Người nhưng rồi nhanh chóng trấn tĩnh lại để thực hiện nhiệm vụ của mình. Đoàn của ông Tấn theo sát bên đoàn xe ô tô của Bác. 8 giờ, xe chở Bác Hồ đỗ trong sân vận động xã.

Bác bước xuống xe, mỉm cười nhìn quanh một lượt rồi vẫy tay chào mọi người. Bác ân cần hỏi han từng người. “Gặp Bác, tôi cứ ngỡ mình đang nằm mơ. Bác Hồ ở ngoài đẹp lắm, da hồng hào, miệng luôn nở nụ cười. Bác rất giản dị, hôm đó Người mặc bộ quần áo kaki màu trắng, chân đi dép cao su. Trong lúc Bác chào mọi người, Bác quay sang chỗ tôi, vỗ vai rồi bắt tay hỏi tôi tên gì, quê ở đâu rồi nhắc nhở, động viên anh em chúng tôi phải phấn đấu làm việc thật tốt” - Ông Tấn xúc động nhớ lại.

Nghe tin Bác Hồ về thăm quê, bà con trong xã chạy ủa ra sân vận động để đón. Gặp Bác từ già, trẻ, gái, trai không giấu được niềm xúc động, nhiều cụ già gặp Bác sau hơn 50 năm xa cách đã không cầm nổi nước mắt. Sau khi chào hỏi mọi người, Bác rảo bước về ngôi nhà lá 3 gian Người đã sống từ thuở ấu thơ.

Trước bàn thờ tổ tiên và những kỷ vật gắn liền với kỷ niệm thời thơ ấu của mình vẫn được gìn giữ nguyên vẹn, Bác trầm ngâm, khước mắt ngán lệ. Bác nói với bà con rằng, ngày xưa nhà Bác nghèo, bàn thờ chỉ làm bằng tre, không có chân, chỉ dùng hai miếng gỗ đóng vào hai bên cột cho chắc chắn thôi. Sau khi thăm ngôi nhà thời thơ ấu của mình, Bác đi một vòng thăm bà con xóm làng xem sự thay đổi của quê hương.

Lúc này cũng là lúc ông Nguyễn Mạnh Tấn bắt đầu lo sợ bởi những con đường chính dự kiến Bác Hồ sẽ đi qua, được lực lượng công binh kiểm tra kỹ càng thì Bác không đi. Bác chọn những con ngõ nhỏ, vòng vèo vốn đã theo dấu chân Người thuở thơ ấu. Mỗi bước chân của Người trên con đường quê quen thuộc, ông Tấn gần như nín thở, căng mắt ra để theo dõi, đề phòng những tình huống phát sinh. Mỗi đoạn đường Bác đi qua bình an, ông Tấn mới có thể thở phào nhẹ nhõm.

“Trưa hôm đó, chính quyền xã Kim Liên chuẩn bị nơi ăn chốn nghỉ cho Bác và mời Người ở lại dùng cơm nhưng Bác kiên quyết từ chối. Bác bảo rằng, Bác là người con xa quê đã hơn 50 năm, giờ được về thăm quê Bác muốn đi thăm hỏi, trò chuyện thật nhiều với bà con.

Bác còn nói rằng, người ta đi xa lâu ngày thì mừng mừng tủi tủi còn Bác thì mừng chứ không tủi, vì khi ra đi nước nhà còn nô lệ, bây giờ về nước nhà đã được độc lập, tự do. Nói rồi Bác đọc hai câu thơ: “Quê hương nghĩa nặng tình cao- Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình”, nhiều người dân xã Kim Liên có mặt ở đó không khỏi xúc động bởi tình cảm sâu nặng Bác dành cho quê hương”, ông Tấn kể tiếp.

Hơn 55 năm đã trôi qua, màu thời gian đã hằn lên mái tóc và khuôn mặt của người lính già nhưng kỷ niệm về lần được bảo vệ Bác Hồ vẫn nguyên vẹn trong ký ức của ông. Đối với ông, được gặp Bác, được tham gia bảo vệ an toàn tuyệt đối cho

25. Nữ dũng sĩ 7 lần được gặp Bác Hồ

“Bảy lần gặp Bác, mỗi lần tôi lại có được những bài học quý từ những lời dặn dò, bảo ban ân cần của Người. Bài học khắc sâu nhất trong tôi là sống yêu thương con người và không lãng phí”.

Bà Ngô Thị Tuyết (SN 1949, đang sống tại TP. Đà Nẵng) được phong tặng danh hiệu dũng sĩ khi mới 15 tuổi, từng 7 lần được gặp Bác Hồ, kể lại những câu chuyện về Người, về những bài học từ Bác Hồ mà bà luôn ghi nhớ.

Nữ dũng sĩ 15 tuổi

Năm 1961, mới 12 tuổi, cô bé Tuyết đã bắt đầu tham gia kháng chiến chống Mỹ. Ý chí đấu tranh của nữ du kích nhỏ ở quê hương Bình Đông, Bình Sơn, Quảng Ngãi càng sôi sục với lòng căm thù giặc sâu sắc khi lần lượt chứng kiến anh trai, cha và mẹ hi sinh. Bà kể: “Anh trai hi sinh năm 1963, khi đang thoát li thì bị lộ hầm trú ẩn. Cha thì hi sinh trong nhà lao ở Quảng Ngãi vì bị địch tra tấn dã man mà suy kiệt. Còn mẹ tôi, khi đang làm ruộng ngoài đồng, bà nhận thấy địch đang bao vây đơn vị chiến đấu của mình, mẹ tôi bỏ lúa chạy về báo tin, giữa đường, bị địch nổ súng bắn, mẹ tôi hi sinh. Năm ấy là năm 1964, năm tôi 15 tuổi”.

Cô bé Tuyết 15 tuổi ngày ấy được các anh chị giao liên tin tưởng giao nhiệm vụ tiếp cận địch nắm bắt thông tin báo về đơn vị. Trong những lần tham gia bắn tỉa, bà đã diệt được 50 tên địch.

15 tuổi, bà đã từng len lỏi giữa những giao thông hào, địa đạo làm nhiệm vụ, có thể dẫn phải bom đạn quân thù rải dày trên đất quê bất cứ khi nào, phía trên là trực thăng địch càn quét, có lúc mặt đối mặt chiến đấu với quân thù.

Sau này ra Thủ đô Hà Nội gặp Bác Hồ lần đầu tiên năm 1967, Bác hỏi: “Cháu còn nhỏ thế làm thế nào mà có thể tham gia chiến đấu?”, bà đã trả lời: “Bọn chúng nghĩ cháu là trẻ con không biết gì nên cháu càng dễ tiếp cận nắm bắt thông tin của địch báo về đơn vị, lại lấy vũ khí, đạn dược từ đồn địch đem về làm vũ khí chiến đấu cho đơn vị”. Bác lại hỏi: “Chiến đấu giữa mưa bom bão đạn bao hiểm nguy cháu có sợ không?”, bà trả lời: “Cháu sợ. Nhưng lòng căm thù giặc sâu sắc hơn nên cháu quyết chiến đấu đến cùng”.

Học Bác cách sống yêu thương

Bà Tuyết kể: “Tham gia chiến đấu ở quê hương Quảng Ngãi đến năm 1966, tôi bị thương nặng. Lần ấy, chúng tôi đang tập huấn công tác chính trị thì địch từ Chu Lai lên bao vây. Muốn thoát khỏi vòng vây địch phải qua một con sông. Mọi người qua hết, còn lại tôi, chị Trà, 2 anh cán bộ và em Tịnh mới 9 tuổi thì địch truy đuổi sát bên. Trong lúc chèo đò qua sông, bị địch bắn trúng, thuyền thủng, chúng tôi

nhảy xuống sông, tôi bị địch bắn trúng. Chúng bắt tôi lên trực thăng đưa về bệnh viện. Nhân có người trong làng bị thương nhập viện, tôi nhờ báo về cho đơn vị biết tình hình của tôi. Tôi được đơn vị tìm cách đưa về trạm xá trong chiến khu.

Sau Đại hội chiến sĩ thi đua miền Trung Trung Bộ, tôi được ra Bắc chữa bệnh và học tập. Tôi bị thương, không đi lại được, các anh chị giao liên thay phiên cáng tôi đi ba tháng ròng rã mới ra tới Hà Nội. Ra Hà Nội được hai ngày, tôi đã được Bác gọi vào. Nghe tin báo mà tôi sững sờ, đâu có ngờ tôi có vinh dự được gặp Bác Hồ. Tôi biết nói gì với Bác đây? Bác Phạm Văn Đồng và bác Vũ Kỳ đã dặn dò tôi trước lúc vào gặp Người rằng kể những chuyện vui thôi, đừng làm Bác xúc động, ảnh hưởng sức khỏe của Bác.

Và lần đầu tiên ấy, trong Phủ Chủ tịch, trong nhiều câu chuyện chiến đấu ở miền Nam, tôi kể với Người về lời dặn của các anh bộ đội miền Bắc vào Nam chiến đấu. Gặp tôi trên đường Trường Sơn, khi tôi đang được đưa ra Hà Nội, các anh nói: “Ra Hà Nội, chắc chắn em sẽ được gặp Bác Hồ. Em nói với Bác các anh vào Nam chiến đấu quyết hi sinh đến hơi thở cuối cùng, quyết giành độc lập cho dân tộc, để ngày thống nhất đất nước, miền Nam đón Bác vào thăm”. Kể tới đây, tôi ngẩng nhìn thấy Người rơm rớm nước mắt.

Tôi ở Hà Nội vừa chữa bệnh vừa học tập. Nhiều lần, tôi được vinh dự chọn vào đoàn đại biểu của nước mình đi khắp các nước Trung Quốc, Tiệp Khắc, Cu Ba, Pháp,... công tác. Nhiều lần, Bác gọi tôi vào Phủ Chủ tịch cùng ăn trưa với Bác vào những ngày lễ, chủ nhật. Bác hỏi việc học hành, Bác hỏi về cảm nhận sau mỗi chuyến đi nước ngoài về...”.

Bà Tuyết rung rung nước mắt nhớ Người, chia sẻ: “Bảy lần gặp Bác, mỗi lần tôi có được những bài học riêng cho mình từ những lời dặn dò, bảo ban ân cần của Người. Bài học khắc sâu nhất trong tôi là sống yêu thương con người và không lãng phí. Nhớ bữa cơm đầu tiên cùng Bác, được Người dặn dò không lãng phí dù là một hạt gạo.

Bác luôn quan tâm tới mọi người xung quanh từ những điều nhỏ nhất nhất. Như lần đầu tiên gặp Bác, quá mừng rỡ, quỳnh quáng thế nào tôi lại làm đứt quai dép, tôi cứ để quai dép đó mà chạy theo Người. Đến chiều quay về, đã thấy đôi dép lành lặn, đã có thể xỏ chân mang vào. Người dặn dò đứa cháu nhỏ miền Nam ra Bắc nhớ mặc áo thật ấm vì thời tiết ngoài này lạnh hơn. Lần nào gặp, sức khỏe tôi mạnh hay yếu, Bác đều nhận thấy.

Lần cuối, tôi gặp Người là trước lúc Người ra đi chừng hai tháng. Vào viếng Bác lại nhớ lời Người trong lần gặp cuối cùng. Lần ấy, thấy Bác yếu, tôi đã khóc, Bác mắng: “Gặp Bác phải mừng chứ sao lại khóc”. Bác không lo sức khỏe mình, vẫn nhận ra: “Đợt này cháu khỏe hơn trước đây”... Lời dạy bảo của Bác không chỉ là lời nói, mà từ chính lối sống của Người mà tôi cảm nhận trong những lần vinh dự được gặp Bác, và tôi luôn khắc ghi trong lòng, như Bác Hồ luôn sống mãi trong tim tôi”.

Khánh Hiền - Dantri.com.vn

26. Chuyện chưa kể về công tác bảo vệ Bác Hồ

Chuyện về Bác Hồ với những tấm gương đạo đức sáng ngời là những câu chuyện phổ biến trên báo đài, tuy nhiên, những câu chuyện về kinh nghiệm hoạt động bí mật của Người và công tác bảo vệ an toàn cho Người thì vẫn còn ít được biết tới.

Bác thầy về hoạt động bí mật

Nhiều năm hoạt động dưới sự theo dõi, truy đuổi gắt gao của mật thám Pháp, Bác Hồ của chúng ta đã có nhiều kinh nghiệm. Có thể nói không ngoa rằng, Người đã tích lũy được những kỹ năng của một điệp viên hoạt động trong lòng địch. Như trong cuốn sách *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Người có kể rằng nhiều lần mật thám Pháp đã theo dõi và vây bủa tứ phía nhưng Người đã trốn thoát an toàn không một dấu vết. Người không nói rõ mình đã thoát thân như thế nào nhưng qua lời kể của những cận vệ về những lời chỉ bảo của Người với họ, độc giả phần nào cũng hiểu được.

Trong sách *Những ngày được gần Bác*, ông Việt Dũng, cán bộ Cục Cảnh sát bảo vệ kể rằng: “Vào quãng tháng 7/1945, một buổi sáng, chúng tôi vừa rửa mặt xong chợt có tin một toán thổ phi tiến vào đèo De để dò la cứ địa của ta. Một bộ phận Giải phóng quân đã đi mai phục đánh chúng. Nhưng vì trận địa quá gần cơ quan, các đồng chí có trách nhiệm bảo vệ đã đề nghị ông cụ (chỉ Bác Hồ) tạm thời rời khỏi chỗ này.

Được ông cụ đồng ý, đơn vị bảo vệ để già nua ở lại, nếu phi tràn vào sẽ đánh, còn 1 tổ 5 đồng chí do tôi chỉ huy thì bảo vệ ông cụ và tài liệu rút lên núi. Trước khi ra đi, ông cụ kiểm tra lại việc gói buộc tài liệu, bố trí hành quân, chuẩn bị súng đạn của chúng tôi một cách tỉ mỉ. Kiểm tra xong ông cụ dặn “Các đồng chí phải giữ bí mật, không được gõ vào cây nứa gây tiếng động, không được phát dương, bẻ lá. Đồng chí đi sau cùng phải xóa dấu vết của anh em đi trước”.

Lên đến đỉnh núi, nơi có một gốc cây to, sạch sẽ và có chỗ ngồi bằng phẳng, chúng tôi dừng lại tạm nghỉ. Chúng tôi toan chặt lá để ông cụ ngồi, ông cụ xua tay rồi đến bên một hòn đá. Vừa ngồi xuống, ông cụ liền giải thích cho chúng tôi rõ tại sao vừa qua phải giữ bí mật. Ông cụ bảo làm như vậy là để nếu kẻ địch có vào tới lán của ta, chúng cũng không biết dấu vết của ta đi về phía nào mà truy tìm ta được”.

Các cận vệ làm việc bên Bác Hồ, trong các bài viết hay mẩu chuyện về tác phong công tác của Người, đều nhấn mạnh rằng Bác rất chú trọng công tác đảm bảo bí mật. Ông Hoàng Hữu Kháng, nguyên Tư lệnh Cục Cảnh Vệ, nhiều năm làm công tác bảo vệ Bác viết trong sách *Những năm tháng bên Bác* (NXB Công an Nhân dân) rằng: “Bác chỉ thị cho các cơ quan Đảng, Chính phủ đóng trong khu vực căn cứ 3 tháng phải thay địa điểm 1 lần. Nếu cơ quan nào có người không chịu đựng được gian khổ mà trốn vào vùng địch tạm chiếm thì dù mình mới ở cũng phải

chuyên đi ngay nơi khác. Riêng bộ phận của Bác trong mấy năm kháng chiến đã thay địa điểm 30 lần”.

Bài học bí mật còn trở thành một bài học nổi tiếng mà Bác Hồ đã dạy nhà tình báo lừng danh Vũ Ngọc Nhạ khi giao nhiệm vụ cho ông Nhạ vào Nam hoạt động. Ông Nhạ kể rằng khi Bác giao nhiệm vụ cho ông, Bác hỏi ông rằng một nhà tình báo thì điều gì quan trọng nhất. Ông Nhạ trả lời nhiều điều về trung thành, sáng tạo... nhưng Bác gạt đi bảo quan trọng nhất là bí mật, bí mật cho mình và cho đồng đội. Bài học ấy đã ghi vào đầu nhà tình báo suốt đời và trở thành một trong những bí quyết thành công của ông.

Cận vệ Hồ Chủ tịch kể chuyện

Kháng chiến chống Pháp thắng lợi, Hồ Chủ tịch trở về Hà Nội. Nhiều lần Người đi thăm các cơ quan, đơn vị, địa phương. Như tất cả các nhà lãnh đạo cấp cao trên thế giới, mỗi chuyến đi thị sát của Người đều có bố trí lực lượng bảo vệ để đảm bảo an toàn. Tuy nhiên, công tác bảo vệ Hồ Chủ tịch được chính Người góp ý uốn nắn, có những nét rất khác so với lãnh đạo các nước.

Như ngày nay, Tổng thống Nga hay Mỹ đi đến đâu đều có cận vệ đeo kính đen luôn quan sát bốn phía để tìm những kẻ khả nghi. Những cận vệ này, khi Tổng thống xuất hiện trên truyền hình, nhiều khi trông rất lộ liễu, người xem biết ngay đó là lực lượng vệ sĩ.

Nhưng theo lời kể của ông Hoàng Hữu Kháng, Bác nhiều lần uốn nắn lực lượng bảo vệ Người để tránh những biểu hiện lộ liễu đó.

Một hôm Bác đi thăm nông dân gặt lúa, cảnh vệ đến trước bố trí anh chị em cùng gặt lúa với bà con nông dân. Trên cánh đồng có 5 tổ đang gặt nhưng chỉ có 4 tổ gặt gần đường được bố trí cảnh vệ gặt cùng còn tổ phía xa thì không bố trí. Nào ngờ sáng hôm sau Bác đến, Bác đi thẳng ra phía tổ gặt lúa phía xa. Thấy vậy, một đồng chí chạy ra gợi ý với Bác “Thưa Bác, chỗ kia nông dân gặt lúa đông quá ạ”. Bác quay lại nói ngay “Đông gì, các chú bố trí đây”. Rồi Bác tiếp tục đi thẳng, đến chỗ lộn, Bác xắn quần, tay xách dép gọn gàng tự nhiên đi ra với tổ đằng xa.

Có lần Bác nói với các đồng chí cận vệ rằng sở dĩ Nguyễn Hải Thần bị bà con ta ghét là vì y thích phô trương, mỗi lần đi đâu đều có nhiều vệ sĩ lăm lăm súng ống đi cùng. Bác không muốn như vậy, Bác muốn được gần dân, được nhìn thấy đời sống nhân dân và được nghe nhân dân nói thật.

Ông Hoàng Hữu Kháng nhớ mãi câu chuyện Bác kể về viên quan Bu Ta Khin ở nước Nga thời Sa Hoàng. Bác kể rằng, có lần Nga hoàng gọi Bu Ta Khin lên hỏi về tình hình làm ăn và đời sống của nhân dân. Bu Ta Khin trả lời rất trôi chảy, nài là nhân dân ấm no, giàu có, nào là nhà cao cửa rộng đường sá sạch sẽ đông vui. Nga hoàng nghe vậy thì rất hài lòng và báo cho Bu Ta Khin biết việc đi thị sát.

Bu Ta Khin hồi hả trở về địa phương chuẩn bị. Viên này cho vẽ nhiều tranh rực rỡ, sửa sang đường sá, nhà cửa. Bố trí những người béo tốt ăn mặc sang trọng gi---

làm người lao động ở nhiều nơi để vua “tình cờ” trông thấy... Rồi Bác nói: “Các chú đừng bắt trước Bu Ta Khin. Khi nào Bác đến đâu, các chú đừng báo cho nơi ấy biết trước. Biết trước cũng sẽ làm bày vẽ phô trương và như vậy Bác không thấy thực tế”.

Trong tâm thức Hồ Chủ tịch, Người rất coi trọng công tác giữ gìn an ninh. Chính người đã nhiều lần góp ý với lực lượng Cảnh vệ về công việc đảm bảo an ninh cho các lãnh đạo đi công tác. Tuy nhiên, đối với việc bảo vệ chính mình, Người đòi hỏi mọi người phải tế nhị, không phô trương khiến dân sợ, dân xa lánh. Bởi thế trong các bức ảnh chụp Người đi thăm địa phương, ta thấy người hòa giữa nhân dân. Tuyệt không có bức nào mà lực lượng bảo vệ xuất hiện rõ rệt trên ảnh. Đó chính là một nét đặc biệt trong phong cách Hồ Chí Minh.

Kienthuc.net.vn

27. Gặp nữ chiến sĩ Tiểu đội Võ Thị Sáu

Đó chính là nữ biệt động thành dũng cảm năm xưa và là một trong 11 cô gái sông Hương trong “tiểu đội thép” góp phần làm nên chiến dịch Mậu Thân 1968. Nay cô đã ngoài 60, mái tóc đã điểm bạc, những ký ức về chiến tranh có thể mờ nhạt, nhưng cuộc gặp gỡ ám áp và thiêng liêng với Bác Hồ thì không thể nào quên. Bà là Hồ Thị Thừa, ở tổ 13, phường Hoa Lư, TP. Pleiku.

Mặc dù chiến tranh đã lùi xa nhưng bà Thừa vẫn nhớ như in những năm tháng hoạt động trong lòng địch, đặc biệt là giây phút được gặp Bác Hồ: Quê bà ở huyện Hương Thủy, tỉnh Thừa Thiên - Huế. Năm lên 5 tuổi bà đã chứng kiến cả bố và mẹ bị bắn chết dưới nòng súng của kẻ thù nên lòng căm thù giặc đã hun đúc cho 5 chị em một ý chí, quyết tâm trả thù cho bố mẹ, quê hương. 15 tuổi, bà tham gia liên lạc, làm nữ biệt động thành và sau đó bị địch bắt vào đầu năm 1967.

Gần 1 năm sau khi dùng đủ mọi hình thức tra tấn dã man mà vẫn không khai thác được thông tin gì, cuối năm 1967, địch buộc phải trả tự do cho bà. Hai tháng sau đó, bà được bổ sung vào Tiểu đội Võ Thị Sáu. Tết Mậu Thân năm 1968, tiểu đội được giao nhiệm vụ phục kích địch tại cầu Vân Dương (ngoại thành Huế). Sau 21 ngày đêm dũng cảm chiến đấu, tiểu đội Võ Thị Sáu đã tiêu diệt 120 tên Mỹ-ngụy, phá hủy 5 xe tăng, xe bọc thép. Sau chiến thắng này, bà được tổ chức cho ra Hà Nội để chữa bệnh tim-hậu quả của những lần bị địch tra tấn.

15 ngày sau khi ở cùng anh hùng Kan Lịch và anh hùng Tạ Thị Kiều tại số nhà 83, Lý Nam Đế (Hà Nội), bà được gặp bác Lê Duẩn, bác Phạm Văn Đồng và cả bác Tôn Đức Thắng. Bà nhớ lại: Lúc gặp, bác Phạm Văn Đồng bảo: “Cháu Thừa chuẩn bị đi công tác cùng bác”. Bà hỏi lại: “Dạ cháu có biết chữ đâu mà đi công tác hả bác? Bác cười xoa đầu bà bảo “Không cần trình độ văn hóa đâu cháu, cứ đi với bác”. Chưa hết bất ngờ, khi ra đến ngõ, tới đón cô là một chiếc xe ô tô đen, ngồi trong xe, bác Tôn Đức Thắng nói với ra: “Cháu là Hồ Thị Thừa phải không? Bây

giờ cháu có muốn đi gặp Bác Hồ không?”. Không cần để bác Tôn Đức Thắng đợi thêm một giây phút nào, bà nhanh nhẩu đáp lại: “Dạ có bác ạ, cháu muốn được gặp Bác Hồ lắm”.

Rồi chiếc xe đưa mọi người tới Phủ Chủ tịch. Tại đây, bà được gặp Đại tướng Võ Nguyên Giáp, bác Trường Chinh. Ngồi tại phòng khách tầng 1 để đợi Bác, cô thầm nghĩ: Vậy là mơ ước được một lần gặp Bác sắp trở thành hiện thực.

Đang bản thân nghĩ về điều đó, bỗng trước mắt bà, hình ảnh một ông cụ đội chiếc mũ công nhân, mặc chiếc áo lụa Hà Đông màu xanh lam và chiếc quần ka ki màu tro xám, đi đôi dép cao su chống gậy từ bậc thang tầng 2 đi xuống. Bà thầm nghĩ, chắc chắn là Bác đây rồi. Niềm hạnh phúc vỡ òa, bà vội vàng chạy tới ôm chầm lấy Bác rồi khóc nức nở như một đứa trẻ. Thấy bà không ngồi lên ghế mà ngồi xuống nền nhà, ngay trước mặt mình, Bác liền hỏi: “Sao cháu không ngồi lên ghế?”. Bà đáp lại: “Dạ cháu là bậc cháu của Bác, cháu không cho phép mình ngồi ngang hàng với Bác ạ”. Lúc đó Bác Hồ xoa đầu bà bảo: “Cháu ngoan lắm, thôi Bác cho phép cháu được ngồi ngang với Bác đây”.

Rồi trong cuộc trò chuyện ấm áp đó, Bác hỏi “Sao cháu nhỏ thế này mà dám đánh lại thằng Mĩ to cao như thế?”. Bà trả lời: “Thằng Mĩ nó to nhưng nó không có tinh thần. Nó là kẻ thù giết mẹ con, ba con, đồng đội con và đồng bào mình nên con phải đánh nó để trả thù cho ba mẹ, cho quê hương và đất nước”. Nói rồi bà kể về gia đình mình, quê hương mình, về lần mình bị địch bắt và bị tra tấn gần 1 năm tại nhà lao Thừa Phủ, về chiến thắng của Tiểu đội Võ Thị Sáu trong chiến dịch Mậu Thân năm 1968... Và nhiều những câu chuyện bà kể Bác nghe cho đến khi mặt trời đứng bóng.

Tiếp sau đó là một bữa cơm trưa đạm bạc giữa mấy bác cháu với nhau. Trong không khí ấm cúng của bữa cơm đó, Bác lại hỏi: “Trong mâm cơm này có các món đặc trưng ở cả hai miền, cháu thấy còn thiếu món gì đặc trưng ở miền Nam?”. Bà liền bảo: “Dạ thiếu món ruốc ạ”. Đưa tay gấp thức ăn bỏ vào chén của mọi người, khi đến lượt bà, Bác cười bảo “cháu giỏi lắm!”.

Kể đến đây, bà nở một nụ cười viên mãn khi nghĩ mình là một trong số ít những người con may mắn được gặp người cha già của dân tộc. Kể đến đây, bà Thừa vội vàng chạy vào nhà lấy chiếc huy hiệu Bác Hồ ra khoe: “Đây, Bác đã tặng bà và mọi người, mỗi người một chiếc huy hiệu của Bác. Bà giữ mãi đến bây giờ đây”. Rồi trong ánh mắt rạng ngời hạnh phúc đó, cô khoe với tôi: “Hôm đó bà còn được chụp ảnh với Bác, với Anh hùng Núp, Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Chủ tịch Trường Chinh, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và đi xem phim “*Sức mạnh tinh thần Liên Xô*” cùng Bác và mọi người nữa đây. Vừa nói, bà vừa chạy vào nhà đem mấy tấm ảnh ra khoe, rồi vồn vã kể “Khi xem phim, bà được ngồi bên cạnh Bác, được Bác phân tích kỹ hơn nên bà mới hiểu sâu hơn về nội dung của bộ phim”.

Một cuộc gặp gỡ khá bất ngờ nhưng đầy thiêng liêng đã tiếp thêm động lực cho bà Thừa sống và cống hiến hết mình cho đất nước. Từ đó, bà tập trung chữa bệnh

và học văn hóa trong 6 năm ở đất Hà thành. Đến năm 1985, bà cùng gia đình vào Gia Lai lập nghiệp. Bà đảm nhận nhiều chức vụ như Tổ trưởng tổ phụ nữ, Phó Bí thư chi bộ 7, Chi hội trưởng Chi hội cựu chiến binh... Dù ở cương vị nào, người con gái Huế may mắn được gặp Bác Hồ năm xưa cũng làm tốt nhiệm vụ được giao.

Hồng Thương - *Bao gialai.com*

28. Người Anh hùng mang họ Bác Hồ

Những ngày tháng 4, tôi có dịp được trở lại A Lưới mảnh đất Anh hùng trong chiến tranh chống Mỹ, nơi đồng bào các dân tộc đã làm nên nhiều kỳ tích. Nắng vàng ruộm một màu. Nữ Anh hùng Hồ Thị Đơm (Kăn Đơm) là người nhà của Dầu khí PV Oil Thừa Thiên Huế, hớn hờ khoe: “A Lưới quê mình hôm nay khác xưa nhiều lắm”.

Một thời dâng hiến

Nghे tin Anh hùng lực lượng vũ trang Ku Tríp vừa về với “Bok Hồ”, người dân A Lưới ai cũng thương nhớ khôn nguôi. Những câu chuyện về một thời kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của Anh hùng Ku Tríp thôi thúc chúng tôi tìm đến nhà ông thấp nển nhang tường nhớ một trong những người con ưu tú nhất của A Lưới.

Riêng tôi còn muốn ghé thăm nữ Anh hùng Kăn Đơm, người mang họ Bác Hồ là Hồ Thị Đơm, khi biết bà cũng mới ra Hà Nội chữa bệnh. Gặp lại bà, sức khỏe yếu đi nhiều, vậy mà bà vẫn giữ được sự hóm hỉnh sâu sắc của một nữ du kích, cán bộ dân vận Pa Kô nổi tiếng năm nào. Mái tóc ngày càng bạc hơn nhưng ánh mắt vẫn kiên định, quật cường. Trò chuyện với bà khiến chúng tôi có cảm giác gần gũi thân thuộc, như thể chính chúng tôi là những người con của mảnh đất này rồi.

Sinh năm 1940 trong một gia đình theo cách mạng, tuổi trẻ của người con gái Pa Cô anh hùng Hồ Thị Đơm (xã A Ngo, huyện A Lưới, tỉnh Thừa Thiên - Huế) gắn liền với 2 cuộc kháng chiến trường kỳ của dân tộc, chống Pháp và Mỹ... Tận mắt chứng kiến nhiều trận càn của địch vào bản làng, thấy máu đồng bào mình đổ, nhà cửa, nương rẫy bị đốt, lòng căm thù giặc trong bà trỗi dậy mãnh liệt, bà nhiều lần xin bố cho vào du kích.

19 tuổi, Kăn Đơm mới được bố chấp thuận và chính thức tham gia vào lực lượng du kích xã Hồng Hạ và lập công ở tuổi 21 trong một tình huống rất đặc biệt. Một lần trong lúc lên rẫy, phát hiện giặc đi càn, bà liền chạy về làng báo tin.

Trong khi các đồng chí bộ đội đang hội ý tác chiến, bà lên vào lán bộ đội lấy lấy súng trường chạy ra nấp sau một mô đất, thấy 3 lính Mỹ nghênh ngang tiến vào làng, vừa đi vừa xả súng, bà nhắm thẳng vào chúng liên tục lên đạn và xiết cò, 2 tên tụt xuống, tên lính Mỹ còn lại đã chĩa súng vào chỗ bà nấp mà xả đạn như vãi trấu. May mà bộ đội lúc này kịp thời đến tiếp ứng, đẩy lùi được trận càn. Và cô du kích Kăn Đơm đã trở thành người phụ nữ dân tộc đầu tiên của huyện A Lưới cầm súng

bắn giặc.

Chiến đấu trong đội du kích Hồng Hạ cho đến đầu năm 1961, Anh hùng Kăn Đom được cấp trên tín nhiệm cử làm Xã đội phó. Đội du kích của xã đã kiên trì bám làng và vận động nhân dân vót chông, làm bẫy giết giặc; phối hợp với bộ đội tổ chức nhiều đợt đánh tia, phục kích khiến địch trở tay không kịp và phải rút lui. Những năm 1961-1968 là thời kỳ ác liệt nhất, giặc đồ quân xây dựng hàng loạt đồn bót, sân bay, điên cuồng đánh phá hòng cắt đứt giao thông huyết mạch của đường Hồ Chí Minh.

Năm 1967, Kăn Đom nhập ngũ vào quân đội và làm việc ở bộ phận trợ lý tác chiến, nhiều lần bà bị thương. Những năm kháng chiến chống Mỹ, bà đã dốc sức người và sức của rất nhiều để phục vụ cho kháng chiến và được tuyên dương Anh hùng. Người nữ anh hùng từng bám trụ trên đèo Mẹ Ơi đã giáng cho địch những đòn chí mạng bằng những bàn chông, mũi lao... tiêu biểu của chiến tranh du kích cùng đồng bào tăng gia sản xuất cung cấp lương thực cho bộ đội, mưu trí đánh bại nhiều cuộc tấn công của giặc.

Cô gái Pa Kô Anh hùng một thời kháng chiến nay đã là bà cụ tóc bạc trắng tuổi ngoài 70. Trầm ngâm một lúc, bà kể cho chúng tôi về chuyện tình yêu giữa cô du kích Kăn Đom và anh bộ đội Kôn Xiên: “Khi mẹ làm trợ lý tác chiến, mẹ và ông ý đã gặp và đem lòng thương nhau. Chiến tranh kết thúc, đất nước thống nhất cũng là lúc hai người tổ chức đám cưới”.

Thắp sáng niềm tin

Sau ngày đất nước giải phóng, những người như bà Kăn Đom lại trở về với cuộc sống đời thường, góp công xây dựng bản làng, tham gia công tác tại Ban chấp hành Hội Phụ nữ huyện, Hội Cựu chiến binh...

Từ khi bà nghỉ làm các hoạt động xã hội, cuộc sống gia đình đã khó khăn nay càng khó khăn hơn bao giờ hết. Bà đã phấn đấu, phát huy phẩm chất người nữ du kích năm nào để cang đáng nuôi dạy 10 người con và chồng bà đang lâm trọng bệnh. Gánh nặng cuộc sống, những mưu sinh vất vả đời thường đặt cả lên đôi vai người phụ nữ bé nhỏ ấy. Tự nhủ là trụ cột trong gia đình, là chỗ dựa lớn cho chồng và các con. Khi cả gia đình chỉ trông chờ vào 2 sào ruộng, không chỗ bầu vịu, bà đã “liều” đi vay ngân hàng chính sách và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn 170 triệu đồng để lo chữa bệnh cho chồng.

Tuy nhiên, một lần nữa sự nghiệt ngã của số phận không buông tha gia đình Kăn Đom. Tháng 6/2010, tai họa đã ập đến, chồng bà đã qua đời và người con trai của bà cũng mắc bệnh và đi theo cha vào tháng 12/2011, để lại cho bà gánh nặng gia đình khi phải nuôi 3 đứa cháu bị bệnh, trong đó có 1 cháu bị thiếu năng trí tuệ và cô con dâu không có việc làm.

Hỏi bà có mong ước gì? Bà cười nhẹ nhàng: Chỉ mong thằng con út có công ăn việc làm ổn định. Cả nhà trông chờ vào nguồn thu nhập 30 nghìn đồng-ngày từ việc

cày thuê, cuộc mưu sinh của các con và 3 triệu đồng/tháng tiền chính sách của bà và PV Oil Thừa Thiên - Huế phụng dưỡng trọn đời được 1 triệu đồng-tháng.

Lấy tay lau nước mắt, bà Kẩn Đơm xúc động: “Nhờ có Công ty giúp đỡ, hỗ trợ cho gia đình nên có thêm nguồn thu để trang trải các chi phí hàng ngày. Nếu không thì gia đình mẹ không biết tính làm sao. Khó khăn chồng chất khó khăn, gia đình vẫn nợ ngân hàng một khoản tiền lớn, chưa biết đến bao giờ mới có thể trả hết nợ”.

Trong căn nhà nhỏ ở thung lũng A Lưới, bà Kẩn Đơm nheo mắt nhìn ra phía rừng xanh thẳm. Đã hơn một phần ba thế kỷ đất nước hòa bình, núi rừng được bàn tay người chăm chút cũng đã phục sinh, nhưng trong tâm khảm của bà cái thời khắc lịch sử ấy sẽ còn in đậm và có lẽ cái nghèo cũng sẽ mãi theo bà đến hết cuộc đời. Mong rằng các nhà hảo tâm hỗ trợ phần nào để gia đình bà thoát nghèo.

Không thể đi hết từng gia đình Pa Kô nhưng những nơi chúng tôi ghé đến, gặp những người đã làm nên chiến thắng lịch sử năm nào, giúp quê hương mình thoát khỏi chiến tranh, đói nghèo thật sự khiến chúng tôi tin ở ngày mai của A Lưới. Ngày mai tươi đẹp ấy có công rất lớn của những Anh hùng lực lượng vũ trang là Ku Tríp, Hồ Vai, Hồ Kan Lịch, Hồ A Nul và Hồ Thị Đơm để thắp sáng niềm tin cho người dân của huyện nghèo còn nhiều khó khăn nhưng cũng nổi tiếng bởi truyền thống anh hùng và hiếu học.

Huyện A Lưới có gần 10 nghìn hộ dân, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm 78% (gồm Pa Kô, Tà Ôi, Kơ Tu, Pa Hi...). Trong những năm chiến tranh gian khổ cứu nước, đồng bào các dân tộc tại A Lưới đã nêu cao tinh thần đoàn kết, phát huy chủ nghĩa anh hùng cách mạng, phục vụ kháng chiến, sẵn sàng hi sinh cho Tổ quốc. Thời chống Mỹ, A Lưới có hơn 15.000 đồng bào dân tộc, thì gần 10.000 người tham gia cách mạng, trong đó có hơn 2.000 người là chiến sĩ quân giải phóng và hàng ngàn dân quân hỏa tuyến... Huyện A Lưới đã được phong Anh hùng Lực lượng vũ trang, 16-21 xã, thị trấn được phong tặng danh hiệu Anh hùng.

Lan Hương - *Petrotimes.vn*

**VIỆT NAM LÀ BÁC, BÁC
LÀ VIỆT NAM – NHỮNG
KỶ NIỆM KHÔNG PHAI**

NGƯỜI CHA GIÀ TRONG LÒNG DÂN TỘC

1. Ký ức “Ông Ké” qua lời kể của hàng xóm ở ATK

Lần theo nguồn sử liệu về những tháng ngày hoạt động bí mật của Bác Hồ tại thủ đô gió ngàn ATK (An toàn khu, Định Hóa, Thái Nguyên), chúng tôi đã tìm gặp lại những người hàng xóm của người khi còn hoạt động cách mạng bí mật ở khu căn cứ để biết về cuộc sống một “Ông Ké” đầy bình dị, gần gũi.

Ký ức về “Ông Ké”

Chúng tôi vượt gần 100km từ Thủ đô Hà Nội về thành phố Thái Nguyên rồi men theo những ngọn đồi núi Việt Bắc uốn lượn, quanh co, khúc khuỷu khoảng chừng 60km mới tới được ATK.

ATK những ngày tháng 5, cái nắng oi ả của mùa hạ in hằn trên những vệt bụi đường loang loáng phả vào người những đợt bụi nóng. Bất chợt khung cảnh núi non trùng trùng điệp điệp khiến tầm mắt của khách đường xa cảm thấy mát dịu, êm đềm của màu xanh. Những dãy núi tua rua, uốn lượn được phủ xanh bởi rừng cọ, đồi chè mơn mơn chạy xa tới tận chân trời. Chính tại nơi đây đã in đậm biết bao kỷ niệm về Bác Hồ và những năm tháng hoạt động bí mật ở an toàn khu này.

Chúng tôi dừng chân tại di tích Khau Tý thuộc xóm Nà Tra, xã Diềm Mạc, huyện Định Hóa. Đây là địa điểm đầu tiên Bác Hồ đặt chân về mảnh đất ATK vào ngày 20/5/1947 để chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Bác Hồ đã sống và làm việc tại đây trong thời gian từ 20/5 đến 10/11/1947.

Hình ảnh ngôi nhà sàn hiện ra thật đơn sơ mà thân thương gần gũi với những kỷ vật quen thuộc của Người hoạt động các mạnh ngày nào. Bước thật chậm lên từng bậc thang của nhà sàn, chúng tôi như cảm thấy dấu chân Người vẫn còn in hằn lên nơi đây. Vào ngôi trong nhà, tôi được ông Trần Văn Thám, bảo vệ của di tích Khau Tý gần 20 năm nay kể những câu chuyện về vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại.

Theo làn hương thơm ngào ngạt quyện trong làn khói nóng lơ lửng của chén nước chè, ông Thám chậm rãi kể về vị anh hùng dân tộc rất bình dị: “Mặc dù khi tôi sinh ra, Bác Hồ đã không còn ở ATK nhưng những câu chuyện của Người với đồng bào thôn Nà Tra thì không bao giờ phai nhạt. Những người già vẫn thường kể cho con cháu của mình nghe chuyện về Bác Hồ. Chúng tôi rất tự hào khi đây là vùng đất được vị lãnh tụ vĩ đại chọn làm nơi đầu tiên đặt căn cứ trong kháng chiến chống Pháp. Sở dĩ bác chọn nơi đây làm căn cứ vì vị trí quan trọng của nó. Từ nơi đây có con đường mòn đi Sơn Dương, xuống Đại Từ, lên Chợ Đồn, ra Phú Lương và nhiều đường tắt đi lại kín đáo, thuận tiện. Tại Di tích này vẫn còn lán ở của Bác,

trong thời gian ở đây Bác đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* và bài thơ *Cánh Khuya* nổi tiếng”.

Ông Thắm cũng cho biết thêm, Bác chỉ ở lại Khau Tý làm việc non nửa năm, nhưng hình ảnh của Người mãi mãi in đậm trong lòng đồng bào nơi đây. Ngay khi bác chuyển đi hơn một năm, nhiều người dân trong vùng trong đó có bố ông Thắm là cụ Trần Văn Mai đã tình nguyện sửa chữa và trông coi căn lán Bác ở. Vì thế khi nhà nước quy hoạch lại di tích này, người dân vẫn giữ được căn nhà sàn nơi bác ở gần như nguyên vẹn.

Người hàng xóm ở đồi Tỉn Keo

Lần theo lịch sử, chúng tôi tìm đến khu di tích đồi Tỉn Keo thuộc xã Phú Đình, huyện Định Hóa - nơi đã gắn với những mốc son hào hùng trong lịch sử dân tộc. Năm xưa, nơi này cũng chính là địa điểm hoạt động cách mạng bí mật của Hồ Chủ Tịch. Tại đây, Người đã được quần chúng nhân dân che chở. Nhưng chính những người dân nơi đây cũng chỉ biết đó là một vị lãnh đạo cách mạng quan trọng, chứ chưa biết đó là Bác Hồ. Chính vì vậy, hình ảnh về vị lãnh tụ càng trở nên bình dị, gần gũi và thân thương.

Theo sự chỉ dẫn của những người địa phương, chúng tôi tìm gặp bà Ma Thị Tôm, SN 1929 là người hàng xóm của Bác trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp. Trong hình dung của bà cụ đã 84 tuổi này, “Ông Ké” sống rất gần gũi, thân thương như một vị cha già vậy. Lật giờ quăng ký ức khi bà Tôm mới mười chín đôi mươi, bà về làm vợ ông Lương Đình Nam thuộc xã Phú Đình này. Khi ấy, bên hàng xóm của bà có cơ quan “Ông Ké” với 17 người sinh sống.

Bà Tôm nhớ lại: “Khu căn cứ hoạt động bí mật trong lòng dân và được quần chúng che chở. Ngoài “Ông Ké” ra còn có 16 đồng chí sống ở đồi Tỉn Keo, kể cả một vị bác sĩ. Khu căn cứ này được bảo vệ hai vòng nghiêm ngặt. Vòng ngoài có 7 người canh gác gồm những biệt danh: Kiên, Trung, Dũng, Cần, Kiệm, Liêm, Chính. Vòng trong được bảo vệ gồm: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi. Các đồng chí cũng sinh hoạt như biết bao gia đình ở Tỉn Keo và thường giúp đỡ gia đình bà. Trong trí nhớ của bà, đó là thực sự là những người hàng xóm rất tốt bụng. Theo những lời kể của các cụ trong làng thời bấy giờ, bà Tôm biết được, “Ông Ké” rất yêu thích cảnh vật và thích trồng cây để hòa mình với thiên nhiên cũng như tìm lại những kỷ niệm về tuổi thơ ngày nào để vơi bớt nỗi nhớ quê. “Hồi đó, tôi chỉ đứng từ xa nhìn thấy một ông lão với dáng vẻ khoan thai đang chăm sóc cây ngoài vườn. Người vẫn xắn quần cao rồi gánh nước tưới cây, bắt sâu cho những cây bưởi, cây râm bụt và nhổ cỏ cho những cây cọ ở đồi Tỉn Keo”, bà Tôm nhớ lại.

Dẫn chúng tôi lên thăm đồi Tỉn Keo, bà Tôm chỉ cho chúng tôi từng kỷ vật về những người hàng xóm tốt bụng. Nơi ở và nơi làm việc của những người hàng xóm này rất đơn sơ. Ngôi lán nhỏ được phủ quanh bởi cây bưởi, đồi cọ, cây râm, vẫn còn nguyên đó như chứng tích về cuộc sống giản dị, dân dã. Bà Tôm vẫn không

hể quên hình ảnh của “Ông Ké” trước khi rời thủ đô gió ngàn về Hà Nội. Lúc chia tay, “Ông Ké” có để lại cho bà một con chó trông nhà rất khôn. Ông cũng dặn dò là hình thoảng trông nhà cho ông. Bà Tôm vẫn còn nhớ rõ, khi ấy gia đình bà đã rất gắn bó với “những người hàng xóm” tốt bụng này. Khi những người hàng xóm đi khỏi, gia đình bà vẫn thay nhau trông coi ngôi nhà của “Ông Ké”. Gia đình bà thường xuyên sang dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc vườn cây. Sau này bà mới biết, người mà dân làng thường gọi là “Ông Ké” đó chính là Bác Hồ - vị cha già của dân tộc.

Theo ông Mai Viết Tục, nguyên Chủ tịch xã thời bấy giờ cho hay: “Bác sống và hoạt động cách mạng bí mật ở đồi Tìn Keo trong những năm 1948-1953. Lúc đầu, người dân vẫn chưa biết đó là Bác Hồ, chúng tôi chỉ biết đó là một chiến sĩ cộng sản yêu nước hoạt động bí mật. Chính vì vậy, dân chúng hết lòng bảo vệ cho các đồng chí hoạt động cách mạng. Đặc biệt nhất vẫn là “Ông Ké” với phong thái điềm tĩnh, nếp sống giản dị, gần gũi với quần chúng nhân dân đã để lại ấn tượng sâu sắc về một chiến sĩ cách mạng thân thiết, chúng tôi gọi Người là “Ông Ké”. Sau này chúng tôi mới biết đó chính là Bác Hồ. Và nơi đây, Bác đã chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị, quyết định thông qua kế hoạch tác chiến Đông Xuân năm 1953-1954, trong đó có chiến lược cụ thể để đem lại thắng lợi vẻ vang của Chiến dịch Điện Biên Phủ lòng lẫy non sông, chấn động địa cầu”.

Hình ảnh Bác Hồ giống như một “Ông Ké” bình dị và gần gũi với người nơi đây

Bác Hồ được biết đến như một vị lãnh tụ thiên tài của dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Nhưng có đến những nơi bác từng ở, trò chuyện với những người từng gặp Bác, mới cảm nhận thật cụ thể về một vị lãnh tụ bình dị, thân thiết và gần gũi đối với từng người dân đến nhường nào. Chính vì vậy, những người dân nơi đây đã gọi Người bằng hai tiếng kính trọng “Ông Ké” (tiếng Tày có nghĩa là người già cả, được kính trọng!).

Hoàng Thế Tào - Doisongphapluat.com

2. Cảm động về chuyện tấm áo lụa Bác Hồ tặng mẹ VNAH Nguyễn Thị Nuôi

Sinh được 10 người con, thì 8 là liệt sĩ, 1 là thương binh, mẹ Việt Nam anh hùng Nguyễn Thị Nuôi (Nam Định) chỉ còn duy nhất người con là Tạ Quang Tám sống sót qua hai cuộc kháng chiến. Đằng sau những đau thương, mất mát của mẹ là cả một câu chuyện cảm động, xen lẫn tự hào với những kỷ vật thiêng liêng như tấm áo lụa cùng bức thư tay Bác Hồ đích thân trao tặng.

Đắp áo lụa để tránh bom đạn

Cha đẻ của ông Tạ Quang Tám là cụ Tạ Quang Yên, sinh năm 1890 là người hoạt động cách mạng ưu tú thời đó. Dường như ngọn lửa cách mạng ấy được âm

thầm nhen nhóm trong mỗi trái tim những người con của cụ, để rồi lớn lên, họ đều tình nguyện theo cha trên con đường hoạt động cách mạng.

Trong cuộc kháng chiến chống Pháp, 4 người con trai đầu của mẹ Nuôi lần lượt lên đường nhập ngũ rồi cùng hi sinh trong trận đánh bảo vệ TP. Nam Định. Đó là trận đánh vào tháng 3/1947, quân địch bao vây thành phố suốt 86 ngày đêm. Khi ấy 4 người con trai của cụ Tạ Quang Yên đang huấn luyện cho tự vệ bảo vệ thành phố. Trong đó, con trai cả của mẹ là Tạ Quang Khả làm trung đội trưởng chỉ huy trận đánh, 3 người còn lại đều được giao nhiệm vụ tiểu đội trưởng, tiểu đội phó... Họ rút lên gác chuông của thành phố để tiếp tục chiến đấu nhưng cuối cùng cả 4 anh em và 7 chiến sĩ tự vệ đã anh dũng hi sinh.

Năm 1948, gia đình cụ Tạ Quang Yên vinh dự được UBND tỉnh tổ chức lễ rước thư cùng tấm áo lụa do đích thân Bác Hồ trao tặng. Cho đến bây giờ, mỗi lần nhắc đến thời khắc thiêng liêng của buổi đón rước, ông Tám không khỏi rung rung, bởi không khí nghiêm trang xen lẫn tự hào của buổi lễ. Ông kể: “Thời đó ủy ban hành chính của tỉnh đóng ở Trà Lũ nên lễ rước cũng được tổ chức trọng thể về tới thôn Ngọc Tỉnh (huyện Xuân Trường). Ký ức trong tôi là hai hàng nước mắt của cha cứ thế tuôn rơi khi nhận tấm áo kèm bức thư của Bác với những lời thăm hỏi động viên rất chân tình. Từ sau buổi lễ ngày hôm đó, dường như cha tôi có vẻ trầm ngâm hơn, lúc nào cũng như đang tâm niệm những điều gì đó quan trọng. Giai đoạn từ năm 1947-1949 là thời điểm địch tấn công vô cùng ác liệt nhằm đánh chiếm Nam Định, Thái Bình. Sau nhiều ngày trăn trở, cha tôi sắp xếp cho mẹ và các con đi sơ tán, còn bản thân mình quyết định theo chân các đồng chí, tiếp tục hoạt động cách mạng.”

Sợ mang theo bức thư Bác Hồ tặng sẽ bị thất lạc nên cụ Yên đã bọc cẩn thận rồi chôn ở chợ Sóc - Thái Bình cùng nhiều đồ đạc khác. Đi theo kháng chiến, vật duy nhất cụ luôn mang bên mình là chiếc chăn bông bên trong có tấm áo lụa Bác Hồ tặng. Thời ấy có được tấm chăn bông là cả một tài sản giá trị nhưng để bảo vệ báu vật thiêng liêng này, cụ Yên đã cẩn thận xé chiếc chăn bông duy nhất của gia đình để lấy vỏ, gói tấm áo lụa vào bên trong rồi cẩn thận khâu lại. Hằng ngày cụ đắp tấm áo lụa ấy bên mình và luôn cảm thấy hình bóng Bác kính yêu luôn bên cạnh và soi sáng cho con đường mình đã lựa chọn.

Sau này, khi cụ Yên trở về từ cuộc kháng chiến, tấm áo lụa vẫn được giữ gìn nguyên vẹn. Năm 1958, đại diện Quân khu 3 về gia đình mượn tấm áo lụa cùng với huân chương kháng chiến hạng Nhất, đem đi triển lãm, rồi nó không trở lại gia đình nữa. Hỏi rất nhiều nơi, cuối cùng, ông Tám biết được thông tin, tấm áo lụa Bác tặng cha ông đang ở bảo tàng Cách mạng (Hà Nội). Khi được hỏi, liệu ông có cảm thấy áy náy với người đã khuất vì không trực tiếp bảo quản kỷ vật thiêng liêng đó của gia đình? Ông Tám tâm sự: “Trái lại, tôi cảm thấy vô cùng tự hào khi kỷ vật đó được trân trọng giữ gìn trong bảo tàng để mọi người đến thăm và chiêm ngưỡng. Bức thư của Bác đã thất lạc do chiến tranh nhưng nội dung vẫn được lịch sử Đảng bộ tỉnh ghi chép lại cẩn thận. Nội dung của thư đã từng được đăng trang trọng

trên báo *Sự Thật* - một tờ báo vô cùng uy tín trước đây”.

Cho đến năm 2000, gia đình ông Tạ Quang Tám quyết định trích dẫn nguyên vẹn từng câu chữ trong bức thư để thêu trên một tấm gấm rồi lồng khung kính trang trọng ở nhà như một minh chứng về sự ghi nhận của Đảng và Nhà nước đối với gia đình mình.

Kỷ niệm sâu sắc nhất trong đời cụ Tạ Quang Yên là lần vinh dự được diện kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1955. Năm đó Chủ tịch nước - Bác Hồ - đã tổ chức buổi họp mặt các gia đình có công với cách mạng. Cụ Tạ Quang Yên là một trong 50 người và là đại biểu duy nhất của Nam Định được dự buổi họp mặt này. Trong suốt quãng thời gian 15 ngày ở Phủ Chủ tịch, tham dự các buổi tiếp khách với nhiều đại biểu trong và ngoài nước, ấn tượng sâu sắc nhất đọng lại trong cụ Yên là lời ứng xử thông minh và tấm lòng nhân hậu của Bác.

Nỗi niềm người ở lại

Về người con còn sống sót duy nhất trong 10 người con của mẹ Nuôi cũng có ý thức cách mạng từ năm 16 tuổi, năm 1946, rằng, mình phải tiếp bước cha anh để bảo vệ Tổ quốc. 16 tuổi, ông Tám đã tham gia quân đội, làm liên lạc cho đại đội 11 của trung đoàn 34. Trong thời gian tham gia chiến đấu, ông đã cùng các đồng chí đã lên kế hoạch mai phục và tiêu diệt được một đoàn quân nhảy dù xuống đất ta. Kết quả là bắt sống người cũng như tước được một số chiến lợi phẩm như súng lục, súng trường của quân địch. Với chiến công này, ông Tám cùng đồng đội vinh dự được trung đoàn và Mặt trận Tổ quốc khen thưởng, rồi quyết định chuyển ông sang làm quân báo Liên khu 3. Ông Tám bị địch bắt tại Ninh Bình vào năm 1951 trong một lần hóa trang, đi đánh rậm, để bí mật làm nhiệm vụ. Sau khi bị bắt, địch đưa ông về nhà tù Đoàn Xá - Hải Phòng rồi tra tấn dã man bằng những biện pháp kinh hoàng như: Đánh đập, cặp điện vào tai... Tại nhà tù, ông đã bí mật vận động anh em, đồng chí bí mật đào hầm để bỏ trốn. Kế hoạch bại lộ nên quân địch điên cuồng dùng súng bắn khiến không ít đồng chí hi sinh, còn lại 5 người bị bắt trở lại. Lần này chúng đẩy ông ra giam giữ ở đảo Phú Quốc. Tại đây các biện pháp tra tấn dã man hơn rất nhiều được quân thù áp dụng. Đòn thù hàng ngày khiến ông bị què chân, còn tay thì nát như và bê bết máu. Nhưng tất cả những đòn thù đó đều không kinh hoàng bằng mùi vị của xà lim mà ông đã hai lần ném trái. Gian khổ là thế nhưng bản lĩnh của người cách mạng được kế thừa từ cha, anh đã luôn cháy bỏng trong ông. Dường như mọi lúc mọi nơi, trong tim ông luôn tâm niệm muốn góp sức mình cho cách mạng. Khi trên tàu ra Phú Quốc, ông được giam cùng những thành phần phản động, đầu hàng, đầu thú. Căm thù những kẻ từng một thời đã là đồng chí của mình lại trở thành phản động, ông đã âm thầm tiêu diệt chúng. Trước sự “cứng đầu” của ông, quân địch vô cùng “khó chịu”, chúng quyết định dùng hình phạt nặng nhất đối với tù nhân thời bấy giờ, đó là nhốt vào xà lim rồi để phơi nắng ở giữa đảo Phú Quốc. Như thế, tổng cộng, ông Tám hai lần bị địch sử dụng hình phạt nặng nhất là cùm trong xà lim. Ông Tám tâm sự: “Tuy nhiên, so với nhà tù ở Đoàn Xá thì xà lim ở Phú Quốc kinh hoàng hơn rất nhiều”. Ông nói: “Xà lim được đóng

bằng gỗ, vô cùng chật hẹp còn chân tay thì bị xiềng xích. Trên là trời nắng chang chang, phía dưới là cát nóng bỏng rẫy. Điều kiện ăn uống chỉ có cơm trộn bí ngô, vô cùng kham khổ...”

Người chiến sĩ cách mạng

Thế rồi tất cả những đòn thù ấy cũng không giết chết được người chiến sĩ cách mạng gan dạ. Đến tháng 4/1965, ông Tạ Quang Tám tái ngũ và giữ trọng trách làm thiếu úy - trung đội trưởng đoàn 32 và tham gia trận đánh ở Thừa Thiên Huế vào tháng 10/1965. Ngày đó, ngoài đối mặt với thứ vũ khí hiện đại của Mỹ là loại chất độc màu da cam vô cùng nguy hiểm. Tại trận đánh này, ông Tạ Quang Tám đã trở thành thương binh và là người con duy nhất còn sống sót trong gia đình 10 người con.

Trước hàng loạt những chiến công đáng ghi nhận cùng những hi sinh mất mát của cả gia đình, đến năm 1976 gia đình ông vinh dự được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Kháng chiến hạng Nhất cùng Huân chương Độc lập hạng Nhất. Cho đến năm 1994, cụ Nguyễn Thị Nuôi, mẹ ông Tám được trao tặng danh hiệu mẹ Việt Nam anh hùng. Mẹ là một trong những trường hợp được xét lần đầu của tỉnh và được phong tặng ngay lần đó.

Tuệ Linh - *Doisongphapluat.com*

3. Bác Hồ qua lời kể của nhà giáo Hồ Mộ La

Bà Mộ La người nhỏ nhắn, dáng vắn nhanh nhẹn như ngày nào, rất mẫn tuệ, nhớ nhiều, cách nói khúc triết, mạch lạc, đúng nghề nhà giáo. Hỏi về thân phụ, bà mong và hẹn có dịp được nói rõ hơn, đúng hơn về cha mình và Bác Hồ với mối quan hệ buổi mở đầu một thời kỳ lịch sử quan trọng.

Trong buổi gặp mặt giao lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh tối 28/4/2010 có sự hiện diện của Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng, Nhà giáo ưu tú Hồ Mộ La, nguyên giảng viên Học viện Âm nhạc Quốc gia Hà Nội - 81 tuổi, kể câu chuyện về Bác mang nhiều ý nghĩa sâu sắc. Chuyện nay mới kể.

Được ăn cơm với Bác

Sau cuộc giao lưu, tôi tìm tới nhà riêng của bà ở phố Định Công - Hà Nội. Thì ra, chúng tôi đã từng được ngồi ăn cơm với Bác Hồ tại Volunxki- đatra ở phía Tây ngoại ô Matxcova. Ngày đó, dịp Đại hội XXII Đảng Cộng sản Liên Xô tiếp Hội nghị 81 Đảng cộng sản và công nhân quốc tế, Bác phải làm việc nhiều, căng thẳng kéo dài, do nhiều đảng đề nghị Người dùng uy tín lớn lao và kinh nghiệm phong phú làm chỗ dựa hòa giải để các bên xích lại gần nhau. Ông Vũ Kỳ đi phục vụ Bác hồi đó từng viết rằng Người hết sức lo lắng cho khối đoàn kết trong phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cách mạng thế giới.

Những ngày nghỉ hiếm hoi của Bác, ông Vũ Kỳ thường cho gọi mấy cháu đang

học ở đây như Mộ La vào ăn cơm cho Bác vui. Các bạn Hồng Anh, Châu, Nga... vào bàn ăn, cô nào cũng muốn được ngồi bên Bác, được gấp thức ăn cho Bác - ngon nhất là nem rán, cá kho... do nhà bếp Đại sứ quán nấu thêm rất hợp khẩu vị đưa vào.

Bác bảo: - Bác nhận rồi. Spaxibo Balsôie! (cảm ơn nhiều). Mọi người cười vui. Bác giơ tay ra hiệu: Trise! (Yên lặng chút). Lại cười rộ. Bác bảo: Nhưng “lộc bất tận hưởng”. Bây giờ “không sợ thiếu, chỉ sợ không công bằng”. Lại cười vang, vỗ tay trong khi Bác đứng lên gấp vào bát mỗi người một cái nem.

Cháu nào ngồi cạnh Bác, thành lệ, được giữ hộp thuốc lá của Bác, định giờ đưa Bác một điếu. Có cô thích quá, đưa Bác trước giờ hẹn, Bác phê bình: - Phạm kỷ luật “nhà kho” đây! Giữ hộp thuốc là để Bác hạn chế hút. Cháu định rù Bác “tòng phạm” à?. Bác cháu lại có trận cười phá lên...

Chúng tôi ôn chuyện cũ mà bùi ngùi, lòng lắng lại, nhớ Bác, đời mình ơn Bác như trời biển.

Danh gia vọng tộc

Bà Mộ La người nhỏ nhắn, dáng vẫn nhanh nhẹn như ngày nào, rất mẫn tuệ, nhớ nhiều, cách nói khúc triết, mạch lạc, đúng nghề nhà giáo. Hỏi về thân phụ, bà mong và hẹn có dịp được nói rõ hơn, đúng hơn về cha mình và Bác Hồ với mối quan hệ buổi mở đầu một thời kỳ lịch sử quan trọng.

Bà tỏ ý tiếc, ngay cả đến danh tính thân phụ Hồ Học Lãm ở một vài bài viết, cả đến một đường phố cũng sai chữ lót: Học thành Ngọc. Gia đình phải làm đơn đề nghị sửa lại: Hồ Học Lãm (Học - Xem)

Cha bà theo cụ Phan Bội Châu sang Nhật trong phong trào Đông Kinh nghĩa thực từ năm 1906. Đông Du thất bại, cụ Phan giới thiệu cha vào học trường Sĩ quan Bảo Định - Hà Nam, cùng khóa với Tưởng Giới Thạch.

Tham gia cuộc cách mạng Tân Hợi - 1911 do Tôn Trung Sơn lãnh tụ Quốc dân đảng lãnh đạo. Cha có công giải cứu cho đơn vị của Tưởng Giới Thạch thoát khỏi vòng vây của bọn quân phiệt Bắc Dương do Anh, Mỹ, Pháp đỡ đầu với mưu đồ phục hồi chế độ quân chủ.

Sau ngày Tổng thống Tôn Trung Sơn qua đời (1925), Tưởng Giới Thạch làm binh biến (1927) thay đổi đường lối chính trị, cha vẫn được nể trọng, được điều công tác về Bộ Tổng Tham mưu tại Nam Kinh - Giang Tô. Gia đình vẫn là điểm hẹn, nơi nuôi dưỡng anh em ăn ở như Hồ Tùng Mậu, Lê Hồng Sơn, Trịnh Đông Hải..., sau đó là Lê Hồng Phong, Nguyễn Thị Minh Khai, Hà Huy Tập, Phùng Chí Kiên... Và, cũng là nơi cung cấp tin tức mỗi khi người của ta bị bắt hoặc bị đe dọa đến tính mạng.

Năm 1936, qua liên lạc với Lê Thiết Hùng chồng chị cả Hồ Diệc Lan cùng là đồng môn sĩ quan trong quân đội Quốc dân Đảng, Bác Hồ đề nghị cha bà đứng ra xin phép lập Việt Nam độc lập vận động Đồng minh Hội (tên tắt Việt Minh) để có

danh nghĩa hợp pháp đoàn kết các lực lượng yêu nước trong kiều bào; một mặt cũng là để phân rõ thái độ, chính kiến một số người như Nguyễn Hải Thần, Nghiêm Kế Tổ, Vũ Hồng Khanh, Vi Đẳng Tường v.v... (rồi, như đã biết, năm 1941 Bác Hồ thành lập Việt Nam độc lập Đồng minh, cũng gọi tắt là Việt Minh, nhưng là “Mặt trận” dưới sự lãnh đạo của Đảng, nay là Mặt trận Tổ quốc Việt Nam).

Cha bà cũng đứng tên đề nghị mở văn phòng đại diện Việt kiều, làm Chủ nhiệm cơ quan Biện sự sứ tại Quế Lâm, Phó chủ nhiệm là Lâm Bá Kiệt (Phạm Văn Đồng).

Cha bà bị suy tim, hen suyễn nặng, mất ngày 12/4/1943, dặn mẹ, chị Diệc Lan thay cha, việc gì đoàn thể giao, làm được thì nhận, làm thật tốt để xứng đáng niềm tin của lãnh tụ, cũng là giữ trọn nền nếp gia phong của dòng tộc họ Hồ.

Thần tượng anh hùng của hai chị em

Vào khoảng tháng 8/1942, cha bà nhận được thư của Lâm Bá Kiệt thông báo lão đồng chí Hồ Chí Minh mất tích khi qua biên giới, đề nghị giúp đỡ. Cha ốm, mẹ phải bên giường chăm sóc, Mộ La chưa làm gì một mình được.

Cha gợi ý mấy cách đi tìm: - gặp bạn bè thân quen đi các nhà tù dò hỏi tên tuổi, hình dáng các chính trị phạm mới bị bắt gần đây. - Nhờ các báo tung dư luận đòi nhà cầm quyền Quảng Tây không được bưng bít sự thật, thủ tiêu tù nhân, trả ngay tự do cho ông Hồ Chí Minh vô tội. - Chị Diệc Lan chấp bút thay cha trực tiếp đánh thư cho Tưởng Giới Thạch chỉ thị tha bổng cho người bà con họ Hồ bị bắt oan ở nơi nào đấy thuộc tỉnh Quảng Tây.

Bà mẹ khẳng định: Không thể có một lão đồng chí Hồ Chí Minh nào mà các anh trong tổ chức lại quá quan tâm đến như vậy. Đó chỉ có thể là lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc mà thôi.

Mộ La tuổi Ngọ - Canh Ngọ, đã 13 tuổi, độ tuổi con gái sống trong gia đình nền nếp cách mạng, yêu nước đã sớm nhạy cảm với công việc của người lớn, mặc dù không ai muốn cho cô biết việc mình làm. Chỉ riêng chị Diệc Lan ít lần thổ lộ với em về sự kính phục, ngưỡng mộ của mình đối với lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Lý Thụy. Lần này, Mộ La nằng nặc đòi cha, mẹ, chị cho phép mình cùng tham gia việc đi tìm lãnh tụ...

Không ai biết được những cố gắng của gia đình có kết quả gì không, chỉ biết hơn một năm sau có tin lãnh tụ đã được tha ở Liễu Châu. Người đến làm việc tại phố Ngư Phong để tiếp xúc rộng rãi, liên lạc với các đồng chí trong nước chuẩn bị đón Bác về.

Ba mẹ con bà Khôn Duy lặn lội đến Liễu Châu gặp Bác, thấy Người làm việc công khai, rất được trọng vọng, mẹ con đã đoán ra được mấy phần.

Mộ La để ý có lần thấy lãnh tụ mặc chiếc quần tây rách một chỗ, lần gặp sau cô đem theo kim chỉ đơm bằng được, lãnh tụ cho mạng lại, mấy mũi kim thôi. Người khen cô cháu gái khéo tay và bảo sẽ “trả công” bằng “đổi công”: sẽ dạy quốc tế vũ,

thái cực quyền cho cháu...

Hôm chia tay rời Liễu Châu, Bác đưa cho Mộ La 200 quan kim, bảo để tự mua bộ quần áo mới cho vừa ý. Cô gái không nhận, đưa mắt hỏi mẹ, mẹ bảo: “Cụ cho, con nhận, cảm ơn cụ đi!...”.

Trở về nhà, mẹ con đem chuyện lãnh tụ hỏi ra bàn. Người nói: Chỉ năm Bốn lăm là nước nhà độc lập thôi. Bà và các cháu có muốn về nước thì chuẩn bị đi, cháu Diệc Lan bây giờ muốn về cũng không được. Ở chiến khu rừng núi cực khổ, thiếu thốn lắm...

Hai chị em chưa nghĩ tới chuyện về nước mà đều sùng sốt, hết sức thần phục, tự hỏi: - Giữa lúc thời thế trong nước, quốc tế đang rất đen tối, chiến tranh đẫm máu ở mọi nơi mà sao lãnh tụ lại tài giỏi đến như vậy - biết trước năm 1945 Việt Nam sẽ giành được độc lập? Thật là nhà tiên tri trác tuyệt!

Bác nhớ từng chi tiết

Bà Mộ La kể, Bác có trí nhớ tuyệt vời, mình không thể tưởng tượng. Người nhớ hẳn vì sự quan tâm đến từng chi tiết nhỏ nhặt, rất tình người. Một lần, khi bà đang học tại Nhạc viện Traikôvski ở Matxcova (1961-1966), được đến thăm Bác, Người nhận xét vui: - Hồi ni cháu ăn diện đồ tây nom to nậy hê? Mới đó, cháu viết thư gọi Bác là “Minh thúc”. Bác cười, nói vui: - Lại “mới” nữa, cách nay độ 30 năm, lần đầu gặp cháu còn mặc quần thùng dít...

Mộ La tức cười, mạnh dạn giải thích: - Thừa Bác năm 1943, ba mẹ con cháu đến Liễu Châu tìm Bác, cháu đã hỏi Bác: Tại sao cụ lại xưng chú với cháu? Bác bảo vì chú ít tuổi hơn thầy cháu. Thế là sau đó về nhà, cháu nhớ quá viết thư tiếng Trung gọi “Minh thúc”. Và lại, ngày đó cháu chỉ nghĩ Bác là người trong gia đình, chú của cháu. Nay thì khác, Bác là Bác Hồ của mọi người, cả trong nước và trên thế giới.

Bác chăm chú nghe, gật gật đầu cười: - Cô sinh viên trường nhạc lý luận... khá lắm! Còn “bài bản” chi nữa nào? Cả hai Bác cháu cùng cười. Mộ La trấn tĩnh lại nói tiếp: - Dạ, thưa Bác, cháu xin mạn phép: Bác quên rồi. Khi Bác cháu ở Liễu Châu, cháu đã 13 tuổi, sao lại là mặc quần trẻ nhỏ?

- Ấy, ấy... Hẳn cháu không phải không nhớ mà có thể chưa biết. Hồi nớ cháu mới lên hai, bà nhà bế theo lên Thượng Hải dự Hội nghị Mặt trận phải để toàn Trung Hoa...

- Trời đất ơi, chuyện nhỏ đã qua 30 năm, Bác nhớ từng chi tiết!

Lá thư bấu vật

Cháu Mộ La.

Đã nhận được thư cháu, Chú cảm ơn. Biết cháu to nậy, mạnh khỏe, tiến bộ, chú mừng. Nhưng cháu viết hơi “văn nghệ” quá, Chú ngại. Ví dụ: Răng không kêu chú là chú Minh, lại kêu bằng “Minh thúc”. Tiếng ta có, thì nên zùng tiếng ta, như rứa

phổ thông hơn, phải không cháu?

Hôn cháu

Chú Minh

Nhà giáo Mộ La gọi đây là thư Bác Hồ, vật báu của gia đình, tự tay Người gõ máy chữ trên tấm giấy dó nhỏ sản xuất thời chống Pháp, được ép nilon, đựng trong cái túi riêng, nay mới công bố.

Được hỏi về ngày tháng, xuất xứ của thư, tâm trạng khi nhận thư, bà nhớ lại: Đúng năm 1945 như Bác đã dự báo, sau Cách mạng tháng Tám, phái đoàn Hà Phú Khương sang Trùng Khánh đón “Hải ngoại quân”: lính khố xanh, khố đỏ về nước, Bác dặn tìm, đưa cả ba mẹ con bà hồi hương. Tiếc là về nước đúng vào thời gian Bác đi thăm Pháp.

Mẹ con về quê Quỳnh Đôi - Quỳnh Lưu - Nghệ An tham gia công tác. Nhớ Bác quá, năm 1950, bà gửi thư lên Bác, cả thư tiếng Trung. Thật bất ngờ, Bác trả lời ngay. Bà thấy xấu hổ quá, ngượng quá, sao lại viết đông dài, hươu vượn làm Bác phiền lòng. Nhưng lại nghĩ: thế mới là Bác vĩ đại! Bác thương con cháu, chỉ bảo từng li, từng tí.

Bác dạy: người ta dùng tiếng ta mới là “hiện tượng” thôi. Còn bản chất, ý Bác là đừng đánh mất mình, mất gốc, quên ông cha đất tổ. Thì đó, xa quê đã gần tròn 40 năm mà trong thư vền vẹn hơn 60 từ, có tới 6 tiếng gốc Nghệ An: to nậy, mắng, rắng, rứa, kêu, ngại. Việc nhỏ mà ý nghĩa giáo dục sâu sắc, tình quê cao đẹp biết bao!

Ktdt.com.vn

4. Bóng Người ở bản Xiềng Vang

Tháng 9/2013, bản Xiềng Vang của huyện Noọng Bốc, tỉnh Khăm Muộn nghiêng mình trong nắng vàng bên dòng sông Mê Công cuộn cuộn chảy. Hơn 80 năm trước, tại nơi này với sự đùm bọc, bảo vệ của nhân dân các bộ tộc Lào và đồng bào Việt kiều, Bác Hồ của chúng ta đã có mặt để khảo sát tình hình và gây dựng cơ sở cách mạng. Đến thắp hương tại khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Xiềng Vang, Đoàn báo chí quân đội nhân dân Việt Nam rung rung xúc động như vẫn thấy bóng Người đang lồng lộng đâu đây...

Dấu chân Bác ở nơi này

Khu lưu niệm tọa lạc trên khu đất đẹp 1,6ha nhìn ra dòng sông Mê Công đêm ngày cuộn chảy. Bên kia sông là tỉnh Na-khon Pha-nôm thuộc khu vực Đông Bắc của Thái Lan, cũng là nơi Thầu Chín (bí danh của Bác Hồ) hoạt động. Theo các nghiên cứu, vào khoảng tháng 7/1928, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã bí mật đến một số cơ sở ở Thái Lan để tuyên truyền, huấn luyện và xây dựng lực lượng cách mạng. Trong đó, Người cũng đã đến Bản Mạ của tỉnh Na-khon Pha-nôm. Tại đây, Bác

đã khuyến khích nhân dân xây dựng nhà hợp tác để mọi người có thể sinh hoạt, tụ họp. Nhà hợp tác trở thành điểm đến của nhiều người Thái gốc Việt. Thời gian này, Bác tích cực học tiếng Thái và tổ chức các lớp học tiếng Việt cho trẻ em. Người cũng tham gia các buổi cúng tế ở đền Đức Thánh Trần và tuyên truyền giáo dục người Việt tinh thần yêu nước, chống giặc ngoại xâm, tôn trọng phong tục tập quán của người bản địa, nêu cao tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau.

Trong thời gian khoảng 16 tháng hoạt động tại Thái Lan, Bác Hồ đã nhiều lần đi đò qua sông Mê Công sang tỉnh Khăm Muộn, Lào. Cuốn *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào* đã khẳng định: “Khoảng cuối năm 1928, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã cải trang là thợ mộc từ Xiêm đi vào đất Lào qua thị xã Pắc Xế đi lên Savannakhet tới Xiêng Vang, phía nam thị xã Thà Khẹt, tỉnh Khăm Muộn để nắm tình hình và đời sống của nhân dân và sau đó quay trở lại đất Xiêm”. Đến bản Xiêng Vang, huyện Noọng Bốc, Bác đã gặp gỡ bà con người Lào và người Việt sinh sống ở đây. Người khuyến khích bà con phải đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, cùng quyết tâm đánh đuổi thực dân Pháp ra khỏi Lào và Việt Nam. Người cũng phổ biến kinh nghiệm cho bà con về việc tổ chức các đoàn thể yêu nước và đoàn thể cách mạng tại Lào. Bên cạnh việc khảo sát, xây dựng cơ sở cách mạng, Nguyễn Ái Quốc còn tìm đường để về Việt Nam. Tại Lào, Người rất muốn về Việt Nam hoạt động nhưng không thể, vì hàng rào mật thám ở biên giới Việt Nam - Lào quá chặt, trong lúc thực dân Pháp ở Vinh (Nghệ An) ra bản án tử hình với Nguyễn Ái Quốc. Không về nước được, Người tới Hồng Công (Trung Quốc) để thống nhất ba tổ chức cộng sản và thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào ngày 3/2/1930, tạo ra bước ngoặt vĩ đại trong tiến trình cách mạng của Việt Nam. Cùng với đó, những cán bộ ở Lào từng được Nguyễn Ái Quốc đào tạo và những cán bộ giác ngộ chủ nghĩa Mác-Lênin do Người truyền bá đã lãnh đạo phong trào đấu tranh trên nhiều tỉnh, thành phố của nước Lào...

Xiêng Vang nhớ mãi ơn Người

Vào đúng dịp kỷ niệm 122 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/2012), nhà lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh tại bản Xiêng Vang được khánh thành và chính thức mở cửa đón khách tham quan. Theo chị May Đa Đôn và Mếch Sa Vành, hai hướng dẫn viên của Nhà lưu niệm thì toàn bộ diện tích 1,6ha nơi đây là của hàng chục hộ dân địa phương, cả người Lào và người Việt tự nguyện hiến cho công trình mà không yêu cầu bất cứ sự bồi thường, hỗ trợ nào. Công trình được Đảng, Nhà nước Lào trực tiếp giao cho Bộ trưởng Bộ Văn hóa Lào và Chủ tịch Noọng Bốc chịu trách nhiệm chỉ huy thi công với tổng kinh phí là 37 tỷ kíp. Khu lưu niệm có nhiều hạng mục như nhà trưng bày; nhà đón khách; nơi tưởng niệm và dâng hương... Nhà trưng bày gồm 4 phần: Một số hình ảnh về văn hóa Lào - Việt Nam; những nét chính trong tiểu sử sự nghiệp Chủ tịch Hồ Chí Minh; Người xây dựng và phát triển tình đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam; Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước tiếp tục xây đắp mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững. Khu lưu niệm còn có vườn hoa, cây cảnh, đặc biệt là Ao cá Bác Hồ.

Trước ngày khánh thành, bạn Lào và bà con Việt kiều tổ chức một đoàn rước cá từ chính Ao cá Bác Hồ ở thủ đô Hà Nội về đây.

Méch Sa Vanh, hướng dẫn viên Khu lưu niệm còn rất trẻ, nói tiếng Việt khá lưu loát. Chị tâm sự: Em sinh ra và lớn lên ở thị xã Thà Khẹt, tỉnh Khăm Muộn, từ nhỏ đã nghe nhiều câu chuyện về Bác Hồ và mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt. Vì thế, sau khi tốt nghiệp Trường Đại học Kinh tế Đà Nẵng và được về đây công tác là một vinh dự lớn với em. Mỗi lần đón khách và được giới thiệu về Bác Hồ em đều xúc động, tự hào. Những lúc rảnh, em đọc lại những dòng ghi cảm tưởng của các đoàn đến thăm và cảm nhận được tình cảm, sự tôn kính của cán bộ, nhân dân Việt Nam, cũng như nhân dân các bộ tộc Lào dành cho Bác Hồ lớn lao biết chừng nào.

Nói đoạn, Méch Sa Vanh giở từng trang trong cuốn sổ cảm tưởng giới thiệu với chúng tôi. Chúng tôi xin phép được trích một số đoạn trong đó:

“Đoàn công tác của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn rất xúc động được đến thăm khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh trên đất bạn Lào anh em. Chúng cháu xin ghi lòng tạc dạ lời dạy của Bác và làm hết sức mình để góp phần xây đắp tình hữu nghị đặc biệt giữa hai dân tộc”. (Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam Cao Đức Phát)

“Chúng tôi vô cùng xúc động và biết ơn Đảng, Nhà nước Việt Nam, Lào và làng Việt kiều tỉnh Khăm Muộn, nhân dân Xiêng Vang đã dành cả trái tim, tình cảm, công sức để xây dựng khu lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh. Chúng tôi nguyện đem hết tâm sức vun đắp cho tình đoàn kết của hai dân tộc Lào - Việt ngày càng bền vững”. (Đoàn cán bộ Cục Khoa học Lịch sử Quân đội Lào)

“Chân thành cảm ơn sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, nhân dân các bộ tộc Lào đối với việc giữ gìn những kỷ niệm, hồi ức liên quan đến lãnh tụ Hồ Chí Minh và công lao của Người đối với việc xây dựng, vun đắp quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt - Lào. Với trách nhiệm của mình, báo *Quân đội nhân dân* sẽ phối hợp với cơ quan báo chí của Lào và Việt Nam thường xuyên tuyên truyền thúc đẩy mối quan hệ vĩ đại, có một không hai trên thế giới, mẫu mực, thủy chung, trong sáng đó”. (Trung tướng Lê Phúc Nguyên, Tổng biên tập báo *Quân đội nhân dân*, Trưởng đoàn báo chí quân đội Việt Nam).

Rời Khu lưu niệm, giữa mây trời bao la và sông nước hiền hòa, chúng tôi lặng người khi nhớ về một thuở cả hai dân tộc Lào - Việt còn đang chìm đắm trong đêm dài nô lệ, Bác Hồ kính yêu đã đặt chân đến mảnh đất này gieo mầm cách mạng. Dấu chân nặng lòng với đất nước của một con người vĩ đại như vẫn còn đâu đây: “Dấu chân không nhẹ như mây - Dấu chân không êm không ấm - Dấu chân không là dấu nắng mười ngón trần trở bầm sâu - Dấu chân của dáng đứng lâu nặng hai vai là Tổ quốc - Chắc Người rung rung nước mắt trái tim cảm giận bùng bùng”...

Hoàng Tiến - *Qdnd.vn*

5. Hạt giống đỏ của núi rừng Bắc Ái

Mặc dù đã gần 70 tuổi và nghỉ hưu từ năm 2004, nhưng một tuần, bác sĩ Mầu Thị Bích Phan vẫn dành vài ngày đi khám, điều trị bệnh lưu động cho bà con ở các buôn xa. Bà được đồng bào dân tộc Rắc Lây các huyện Bắc Ái của tỉnh Ninh Thuận yêu mến gọi là thầy thuốc của buôn làng. Ngoài khám bệnh cho bà con, bác sĩ Phan còn tích cực sưu tầm sử thi, phiên âm chữ dân tộc Rắc Lây thành chữ La tinh để dạy mọi người. Bác sĩ Phan đã nỗ lực hết mình để cùng đồng bào nơi đây xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn.

Cô bé dân tộc ôm hoa đón khách

Trong căn nhà cấp bốn nhỏ xinh, gọn gàng, bác sĩ Mầu Thị Bích Phan kể với chúng tôi về cuộc đời, những năm tháng lăn lộn vận động đồng bào Rắc Lây vươn lên xóa nghèo nàn lạc hậu, xây dựng nếp sống mới nơi trước kia là vùng căn cứ cách mạng.

Bác sĩ Phan sinh năm 1947 tại làng Ma Ty, huyện Bắc Ái, trong một gia đình có truyền thống cách mạng. Bác sĩ cho biết: “Chính các chú cán bộ đến cùng ăn, cùng ở trong nhà đã giúp mình biết cái chữ. Thấy mình ham đọc, ham viết, chú Lương, một cán bộ ở lâu nhất trong nhà đã dạy mình những chữ cái đầu tiên”. Năm 1959, chính đồng chí Lương đã tìm cách gửi cô bé Phan, khi ấy mới 12 tuổi, ra miền Bắc học chữ để sau này về xây dựng buôn làng.

Bác sĩ Phan kể: Năm 1963, một lần bà được chọn đi cùng đoàn nhân dân Thủ đô tháp tùng Bác Hồ đón đồng chí Lưu Thiếu Kỳ, Chủ tịch nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa tại sân bay Gia Lâm. Khi vừa xuống chân cầu thang máy bay, thấy bà mặc trang phục đồng bào dân tộc Tây Nguyên ôm hoa đến tặng, Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ hỏi Bác Hồ: “Cô gái này là người dân tộc nào”? Bác Hồ xoa lên đầu cô bé Phan và trả lời:

- Đây là con em một gia đình dân tộc thiểu số có công với cách mạng, là một hạt giống đỏ. Các cháu đang theo học lớp dành cho con em đồng bào thiểu số, sau này đem kiến thức về xây dựng quê hương. Giới thiệu với Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ xong, Bác quay lại và căn dặn:

- Các cháu nhớ học thật chăm, dân tộc ta còn nghèo và khó lắm, đất nước rất cần những thế hệ như các cháu.

Nhớ lời căn dặn của Bác Hồ, trong suốt thời gian học tập tại miền Bắc, mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, nhưng cô bé Phan ngày ấy đã khắc phục và chăm chỉ luyện rèn, quyết tâm sẽ mang cái chữ và ánh sáng văn hóa, sau này về xây dựng buôn làng no ấm.

Năm 1970, bà Phan thi đậu vào Đại học Y Thái Nguyên và theo học chuyên sâu về chống sốt rét. Bà kể: “Tôi nhớ những lần thực tập ở các bệnh viện Bắc Thái, cứ ngong ngóng ngày mình có bằng tốt nghiệp để về quê hương chữa bệnh cho

người Rắc Lây của mình”. Cùng thời gian này, bác sĩ Phan được “bắt chồng” - anh Mầu Văn Nhung, kỹ sư nông nghiệp, cũng là con em núi rừng Bắc Ái cùng ra miền Bắc học tập với bà.

Thầy thuốc của buôn làng và “con đường bà Phan”

Năm 1977, sau gần 20 năm xa cách, vợ chồng bác sĩ Phan mới quay trở về buôn làng. Tuy đã được giải phóng, nhưng lúc đó huyện Bắc Ái còn rất nghèo, đời sống của đồng bào dân tộc nơi đây còn vô vàn khó khăn và sinh hoạt còn mang nặng các hủ tục lạc hậu.

Được phân công phụ trách 20 giường bệnh ở Trung tâm Y tế huyện Ninh Sơn, lần đầu được áp dụng kiến thức để chữa khỏi bệnh cho đồng bào bác sĩ Phan vui lắm, nhất là khi được người dân cầm tay khen: “Đó, bác sĩ học từ chỗ Bác Hồ về có khác”! Rồi những ca sốt rét tái phát, song thai, thai ngược... lần lượt được bác sĩ “đa khoa” Bích Phan chữa trị thành công. Tiếng của bác sĩ Phan ngày càng được nhiều người biết tới. Vì thế, khi nghe bác sĩ Phan vận động dừng sinh nở ở nhà, phải ra trạm thăm khám thai, nhiều phụ nữ tin và làm theo. Người dân cũng bớt cúng ma, cúng Giàng khi bị bệnh, không tìm thầy mo khi đau bụng quặn quai nữa mà đi tìm bác sĩ Phan.

Sau 5 năm về Ninh Sơn, nhờ sự vận động của bác sĩ Phan mà hơn nửa dân cư nơi đây đã biết ngủ màn, biết rửa tay trước khi ăn... Nạn sốt rét chiếm trên 80% dân số đã giảm xuống chỉ còn khoảng 10%. Từ năm 1986 đến năm 1992, bác sĩ Phan còn được tin nhiệm giữ chức Phó chủ tịch UBND huyện Ninh Sơn. Năm 1992, dịch tiêu chảy cấp tràn về Bắc Ái, giữa lúc bác sĩ Phan đang chống dịch cho người dân thì con trai út của bà đột ngột qua đời do chính căn bệnh này.

Đau lòng vì mất con, trăn trở với mạng lưới y tế quê hương còn quá mỏng, bác sĩ Phan đã xin thôi giữ chức Phó chủ tịch huyện Ninh Sơn để chuyên tâm làm nhiệm vụ của một Trưởng phòng Y tế huyện. Khi mạng lưới y tế đã vững vàng, bác sĩ Phan lại cùng chồng về Phước Đại, nơi khó khăn nhất, xa nhất của Ninh Sơn ngày ấy để sinh sống và công tác. Sau một thời gian dài nhiệt huyết, bác sĩ Phan đã cùng chính quyền và nhân dân nơi đây xây dựng được những điểm cấp cứu 24/24 giữa núi rừng.

Trong thời gian này, bác sĩ Phan được nhân dân tin nhiệm bầu là đại biểu Quốc hội khóa 8. Trên cương vị là đại biểu của dân, bác sĩ Phan đã nhiều lần kiến nghị tỉnh Ninh Thuận và Nhà nước đầu tư xây dựng mới con đường dài gần 10km đi qua huyện Bắc Ái. Vì thế, người dân thường gọi đó là “con đường bà Phan”. Từ khi huyện Bắc Ái tách khỏi huyện Ninh Sơn, bác sĩ Phan được bổ nhiệm giữ chức Phó chủ tịch huyện Bắc Ái.

Năm 2004, bác sĩ Phan về hưu, nhưng người dân ở Bắc Ái vẫn thấy bác sĩ vi vu trên chiếc Honda vượt núi rừng đi khám, chữa bệnh cho cụ già, em nhỏ, những người nghèo ở các buôn làng xa. Năm 2007, bác sĩ Nguyễn Thị Ngọc Phượng, nguyên Giám đốc Bệnh viện Từ Dũ đã mời bác sĩ Phan về TP. Hồ Chí Minh để

tập huấn Dự án “Cô đỡ thôn bản”, tiếp tục nâng cao trình độ, chăm sóc sức khỏe nhân dân ngày một tốt hơn. Không dừng lại đó, năm 2008, bác sĩ Phan lại được chọn là điều phối viên một dự án y tế khác của UNFPA.

Nhà phiên dịch sử thi Rắc Lây

Năm 2002, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh Ninh Thuận mở chương trình phát thanh tiếng dân tộc Rắc Lây, phát sóng trên VTV5 và mời bác sĩ Phan tham gia thì bà đã đồng ý. Mặc dù công việc của Phó chủ tịch huyện mới thành lập cùng với sứ mệnh của một bác sĩ chiếm rất nhiều thì giờ, nhưng bác sĩ Phan vẫn dành thời gian thỏa đáng cho công việc mới mẻ này. Công việc biên dịch, đọc tiếng dân tộc Rắc Lây trên sóng có yêu cầu rất cao, ngay cả các chuyên gia nghiên cứu về ngôn ngữ còn thấy bí, thế mà bác sĩ Phan đã làm được.

Với niềm tự hào dân tộc, bác sĩ Phan đã miệt mài nghiên cứu và sử dụng mẫu tự La tinh để tạo chữ viết cho việc biên soạn chữ Rắc Lây. Và trong suốt hơn 10 năm lao động miệt mài, bên cạnh việc bảo tồn, phát huy tiếng nói, chữ viết và sản nghiệp văn hóa truyền thống của tổ tiên, bác sĩ Phan còn tranh thủ dạy tiếng Rắc Lây cho các cán bộ, chiến sĩ công an, lực lượng vũ trang, giáo viên trong tỉnh..., thậm chí lặn lội đến các buôn làng xa xôi để sưu tầm, nghiên cứu sử thi Rắc Lây.

Đã gần chạm tuổi “xưa nay hiếm”, nhưng bác sĩ Phan vẫn khỏe mạnh và nhanh nhẹn trong từng bước đi. Dù đã được nghỉ chế độ, song bác sĩ Phan vẫn chạy đua cùng tuổi già để thực hiện ý nguyện và quyết tâm mang lại hạnh phúc cho đồng bào dân tộc Rắc Lây quê mình.

Đang mãi theo câu chuyện với chúng tôi, từ ngoài cửa, một cháu bé chừng học lớp 3 hót hải gọi bà Phan. Bác sĩ Phan đi ra cửa rồi quay lại nhìn chúng tôi cười hiền từ, bà nói: “Mẹ cháu bé sắp sinh rồi, tôi phải đi đây”! Bác sĩ Phan nhanh nhẹn vào nhà lấy túi thuốc. Chúng tôi nghe thấy những bước chân vội vã của bác sĩ Phan trên con đường dẫn về những buôn làng của đồng bào dân tộc Rắc Lây - vùng căn cứ cách mạng Bắc Ái xa xôi.

Nam Phong - Qdnd.vn

6. Cụ ông U80 suốt 27 năm sưu tầm gần 4.000 bức ảnh Bác Hồ

Dù đã bước sang tuổi 78 nhưng ông Trần Mỹ Trâm vẫn hàng ngày rong ruổi khắp nơi để tìm những bức ảnh về Bác. Và suốt 27 năm kỳ công tìm kiếm, ông Trâm đã tích lũy được gần 4.000 bức ảnh quý về vị lãnh tụ đáng kính của dân tộc.

Cơ duyên và hành trình sưu tầm những bức ảnh

Ông Trần Mỹ Trâm, SN 1935, trú tại xóm 5, xã Nam Sơn, thị trấn Nghèn, huyện Can Lộc, Hà Tĩnh. Trước đây, ông Trâm từng là một giáo viên cấp 2 tại thị xã Hà Tĩnh (ngày nay là TP. Hà Tĩnh). Là một thầy giáo nên hàng ngày lên lớp, tiếp xúc với học sinh ông luôn muốn truyền đạt cho các em những điều hay lẽ phải

để “uơu mằm cho một thế hệ trẻ” sau này.

Đến năm 1984, ông Trâm được chuyển về công tác tại phòng giáo dục huyện Can Lộc. Trong những chuyến đi công tác xa, ông Trâm được tiếp xúc với nhiều người. Từ đó, ông Trâm rất thích thú và nung nấu ý định sẽ sưu tầm hết những bức ảnh về Bác ở nhiều nơi.

Nghĩ là làm, mỗi lần có dịp ra Bắc vào Nam ông Trâm đều để ý xem nếu có sách, báo có in hình bác Hồ, ông sẽ làm quen rồi xin hay mua lại những bức ảnh, tờ báo-đó để đem về. Ban đầu, những việc làm của ông Trâm khiến nhiều người thấy lạ lẫm; họ thắc mắc rằng một thầy giáo như ông thì cố tìm những bức ảnh của Bác để làm gì. Tuy nhiên, khi được ông Trâm trình bày niềm đam mê của mình khiến nhiều người khen ngợi và giúp đỡ.

Ông Trâm chia sẻ: “Tôi cũng không biết vì sao nhưng với tôi, cứ thấy ảnh của Bác, tôi cứ muốn đưa về để lưu giữ lại. Tôi sợ, một ngày những bức ảnh quý giá đó bị thất lạc và mất đi thì nay mai thế hệ trẻ sẽ thiếu vắng những bức ảnh tư liệu quý giá”.

Lâu dần, việc sưu tầm của ông Trâm cũng được mọi người chú ý và trân trọng. Hễ thấy nơi nào có bức ảnh hay tư liệu nào về Bác họ lại nhiệt tình chỉ dẫn cho ông Trâm. Hàng ngày, ông Trâm đạp xe đến các trường học hay thư viện xã để tìm những cuốn sách có in hình bác Hồ. Khi tìm được, ông lại xin đưa đi in sao lại, có những khi ông Trâm còn phải thuê thợ chụp ảnh để chụp lại những bức ảnh về Bác. Với ông, những bức ảnh của Bác chính là phần thưởng lớn nhất của cuộc đời ông.

Thời gian trôi qua, những tấm ảnh về cuộc đời của chủ tịch Hồ Chí Minh cứ vậy dày theo năm tháng. Và cứ như vậy, ông Trâm miệt mài với niềm đam mê của mình. Khi thông tin về người thầy giáo già có tâm huyết và đang sở hữu một gia tài lớn tư liệu về vị lãnh tụ đáng kính của dân tộc nhiều người đã tìm về. Họ muốn tận mắt được xem những bức ảnh và được nghe ông kể về những câu chuyện gắn liền với những bức ảnh đó.

Ông Trâm chia sẻ: “Mỗi ngày, những bức ảnh về Bác Hồ về với tôi lại một nhiều hơn và nhất là khi nhiều người tìm về căn nhà nhỏ của tôi để xem những bức ảnh đó. Tôi thấy vậy là mình đã thành công khi “kho báu” của tôi được mọi người coi trọng. Hi vọng một ngày gần đây nhất, tôi sẽ tổ chức được một cuộc triển lãm để có dịp trưng bày hết những bức ảnh về Bác mà tôi sưu tầm được”.

5 cuốn album với gần 4.000 bức ảnh

Suốt 27 năm rong ruổi theo đuổi niềm đam mê của mình, giờ đây, ông Trâm có trong tay của mình gần 4.000 bức ảnh về chủ tịch Hồ Chí Minh. Với số ảnh lớn đó, ông Trâm cẩn thận sắp xếp và chú thích từng bức ảnh một.

Ông Trâm chia số ảnh thành 5 cuốn album với những chủ đề khác nhau như Chân dung Bác Hồ qua các năm, các loại hình nghệ thuật; Những hình ảnh về đời hoạt động của Bác từ năm 1911 đến 1969; Bác còn sống mãi trong sự nghiệp của

chúng ta; Gia thế Bác Hồ; Những di tích gắn với đời hoạt động của Bác và Những tư liệu gắn với đời hoạt động của Bác.

Trong suốt buổi trò chuyện với chúng tôi, ông Trâm tự hào đem 5 cuốn album ra rồi tỉ mỉ chỉ cho chúng tôi những bức ảnh mà ông có được. Ông hào hứng chia sẻ: “Gần 4.000 tấm ảnh mà tôi có được, tấm nào cũng có ý nghĩa rất lớn. Nhưng bức ảnh mà tôi thấy “độc” nhất là bấy lâu nay người ta cứ bảo trong chiến thắng Điện Biên Phủ chỉ có 5 chiến sĩ thi đua xuất sắc. Vậy mà tôi lại sưu tầm được tấm ảnh có 6 chiến sĩ xuất sắc chụp chung với Bác đó”.

Số lượng ảnh mà ông Trâm sưu tầm được rất lớn, vì lẽ đó việc bố trí và mua các khung ảnh về để trưng bày những tấm ảnh đó cũng là điều làm ông trăn trở nhất. Ông chỉ mong những tấm ảnh mình kỳ công tìm kiếm sẽ được lưu giữ mãi mãi về sau. Và khi cuộc vận động Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh ra đời đã có rất nhiều đoàn thể, cá nhân trên địa bàn tìm đến nhà xin được xem, chụp, in sao ảnh ra để mang về làm giáo án và tài liệu giảng dạy cho học trò.

Ông Trâm vui vẻ cho biết: “Những lúc như thế tôi thực sự tôi rất hạnh phúc vì qua những bức ảnh này mình cảm thấy đã làm được một công việc nhỏ có ý nghĩa trong xã hội”. Giờ đây, dù ông đã ở cái tuổi nghỉ ngơi, vui vầy bên con cháu nhưng ông Trâm vẫn miệt mài trên những con đường để tìm kiếm những bức ảnh quý giá về Bác...

Anninhthudo.vn

7. Ký ức của cụ bà nuôi dưỡng chiến sĩ cách mạng

Những ngày giáp Lễ Quốc khánh của dân tộc này, bà chẵn 90 tuổi. Bà là một trong những người đã đóng góp và giúp đỡ Cách mạng, giúp đỡ Bác Hồ còn lại rất ít ở đất Cao Bằng.

Có công vậy, nhưng cách mạng thành công, bà đơn giản sống và hàng ngày vẫn đi nương đi ruộng để lao động sản xuất.

Mùa này, lên Cao Bằng, rồi qua Nước Hai, Đôn Chương để vào Hà Quảng, nơi có chiếc hang lịch sử Cốc Bó bà con các dân tộc nơi đây đang phơi phơi để chuẩn bị đón cho mình cái Tết độc lập năm thứ 68. Tìm vào xóm Pác Bó, hỏi bà Hoàng Thị Khìn, không ngờ bà vẫn còn đang quây quả nơi mảnh nương xa tít trên núi.

Lại phải nhờ mấy đứa cháu đôn đáo chạy đi tìm, ba tiếng sau mới thấy cụ Khìn về. Làm nương, trồng sắn, cuốc đất trồng ngô là công việc hàng ngày của cụ. Ấy nấy, đứa cháu nói: Khổ lắm, chả muốn bà làm đâu. Nhưng bà bảo, còn sức còn làm, sống phải lao động, phải đóng góp và không nên phụ thuộc vào ai. Ngày xưa ở gần Bác, Bác dạy thế nên cụ Khìn vẫn ghi lòng tạc dạ và thực hiện lời dạy ấy chỉ trừ những lúc ốm đau.

Ngồi với tôi trong căn nhà tình nghĩa vừa được trao tặng, những ngày xưa của

cô thôn nữ Hoàng Thị Khìn dần hiện về qua lời kể. Cụ Khìn bảo, vì nhà cụ cách hang Cốc Bó có gần một cây số thôi, hơn nữa cha cụ, ông Hoàng Quốc Long lại là người tốt. Vì tốt, có tài lại thông minh nên cha cụ cũng như gia đình được cán bộ cách mạng chọn làm nơi hoạt động cách mạng.

Cụ bảo, hồi ấy mới 18 tuổi (cụ Khìn sinh năm 1923), gái dân tộc, lại ở vùng xa xôi nữa nên chả biết gì. Nhà cụ bắt đầu có những “người lạ” đến. Dưới chiếc bàn thờ lớn, cha cụ đã quây thành chiếc rương to. Mỗi khi “người lạ” đến, bàn bạc cùng cha chuyện gì đó, nếu có động thì họ lại vào trong đó để ẩn. Những lúc “người lạ” đến nhà, cụ lại được cha cắt cử cùng với người em gái là Hoàng Thị Hoa ra cầu thang ngồi canh chừng. Thấy động tĩnh, có người không thân quen, không ở trong thôn thì báo ngay cho bố biết.

Sau những lúc bàn bạc, những “người lạ” đi thì cha lại bảo hai chị em cụ nấu thật nhiều cơm, phần cho họ ăn, phần thì nắm cho họ mang theo khi lên đường. Họ bí mật đến, rồi lại lặng lẽ ra đi khi sương núi đã buông, gà đã te te gáy. Thấy họ khổ, nhiều lúc cụ lên tiếng hỏi. Những lúc ấy, với ánh mắt xa xôi cha cụ chỉ biết xoa đầu hai cô gái yêu và nói: Lớn lên các con sẽ hiểu!

Sau này, cụ Khìn mới biết, những “người lạ” hay qua nhà mình chính là những bậc lão thành cách mạng nổi tiếng như Lê Quảng Ba, Hoàng Tô, Hoàng Sâm... Cùng với sự đến rồi đi của những cán bộ cách mạng này, các đoàn hội dần dần được thành lập ở Pác Bó, rộng ra cả xã Trường Hà rồi huyện Hà Quảng.

Theo phong trào, được sự giác ngộ nên hai chị em cụ đều tham gia Đội nhi đồng cứu quốc. Trước khi tham gia, cụ có về hỏi cha. Cha cụ bảo, đó là đoàn thể do cách mạng lập ra mà cách mạng là cái tốt, vậy cái gì tốt thì các con nên làm. Đội nhi đồng cứu quốc của cụ lúc này có 12 người, anh Đại Việt làm tổ trưởng, còn anh Kim Đồng làm đội phó.

Thế rồi “việc lớn” cũng bắt đầu được giao. Cụ Khìn nhớ, ấy là vào đầu năm 1941, có mấy người lạ đến nhà. Họ cùng cha cụ bàn bạc rất lâu, sau đó cha cụ bảo hai chị em nấu thật nhiều cơm để nắm cho họ lên đường. Cha bảo họ đang chuẩn bị đi đón một thượng cấp phía bên kia biên giới. Sau đó, lại thấy cha bảo hai chị em nấu cơm nắm để cho cha đi đâu đó. Mấy ngày sau cha về cùng đồng chí Lê Quảng Ba, rồi gọi hai chị em cụ lại và giao một nhiệm vụ hết sức quan trọng và hết sức bí mật là nấu cơm đưa lên hang Cù Mài trên phía thượng nguồn suối Giàng.

Hang Cốc Bó lúc này chưa có tên, chỉ được người dân quen gọi là hang Cù Mài vì hang do người đi đào củ mài phát hiện ra. Đứng ngoài trông vào tường hang cụt nhưng vào trong thì hang lại rất rộng. Suối Giàng sau được Bác đặt tên là suối Lê Nin còn hang Cù Mài được đặt là hang Cốc Bó.

Nghe lời cha dặn, tờ mờ sáng, hai chị em bà dậy đồ xôi, nấu món thịt treo gói vào lá chuối rồi cùng đồng chí Lê Quảng Ba lên đầu nguồn suối Giàng và gặp Bác ở cột mốc 108. Bác lúc này trông rất gầy và xanh xao, nhưng đôi mắt rất sáng.

Bác dùng tiếng dân tộc Nùng để nói chuyện và giới thiệu mình là Già Thu. Bác ân cần hỏi chuyện chị em cụ về tội ác của lính Tây, lính đông. Bác bảo tuy lính Tây, lính đông có ác, được trang bị vũ khí hơn mình nhưng đồng bào và các cháu thiếu nhi biết đoàn kết, biết giúp đỡ cách mạng thì sẽ đánh đuổi được chúng, giành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

Từ hôm về, Bác đã chọn hang Cốc Bó để ở và làm việc. Việc nấu cơm cho Bác và các cán bộ cách mạng được giao cho 4 nhà là cơ sở cách mạng đã giác ngộ, trong đó có chị em cụ Khìn. Hàng ngày theo phiên, các gia đình cắt cử nhau nấu cơm, ngày 2 lần mang vào hang. Đường vào được bố trí các trạm canh gác khá cẩn trọng, muốn qua phải có mật khẩu mới đi được.

Cụ Khìn nhớ nhất là những lần lính Pháp và lính đông bao vây chặt, cơm không mang vào được, hai chị em cụ phải có sáng kiến nấu cháo ngô (cháo bẹ) cho vào ống nứa đeo bên sườn, giả làm người đi rừng lấy rau lợn mới mang cháo vào được. Cụ bảo món ăn thích nhất của Bác trong thời gian này là món thịt băm nhỏ trộn ớt chỉ thiên cay sè mắt.

Rồi lớp học đầu tiên cũng đã được Bác dựng lên ngay sau chiếc bàn đá mà hàng ngày Bác vẫn làm việc. Bác bảo chị em cụ đi vận động thiếu niên trong Đội nhi đồng cứu quốc đến học. Thầy giáo Cao Hồng Lĩnh cũng được đưa về. Hàng ngày, sau giờ làm việc Bác lại lên thăm lớp.

Bác động viên mọi người học và trực tiếp dành thời gian để giảng về đạo đức người cán bộ cách mạng. Bác đã tặng chị em cụ Khìn cuốn sách *Ngũ tự kinh* và dặn: Các cháu cần học chữ để học và hiểu được cuốn sách này. Hiểu biết rộng để làm cách mạng, sau này đứng lên giành độc lập tự do thì Bác mới vui lòng được.

Từ những động viên và sự chỉ bảo ân cần của Bác nên mọi người trong lớp rất chịu khó học tập. Cụ và những người trong lớp dưới sự chỉ bảo của cán bộ cách mạng đã nhiệt tình tham gia tuyên truyền gia đình, làng xóm vào các tổ chức đoàn thể. Các Hội như Người già, Thanh niên, Nông dân, Phụ nữ, Nhi đồng lần lượt ra đời. Riêng Hội nhi đồng cứu quốc của cụ, từ một đội đã nhanh chóng phát triển thành 5 đội....

Thời gian và khoảnh khắc đáng nhớ trong đời cụ Khìn và bà con Trường Hà nhanh chóng qua khi tháng 5/1945 Bác dời sang Tân Trào (Tuyên Quang) để ở và hoạt động cách mạng. Trước ngày Bác đi, cụ Khìn và phụ nữ trong bản đã khâu áo, mũ, giày vải để tặng Bác và các đồng chí đi cùng. Ấy thế mà ngoảnh lại đã hơn 70 năm từ ngày đầu tiên được gặp, được nấu cơm phục vụ Bác. Nay cụ Khìn đã bước sang tuổi 89 với những kỷ niệm ngày tháng ở gần Bác luôn được khắc ghi.

Hà Thành - *Congty.com.vn*

8. Ký ức về Bác ở vùng ATK

Nhân kỷ niệm 123 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng tôi đã thực hiện một hành trình theo dấu chân Người về với thủ đô gió ngàn tại an toàn khu (ATK) Định Hóa tỉnh Thái Nguyên.

Nơi ra đời bài thơ “Cảnh khuya” nổi tiếng

Điểm dừng chân đầu tiên của chúng tôi là Di tích Khau Tý thuộc thôn Nà Tra, xã Diêm Mạc, huyện Định Hóa. Đây là địa điểm đầu tiên Bác Hồ đặt chân về ATK để chỉ đạo cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Bác đã ở và làm việc tại đây trong thời gian từ 20/5 đến 10/11/1947.

Ngôi trong ngôi nhà sàn nơi Bác Hồ đã từng ở, ông Trần Văn Thắm, bảo vệ khu Di tích Khau Tý gần 20 năm nay, đã kể cho tôi nghe những câu chuyện về Bác Hồ. Mặc dù khi ông sinh ra, Bác đã không còn ở Khau Tý nhưng những câu chuyện về Người với đồng bào thôn Nà Tra thì không bao giờ phai nhạt.

Những người già vẫn thường kể cho con cháu mình nghe với niềm kính trọng tự hào, vì đây là vùng đất được vị lãnh tụ vĩ đại chọn làm nơi đầu tiên đặt căn cứ kháng chiến chống Pháp. Sở dĩ Bác Hồ chọn nơi này bởi Nà Tra có vị trí quan trọng. Từ đây có con đường mòn đi Sơn Dương, xuống Đại Từ, lên Chợ Đồn, ra Phú Lương và nhiều đường tắt đi lại kín đáo, thuận tiện. Trong thời gian ở đây, Bác đã viết tác phẩm *Sửa đổi lối làm việc* và bài thơ *Cảnh khuya* nổi tiếng.

Ông Thắm cho biết: “Mặc dù Bác chỉ ở lại Khau Tý làm việc nửa năm nhưng hình ảnh của Người mãi mãi in đậm trong lòng đồng bào các dân tộc nơi đây. Khi Bác đã chuyển đi, nhiều người dân trong vùng (trong đó có bố ông Thắm là cụ Trần Văn Mai) vẫn tình nguyện sửa chữa và trông coi căn lán của Bác. Vì thế mà khi quy hoạch lại di tích này, ngôi nhà sàn vẫn được giữ gần như nguyên vẹn”.

Người hàng xóm tốt bụng của nhân dân

Chia tay ông Thắm ở Khau Tý, chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình đến Di tích đồi Tin Keo thuộc xã Phú Đình (Định Hóa), một di tích cũng gắn với những mốc son hào hùng trong lịch sử dân tộc. Tại điểm này năm xưa, Hồ Chủ tịch đã chủ trì cuộc họp Bộ Chính trị, quyết định mở Chiến dịch Điện Biên Phủ.

Trong ký ức của cụ Ma Thị Tôm (84 tuổi), người hàng xóm của Bác trong suốt những năm tháng ở đây chỉ đạo kháng chiến, Bác Hồ dung dị như một vị cha già vậy. Thuở đôi mươi, khi mới về làm vợ ông Lương Đình Nam, bên cạnh nhà cụ Tôm có cơ quan ông Kế với khoảng gần 20 người sinh sống. Họ cũng sinh hoạt như các gia đình khác ở Tin Keo và thường giúp đỡ gia đình cụ. Trong trí nhớ của cụ, họ thực sự là những người hàng xóm rất tốt bụng. Ông Kế thỉnh thoảng cũng đi dạo quanh khu vườn, nhìn khoan thai hiền từ như một ông Bụt vậy.

Cho đến bây giờ, cụ Tôm vẫn không thể quên hình ảnh ông Kế trước lúc chia

tay gia đình cụ. Khi đi, ông Ké để lại cho cụ Tôm một chú chó rất khôn ngoan mà ông yêu quý cùng hàng rào hoa râm bụt. Ông còn dặn dò thỉnh thoảng sang trông nhà cho ông. Khi cơ quan ông Ké chuyển đi, cụ Tôm thường xuyên sang dọn dẹp nhà cửa, chăm sóc vườn cây. Mãi sau này cụ mới biết, ông Ké chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu của dân tộc Việt Nam.

Đông Xuyên - *Danviet.vn*

9. Ăn Tết Độc lập đầu tiên cùng Bác Hồ

Chuông kêu! Cụ Thúy tóc bạc phơ chậm rãi bước ra mở hờ cánh cửa, để lọt qua khe tia nắng ủa vàng. Một dòng ký ức vô ngần về buổi sáng của mùa xuân độc lập đầu tiên (năm 1946), Bác Hồ ăn Tết với nhân dân - trong đó có gia đình cụ - chợt ùa về từ đôi mắt xa xăm...

Xuân độc lập đầu tiên

Căn phòng của ông cụ ở gác 2, số nhà 11 Hàng Khay (Hà Nội). Khung cửa sổ nhìn ra hồ Gươm xanh rêu màu thời gian lúc nào cũng mở hờ. Quảng sáng cuối năm từ tán lá bên đường, nhẹ len qua những chấn song cửa sổ im lìm, phả vào phía trong một khoảng không gian hoài niệm. Một không gian riêng mộng lung quá vắng, phảng phất từ những bức ảnh được chụp từ hơn một nửa thế kỷ trước.

Mỗi bức ảnh một câu chuyện, một khoảnh khắc xuôi theo dòng thời gian đã gọi lên mái đầu ông cụ nguyên một màu trắng cước. Đó là hàng trăm bức ảnh quý giá, do chính ông cụ chụp, được gìn giữ như một kỷ vật đời người. Căn mản đưa đôi bàn tay rạn vết da môi lật giở từng trang trong cuốn album, bỗng ông cụ dừng lại, chỉ vào một tấm ảnh, nói bằng giọng đầy cảm xúc: “Bức ảnh này kể về câu chuyện mùa xuân năm 1946. Trong đó, gia đình tôi có 6 người được ngồi ăn Tết cùng với Bác Hồ trong Bắc Bộ phủ”.

Ông cụ vào chuyện tự nhiên và rành mạch: “Cụ Phan Xuân Trang - thân sinh ra tôi, xưa là thông phán toà sứ tỉnh Tuyên Quang. Về hưu, ông đưa cả gia đình về Hà Nội, ở số nhà 18 phố Đồng Khánh, nay là phố Hàng Bài mở hiệu ảnh. Từ nhà tôi lên Trại Bảo an binh có 400 mét.

Cách mạng tháng Tám thành công, bộ đội ta tiếp quản thủ đô, các cán bộ chỉ huy của đội quân đóng tại Trại Bảo an binh thường qua lại hiệu ảnh nhà tôi chụp hình. Trong số đó có ông Lâm Kính (tức Lâm Cẩm Như - nguyên phụ trách công tác chính trị của Đội Việt Nam Tuyên truyền Giải phóng quân do Đại tướng Võ Nguyên Giáp theo chỉ thị của Bác Hồ năm 1944).

Lúc nào qua nhà, ông Lâm Kính cũng ngồi uống nước, trò chuyện với ông cụ nhà tôi, thành ra thân quen, rồi ông ấy có ý hỏi em gái tôi (bà Phan Thị Huỳnh) làm vợ. Cụ nhà tôi nhờ ông Lâm Kính cho em trai tôi là Phan Đức Sử theo bộ đội, liền được nhận vào Vệ quốc đoàn bảo vệ Bắc Bộ phủ - nơi Bác Hồ ở lúc đó.

Chiều 30 Tết, Bác Hồ nói với các chiến sĩ: “Các cô các chú nào có gia đình ở Hà Nội thì mời vào đây vui Tết với Bác”. Chú em tôi cuống quýt chạy một mạch về nhà báo tin. Được ăn Tết cùng với Bác thì vui quá. Đêm hôm ấy, cả gia đình tôi thao thức, tới quá giao thừa vẫn chẳng ai ngủ được.

Sáng hôm sau - tức mừng 1 Tết Âm lịch năm 1946, cái Tết đầu tiên sau khi nước nhà giành được độc lập, ông cụ thân sinh tôi dậy rất sớm, ăn vận áo the, khăn xếp chỉnh tề, với tôi, anh trai Phan Xuân Giục, vợ chồng chị Phan Thị Trâm, Trần Khánh Lục và đứa con gái của họ là Trần Thị Thành cùng tới Bắc Bộ phủ.

Khi chúng tôi tới nơi thì đã thấy gần 50 người - là thân thích của các chiến sĩ khác - cũng đang đứng đợi ở ngoài sân. Bỗng Bác đi ra từ trong dinh với bộ quần áo kaki, đôi dép caosu quen thuộc. Bác đưa tay vẫy chào mọi người nói, ân cần: “Bây giờ xin mời tất cả ra đây chúng ta cùng vui Tết”.

Chúng tôi theo Bác đi ra khu vườn trong Bắc Bộ phủ. Suốt dọc con đường rải đá sỏi, hai bên mượt cỏ tóc tiên, những chiếc chiếu được trải ra, cỏ đã bày sẵn. Tôi không còn nhớ chính xác có những món ăn gì, nhưng không có mâm cao cỗ đầy gì cả mà rất đơn sơ, cơm được xới từ trong những chiếc rá. Ông cụ thân sinh tôi cao tuổi nhất, được Bác nắm tay mời ngồi cùng ở mâm đầu tiên, các anh, chị tôi bế đứa nhỏ cũng ngồi kề ngay đây.

Có mặt trong bữa cơm thân mật này còn có cả ông Đàm Quang Trung - sau này là Thượng tướng, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước kiêm Chủ tịch Hội đồng Dân tộc và ông Vũ Đình Huỳnh - thư ký riêng của Bác. Bác mời cơm ông cụ nhà tôi, hỏi thăm cháu Thành rất ân cần, niềm nở. Tôi liền lấy máy ảnh ra chụp liên hồi. Bữa cơm chỉ kéo dài chừng nửa giờ đồng hồ nhưng tràn đầy xúc động

Bức ảnh đời người

Những khoảnh khắc sum họp trong buổi sáng mùa xuân độc lập đầu tiên được người thợ ảnh Phan Xuân Thúy lên hình lập tức được lồng khung và treo trang trọng trong hiệu ảnh. Hiệu ảnh gia đình cụ ở 18 phố Đồng Khánh ngày ấy thuộc hạng lớn nhất - nhì. Và nghiệp ảnh, với ông cụ, như là một niềm đam mê. Chẳng thế mà kháng chiến toàn quốc bùng nổ, thứ mà cụ nhất quyết mang theo trên đường di tản chẳng gì khác ngoài chiếc máy ảnh. Hết Tuyên Quang, Lập Thạch (Vĩnh Phúc) lại Đại Từ (Thái Nguyên)..., dấu chân cụ đặt tới đâu là ở đó có hiệu ảnh. Những hiệu ảnh di động vừa là kế sinh nhai, vừa để thoả đam mê ghi dấu những khoảnh khắc.

Đáng nhớ nhất có lẽ là quãng thời gian ở Đại Từ, cụ được nhiều lớp đào tạo sĩ quan quân đội mời vào chụp ảnh, trong đó có cả những lớp giảng của Đại tướng Võ Nguyên Giáp, lưỡng quốc tướng quân Nguyễn Sơn...

Năm 1948, cụ Phan Xuân Trang già yếu qua đời. Tới năm 1951 thì bà mẹ ốm nặng, vợ lại mới sinh con thứ ba nên gia đình cụ phải trở về Hà Nội và lại mở hiệu ảnh Quốc Tế ở 11 Hàng Khay bây giờ.

Ông cụ không thể nhớ đời cầm máy của mình đã chụp bao nhiêu tấm hình. Những tấm hình nằm trong cuốn album - kỷ vật vô giá bây giờ chỉ là một phần rất nhỏ những gì còn lại. Thời gian và chiến tranh đã cướp đi nhiều thứ. Cả loạt ảnh về bữa cơm Tết trong Bắc Bộ phủ mùa xuân độc lập đầu tiên, được treo trang trọng ngày ấy cũng bị chìm vào khói bụi, chỉ còn lại một bức.

Cụ Thúy hồi tưởng: “Hồi kháng chiến toàn quốc, cũng như bao gia đình Hà Nội khác, chúng tôi lên đường tản cư. Khi di tản, tôi chỉ kịp nhét vào túi áo mỗi bức ảnh này vì nó có kích cỡ nhỏ. Những bức ảnh khác được lồng khung treo ở hiệu ảnh phố Hàng Bài, cùng với sập gụ, tủ chè, tư trang, đồ đạc thì mất hết. Tấm ảnh đó luôn nằm trong túi áo tôi, là một kỷ vật, vừa như lá bùa hộ mệnh giúp tôi vượt qua bao quãng đường trường. Khi trở về Hà Nội, điều đầu tiên tôi làm là lấy máy chụp lại, rồi phóng to nó lên đem treo ở vị trí trang trọng nhất trong nhà”.

Bức ảnh theo đời người vất qua hai thế kỷ, giờ ít nhiều đã nhuốm màu thời gian. Tâm nguyện của ông cụ là mở một triển lãm ảnh riêng về Hà Nội qua những thời khắc lịch sử. Giá mà có thể phóng to, lồng khung đem treo tất cả những bức ảnh trong cuốn album, trong đó bức ảnh Bác Hồ ăn Tết với nhân dân trong Bắc Bộ phủ mùa xuân năm 1946 ở vị trí trang trọng nhất!

Nhưng mở một triển lãm như thế e chừng tốn kém! Tâm nguyện ấy, vì thế, cho tới giờ vẫn chỉ là điều ấp ủ. Biết vậy nhưng cũng đành vậy thôi, chứ bàn chân ông cụ năm nay đã bước sang mùa xuân thứ 91 rồi...

Theo Giang Hải - *Laodong.com*

10. Người 3 lần được gặp Bác Hồ

Được cán bộ cách mạng đưa cho xem ảnh Bác Hồ giữa đại ngàn Tây nguyên hùng vĩ, chưa hiểu thật nhiều về Bác nhưng trong người phấn chấn hẳn lên. Cô gái Xê-Đăng đã có ngay được niềm tin mãnh liệt, như được truyền thêm lửa của bầu nhiệt huyết để rồi đi đến quyết định là xuống núi theo bộ đội Việt Minh làm cách mạng.

Theo lời cán bộ cách mạng, rời núi rừng Tây nguyên Y Xuôi (làng Kon KPông, xã Đăk Ui, huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum) sẽ được học cái chữ, học được cách sử dụng máy để dệt vải và nơi miền Bắc xã hội chủ nghĩa xa xôi ấy - có Bác Hồ kính yêu.

Xuống núi

Đầu năm 1960, ông A Pôk - cha Y Xuôi kêu người con trai A Tờ lại nói rằng: Này Tờ, tao thấy trong chín người con, bé Y Xuôi là đứa con tinh khôn nhất, nhanh nhẹn, tháo vát và thông minh lắm! Tao thấy cán bộ Sở (Nguyễn Văn Sở) cái miệng nó nói toàn điều hay, lẽ phải và yêu thương đồng bào dân tộc thiểu số thiệt lòng, cái bụng tốt và thường giúp đỡ người nghèo khổ... lớn lên cho Y Xuôi theo Việt Minh

làm cách mạng, nó là đứa con gái có chí, sẽ làm nên chuyện lớn! Theo lời cha, người anh trai A Tờ dẫn Y Xuôi đi gặp cán bộ, cắt rừng đại ngàn hai ba ngày để đến xã Đắk Kôi (huyện Kon Rẫy). Ngày đi, mẹ là bà Y Xôm nắm lấy tay người con gái bé bỏng mà dặn đủ điều - mẹ tin cán bộ Việt Minh là người tốt, con ráng vượt mọi khó khăn và đừng phụ lòng tin của họ...

Y Xuôi nhớ lại: Người mình gặp đầu tiên hôm ấy là ông Trần Văn Ba - một cán bộ cách mạng, quê Quảng Ngãi. Ông hỏi mình đủ mọi điều, nào là tình hình địch có hay vào làng không, bà con có giúp đỡ cán bộ Việt Minh nhiều không. Đây cũng là “mẹo” để người anh trai trốn em trở lại làng - mãi sau này mới hiểu ra. Mới 11 tuổi đầu, phải xa nhà, xa buôn làng làm Y Xuôi nhớ và khóc nhiều lắm! Nhiều người thay nhau dỗ giành mà không chịu nín, một mực đòi về cùng anh trai. Đêm trốn ra gốc cây rừng ngồi khóc, mặc cho các bác dọa cộp bắt, nhưng Y Xuôi không sợ. Mãi đến khi có cán bộ Tân cho xem bức ảnh Bác Hồ và ông Ba nói: Con ra miền Bắc sẽ được học cái chữ, sẽ học được cách sử dụng máy dệt vải và sẽ được gặp Bác Hồ nữa... được gặp Bác Hồ ư? Rồi bà con Tây nguyên đang quá nghèo khổ, không có áo quần họa may chỉ có chiếc khố, tụi con gái tuổi đã thanh niên còn phải ở ngực trần trong gió lạnh... nếu mình biết dệt vải? Sẽ giúp người nghèo có áo quần. Bao nhiêu ý nghĩ đó đã tiếp thêm sức mạnh, trái tim Y Xuôi như được truyền lửa của bầu nhiệt huyết và đi đến quyết định là xuống núi theo bộ đội Việt Minh làm cách mạng.

Chặng đường đi kéo dài suốt ba tháng trời để ra Thủ đô Hà Nội học cái chữ Bác Hồ, dọc đường đi Y Xuôi gặp từng đoàn bộ đội hành quân vào Nam, mỗi lần gặp các anh Bộ đội đều cho Y Xuôi áo đi mưa và nhớ nhất là món mắm ruốc... thấy cô bé Tây nguyên nhỏ nhắn dễ thương và luôn được tặng quà, khiến nhiều người đi cùng phải ghen tỵ - bà Y Xuôi nhớ lại.

Ba lần gặp Bác Hồ

Tháng 9/1960, Y Xuôi được nhập học tại Trường Dân tộc Trung ương (Mế Trì, Hà Nội), tại Lễ mittinh kỷ niệm Ngày Quốc tế Lao động 1/5/1962 tại Quảng trường Ba Đình - Hà Nội, Trường có tuyển chọn bốn bạn, chỉ mình Y Xuôi là nữ để lên tặng hoa Bác Hồ và Đoàn Chủ tịch. “Để được chọn, tiêu chuẩn phải là học sinh tiên tiến, ngoan ngoãn, lễ phép...” - bà Y Xuôi cho biết. Được phân công là người đi đầu và tặng hoa cho Bác Hồ, khi mang bó hoa tới Bác, Bác dắt tay Y Xuôi khi đó trên tay đang cầm bó hoa để qua tặng một vị khách người Liên Xô (cũ).

Lần thứ hai được gặp Bác Hồ là dịp kỷ niệm Ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6/1963, Y Xuôi tiếp tục được chọn là người đi đầu trên tay cầm bó hoa để tặng Bác. Bác ân cần nói chuyện với thiếu nhi, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng ra đón Đoàn thiếu nhi cùng Bác và bé Y Xuôi vào lòng, ngồi cạnh phía sau Bác Hồ. Lần thứ ba đó là lần Bác Hồ vào thăm Trường Dân tộc Trung ương, Bác căn dặn nhiều điều trong đó bà Y Xuôi nhớ nhất là Bác dặn: Phải chăm chỉ, cố gắng học tập và phải giữ gìn kỷ luật như quân đội!.

Năm 1978, sau 18 năm học tập tại Thủ đô Hà Nội, người con gái Xê-Đăng trở về mảnh đất Tây nguyên để chấp cánh cho những ước mơ, với tấm bằng Đại học Nông nghiệp, bà trải qua nhiều công việc khác nhau, giữ nhiều trọng trách quan trọng, như: Phó Chủ tịch UBND tỉnh Kon Tum, Chủ tịch Ủy ban MTTQVN tỉnh và đại biểu Quốc hội các khóa 7, 8, 9 với thời gian 17 năm. Hiện nay, bà nghỉ hưu ở tuổi 65, bà nói: Dù bất kỳ ở đâu, làm gì hay cương vị nào bà đều thấm nhuần sâu sắc về lời dạy của Bác kính yêu.

Trần Kim Sơn - Tuyengiaokontum.org.vn

11. “Được chụp ảnh Bác là hạnh phúc lớn nhất đời tôi”

“Tôi không nhớ mình đã từng chụp hết bao nhiêu cuộn, bao nhiêu thước phim, bao nhiêu chiếc máy ảnh đã qua tay mình và cũng không nhớ đã sáng tác bao nhiêu tác phẩm cùng những giải thưởng kèm theo đó. Nhưng vinh dự và hạnh phúc lớn nhất trong cuộc đời tôi là được chụp ảnh về Bác” - đó là những tâm sự mộc mạc, chân thành của người nghệ sĩ đã ở tuổi 80 vinh dự được 3 lần chụp ảnh Bác Hồ khi Người về thăm tỉnh Vĩnh Phúc (tỉnh Vĩnh Phú cũ). Ông là Nghệ sĩ nhiếp ảnh Phan Đình sống tại khu 5, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì (Phú Thọ).

Cái nóng gắt đầu mùa dường như tan biến bởi dòng chảy kỷ niệm của người nghệ sĩ già về những lần gặp và được chụp ảnh về Bác Hồ. Đã hơn 50 năm trôi qua, nhưng những kỷ niệm về lần đầu gặp Bác và chụp ảnh Bác như một cuộn phim còn mãi với thời gian. Và trong những ngày tháng 5 lịch sử này, niềm tự hào và kỷ niệm ấy lại dâng trào mạnh mẽ trong trái tim người nghệ sĩ đất Tổ.

Bên chiếc bàn làm việc đơn sơ, giản dị, nghệ sĩ Phan Đình xúc động nhớ lại lần đầu được gặp Bác: Một buổi sáng cuối tháng 12/1958, khi đang ngồi làm việc tại Ty Văn hóa Vĩnh Phúc, Trưởng Ty Văn hóa tỉnh yêu cầu tôi sang Văn phòng Tỉnh ủy để chụp ảnh ngay. Cũng như mọi lần, với chiếc máy ảnh Rolleiflex cũ cỡ 6x6 tôi đi bộ sang. Khi tôi đang lẹp kẹp đôi guốc ở sân xi măng thì đồng chí tại Văn phòng Tỉnh ủy bảo tôi bỏ guốc và báo tin: “Bác về, Bác Hồ về, vào ngay mà chụp ảnh đi”. Nghe tin ấy, tôi sững sờ cả người. Tôi không tin đó là sự thật bởi vì được gặp Bác là niềm mơ ước ấp ủ bấy lâu nay của tôi. Nói đến đây ông chậm rãi nhâm nhi chén nước chè thơm mùi hương nhài, rồi kể: Ngày 9/10/1955, tôi cùng mấy đồng nghiệp đạp xe từ Vĩnh Yên xuống Hà Nội tham gia mít tinh kỷ niệm ngày giải phóng Thủ đô, chỉ mong có cơ hội được trông thấy Bác, dù phải đứng nhìn từ rất xa. Nhưng hôm ấy, chúng tôi đã không có được may mắn đó. Ấy vậy mà giờ tôi lại được gặp Bác, thật có năm mơ tôi cũng không dám nghĩ đến.

Rồi ông xúc động kể tiếp: Khi vào phòng, tôi thấy Người đang ngồi làm việc với các đồng chí trong Ban thường vụ Tỉnh ủy. Tôi ngại ngùng bước đến bên Người xin phép:

“Thưa Bác, cháu xin phép được chụp ảnh Bác ạ!” Bác từ từ quay sang mỉm

cười và gật đầu đồng ý. “Lúc vào gặp Bác, tôi run lẩy và không biết phải làm gì, nhưng chính nụ cười trìu mến của Người giúp tôi lấy lại bình tĩnh và nhanh chóng bấm máy”.

Tôi nhớ hôm đó Bác làm việc trong một căn phòng hẹp nên việc đặt góc máy và ánh sáng đối với một người mới vào nghề như tôi quả thực là rất khó khăn. Tôi cứ loay hoay, như “gà mắc tóc”. Như hiểu được sự lúng túng của anh phóng viên ảnh, Bác xoay người, chuyển tư thế ngồi, quay mặt ra phía cửa. Tôi nhanh chóng bấm liên 3 kiểu, rồi sau đó lặng lẽ ra ngoài hè và ngồi ngắm Bác. “Cho đến giờ tôi vẫn không thể nào quên được cảm xúc của ngày hôm ấy. Tôi vừa run vừa thấy vui mừng bởi hạnh phúc đến quá bất ngờ” - ông xúc động nhớ lại.

Vừa trò chuyện ông vừa lật từng bức ảnh mà ông vinh dự được chụp Bác. Đôi bàn tay của người nghệ sĩ đã ở tuổi 80 dường như một lần nữa lại run lên vì xúc động như ngày nào ông được gặp Bác.

Lần thứ 2 ông được gặp Bác đó là lần Bác về thăm tỉnh Vĩnh Phúc tại thị xã Vĩnh Yên (nay là thành phố Vĩnh Yên) ngày 2/3/1963. Lần này nghiệp vụ chuyên môn của ông đã được nâng lên, phương tiện máy móc cũng khá hơn 5 năm trước (khi chụp ảnh Bác ở Phúc Yên tháng 12/1958).

Ông nhớ lại: Ngay từ hôm 1/3/1963, tôi đã được anh Trần Gia Bằng, Trưởng Ty Văn hóa tỉnh Vĩnh Phúc giao nhiệm vụ cụ thể: Phải chụp cho tốt, đảm bảo nội dung, chụp xong phải tráng phim, in phóng cẩn thận ngay để phục vụ nhiệm vụ chính trị. Tối hôm đó tôi đã chuẩn bị đầy đủ máy, phim, giấy ảnh, máy phóng và các loại hóa chất để pha chế thuốc tráng phim và in phóng ảnh. Máy chụp gồm 2 chiếc: 1 máy Rolleiflex cỡ 6x6, 1 máy Kiev cỡ 24 x 36mm, máy phóng... “Tối đó, tôi hồi hộp kiểm tra máy, xem lại tốc độ, khẩu độ của máy, xem lại phim âm bản để mang đi dùng, chuẩn bị trong đầu đề cương chụp, cứ nghĩ quanh quẩn chụp làm sao, chụp thế nào để có kết quả cao nhất”.

“Sáng 2/3/1963, tôi dậy rất sớm, ra địa điểm được phân công trước nửa giờ. Trời mới mờ mờ sáng, nhân dân đi dự mít tinh rất đông, rất tiếc là máy tôi lúc đó chưa có đèn chụp nên không chụp được cảnh nhân dân nô nức và vui mừng trên đường đi mít tinh. Theo đề cương đã chuẩn bị sẵn trong đầu, tôi đã chụp ảnh Bác nói chuyện với các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, những khuôn mặt, những nụ cười vui mừng phấn khởi của các cụ già, đại biểu các dân tộc, thanh niên, phụ nữ, bộ đội, công nhân, nông dân, viên chức, học sinh, thiếu nhi... nghe Bác nói chuyện và hoan hô tán thưởng lời Bác. Đặc biệt là tôi đã chụp được tám ảnh Bác giơ tay vẫy chào nhân dân. Sau đó, tôi cùng một số đồng nghiệp chọn ra một số phim tốt phóng ngay ảnh cỡ 18 x 24 để phục vụ triển lãm tại nhà Thông tin thị xã”, nghệ sĩ Phan Đình xúc động kể lại.

Và lần thứ 3 ông vinh dự được chụp ảnh Bác là dịp Người về dự Đại hội Đảng bộ giữa nhiệm kỳ tỉnh Vĩnh Phúc (7/1963).

Như luôn có ánh mắt của Bác dõi theo, trìu mến, động viên và khích lệ và đúng

như những gì đã tâm niệm, từ những kỷ niệm không thể nào quên và thiêng liêng ấy, nghệ sĩ nhiếp ảnh Phan Đình luôn phấn đấu để hoàn thành tốt nhất mọi công việc được giao khi ông đã từng giữ các cương vị: Chủ nhiệm quốc doanh ảnh Vĩnh Phú; Ủy viên ban chấp hành Hội văn học nghệ thuật tỉnh Vĩnh Phú khóa 1, 2 (1975 - 1988)... Bên cạnh những bức ảnh vô giá ghi lại hình ảnh của vị lãnh tụ muôn vàn kính yêu, với hơn nửa thế kỷ cầm máy, dù bận làm công tác quản lý nhưng nghệ sĩ Phan Đình vẫn dành phần lớn tâm sức, thời gian cho sáng tác, cho niềm đam mê và trách nhiệm của người làm nghề ghi lịch sử bằng ảnh đó là được ghi lại những khoảnh khắc muôn màu của cuộc sống một cách chân thực nhưng sống động...

Học tập và làm theo tấm gương của Người, sau khi về hưu, nhiếp ảnh gia Phan Đình còn tham gia nhiệt tình các công tác xã hội tại địa phương. Năm 1993, ông làm Bí thư chi bộ khu dân cư, năm 1995-2003 làm Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc phường Gia Cẩm (thành phố Việt Trì), năm 2005 làm chủ nhiệm câu lạc bộ thơ của phường. Đến năm 2008 tiếp tục giữ chức Bí thư chi bộ khu dân cư... Ông vinh dự được nhận Huy chương kháng chiến chống Pháp hạng Nhất và nhiều phần thưởng cao quý khác.

Tròn 80 tuổi đời, 53 năm tuổi Đảng và gần 60 năm tuổi nghề, bên cạnh niềm vui tuổi già, chứng kiến sự trưởng thành của các con, cháu..., tài sản lớn nhất của nghệ sĩ Phan Đình đó chính là những tấm ảnh ông đã vinh dự được chụp Bác Hồ. Và đó cũng là niềm hạnh phúc lớn lao nhất của đời ông - một nghệ sĩ nhiếp ảnh - một nhà báo ghi lịch sử bằng ảnh.

Vũ Bắc - *Baotintuc.vn*

12. Bác Hồ về thăm dân

Ngày 21/3/1962, Bác Hồ dự họp Bộ Chính trị góp ý kiến về việc chuẩn bị nội dung của hội nghị công nghiệp trung ương. Bác rất quan tâm đến kỷ cương phép nước chưa nghiêm minh vì nhiều cơ quan báo cáo thành tích chưa trung thực.

Bác nói: “Ta có họp, có nghị, có quyết rồi, giao cho ai phải giao trách nhiệm rõ ràng, ai làm được thì khen nhưng thấy ai làm sai thì có thái độ rõ ràng, làm không được thì cách chức ngay. Tỉnh Thái Bình được thưởng hơn 700 huân chương, huy chương mà không thấy phạt một ai, ý tôi là còn nhu nhược đối với vấn đề này”. (Biên bản hội nghị Bộ Chính trị, lưu tại Cục Lưu trữ Trung ương Đảng).

Bác Hồ biết bệnh thành tích rất trầm trọng, từ trung ương đến địa phương, cơ quan nào cũng “tốt đẹp phô ra, xấu xa đậy lại”, nhất là thấy cấp trên về càng ra sức che giấu khuyết điểm, phóng đại thành tích. Thiếu tướng Phan Văn Xoàn, phục vụ Bác từ năm 1955 đến năm 1969 và Đại tá Huỳnh Hữu Kháng, phục vụ Bác từ năm 1945 đến năm 1951, đều cho biết Bác mỗi khi về làm việc bất cứ đâu, gần hay xa, Bác thường không cho những nơi đó biết trước. Riêng ông Huỳnh Hữu Kháng kể lại: Đang thời kỳ chiến tranh, thỉnh thoảng ông lặng lẽ báo cho nơi Bác Hồ sắp đến

biết trước để còn chuẩn bị hầm trú ẩn kiên cố để phòng địch đánh phá. Bác biết, Bác đã phê bình ông: “Lần sau không cho chú Kháng đi nữa. Đi như vậy thì không thấy hết những điều cần biết”.

Bác giải thích với anh em phục vụ, lãnh đạo đến làm việc ở đâu, thực tế cuộc sống ở đó phải còn nguyên vẹn, đừng để nơi đó biết lãnh đạo sắp về thăm, lại bố trí phô trương hình thức sao cho vừa lòng lãnh đạo. Thiếu tướng Xoàn kể lại: Tết Âm lịch năm 1962, Bác muốn thăm một gia đình nghèo ở Hà Nội, phải là gia đình thực nghèo. Vì vậy, Bác căn dặn đừng cho lãnh đạo địa phương biết, nếu biết lại chỉ chọn người nghèo vừa vừa thôi! Anh em cảnh vệ đã bám cơ sở, tự đi tìm gia đình nghèo và cuối cùng đã tìm được chị Tín, góa bụa nuôi 4 con, đêm 30 Tết còn phải gánh nước thuê. Bác Hồ đã gặp chị Tín khi chị còn đang gánh nước. Đêm giao thừa, về Phủ Chủ tịch, Bác Hồ mới gọi điện thoại cho lãnh đạo Hà Nội nhắc nhở rằng với những người cực nghèo như chị Tín và đàn con, đáng lẽ thành phố phải cử mang giúp đỡ để đêm 30 Tết cũng được chuẩn bị đón giao thừa như mọi nhà.

Đi công tác xa, có chuyến Bác Hồ mang theo cơm nắm, bánh mì, nghỉ và ăn trưa nơi có bóng mát. Ban Bảo vệ sức khỏe trung ương đề nghị buổi trưa đoàn của Bác ghé vào trụ sở một xã hoặc huyện có cơm nóng, canh sốt, chỗ ngồi đằng hoàng, trời nóng có quạt máy. Thực hiện như vậy, chuyến đi của Bác không đạt yêu cầu. Bác muốn thăm một, hai địa điểm của tỉnh nhưng chưa muốn cho lãnh đạo tỉnh biết trước khi đoàn của Bác về thị xã. Nếu đoàn của Bác ăn cơm tại trụ sở xã hoặc huyện, chắc chắn lãnh đạo tỉnh biết ngay, sau đó sẽ có ô tô của lãnh đạo tỉnh, của công an bảo vệ, của báo - đài tỉnh. Tới lúc này chỉ còn có quay phim, chụp ảnh, gặp dân sẽ chỉ còn nặng về hình thức. Đến bất cứ nơi nào đã báo trước, Bác Hồ không tình ý sẽ lại dễ khen “thành tích giả”. Đến thăm trại chăn nuôi tập thể, mới trông thấy đàn lợn, Bác đã nhìn ra vấn đề. Lợn lại cắn nhau, không chịu nhau, phá chuồng, có con đã nhảy ra ngoài. Bác hỏi: “Nếu các chú nuôi thật thì sao nó lại cắn nhau thế?”. Và Bác nhắc nhở: “Những con lợn nhảy ra khỏi chuồng phải bắt cho vào chuồng. Nếu mất, dân người ta bắt đền đấy”. Nghe Bác nói như vậy, lãnh đạo tỉnh, huyện đi theo Bác đều thấy trò bịp bợm mượn lợn béo của những gia đình chăn nuôi cá thể đã bị lộ. Bác chỉ ra ngay sự thật và dặn dò một câu rất thâm thúy: “Thôi, lần sau muốn Bác đến thăm nữa thì phải làm ăn cho tử tế, làm thật chứ đừng làm giả dối như thế, nó hư thân mất nết đi, mà dân người ta oán, người ta ghét”.

Từ địa phương về trung ương, về lúc nào Bác hoàn toàn chủ động, lãnh đạo địa phương không phải tiến đưa vì có thể Bác còn ghé thăm một, hai nơi chỉ có đoàn của Bác với dân thôi. Lại có nơi đưa Bác Hồ về thăm một hợp tác xã, cứ khoe với Bác là lá cờ đầu của các hợp tác xã trồng trọt, chăn nuôi. Bác đến tận luống đất, Bác nhổ lên hết, nhìn thấy cây héo, Bác hỏi: “Các chú mới cắm hoa đón Bác đây à, rễ của nó đâu, làm sao nó héo thế này?”. Thì ra địa phương đưa cây ở nơi khác đến cắm nơi đón Bác (theo lời kể của GS-TS Hoàng Chí Bảo, Ủy viên Hội đồng Lý luận trung ương).

Về thăm dân, Bác Hồ khuyên lãnh đạo các cấp rất cụ thể “một người nói với

một người, từ miệng sang tai”, tâm tình với dân, có nghĩa không có cán bộ địa phương đi theo, dân không thể thổ lộ hết nỗi lòng. Phải sống trong dân, phải sống như dân mới có thể lắng nghe dân nói mọi sự thật, về thăm dân lại có lãnh đạo tỉnh hoặc huyện hoặc xã đi theo, dân tiếp thực lòng làm sao được.

Ngày nay, bệnh thành tích “ma quái” hơn thời còn kháng chiến rất nhiều, “tơ hồng” đã đạt tới trình độ siêu hạng, lãnh đạo về các địa phương vẫn có đón, có đưa, có khẩu hiệu “Nhiệt liệt chào mừng...” thì sự thật chỉ có thể biết một nửa. Mà khi sự thật chỉ biết một nửa thì tai hại vô cùng, thà chẳng biết gì còn hơn.

Thái Duy - *Nld.com*

VỊ CHA GIÀ GIỮA LÒNG DÂN TỘC – KÝ ỨC NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG

1. Bác Hồ và nước Việt Nam

Bác Hồ là vị lãnh tụ tối cao, niềm tự hào của dân tộc Việt Nam. Tìm hiểu về Bác, học tập Bác là một điều phải làm suốt cả cuộc đời và cho cả nhiều thế hệ mai sau. Với một sự hiểu biết rộng lớn, một tâm hồn bao la rộng mở, Bác đã để lại cho mọi người trên toàn thế giới sự ngưỡng mộ và kính phục lớn lao.

Năm 1890, Nguyễn Sinh Cung, chú bé sau này mang tên Hồ Chí Minh, cất tiếng khóc chào đời trên mảnh đất Việt Nam khi đất nước Việt Nam đang bị thực dân Pháp chiếm đóng. Lớn lên, vào tuổi trưởng thành, năm 1911, Nguyễn Ái Quốc đã ra đi, bôn ba khắp bốn phương trời để mở đầu cho sự nghiệp cứu nhà, cứu nước.

Với một sự hiểu biết rộng lớn, một tâm hồn bao la rộng mở, Bác đã để lại cho mọi người trên toàn thế giới sự ngưỡng mộ và kính phục lớn lao.

Trong thời điểm lịch sử mà cả thế giới loài người đang trong cuộc đối đầu, đối địch lẫn nhau, Hồ Chí Minh đã đi đầu đấu tranh cho sự hòa hợp của các dân tộc trên toàn thế giới. Bác không chỉ mưu cầu cho sự nghiệp cứu nhà, cứu nước, đồng thời còn có lòng mong muốn giải phóng loài người khỏi cuộc sống lầm than.

Hồ Chí Minh là người tiếp thu mọi giá trị tư tưởng của loài người từ Đông sang Tây, từ châu Phi cho đến châu Mỹ. Bác đến với Chủ nghĩa Cộng sản, tiếp cận cả với tinh hoa của cách mạng tư sản và phong trào giải phóng dân tộc. Chủ nghĩa Cộng sản với Bác Hồ là một Chủ nghĩa Cộng sản tôn trọng cá nhân, vì con người đúng nghĩa.

Hồ Chí Minh là một con người kết hợp những tư tưởng duy lý của phương Tây với sự hài hòa của văn hóa phương Đông. Bác tìm hiểu các tư tưởng kinh điển của châu Âu, tư tưởng Mác-Lênin của phương Tây và cả Nho học, Khổng giáo lẫn Lão tử của phương Đông. Theo Bác, Khổng Tử, Mác, Lênin, Đức Phật, Giêsu và Tôn Dật Tiên nếu còn sống thì các vị ấy sẽ sống thoải mái với nhau như những người bạn.

Bác là một nhà chính trị lỗi lạc, đồng thời là một nhà báo, nhà văn, một nhà thơ, biết vẽ, biết đóng kịch và thấu hiểu các nền văn hóa kinh điển, lãng mạn và hiện đại, nói được nhiều ngoại ngữ của các dân tộc trên thế giới. Bác luyện cả võ công.

Bác quen biết với tất cả các danh nhân, vĩ nhân trên thế giới. Ai gặp Bác lần đầu cũng đều cảm mến và Bác luôn luôn được coi là con người bình dị giữa mọi người. Sự hiểu biết rộng lớn của Bác không làm lu mờ bản chất văn hóa Việt Nam.

Hồ Chí Minh quan tâm từ việc lớn đến việc nhỏ, từ việc vạch ra đường lối giải phóng dân tộc, lãnh đạo quản lý đất nước cho đến việc đồng áng, trồng rau, nuôi cá và dạy dỗ trẻ con. Cái đặc biệt của Bác Hồ là một con người rất vĩ đại, đồng thời là một con người rất dung dị. Bác có ham muốn tạo dựng cuộc sống tốt đẹp cho mọi người và chỉ muốn có được một cuộc sống bình thường dung dị cho riêng mình.

Chúng ta ai cũng biết nhiều về các hoạt động chính trị của Bác, về vai trò lãnh đạo của Bác, nhưng không phải ai cũng hiểu hết về cuộc sống đời thường của Bác. Cuộc sống đời thường của Bác lại là một bài học lớn cho tất cả mọi người từ già tới trẻ trong cuộc sống của mình.

Bác là một lãnh tụ tối cao, nhưng Bác không cao đạo, không sùng bái cá nhân. Những con người bình thường ở khắp mọi nơi khi được tiếp xúc với Bác đều lưu giữ những kỷ niệm khó quên.

Vào nhà dân, Bác ngồi bệt xuống đất, bế trẻ vào lòng cho bé vuốt râu. Ra đồng, xắn quần lên cùng dân tát nước. Thử hỏi mấy ai trong số những lãnh tụ tối cao trên cõi thế gian này có một cuộc sống hòa đồng với mọi người như Bác.

Cái nhân cách, cái phẩm chất lớn lao nhất của Hồ Chí Minh là ở chỗ đó. Một con người hiếm có ở cõi thế gian.

Phương Đông và phương Tây, Quốc gia và Quốc tế, Lý trí và Tình cảm, Lãnh tụ và Dân thường, tất cả đều hòa nhập làm một trong một con người. Hồ Chí Minh đã giải quyết những mâu thuẫn ấy trong bản thể của mình một cách biện chứng và tuyệt vời. Bác không chỉ vĩ đại khi đứng ở một Cực mà đã nối liền các Cực hòa quyện trong bản thân, Âm Dương hợp nhất trong một bản thể. Một con người có nhân cách lớn, một con người theo đúng nghĩa làm Người. Vì vậy, Bác đã được thế giới tôn vinh là “Danh nhân văn hóa, Anh hùng giải phóng dân tộc”. Bác Hồ là một “Vị Thánh của Cách mạng”. Bác Hồ đồng thời là một Nhà tiên tri.

Trong thế kỷ XX, Bác Hồ là một vị lãnh tụ tối cao đã đem tài đức của mình ra để giải phóng đất nước thoát khỏi sự xâm lăng của nước ngoài.

Bước vào thế kỷ XXI, thế giới đang đứng trước những cơn biến động lớn. Việc xây dựng đất nước trong hòa bình đang đứng trước nhiều khó khăn nan giải. Một số lớn người dân vẫn đang còn sống trong cảnh cơ cực. Một số người đang bị biến chất.

Bác đã ra đi nhưng vẫn đang còn hiện hữu trên cõi đời này. Bác đang theo dõi từng bước đi của mỗi một con người, để vực con người ra khỏi sự mê lầm vấp ngã trước cái thế giới đang chứa đựng rất nhiều hiểm nguy, giả tạo.

Mỗi một con người Việt Nam hiện nay đều đang lắng nghe từ trong tâm khảm của mình tiếng vọng của Bác dội về để mà sống để mà thương yêu, đoàn kết dìu dắt nhau cùng vượt qua bước ngoặt lịch sử này.

2. 5 lần Bác Hồ về thăm Thái Bình

Bác Hồ đã vĩnh viễn đi xa, nhưng hình ảnh, tư tưởng của Người vẫn song hành cùng dân tộc và nhân loại. Sinh thời Bác Hồ đã 5 lần về thăm Thái Bình. Người đã để lại những tình cảm lớn cho cán bộ và nhân dân trong tỉnh cùng những lời di huấn thiêng liêng trong suốt chiều dài lịch sử.

Bác Hồ đã vĩnh viễn đi xa, nhưng hình ảnh, tư tưởng của Người vẫn song hành cùng dân tộc và nhân loại. Sinh thời Bác Hồ đã 5 lần về thăm Thái Bình. Người đã để lại những tình cảm lớn cho cán bộ và nhân dân trong tỉnh cùng những lời di huấn thiêng liêng trong suốt chiều dài lịch sử.

Hồ Chủ tịch về thăm Thái Bình lần thứ nhất (10/1/1946)

Nhân chuyến đi thăm các tỉnh hạ lưu sông Hồng bị vỡ đê hồi tháng 8/1945, chiều ngày 10/1/1946 Hồ Chủ tịch đã về thăm đê Thái Bình. Cùng đi có ông Hồ Xiển, Chủ tịch UBND Cách mạng lâm thời Bắc Bộ; Bác sĩ Đỗ Xuân Hợp - Kỹ sư phụ trách đê điều Bắc Bộ Đỗ Xuân Dung... Sau khi đi xem hai quãng Đê Đìa (Hung Nhân) và Mỹ Lộ (Thư Trì) bị vỡ, Hồ Chủ tịch đã về thị xã Thái Bình lúc 15 giờ, gặp gỡ cán bộ, đồng bào tại trụ sở UBND Cách mạng lâm thời tỉnh. Các đồng chí Ngô Duy Cảo - Chủ tịch Ủy ban, Nguyễn Văn Năng, Nguyễn Văn Phiêm, Bùi Đăng Chi, Đỗ Thị Hạnh cũng có mặt. Được tin Hồ Chủ tịch về, đồng bào Thị xã kéo đến đứng chật cứng cả trong sân, ngoài vườn và cổng Tòa đại sứ. Bác Hồ đã giành 30 phút nói chuyện với đồng bào. Đại ý Bác nói nước ta đã độc lập, mọi người dân làm chủ đất nước, toàn dân phải tích cực tham gia đắp đê chống lụt, chống nạn đói.

Hồ Chủ tịch về thăm Thái Bình lần thứ hai (28/4/1946)

Ngày 28/4/1946, Tỉnh ủy và Ủy ban Hành chính tỉnh quyết định tổ chức Lễ mít tinh lớn, mừng công khánh thành đê Đìa (Hung Nhân) và đê Mỹ Lộ (Thư Trì), mời Hồ Chủ tịch và Chính phủ về dự. 9 giờ 30 phút, lễ mít tinh bắt đầu. Hồ Chủ tịch và các ông Huỳnh Thúc Kháng, Nguyễn Xiển... trong đoàn đại biểu Chính phủ bước lên lễ đài.

Sau khi đồng chí Nguyễn Văn Ngọ - Chủ tịch Ủy ban hành chính (UBHC) tỉnh đọc báo cáo tóm tắt về thành tích đắp đê chống lụt bão và chống đói, Hồ Chủ tịch bắt đầu nói chuyện. Bác khen ngợi thành tích đắp đê của Thái Bình, hoan nghênh tinh thần đoàn kết trong lao động, trong sản xuất cứu đói của đồng bào. Bác kêu gọi phải ra sức diệt ba kẻ thù trước mắt là giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm...

Chiều ngày 28/4/1946, Bác và phái đoàn Chính phủ lên Hưng Nhân dự lễ mít tinh khánh thành đoạn đê Đìa, nay thuộc xã Hồng An, huyện Hưng Hà. Nhân dân các huyện Tiên Hưng đứng chật hai bên đường 39 và trên đê sông Hồng đón Bác.

Hồ Chủ tịch về thăm Thái Bình lần thứ 3 (26/10/1958)

Sáng ngày 26/10/1946, trên 4 vạn đại biểu nhân dân đội ngũ chinh tề tại sân

vận động Thị xã Thái Bình để đón Bác nhân Tỉnh ủy và UBND tỉnh tổ chức hội nghị sản xuất đông xuân toàn tỉnh. Bác mặc bộ đồ quần áo màu gụ, đầu đội mũ cát, chân đi dép cao su đen, nước da hồng hào, khỏe mạnh. Bác giơ tay vẫy tay chào, tiếng hoan hô vang lên không ngớt. Bác lên lễ đài và phát biểu: Trong kháng chiến, đồng bào và cán bộ Thái Bình đã cố gắng và lập nhiều thành tích trong công cuộc khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa. Bác chỉ rõ những ưu điểm và khuyết điểm của cán bộ nhân dân Thái Bình. Bác nêu 6 nhiệm vụ trước mắt: Cùng cố tổ đổi công, hợp tác xã; việc phục vụ nông nghiệp của cán bộ các ngành, các giới; vai trò đầu tàu gương mẫu của cán bộ, đảng viên, đoàn viên; vấn đề đoàn kết và tiết kiệm.

Cuối cùng, Bác kêu gọi:

- Thái Bình có nhiều điều kiện thuận lợi, ngoài đồng đất tốt, nước có sẵn, đồng bào và cán bộ phải cố gắng làm cho tỉnh nhà thành một tỉnh gương mẫu ở miền Bắc, có làm được không?

- Có ạ! Có ạ!

- Bác tin đồng bào và nhân dân có thể làm được những điều đã hứa với Bác. Trong vụ mùa này và trong vụ chiêm tới, đơn vị nào khá nhất huyện, huyện nào khá nhất tỉnh, sẽ có giải thưởng! Ai muốn có giải thưởng giơ tay lên!

Đồng chí Giang Đức Tuệ - Chủ tịch UBHC tỉnh đọc lời cảm ơn Bác, Trung ương Đảng và Chính phủ đã luôn quan tâm đến Thái Bình và xin nguyện: Thái Bình đời đời ghi nhớ công ơn Bác và làm theo lời dạy của Bác!

Hồ Chủ tịch về thăm Thái Bình lần thứ tư (26/3/1962)

8 giờ, ngày 26/3/1962, khi chiếc trực thăng hạ cánh, Bác Hồ từ trong máy bay bước xuống, mọi người chạy ra đón và reo to: “Bác Hồ! Bác Hồ! Hồ Chủ tịch muôn năm!”. Bác khen ngợi cán bộ, xã viên hợp tác xã khai hoang diện tích cây lúa, trông cói làm giàu. Nói chuyện xong, Bác thưởng huy hiệu cho các chiến sĩ thi đua Nam Cường. Rời Nam Cường, Bác đến thăm xã Đông Lâm. Bác vẫy tay chào mọi người rồi vui vẻ nói:

- So với ba năm rưỡi trước đây, Bác về thăm Thái Bình thì năm nay tỉnh nhà có tiến bộ về nhiều mặt, như tăng vụ, vỡ hoang, mở rộng diện tích... Thế là tốt! Tuy vậy, so với nhu cầu của nhân dân và so với các nơi khác thì tỉnh nhà tiến bộ còn chậm. Bác phân tích một số khuyết điểm về sản xuất nông nghiệp và chê thói phô trương, lãng phí trong ma chay, cưới hỏi. Và xấu nhất là tệ đánh đập vợ, ép duyên con, thói tảo hôn chưa hoàn toàn chấm dứt.

Cuối cùng Bác kết luận:

- Tỉnh ta có gần 77.000 Đảng viên và Đoàn viên thanh niên lao động. Trung ương giao nhiệm vụ cho mỗi đồng chí phải nâng cao tinh thần cách mạng, phấn đấu vươn lên, phải chống tư tưởng bảo thủ và chủ quan, chống tác phong quan liêu, đại khái, phải cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư, phải một lòng, một dạ phục vụ nhân dân, làm gương mẫu, làm đầu tàu cho đồng bào trong phong trào thi đua yêu

nước, tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm để xây dựng Tổ quốc giàu mạnh và nâng cao đời sống nhân dân.

Hồ Chủ tịch thăm Thái Bình lần thứ năm (1/1/1967)

Buổi tối ngày 31/12/1966, Bác về thăm Thái Bình lần thứ năm, mừng Thái Bình đạt 5 tấn thóc/ha. Đêm đó Bác nghỉ lại khu sơ tán của Văn phòng Tỉnh ủy ở thôn Đại Đồng, xã Tân Hòa, huyện Vũ Thư. Hôm sau, 1/1/1967, lúc 9 giờ sáng Bác tới Đình Phương Các, xã Hiệp Hòa, huyện Vũ Thư. Bác khoác tay ra hiệu cho mọi người ngồi xuống. Bác nói:

- Bây giờ thì Bác làm nhiệm vụ giới thiệu, đây là đồng chí Hoàng Anh, phụ trách Nông nghiệp, đồng chí Tố Hữu, phụ trách Tuyên giáo và còn đồng chí này (Bác chỉ đồng chí Ngô Duy Đông) các chú biết rồi chứ!.

Tất cả cười vang, Bác bắt đầu nói chuyện. Bác khen nhân dân ta sản xuất giỏi, chiến đấu cũng giỏi. Muốn sản xuất phải nắm vững kỹ thuật canh tác để thâm canh tăng năng suất cây trồng. Bác nói về những biện pháp thủy lợi, làm phân, nuôi cá, trồng cây. Bác khen Hợp tác xã Hiệp Hòa trồng cây khá. Nói đến việc sản xuất thời chiến, Bác bảo phải chú ý đến đội quân lao động rất đông là nữ. Bác phê phán tệ nạn đánh vợ. Bác mong rằng từ nay về sau không còn thói xấu đánh chửi vợ nữa. Bác khen HTX Tân Phong đạt hơn 7 tấn thóc/ha. Bác khen phong trào báo công, đình công của Thái Bình. Sau đó, Bác nói về công tác xây dựng Đảng, sự đoàn kết trong Đảng giữa Đảng viên cũ, Đảng viên mới, Đảng viên già, Đảng viên trẻ. Cuối cùng, Bác nói về phòng không nhân dân, phải ra sức bảo vệ tài sản của Nhà nước, của HTX. Bác nói: “Bây giờ Bác rất vui lòng thấy Thái Bình có tiến bộ nhiều. Bác mong các đồng chí và đồng bào đều cố gắng hơn nữa để làm cho Thái Bình trở thành một tỉnh gương mẫu về mọi mặt”.

Theo (Tù điện Thái Bình)- *Thaibinh.gov.vn*

3. Người Vân kiều, Pa cô xứng danh mang họ Bác Hồ

Là một vùng đất nhỏ hẹp nằm ở khúc ruột miền Trung nhưng Quảng Trị có nhiều thành phần dân tộc sinh sống. Ngoài người Kinh là dân tộc đa số, có 522.139 người (chiếm tỷ lệ 87%), còn có các dân tộc thiểu số, đông nhất là đồng bào Bru Vân kiều (thường gọi là người Vân kiều) có 62.741 người, chiếm 10,5%, sau đó là người Tà ôi - Pa cô (thường gọi là người Pa cô) có 12.820 người, chiếm 2,4%. Người Kinh cư trú tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng ven biển và gò đồi trung du, còn người Vân kiều, Pa cô sống ở vùng núi cao dọc dãy Trường Sơn hùng vĩ.

Từ nửa cuối thế kỷ XIX, khi kinh đô Huế thất thủ, đông đảo đồng bào các dân tộc dọc đường 9, thượng nguồn sông Hiếu đã tích cực bảo vệ vua Hàm Nghi, hưởng ứng chiếu Cần Vương tham gia nghĩa binh đánh Pháp. Khi căn cứ Tân Sở (Cam Lộ) thất thủ, các nghĩa binh Vân kiều, Pa cô đã tham gia hộ tống vua Hàm Nghi vượt qua Mai Lĩnh, lên Lao Bảo ra tận Hương Khê (Hà Tĩnh)...

Khi các tù chính trị ở nhà đày Lao Bảo nổi lên khởi nghĩa (5/1915) đồng bào Vân kiều, Pa kô kéo đến Bun-cha-ta lập thành căn cứ cùng các chính trị phạm đánh lại quân Pháp gây tiếng vang lớn trong lịch sử cận đại Việt Nam. Trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu ra Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (6/1/1946), nhiều thế lực phản động xuyên tạc, dọa dẫm để lôi kéo nhưng đồng bào vẫn một lòng ủng hộ cách mạng. Rất đông bà con dân tộc Vân kiều, Pa kô ở Quảng Trị đã lấy họ Bác Hồ để kê khai tên mình vào thẻ cử tri.

Năm 1946, ở chiến khu Việt Bắc, Bác Hồ cử cán bộ vào thăm hỏi đồng bào hai dân tộc Vân kiều, Pa kô mang theo nhiều bức hình của Bác tặng cho các bản và nhiều áo lụa thật đẹp tặng cho những người già đã sống trên 90 mùa rẫy, đồng bào Vân kiều, Pa kô vui sướng, xúc động đến rơi nước mắt.

Ngày 26/6/1946, cán bộ dân tộc cử người đầu làng đến họp dưới chân núi Cooc-la-phăng-xông, tổ chức lễ ăn thề, đâm trâu, cắt máu mình pha vào ché rượu lớn, các già làng bưng bát rượu hòa máu chuyển tay nhau uống và thề với Giàng, với rừng núi rằng người Vân kiều, Pa kô mãi mãi đi theo Đảng, theo Bác Hồ, bộ tộc nào ăn ở hai lòng sẽ bị Giàng trừng phạt, không sinh được con cái để nối dõi, sẽ tàn lụi như cây gỗ mục trong rừng.

Các đầu làng đồng thanh quyết định lấy họ Cụ Hồ làm họ chung cho cả hai dân tộc Vân kiều, Pa kô. Từ đó, ngày 26/6/1946, đồng bào Vân kiều, Pa kô sống ở vùng miền Tây Quảng Trị rất vinh dự và tự hào được chính thức mang họ Hồ của Bác. Được mang họ Bác Hồ, người Vân kiều, Pa kô hứa trọn đời đi theo Đảng, theo cách mạng, thể hiện tấm lòng trung hiếu với vị lãnh tụ vô vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam.

Lời thề đó đã trở thành hành động cách mạng, đồng bào các dân tộc miền Tây Quảng Trị đã động viên con em mình đi theo kháng chiến, đánh đuổi thực dân Pháp xâm lược. Năm 1947, lớp con cháu đầu tiên của hai dân tộc Vân kiều, Pa kô tham gia kháng chiến như ông Hồ Ray, Hồ Tơ, Hồ Hăng, Hồ Thiên, Võ Tá Khin, Hồ Cam, Hồ Hương... đã chiến đấu dũng cảm trên mặt trận Đường 9 khi thực dân Pháp từ Lào tấn công vào Hướng Hóa để mở rộng đường tiến về chiếm Đông Hà và vùng đồng bằng Bình Trị Thiên. Đây là lớp người lập công đầu tiên khi được mang họ Bác Hồ ở Hướng Hóa, là chiến công của tinh thần quật khởi, lòng ngưỡng mộ, niềm tin và lòng biết ơn đối với Bác.

Tháng 6/1957, Bác Hồ vào thăm tuyến lửa Quảng Bình, người Vân kiều, Pa kô ở Vĩnh Linh cử đại biểu do ông Hồ Ray đại diện ra gặp Bác Hồ để xin cho người Vân kiều, Pa kô mang họ của Người. Được Bác Hồ tặng họ, người Vân kiều, Pa kô đã cùng nhau kéo lên núi đốt lửa, giết trâu, hướng ra miền Bắc mà thề, đã là con cháu Bác Hồ thì phải thương yêu nhau như tay với chân, phải hết lòng theo Đảng, theo Bác.

Phong trào “Hội thề” trong cộng đồng người Vân kiều, Pa kô lan nhanh, bọn Mĩ Diệm ra sức đàn áp bắt đồng bào li khai Cộng sản, từ bỏ họ Hồ của Bác. Chúng

gây ra nhiều vụ thảm sát đẫm máu bằng bom, đạn và thuốc độc, giết hại hơn 3.000 người Vân kiều, Pa cô ở miền Tây Quảng Trị nhưng không thể khuất phục được những người con mang họ Bác Hồ. Từ những người đầu tiên tự nguyện mang họ Bác Hồ trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở miền Tây Quảng Trị đến năm 1969, khi Bác mất, họ Hồ đã trở thành phổ biến, thành họ chung cho đồng bào các dân tộc ở miền Tây Bình - Trị - Thiên...

Mãi mãi xứng đáng những người mang họ Hồ của Bác trong công cuộc đổi mới hôm nay, với chính sách dân tộc đúng đắn của Đảng, Nhà nước, người Vân kiều, Pa cô luôn luôn nghe theo Đảng, tin theo Đảng và làm theo những lời Đảng dạy, sẵn sàng xóa bỏ bản cùng, lạc hậu, tiếp thu ánh sáng của khoa học, từng bước cải tạo mình, xây dựng bản làng để cùng sánh với các dân tộc anh em khác.

Từ tập quán phát, đốt, cót, tria với công cụ thô sơ, nay đồng bào Vân kiều, Pa cô đã biết dùng cày, bừa, trâu, bò kéo, biết thâm canh, xen canh, sử dụng giống lúa mới, bón phân, dùng thuốc trừ sâu, đa dạng giống cây trồng trên từng diện tích canh tác. Nhiều bản làng đã khai thác vùng đất trũng để trồng lúa nước, đào ao thả cá, chăn nuôi trâu, bò và các loại gia súc, gia cầm đạt hiệu quả kinh tế cao, từng bước xây dựng mô hình kinh tế trang trại.

Từ khi người phụ nữ Vân kiều đầu tiên biết cấy lúa nước là bà Hồ Thị Oi ở Cù Bai (Hương Hóa), hơn 40 năm sau ngày giải phóng, ở huyện miền núi Hương Hóa đã tạo ra gần 3.000 ha lúa, gần 4.500 ha cà phê, hơn 250 ha hồ tiêu, gần 417 ha cao su và trên 4.200 ha sắn, đưa tổng thu nhập bình quân-người-năm là 12,9 triệu đồng, bình quân lương thực 118,7kg- người-năm. Đặc biệt, ngày nay ở vùng Lìa nhờ phát triển thêm cây sắn, cây chuối nên nhiều hộ gia đình đã có thu nhập hơn 100 triệu đồng mỗi năm.

Để đồng bào có cơ hội giao lưu, tiếp xúc với bên ngoài, với văn minh hiện đại và khoa học kỹ thuật, thời gian qua, cùng với sự hỗ trợ của Trung ương, Quảng Trị đã tập trung xây dựng nhiều cơ sở hạ tầng, phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng núi. Đến nay các xã miền núi đã có đường ô tô đến trung tâm xã và có lưới điện thấp sáng, 100% xã được phủ sóng phát thanh, truyền hình, có điện thoại.

Thành quả lớn lao đáng ghi nhận là việc hoàn thành phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi và phổ cập THCS ở vùng sâu, vùng xa. Vượt qua khó khăn, đến nay hệ thống trường, lớp cơ bản đáp ứng được yêu cầu học tập của con em dân tộc thiểu số, 100% xã dân tộc miền núi có trường tiểu học, 75% xã có trường THCS và các huyện miền núi đều có trường THPT. Cùng với trường Dân tộc nội trú tỉnh, 4 trường Dân tộc nội trú huyện đã được xây dựng trở thành nơi đào tạo con em dân tộc Vân kiều, Pa cô, cung cấp nguồn nhân lực quan trọng để thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển kinh tế - xã hội ở miền Tây Quảng Trị.

Cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội, đồng bào hai dân tộc Vân kiều, Pa cô không ngừng xây dựng đời sống văn hóa mới, một lòng tin vào Đảng, kiên quyết không nghe theo lời kẻ xấu, luôn nêu cao tinh thần đấu tranh cách mạng, xây dựng

lực lượng vũ trang, dân quân, tự vệ, tích cực thực hiện phong trào bảo vệ Tổ quốc...

Nhân kỷ niệm 123 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, được sống trong hòa bình, ấm no, bà con dân tộc Vân kiều, Pa cô mang họ của Bác càng bồi hồi xúc động khi nghĩ về Người. Và trong sâu thẳm ký ức, mỗi bà con dân tộc Vân kiều, Pa cô luôn tự dặn lòng mình, được mang họ Bác Hồ thì phải sống, chiến đấu, lao động và học tập thật tốt để xây dựng bản làng ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Hoàng Đức Cường - *Huonghoaquangtri.gov.vn*

4. Bác Hồ trong lòng người Tây Nguyên

Người Tây Nguyên ơn Bác

Từ người già cho tới trẻ, từ miền ngược tới miền xuôi, nhắc tới Bác Hồ thì ai ai cũng biết. Người sống mãi trong trái tim của mỗi người dân Việt Nam. Với người Tây Nguyên cũng vậy, dù rằng, chưa một lần Người đến Tây Nguyên. Và dù rằng, Người đã đi xa hơn 43 mùa rẫy... Vậy nhưng, tình cảm của những người con Tây Nguyên với Bác thì vẫn sáng mãi đời đời.

Trong trái tim của mỗi người dân Việt Nam, hình ảnh Bác cao đẹp, thiêng liêng mà gần gũi. Bác ngự trị trong lòng mỗi người dân đất Việt bằng một tình cảm kính yêu của những người con với một vị lãnh tụ-người cha già của dân tộc. Khó có thể kể hết, có bao nhiêu tác phẩm thi, nhạc, họa lấy cảm hứng từ Bác nói chung và tình cảm gắn bó giữa Bác với người dân Tây Nguyên nói riêng. Đề tài về Người với mảnh đất, con người Tây Nguyên đã khiến không biết bao nhiêu tâm hồn nghệ sĩ phải rung động, thôn thức thành những lời ca, điệu nhạc, vần thơ lay động lòng người.

Ca khúc đầu tay của nhạc sĩ đầu tiên ở Tây Nguyên cũng chính là viết về Bác Hồ. Đó là bài hát *Đêm thao thức* của nhạc sĩ người dân tộc Jrai Kpă Púi. Bài hát được sáng tác vào năm 1955, bằng chất liệu dân ca Hre với những ca từ mộc mạc, tha thiết: “Tây Nguyên đã đứng lên bước theo Bok Hồ giữ gìn quê hương” hay “Mắt Cha sáng long lanh thương yêu nhìn thấu lòng muôn người”. Ca khúc sau này đã được ca sĩ Tường Vy viết lời mới với tên gọi *Gửi tới Bác Hồ* cũng thu được rất nhiều thành công, được đi biểu diễn tại nhiều sự kiện trong và ngoài nước.

Tiếp đến có thể kể đến những ca khúc như: *Cánh chim báo tin vui* (Đàm Thanh), sáng tác trên nền chất liệu của dân ca Jrai, hay *Cô gái Pa Cô* (Huy Thục), *Tây Nguyên mừng đón thơ Bác* của tác giả Doãn Nho với những ca từ khỏe khoắn, hùng hực khí thế chiến đấu và giành chiến thắng “Xuân này hơn hẳn mấy xuân qua, thắng trận tin vui khắp nước nhà. Nam Bắc thi đua đánh giặc Mĩ, tiến lên toàn thắng ắt về ta”.

Sau ngày Bác đi xa, vẫn có rất nhiều nhạc sĩ khai thác về đề tài này. Nổi bật trong số đó có ca khúc *Bác Hồ sống mãi với Tây Nguyên* của nhạc sĩ Lê Lôi, phổ

theo lời thơ của chàng thiếu sinh quân tập kết ra Bắc - Kpă Y Lăng. Ngay khi mới ra đời, ca khúc đã nhận được sự chào đón nồng nhiệt của thính giả và trở thành “hiện tượng” trong làng âm nhạc thời đó. Những ca từ giản dị, mộc mạc mang đậm hơi thở cuộc sống và dấu ấn của Bác trong cuộc sống sinh hoạt cộng đồng người Tây Nguyên đi vào bài hát một cách vô cùng tự nhiên, đầy ngẫu hứng: “Bác Hồ sống mãi bên từng mái nhà, từng nương rẫy, trong điệu sáo, tiếng đàn T’rưng”.

Nhân sự kiện khởi công xây dựng công trình Bảo tàng Hồ Chí Minh-Chi nhánh Gia Lai và Kon Tum, nhạc sĩ Văn Chừng đã viết ca khúc *Bác Hồ trong lòng người dân Tây Nguyên*. Ngoài ra, còn có thể kể đến một số tác giả, tác phẩm âm nhạc khác, như: *Nghe thư Bác Hồ* (Phạm Cao Đạt), *Ơn Bác Hồ với người Tây Nguyên* (Phạm Mạnh Trí), *Nam Tây Nguyên nhớ Bác* (Hà Huy Hiền),... nhạc sĩ Lê Xuân Hoan có bài *Chiều mưa nhớ Bác* và *Lời Bác mãi khắc trong tim*. Nếu các nhạc sĩ đã khai thác khá triệt để chất liệu dân ca truyền thống của các dân tộc bản địa Tây Nguyên như: Mạ, Ê Đê, Bahnar, Jrai... thì nhạc sĩ Lê Xuân Hoan-một người con xứ Nghệ sinh sống và lập nghiệp tại Gia Lai lại sử dụng chính chất liệu âm nhạc dân ca xứ Nghệ quê hương để sáng tạo nên tác phẩm âm nhạc của mình viết về Bác.

Đặc biệt trong công trình nghiên cứu về thang âm, điệu thức trong dân ca Bahnar mới đây, các nhà nghiên cứu đã phát hiện ra nhiều tác phẩm dân ca của người Bahnar ở một số vùng thuộc phía đông của tỉnh Gia Lai còn lưu giữ nhiều bài hát dân ca nói về Bác Hồ. “Có thể nói, Bác Hồ in dấu đậm nét trong lòng người dân Bahnar nói riêng, các dân tộc Tây Nguyên nói chung. Trong các bài hát này, Bác hiện lên với vẻ đẹp của sự thông minh, rắn rỏi qua những ca từ rất mộc mạc, thô ráp với âm điệu đặc trưng của người Bahnar. Đáng chú ý là trong một vài bài còn nhắc đến Bác Hồ trong đó gắn liền với hình ảnh đất nước, người dân Tây Nguyên và nhớ đến công ơn của Liên Xô (tác phẩm *Nă Ho chă đon*)” - nhạc sĩ Lê Xuân Hoan - Chủ tịch Hội Văn học - Nghệ thuật Gia Lai, cho biết.

Không chỉ hiện hữu trong âm nhạc, Bác Hồ chính là đề tài gợi nguồn cảm hứng cho họa sĩ tài hoa Xu Man-một người con dân tộc Bahnar. Gần 100 tác phẩm vẽ về Bác Hồ, trong đó có những bức khắc họa một cách sinh động, chân thực cảnh Bác Hồ gặp gỡ, sinh hoạt với bà con Tây Nguyên, dù Bác chưa một lần đến đây: *Bác Hồ với nhân dân Tây Nguyên, Nhân dân Tây Nguyên với Bác Hồ, Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng, Đón Bác về Tây Nguyên...* Họa sĩ Xu Man từng chia sẻ rằng: “Tôi yêu nhất Bác Hồ, không có Bác, có Đảng thì đâu có đời tôi hôm nay”. Rất nhiều nhà thơ, nhà văn ở Tây Nguyên chọn viết về Bác làm đề tài sáng tác. Có thể điểm qua một số bài thơ như: *Một thoáng làng Sen*”, *Nhớ Bác* của nhà thơ Văn Công Hùng...

“Cho con góp 79 bậc thang...” (*)

Ngay sau khi Bác mất, Bộ Chính trị có kế hoạch xây lăng làm nơi an nghỉ cho Người và có gợi ý mỗi tỉnh miền Nam nên có một đặc sản góp phần xây lăng Bác.

Xã Hà Nùng của khu I khi đó (nay là xã Sơn Lang và Sơn Pài - huyện Kbang, Gia Lai) vốn là vùng rừng núi bạt ngàn, nổi tiếng có nhiều loại gỗ quý. Tỉnh ủy Gia Lai khi ấy cũng đứng chân ở đây, quyết định chọn hiến tặng những cây gỗ trắc để đưa ra Hà Nội xây lăng Bác.

Ông Đinh Văn Lực (làng Đak A Sêl - xã Sơn Lang - huyện Kbang) - một trong những người tham gia đoàn đón và đưa gỗ trắc ra xây lăng Bác, kể lại: “Ngày làm lễ phát động, cả xã vui như trẩy hội. Có công chiêng, múa xoang rộn rã lắm. Đồng chí Ksor Ní bấy giờ là Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai chính là người chặt nhất rìu đầu tiên làm lễ phát động phong trào tìm trắc xây lăng Bác”. Hà Nùng là căn cứ cách mạng, là vùng “đất thép” với những con người yêu cách mạng, làm cách mạng nhiệt tình. Khi được góp gỗ xây lăng Bác, bà con ai nấy đều cảm thấy tự hào vì đã vinh dự được góp phần nhỏ bé của mình để làm nơi an nghỉ cho lãnh tụ muôn vàn kính yêu.

“Lúc đó, tôi chừng 20 tuổi, tham gia trong đoàn xã. Chỗ làm lễ phát động tìm gỗ xây lăng Bác được tổ chức chính ngay dưới một gốc trắc rất to tại làng Đak A Sêl và chính cây này là cây được chặt hạ đầu tiên, ngay trong buổi lễ. Chủ trương của tỉnh là phải chọn những cây gỗ trắc thật đẹp, thẳng” - ông Đinh Văn Lực, kể lại.

Lực lượng phải huy động cả khu I, cả các cơ quan tỉnh lúc bấy giờ, trong đó chủ yếu vẫn là người dân Hà Nùng. Nhiệm vụ phân công rất rõ ràng, phụ nữ và người lớn tuổi ở nhà tham gia sản xuất, thanh niên trai tráng ngày ngày đem cơm theo đoàn lên các ngả rừng quanh xã tìm những cây trắc to nhất, đẹp nhất để đón về. Khó khăn muôn vàn-thế nhưng, tình yêu dành cho Bác, niềm tự hào về một ngày nào đó, những khối gỗ trắc này sẽ góp phần làm thành nơi yên nghỉ cho Người lại thôi thúc anh em, tiếp thêm cho họ sức mạnh để hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng mà dân làng đã tin tưởng giao phó.

“Mỗi khúc gỗ đường kính chừng 60-70 cm, dài 5-7 m được đèo vòng vức. Tổng cộng có khoảng hơn 50 khúc như vậy được bà con chặt hạ tập kết về khu vực ngã tư làng Đak Tong Long đưa ra thủ đô Hà Nội - nơi Người đang an nghỉ. Thật khó để lý giải, vì sao và sức mạnh nào đã giúp chúng tôi hoàn thành nhiệm vụ. Chặng đường kéo gỗ gần 30 cây số, toàn là đường rừng, lối mòn, không xe cộ và phương tiện hỗ trợ. Gỗ nặng, đường khó đi, anh em thiết kế ra “xe chuyên dụng” được làm bằng những thân cây tròn, to cỡ bằng bắp chân để làm “bánh xe”, rồi lấy dây rừng buộc vào đó kéo để lăn khối gỗ đi. Có đoạn đường khó, mỗi ngày chỉ nhích được chút xíu. Đi tới đâu, bà con ở đó cũng kéo ra vừa giúp sức, vừa để động viên anh em. Vui lắm! - ông Lực, kể.

Những người con Hà Nùng ngày đó góp công sức vào việc tìm trắc xây lăng Bác năm 1974 giờ người còn, người mất... Ông Lực điểm lại những cái tên: Đinh Văn Đoàn, Đinh Krang, Đinh Má, Đinh Xeng, Đinh Hnong, Đinh A Nhách, Đinh A Nhơm, Đinh A Nhích... “Vậy mà thấm thoát đã gần 40 năm rồi. Những khối gỗ trắc ở cánh rừng Hà Nùng ngày ấy giờ ngày ngày được ở cạnh Người. Người dân

Hà Nùng cũng có cái đề kể, đề tự hào với con cháu, rằng cha ông mình đã có công góp phần xây lăng...” - ông Lục chậm rãi.

Chủ tịch UBND xã Sơn Lang - ông Đinh Vong, kể lại rằng: Khi ấy ông mới chỉ là cậu bé lên 10, tham gia đội công chiêng của làng trong lễ phát động. “Với người dân Sơn Lang hôm nay, đó là một huyền thoại. Một huyền thoại đáng đề tự hào. Những thân trắc cách xa ngàn dặm, lớn lên bằng nguồn nước, thớ đất Sơn Lang này đã và đang hiện hữu nơi “mặt trời hồng” yên nghỉ” - Đinh Vong tự hào nói.

... Như một sức sống diệu kỳ và bền bỉ đến không ngờ, nơi hàng chục gốc trắc ngày xưa chặt hạ để lấy gỗ xây lăng, vẫn còn một gốc trắc kiên trì sống và bung những mầm chồi mới, dù đã qua bao đời thay... Và, nghe đâu rằng, người dân sau bao lần phát nương làm rẫy, thậm chí là máy xúc ủi, đào để làm ruộng lúa nước, những nhánh rễ trắc ấy vẫn cứ bung lên, một thân cây lớn chừng bằng bắp vế người lớn đang tồn tại. Và chúng tôi có ý rằng, xã hãy gắng bảo quản cái cây ấy, vì “trắc mẹ” đang ở trong lăng và đây là mầm sống, là chứng tích của một sự kiện không hề nhỏ của làng, của xã cách mạng “nòi” này...

Thân thương ngôi nhà đón Bác

Hình ảnh già Hồ-Bok Hồ-Yang Hồ bao giờ cũng thật gần gũi và thân thương đến lạ đối với người dân Tây Nguyên - dù rằng Bác chưa một lần đến với mảnh đất bazan bạt ngạt của núi rừng Tây Nguyên - dù rằng chỉ gặp Bác trong lời ca tiếng hát, qua lời kể của những người may mắn được gặp Bác và rồi “Không được đón Bác vào thăm thì làm nhà rước Bác vào ở” - Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Gia Lai và Kon Tum đã hình thành từ niềm mong mỏi ấy và được đồng bào các dân tộc Tây Nguyên xem là “ngôi nhà” của vị cha già kính yêu trên mảnh đất quê mình.

Xây nhà rước Bác

Sinh thời Bác Hồ mong muốn vào thăm đồng bào miền Nam nói chung và Tây Nguyên nói riêng. Tuy nhiên niềm ước mong ấy chưa được thực hiện thì ngày 2/9/1969, Người đã đi xa mãi mãi, để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta cũng như những ai yêu chuộng hòa bình trên thế giới.

Tưởng nhớ đến tình cảm và công ơn to lớn của Bác, sau khi đất nước thống nhất, ngày 2/9/1982, “Nhà trưng bày hình ảnh về cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh” tại tỉnh Gia Lai - Kon Tum đã được khởi công xây dựng. Sau 2 năm khẩn trương thi công, với sự đóng góp tích cực bằng cả tấm lòng của bà con các dân tộc Gia Lai - Kon Tum, công trình được khánh thành và đưa vào hoạt động đúng dịp kỷ niệm lần thứ 94 Ngày sinh của Người (19/5/1984).

Để phù hợp với sự phát triển của xã hội, ngày 4/6/1988, Bảo tàng Hồ Chí Minh Hà Nội quyết định công nhận “Nhà trưng bày hình ảnh về cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh” ở Gia Lai-Kon Tum là “Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Gia Lai - Kon Tum”. Năm 1991, tỉnh Gia Lai - Kon Tum chia thành 2 tỉnh, lãnh đạo tỉnh đã thống nhất rằng “Nhà Bác là nhà chung của 2 tỉnh không thể

chia tách được”. Vì thế, Bảo tàng đã được đổi tên thành “Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Gia Lai và Kon Tum” và đây cũng là bảo tàng duy nhất trong toàn quốc trực thuộc UBND 2 tỉnh.

Với đồng bào Tây Nguyên chưa có điều kiện được gặp Bác Hồ, mà chưa được gặp Bác thì nhân dân có tâm nguyện làm nhà rước Bác vào ở. Rước Bác ở đây là thông qua tài liệu, thông qua hình ảnh, thông qua hiện vật của Người để học tập và chiêm ngưỡng.

Tọa lạc trong một khuôn viên đẹp tại trung tâm TP. Pleiku, Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Gia Lai và Kon Tum có kiến trúc khá độc đáo, hài hòa với cảnh quan, vừa hiện đại lại vừa mang đậm bản sắc văn hóa Tây Nguyên. Công trình được xây dựng trên tổng diện tích 8.767 m², trong đó nhà làm việc và khu trưng bày là 700 m², còn lại là vườn hoa, cây cảnh, hồ sen, ao cá... Từ xa nhìn vào, bảo tàng mang dáng dấp của ngôi nhà rông-biểu tượng trái tim của người dân Tây Nguyên, là “sản phẩm” bản sắc văn hóa độc đáo, tiêu biểu nhất, là trung tâm cộng cảm, nơi diễn ra mọi sinh hoạt văn hóa cộng đồng của đồng bào sống trên mảnh đất này. Đây là công trình do kiến trúc sư Lê Vinh (Sở Xây dựng Gia Lai - Kon Tum ngày ấy) thiết kế và sau đó đã đạt giải B Hội Kiến trúc sư Việt Nam năm 1988. Vật liệu được xây dựng trong đại trưng bày là gỗ hương, một loại gỗ quý của núi rừng Tây Nguyên. Trần và sàn bằng gỗ, màu nâu trầm, tạo nên một không gian gần gũi và ấm áp.

Ngoài không gian long trọng, nội dung trưng bày tại đây cũng theo 8 chủ đề chung của hệ thống các Bảo tàng Hồ Chí Minh trong cả nước về cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác. Trong đó còn có các hình ảnh, tài liệu, hiện vật về tình cảm của Bác dành cho đồng bào Tây Nguyên và tình cảm của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên dành cho Bác; về 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ của nhân dân Tây Nguyên, cũng như những thành tựu mà nhân dân Tây Nguyên nói chung và nhân dân 2 tỉnh Gia Lai và Kon Tum đã đạt được trong thời kỳ đổi mới. Hệ thống trưng bày cố định hài hòa cả về nội dung lẫn mỹ thuật, thể hiện được nét độc đáo mang sắc thái Tây Nguyên rõ rệt. Phần chú thích hiện vật ở đây được dịch ra tiếng một số dân tộc bản địa Tây Nguyên như Jrai, Bahnar, Xê-đăng, phù hợp với trình độ dân trí và tạo nên sự gần gũi với đồng bào.

Tình dân Tây Nguyên với Bác

Bảo tàng Hồ Chí Minh - Chi nhánh Gia Lai và Kon Tum hiện đang trưng bày 1.178 hiện vật, trong đó có 50 hiện vật của Bác Hồ và 48 hiện vật về tình cảm của nhân dân Gia Lai và Kon Tum cũng như đồng bào Tây Nguyên đối với Bác, còn lại là hiện vật khác. Biểu hiện sinh động tình cảm đó, trước hết phải kể đến 4 hiện vật tiêu biểu đang được trưng bày tại Bảo tàng. Đó là: tượng Bác bằng gỗ hương, tượng Bác bằng đồng, bản khắc *Di chúc* và Thư Bác Hồ gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam họp tại Pleiku ngày 19/4/1946 khắc trên gỗ hương.

Ngay khi bước vào bên trong Bảo tàng, trước mắt chúng ta là tượng Bác Hồ

được tạc từ gỗ hương nguyên khối đang vẫy tay chào với nụ cười đôn hậu. Tượng cao 1,84 mét, do ông Đinh Thanh Hoàn (phường Yên Đỗ, TP. Pleiku) thực hiện trong vòng 9 tháng. Ông Hoàn là người may mắn được chứng kiến hình ảnh Bác Hồ đọc Bản Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa ngày 2/9/1945 tại Quảng trường Ba Đình lịch sử. Hình ảnh của Bác từ xa đang giơ tay vẫy chào hàng vạn đồng bào trong ngày lịch sử ấy đã khắc sâu trong tâm khảm của ông và ông ước nguyện sau này có dịp sẽ khắc nên hình ảnh đó. Mong ước ấy của ông sau này đã trở thành hiện thực, khi khởi công xây dựng Bảo tàng, theo lời kêu gọi của lãnh đạo tỉnh Gia Lai - Kon Tum về sự đóng góp sức lực, công, của xây dựng “nhà Bác”. Ông đã tạc nên bức tượng Bác Hồ bằng gỗ và dâng tặng cho Bảo tàng. Bức tượng được đặt tại gian long trọng, cách cổng Bảo tàng 79 mét (tượng trưng cho 79 mùa xuân của Bác) và trở thành nơi để mọi người dâng hương, dâng hoa tưởng nhớ đến vị cha già dân tộc mỗi khi về thăm Bảo tàng. Bức tượng không những có giá trị về mặt nghệ thuật mà nó còn thể hiện tình cảm của nhân dân Gia Lai và Kon Tum đối với Bác Hồ kính yêu. Từ bức tượng này, nhạc sĩ Văn Chùng đã lấy cảm hứng để sáng tác nên bài hát *Bác Hồ trong lòng dân Tây Nguyên* trong đó có đoạn “Cây gỗ hương già nhất rừng đã hóa thân thành tượng Bác”.

Bức tượng Bác Hồ bằng đồng cũng là một trong những hiện vật vô giá về lòng tin suốt đời đi theo Đảng, theo Bác Hồ của đồng bào Tây Nguyên. Tượng cao 12,5 cm, được đúc thủ công bằng đồng tại làng Yớt Phang (xã Ia Lang, huyện Đức Cơ, Gia Lai). Tượng mô phỏng Bác Hồ ở mặt trận Đông Khê lúc đang chỉ đạo Chiến dịch biên giới Thu Đông năm 1950. Bức tượng được gìn giữ và sử dụng cho công tác tuyên truyền, làm công tác dân vận và kết nạp đảng viên từ năm 1962 đến 1967. Trong chiến tranh ác liệt ngày ấy, người này mất lại chuyển lại trọng trách cho người kia. Cứ thế, dù phải hi sinh, mọi người cũng quyết tâm giữ bức tượng Bác.

Bên cạnh đó, Bảo tàng cũng đã sưu tầm được những hiện vật mới về tình dân Tây Nguyên với Bác Hồ như: Tặng phẩm thơ *Mừng Bác Hồ 114 tuổi*, cuốn sách *Tên Người là cả một niềm thơ* - tập thơ thế giới viết về Bác Hồ được xuất bản năm 1974, chiếc băng tang của những người đã dùng vào ngày Chủ tịch Hồ chí Minh mất năm 1969, tranh của họa sĩ Xu Man vẽ Bác Hồ ở chiến khu Việt Bắc viết thư gửi Đại hội các dân tộc thiểu số miền Nam họp tại Pleiku ngày 19/4/1946, sổ tay “Giải thưởng của Bác Hồ” của học sinh dân tộc miền Nam đạt thành tích xuất sắc trong học tập được Bác Hồ tặng thưởng...

Trung bình hàng năm, “ngôi nhà” của Bác đón khoảng 5.000 lượt khách trong, ngoài tỉnh về tham quan và dâng hương, dâng hoa. Cô Đỗ Thị Huyền Mai - giáo viên Trường THCS Nghĩa Hưng (xã Nghĩa Hưng, huyện Chư Pah) cho biết: “Vào các dịp lễ, tết, tôi hay đưa các con mình đến Bảo tàng để dâng hương viếng Bác và tham quan. Qua đó, tôi muốn các con hiểu hơn về lịch sử hào hùng của dân tộc, cảm nhận được sâu sắc hơn lối sống giản dị, giàu tình yêu thương cũng như khắc ghi công ơn to lớn của Bác Hồ đối với dân tộc”.

Không chỉ phục vụ đồng bào trong khu vực, Bảo tàng còn là nơi giúp khách

nước ngoài hiểu hơn về vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc Việt Nam. Trung tuần tháng 8 vừa qua, nhân dịp có chuyến làm việc tại Gia Lai, đoàn đại biểu Liên đoàn Báo chí Thái Lan do ông Noppadul Jaiaree - Phó Chủ tịch Liên đoàn Báo chí Thái Lan, Chủ tịch Hiệp hội các nhà báo địa phương Thái Lan - làm trưởng đoàn đã đến dâng hương, dâng hoa và viếng Bác Hồ tại Bảo tàng. Ông Noppadul Jaiaree chia sẻ: “Tôi và đoàn rất cảm phục trước tấm lòng và tình yêu của Hồ Chủ tịch đối với đất nước Việt Nam. Tôi xin chúc cho nhân dân Việt Nam mãi tự do, hạnh phúc, đồng thời luôn yêu mến và trung thành với Chủ tịch Hồ Chí Minh”.

Nơi Bác đến và nơi Bác ở không phải chỉ là nơi Bác-con người bằng xương bằng thịt đã đặt chân đến, là hữu hình-Bác đã đến và mãi mãi ở lại trong lòng người dân Tây Nguyên. 28 năm qua, ngôi nhà đón Bác với tên gọi Bảo tàng Hồ Chí Minh-Chi nhánh Gia Lai và Kon Tum đã đón hàng triệu lượt đồng bào Tây Nguyên đến thăm, tưởng nhớ Bác, trở thành nơi giáo dục tư tưởng, đạo đức của Người cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Ký ức những lần gặp Bác

Họ là những người con của núi rừng Tây Nguyên có cơ hội ra miền Bắc học tập, công tác. Họ là những người con của miền Bắc, miền Trung nhưng nửa sau cuộc đời lại chọn vùng đất Tây Nguyên nắng gió làm nơi gắn bó. Trong những năm tháng chiến tranh, đất nước bị bom dày đạn xéo, chia cắt hai miền, họ đã may mắn được gặp Bác Hồ và được Người tận tình thăm hỏi, động viên. Trong số họ, có người bây giờ không còn nữa, có người đã cao tuổi, về nghỉ hưu, nhưng mỗi khi nhắc lại, ai cũng cho rằng thời khắc được gặp Bác, dù ngắn ngủi nhưng là những kỷ niệm đẹp và khó quên nhất trong cuộc đời mình.

“Gần gũi, sâu sắc, giàu tình yêu thương với quân dân nhưng lại cực kỳ giản dị, gương mẫu và kiên quyết... Bác Hồ của chúng ta là như thế đó!” - ông Bùi Minh Hớn-Chủ tịch Hội Cựu chiến binh tỉnh Lâm Đồng chia sẻ với chúng tôi về Bác bằng một giọng nhẹ nhàng và đầy sự kính trọng. Không riêng gì ông Hớn, tất cả những người may mắn gặp Bác mà chúng tôi có dịp tìm đến cũng đều chung một cảm nhận ấy. Những lời kể của họ chính là một nét vẽ sinh động góp vào bức họa chân dung vị cha già kính yêu của dân tộc Việt.

Trong cuộc đời làm cách mạng, ai cũng có những giờ phút hạnh phúc. Thế nhưng niềm hạnh phúc lớn nhất mà mọi người đều mong mỏi là được gặp Bác Hồ. Điều đó không chỉ vì Bác là vị lãnh tụ vĩ đại mà còn vì chất nhân văn toát ra từ tấm lòng yêu nước thương dân của Người. Chúng tôi có thể cảm nhận được sâu sắc niềm mơ ước ấy qua câu nói “được gặp Bác một lần dù sau đó có chết đi cũng thỏa lòng” của ông Bùi Minh Hớn hay lời tuyên bố chắc nịch “điều động tôi đi đâu cũng được, miễn là tôi có cơ hội gặp được Bác Hồ” của ông Ngô Sinh Tùng...

Ngay khi còn bé, ông Bùi Minh Hớn đã ấp ủ ước mơ được một lần gặp Bác. Năm 1955, mang theo niềm mong mỏi ấy, ông cùng Sư đoàn 324 (Quân khu 5) tập kết ra Bắc. Thế rồi nguyện vọng ấy đã thành hiện thực khi Bác Hồ bất ngờ đến

thăm Trung đoàn 190 của ông (đóng tại Thanh Chương - Nghệ An) vào năm 1958. Lúc đó không chỉ riêng ông Hớn mà tất cả mọi người trong đơn vị đều ứa nước mắt vì vui sướng. Ông Hớn bồi hồi nhớ lại: Trước khi ra gặp chúng tôi, Bác đã đi kiểm tra một vòng doanh trại, từ nhà bếp, nhà vệ sinh đến chỗ ngủ, quần áo, giày dép... của cán bộ, chiến sĩ. Bác khen chúng tôi có sáng kiến diệt muỗi hay, Bác hỏi chúng tôi ăn có no không, có ngon không, vệ sinh có tốt không...

Bác phê bình công tác dọn vệ sinh của chúng tôi chưa được tốt, phê bình nhà bếp nấu cơm còn dễ bị cháy nhiều mà lại không có rau. Bác bảo chúng tôi phải biến đồi đá bên cạnh thành đồi rau để có rau mà ăn. Rồi Bác hỏi chúng tôi có nhớ nhà không, sau đó Người phân tích rằng: Các cháu đều là con em của miền Nam, sinh ra và lớn lên ở miền Nam, do gia đình các cháu và nhân dân miền Nam nuôi dưỡng, bởi chiến tranh, đất nước bị chia cắt thành 2 miền nên các cháu mới phải ra ngoài Bắc, làm sao mà không nhớ được. Gia đình các cháu và nhân dân miền Nam đang chịu ách thống trị, sự kềm kẹp của gia đình trị của Ngô Đình Diệm. Nó lê máy chém đi chặt đầu nhân dân ta, trong đó có gia đình các cháu. Nói đến đó Bác khóc, anh em chúng tôi ở bên dưới cũng không cầm được nước mắt. Lau nước mắt, Bác động viên chúng tôi phải ra sức học tập, rèn luyện về đạo đức, phẩm chất, rèn luyện lập trường, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng để quay về giải phóng miền Nam, thống nhất nước nhà... Nói xong Bác xuống bắt tay từng người, tôi khi đó là Tiểu đội trưởng nên vinh dự được cầm tay Bác.

Tiếp xúc với Bác chỉ trong vòng nửa tiếng đồng hồ, nhưng với ông Bùi Minh Hớn, lần gặp đó làm ông nhớ nhất, dù sau đó ông được may mắn gặp Bác thêm 2 lần nữa. “Bác về rồi, cái đồi đá cao khoảng 300 mét, cả trung đoàn bắt tay vào đào giếng, gánh đất đổ lên đá, biến nó thành đồi rau xanh. Sau đó, Tổng cục Hậu cần gửi vô cho mỗi người 1 đôi giày, 1 bộ quần áo. Đến Tết Bác lại gửi cho mỗi người 2 điều thuốc, 2 hào rưỡi tiền để mua tô phở, mấy xu để mua xà phòng và bàn chải đánh răng. Bác viết văn bản kèm theo, giải thích rằng tiền là của Bác, của nhân dân thế giới ủng hộ Bác, Bác để dành cho mọi người chứ không hề lấy tiền của công để cho”-ông Hớn lại cho chúng tôi biết thêm về tấm lòng của Bác dành cho những người con miền Nam.

Chậm rãi nhớ lại từng dòng ký ức, ông Nông Quốc Tuấn (136 buôn Tia, thôn 8, xã Nam Dong, huyện Chư Jut, tỉnh Đak Nông) chia sẻ với chúng tôi về khoảng thời gian ông phục vụ Bác Hồ tại Pác Bó-Cao Bằng. Ở cái tuổi 87, sức khỏe đã yếu dần, tai cũng không còn nghe rõ nữa, nhưng những kỷ niệm về Bác trong ông vẫn còn nguyên vẹn. Ngày ấy (1941), cậu bé Nông Văn Sĩ (sau này được Bác Hồ đổi lại tên thành Nông Đình Tuấn, rồi Nông Quốc Tuấn) chủ yếu ở cạnh Bác để nấu cơm, giặt quần áo và làm liên lạc. Cơm nấu không ít lần bị khô, nhưng Bác vẫn cứ khen ngon, chưa bao giờ la mắng nặng lời.

Nhớ nhất với ông Tuấn có lẽ là cái lần ông được ngủ chung với Bác Hồ: “Một đêm tháng 12, trời lạnh lắm, hai Bác cháu ngủ trên núi đá, 1 cái chăn trải ở dưới, 3 cái chăn đắp ở trên. Đêm đó Bác không ngủ được vì bị tôi gác suốt. Lần đầu gác

trên đùi, Bác nhắc xuống. Lần thứ 2 trên bụng, Bác lại nhắc xuống. Đến lần thứ 3 gác lên tới trên cổ bị Bác gõ vào chân... Tối tiếp theo, tôi không chịu ngủ vì sợ lại gác Bác nữa nhưng Bác vẫn bắt ngủ cùng. Lúc đó, tôi phải dùng một cái chăn quấn chặt người mình lại để khỏi gác lên người Bác, khi đó Bác mới ngủ được”.

Theo lời ông Tuấn kể, Bác Hồ là một người sống giản dị nhưng cực kỳ nghiêm túc trong công việc. Sáng nào, Bác cũng dậy thật sớm tập thể dục, lấy nước từ máng tre để tắm. Thay quần áo xong là Bác ngồi vào bàn đá và viết suốt 4 tiếng đồng hồ. “Mình làm xong bao nhiêu việc rồi mà quay sang vẫn thấy Bác ngồi đó, Bác viết miệt mài lắm nhưng tôi không dám hỏi Bác viết gì” - ông Tuấn chia sẻ. Nghe đến đây, chúng tôi bỗng nhớ lại và tìm được câu trả lời trong bài thơ *Tức cảnh Pác Bó* của Người năm nào: “Sáng ra bờ suối tối vào hang - Cháo bẹ rau măng vẫn sẵn sàng - Bàn đá chông chênh dịch sử Đảng - Cuộc đời cách mạng thật là sang”.

Về Kon Tum, chúng tôi tìm đến hai người may mắn được gặp Bác. Đó là ông Ka Ba Tơ - nguyên Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, nguyên Chủ tịch HĐND tỉnh Kon Tum và ông Ngô Sinh Tùng - hiện là Chủ tịch Hội Người cao tuổi xã Vinh Quang, TP. Kon Tum.

Kỷ niệm về Bác mà ông Ka Ba Tơ nhớ nhất là lúc được Bác Hồ cho kẹo trong ngày Tết Thiếu nhi năm 1956 và niềm vinh dự, tự hào khi được cầm lá phiếu bầu Bác Hồ vào Quốc hội khóa III năm 1964. Hình ảnh vị lãnh tụ dân tộc trong trí nhớ của ông là một người đôn hậu, giàu tình yêu thương và rất giản dị: Khi thì bộ quần áo kaki sờn cũ, khi thì bộ bà ba nâu sòng, đầu đội mũ cối, chân mang đôi dép cao su và tay thì kẹp điều thuốc.

Còn với ông Ngô Sinh Tùng, trong cảm nhận ngày ấy của mình, ông nghĩ “gặp Bác Hồ khó như gặp vua, dù muốn lắm nhưng chắc sẽ chẳng bao giờ gặp được”. Cuối năm 1954, ông tập kết ra Bắc, đóng quân ở Thanh Hóa rồi sau đó được điều động về bộ phận nội chính, bảo vệ nội bộ của Trung đoàn 94, Sư đoàn 350-là đơn vị bảo vệ các cơ quan Trung ương tại Hà Nội.

Kỳ họp Quốc hội năm 1955 về việc thực hiện cải cách ruộng đất, ông Tùng tham gia trong đoàn bảo vệ và đó cũng là lần đầu tiên ông được gặp Bác Hồ. “Tết năm ấy, anh em miền Nam đón cái Tết buồn vì thực dân Pháp phá vỡ Hiệp định Giơnevơ. Hay tin, Bác Hồ đã đến thăm và động viên mọi người đừng bi quan, phải tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Tôi vui lắm, thấy Bác gần gũi và thân thiết như ông cháu vậy, tự dưng mếu ngay, trong lòng tôi không còn cảm giác sợ Bác như sợ vua giống như ý nghĩ trước đây nữa” - nói đến đây, gương mặt ông Tùng bỗng rạng rỡ hẳn.

Ông Y Bhin Mlô (người dân tộc Ê Đê tại buôn Năng, xã Ea Hồ, huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk) cũng là một trong số ít người con của buôn làng Tây Nguyên vinh dự 3 lần được gặp Bác Hồ. Với ông những lần được gặp Bác là niềm vinh hạnh lớn lao. Khi kể cho chúng tôi nghe về những năm tháng ấy, ánh mắt ông như

bừng sáng hẳn lên. Trong ba lần được gặp Bác Hồ, ông Y Bhin Mlô nhớ nhất là lần gặp thứ hai vào năm 1960. Lúc ấy ông là lính Sư đoàn 305 đóng quân ở Phú Thọ. Khi đơn vị tham gia lao động tại công trình đại thủy nông Bắc Hưng Hải thì Bác Hồ đến thăm. “Nghe Bác hỏi ở đây có ai người đồng bào dân tộc Tây Nguyên không, mình chạy ulla vào ngay. Bác muốn bắt tay, tôi cũng muốn bắt tay Bác lắm nhưng nhìn xuống thấy tay mình toàn bùn đất nên không dám nữa, liền rút tay lại. Bác thấy thế vẫn nắm lấy cánh tay tôi, rồi chúc tôi sức khỏe, động viên tôi cố gắng học tập, rèn luyện cho tốt để sau này về làm hậu thuẫn cho đồng bào Tây Nguyên, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước” - ông Y Bhin Mlô xúc động nhớ lại.

Chính những lần gặp Bác Hồ - được nghe Bác nói - được Bác ân cần nhắc nhở - được thấy những cử chỉ dù nhỏ nhất của Bác - chính là kim chỉ nam trong cả cuộc đời hoạt động của họ - những người con Tây Nguyên, dù ở bất cứ đâu, bất cứ cương vị nào. Họ đã, đang và mãi mãi là những tấm gương “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” cho các thế hệ noi theo và làm theo!

Bá Thắng - *Baogialai.com.vn*

5. Bác Hồ với miền Nam

Cứ mỗi dịp kỷ niệm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước, trong lòng mỗi người dân Việt Nam lại trào lên những niềm vui lớn. Sinh thời, Bác Hồ thường nói: “Quê mình ở Nam Đàn, Nghệ An, nhưng mẹ mình mất ở xứ Huế, cha mình mất ở Cao Lãnh. Quê mình trải dài đất nước. ở những nơi như Phan Thiết, Sài Gòn, v.v... trước lúc ra nước ngoài, mình đã từng sống và từng đến nơi. Nhưng nay về nước đã bao năm rồi, mà mình vẫn chưa về đến chốn”... “ở miền Nam, mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng. Gộp nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi”.

Tấm lòng thương nhớ miền Nam của Người thể hiện từ việc chăm sóc các cháu thiếu nhi miền Nam tập kết, đến việc vun trồng cây vú sữa của đồng bào kính tặng Người. Cuối năm 1954, một số cán bộ từ miền Nam ra miền Bắc tập kết, đồng bào miền Nam nhờ gởi tới Bác Hồ cây vú sữa, coi đó là tấm lòng của đồng bào. Sáng mùng 2 Tết năm 1955, trong buổi gặp và chúc Tết Bác Hồ tại Phủ Chủ tịch, đồng chí Lê Đức Thọ, Nguyễn Văn Kinh thay mặt đồng bào miền Nam dâng tặng Bác. Bác đã trồng cây đó ngay cạnh ngôi nhà nhỏ ở góc vườn trong khu Phủ Chủ tịch. Khi dựng cho Bác ngôi nhà sàn (1958), Người sang ở ngôi nhà này, tuy chỉ cách ngôi nhà cũ khoảng trăm thước, nhưng Người vẫn yêu cầu chuyển cả cây vú sữa sang trồng cạnh ngôi nhà sàn. Hằng ngày ngồi làm việc, Bác vẫn nhìn thấy cây vú sữa được Người chăm sóc vun trồng, cây vú sữa ngày càng vươn cao. Từ ngày đất nước được giải phóng, có biết bao đồng bào, đồng chí miền Nam ra thăm miền Bắc, được vào thăm nơi ở và làm việc của Bác, đứng lặng hồi lâu bên cây vú sữa mà nghĩ suy về tình thương bao la của Bác.

Miền Nam còn trong máu lửa không một phút nào Bác không nghĩ đến miền Nam! Người nhớ thương đồng bào miền Nam bao nhiêu, thì càng vui bấy nhiêu khi được gặp đại biểu của miền Nam.

Ngày 20/12/1962, Bác vui mừng được gặp Đoàn đại biểu Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam do giáo sư Nguyễn Văn Hiếu dẫn đầu ra thăm miền Bắc. Được gặp Bác, các đồng chí mừng vui khôn xiết. Đồng chí Nguyễn Văn Hiếu, thay mặt đồng bào, đồng chí miền Nam, kính dâng Bác những món quà quý. Sau khi nhận quà, Bác đặt bàn tay lên ngực trái và cảm động nói: “Bác chẳng có gì tặng lại cả, chỉ có cái này: Miền Nam yêu quý luôn luôn ở trong trái tim tôi”.

Một buổi chiều năm 1965, Bác gặp Đoàn Anh hùng dũng sĩ miền Nam, vừa thấy Bác, cả đoàn reo lên: “Bác, Bác, Bác ơi! Chúng cháu nhớ Bác quá! Đồng bào miền Nam nhớ Bác quá!” Nhìn Bác, cả đoàn đều khóc vì sung sướng, vì cảm động và vây quanh Bác như những người con đã xa lâu ngày về quây quần bên cha. Bác xúc động nói: “Bác mong các cháu lắm, bác nhớ đồng bào miền Nam lắm”. Bác căn dặn Tổng cục Chính trị Bộ Quốc phòng phải làm các món ăn đa phương thì các cháu miền Nam mới ăn được nhiều, sức khỏe mới tốt.

Ở cạnh nhà Bác có một khóm hoa phong lan. Ngày ngày sau khi ăn cơm chiều xong, Bác ra tưới cho hoa. Lần đó, hoa nở đẹp, Bác gọi đồng chí theo dõi sức khỏe cho Bác ra thăm hoa, Bác nói: “Chú ạ, hoa của Bác nếu ở Pa-ri thì thu được nhiều tiền lắm. Vì ở đó ai muốn vào xem hoa thì phải mua vé. Hoa phong lan của Bác đẹp thế này thì chắc khách thăm đông lắm”. Một lần vào năm 1968, Bác gặp ba nữ đồng chí ở tuyến lửa Quảng Bình, Vĩnh Linh và Quảng Trị. Ba đồng chí này vừa đi dự Đại hội liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ IX họp ở Xô-phi-a (Bun-ga-ri) về. Các đồng chí kể cho Bác nghe về tình cảm của các bạn thế giới đối với Việt Nam, Bác cảm động nói: “Miền Nam đã làm thơm danh Bác với bạn bè thế giới. Ba đồng chí được chụp ảnh kỷ niệm với Bác. Để đồng chí nào cũng được gần Bác, Bác cho mỗi đồng chí được đứng cạnh Bác một lần. Nhưng riêng đồng chí ở Quảng Trị, Bác bảo: “Cháu Bưởi ở miền Nam đứng nguyên chỗ này” (tức là cạnh Bác mà không phải đổi chỗ). Chụp ảnh xong, Bác ngắt tặng mỗi đồng chí một bông hoa phong lan và nói: “Các cháu trở về Quảng Bình, Vĩnh Linh cho Bác gửi lời hỏi thăm bà con trong đó”.

Đối với các cháu thiếu nhi miền Nam đã ra miền Bắc, Bác dành cả tình thương của mình cho các cháu, từ việc ăn, ở, đến việc học hành. Cảm động biết bao, lần Bác tiếp các dũng sĩ miền Nam. Đó là: Hồ Thị Thu phá 13 khẩu súng địch bằng cách nhân lúc địch sơ hở, Thu bỏ cát vào nòng súng; Võ Phổ, diệt 60 tên Mĩ ngụy; Ngô Nét, 12 tuổi diệt 5 tên Mĩ; Võ Hương, 15 tuổi diệt 35 tên Mĩ, bị mất một cánh tay, mù một mắt. Đoàn Văn Luyện diệt được nhiều Mĩ hơn cả. Khi gặp các cháu, Bác hỏi: “Thằng Mĩ to các cháu có sợ không?” Các cháu thưa: “Chúng cháu cũng như đồng bào ở trong đó không hề sợ lính Mĩ, cũng không sợ gian khổ, không sợ chết mà chỉ sợ một điều: “Chúng cháu chỉ sợ bị mù cả hai con mắt, sau này không được nhìn thấy Bác”. Vừa nghe trả lời xong, Bác đã khóc. Bác khóc vì Bác thương

các cháu, thương nhớ miền Nam mong hoài mà chưa một lần được gặp Bác. Tết năm 1969, Bác đã cho ô-tô về Hải Phòng đón các cháu về ăn Tết với Bác. Các cháu có ngờ đâu đây là cái Tết cuối cùng vui bên Bác.

Miền Nam chưa giải phóng, Bác coi là chưa làm tròn nhiệm vụ. Bởi vậy, khi được tin kỳ họp VI, Quốc hội khóa II (tháng 5/1963) quyết định tặng Bác Huân chương Sao Vàng - Huân chương cao quý nhất của nước ta, Bác nói: “Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hòa bình thống nhất, Bắc-Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ra sẽ sung sướng, vui mừng”.

Nhân dịp kỷ niệm 50 năm Cách mạng tháng Mười vĩ đại, Đảng, Chính phủ Liên Xô quyết định trao tặng Bác Huân chương Lênin - Huân chương cao quý nhất của Liên Xô, Bác cũng đề nghị: Đảng, Chính phủ Liên Xô hoãn việc trao Huân chương đó, chờ đến ngày đất nước ta hoàn toàn độc lập, Bác thay mặt đồng bào cả nước nhận Huân chương cao quý đó.

Sang năm 1967, Bác thấy sức khỏe của mình có phần giảm sút, Bác tích cực đi bộ, có khi tập leo núi cao, với ý định vào thăm đồng bào, đồng chí miền Nam, Người đã chính thức nêu ý kiến đó với Bộ Chính trị. Thấy Bác quyết tâm, các đồng chí phụ trách đành phải báo cáo đường đi rất khó khăn vất vả, e Bác đi không được. Bác nói: “Nếu không có đường nào khác thì tổ chức cho tôi đi bộ. Các chú đi được thì tôi đi được. Đi mỗi ngày một ít. Chưa chắc thua các chú đâu”.

Và Bác đã tự thu xếp việc này khá chu đáo. Một mặt Bác bảo đồng chí trực tiếp giúp việc Bác hằng ngày để râu để hóa trang, một mặt Bác gửi thư cho đồng chí Bí thư thứ nhất của Đảng đề thu xếp công việc Bác dặn: “Nhớ lại hồi Nô-en năm ngoái, chú có ý khuyên Bác đi thăm miền Nam sau ngày ta giành thắng lợi hoàn toàn, Bác rất tán thành. Nhưng nay chỉ đổi chữ “sau” thành chữ “trước” ngày thắng lợi hoàn toàn, tức là đi thăm khi anh em trông đang chuẩn bị mở màn thứ 3. Đi thăm đúng lúc đó mới có tác dụng khuyến khích thêm anh em...”.

Có những lần, Bác dặn đồng chí phục vụ: Hôm nay, Bác mời cơm đồng chí miền Nam, chú nhớ đơm cho Bác bát cơm thật đầy để đồng bào, đồng chí miền Nam an tâm.

Vào một ngày tháng 3/1969, Bác gặp đồng chí Huỳnh Thị Kiển, nữ du kích ở Quảng Nam, bị địch bắt tra tấn, chặt một chân. Hôm chị vào thăm Bác, chị tới phòng khách của Bác trước và ngồi chờ. Khi Bác bước vào, Kiển quên băng mình chỉ còn một chân, bỏ nạng chạy lại với Bác. Thấy Kiển chệnh choạng, Bác bước lên, Kiển sà vào lòng Bác và khóc. Khi địch chặt chân chị, chị không hề khóc, thế mà bây giờ gặp Bác, nước mắt chị cứ chảy tràn trên má. Kiển cùng được ăn cơm với Bác. Lúc Bác ăn hết bát cơm, đơm bát khác, Bác hỏi Kiển: “Bác đơm thế này được chưa ?” “Thưa Bác, Bác phải đơm thiệt đầy ạ”. Chiều Kiển, Bác đơm thêm cơm cho đầy.

Sức khỏe Bác ngày một giảm nhưng Bác không muốn đồng chí, đồng bào phải

lo lắng và Bác không bao giờ nói về bệnh tật của mình. Khi đã mệt nặng phải nằm trên giường bệnh, Bác cũng không muốn cho mọi người thấy rằng mình mệt. Các bác sĩ lo lắng, nhưng Bác lại nói những lời động viên bác sĩ. Cứ sau cơn mệt nặng, lúc tỉnh dậy, câu hỏi đầu tiên của Bác là: “Hôm nay, đồng bào miền Nam đã thắng đến đâu?” Và Người vẫn yêu cầu cho nghe tin tức đặc biệt là tin miền Nam và những tin tức quan trọng thế giới. Ngay cạnh giường bệnh, Bác vẫn để chiếc đài, chiếc đài này là chiến lợi phẩm mà chiến sĩ ta thu được ở trận Phước Thành 9/1961, các chiến sĩ ta đã gửi ra biếu Bác. Những ngày Bác nằm trên giường bệnh, Bác vẫn mở đài lắng nghe từng bước trên tiền tuyến.

Thế đấy, suốt mấy chục năm, không một phút nào Bác không nghĩ đến đồng bào miền Nam. Từ trong bữa ăn đến công việc hằng ngày, Bác đều nghĩ đến miền Nam. Lúc mệt nặng, Bác cũng mang theo mình hơi ấm miền Nam.

Tình cảm ấy được nhà thơ Tố Hữu viết:

Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà

Miền Nam mong Bác nỗi mong Cha

Kỷ niệm 25 năm giải phòng miền Nam, thống nhất đất nước, chúng ta càng nhớ Bác nhiều, và vẫn luôn thấy “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng”

TS. Trần Viết Hoàn - *Dangcongsan.vn*

6. Tấm lòng Đồng Nai với Bác Hồ

Chuyến tàu lửa Nam Bắc đưa đoàn đại biểu Đồng Nai gồm 43 người, nguyên là đảng viên mật, cơ sở mật, cán bộ công vận trong hai thời kỳ kháng chiến và cán bộ chuyên trách công đoàn các huyện và thành phố Biên Hòa, đoàn viên công đoàn xuất sắc nhiều năm liền, đến ga Hà Nội lúc 5 giờ sáng 13/5/2001.

Ngỡ tưởng trải qua cuộc hành trình dài một ngày hai đêm sẽ làm cho mọi người mỏi mệt, nhưng khi được đặt chân lên đất Thủ đô- trái tim của Tổ quốc thân yêu - thì nụ cười rạng rỡ đều nở trên môi mọi người. Dì Phạm Thị Thanh (nguyên là liên lạc, cơ sở mật) tâm tình với chúng tôi:

- Được một lần ra thăm Thủ đô viếng Bác Hồ là diễm phúc, yên tâm nhắm mắt.

Đó không chỉ là điều mơ ước riêng của dì Thanh, mà là của tất cả 43 người con đất Đồng Nai trong chuyến đi này, từ người lớn tuổi nhất đến người nhỏ tuổi nhất. Nỗi khát khao ấy đã cháy bỏng trong tim suốt bao năm dài gian khổ đấu tranh, những ngày tháng nỗ lực xây dựng đất nước đến hôm nay trở thành hiện thực, khiến chúng tôi vô cùng xúc động. Hà Nội! Niềm tin và hi vọng. Hà Nội! Trái tim của Tổ quốc thân yêu. Nhưng sẽ không có được Thủ đô Hà Nội hôm nay nếu không có sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và sự dìu dắt của vị Cha già kính yêu - Chủ tịch Hồ Chí Minh, để hôm nay, những đứa con của quê hương miền Đông gian

lao mà anh dũng được đặt chân lên đất Hà Nội.

Sáng 15/5, chẳng ai nhắc nhưng mọi thành viên đều có mặt tại Hội trường rất sớm trong bộ y phục đẹp nhất với khuôn mặt trịnh trọng nhất... bởi sự thỏa nguyện mà cũng có mục đích chính của chuyến đi: vào lăng viếng Bác. Cuốn phim dài 30 phút được chiếu ở phòng tiếp tân chứa đựng hình ảnh hoạt động và những giờ phút cuối cùng của Bác đã thu hút hết tâm trí của đoàn: chị Lan, chị Minh, dì Châu, dì Bé, dì Nhung... không giấu giọt lệ kính yêu xót thương. Chú Thông, chú Khương, chú Trung... lặng im trong nỗi tiếc thương vô hạn. Theo sự hướng dẫn của Ban Lễ tân, chúng tôi sắp hàng theo thứ tự vào lăng viếng Bác. Trong Lăng mát lạnh, tuyệt đối im lặng, không ai dám bật tiếng khóc để giữ yên giấc ngủ của Người. Bác nằm đó khuôn mặt hiền hòa, thông minh, phúc hậu; Bác nằm đó trong bộ quần áo kaki như ngày đọc *Tuyên ngôn độc lập* năm nào. Bác nằm đó thật gần gũi, thân thương. Bác Hồ kính yêu của chúng con! Tấm lòng Bác bao la quá, cả cuộc đời Bác dâng hiến cho non sông, cho sự nghiệp giành độc lập, tự do cho dân tộc, cho chúng con có được ngày nay, sống trong hạnh phúc, an vui. Biết nói làm sao trước công ơn to lớn và sự hi sinh cao cả của Người.

Ông Nguyễn Hòa Bình, 83 tuổi, nói với chúng tôi: tuy chưa được gặp Bác nhưng ông hoàn toàn tin tưởng theo Bác, nhớ ơn Bác. Bác đã cứu dân thoát ách đô hộ, đề giang sơn độc lập cho con cháu và hôm nay được nhìn tận mặt Bác Hồ, là niềm hạnh phúc vô biên của ông.

Bác Võ Văn Thông, 78 tuổi, cơ sở tự vệ vũ trang, không giấu sự sung sướng trên nét mặt sau khi viếng Lăng Bác. Còn đôi vợ chồng chú Lương Văn Khương và dì Lê Thị Nhung đều có chung suy nghĩ: Sống, học tập, lao động theo gương Bác Hồ chưa đủ mà còn giáo dục, hướng dẫn con cháu cùng noi theo. Dì Trần Thị Bê trao đổi trong nỗi xúc động:

- Trong cuộc chiến đấu, Bác sống đơn sơ, đạm bạc và trải qua không biết bao gian khổ, tù đầy vì đất nước. Khi quê hương thanh bình, non sông thống nhất thì Bác đã ra đi, để lại sự no ấm hạnh phúc cho con cháu. Bác Hồ thật cao cả và dì vô cùng biết ơn Người.

Bầu trời trên Quảng trường Ba Đình hôm nay luôn đầy nắng và đầy gió. Những đoàn người từ khắp nơi liên tục đến viếng Bác và khi ra về, mỗi người đều cảm thấy yên tâm, bởi Bác luôn gần gũi bên mình trong mọi thử thách, mọi khó khăn, gian khổ của cuộc sống. Miền Nam trong trái tim Bác và hình ảnh công ơn của Bác cũng luôn sống trong trái tim những con người miền Nam nói chung và Đồng Nai nói riêng.

Lưu luyến giã từ Thủ đô Hà Nội thân yêu, chúng tôi đến Nghệ An, quê hương Bác. Chúng tôi phải trải qua một đêm nằm ngòai lác lư theo nhịp tàu hỏa. Buổi sáng ở Nghệ An, bầu trời âm u ẩm ướt vì ảnh hưởng áp thấp nhiệt đới. Tuy vậy đã có rất nhiều đoàn người ở khắp nơi trong cả nước, tìm về ngôi làng nhỏ Hoàng Trù và làng Sen (xã Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An), với cùng mục đích hành

hương về cội nguồn, nơi đưa sinh ra người con vĩ đại của dân tộc - Danh nhân văn hóa thế giới, Anh hùng giải phóng dân tộc, đó là Bác Hồ Chí Minh.

Vòng qua con ngõ nhỏ bao quanh hàng cây xanh ngắt, căn nhà lá ba gian của cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc và cụ bà Hoàng Thị Loan mà cũng là nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh ra đời, hiện ra trước mắt chúng tôi. Thật bàng hoàng xúc động và bất ngờ, bởi một vị lãnh tụ nổi tiếng gắn liền cuộc đời với dân tộc, một con người được thế giới ngưỡng mộ như một vĩ nhân nhưng gia cảnh lại hết sức bình dị đến mức không thể bình dị hơn được nữa. Nhìn ngắm những vật dụng từng quen thuộc với Bác trong quãng đời thơ ấu, gắn liền với cuộc sống sinh hoạt hàng ngày của gia đình cụ Phó bảng như: chiếc chõng tre, bộ bàn ghế, khung cửi dệt vải, chén đĩa, khạp gạo... các má, các dì thút thít khóc: sao mà giản dị đến thế và lòng càng thêm yêu kính Người.

Ở làng Sen, quê nội Bác Hồ, cũng căn nhà lợp lá nép dưới hàng cau thưa xanh ngắt, nếu không có tấm bảng Vua ban để trên bàn thờ nơi gian giữa, chúng tôi không thể tin được đó là cơ ngơi của một cụ Phó bảng mà cơ ngơi đó có được do sự ngưỡng mộ của dân làng tự nguyện đóng góp xây dựng nên. Chính trong cảnh sống thanh bạch ấy, tinh thần yêu nước thương dân đã được gìn giữ lưu truyền, phát triển từ thế hệ này sang thế hệ khác. Cũng từ sự thanh bạch ấy đã nảy sinh, nuôi dưỡng một nhân cách, một tư tưởng lớn, rồi dẫn đến kết quả đất nước Việt Nam hoàn toàn độc lập tự do. Thật đáng kính trọng, đáng tự hào, đáng khâm phục. Bác ơi, cả nước luôn hướng tới Người, nhớ thương Người, tri ân Người và nguyện học tập noi gương Người.

Riêng chúng tôi - những cán bộ công vận Đồng Nai, kỷ niệm ngày sinh của Bác 19/5 năm nay sẽ không bao giờ phai mờ trong tâm trí.

A. T - *Dongnai.gov.vn*

7. Bác Hồ với Đảng bộ và nhân dân Ninh Bình

Đảng bộ và quân dân Ninh Bình rất vinh dự và tự hào 5 lần được đón Bác Hồ về thăm. Điều đó nói lên tình cảm lớn lao của Bác và lòng Biết ơn sâu nặng của cán bộ, quân, dân Ninh Bình đối với Bác kính yêu. Thời gian qua đi, song hình ảnh Bác kính yêu cùng những lời chỉ bảo ân cần và tình cảm của Người mãi mãi in đậm trong ký ức của cán bộ và nhân dân Ninh Bình.

Trong khoảng 15 năm, tính từ tháng 1/1946 đến tháng 7/1960, Bác Hồ về thăm Đảng bộ và nhân dân Ninh Bình, thể hiện tình cảm lớn lao của Bác với Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, đồng thời cũng gắn với những nhiệm vụ to lớn của Đảng, của cách mạng. Đoàn kết lương giáo, tăng gia sản xuất, diệt giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm; xây dựng củng cố chính quyền cách mạng, đoàn kết và dân chủ; xây dựng củng cố hậu phương, mở rộng Mặt trận dân tộc thống nhất. Đây là những vấn đề rất quan trọng của cách mạng Việt Nam nói chung và của Ninh

Bình nói riêng, luôn luôn được Bác quan tâm...

Cán bộ, đảng viên và nhân dân Ninh Bình mãi mãi ghi nhớ và thực hiện lời Bác dạy: “Đoàn kết và Dân chủ - Một lòng một dạ phục vụ nhân”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại, vừa là lãnh tụ thiên tài của dân tộc, vừa là Bác Hồ kính yêu của mỗi người dân Việt Nam. Cả cuộc đời của Bác vì dân, vì nước. Tư tưởng của Người trở thành ngọn cờ hiệu triệu, ngọn đuốc soi đường và là niềm tin, sức mạnh cho mỗi người chúng ta. Tiếng nói của Người trở thành tiếng nói của non sông, đất nước, hợp với ý nguyện của mỗi người dân từ trẻ đến già.

Đối với Ninh Bình, Bác Hồ dành sự quan tâm trong suốt các thời kỳ cách mạng. Từ Cách mạng tháng Tám thành công đến lúc Bác đi xa, 5 lần Ninh Bình được vinh dự đón Bác về thăm. 5 lần là không nhiều so với mong muốn của chúng ta, nhưng không ít so với nhiều tỉnh anh em. Và, khi Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X khai mạc (tháng 5/1969) (lúc ấy sức khỏe Bác đã giảm sút nhiều) Bác không về dự, nhưng gửi tặng Đại hội bức chân dung của Người với dòng chữ “Khuyến cán bộ một lòng, một dạ phục vụ nhân dân. Chúc đồng bào các dân tộc đoàn kết chặt chẽ, sản xuất tốt, chiến đấu giỏi, quyết tâm đánh thắng giặc Mĩ xâm lược”. Chính tay Bác ghi dòng chữ “ngày 26/5/1969” và ký dưới tấm ảnh. Đồng thời Người còn dặn đồng chí Hà Thị Quế, Ủy viên Trung ương Đảng, thay mặt Trung ương về dự Đại hội, nhắc Đại hội phải thật sự “đoàn kết và dân chủ”.

“Đoàn kết và dân chủ”, “Một lòng một dạ phục vụ nhân dân”, đó là tư tưởng lớn của Người, là tấm gương sáng ở Người, là lời căn dặn ân cần, lòng mong muốn của Người, đối với các thế hệ cán bộ, đảng viên trong mọi thời kỳ cách mạng đã qua, hôm nay và mãi mãi sau này!

Tư tưởng lớn đó, lời căn dặn và lòng mong muốn ấy của Bác xuyên suốt; hàm chứa trong lời căn dặn của Người ở tất cả các lần Người về thăm Ninh Bình và hội tụ lại trong lời dặn của Bác gửi Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ X, cũng là lời dặn dò cuối cùng trước lúc Bác đi xa...

Ngày từ lần đầu tiên về thăm Ninh Bình, thăm đồng bào Phát Diệm, Kim Sơn (ngày 13/1/1946) sau khi cách mạng mới thành công, việc nước còn nhiều bề bộn, thù trong giặc ngoài chống phá quyết liệt, Bác Hồ kêu gọi lương, giáo đoàn kết, vì “nước không độc lập thì tôn giáo không được tự do”, lương, giáo đoàn kết để làm cho nước nhà được độc lập. Và, khi đề cập đến dân chủ, đến bốn phận của cán bộ đối với dân, Người chỉ rõ: “Chính phủ cũng như các cấp chính quyền bây giờ là tôi của dân, chữ không phải là quan hời Pháp thuộc để bắt nạt dân”. Người chỉ rõ công việc trước mắt là đồng bào phải “tham gia chống giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm, phải đoàn kết, hăng hái tham gia kháng chiến, kiến quốc”. Chính vì sự đoàn kết lương giáo, đoàn kết dân tộc để chiến thắng kẻ thù, giành và giữ độc lập cho Tổ quốc mà Người chẳng những trực tiếp đến thăm trong một thời gian ngắn, 5 lần Người gửi thư cho Giám mục Lê Hữu Từ, với lòng mong muốn xây dựng và phát triển sự đoàn kết lương giáo.

Khi về dự hội nghị điền chủ tại Nho Quan (ngày 10/2/1947) để bàn việc giúp đỡ đồng bào tản cư Bác Hồ lại kêu gọi “đoàn kết” để “trường kỳ kháng chiến”, “toàn diện kháng chiến” đi đến thắng lợi. Và cũng một lần nữa Người nói: “Chính phủ Việt Nam là Chính phủ của dân. Những người giúp việc cho Chính phủ là công bộc của dân, không phải là những ông quan. Đồng bào được tự do phê bình, nhắc nhở, khuyến bảo”.

Trong lần về thăm và kiểm tra công tác chống hạn ở Ninh Bình (ngày 15/3/1959) và dự hội nghị sản xuất đông xuân (ngày 18/10/1959), Bác nhắc phải đoàn kết để đẩy mạnh sản xuất, xây dựng hợp tác xã. Người nhấn mạnh “phải đoàn kết toàn dân, đoàn kết trong Đảng và ngoài Đảng, đoàn kết lương, giáo... đoàn kết chặt chẽ để thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà”. Và, Bác lại nhắc nhở: “Cán bộ, đảng viên phải xung phong, gương mẫu trong mọi việc”. Bác chỉ rõ, nguyên nhân của khuyết điểm trong vụ sản xuất đông xuân không đạt kế hoạch: “là vì cán bộ chủ quan, chưa điều tra nghiên cứu kỹ, chưa bàn bạc kỹ với quần chúng, chưa đi đúng đường lối quần chúng. Mức đặt ra chưa phải từ dưới lên mà ở trên dội xuống. Khuyết điểm đó chính là do cán bộ còn quan liêu, mệnh lệnh, chưa phát huy được dân chủ”. Cả cuộc đời Bác là tấm gương sáng, vô cùng cao đẹp về “đoàn kết và dân chủ”, về sự hi sinh phấn đấu “một lòng một dạ phục vụ nhân dân”, vì hạnh phúc của nhân dân.

Tình cảm của Người, tư tưởng của Người khắc ghi trong tiềm thức, trong tâm khảm, trong trí nhớ và trong trái tim của bao thế hệ cán bộ, nhân dân Ninh Bình, trở thành động lực lớn lao trên con đường xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

Ninhbinh.gov.vn

8. Bác Hồ với Tân Trào

Chủ tịch Hồ Chí Minh - Người đã giành trọn cuộc đời mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, tất cả vì độc lập của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân. Cuộc đời cách mạng của người, ý chí nghị lực và tinh thần của người là tấm gương cao cả về lòng yêu nước, thương dân thấm thiết.

Sau những năm tháng bôn ba hải ngoại tìm đường cứu nước, vượt qua muôn vàn gian khó, chông gai của con đường cách mạng. Ngày 4/5/1945, lãnh tụ Hồ Chí Minh bắt đầu cuộc hành trình từ Pắc Bó, Cao Bằng về Tân Trào - Sơn Dương, Tuyên Quang. Suốt thời gian chuẩn bị cho cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám, Bác Hồ đã sống và làm việc tại làng Tân Lập, xã Tân Trào quê hương tôi. Tại nơi đây, với những nhận định đúng đắn, những quyết tâm kịp thời và táo bạo, Bác Hồ đã đưa đường, chỉ lối cho cách mạng Việt Nam giành được độc lập tự do, một bước ngoặt có ý nghĩa lịch sử vĩ đại của dân tộc Việt Nam. Và đặc biệt ngày 16 - 17/8/1945, tại đình Tân Trào, xã Tân Trào đã diễn ra Quốc dân Đại hội thông qua

Nghị quyết Tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong cả nước.

Ngày 16 - 17/8/1945, Quốc dân Đại hội được tổ chức tại đình Tân Trào, xã Tân Trào. Đến dự Đại hội có hơn 60 đại biểu đại diện cho ba miền Bắc - Trung - Nam, các ngành, các giới, các đảng phái và một số kiều bào ở nước ngoài. Với không khí sôi nổi khẩn trương, Quốc dân Đại hội đã nhất trí tán thành chủ trương Tổng khởi nghĩa của Đảng, thông qua mười chính sách lớn, trong đó điều quan trọng nhất là: “Giành chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập” và lập ra Ủy ban Dân tộc Giải phóng Việt Nam do đồng chí Hồ Chí Minh làm Chủ tịch. Đại hội cũng quy định Quốc ca, Quốc kỳ, lấy sao vàng năm cánh trên nền cờ đỏ làm lá cờ chung của cả nước.

Trong khi Đại hội đang họp, một Đoàn đại biểu thay mặt nhân dân Tân Trào đến chào mừng Đại hội, có một cụ già và một em nhỏ áo quần không được lành lặn, một chị phụ nữ mặc áo chàm gọn gàng. Ông cụ và chị phụ nữ xách cái giỏ có mấy con gà, con lợn và mấy nải chuối. Chị phụ nữ nói: “Nhân dân xã Tân Trào không có gì, xã nghèo chỉ có mấy con gà, nải chuối và một con lợn giống mừng Ủy ban Dân tộc mới được bầu, xin chúc Ủy ban lãnh đạo nhân dân giải phóng cả nước”. Bác Hồ cử đồng chí Trần Huy Liệu, Phó Chủ tịch Ủy ban Dân tộc Giải phóng cảm ơn Đoàn đại biểu. Sau đó, Bác ngồi tựa lưng vào cột đình và nói: “Chúng ta trong Ủy ban Dân tộc Giải phóng và các đồng chí cách mạng hãy nhớ lấy lời thề, hãy xem em bé này - các cháu cùng lứa tuổi cháu này ở các nước khác thì đã đi học và được đùa chơi, tuổi chơi, tuổi học của các cháu lại được ăn no, mặc lành. Nhưng các đồng chí có biết cháu bé này 9 tuổi ở trong làng cháu phải làm gì không? Cháu phải chăn trâu, chặt củi, cõng nước mà áo không có mặc để hở bụng xanh xao. Chúng ta làm cách mạng để làm gì ? Là để giải phóng dân tộc làm cho nhân dân ấm no hạnh phúc, để cho các cháu bé con em của chúng ta như cháu bé này đều được ăn no mặc ấm và đi học. Nhiệm vụ của Ủy ban Dân tộc Giải phóng là thế thôi”. Lúc đó, Bác nói với giọng rất xúc động, ngắt ra từng tiếng làm cho các vị đại biểu vô cùng xúc động, nhiều người rơm rớm nước mắt.

Sáng ngày 17/8/1945, Ủy ban Dân tộc Giải phóng ra mắt Quốc dân đại hội và làm Lễ tuyên thệ. Hôm đó trời mưa, đường lầy lội, Bác Hồ phải đi chân đất từ lán Nà Lừa đến đình Tân Trào. Gần tới đình, Bác xuống suối rửa chân rồi lên đứng giữa các vị đại biểu trong Ủy ban dân tộc giải phóng. Bác đọc lời tuyên thệ: “Chúng tôi là những người được Quốc dân Đại hội bầu vào Ủy ban Dân tộc Giải phóng, để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng ta nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù giành độc lập cho Tổ quốc. Dù hi sinh đến giọt máu cuối cùng quyết không lùi bước. Xin thề! Xin thề!”.

Giọng Bác trang nghiêm, lời thề ngắn gọn, hùng hồn thể hiện khí phách kiên cường bất khuất của dân tộc ta. Quốc dân Đại hội Tân Trào đã trở thành mốc son chói lọi mãi mãi được ghi vào lịch sử vẻ vang của dân tộc.

Quốc dân Đại hội Tân Trào đã khẳng định sự lãnh đạo thiên tài của Bác, Người đã nhận định đúng tình hình, đúng thời cơ của cách mạng đã đến ngày phát lệnh Tổng khởi nghĩa. Trước những ngày diễn ra Quốc dân Đại hội, Bác Hồ sống và làm việc tại lán Nà Lừa, do điều kiện làm việc vất vả, ăn uống lại kham khổ, Bác đã bị ốm nặng, sốt rất cao, lúc tỉnh, lúc mê, nhưng khi dứt cơn sốt Người đã dặn đồng chí Võ Nguyên Giáp: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã đến, dù phải hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng cương quyết giành cho được độc lập”. Bác hiểu rằng Đảng và cách mạng còn chậm một ngày là nhân dân còn phải sống trong đọa đầy đau khổ của kiếp người nô lệ. Hình ảnh em nhỏ xanh xao, đói rách, thất học đến chúc mừng Đại hội Quốc dân ở Tân Trào hôm ấy đã khiến Bác Hồ rơi lệ, từ trong sâu thẳm trái tim Bác như thúc giục Đảng và cách mạng phải nhanh chóng đánh đuổi giặc xâm lược giành lại tự do cho đất nước, cho nhân dân.

Lòng yêu nước, tình yêu thương bao la của Bác đã kết thành hoài bão lớn nhất của cuộc đời Người đó là: “Tôi chỉ có một ham muốn, một ham muốn tột bậc là làm sao cho nước ta hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”. Chính vì vậy mà suốt những năm tháng bôn ba tìm đường cứu nước, dù ở đâu, bất cứ cương vị, hoàn cảnh nào Người đều luôn hướng về Tổ quốc về nhân dân với tấm lòng thương yêu sâu sắc.

“Ăn một miếng ngon cũng đắng lòng vì Tổ quốc

Chẳng yên lòng khi ngắm một nhành hoa”.

Câu chuyện cảm động trong Quốc dân Đại hội ở Tân Trào và những tấm gương đạo đức của Bác là một minh chứng cho tấm lòng yêu nước, thương dân sâu sắc của Bác Hồ kính yêu. Những người dân xã Tân Trào ngày ấy và đồng bào cả nước hôm nay, mãi ghi nhớ giờ phút trọng đại của dân tộc. “Đại hội Quốc dân Tân Trào là hội nghị Diên Hồng thứ hai trong lịch sử nước ta”. Thể hiện lòng tin sâu sắc của đồng bào với Đảng, với Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự đoàn kết của toàn dân trong giờ phút quyết định vận mệnh của đất nước. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn hai mươi triệu đồng bào cả nước nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi cứu nước phát ra từ Tân Trào, đã nhất tề đứng lên Tổng khởi nghĩa giành chính quyền. Mở ra một kỷ nguyên mới của đất nước: Kỷ nguyên độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Cùng với sự phát triển đi lên không ngừng của đất nước, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Sơn Dương nói chung và xã Tân Trào quê hương tôi nói riêng, đang cùng nhau nỗ lực trong công cuộc xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Tân Trào quê tôi hôm nay, đã hoàn toàn thay da, đổi thịt, được sự quan tâm của Đảng, Nhà nước và đặc biệt là Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang, Đảng bộ huyện Sơn Dương. Tân Trào đã phát triển trở thành điểm Văn hóa - Du lịch Quốc gia. Những người dân quê tôi, trong đó có ông bà, cô bác, cậu dì tôi, họ chính là những đứa trẻ thất học năm xưa, sinh ra trong đói khổ, lầm than. Nhờ có Bác, có Đảng và cách mạng tất cả đã có đời sống ấm no, hạnh phúc. Gia đình tôi và bà con trong xã nhiều

người đã học hành đỗ đạt trở thành những cán bộ, đảng viên đang công tác, học tập trên nhiều lĩnh vực phục vụ sự nghiệp xây dựng quê hương, đất nước. Những người ở lại quê hương một lòng theo Đảng, thi đua tăng gia sản xuất làm ra nhiều sản phẩm xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc; tích cực giữ gìn và bảo tồn khu di tích lịch sử cách mạng Tân Trào với lòng kính yêu và tự hào nơi đây là địa danh Bác Hồ và Trung ương Đảng đã ở, làm việc, lãnh đạo cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 và kháng chiến chống thực dân Pháp thành công.

Tân Trào hôm nay, nơi hội tụ cội nguồn cách mạng, hình ảnh cây đa, mái đình Hồng Thái, đình Tân Trào, lán Nà Lừa mãi mãi khắc ghi tình cảm của nhân dân cả nước và bạn bè bốn phương, về nơi cội nguồn cách mạng, xứng danh là Thủ đô khu giải phóng, Thủ đô kháng chiến.

“Mười lăm năm ấy ai quên,
Quê hương cách mạng dựng nên cộng hòa”.

Ma Lê Minh - *Bqlang.gov.vn*

9. Tấm lòng người Dao với Bác Hồ

Có lẽ tất cả người Dao xã Công Sơn chưa bao giờ được gặp Bác nhưng những tấm gương ngời sáng của vị Cha già dân tộc luôn hiện hữu trong họ và truyền từ đời này qua đời khác thấm vào họ và trở nên thân thiết.

Ký ức về Bác Hồ

Chuyến xe công tác cuối năm đưa chúng tôi vượt qua hàng trăm cây số về các bản làng (xã Công Sơn, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn), nơi có hơn 200 nóc nhà của đồng bào dân tộc Dao.

Dững, anh bạn đồng nghiệp tại báo địa phương kể, cuộc sống của người Dao trước đây khó khăn nhiều lắm, nhưng giờ đời sống kinh tế của họ cũng đỡ thiếu thốn nhiều rồi. Bằng chứng tỉ lệ hộ nghèo của đồng bào Dao nơi đây xưa kia là rất cao nhưng nay đã giảm xuống chỉ còn chưa đầy 46%.

Điều đặc biệt khiến chúng tôi tò mò quan tâm hơn cả, đó là tất cả các gia đình người Dao ở các thôn, bản trong xã Công Sơn đều thờ chung ảnh Bác Hồ với bậc sinh thành ra mình trên bàn thờ tổ tiên, họ tâm niệm: “Không có Bác thì chúng ta không có cuộc sống như ngày hôm nay”, một thông điệp hết sức ngắn gọn, dễ hiểu, chẳng ai nhớ có tự bao giờ nhưng những thế hệ người Dao lớn lên ở đất Công Sơn luôn nhắc nhớ trong lòng.

Có lẽ cũng vì thế mà việc cùng thờ ảnh Bác Hồ trang trọng trên bàn thờ tổ tiên từ lâu đã trở thành truyền thống văn hóa của người Dao nơi đây. Đồng thời nét văn hóa ấy được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác như một nét sinh hoạt văn hóa đời thường của người Việt mỗi khi ngày tết đến, xuân về hay các ngày lễ tết khác trong năm.

Chúng tôi đặt chân đến nhà Trưởng bản Triệu Sáng Vàng, đúng lúc ông đang say sưa ngắm lại hình ảnh Bác Hồ chụp từ những năm 50 của thế kỷ trước tại chiến khu Việt Bắc. Trưởng bản kể, trước đây bố tôi tham gia cách mạng, ông được sống gần Bác Hồ ở Cao Bằng, Bắc Kạn...

Khi bố tôi mất, ông dặn chúng tôi phải giữ gìn tấm ảnh này, anh em trong gia đình phải đoàn kết, phải làm cán bộ để giúp dân nghèo có được cuộc sống tốt, trẻ em phải được đến trường học cái chữ... Đó cũng là một trong những thứ quý giá nhất mà cụ thân sinh ra Trưởng bản di chúc để lại cho con cháu về sau.

Cách đây gần 50 năm, khi đó xã Công Sơn còn heo hút lắm, nhà này cách nhà kia phải vài “hòn đá” (tức là vài cây số theo cách tính của người Dao - PV), nhưng trong những ngôi nhà trình tường đó, bao giờ vị trí quan trọng nhất cũng là nơi thờ cúng tổ tiên, đồng thời treo ảnh Bác Hồ.

Người Dao luôn hướng về Bác với một tình cảm tự nhiên, không gượng ép. Trưởng bản Vàng nói: “Nhờ có Bác mà bản chân của người Dao “đi” không còn lo mỏi nữa, cái bụng đã được ấm rồi...!”

Trưởng bản Triệu Sáng Vàng dẫn chúng tôi đi khắp các thôn bản trong xã Công Sơn. Ông Triệu Sáng Hang, hơn 60 tuổi sống ở thôn Cốc Tranh tâm sự, “Trong xã chúng tôi, nhà nào cũng treo ảnh Bác Hồ thế cả mà”.

Nét sinh hoạt Văn hóa của người Dao

Nằm trên độ cao gần 1000 mét so với mặt nước biển, xã Công Sơn được coi là nơi “nhất gió nhì mây”, khi mưa thì tầm tã, khi rét thì rét như cắt da, cắt thịt nhưng người Dao vẫn kiên trì bám đất lập nghiệp, không còn sống du canh du cư như trước đây.

Hàng ngày, đàn ông vẫn lên rừng khai hoang, trồng trọt, phụ nữ vẫn lên nương tía ngô, hái rau... những ngôi nhà cũ đã hỏng, ngôi nhà mới được xây lên, họ vẫn trang trọng thờ ảnh của Bác.

“Nhà nào cũng ngô, khoai đầy bồ thế cả mà, chỉ có tiền là chưa đủ thôi...” - Trưởng bản Triệu Sáng Vàng chỉ tay vào những bao thóc, bao ngô nhà vợ chồng chị Triệu Mùi Xuân, Thôn Nhọt Nặm và nói như vậy.

Người Dao ngày càng sống đoàn kết hơn, yêu thương hơn với các dân tộc anh em, cần cù, giúp nhau trồng cây lúa, cây ngô, nuôi con trâu, con lợn cùng nhau chung tay đẩy lùi cái đói, cái nghèo ra khỏi thôn, bản.

Họ không còn phải sống trong cảnh đói giáp hạt, không phải sống cảnh quanh năm chỉ biết ăn cháo ngô như trước. Những ruộng ngô xanh mướt, những vườn đào, vườn mận trĩu quả ngày càng nhiều ở các thung sâu. Người Dao đã có hàng hóa bán nhiều ở các phiên chợ huyện. Trong xã, ngày càng xuất hiện nhiều gương điển hình tiên tiến phát triển kinh tế như hộ gia đình ông Triệu Sáng Hang, Triệu Sáng Vàng, Dương Trần Vàng, Hoàng Phúc Li...

Trong cuộc vận động “đua nhau làm kinh tế giỏi” và “Học tập làm theo tấm gương Bác”, xã Công Sơn đã có thêm 15 Đảng viên ưu tú, số thanh niên tình nguyện tham gia tòng quân luôn vượt chỉ tiêu, số học sinh, sinh viên trúng tuyển các trường đại học, cao đẳng năm rồi tăng thêm 8 người.

Chia tay chúng tôi khi mùa xuân Canh Dần đang đến gần, các gia đình người Dao trên vùng cao của xã Công Sơn cũng đang tất bật trang trí lại nhà cửa, sửa soạn lại bàn thờ tổ tiên cùng với ảnh Bác để đón một mùa xuân ấp áp.

Gia đình Triệu A Múi, thôn Cốc Tranh, vừa “cất” được căn nhà cấp bốn mới toanh để đón năm mới khi xuống chợ mua đồ sắm tết việc đầu tiên là anh mua ảnh Bác Hồ để đặt lên bàn thờ tổ tiên chuẩn bị đón một năm mới vạn sự hanh thông, tương lai tốt lành!.

Nguyễn Tuấn Hợp - *Dantri.com.vn*

10. Bác Hồ với đồng bào dân tộc thiểu số

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng, nhất là từ khi về nước trực tiếp chỉ đạo phong trào cách mạng, năm 1941, Bác Hồ có nhiều năm tháng công tác, sống và sinh hoạt cùng đồng chí và đồng bào các dân tộc thiểu số.

Trong quan điểm Hồ Chí Minh, đồng bào Kinh và đồng bào các dân tộc thiểu số “đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt. Chúng ta sống chết có nhau, sướng khổ cùng nhau, no đói giúp nhau; Giang sơn và Chính phủ là giang sơn và Chính phủ chung của chúng ta. Vậy nên tất cả dân tộc chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ để giữ gìn nước non ta, để ủng hộ chính phủ ta. Chúng ta phải thương yêu nhau, phải kính trọng nhau, phải giúp đỡ nhau để mưu hạnh phúc chung của chúng ta và con cháu chúng ta. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, nhưng lòng đoàn kết của chúng ta không bao giờ giảm bớt. Chúng ta quyết góp chung lực lượng lại để giữ vững quyền tự do, độc lập của chúng ta” (*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, t4, tr217-218).

Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân và là tấm gương tiêu biểu nhất của khối đoàn kết toàn dân tộc, đoàn kết và giúp đỡ đồng bào các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Quan điểm xuyên suốt trong tư tưởng của Người đối với các dân tộc thiểu số được thể hiện nhất quán trong những chính sách của Đảng và Nhà nước ta mà nhiều lần Người nhấn mạnh là “Trong chính sách đó có hai điều quan trọng nhất là: Đoàn kết các dân tộc và nâng cao đời sống của đồng bào” (*Hồ Chí Minh: Toàn tập*, t10, tr608). Suốt mấy mươi năm trên cương vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã cùng trung ương Đảng và Chính phủ xây dựng và chỉ đạo thực hiện các chính sách đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, cho nên đã phát huy lòng yêu nước, động viên sức người, sức của cho kháng chiến và kiến quốc, phát triển kinh tế, văn hóa, từng bước nâng cao đời sống đồng bào. Có thể nói, đối với đồng bào các dân tộc thiểu số, Bác Hồ luôn dành tình cảm và sự quan

tâm đặc biệt. Người coi trọng công tác dân vận đồng bào, từ việc tuyên truyền đến giáo dục, giúp đỡ đồng bào các dân tộc thiểu số để đồng bào có được ý thức đoàn kết và bình đẳng dân tộc, làm cho đồng bào hiểu được sự cần thiết phải xóa bỏ các thành kiến dân tộc, khắc phục những tập tục lạc hậu, chăm lo phát triển sản xuất để từng bước đưa đời sống đồng bào các dân tộc thoát khỏi đói nghèo lạc hậu.

Quan điểm và tình cảm của Người với đồng bào các dân tộc cũng như đối với nhân dân lao động thật vô cùng sâu nặng. Đó là sự kết tinh và thấm đượm tình thương yêu, kính trọng biết ơn của Bác đối với nhân dân mà cuộc đời Bác từng trải nghiệm và sự nghiệp Người gây dựng. Chính vì thế, trước lúc đi xa, trong di chúc Người viết: “Nhân dân lao động ta ở miền xuôi cũng như ở miền núi, bao đời chịu đựng gian khổ, bị chế độ phong kiến và thực dân áp bức, bóc lột, lại kinh qua nhiều năm chiến tranh. Tuy vậy, nhân dân ta rất anh hùng, dũng cảm, hăng hái, cần cù. Từ ngày có Đảng, nhân dân ta luôn luôn đi theo Đảng, rất chân thành với Đảng”. Người căn dặn Đảng ta nhiều việc sau khi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước thắng lợi, xong công việc mà Bác đặc biệt quan tâm là “Đảng cần có kế hoạch thật tốt để phát triển kinh tế và văn hóa, nhằm không ngừng nâng cao đời sống của nhân dân”.

Sau ba mươi bảy năm kể từ khi đất nước thống nhất, Đảng và Nhà nước ta đã lãnh đạo tổ chức thực hiện nhiều chương trình phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội để không ngừng nâng cao đời sống nhân dân. Đối với miền núi, vùng có đồng bào dân tộc ít người sinh sống thì Đảng và Nhà nước ta có những chương trình đặc biệt để phát triển kinh tế, giữ gìn và phát triển bản sắc văn hóa, chính sách xã hội. Trong hơn hai mươi năm đổi mới, với những chiến lược kinh tế - xã hội Đảng và Nhà nước ta đã chỉ đạo thực hiện rất nhiều chương trình để phát triển toàn diện các địa bàn miền núi, miền biển là nơi có nhiều đồng bào các dân tộc thiểu số. Từ Đại hội VIII của Đảng, chương trình về xóa đói, giảm nghèo đã được triển khai trên toàn quốc, trong đó tập trung rất lớn cho các tỉnh miền núi và ven biển. Đặc biệt, Chính phủ đã xây dựng và triển khai hai chương trình 134 và 135 với hàng loạt các kế hoạch về định canh, định cư và kinh tế mới, phát triển cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, khuyến nông, lâm, ngư để trợ giúp cho đồng bào các dân tộc ít người ở các vùng đặc biệt khó khăn. Với nỗ lực rất lớn của các cấp, các ngành và cố gắng của đồng bào các dân tộc, các chương trình của Đảng và Nhà nước đã góp phần xóa đói, giảm nghèo, đời sống của đồng bào các dân tộc có bước cải thiện và nâng lên. Cho đến nay đường ô tô đã đến được hầu hết trung tâm các xã miền núi, trường học, trạm y tế, điện, nhà văn hóa; được xây dựng và đưa vào sử dụng ở hầu hết các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng cao biên giới và hải đảo. Hệ thống trường dân tộc nội trú và bán trú cũng được đầu tư toàn diện để chăm lo đào tạo các con em dân tộc.

Trong cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh hiện nay, cần làm cho cán bộ, công chức, đảng viên, nhất là cán bộ người dân tộc ý chí vươn lên và tinh thần hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân. Từ việc thấm nhuần

đạo đức Bác Hồ mà tự mình vươn lên trong công việc, tích cực phòng và chống quan liêu, lãng phí, tham nhũng; góp phần vào việc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Ngọc Thông - *Baolangson.vn*

11. Bác Hồ với Hải Dương

Tình thương yêu, sự dìu dắt chỉ bảo ân tình của Bác đã tạo thêm sức mạnh to lớn cho Đảng bộ và nhân dân Hải Dương vượt qua mọi khó khăn, thử thách để giành những thắng lợi hết sức vẻ vang.

Với cương vị là Người đứng đầu Đảng, Nhà nước, tuy bận trăm công ngàn việc, nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành cho Đảng bộ và nhân dân Hải Dương sự quan tâm đặc biệt. Người đã 5 lần về thăm Hải Dương. Ngoài ra, Bác Hồ thường xuyên theo dõi, viết thư thăm hỏi, khen ngợi, viết báo, làm thơ động viên khích lệ, khen thưởng tặng quà, tặng huy hiệu cho những tập thể, cá nhân ở Hải Dương có thành tích xuất sắc trong lao động, sản xuất và chiến đấu... Tình thương yêu vô bờ bến, sự dìu dắt chỉ bảo ân tình, sự chỉ đạo sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tạo thêm sức mạnh to lớn cho Đảng bộ và nhân dân Hải Dương vượt qua mọi khó khăn, thử thách để giành những thắng lợi hết sức vẻ vang.

Nhân kỷ niệm 123 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2014), xin ôn lại những lần Bác về thăm, làm việc với Đảng bộ và nhân dân Hải Dương.

Ngày 21/10/1946

Sau chuyến thăm nước Pháp, từ Hải Phòng về Hà Nội bằng tàu hoả, Bác Hồ đã dừng chân vẫy chào công nhân và nhân dân ở ga Lai Khê (Kim Thành), ga Tiên Trung (Nam Sách) đang tập trung đón Bác. Sau Bác về ga Hải Dương. Tại đây, gần một ngàn đồng bào tập trung ở ga nồng nhiệt chào đón Người. Sân ga Hải Dương dựng một lễ đài với nhiều cờ và hoa. Đứng trên lễ đài, Bác nói chuyện với nhân dân về tình hình và âm mưu của thực dân Pháp và các tổ chức phản động cũng như những khó khăn của đất nước. Bác nói về quyết tâm của Chính phủ và kêu gọi toàn thể đồng bào phải nêu cao tinh thần cảnh giác, đoàn kết, chuẩn bị tinh thần, lực lượng và vũ khí sẵn sàng chiến đấu nếu kẻ thù bội ước, để giữ bằng được độc lập, tự do cho dân tộc... Cuối buổi, số người đến nghe Bác nói chuyện tăng gấp đôi lúc đầu. Bác căn dặn: Quân, dân Hải Dương phải đoàn kết một lòng, nghiêm chỉnh thực hiện Tạm ước 14/9 mà Bác mới ký với Chính phủ Pháp, chuẩn bị lực lượng, tinh thần, sẵn sàng chiến đấu khi quân Pháp quay lại cướp nước ta lần nữa. Cuộc gặp Bác tuy ngắn ngủi, nhưng đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng mọi người dân Hải Dương. Ai nấy đều phấn khởi, quyết tâm sẽ chiến đấu đến cùng để bảo vệ thành quả cách mạng, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ quê hương.

Ngày 31/5/1957

Trên đường công tác từ Hải Phòng về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thăm Hải Dương. Bác về xã Ái Quốc (Nam Sách) thăm một số gia đình, trong đó có gia đình cụ Vũ Văn Trung ở xóm Vũ Thượng có 3 con đi bộ đội. Tiếp đó, tại hội trường Tỉnh ủy (sau là Trường Nguyễn Ái Quốc, nay là Bảo tàng tỉnh), Bác nói chuyện với trên 400 đại biểu là cán bộ Khu ủy, cán bộ tỉnh, bộ đội và đại diện các tầng lớp nhân dân. Người căn dặn cán bộ, bộ đội và nhân dân phải nâng cao ý chí phấn đấu với tinh thần đồng cam cộng khổ, luôn đoàn kết chặt chẽ, ra sức phấn đấu hoàn thành tốt công tác sửa sai trong cải cách ruộng đất và khôi phục kinh tế để củng cố miền Bắc, làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Ngày 1/4/1959

Sau khi đi thăm tỉnh Hồng Quảng (nay là tỉnh Quảng Ninh) và TP. Hải Phòng, trên đường về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm tỉnh Hải Dương. Tại trụ sở làm việc của Tỉnh ủy, Bác nói chuyện và làm việc với Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Ủy ban Hành chính tỉnh; nói chuyện với đại diện cán bộ, đảng viên của các ban, ngành của tỉnh. Trong buổi gặp mặt thân mật này, Bác nói về nhiệm vụ của tỉnh nhà phải thực hiện trong thời gian tới: tổ chức thực hiện kế hoạch Nhà nước giao, củng cố các tổ chức cho vững mạnh... Bác khen ngợi những thành tích mà Đảng bộ và nhân dân Hải Dương đã đạt được, nhất là phong trào đổi công hợp tác xã, phong trào sản xuất nông nghiệp; Bác nhắc nhở một số công việc sản xuất trong vụ đông như cần bón thêm phân và ra sức chống hạn...

Ngày 26/7/1962

Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Hải Dương. Buổi sáng, Người nói chuyện với cán bộ, đảng viên và nhân dân thị xã Hải Dương tại sân Vọng Cung (nay là Nhà hát nhân dân TP. Hải Dương). Bác khen Hải Dương có nhiều tiến bộ về mọi mặt so với năm 1957. Sau đó Bác về thăm bà con nông dân xã Ứng Hoè và xã Hiệp Lực (Ninh Giang). Tại xã Hiệp Lực, Người tham gia guồng nước chống úng cùng với bà con nông dân và căn dặn mọi người phải tích cực chống úng thắng lợi. Bác lấy hai câu Kiều tặng bà con nông dân:

Trăm năm trăm cõi người ta

Chống úng thắng lợi mới là người ngoan.

Sau khi thăm cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Hiệp Lực, Bác về hội trường Nhà máy Xay Ninh Giang nói chuyện với cán bộ, công nhân và nhân dân huyện Ninh Giang. Buổi chiều, Bác về thăm Nhà máy Sứ Hải Dương. Ở phân xưởng vẽ hoa trên sứ, Bác nói “Sứ Việt Nam cần vẽ hoa Việt Nam”, rồi Bác cầm bút viết lên bình hoa 5 chữ: “Phải cố gắng tiến bộ”, bên dưới ký tên Bác Hồ.

Ngày 15/2/1965

Chủ tịch Hồ Chí Minh về thăm Hải Dương lần cuối cùng. Buổi sáng Bác về thăm xã Hồng Thái (Ninh Giang) - lá cờ đầu của phong trào làm thủy lợi toàn miền

Bắc, nơi đã được nhận cờ luân lưu của Bắc. Tại đây, Bắc nói chuyện với cán bộ, đảng viên và nhân dân trong và ngoài xã. Sau khi biểu dương thành tích, Bắc nhắc nhở: “Đồng bào và cán bộ Hồng Thái chớ nên tự mãn với thành tích bước đầu, mà cần phải cố gắng hơn nữa”.

Buổi trưa, Bắc tới thăm Nam Chính (Nam Sách) - xã có phong trào vệ sinh khá nhất tỉnh. Bắc thăm hỏi đời sống nhân dân trong xã, xem các công trình vệ sinh như: giếng nước, nhà tắm, nhà vệ sinh của hộ xã viên và căn dặn cán bộ, nhân dân trong xã: “Cái gì đã khá thì phải cố gắng để giỏi hơn nữa, cái gì còn kém thì phải cố gắng để tiến lên khá... Bắc mong Hải Dương có nhiều xã như Nam Chính”.

Buổi chiều, Bắc về thăm Côn Sơn (Chí Linh) - một di tích lịch sử văn hóa được xếp hạng quốc gia từ năm 1962, nơi gắn bó với nhiều danh nhân trong lịch sử dân tộc, trong đó có Anh hùng dân tộc Nguyễn Trãi. Sau khi đi thăm di tích, Bắc đọc bia chùa Côn Sơn, viết vào sổ lưu niệm, căn dặn cán bộ, nhân dân Hải Dương và các sư trụ trì chùa phải tích cực trồng cây phủ xanh di tích, làm cho di tích lịch sử văn hóa trở thành thắng cảnh du lịch của địa phương, “phải biến nơi đây thành Trùng lâm đẹp đẽ”.

Baohaiduong.vn

12. Bài nói chuyện của Bác Hồ với nhân dân Yên Bái

Đối với Yên Bái, Người đã dành cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh ta những tình cảm và sự quan tâm sâu sắc. Người đã nhiều lần gửi thư, viết bài khen ngợi những tập thể và cá nhân trong tỉnh lập nhiều thành tích xuất sắc trong các lĩnh vực. Một vinh dự to lớn cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Yên Bái là ngày 25/9/1958 được đón Bác Hồ kính yêu về thăm. Nhân kỷ niệm 55 năm Bác Hồ lên thăm Yên Bái (25/9/1958 - 25/9/2013) Cổng Thông tin điện tử tỉnh Yên Bái xin giới thiệu về nội dung bài nói chuyện của Bác Hồ với nhân dân Yên Bái:

Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm tỉnh Yên Bái trong bối cảnh miền Bắc nói chung, Yên Bái nói riêng vừa thực hiện thắng lợi nhiệm vụ khắc phục hậu quả chiến tranh, làm tốt vận động tăng cường đoàn kết toàn dân khôi phục kinh tế thời kỳ 1955 - 1957, bắt đầu bước vào năm đầu của thời kỳ 3 năm phát triển kinh tế - văn hóa, mở rộng cuộc vận động cải cách dân chủ gắn với hợp tác hóa 1958 - 1960.

Đây cũng là thời điểm Đảng bộ tỉnh đang tập trung lãnh đạo toàn dân tích cực sản xuất, phấn đấu thực hiện thắng lợi chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, tổ chức học tập chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về cải tạo xã hội chủ nghĩa cho các thành phần kinh tế cá thể, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc vận động nhân dân đi vào con đường làm ăn tập thể và tăng cường công tác quản lý thị trường. Đảng bộ cũng đề ra các biện pháp phát triển mọi mặt kinh tế - văn hóa - xã hội: Mở cuộc vận động thành lập tổ đổi công, vận động đồng bào các dân tộc định canh định cư, đưa ruộng hoang vào canh tác, làm thủy lợi, áp dụng giống lúa mới, tăng cường bón phân

chuồng và phân xanh, tích cực trồng màu, chăn nuôi gia súc, gia cầm. Đến năm 1958, Yên Bái đã xây dựng được 5.364 tổ đổi công, thành lập được 4 hợp tác xã. Nhiệm vụ khôi phục và phát triển các ngành nghề lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu điện, tài chính, giáo dục, y tế, văn hóa, văn học nghệ thuật, thể dục thể thao có những bước phát triển mới, góp phần cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, góp phần ổn định chính trị - xã hội, củng cố thêm lòng tin và quyết tâm của nhân dân đi theo con đường của Đảng, Bác Hồ đã lựa chọn.

Sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh thăm và nói chuyện với cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc tỉnh Yên Bái là mốc lịch sử quan trọng; tỉnh Yên Bái lần đầu tiên và duy nhất được đón Bác Hồ. Đây là một vinh dự to lớn, sự cổ vũ, động viên phong trào cách mạng của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Yên Bái.

Chiều ngày 24/9/1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu đoàn cán bộ cấp cao của Đảng, Chính phủ về thăm Yên Bái. Từ 2 giờ chiều, hàng trăm đại biểu thay mặt các đoàn thể, đại diện các dân tộc đã tề tựu tại sân ga đón Bác. Một chuyến tàu hỏa đặc biệt đưa Bác từ Lào Cai về Yên Bái. Cùng đi với Bác có bác sĩ Phạm Ngọc Thạch - Bộ trưởng Bộ Y tế, đồng chí Lê Dung - Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải cùng một số chuyên viên cao cấp của Trung ương.

Chiều hôm đó, Bác đã làm việc với các đồng chí trong Ban Thường vụ Tỉnh ủy, đại biểu các ban, ngành, đoàn thể, các huyện, thị của tỉnh. Sau khi nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy báo cáo kết quả 4 năm khôi phục và phát triển kinh tế, Bác đã khen ngợi những thành tích của đồng bào các dân tộc trong tỉnh; Bác ân cần chỉ bảo, căn dặn nhắc nhở Đảng bộ và chính quyền phải chăm lo đời sống của đồng bào từ việc to, việc nhỏ, làm sao đời sống được cải thiện, ai cũng có cơm ăn áo mặc, các cháu được học hành. Bác quan tâm đến việc cung cấp thuốc chữa bệnh, muối, dầu hoả, kim chỉ khâu; Bác hỏi đến việc học hành của trẻ em, đến bệnh sốt rét, bấu cò, các hủ tục lạc hậu...

Từ mờ sáng ngày 25/9/1958, hàng ngàn đồng bào đã tập trung tại Sân vận động thị xã dự mít tinh. Khi Bác bước lên lễ đài, hàng ngàn đồng bào vỗ cờ, hoa hô vang khẩu hiệu: “Hồ Chủ tịch muôn năm”, “Đảng Lao động Việt Nam muôn năm”. Sau đó, cả biên người im lặng chăm chú nghe Bác nói chuyện. Đầu tiên, Bác chuyển lời thăm hỏi của Trung ương Đảng, Chính phủ, Quốc hội tới cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc, khen ngợi và biểu dương thành tích mà Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đạt được trong 4 năm qua; đồng thời, Bác chỉ ra những nhiệm vụ trước mắt mà Đảng bộ và nhân dân các dân tộc phải làm.

Trước hết, Bác nói đến vấn đề đoàn kết dân tộc. Đây là vấn đề số một, hết sức quan trọng bởi vì: “...Trước kia bọn thực dân phong kiến chia rẽ chúng ta, chia rẽ các dân tộc, xúi giục dân tộc này hiềm khích oán ghét dân tộc khác để chúng áp bức, bóc lột chúng ta. Nay chúng ta phải đoàn kết chặt chẽ.” Bằng những hình ảnh ví dụ hết sức gần gũi, sinh động, dễ hiểu, Bác đã nêu ý nghĩa của vấn đề đoàn kết: “...10 dân tộc ở tỉnh nhà như 10 ngón tay. Nếu xòe 10 ngón tay mà bẻ từng

ngón, như thế có dễ bẻ không? Nếu nắm chặt cả 10 ngón tay thì có bẻ được không? Nếu kẻ nào chia rẽ thì phải làm thế nào? Thì phải đập vào đầu chúng nó...'

Tiếp đến, Bác nói đến việc tăng gia sản xuất phải làm thế nào để đời sống nhân dân được sướng hơn, được ăn no mặc ấm. Bác khẳng định, để làm được điều đó thì: "Phải tăng gia sản xuất!... đồng bào phải cố gắng làm ăn định canh. Điền nữa là nên tăng vụ... Thứ ba là về phân bón... Ruộng không có phân như người thông có cơm. Người không có cơm có lớn được không? Lúa không có phân có tốt không?... Muốn có nhiều thóc phải bỏ nhiều phân..."

Bác còn nhấn mạnh: "Muốn tăng gia sản xuất thì phải có tổ chức, phải có tổ đối công... Thế nào là tổ đối công? Không phải đánh trống, đếm người 1,2,3 rồi báo cáo lên huyện, lên tỉnh. Tổ đối công phải thật sự giúp đỡ nhau, chứ không phải chỉ khai trên giấy. Không phải là cầm tay dắt cổ bảo "anh phải vào tổ đối công" mà phải làm cho đồng bào tự nguyện, tự giác."

Vấn đề thứ ba Bác đề cập đến trong bài nói chuyện là phải tiết kiệm và thực hiện đời sống văn hóa mới. Đó là, tiết kiệm trong tăng gia sản xuất, tiết kiệm trong tổ chức ma chay, cưới xin... Về xây dựng đời sống văn hóa mới gắn với thực hành tiết kiệm, Bác nói: "Đồng bào ta đây có nhiều điểm tốt, nhưng cũng còn có khuyết điểm cần phải sửa chữa dần dần. Hỏi có tiết kiệm không? Cũng có tiết kiệm nhưng lúc đám cưới, mời họ nội, họ ngoại chè chén linh đình, 2 bữa say sưa bằng thích. Nhưng sau đây nhà trai, nhà gái phải bán trâu, bò, thóc, bán ruộng, đi vay nợ. Như thế là không tốt... đám ma cũng thế. Thường thì chôn cất cũng đủ, nhưng cũng cứ phải chén, thế rồi cũng bán thóc, bán trâu, bán ruộng..."

Bác nêu một ví dụ rất sinh động về thực hành tiết kiệm: "Bây giờ ví dụ ai cũng tiết kiệm từ trên xuống dưới, từ thành thị đến nông thôn đều tiết kiệm, mỗi người mỗi ngày bớt một dùm gạo thôi, mỗi tháng mỗi người dành nửa ki lô. Trong kháng chiến chúng ta đã làm được. Làm như thế trong tỉnh nhà, mỗi năm tiết kiệm được 750 tấn gạo... Trước kia, ta phải đưa gạo từ dưới xuôi lên. Đồng chí Chủ tịch có cho biết là vừa rồi cũng phải đưa lên 300 tấn. Nếu tiết kiệm được như trên thì không phải đưa gạo từ dưới xuôi lên. Làm như thế có khó không? Không khó. Có dễ không? Không dễ. Mà phải có tổ chức."

Cuối cùng, Bác đề nghị "Yên Bái phải thi đua để trở thành một tỉnh khá nhất của các tỉnh miền núi, liệu các cô, các chú có hứa với Bác thực hiện được không?". Như một làn sóng, mọi người hô vang khẩu hiệu "Quyết tâm". Đồng chí Bí thư Tỉnh ủy thay mặt Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc trong tỉnh hứa quyết tâm thực hiện lời Bác dạy.

Kết thúc cuộc mít tinh, Bác bắt nhịp cho mọi người cùng đứng dậy hát bài *Kết đoàn*.

Chuyến thăm của Chủ tịch Hồ Chí Minh với đồng bào các dân tộc tỉnh Yên Bái đã để lại ấn tượng và tình cảm sâu sắc trong cán bộ, đảng viên và nhân dân các dân tộc trong tỉnh; biểu thị sự quan tâm, chăm sóc của Người, là nguồn cổ vũ, động

viên lớn lao đối với sự nghiệp cách mạng ở địa phương.

Đặc biệt, bài nói chuyện của Bác ngày 25/9/1958 mang ý nghĩa hết sức sâu sắc, vừa mang tính cấp bách, vừa có ý nghĩa lâu dài, có tác động to lớn đến tư tưởng, tình cảm của cán bộ, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc tỉnh Yên Bái với nội dung thiết thực, cụ thể, bám sát tình hình chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội của tỉnh Yên Bái; đúng, trúng những vấn đề, nhiệm vụ cơ bản trong thời kỳ đầu xây dựng chế độ mới xã hội chủ nghĩa mà Đảng bộ, chính quyền tỉnh Yên Bái đặt ra và đang cố gắng thực hiện. Đó là những chỉ thị trực tiếp cho Đảng bộ và nhân dân Yên Bái với các vấn đề như đoàn kết chặt chẽ, làm sao lo cho nhân dân được ăn no, mặc ấm, định canh định cư, tăng gia sản xuất, xây dựng tổ đổi công, thực hành tiết kiệm, bỏ hủ tục, tập quán lạc hậu trong làm ăn, ma chay, cưới xin...

Bài nói chuyện của Bác là lời dạy bảo ân tình, ân nghĩa, ai cũng có thể hiểu được, làm được. Bác đã không dùng lý luận chính trị để giải thích, cũng không đưa những dẫn chứng về những việc đã và đang làm được hay các con số thống kê cụ thể như một báo cáo thông thường. Bác đã ân cần giảng giải, căn dặn từng vấn đề rất thiết thực, cần làm, nên làm với thái độ ân cần, gần gũi, nêu ra những câu hỏi, sau đó đưa ra những câu trả lời khiến ai ai cũng cảm thấy dễ hiểu, ấm lòng, thấm thía. Tự bản thân bài nói của Bác đã toát lên mọi tư tưởng, hành động cách mạng, hệ thống lý luận sắc bén gắn bó với thực tiễn cách mạng ở địa phương, gần gũi với đời sống nhân dân, thể hiện tấm lòng, tình cảm, phẩm chất đạo đức cao đẹp của Bác.

Bài nói chuyện của Bác còn là phương pháp luận cho cán bộ làm công tác tuyên truyền, vận động quần chúng noi theo, học tập. Đó thể hiện sự lô gíc, khoa học nhưng nội dung hết sức thiết thực, gần gũi, không sáo mòn, đi vào từng vấn đề cụ thể.

Yenbai.gov.vn

13. Tình cảm đặc biệt của Bác Hồ với Lào Cai

Ít địa phương nào ở vùng Tây Bắc được Bác Hồ dành tình cảm đặc biệt như Lào Cai. Bác thường xuyên quan tâm dõi theo từng bước đi, chia sẻ với những khó khăn, chung vui với những chiến thắng, động viên kịp thời những chiến công của quân và dân các dân tộc Lào Cai. Qua dịp Bác lên thăm tháng 9/1958 cùng các bức thư, bài báo Chủ tịch Hồ Chí Minh viết biểu dương, định hướng cho Lào Cai vươn lên mạnh mẽ như hôm nay.

Được vinh danh là do làm theo lời Bác

Nhân dịp kỷ niệm 110 năm du lịch Sa Pa (1903-2013) sắp tới, vùng du lịch nổi tiếng Việt Nam và thế giới lại có vinh dự đặc biệt được Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch công nhận Ruộng bậc thang Sa Pa là “Danh thắng cấp quốc gia”.

Thung lũng ruộng bậc thang Mường Hoa bao gồm các xã Lao Chải, Tả Van, Hầu Thào, Sả Pán cũng là địa danh nổi tiếng thế giới sau khi Tạp chí Du lịch *Loneli Planet* (Anh) năm 2011 đánh giá: “Sa Pa là 1 trong 10 địa điểm tuyệt vời trên thế giới cho môn du lịch đi bộ” càng làm cho người dân Sa Pa thêm tự hào về quê hương của mình.

Một số cán bộ lão thành ở Sa Pa cho rằng, địa phương mình có niềm vinh dự đó chính là nhờ ơn Đảng và Bác Hồ động viên phải tích cực làm ruộng bậc thang.

Nhiều người cao tuổi ở Lao Chải còn nhớ mãi hình ảnh ngày 16/11/1963 xã có vinh dự được đón Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng phụ trách nông nghiệp lên làm việc tại tỉnh Lào Cai đã lội rừng xuống thăm đồng bào xã Lao Chải đang hăng hái làm ruộng bậc thang để định canh, định cư lâu dài theo lời huấn thị của Hồ Chủ tịch khi Người lên thăm tỉnh Lào Cai ngày 24/9/1958.

Trong chuyến thăm này, Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã khen ngợi cán bộ, đảng viên và nhân dân xã Lao Chải giỏi làm ruộng bậc thang nhất huyện Sa Pa và tặng địa phương tám ảnh chân dung Hồ Chủ tịch cùng 17 chiếc Huy hiệu Bác Hồ để xã làm giải thưởng tặng cho những xã viên có thành tích xuất sắc trong khai phá ruộng bậc thang. Cũng trong dịp này, cụ Lù A Páo và cụ Thào Thị Dinh cùng ở xã Lao Chải, thọ 100 tuổi cũng vinh dự được Bác Hồ gửi tặng thưởng Huy hiệu của Người.

Năm 1963 và các năm tiếp theo, xã Lao Chải luôn là lá cờ đầu làm ruộng bậc thang của huyện Sa Pa và cả tỉnh Lào Cai. Do đó, báo *Lào Cai đổi mới* ra ngày 15/1/1964 đã có bài xã luận “Noi gương xã Lao Chải, ra sức đẩy mạnh làm ruộng, nương bậc thang và cây ải trước Tết”. Trước đó, trên trang nhất số báo Lào Cai đổi mới ra ngày 10/1/1964 trang trọng đăng thư khen của Ủy ban hành chính tỉnh Lào Cai gửi cán bộ và nhân dân xã Lao Chải làm ruộng bậc thang giỏi và bài viết đăng hết trang 2 với đầu đề *Mấy kinh nghiệm khai hoang và làm ruộng bậc thang của xã Lao Chải*.

Nghiêm túc làm theo lời huấn thị của Bác Hồ phải đoàn kết các dân tộc anh em và tích cực tăng gia sản xuất, cải thiện cuộc sống đồng bào vùng cao Lào Cai, từ kinh nghiệm hay của xã Lao Chải, đầu tháng 11/1964, Tỉnh ủy Lào Cai đã ra Chỉ thị “Quy định một số điểm cụ thể khuyến khích nhân dân các dân tộc đẩy mạnh phong trào làm ruộng bậc thang”. Chỉ thị của Tỉnh ủy Lào Cai đã đi vào cuộc sống và được đông đảo đồng bào các dân tộc trong toàn tỉnh hưởng ứng. Kết quả là ngày nay không chỉ huyện Sa Pa mà các huyện vùng cao khác như Bát Xát, Mường Khương, Bắc Hà, Si Ma Cai đã có thêm hàng ngàn ha ruộng bậc thang tạo ra vẻ đẹp mới cho quê hương thu hút ngày càng đông khách du lịch tới thăm và làm nên sự trù phú cho nhiều làng bản vùng cao tỉnh Lào Cai.

Nơi lưu giữ nhiều tư liệu quý về Bác Hồ với Lào Cai

Trong truyền thống vẻ vang 50 năm xây dựng và phát triển (10/4/1963 -

10/4/2013), Báo Lào Cai có vinh dự đặc biệt nhiều lần được Bác Hồ quan tâm đọc, từ lúc còn là Báo Lào Cai đổi mới (trước đó là Bản tin Lào Cai) tiền thân của Báo Lào Cai hiện nay.

Qua đọc *Bản tin Lào Cai* và báo *Lào Cai đổi mới* cùng nhiều tờ báo khác của Trung ương thời kỳ đó, Hồ Chủ tịch đã quyết định tặng thưởng Huy hiệu của Người cho hàng chục gương “Người tốt, việc tốt” của tỉnh Lào Cai.

Xin nêu một số các gương đã được lưu danh trên *Bản tin Lào Cai* và báo *Lào Cai đổi mới* năm xưa: Đó là gương chị Triệu Thị Sinh, dân tộc Dao ở xã Bản Cỏi (Bắc Hà) có thành tích trong thực hiện sạch làng, tốt ruộng được Hồ Chủ tịch tặng Huy hiệu của Người (*Bản tin Lào Cai* ra ngày 14/11/1958); Anh bộ đội phục viên Lìu Dín Phù ở Bản Lầu (Mường Khương) thâm canh lúa mùa cao nhất tỉnh Lào Cai đã được Bác Hồ tặng thưởng Huy hiệu của Người (*Bản tin Lào Cai* ra ngày 21/11/1958).

Báo *Lào Cai đổi mới* ra ngày 5/8/1964 đăng trang trọng tin trên trang nhất: “Hồ Chủ tịch đọc báo *Lào Cai đổi mới* có các gương đồng chí Trần Đức Thảo là giáo viên miền xuôi lên dạy học ở xã Mường Vi (Bát Xát) có thành tích tổ chức và dạy học tốt, đặc biệt là công em Lý A Man bị liệt đi học ròng rã mấy tháng liền; ông Nùng A Li ở hợp tác xã Lũng Vai (Mường Khương) tuy mù hai mắt nhưng khắc phục khó khăn chăn nuôi trâu cho hợp tác xã béo khỏe để phục vụ sản xuất; hai em Mùi và Ngừ ở thôn Đồng Tâm (Mường Khương) đã dũng cảm, mưu trí cứu bạn khỏi chết đuối. Qua Ủy ban Hành chính tỉnh Lào Cai và huyện Mường Khương, Bác Hồ đã gửi tặng Huy hiệu của Người cho thầy giáo Trần Đức Thảo, ông Nùng A Li và hai em Mùi và Ngừ”.

Hiện nay, cơ quan báo Lào Cai có vinh dự đặc biệt đang lưu giữ bản in lần đầu tại nhà in Vũ Bích (Lào Cai) tháng 9/1958 “Lời huân thị của Hồ Chủ tịch đối với cán bộ, đảng viên, chiến sĩ và đồng bào các dân tộc tỉnh Lào Cai khi Người lên thăm địa phương ngày 24/9/1958”.

Dù trải qua mấy cuộc chiến tranh phải đưa tài liệu, báo chí đi sơ tán, sau đó là thay đổi địa chỉ làm việc của tòa soạn do khó khăn ngày mới chia tách tỉnh nhưng cơ quan báo *Lào Cai đổi mới* - báo *Hoàng Liên Sơn* và hôm nay là báo *Lào Cai* vẫn cố gắng lưu giữ hầu hết các số *Bản tin Lào Cai* và *Báo Lào Cai đổi mới*, trong đó có những số báo đặc biệt đăng bài, ảnh chụp về chuyến thăm lịch sử của Chủ tịch Hồ Chí Minh lên thăm Lào Cai ngày 23 và 24/9/1958, có những bức ảnh, tư liệu đặc biệt quý về Bác Hồ đối với tỉnh Lào Cai chỉ có in trên báo *Lào Cai đổi mới*.

Không ít tư liệu quý, ảnh đặc biệt do Báo Lào Cai cung cấp để biên tập cuốn sách *Lào Cai làm theo lời Bác* do UBND tỉnh Lào Cai phối hợp với Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản, phát hành nhân dịp kỷ niệm 40 năm Hồ Chủ tịch lên thăm Lào Cai (23/9/1958 - 23/9/1998) và được bạn đọc đánh giá cao.

Nơi được tặng thưởng nhiều Huy hiệu Bác Hồ nhất

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký quyết định khen thưởng nhiều Huân chương, Huy chương và Bằng khen tặng các đơn vị tập thể và cá nhân của tỉnh Lào Cai lập chiến công trong tiểu phí bảo vệ quê hương và vượt qua nhiều khó khăn, gian khổ, hoàn thành nhiệm vụ xuất sắc được giao, góp phần xây dựng cuộc sống mới.

Ngoài ra, Hồ Chủ tịch còn tặng thưởng 86 Huy hiệu của Người cho các cá nhân của tỉnh Lào Cai là “Người tốt, việc tốt tiêu biểu”, trong đó huyện Mường Khương vinh dự nhất có tới 38 người được Bác tặng thưởng.

Trong số đó, tiêu biểu là dòng họ Lục của người dân tộc Giáy ở xã Bản Lầu có tới 5 người của ba thế hệ được Bác Hồ tặng thưởng Huy hiệu. Đó là cụ Lục Vĩnh Tường cùng các con của mình là các ông: Lục Bình Quyền, Lục Bình Thủy, Lục Bình Lợi và cháu gái Lục Thị Kim Hồng. Đặc biệt, ông Lục Bình Quyền có hai lần vinh dự được gặp trực tiếp Hồ Chủ tịch và 4 lần được Bác tặng Huy hiệu vì hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

Huyện Mường Khương còn có ông Tráng Văn Mìn ở xã Lùng Vai cũng có vinh dự hai lần được gặp Bác Hồ và 3 lần được Bác tặng Huy hiệu, 2 lần Bác tặng quà, trong đó có chiếc ca men rất đẹp in dòng chữ “Kiên quyết hoàn thành nhiệm vụ” và “Quyết chiến, quyết thắng”.

Hai ông bà thông gia là Vàng Ngán Dù và Li Thị Chấn đều ở xã Tung Chung Phố (Mường Khương) có thành tích xuất sắc trong tiểu phí ở huyện Bát Xát nên năm 1956 hai người đều được tặng thưởng Huy hiệu Bác Hồ trong dịp đi dự hội nghị mừng công do tỉnh tổ chức tại Trường Đảng tỉnh Lào Cai.

Một điển hình khác sau ngày hòa bình lập lại được Hồ Chủ tịch biểu dương đích danh tại Hội nghị cán bộ phụ nữ miền núi tổ chức từ ngày 17 đến 19/3/1964 tại Thủ đô Hà Nội, hiện đang sinh sống cùng con cháu tại phường Lào Cai, đó là bà Vi Thị Hóa, dân tộc Thái, nguyên Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh Nghĩa Lộ và sau đó là Tỉnh ủy viên, Chủ tịch Hội Phụ nữ tỉnh Hoàng Liên Sơn.

Bà Vi Thị Hóa cũng đã được Đảng, Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý đánh giá công sức đóng góp của cá nhân bà với phong trào phụ nữ địa phương, nhưng theo bà, quý nhất, nhớ nhất là ba lần có vinh dự được Bác Hồ trực tiếp thăm hỏi, khích lệ trong bước đường công tác của mình.

Phạm Ngọc Triển - *Baolaocai.vn*

14. Tỉnh Lai Châu khắc ghi lời thư của Bác

Cách đây 60 năm, nhân giải phóng thị trấn Lai Châu, Bác Hồ đã gửi thư thăm hỏi và động viên đồng bào và cán bộ Lai Châu.

Kỷ niệm 123 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, cũng là ngày Đảng bộ và

nhân dân các dân tộc Lai Châu tổ chức Lễ kỷ niệm 60 năm Ngày Bác Hồ gửi thư cho đồng bào và cán bộ Lai Châu; công bố quyết định công nhận thị xã Lai Châu là đô thị loại III. Khắc ghi và vận dụng sáng tạo lời căn dặn của Người, hơn nửa thế kỷ qua, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lai Châu luôn vượt khó vươn lên.

Cách đây 60 năm, nhân giải phóng thị trấn Lai Châu, Bác Hồ đã gửi thư thăm hỏi và động viên đồng bào và cán bộ Lai Châu. Thư Bác căn dặn, đồng bào phải Đoàn kết thân ái giúp đỡ nhau; ra sức tăng gia sản xuất để mọi người được ấm no; cán bộ thì phải thật sự gần gũi giúp đỡ nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân lên trên hết...

Làm theo lời Bác, lực lượng đoàn viên thanh niên luôn đi đầu trong công cuộc xóa đói giảm nghèo. Từ tỉnh đến cơ sở, thanh niên đã mạnh dạn áp dụng các tiến bộ khoa học mới vào sản xuất, xây dựng mô hình kinh tế tiêu biểu để nhân rộng, trong đó phải kể đến phong trào “tuổi trẻ Lai Châu chung tay xây dựng nông thôn mới”.

Chị Khoàng Thị Thanh Nga, Bí thư Tỉnh đoàn Lai Châu cho biết: “Đoàn viên thanh niên cũng xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm và thanh niên phải là người xung kích đi đầu. Xác định phần việc mà thanh niên cần phải làm, góp công sức xây dựng cơ sở hạ tầng, đường liên thôn, liên bản, tuyên truyền cho các hộ gia đình đoàn viên thanh niên làm kinh tế tập thể”.

Là tỉnh nghèo, nhưng với sự nỗ lực vươn lên, kinh tế - xã hội của Lai Châu đã có bước tiến khá. Những năm qua, tỉnh đã tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả nhiều chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội như: trồng cây cao su; ổn định sắp xếp dân cư; xây dựng nông thôn mới. Theo đó tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân đạt 13% một năm, trung bình mỗi năm giảm từ 6 đến 7% hộ nghèo.

Tiếp tục sự nghiệp đổi mới đất nước hiện nay, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lai Châu triển khai thực hiện Cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” gắn với công tác xây dựng Đảng theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI) để thực hiện trọn vẹn lời dạy trong thư Bác: Cán bộ thì phải thật sự gần gũi giúp đỡ nhân dân, đặt lợi ích của dân lên trên hết.

Đồng chí Lò Văn Giàng, Bí thư Tỉnh ủy Lai Châu cho biết: “Đảng bộ và nhân dân tỉnh Lai Châu sẽ tiếp tục phát triển kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Tập trung đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo. Tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh, gắn với thực hiện Nghị quyết Trung ương 4 về một số vấn đề cấp bách về xây dựng Đảng hiện nay”.

Lịch sử của Đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lai Châu mãi khắc ghi những lời chỉ bảo ân cần của Bác trong thư gửi đồng bào và cán bộ Lai Châu. Coi đây là tài sản vô giá mà Đảng bộ, quân và dân các dân tộc Lai Châu lưu giữ trường tồn qua các thế hệ.

Thanh Thùy - Vũ Thắng - VOV.vn

15. Nhớ Bác, nhớ những lần Bác về thăm Bắc Giang

Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, người thầy của cách mạng Việt Nam, người sáng lập và rèn luyện Đảng ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Bác Hồ kính yêu của chúng ta không còn nữa, nhưng hình ảnh, tư tưởng của Người mãi mãi toả sáng và soi đường cho cách mạng nước ta, ngày nay Đảng và nhân dân ta đang tiếp tục đi theo con đường cách mạng mà Người đã vạch ra cho đến thắng lợi cuối cùng. Với cương vị là lãnh tụ tối cao của Đảng, Bác Hồ đã về thăm Bắc Giang 5 lần kể từ khi nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời. Đây là niềm vinh dự và tự hào của đồng bào các dân tộc tỉnh Bắc Giang.

Ngày 24/1/1955 (tức ngày mồng một Tết Ất Mùi), Bác Hồ đã về thăm và chúc Tết cán bộ, công nhân Việt Nam và các chuyên gia nước bạn Trung Quốc đang giúp nước ta xây dựng cầu Phủ Lạng Thương, cùng nhân dân thị xã Phủ Lạng Thương (nay là cầu Bắc Giang, thuộc Thành phố Bắc Giang). Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, để ngăn cản, chặn bước tiến quân của quân thù chúng ta đã phá hủy cầu Phủ Lạng Thương với mục đích là giữ Đông Bắc - Việt Bắc, thủ đô của kháng chiến trường kỳ, làm nên chiến công oanh liệt: “Chín năm làm một Điện Biên. Nên vành hoa đỏ, nên thiên sử vàng”. Sau khi kháng chiến chống Pháp thắng lợi, cầu Phủ Lạng Thương được tiến hành xây dựng lại với sự giúp đỡ của nước bạn Trung Quốc, tham gia trên công trường còn có các chiến sĩ miền Nam tập kết, và công nhân được tuyển trên địa bàn tỉnh Bắc Giang và một số tỉnh lân cận. Với khí thế “tất cả để xây dựng tốt”, chỉ trong thời gian ngắn những phần việc cơ bản được hoàn thành. Các chiến sĩ miền Nam tập kết, các chuyên gia vô cùng xúc động, vui mừng, phấn khởi khi được biết Bác Hồ về thăm và chúc tết.

Tại đây, Bác đã nghe báo cáo của đồng chí đội trưởng đội cầu Nguyễn Tương Lân báo cáo thành tích chung của công trường làm cầu Phủ Lạng Thương, rồi Bác đi thăm cầu, khi đi đến giữa cầu thì Người dừng lại nói chuyện với cán bộ, công nhân: - “Hôm nay, Bác chỉ xem nửa cầu thôi. Bao giờ hoàn thành, Bác sẽ đi thăm cả cầu. Các chú có đồng ý như vậy không?” Mọi người tập trung đông đảo bên cầu, khi đó Bác đứng ngay bên đông gối của công trường, Bác hỏi han thêm tình hình ăn Tết, tổ chức đời sống sinh hoạt của anh em công nhân. Người biểu dương thành tích của cán bộ, công nhân ta, chuyên gia nước bạn và tinh thần giúp đỡ của nhân dân Bắc Giang đối với việc làm cầu. Sau đó, Bác lấy điệu cho mọi người hát bài ca “Kết đoàn”. Theo nhịp tay Bác, lời ca vang lên như lời hứa với Bác: quyết tâm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, để đón ngày Bác về thăm. Và chỉ trong 4 tháng, cầu được xây dựng hoàn thành, vượt trước kế hoạch.

Ngày 8/2/1955 (tức 16 tháng Giêng Ất Mùi), Bác Hồ đã về thăm Cẩm Xuyên (xã Xuân Cẩm - huyện Hiệp Hòa). Người đi thăm hộ nông dân được chia quả thực, thăm nơi ăn chốn ở của anh chị em cán bộ Đoàn cải cách, làm việc với ban cán sự

Đoàn ủy Đoàn cải cách đóng tại Đình Cẩm Xuyên, tham dự và nói chuyện tại Hội nghị tổng kết cải cách ruộng đất đợt 2 tại hội trường Sơn Vải, thôn Cẩm Xuyên.

Ngày 6/4/1961, trong lần về thăm Bắc Giang, Người đã về thăm, nói chuyện với nhân dân Xã Tân An, huyện Yên Dũng, đi thăm làng chiến đấu Long Trì. Năm 2007, chính quyền và nhân dân Tân An đã xây dựng Khu nhà lưu niệm Bác Hồ, trong đó có tấm bia khắc lời căn dặn của Bác Hồ khi Người về thăm xã. Lời căn dặn của Bác được người dân Tân An luôn nhớ mãi, Bác căn dặn người dân Tân An luôn phải thực hiện “3. cao”: “Đoàn kết cao, năng suất sản xuất cao và đời sống nhân dân cao”. Lời căn dặn của Bác được nhân dân Tân An thực hiện tốt, trong những năm đổi mới, Tân An đã tích cực chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, phát triển ngành nghề và dịch vụ, đời sống mọi mặt của nhân dân ngày càng nâng cao. Trong sản xuất nông nghiệp, hầu hết diện tích canh tác của xã nay đều trồng lúa lai, lúa cao sản, lúa thơm có giá trị kinh tế cao kết hợp với thâm canh rau màu, cho giá trị thu nhập bình quân đạt trên 45 triệu đồng-ha-năm; chăn nuôi lợn, gà, bò cũng phát triển rộng rãi. Năng suất lúa thường đứng đầu huyện và giá trị chăn nuôi chiếm khoảng 50% giá trị sản xuất nông nghiệp hằng năm của xã. Là trung tâm 8 xã vùng Đông Bắc huyện, lại có tỉnh lộ 299 chạy qua, xã phát triển đa dạng ngành nghề và dịch vụ, tập trung dọc theo con đường giao thông này và khuyến khích, tạo điều kiện xuất khẩu lao động. Hiện ngành nghề, dịch vụ và xuất khẩu lao động chiếm gần 50% trong cơ cấu kinh tế và cơ cấu lao động của xã. Giáo dục của xã thường ở top 3 địa phương đứng đầu toàn huyện; tất cả các làng, khu phố đều là làng văn hóa cấp huyện, làng văn hóa cấp tỉnh.

Trong năm lần về thăm Bắc Giang, thì có 2 lần Bác gặp gỡ, nói chuyện với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh tại khán đài A cũ (nay là khán đài B) sân vận động thành phố Bắc Giang. Lần thứ nhất vào ngày 6/4/1961, Bác về thăm và nói chuyện với hơn 3,5 vạn cán bộ và nhân dân. Đứng trên khán đài A cũ, Bác đã ân cần hỏi thăm cán bộ, chiến sĩ, đồng bào các dân tộc trong tỉnh. Bác khen ngợi những thành tích trong những năm kháng chiến chống Pháp, những tiến bộ của nhân dân các dân tộc tỉnh Bắc Giang, nhấn mạnh những nhiệm vụ quan trọng, hạn chế của tỉnh cần khắc phục. Lần thứ hai vào ngày 17/10/1963, Bác về thăm tỉnh Hà Bắc. Cũng tại khán đài A cũ, sân vận động Bắc Giang, Bác đã nói chuyện với cán bộ và nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Bác nói lần này về thăm và nói chuyện với đồng bào ở đây thấy có sự biến đổi quan trọng, tốt đẹp khi hai tỉnh Bắc Giang, Bắc Ninh đã hợp thành một tỉnh to lớn hơn, người đông hơn, sức mạnh hơn, của nhiều hơn.

Khán đài A cũ sân vận động Bắc Giang, nơi hai lần được đón Bác về thăm và nói chuyện đã chứng kiến biết bao sự kiện lịch sử trọng đại của tỉnh. Chính từ ý nghĩa đó, ngày 21/6/1993, Bộ Văn hóa - Thông tin đã có Quyết định số 774/QĐBT cấp bằng công nhận khán đài B sân vận động thành phố Bắc Giang - nơi Bác Hồ đến thăm là di tích lịch sử cấp quốc gia.

Để phát huy giá trị to lớn của di tích, giúp thế hệ trẻ hiểu thêm về tình cảm của

Bác dành cho mảnh đất, con người Bắc Giang, thành phố Bắc Giang đã từng bước đầu tư nâng cấp, cải tạo khu di tích. Khán đài A mới được xây dựng giáp đường Xương Giang; còn khán đài A cũ được đổi thành khán đài B (giáp đường Nguyễn Thị Lưu). Trong năm 2010, thành phố đầu tư kinh phí sưu tầm những hiện vật, kỷ vật, hình ảnh của Bác Hồ với nhân dân Bắc Giang, đồng thời phối hợp với Bảo tàng Hồ Chí Minh dự kiến đưa phòng trưng bày đi vào sử dụng trong dịp kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu (19/05/2010). Đây cũng sẽ là một trong những điểm đến của du khách mỗi khi về thành phố Bắc Giang. Và tương lai không xa, di tích lịch sử khán đài B sân vận động thành phố Bắc Giang sẽ là chi nhánh của Bảo tàng Hồ Chí Minh như nhiều chi nhánh bảo tàng khác ở các tỉnh trong cả nước.

Trong những ngày tháng năm này, toàn Đảng toàn dân ra sức thi đua: “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, lập thành tích thiết thực kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/05/1890 - 19/05/2010), nhớ về những lần Bác về thăm Bắc Giang thật biết mấy tự hào.

Bacgiangonline.vn

16. Làng cá Cát Bà làm theo lời Bác

Cách đây 55 năm, ngày 31/3/1959, trong chuyến thăm và kiểm tra tình hình phát triển kinh tế xã hội sau hòa bình lập lại ở miền Bắc và một số đảo thuộc vùng Đông Bắc, Bác Hồ đã về thăm cán bộ, nhân dân huyện đảo Cát Hải, Cát Bà. Trong chuyến thăm này, Bác đã dành nhiều thời gian tiếp xúc, gặp gỡ các tầng lớp nhân dân, nhất là bà con ngư dân. Người nói chuyện với đồng bào, cán bộ, chiến sĩ Cát Hải tại bến Gót, với nhân dân Cát Bà tại cầu tàu Cát Bà.

Nhớ lần Bác về thăm đảo

Ngày 31/3/1959, nghe tin Bác về thăm đảo, đồng bào khắp nơi trên đảo Cát Bà nô nức tụ họp tại cầu tàu Cát Bà để được tận mắt nhìn thấy vị lãnh tụ kính yêu, được lắng nghe và trò chuyện cùng Người. Hàng ngàn cặp mắt rung rung, vui sướng hướng lên phía Bác, đón nghe từng lời dạy bảo ân cần của Người.

Khi nói chuyện, đối với công nhân, Bác dặn: “Tiền đồ của cá nhân không thể tách rời tiền đồ của Tổ quốc, của nhân dân, của giai cấp, của cách mạng, của Đảng. Nếu muốn tách rời tiền đồ của nhân dân thì chỉ có cách nhảy xuống biển, như người thủy thủ muốn rời khỏi con tàu. Đối với ngư dân, Bác khuyên: “Ngư dân phải khỏe mạnh hơn nữa mới đi được biển..., nghề cá ở đảo rồi đây phải đưa máy móc vào. Đảng và chính phủ sẽ giúp đỡ bà con sắm thuyền lưới tốt hơn để phát triển sản xuất”. Đối với chiến sĩ, Bác dặn đồng chí cán bộ huyện đội: “Chú chuyển lời Bác thăm hỏi sức khỏe anh em cán bộ chiến sĩ trong đơn vị ở đây”. Trước khi rời đảo, Bác căn dặn chung toàn Đảng bộ và nhân dân huyện đảo: “Miền Bắc nước ta đã giải phóng. Rừng vàng, biển bạc của ta, do dân ta làm chủ. Tất cả đồng bào

phải thi đua tăng gia, sản xuất, thực hành tiết kiệm, chăm chỉ học tập, xóa nạn mù chữ và bồi dưỡng văn hóa tốt hơn... “.

Lần về thăm Làng cá của Bác thực sự là một sự kiện lịch sử, một phần thưởng vô giá đối với Đảng bộ, quân và dân huyện đảo, là sự chăm lo, tình yêu thương của Bác dành cho đồng bào, chiến sĩ nơi đảo xa.

Nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội

55 năm đã trôi qua, nhớ lời Bác dạy, quân dân huyện Cát Hải đã khắc phục khó khăn, bảo vệ, dựng xây huyện đảo ngày càng giàu đẹp và giành được nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, an ninh quốc phòng, mà nổi bật nhất là kinh tế biển, bao gồm du lịch và thủy sản.

Năm 2013, kinh tế huyện phát triển khá toàn diện, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng nhóm ngành dịch vụ chiếm 68%. Số lượng khách du lịch đến với Cát Bà đạt hơn 1,3 triệu lượt người, doanh thu từ du lịch đạt 587,9 tỷ đồng. Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản đạt 8.617 tấn, giá trị sản xuất đạt 568,6 tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ.

Bí thư Huyện ủy Cát Hải Bùi Thanh Tùng chia sẻ: Kỷ niệm 55 năm ngày Bác Hồ về thăm làng cá Cát Bà, ngày truyền thống của ngành thủy sản Việt Nam và khai trương du lịch hè Cát Bà là dịp để Đảng bộ, chính quyền và nhân dân huyện Cát Hải thêm tự hào về truyền thống lịch sử anh dũng, kiên cường của Đảng bộ huyện, kính dâng lên Bác thành tựu vẻ vang sau 55 năm thực hiện lời dạy khi người về thăm.

Càng tự hào hơn khi ngày 9/12/2013, Thủ tướng chính phủ đã ban hành Quyết định số 2383/QĐ-TTg về việc xếp hạng di tích quốc gia đặc biệt đối với danh lam thắng cảnh quần đảo Cát Bà. Đây sẽ là điều kiện thuận lợi để quần đảo Cát Bà được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới và trở thành thành viên của hệ thống công viên địa chất toàn cầu trong tương lai không xa...

HPĐT - *Dulichhaiphong.gov.vn*

17. Mítting kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ về thăm Phú Thọ

Sáng 19/8, tại thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tổ chức Lễ mítting kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ về thăm tỉnh Phú Thọ (19/8), kỷ niệm 67 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9.

Dự lễ có lãnh đạo Ban tuyên giáo Trung ương, lãnh đạo Tỉnh ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân, các Mẹ Việt Nam Anh hùng, lão thành cách mạng, cùng đại diện các tầng lớp nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Thay mặt Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc tỉnh Phú Thọ, Bí thư Tỉnh ủy Nguyễn Doãn Khánh đã ôn lại thành tựu mà nhân dân các dân tộc địa phương đã phấn đấu suốt 50 năm qua theo lời dạy của Người; khẳng định: đúng

vào ngày này, hơn ba vạn cán bộ, bộ đội và đồng bào các dân tộc từ khắp nơi trong tỉnh đã có mặt đầy đủ để đón Bác.

Trong cuộc mít tinh tại sân vận động thị xã, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã thăm hỏi đồng bào các dân tộc, bộ đội, công an, dân quân, anh hùng lao động và các chiến sĩ thi đua toàn tỉnh, Bác khen ngợi những thành tích của Đảng bộ và nhân dân Phú Thọ đã đạt được, đặc biệt là các điển hình tiên tiến trong nông nghiệp.

Người nhấn mạnh “Đảng ta là đảng cách mạng. Ngoài lợi ích của nhân dân, Đảng ta không có lợi gì khác. Vì vậy, mà đảng ta được dân tin, dân phục, dân phục. Ngày nay, nhiệm vụ của Đảng ta là lãnh đạo quần chúng đánh thắng tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, xây dựng đời sống ấm no, sung sướng cho nhân dân. Như thế là xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để lãnh đạo tốt các cấp cũng phải thật đoàn kết, thật dân chủ, phải thực hành chế độ tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách và tự phê bình và phê bình để không ngừng tiến bộ...”

Người cũng căn dặn: “Đảng bộ Phú Thọ sẽ cố gắng lãnh đạo nhân dân tỉnh ta tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, hoàn thành và hoàn thành vượt mức những nhiệm vụ Đảng đã giao phó, trở nên tỉnh tiên tiến để góp phần đắc lực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc...”

Khắc ghi lời Bác dạy, 50 năm qua, nhất là sau hơn 25 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới và hơn 15 năm tái lập tỉnh, Phú Thọ đã nhanh chóng vượt qua khó khăn, thử thách để giành được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội. Chỉ tính từ năm 1991 đến nay, tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP) của Phú Thọ luôn được duy trì ổn định, giai đoạn sau tăng trưởng cao hơn giai đoạn trước.

Cùng với đà tăng trưởng kinh tế khá, chất lượng của nền kinh tế cũng được cải thiện. GDP bình quân đầu người năm 2011 đạt 14,5 triệu đồng, tăng 4,8 lần so năm 2000 và tăng 2,7 lần so năm 2005; cơ cấu kinh tế đã có sự dịch chuyển tích cực. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được đầu tư với tốc độ nhanh; bộ mặt nông thôn đến nay đã có nhiều khởi sắc.

Về văn hóa-xã hội có những tiến bộ trên nhiều mặt; sự nghiệp giáo dục và đào tạo tiếp tục phát triển, hệ thống trường lớp cho ngành giáo dục tiếp tục quan tâm đầu tư xây dựng; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân có tiến bộ vượt bậc, chất lượng khám, chữa bệnh được nâng lên; các di tích văn hóa, tín ngưỡng được quan tâm đầu tư.

Năm 2011, Hát Xoan Phú Thọ vinh dự được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp. Tỉnh Phú Thọ cũng đang tiếp tục hoàn thiện hồ sơ Tín ngưỡng thờ cúng Hùng Vương ở Phú Thọ để trình UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện nhân loại trong năm nay.

Đẩy mạnh hơn nữa công cuộc đổi mới đất nước, tỉnh Phú Thọ tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết, năng động và sáng tạo, tích cực chủ động, tranh thủ sự ủng hộ của các bộ, ngành Trung ương, phấn đấu đưa Phú Thọ trở thành tỉnh phát triển

khá trong khu vực vùng trung du miền núi Bắc Bộ, xứng đáng là mảnh đất cội nguồn dân tộc Việt Nam, nơi phát tích của một thời Hùng Vương dựng nước, vững vàng trong xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, góp phần cùng cả nước thực hiện mục tiêu đến năm 2020 đưa Việt Nam cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa đất nước.

Với những thành tích đó, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Phú Thọ vinh dự được Nhà nước tặng thưởng nhiều phần thưởng cao quý như Huân chương Sao Vàng, Huân chương Hồ Chí Minh; phong tặng danh hiệu “đơn vị anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân.”

Vnanet.vn

18. Bác Hồ với Bình Định và Bình Định với Bác Hồ

Chủ tịch Hồ Chí Minh - anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới; sự nghiệp vĩ đại và những di sản tư tưởng của Người là tài sản vô giá để cho muôn đời con cháu mai sau học tập và kế tục. Di sản tư tưởng của Hồ Chí Minh được hun đúc, xây đắp trước hết từ truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam, trong đó có đóng góp bởi mảnh đất giàu truyền thống văn hóa Bình Định, vì trong những năm đầu thế kỷ XX, Nguyễn Tất Thành - người thanh niên mà sau này đã “làm rạng danh non sông ta, đất nước ta”, đã có thời gian sống và học tập tại vùng đất đã sáng tạo ra các làn điệu dân ca bài chòi, tuồng cổ; đã sinh ra người anh hùng áo vải Tây Sơn - Nguyễn Huệ. Là một trong 5 địa phương trong cả nước (cùng với Nghệ An, Thừa Thiên - Huế, Bình Thuận và TP. Hồ Chí Minh) gắn bó với thân thể, sự nghiệp của Hồ Chí Minh trong khoảng thời gian từ lúc thiếu thời, đến khi Người xuống tàu ra đi tìm đường cứu nước, Bình Định tự hào vì đã có phần đóng góp vào việc giáo dục tinh thần yêu nước, hình thành nên nhân cách, tư tưởng của vĩ nhân Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh.

Khoảng thời gian học tập, hoạt động của Nguyễn Tất Thành ở Bình Định không dài nhưng đầy ý nghĩa. Có thể nói, Bình Định là bước dừng chân đầu tiên trên hành trình tìm đường cứu nước của Nguyễn Tất Thành. Sống trên vùng đất quê hương của đoàn quân áo vải Tây Sơn, bầu nhiệt huyết của Người được tiếp sức, được hâm nóng bởi tinh thần anh dũng quật cường của Quang Trung - Nguyễn Huệ, tinh thần hi sinh bất khuất của những người tham gia phong trào chống thuế... Tất cả đã thôi thúc, động viên Nguyễn Tất Thành tiếp tục nuôi chí lớn, quyết định tiếp bước trên hành trình cứu nước. Ấn tượng về vùng đất, con người Tây Sơn, Bình Định đã in sâu trong tâm khảm của Nguyễn Tất Thành. Sau này, trong rất nhiều bài viết của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhắc đến tấm gương của vị anh hùng dân tộc Quang Trung - Nguyễn Huệ và đoàn quân áo vải bách chiến bách thắng.

Những truyền thống lịch sử, văn hóa và đặc biệt là tình cảm của quê hương,

con người Bình Định đã trở thành hành trang theo Người trên dặm đường dài đi tìm đường cứu nước, cứu dân. Có thể nói, đây là sự kiện lịch sử có ý nghĩa quan trọng và là niềm tự hào của nhân dân Bình Định.

Tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh với nhân dân Bình Định là hết sức sâu nặng, nghĩa tình. Đối với nhân dân Bình Định, tình cảm của Bác Hồ là nguồn động viên, là sức mạnh to lớn, góp phần cùng cả nước hoàn thành sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước và tiếp tục giành thắng lợi trong công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước hiện nay.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về cõi vĩnh hằng 40 năm, nhưng những tư tưởng, đạo đức, phong cách, những di sản văn hóa của Người để lại cho chúng ta vẫn còn sống mãi. Tự hào là một trong 5 địa phương trong cả nước có gắn bó với thời niên thiếu của Bác Hồ trước khi Người xuống tàu đi tìm đường cứu nước, Đảng bộ và nhân dân Bình Định nguyện ra sức phấn đấu học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Người, nỗ lực vượt qua khó khăn thử thách, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp, góp phần cùng cả nước thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới đất nước vì mục tiêu “Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”.

Quỳnh Chi - *Baobinhdinh.com.vn*

19. Bác Hồ với Quảng Ninh - Quảng Ninh với Bác Hồ

Tỉnh Quảng Ninh đã thu hút sự quan tâm của nhiều người, nhiều nhà lãnh đạo của Đảng, Nhà nước và nguyên thủ quốc gia nhiều nước trên thế giới đã đến với Quảng Ninh- Việt Nam. Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt tên cho tỉnh Quảng Ninh khi sáp nhập tỉnh Hải Ninh và khu Hồng Quảng. Vùng đất rộng lớn và yên bình đó đã nhiều lần được đón Bác Hồ về thăm, với những lời chỉ bảo ân cần, sâu sắc.

Bác Hồ về thăm Quảng Ninh lần cuối vào ngày 2/2/1965. Đó là những ngày Tết Nguyên Đán năm Ất Ty. Hình ảnh Bác vẫn quen thuộc đối với mọi người: Tóc bạc trắng, da thắm hồng, đôi mắt rục sáng, nụ cười hiền hậu. Bác về vui tết chiến thắng với đồng bào, chiến sĩ Quảng Ninh. Thắng trên mặt trận đào than, thắng trong đánh giặc. Bác đã đến thăm nhiều cơ sở sản xuất ở vùng mỏ, gặp gỡ thân mật và chúc Tết đồng bào, chiến sĩ Quảng Ninh.

Sáng mùng một Tết, đông đảo cán bộ, công nhân, bộ đội và nhân dân họp mít tinh ở thị xã Hồng Gai để chào mừng và chúc Bác Hồ khỏe mạnh, sống lâu. Bác Hồ khen ngợi những thành tích to lớn trong sản xuất và chiến đấu của Quảng Ninh năm 1964. Bác nói: “Năm ngoái, tỉnh nhà đã giành được hai thắng lợi vẻ vang.

Thắng lợi thứ nhất là ngày 5/8, quân và dân ta đã cho bọn Đế quốc hiếu chiến Mĩ một bài học đích đáng, đã bắn rơi 8 máy bay Mĩ và bắn bị thương một số. Trong thắng lợi đó quân và dân vùng mỏ đã góp phần xứng đáng, đã bắn rơi 3 máy bay và bắt sống một tên phi công Mĩ.

Thắng lợi thứ hai là Công ty than Hòn Gai đã hoàn thành vượt mức kế hoạch 20 vạn tấn than...

Vui lòng về thành tích sản xuất của vùng mỏ, Bác tặng ngành Than Quảng Ninh “Cờ thưởng luân lưu thi đua khá nhất” và căn dặn thợ mỏ cùng toàn thể nhân dân Quảng Ninh tiếp tục phát huy thắng lợi trong sản xuất, công tác và sẵn sàng chiến đấu. Bác thân mật nói: “Năm nay Bác tặng cờ thưởng luân lưu cho cả ngành Than, đơn vị nào muốn được lá cờ thì phải thi đua gương mẫu trong mọi việc. Những cán bộ và công nhân nào xuất sắc nhất Bác sẽ tặng giải thưởng riêng”.

Trên đường về thủ đô, Bác Hồ đã dừng chân ở đồi thông Yên Lập. Mùa xuân 1958, hơn tám nghìn rưởi đoàn viên thanh niên các huyện miền Tây Quảng Ninh đã phủ kín thông non trên 30 ha đất trống, đồi trọc khu vực Biều Nghi, Yên Lập này. Bác ngồi dưới rừng thông đang lớn say sưa ngắm những cảnh thông xoè lá xanh rờn. Nơi ấy, nhân dân dựng đài kỷ niệm ghi nhớ ngày Bác ghé thăm phong cảnh và gặp gỡ những người nông dân xã Minh Thành, huyện Yên Hưng.

Bác Hồ đã 7 lần về thăm Quảng Ninh. lần cuối Bác Hồ về cùng đồng bào, chiến sĩ đón mùa xuân mới 1965 là lần thứ 7.

Lần thứ nhất Bác Hồ về thăm Quảng Ninh:

Lần đầu Bác Hồ đặt chân đến đất Quảng Ninh và Vịnh Hạ Long là để lo việc dân, việc nước. Đó là ngày 24/3/1946, khi chiếc thủy phi cơ Ca-ta-li-na của Pháp đón Bác từ Gia Lâm bay đến vịnh Hạ Long, hạ cánh lúc 10 giờ sáng.

Đại tướng Võ nguyên Giáp kể: Chiếc Ca-ta-li-na đáp nhẹ nhàng xuống mặt biển. Viên Đô đốc Cao ủy cùng với Lơ-cơ-léc đã đứng đợi trên tuần dương hạm mở máy ra khơi. Một tiệc rượu được tổ chức trên tàu. Viên đô đốc nâng cốc nói:

Cuộc hội kiến này là một cuộc hội kiến đầu tiên để thắt chặt tình thân thiện giữa nước Pháp và nước Việt Nam dân chủ cộng hòa. Tôi xin chúc mừng sức khỏe của Chủ tịch nước Việt Nam cường thịnh.

Đác-giang-li-ơ nhấn mạnh đây là cuộc hội kiến đầu tiên. Ý cố tự ý cho mình là người thay mặt nước Pháp tại Đông Dương, chứ không phải là Lơ-cơ-léc, người đã gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội.

Đáp lời viên đô đốc, Bác thẳng thắn:

Sở dĩ có cuộc hội kiến này cũng là vì có ngày 6/3/1946. Về phần Chính phủ Việt nam, chúng tôi đã thi hành đúng bản hiệp định sơ bộ rồi. Còn về phần nước Pháp, chúng tôi mong ngài cũng nên thành thực để đi đến thể hiện tình thân thiện giữa nước Việt nam và nước Pháp.

Đác-giang-li-ơ mời Chủ tịch Hồ Chí Minh duyệt hạm đội. Chiếc chiến hạm chạy lần lượt tới trước những con tàu có nhiều khẩu pháo lớn ghéch nòng đứng sắp thành hàng dài trên mặt biển. Sau đó, nó bắt đầu thả neo. Chủ tịch Hồ Chí Minh buông quai mũ, đứng cùng Đác-giang-li-ơ trên boong duyệt hạm đội Pháp. Thủy

thủ Pháp hô vang chào mừng vị chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

Trên máy bay trở về Hà Nội, Chủ tịch Hồ Chí Minh nói với Xa-lăng:

Nếu đô đốc muốn đem tàu bè ra để lung lạc tôi thì ông ta đã làm to. Những tàu đó không thể nào đi ngược các dòng sông của chúng tôi”.

Lần thứ hai Bác Hồ về thăm Quảng Ninh:

Cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp dưới sự lãnh đạo của Bác Hồ và của Đảng giành thắng lợi, tháng 10/1957, Bác Hồ lại về thăm Quảng Ninh, thăm vịnh Hạ Long.

Ngày 4/10/1957, nhân dân thị xã Hồng Gai họp mít tinh mừng đón Bác, nghe Bác nói chuyện. Bác khen các tầng lớp nhân dân vùng mỏ đoàn kết chặt chẽ, rất cố gắng khắc phục khó khăn khôi phục đời sống, khôi phục và phát triển kinh tế. Bác răn dạy cán bộ, đảng viên những điều chí lý: Cán bộ Đảng, cán bộ chính quyền không phải làm quan cách mạng ăn trên ngồi chốc. Cán bộ đảng cũng như cán bộ chính quyền, ngay cả Bác là cán bộ cao nhất đều là đầy tớ của nhân dân phải hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, phải cần kiệm liêm chính. Muốn thế phải gần gũi nhân dân, khuyến khích nhân dân, lãnh đạo nhân dân”.

Về Quảng Ninh lần ấy, Bác đã đi thăm nhiều cảnh đẹp của Vịnh Hạ Long. Chiếc ca nô đưa Bác từ Bãi cháy qua hang Đầu gỗ, Bò Nâu rồi đến Cửa Giữa. Ca nô dừng lại ở vũng Nam Hoa, bên doi cát trắng mịn hình trăng lưỡi liềm. Bác bước xuống doi cát, dừng lại giây lát, ngắm đảo. Sau đó, Bác cùng một số đồng chí trong đoàn tắm biển và tắm nắng ở doi cát.

Ngày thứ hai, bác vào thăm hang Đầu Gỗ. Từ chân đảo đến cửa hang phải leo lên 90 bậc. Bác nhanh nhẹn đi qua 90 bậc đó. Đến cửa hang, Bác bảo những người cùng đi:

Các chú phải là người vẽ cảnh như Bác, thế mới vui! Cảnh đẹp một người không thể truyền đạt lại cho nhiều người. Tất cả các chú phải cùng Bác thưởng thức.

Ngày thứ ba, ca-nô đưa Bác đến đảo Ấm Em, rồi đến Hòn Dừa, Vũng Đục. Đến đảo Rều, Bác xuống tắm ở bãi cát dưới chân đảo này. Bác nghỉ trên một tấm ván đặt ngang qua con suối cạn, dưới dàn cây gia mật mèo.

Bác vẫn tiếp tục đến thăm lạch Ông Cự. Ở đây, có một hòn núi đá giống ông cự ngồi trầm ngâm trên mặt nước. Bác ngồi bên hòn núi đá ngắm trời nước.

Ca-nô còn đưa Bác đi theo lạch Gà Chọi, qua núi Hang Gà, ghé vào bãi Ghềnh Rú. Ở đây có hang Trống. Hang có hai cửa đối diện nhau qua một vách đá dẹt và không cao. Từ cửa hang bên này nhìn qua hang, thấy cửa hang bên kia. Âm thanh của biển dội vào trong hang nghe thùng thùng như tiếng trống. Ca-nô dừng lại trước cửa hang Trống một lúc để Bác ngắm cảnh. Rồi tiếp tục đi sâu vào trung tâm vịnh. Gần đến vũng Tàu Đắm, một lạch hẹp nằm giữa hai triền núi đá, Bác bảo neo

thuyền ở đây để đi câu cá.

Từ chỗ Bác ngồi câu cá nhìn ra là vùng biển khá rộng. Phía Bắc vùng biển này là Hòn Rong, phía Tây là quần đảo Long Châu. Chính trên vùng biển này, vào ngày 24/3/1946, Bác đã hội đàm với Cao ủy Pháp Đắc-giang-li-ơ để xúc tiến việc ký một hiệp định chính thức giữa ta và Pháp mà trong Hiệp định sơ bộ 6/3/1946 hai bên đã thoả thuận.

Lần thứ ba Bác Hồ về thăm Quảng Ninh:

Ngày 30/4/1959, Bác Hồ về thăm mỏ Đèo Nai và là lần thứ ba Bác đến với đồng bào, chiến sĩ Quảng ninh. Bác thân mật nói chuyện với cán bộ, công nhân: “Than ở vùng mỏ vào loại tốt của thế giới. Biển ở vùng mỏ vào loại kỳ quan của loài người. Các chú phải làm than cho tốt!”. Bác cũng ân cần nhắc nhở: Chất lượng than khai thác còn kém, than cục chưa đảm bảo đúng tỷ lệ quy định; công tác bảo hộ lao động yếu.

Bác nói: “Cán bộ có cố gắng, nhưng chưa đầy đủ và còn một số cán bộ quan liêu, mệnh lệnh, cần phải gần gũi giúp đỡ công nhân sản xuất. Công nhân và cán bộ đoàn kết thành một khối thì việc gì cũng làm được”.

Lần thứ tư Bác Hồ về thăm Quảng Ninh:

Vào ngày 20/2/1960. Lần này, Bác về thăm đồng bào các dân tộc tỉnh Hải Ninh (Cũ). Bác nói chuyện với đồng bào về hai nhiệm vụ chiến lược của toàn Đảng, toàn dân ta trong giai đoạn ấy là xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Bác nhấn mạnh: Xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công thì đấu tranh thống nhất nước nhà nhất định thắng lợi.

Bác đã đến thăm và nghỉ lại qua đêm ở bãi biển Trà Cổ, Bác đi qua cầu Hữu Nghị Bắc Luân để có một thoáng ngắm phố Đông Hưng, một thị trấn của nước bạn Trung Hoa nằm bên bờ sông biên giới.

Lần thứ năm Bác Hồ về thăm Quảng Ninh:

Cô Tô, phần đất biên ải của Quảng Ninh, một quần đảo nằm giữa trùng khơi sóng gió, được Bác Hồ đến thăm ngày 9/5/1961. Đặt chân lên mặt đất giữa biển cả xa xôi này, Bác đã đến nhiều xóm trên đảo, thăm các đơn vị bộ đội, các cơ sở sản xuất. Bác ân cần thăm hỏi sức khỏe của các cụ phụ lão, tìm hiểu về đời sống nhân dân và các đơn vị vũ trang bảo vệ đảo. Bác khen ngợi nhân dân trên đảo đoàn kết chặt chẽ, khắc phục khó khăn, thi đua sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm ăn vui vẻ, tiến bộ.

Các chiến sĩ trên đảo nhớ mãi lời dạy của Bác: Nơi hiểm yếu không chỉ cần súng lớn mà còn cần phải có lòng “Trung với Đảng, hiếu với dân”.

Sau này, nhân dân và bộ đội trên đảo Cô Tô đề đạt nguyện vọng với Bác cho phép dựng tượng của Người để lưu giữ mãi hình ảnh Người đến đảo. Đây là bức tượng duy nhất được Người ưng thuận cho phép tạc dựng khi Người còn sống.

Hàng ngày ngắm nhìn tượng Bác, đồng bào và chiến sĩ sống trên quần đảo Cô Tô hiểu rằng Bác nhắc nhở mọi người đây là mảnh đất của nước Việt Nam, là tiền đồn của Tổ quốc thân yêu. Tất cả phải cố gắng bảo vệ, giữ gìn và phải phấn đấu vươn lên, mọi mặt đều tiến bộ để xứng đáng với tình cảm của Bác Hồ dành cho dân đảo.

Lần thứ sáu Bác Hồ về thăm Quảng Ninh:

Ngày 22/1/1962, Bác Hồ về thăm vùng mỏ và vịnh Hạ Long. Đến với nhân dân Quảng Ninh lần thứ sáu này, Bác đưa cả anh hùng vũ trụ Liên Xô Ghéc-man Ti-tốp cùng đi. Người anh hùng vũ trụ Liên Xô ấy, cũng được Bác Hồ và nhà nước ta tặng danh hiệu anh hùng Việt Nam.

Nhân dân thị xã Hòn Gai họp mít tinh lớn chào đón Bác và hoan nghênh Ghéc-man Ti-tốp. Bác phát động công nhân và mọi tầng lớp nhân dân phấn đấu trong lao động sản xuất, công tác và học tập giành “Danh hiệu Ti-tốp” vẻ vang. Bác dặn ai đạt “Danh hiệu Ti-tốp” trong phong trào thi đua này thì báo cho Bác biết, Bác sẽ có quà thưởng gửi về tặng.

Bác cùng Ghéc-man Ti-tốp đi thăm vịnh Hạ Long. Bác Hồ và Ti-tốp lại đến vũng Nam Hoa, nơi có doi cát trắng mịn hình trăng lưỡi liềm ấy.

Du ngoạn trên vịnh Hạ Long lần đó, thấy một hòn đảo đá rất đẹp, Bác hỏi một đồng chí lãnh đạo địa phương ngồi cạnh:

- Đảo này đã có tên chưa?
- Thưa Bác đảo mới đánh số trên hải đồ, còn tên riêng thì chưa ai đặt ạ!
- Theo Bác, chú nên thưa với đồng bào ta ở đây, đặt tên cho đảo ấy là đảo “Ti-tốp”.

Theo ý nguyện của bác, trong một phiên họp, Hội đồng nhân dân tỉnh đã nhất trí đặt tên cho hòn đảo số 47 trên hải đồ Hạ Long là đảo “Ti-tốp”.

Phong trào thi đua giành “Danh hiệu Ti-tốp” sau 9 tháng phấn đấu hầu hết các ngành sản xuất, công tác... đều có những đơn vị, cá nhân đạt được. Ngày 3/11/1962, Bác đã quyết định tặng bằng khen cho các đơn vị và cá nhân lập nhiều thành tích trong đợt thi đua giành “Danh hiệu Ti-tốp” do Người phát động.

Ngày 15/11/1968, Đoàn đại biểu công nhân, cán bộ ngành Than báo công cùng với Bác tại phủ Chủ tịch. Đây là lần cuối cùng trước lúc đi xa, bác Căn dặn: Xây dựng ngành Than trở thành một ngành kinh tế gương mẫu cho các ngành kinh tế khác và tỉnh Quảng Ninh trở thành tỉnh giàu đẹp. Lời dạy ân cần ấy, tỉnh Quảng Ninh hôm nay đã và đang phát triển với nhịp độ cao” một ngày bằng mười năm” và ngành Than phát triển vượt bậc, vững bước tiến lên trên con đường công nghiệp hoá- hiện đại hóa.

Qtv.vn

20. Bác Hồ với Quảng Nam

Những năm 1908-1909, Lê Đình Dương, người con của quê hương Quảng Nam là bạn học với Nguyễn Tất Thành (Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh) ở trường Quốc học Huế và trở thành người bạn tâm giao. Sau khi cùng Nguyễn Tất Thành tham gia biểu tình chống thuế tại Huế, Lê Đình Dương đã đưa Nguyễn Tất Thành về thăm quê ở La Kham (Điện Bàn) và Hội An. Chuyến thăm này đã để lại những ấn tượng đối với người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành.

Trong quá trình hoạt động cách mạng, tiếp xúc với cán bộ, chiến sĩ Quảng Nam. Trong những câu chuyện, Người hay nhắc đến tính “hay cãi” của người Quảng Nam và ghi nhận “Quảng Nam - đất cách mạng kiên cường”. Người cũng rất quan tâm đến các nhân vật Quảng Nam trong lịch sử như Hoàng Diệu, Trần Quý Cáp, Phan Thanh, Nguyễn Văn Trỗi... Bác gọi Hoàng Diệu “cùng thành còn mất làm gương để đời”, gọi Trần Quý Cáp là “nhà nho thanh cao”. Trong phiên họp Chính phủ Quốc hội khóa I năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá cao về tài năng, đạo đức của cụ Huỳnh Thúc Kháng (quê Tiên Phước), Người nói: “Con người học hành rất rộng, chí khí rất bền, đạo đức rất cao”. Người còn nhận xét về cụ Huỳnh: “Cụ Huỳnh là người mà giàu sang không làm xiêu lòng, nghèo khổ không làm nản chí, oai vũ không làm sồn gan,... cả đời cụ Huỳnh chỉ phấn đấu cho dân được tự do, nước được độc lập”. Trước sự hi sinh anh dũng của anh Nguyễn Văn Trỗi (quê Điện Thắng, Điện Bàn), Người viết: “Nguyễn Văn Trỗi đã anh dũng đấu tranh, chống đế quốc Mỹ đến hơi thở cuối cùng. Chí khí凛烈 của anh hùng Trỗi là một tấm gương cách mạng sáng ngời cho mọi người yêu nước, nhất là các cháu thanh niên, học tập”.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhiều người Quảng Nam vinh dự được làm việc bên Hồ Chủ tịch như cụ Huỳnh Thúc Kháng, Phan Bội (Hoàng Hữu Nam), Lê Văn Hiến, Lê Thị Xuyên... Rồi những năm kháng chiến chống Mỹ, nhiều cán bộ, chiến sĩ Quảng Nam ra miền Bắc học tập, công tác... có dịp được gặp Bác, được ăn cơm với Bác...

Quảng Nam với Bác Hồ

Đáp lại tình cảm và sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Quảng Nam đã có nhiều phong trào cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Năm 1930, sau khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, không lâu sau ngày 28/3/1930 Đảng bộ tỉnh Quảng Nam được thành lập. Từ đây, Đảng bộ tỉnh đã lãnh đạo nhân dân Quảng Nam đi theo con đường cách mạng của Đảng và Bác Hồ đã chọn.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân Quảng Nam tích cực hưởng ứng lời kêu gọi của Người trong các phong trào diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, tiến hành kháng chiến chống thực

dân Pháp xâm lược. Bước sang thời kỳ chống Mỹ, Đảng bộ và nhân dân Quảng Nam luôn một niềm tin theo Đảng, theo Bác. Ở miền núi phong trào cách mạng được giữ vững và là căn cứ địa, nơi che chở đùm bọc cho cán bộ Tỉnh ủy, Khu ủy hoạt động. Trong những ngày này, nhân dân miền núi Quảng Nam, Quảng Đà luôn hướng về Người với tình cảm thiêng liêng nhất, đấu tranh với kẻ thù để bảo vệ hình ảnh của Đảng, hình ảnh Bác Hồ. Tại Đại hội lần thứ III của Đảng (năm 1960), từ vùng núi xa xôi, Chi bộ Vùng Ta Ngool, xã La Êê, huyện Nam Giang, đã viết bức thư gửi Bác Hồ.

Sau Nghị quyết 15 của Trung ương Đảng, phong trào cách mạng ở Quảng Nam nhanh chóng phát triển, các phong trào đấu tranh vũ trang kết hợp chính trị và binh vận, phát động quần chúng nổi dậy giành lại nông thôn, đồng bằng tiêu biểu là cuộc khởi nghĩa vũ trang làng Ông Tía, Hiệp Đức, giải phóng Tứ Mỹ, xã Kỳ Sanh... Đỉnh cao là chiến thắng Núi Thành (đêm 25 rạng sáng 26/5/1965) cho thấy ta có thể đánh Mỹ và thắng Mỹ. Với thắng lợi này, Quảng Nam được Trung ương Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam và Bác Hồ tặng 8 chữ vàng “Trung dũng, kiên cường, đi đầu diệt Mỹ”.

Giữa lúc phong trào cách mạng đang trong giai đoạn ác liệt nhất, ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh từ trần. Đây là nỗi đau thương, mất mát không gì bù đắp được của Đảng và dân tộc ta. “Biến đau thương thành hành động”, nhân dân Quảng Nam, Quảng Đà bất chấp sự kìm kẹp của kẻ thù, luôn bày tỏ tình cảm của mình bằng nhiều hình thức như lập bàn thờ Bác, lập sổ đăng ký giữ vững lời thề “Thề mãi là dân Cụ Hồ”, quyết lập nhiều chiến công mới. Tại khu vực Sông Tranh, ngày 9/9/1969 đồng chí Võ Chí Công - Bí thư Khu ủy 5 đọc điều văn truy điệu Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tại nhà lao Hội An cũng đã diễn ra nhiều hoạt động tưởng nhớ Người. Khi hay tin Bác mất, ông Huỳnh Kim Vạn đã làm điều văn truy điệu Bác vào ngày 10/9/1969 với đông đảo tù nhân chính trị tham dự. Cũng tại nhà lao Hội An, 6 chị em chính trị đã thêu bài thơ *Nhật ký trong tù* của Bác và bí mật chuyển ra bên ngoài.

Sau khi Người từ trần, để bày tỏ tình cảm kính yêu, lòng biết ơn vô hạn, đồng bào một số dân tộc miền núi Quảng Nam đã lấy theo họ “Hồ”. Có nơi, người dân xây tượng Bác, lập bàn thờ, xây nhà lưu niệm trong khuôn viên của gia đình.

Lê Năng Đông - Baoquangnam.com.vn

21. Nhớ ngày Bác Hồ vào thăm Quảng Bình

Mới đó mà đã 56 năm ngày Bác Hồ vào thăm Quảng Bình (16/6/1957 - 16/6/2013). Những bài viết, hồi ký của nhiều nhân chứng lịch sử đã đưa chúng ta trở lại với sự kiện lịch sử đó. Dưới đây là một trong những nhân chứng đã có cuộc trao đổi với chúng tôi. Ông nguyên là cựu chiến binh Sư đoàn 325 đóng ở Nhật Lệ: ông Lê Bá Hùng, hiện là hưu trí ở phường Đồng Sơn, thành phố Đồng Hới.

Ngày 16/6/1957, Bác Hồ về thăm Quảng Bình. Bác Hồ đã gặp gỡ các cán bộ văn phòng Ủy ban nhân tỉnh, Tỉnh ủy Quảng Bình, có cuộc gặp gỡ và nói chuyện với hơn 500 cán bộ cốt cán tại Hội trường Tỉnh ủy Quảng Bình, gặp gỡ nói chuyện với các cụ là già làng trưởng bản các dân tộc thiểu số của Quảng Bình. Đặc biệt Bác Hồ đã nói chuyện với hàng vạn đồng bào và chiến sĩ tại sân vận động Đồng Hới ngay chiều hôm đó. Tối Bác gặp mặt các cán bộ chiến sĩ Sư đoàn 325 ở biển Nhật Lệ.

Theo ông Lê Bá Hùng thì kế hoạch nói chuyện và gặp mặt của Bác với cán bộ chiến sĩ tại sân vận động Đồng Hới vào lúc 4 giờ 30 phút sáng ngày 17/6/1957 đã không thực hiện được vì có kế hoạch đột xuất Bác phải ra Hà Nội. Sau khi nói chuyện với cán bộ và nhân dân ở sân vận động Đồng Hới, Bác về nhà khách một lát rồi lại lên đường đi thăm Sư đoàn 325. Đến sư 325 Bác làm việc ngay với Ban chỉ huy Sư đoàn và quyết định sáng mai 17/6/1957 sẽ thăm và nói chuyện với các lực lượng vũ trang tỉnh.

Tối 16/6/1957, sau khi tắm biển, ăn cơm ở Nhật Lệ, Bác xem văn nghệ của Sư đoàn biểu diễn, anh em bộ đội quây quần quanh Bác như con với cha. Buổi xem văn nghệ không chuẩn bị trước nhưng sôi nổi ấm cúng lạ thường. Các chiến sĩ ai cũng hăng hái đóng góp tiết mục phục vụ Bác. Ai hát hay được Bác thưởng cho một chiếc kẹo, hát hay được vỗ tay nhiều lần bác thưởng hai chiếc kẹo. Cứ như thế, buổi liên hoan kéo dài...

Đến hơn 9 giờ tối, Bác nhận được lệnh của Trung ương mời Bác ra gấp để họp Bộ Chính trị. Bác đi đi lại lại như đang trầm trồ suy nghĩ và hút thuốc liên tục, rồi Bác nói với đồng chí Hoàng Văn Thái, sáng mai Bác không gặp được cán bộ chiến sĩ của lực lượng vũ trang tỉnh. Việc này Bác không đành, chú có ý kiến gì hay để Bác được gặp và nói chuyện với bộ đội dù chỉ 5 phút, mười phút.

Sau một hồi suy nghĩ, đồng chí Hoàng Văn Thái nói: Dạ thưa Bác, thế này ạ - Cháu định chỉ thị cho các đơn vị của các Đại đoàn 1 giờ sáng hành quân tập kết tại sân vận động Đồng Hới để gặp Bác. Bác nói: Ô thế thì thương các chú quá, vì Bác mà bộ đội ta phải vất vả hành quân khuya khoắt thế sao? Đồng chí Hoàng Văn Thái nói: Thưa Bác, bộ đội ta hành quân như thế quen rồi ạ. Vả lại đây là dịp rèn luyện thêm cho bộ đội và cán bộ chiến sĩ. Khi nhận được tin sẽ được gặp Bác Hồ là rất phấn khởi hành quân nhanh lắm ạ. Bác cười và gật đầu.

Mệnh lệnh được truyền đi trong đêm. Chỉ sau hai giờ, sau khi nhận được lệnh, cán bộ chiến sĩ của Sư đoàn đã nhanh chóng hành quân và đúng 3 giờ sáng 17/6/1957 đã tập trung đông đủ tại sân vận động và chỉnh đốn trang phục để đón Bác.

Tại cuộc mít tinh, Bác chuyển lời thăm hỏi của Trung ương Đảng, Chính phủ đến các lực lượng vũ trang nhân dân tỉnh ta. Bác căn dặn cán bộ chiến sĩ trong các lực lượng vũ trang hãy nhận rõ vị trí quan trọng của Quảng Bình mà mài sắc cảnh giác, tăng cường đoàn kết, ra sức học tập quân sự, chính trị, rèn luyện đạo đức

phẩm chất của người chiến sĩ cách mạng, tích cực tham gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, xây dựng quân đội lớn mạnh về mọi mặt để hoàn thành mọi nhiệm vụ mà Đảng và nhân dân giao phó trong bất kỳ tình huống nào.

Đồng chí Hoàng Văn Thái đã thay mặt cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân hứa nghiêm chỉnh thực hiện lời giáo huấn của Bác và triệt để chấp hành mọi mệnh lệnh của Quân ủy Trung ương mà đồng chí Đại tướng Nguyễn Chí Thanh đã thay mặt Quân ủy Trung ương giao phó. Mít tinh xong là 4 giờ sáng, Bác phải chia tay để ra sân bay. Đoàn xe chở Bác chạy từ từ về hướng sân bay trong màn sương sớm. Từng đoàn người không được báo nhưng vẫn đứng tiễn Bác.

Đến sân bay, Bác lần lượt bắt tay tất cả đại biểu. Bác nói rất tiếc là vào Quảng Bình chưa hết chương trình mà phải về, Bác sẽ lại vào, chỉ mong Quảng Bình làm tốt chủ trương chính sách của Trung ương Đảng và Chính phủ và những lời căn dặn của Bác.

Lịch trình Bác vào thăm Quảng Bình thực tế chỉ 21 giờ nhưng Bác đã để lại cho nhân dân, cán bộ và chiến sĩ Quảng Bình nhiều bài học bổ ích. Suốt 56 năm qua, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân Quảng Bình đã thực hiện và làm theo lời Bác dặn.

Baoquangbinh.vn

22. Thanh Hóa nhớ ơn và nguyện làm theo lời Bác

Ngay từ khi thực dân Pháp tiến hành xâm lược nước ta (1858), các phong trào yêu nước chống Pháp của nhân dân ta đã liên tiếp nổ ra với mong muốn giành lại độc lập dân tộc. Phong trào này chưa dứt thì phong trào khác đã lại bùng nổ, nhưng tất cả đều thất bại và bị chìm trong biển máu do chưa có được một đường lối đúng đắn. Dưới chế độ thuộc địa nửa phong kiến, nhân dân ta không được hưởng một chút quyền tự do dân chủ nào, sưu cao thuế nặng, tính mạng con người không đáng một đồng chính, oán khổ ngút trời không sao kể xiết... Cả dân tộc rên xiết làm than dưới gót giày của bọn thực dân xâm lược. Tình hình đen tối như không có đường ra.

Cũng như nhân dân cả nước, nhân dân Thanh Hóa khao khát tìm ra được con đường và cách thức mới, có khả năng tập hợp lực lượng, tạo ra được sức mạnh mới để chiến thắng kẻ thù xâm lược, giành lại độc lập cho dân tộc...

Trước cảnh nước mất, nhà tan, ngày mùng 5/6/1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành, tức Bác Hồ kính yêu của chúng ta khi còn trẻ, đã ra đi tìm đường cứu nước.

Sau nhiều năm bôn ba tìm đường cứu nước, với nhãn quan chính trị sắc bén và thiên tài trí tuệ của mình, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã vượt qua được tầm nhìn hạn chế của những người Việt Nam yêu nước đương thời, tìm thấy con đường cứu nước duy nhất đúng đắn là con đường cách mạng vô sản, mở đường đưa dân tộc ta thoát

khỏi cuộc khủng hoảng sâu sắc về đường lối cứu nước. Những người con ưu tú của quê hương Thanh Hóa lúc bấy giờ như Lê Hữu Lập, Đinh Chương Phương, Lê Mạnh Trinh đã vinh dự được tham gia vào lớp học đầu tiên về chủ nghĩa Mác-Lênin, về con đường cứu nước theo quan điểm vô sản do lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc tổ chức tại Quảng Châu (Trung Quốc), và chỉ một thời gian ngắn sau khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời thì Đảng bộ Thanh Hóa cũng được thành lập, đưa phong trào yêu nước của nhân dân Thanh Hóa hòa vào cuộc đấu tranh chung của cả dân tộc theo con đường duy nhất đúng mà lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã lựa chọn.

Cùng với nhân dân cả nước đi theo con đường cách mạng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, Đảng bộ và nhân dân Thanh Hóa đã có những đóng góp xứng đáng, rất đáng tự hào vào cuộc đấu tranh chung của cả dân tộc và vinh dự được 4 lần đón Bác Hồ về thăm vào những năm 1947, 1957, 1960 và 1961; được Bác chỉ bảo ân cần, động viên sâu sắc với một tình cảm thân thương, vô cùng gần gũi.

Ngay từ năm 1947, lần đầu tiên về thăm Thanh Hóa, Bác đã đặt vấn đề: Thanh Hóa phải trở thành một tỉnh kiểu mẫu. Bác khẳng định điều đó nhất định được, vì Thanh Hóa “người đông, đất rộng, của cải nhiều, chỉ còn thiếu sự điều khiển sắp đặt”. Cái “sự điều khiển sắp đặt” ấy chính là vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, đảng viên. Bác thẳng thắn chỉ ra những sai lầm, khuyết điểm của đội ngũ cán bộ, đảng viên, của cơ quan hành chính nhà nước và khẳng định Chính phủ là đầy tớ của dân. Người đã nói rất chí tình, chí lý với cán bộ và nhân dân Thanh Hóa: “Nếu Chính phủ làm hại dân thì dân có quyền đuổi Chính phủ. Nhưng khi dân dùng đầy tớ làm việc cho mình thì phải giúp đỡ Chính phủ. Nếu Chính phủ sai thì phải phê bình, phê bình nhưng không phải là chửi... Xin đồng bào hãy phê bình giúp đỡ, giám sát công việc của Chính phủ. Còn những việc làm, mà chưa làm được thì xin đồng bào nguyên lượng. Vì có nấu cơm cũng 15 phút mới chín, huống chi là sửa chữa cả một nước 80 năm nô lệ, người tốt có, người xấu có, một đám ruộng có lúa lại có cỏ, muốn nhổ cỏ thì cũng vài ba giờ mới xong”

Những lời căn dặn, chỉ bảo ân cần đầy tình nghĩa và cũng là phương pháp cách mạng thấm đượm tính nhân văn cao cả ấy đã được cán bộ và nhân dân Thanh Hóa ghi nhớ, tăng cường đoàn kết, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, đóng góp một phần xứng đáng vào cuộc kháng chiến cứu nước thần thánh 9 năm của dân tộc, làm nên một trận Điện Biên Phủ “lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu”

Năm 1957, vào thăm Thanh Hóa lần thứ hai, Bác đã khen ngợi: “Trong một Chiến dịch Điện Biên Phủ, Thanh Hóa góp 12 vạn dân công vận tải lương thực cho bộ đội. Bây giờ tiếng Việt Nam đến đâu, tiếng Điện Biên Phủ đến đó. Tiếng Điện Biên Phủ đến đâu, đồng bào Thanh Hóa cũng có một phần vinh dự đến đó”.

Trong những năm 1960 và 1961, Bác Hồ lại đã có hai lần vào thăm và làm việc tại Thanh Hóa. Bác khen ngợi Thanh Hóa “đã có nhiều biến đổi tốt” nhưng “cần phải ra sức khắc phục những khuyết điểm còn lại để tiến bộ hơn nữa”. Người đã ân

cần chỉ bảo và bày tỏ mong muốn đội ngũ cán bộ, đảng viên và đoàn viên thanh niên lao động phải thực sự xung phong gương mẫu tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống quan liêu mệnh lệnh, chống lãng phí, tham ô..., tăng cường đoàn kết để xây dựng Thanh Hóa thành một trong những tỉnh khá nhất miền Bắc, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và làm nền tảng vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Tháng 11/1968, khi nói chuyện với đoàn cán bộ Tỉnh ủy Thanh Hóa ra làm việc tại Hà Nội, Bác lại nhắc nhở: “Trước đây, khi Bác vào thăm Thanh Hóa, Bác đã nói rõ:

Thanh Hóa dân đông, đất rộng, rừng vàng, biển bạc, đủ điều kiện để trở thành một tỉnh giàu đẹp và kiểu mẫu. Để tiến lên, các cấp và cán bộ Thanh Hóa phải thực hiện dân chủ rộng rãi với nhân dân; đảng viên, đoàn viên phải gương mẫu với nhân dân”

Có thể nói những tình cảm của Bác Hồ đối với Thanh Hóa thật sâu rộng, với những lời chỉ bảo ân cần, thân thương, tình nghĩa. Thanh Hóa có vinh dự là một tỉnh được Bác về thăm nhiều lần. Trong các bài nói, bài viết của Bác về Thanh Hóa, hầu hết các lĩnh vực đều được Người đề cập và cho những ý kiến chỉ đạo quý báu. Mỗi thành tựu mà cán bộ và nhân dân Thanh Hóa giành được đều được Người theo dõi, biểu dương, khen ngợi; đồng thời với một thái độ vừa thân ái vừa nghiêm khắc, Người đã chỉ ra những khuyết điểm cần phải khắc phục để có thể xây dựng Thanh Hóa thành một tỉnh kiểu mẫu.

Khắc sâu những lời dạy bảo ân cần và những tình cảm thân thương, gần gũi của Bác, các thế hệ cán bộ và nhân dân Thanh Hóa đã tăng cường đoàn kết, khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên để hoàn thành mọi nhiệm vụ. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, với các phong trào “Mỗi người làm việc bằng hai vì miền Nam ruột thịt”, “Thanh niên ba sẵn sàng”, Phụ nữ ba đảm đang”, “Thóc không thiếu một cân, quân không thiếu một người”, cán bộ và nhân dân Thanh Hóa đã huy động đến mức cao nhất, nhiều nhất nhân tài, vật lực cho tiền tuyến lớn miền Nam; đồng thời cùng quân dân cả nước hoàn thành xuất sắc nghĩa vụ quốc tế đối Lào và Campuchia, góp phần xứng đáng vào thắng lợi vĩ đại của cả dân tộc, đưa đất nước ta bước vào một thời kỳ mới: Thời kỳ cả nước cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội, “thực hiện một nước Việt Nam hòa bình, độc lập, thống nhất, dân chủ và giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào phong trào cách mạng thế giới” như mong muốn của Bác Hồ kính yêu.

Trong thời kỳ cả nước cùng đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới vì mục tiêu xã hội chủ nghĩa, thực hiện lời thề thiêng liêng đối với Bác khi Bác đi xa, mặc dù còn có muôn vàn khó khăn nhưng cán bộ và nhân dân Thanh Hóa đã không ngừng nỗ lực phấn đấu chăm lo ổn định và cải thiện đời sống nhân dân; tốc độ tăng trưởng kinh tế hàng năm trong những năm qua luôn duy trì được ở mức khá, năm sau cao hơn năm trước; đoàn kết trong Đảng và trong nhân

dân được tăng cường; phong trào “Đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn”, giúp đỡ người có hoàn cảnh khó khăn, đồng bào bị thiên tai, rủi ro... như lời dạy của Bác, luôn được duy trì và đẩy mạnh, thu hút được đông đảo các tầng lớp nhân dân tham gia.

Nhân kỷ niệm 100 năm ngày Bác Hồ đi tìm đường cứu nước, nhìn lại chặng đường lịch sử đã qua, bồi hồi nhớ lại những tình cảm thân thương và vô cùng gần gũi của Bác; với lòng biết ơn vô hạn đối với vị lãnh tụ vĩ đại và người cha già kính yêu, người đã tìm ra con đường sáng cho dân tộc, cán bộ và nhân dân Thanh Hóa một lần nữa xin hứa đoàn kết, phấn đấu, nguyện đem hết sức mình ra sức thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XI của Đảng cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Đại hội XVII của Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa; phấn đấu đến năm 2015, Thanh Hóa đạt được mức thu nhập bình quân của cả nước và đến năm 2020 sẽ trở thành một trong những tỉnh tiên tiến, đáp ứng lòng mong mỏi của Bác Hồ kính yêu.

T.D.K - *Truongchinhtrithanhhoa.gov.vn*

23. Quê hương Nghệ An trong lòng Chủ tịch Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc, người đã lái con thuyền cách mạng Việt Nam vượt qua bão tố thác ghềnh, đấu tranh giành lại độc lập cho dân tộc, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, nay là Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam. Người được tôn vinh là anh hùng giải phóng dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới. Hơn 42 năm Người đã đi xa nhưng tư tưởng, tình cảm của Bác Hồ luôn sống mãi với Đảng bộ và nhân dân Nghệ An.

Quê hương - Cội nguồn tư tưởng Hồ Chí Minh

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình nhà nho nguồn gốc là nông dân, thân phụ của Người - cụ Phó bảng Nguyễn Sinh Sắc là một nhà nho yêu nước thương dân, thân mẫu của Người - cụ Hoàng Thị Loan là một người phụ nữ đảm đang hội tụ các đức tính công, dung, ngôn, hạnh. Thân mẫu và thân phụ ảnh hưởng đến sự hình thành tư tưởng yêu nước thương dân, ảnh hưởng sâu sắc đến tình cảm, nhân cách của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nghệ An - quê hương của Người có nhiều anh hùng nổi tiếng trong quá trình đấu tranh chống giặc ngoại xâm như Mai Thúc Loan, Phan Bội Châu... mảnh đất có truyền thống hiếu học đã hun đúc nên tư tưởng nhân văn cao cả Hồ Chí Minh. Từ nhỏ Người đã hiểu nỗi nhức mắt nước, chứng kiến bao tội ác của bọn thực dân Pháp đã thôi thúc Người ra đi tìm đường cứu nước.

Ngày 05/6/1911, Người đã lên tàu La-tút-sơ Tê-rê-vin bốn ba hải ngoại, đi nhiều nơi, ở nhiều nước, làm nhiều nghề nhưng trong lòng của Người luôn đau đáu về quê hương đất nước, đấu tranh giành độc lập cho dân tộc.

Bác Hồ với quê hương

Dù bận trăm công nghìn việc, Người chưa về thăm quê được, nhưng Người luôn viết thư thăm hỏi đồng viên tỉnh nhà, xã nhà và mỗi khi có các đồng chí lãnh đạo tỉnh, cán bộ ở quê ra công tác ở Hà Nội, Người gặp gỡ ân cần, hỏi thăm về quê hương.

Ngày 14/6/1957, Người mới về thăm quê hương với nỗi niềm xúc động: “Người ta về thăm quê thì mừng mừng tủi tủi. Tôi về thăm quê thì chỉ thấy mừng mừng!”, “Là vì: bây giờ nước ta được độc lập tự do, nhân dân được sống cuộc sống hạnh phúc, ai cũng có cơm ăn áo mặc, các cháu được học hành”. Nhân dịp này Người đọc hai câu thơ thật xúc động:

“Quê hương nghĩa trọng tình cao

Năm mươi năm ấy biết bao nhiêu tình”.

Các nơi Người đến thăm, Người đều ân cần căn dặn, phải đoàn kết xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền đoàn thể và ra sức tăng gia sản xuất, thực hành cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư. Người chỉ ra nhiệm vụ trước mắt và phương hướng hoạt động lâu dài để quê hương giành nhiều thắng lợi.

Người căn dặn và nhấn mạnh: “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”. Khi nói chuyện với cán bộ tỉnh Nghệ An, Người khẳng định: “Nghệ An có truyền thống cách mạng...” và Người dặn dò: “Hôm nay Bác giao cho các cô, các chú có những nhiệm vụ khó khăn nhưng các cô, các chú quyết tâm sẽ làm được...”, “Tất cả cái gì thuộc về quốc kế dân sinh ở Nghệ An là các cô, các chú phụ trách. Muốn làm như thế phải nắm vững nguyên tắc gì? Một là nguyên tắc đoàn kết nội bộ. Hai là nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Như vậy là phải dân chủ nội bộ, muốn dân chủ nội bộ thì cần gì nữa, phải phê bình và tự phê bình”.

Bác khen ngợi những thành tích đã đạt được và nhắc nhở đồng bào và cán bộ phải ra sức phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thủ công nghiệp, các ngành nghề khác. Bác căn dặn bộ đội, công an, dân quân tự vệ, cán bộ, công nhân, thanh niên, phụ nữ.

Đối với công nhân Bác căn dặn thêm: “Công nhân là giai cấp lãnh đạo góp phần xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, là cơ sở cho việc đấu tranh thống nhất nước nhà. Giai cấp công nhân là giai cấp lãnh đạo phải làm thế nào cho xứng đáng, lãnh đạo để mọi người tin cậy”.

Bác về thăm quê Làng Sen ngày 09/12/1961, Người không quên lối cũ vườn xưa, nhớ cụ Thuyên bạn học đi câu cá thuở còn nhỏ, nhớ từng kỷ vật thiêng liêng của gia đình, nhớ về thầy giáo, bà con láng giềng.

Bác dành tình cảm đặc biệt cho quê hương, khen ngợi những tiến bộ của xã nhà, huyện nhà, tỉnh nhà. Chỉ ra những yếu kém, khuyết điểm, nguyên nhân cần khắc phục như “cùng cố và phát triển hợp tác xã cho tốt, làm ngày công cho nhiều, xã viên thu nhập cao, văn hóa tốt, trật tự trị an tốt” và “tốt ở đây không phải là làm

nhà khách cho tốt, nước trà cho nhiều mà khi có khách các chú đưa họ đến xem cái tốt”.

Tấm lòng của Bác đối với Nghệ An thật là sâu nặng. Trong các bức thư, các bài viết, bài nói chuyện hay những bức điện gửi về cho quê hương đã nói lên tấm lòng sâu nặng của Người đối với quê hương. Người chỉ mong muốn, “đồng bào cán bộ cần phải có quyết tâm phấn đấu xây dựng tỉnh ta thành một trong những tỉnh khá nhất của miền Bắc”. Bác Hồ đã đi xa, nhưng những lời căn dặn của Bác vẫn còn vang vọng.

“Còn non, còn nước, còn người

Đánh thắng giặc Mĩ ta sẽ xây dựng hơn mười ngày nay”.

Người đã giành muôn vàn tình thân yêu cho đồng bào đồng chí, riêng tỉnh Nghệ An, Bác đã giành những lời tâm huyết trong bức thư gửi về cho Đảng bộ Nghệ An ngày 21/7/1969.

Nghệ An đã đạt được những thành tựu quan trọng. Hơn 20 năm thực hiện công cuộc đổi mới của đất nước do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo và thực hiện mong ước của Người trước lúc đi xa “xây dựng đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”.

Kỷ niệm 50 năm Bác Hồ về thăm quê lần thứ 2 (ngày 09/12/2011), Đảng bộ và nhân dân Nghệ An luôn khắc ghi lời căn dặn của Người và nguyện nỗ lực phấn đấu xây dựng tỉnh Nghệ An thành một trong những tỉnh khá nhất như Bác hằng mong muốn.

Nguyễn Bá Hòe - *Congannghean.vn*

24. Bác Hồ với nhân dân tỉnh Nam Định

Nam Định là một tỉnh lớn với hơn 2 triệu dân nằm ở phía nam đồng bằng Bắc Bộ. Phía bắc tiếp giáp với tỉnh Thái Bình, phía nam giáp tỉnh Ninh Bình, phía tây bắc giáp tỉnh Hà Nam và giáp biển (vịnh Bắc Bộ) ở phía đông. Là một trong những tỉnh có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng - an ninh của đất nước, có tiềm năng phát triển kinh tế nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp..., đến với Nam Định hiện nay là đến với một trong những trung tâm thương mại - dịch vụ, du lịch quan trọng của đồng bằng sông Hồng với các hoạt động văn hóa truyền thống nổi bật như: Hội Đền Trần có Lễ Khai Ấn hàng năm, Hội Phủ Giầy thờ Thánh mẫu Liễu Hạnh, Chùa Keo Hành Thiện, Chùa Cổ Lễ nơi thiền sư Nguyễn Minh Không trụ trì, Phủ Quảng Cung (Phủ Nấp) thờ Thánh mẫu Liễu Hạnh, giáng sinh lần thứ nhất ở xã Yên Đông, Ý Yên; Quần thể các di tích thờ Vua Đinh Tiên Hoàng... Nhân dân tỉnh Nam Định tự hào về truyền thống hiếu học, có tinh thần yêu nước, đoàn kết, đấu tranh anh dũng chống giặc ngoại xâm đóng góp tích cực trong phong trào cách mạng qua các thời kỳ.

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, thực dân Pháp tìm mọi cách thực hiện dã tâm xâm lược nước ta một lần nữa. Bội ước Hiệp định sơ bộ ngày 6/3/1945 và thoả ước ngày 19/4/1945, thực dân Pháp ráo riết tăng cường lực lượng đổ bộ trái phép vào Đà Nẵng, Đồ Sơn, Cát Bà đánh chiếm Hải Phòng, Lạng Sơn và chuẩn bị kế hoạch đánh vào cơ quan đầu não của ta ở thủ đô Hà Nội. Trước tình hình đó, để chuẩn bị lực lượng, an lòng nhân dân, xây dựng hậu phương vững chắc sẵn sàng cho tiền tuyến lớn, Bác vẫn tổ chức những chuyến đi thăm nhân dân các tỉnh nhưng không báo trước cho địa phương. Sau phiên họp quan trọng với Hội đồng Chính phủ sáng ngày 10/1/1946, Bác lên xe rời Hà Nội đi thăm tỉnh Hưng Yên, Thái Bình và cuối hành trình Bác về thăm Nam Định. Ngày đó trở thành ngày đặc biệt quan trọng đối với cán bộ và nhân dân trong tỉnh lần đầu tiên được đón Bác về thăm. Bác đã gặp gỡ các vị thân hào, thương gia của thành phố cùng bàn kế hoạch cứu tế, Bác cũng nói chuyện thời sự và thăm hỏi tình hình phụ nữ, cổ đạo, Phật tử trong tỉnh. Sáng ngày 11/1/1946, tại trụ sở Ủy ban Hành chính thành phố Nam Định (nay là Vườn hoa Điện Biên, đối diện Cột cờ Nam Định), Người đã nói chuyện với đồng bào về những nhiệm vụ kháng chiến, cứu đói. Sau đó, Người đã đến thăm và chia quà cho các cháu ở Trại trẻ mồ côi và nhà Dục Anh phố Hàn Thuyên, Nam Định (nay là Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà, số 415 Hàn Thuyên, thành phố Nam Định). Tại đây, Người đã đến thăm từng phòng ở, từ chỗ nuôi trẻ sơ sinh đến phòng của trẻ 9-10 tuổi và nói với bà người nuôi trẻ: “Tôi ghé qua đây thăm bà và các cháu. Tôi thay mặt các cháu không cha, không mẹ đó cảm ơn bà đã trông nom cho chúng như một người mẹ. Chúng tội tình gì mà tội nghiệp quá”^[1]. Có thể nói, chuyến viếng thăm bất ngờ của Bác để lại ấn tượng và tình cảm lớn trong lòng nhân dân tỉnh Nam Định lúc bấy giờ, tuy thời gian gặp gỡ, trao đổi với đồng bào ngắn ngủi nhưng lại ẩn chứa trong sự chia tay đầy quyến luyến bịn rịn. Nhớ những lời Người căn dặn, nhắn gửi các tầng lớp nhân dân, cán bộ các ngành, các giới trong tỉnh đã đoàn kết chặt chẽ và hăng hái làm việc cùng với đồng bào cả nước đánh Pháp và cứu đói.

Khi miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, đang tiến lên chủ nghĩa xã hội, miền Nam tiếp tục đấu tranh thực hiện nhiệm vụ cách mạng dân tộc, dân chủ, tiến tới thống nhất nước nhà. Mặc dù công việc bận rộn, lo lắng trăm bề nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn dành nhiều thời gian để đi thăm hỏi, động viên cán bộ và đồng bào. Lần này Bác có dịp trở lại Nam Định sau những năm tháng cùng đồng bào kháng chiến vất vả.

Ngày 24/4/1957, Bác Hồ về thăm và nói chuyện với cán bộ công nhân viên Nhà máy Dệt Nam Định. Bác đã nhấn mạnh: “Mình là chủ phải làm thế nào cho xứng đáng là chủ. Phải theo gương công nhân các nước bạn yêu máy như yêu con, yêu nhà máy như nhà mình. Đó là làm chủ xứng đáng. Cái gì lợi cho nhà máy là ích

^[1] *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb. CTQG, H.2006, t.3, tr.128.

lợi cho mình, cái gì hại cho nhà máy là hại cho nhà mình. Đó là thái độ của người làm chủ, làm chủ nước nhà, làm chủ nhà máy”^[1]. Khi nói về chế độ quản lý và điều hành sản xuất của nhà máy, Người khẳng định: “Chế độ làm khoán là một điều kiện của chủ nghĩa xã hội, nó khuyến khích người công nhân luôn luôn tiến bộ, cho nhà máy tiến bộ. Làm khoán là ích chung và lại lợi riêng”^[2]. Bác khuyên cán bộ công nhân phải đoàn kết, cố gắng học tập chính trị, kỹ thuật học hỏi lẫn nhau hoàn thành vượt mức kế hoạch của Nhà nước, làm tròn nhiệm vụ của Đảng, Chính phủ và nhân dân, góp phần thiết thực vào công cuộc củng cố miền Bắc, làm hậu thuẫn vững chắc cho miền Nam, đấu tranh thống nhất nước nhà.

Những lời dặn dò, chỉ bảo ân cần của Bác là nguồn động lực, niềm tin để cán bộ và công nhân viên Nhà máy cố gắng phấn đấu vừa đảm bảo chất lượng sản phẩm, hoàn thành kế hoạch sản xuất giữ gìn và xây dựng nhà máy càng lớn mạnh phục vụ cho sự nghiệp phát triển của đất nước. Cũng trong những ngày này Bác đã đến thăm và nói chuyện với cán bộ tỉnh Nam Định. Trước những thách thức và khó khăn của đất nước và sự chống phá cách mạng của chính quyền Mĩ - Diệm ở miền Nam đối với đồng bào. Trước tình hình đó, Bác đề nghị phải luôn luôn nâng cao cảnh giác trước những âm mưu của quân phá hoại. Người cũng nhấn mạnh: “...phải đoàn kết. Đoàn kết từ trên xuống dưới, từ trong ra ngoài, cán bộ cũ, mới đoàn kết, đảng viên cũ mới đoàn kết, lương giáo đoàn kết”^[3].

Hơn một năm sau, ngày 13/8/1958, Bác về thăm Nam Định. Đầu tiên Bác đã về thăm Đình Thượng Đồng, thôn Thượng Đồng, xã Yên Tiến, Ý Yên, Nam Định. Sau đó Bác tới dự Hội nghị sản xuất nông nghiệp của tỉnh. Tại Hội nghị Bác đã nói chuyện với gần 1000 cán bộ tỉnh, huyện, xã và các chiến sĩ nông nghiệp về sự quan trọng của vụ mùa. Bác đã chỉ ra nguyên nhân gây ra sự sút kém của vụ mùa năm trước, và động viên đồng bào và cán bộ ra sức thi đua quyết tâm thực hiện vụ mùa thắng lợi. Bác cũng nhấn mạnh cán bộ lãnh đạo phải hết sức tránh chủ quan, tự mãn, phải đi sát với quần chúng, mọi việc lãnh đạo phải kịp thời, chu đáo và Bác nhắc bà con nông dân: “Thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm là nhằm mục đích ích nước lợi nhà... Thi đua là phải yêu nước, yêu nước thì phải thi đua”^[4], phải đoàn kết giúp đỡ nhau, khuyến khích lẫn nhau, trao đổi kinh nghiệm cho nhau để cùng tiến bộ. Bác cũng nhấn mạnh kinh nghiệm trồng trọt của cha ông ta xưa qua câu tục ngữ: “Một nước, hai phân, ba cần, bốn kỹ thuật” và đặc biệt Bác nhắc phải chú ý hết sức trong việc giữ nước phòng hạn, giữ đê phòng lụt. Sau buổi nói chuyện ấy, Bác đã đi thăm ruộng lúa thí nghiệm xóm Đông Hưng, xã Yên Tiến,

^[1] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG sự thật, H.2011, t.10, tr.534.

^[2] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG sự thật, H.2011, t.10, tr.537.

^[3] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG sự thật, H.2011, t.10, tr.542.

^[4] Hồ Chí Minh: Toàn tập, Nxb. CTQG sự thật, H.2011, t.11, tr.511.

Ý Yên, Nam Định (nay là Hợp tác xã Tổng Văn Trân, xã Yên Tiến, Ý Yên, Nam Định).

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân miền Bắc đoàn kết, nhanh chóng xây dựng lực lượng hậu phương với phương châm toàn dân - toàn diện và mỗi người dân đều là một chiến sĩ, quyết tâm vì miền Nam ruột thịt đánh thắng kẻ thù, thống nhất nước nhà. Tiếp thu những lời dặn dò, chỉ bảo của Bác, trong những ngày tháng này, Nam Định cũng triển khai nhiều công việc để phát triển nông nghiệp cùng với đồng bào miền Bắc tiếp sức cho cách mạng mau giành thắng lợi.

Ngày 15/3/1959, Bác về thăm Nam Định lần thứ tư. Bác đã thăm Nhà máy Dệt Nam Định và căn dặn Đảng ủy Nhà máy Dệt cần làm tốt công tác cải tiến quản lý xí nghiệp, công tác phát triển Đảng, Đoàn. Người đã nói: “Cán bộ lãnh đạo, đảng viên, đoàn viên thanh niên cũng như cán bộ công đoàn phải xung phong gương mẫu. Nội bộ lãnh đạo phải đoàn kết nhất trí, cán bộ phải đi vào công nhân, phải sắp xếp công việc để mỗi tuần tham gia lao động một ngày. Phải lắng nghe sáng kiến và lời phê bình của công nhân, phải thật sự dựa vào công nhân, đi đúng đường lối quần chúng, nắm vững chính sách của Đảng”^[1]. Cùng ngày, tại Quảng trường Hòa Bình thành phố, Người đã nói chuyện với cán bộ và nhân dân trong tỉnh, Bác khen Nam Định đã cố gắng chống hạn và phê bình Nam Định bị hạn vẫn còn rộng ảnh hưởng tới thu hoạch. Người yêu cầu phải tập trung lực lượng tìm mọi cách chống hạn, phòng hạn, phải có kế hoạch phòng úng. Bác nhấn mạnh: “Muốn làm tròn nhiệm vụ ấy phải chống tư tưởng bảo thủ, tư tưởng mệt mỏi, tư tưởng ỷ lại, tức là phải quyết tâm và quyết tâm nữa, quyết tâm mãi làm cho đến thắng lợi”^[2]. Những lời góp ý chỉ bảo, động viên của Bác trong lần về thăm như tiếp thêm ý chí và nghị lực càng thấm thía sâu sắc hơn để cán bộ và nhân dân trong tỉnh đoàn kết quyết tâm xây dựng thắng lợi mọi nhiệm vụ.

Trước những cống hiến và đóng góp của Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Nam Định cho cách mạng, Bác đã luôn quan tâm, động viên khích lệ kịp thời. Nhiều lần được người quan tâm, thăm hỏi nhưng lần để lại những kỷ niệm sâu sắc và dặn dò kỹ càng nhất vẫn là lần Bác về thăm Nam Định lần cuối cùng.

Sáng ngày 21/5/1963, Bác về dự và huấn thị tại Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Định lần thứ V được diễn ra tại Hội trường Nhà máy Dệt Nam Định (nay là Tổng công ty cổ phần Dệt may Nam Định). Giữa tiếng vỗ tay vang dội của Đại hội, Bác bước ra diễn đàn nói chuyện với Đại hội. Bác thân ái thăm hỏi sức khỏe các đại biểu, tiếp đó Người ân cần chỉ ra cho Đại hội thấy rõ thêm những ưu điểm cần phát huy, những khuyết điểm cần sửa chữa, thấy hết những khả năng và thuận lợi và khó khăn của địa phương để vươn lên hoàn thành nhiệm vụ. Người cũng căn dặn

^[1] *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG sự thật, H.2011, t.12, tr.128.

^[2] *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, Nxb. CTQG, H.2009, t.7, tr.239.

các cấp ủy cần chú trọng đến việc phát triển Đảng và củng cố chi bộ, đẩy mạnh việc phê bình và tự phê bình trong Đảng, làm cho mỗi cán bộ, mỗi đảng viên nhận rõ vai trò lãnh đạo của mình. Cuối cùng Người nói: “Bác mong rằng sau Đại hội này, toàn Đảng bộ Nam Định sẽ ra sức khắc phục khuyết điểm, phát triển ưu điểm, đoàn kết một lòng, thực hiện đầy đủ những nghị quyết đại hội, biến nghị quyết đó thành quyết tâm của đảng viên, đoàn viên và đồng bào cả tỉnh, để xây dựng tỉnh Nam Định thành một tỉnh giàu mạnh, làm kiểu mẫu cho toàn miền Bắc, thiết thực góp phần xứng đáng vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà”^[1].

Sau khi dự xong Đại hội, Bác đã đi thăm bếp nấu, nhà ăn tập thể và một số phân xưởng Nhà máy Dệt. Tại đây, cán bộ và công nhân rất vui mừng báo cáo với Bác về kết quả thi đua với nhà máy Dệt Bình Nhưỡng (Triều Tiên). Từ đầu năm đến nay, nhà máy đã sản xuất vượt mức kế hoạch 42 vạn thước vải, 120 tấn sợi và 2000 chăn... Bác đã khen: “Nhà máy đã sớm chữa được gần 1.000 máy dệt cũ hồi Pháp thuộc thành máy nửa tự động, với loại máy cũ, mỗi công nhân chỉ đứng được từ 1 đến 2 máy; nay với loại máy mới sửa chữa lại, mỗi người đứng được từ 4 đến 6 máy”^[2]. Tiếp đó Bác đã đến thăm khu nhà ăn tập thể, khu nhà ở của gia đình công nhân. Người ân cần hỏi thăm tình hình sinh hoạt, học tập và ăn ở của công nhân và nhắc nhở mọi người phải đẩy mạnh phong trào thi đua sản xuất với nhà máy Dệt Bình Nhưỡng, đồng thời phải tổ chức cải thiện đời sống cho tốt hơn nữa. Khi đến thăm bệnh viện đa khoa tỉnh Nam Định, Người đã thăm hỏi bệnh tình sức khỏe của người bệnh và chế độ ăn uống; thuốc men ở bệnh viện. Người căn dặn cán bộ và nhân viên bệnh viện phải thực hiện câu “lương y như từ mẫu”, nâng cao tinh thần trách nhiệm để phục vụ người bệnh được tốt, chóng khỏe mạnh. Cuối hành trình Người đến thăm quan Nhà triển lãm thông tin đường Cột cờ thành phố Nam Định. Người đã xem một số hình ảnh về lịch sử đấu tranh của Đảng bộ và Nhân dân Nam Định. Bác đã ghi lên trang đầu cuốn sổ vàng của tỉnh: “Tiếp tục truyền thống cách mạng vẻ vang, xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi”^[3].

Sáng ngày 22/5/1963, tại Quảng trường Hòa Bình, thành phố Nam Định Bác đã nói chuyện với trên 5 vạn cán bộ và nhân dân trong tỉnh. Người đã khen ngợi cán bộ và nhân dân tỉnh Nam Định đã có nhiều cố gắng, tiến bộ về các mặt đồng thời nhắc nhở đảng viên, nhân dân trong tỉnh phải đoàn kết chặt chẽ, ra sức thi đua thực hiện tốt nghị quyết của Đại hội Đảng bộ tỉnh, hoàn thành thắng lợi kế hoạch Nhà nước năm 1963, đặc biệt cần làm tốt cuộc vận động “Nâng cao tinh thần trách nhiệm, tăng cường quản lý kinh tế tài chính, cải tiến kỹ thuật, chống tham ô, lãng

^[1] *Hồ Chí Minh: Toàn tập*, Nxb. CTQG sự thật, H.2011, t.14, tr.105.

^[2] *Bác Hồ với Nam Hà*, Tỉnh ủy Nam Hà.1992, tr.121-122.

^[3] *Bác Hồ với Nam Hà*, Tỉnh ủy Nam Hà.1992, tr.123.

phí, quan liêu” để phát triển kinh tế hơn nữa. Bác cũng nhấn mạnh nhiệm vụ trước mắt cần thu hoạch nhanh, gọn vụ chiêm và làm tốt vụ mùa sắp tới.

Những năm cuối cùng của cuộc đời sức khỏe của Bác có phần giảm sút, mặc dù không trực tiếp đến thăm nhưng Bác vẫn thường xuyên thăm hỏi và theo dõi những tiến bộ và sự phát triển của Nam Định. Ngày 28/12/1963, Bác đã gửi điện khen công nhân và cán bộ Nhà máy Liên hợp dệt Nam Định đã hoàn thành kế hoạch Nhà nước năm 1963 trước thời hạn. Ghi nhận những thành tích và đóng góp của cán bộ và chiến sĩ công an thành phố tỉnh Nam Định, ngày 5/2/1966, Bác có Lệnh (LCT) trao thưởng Huân chương Chiến công hạng Ba cho cán bộ và chiến sĩ công an thành phố Nam Định đã có thành tích xuất sắc trong các trận chiến đấu chống máy bay Mĩ ngày 28/6/1965 và các ngày mùng 2, 4/7/1965.

Đã 50 năm sau ngày Bác về thăm, Nam Định giờ đã phát triển với những nét đặc trưng nổi bật với các ngành nghề truyền thống, là trung tâm công nghiệp dệt, công nghiệp nhẹ cả nước, là trung tâm thương mại - dịch vụ phía Nam của vùng đồng bằng sông Hồng... Cùng với các tỉnh Ninh Bình, Hà Nam đã trải qua những thời kỳ tách, nhập vượt qua bao sóng gió nhưng vẫn giữ gìn và phát huy được truyền thống vẻ vang qua các thời kỳ. Thực hiện những lời căn dặn và chỉ bảo của Chủ tịch Hồ Chí Minh, cán bộ và nhân dân tỉnh Nam Định luôn đoàn kết, hăng hái thi đua phấn đấu xây dựng con người mới - con người xã hội chủ nghĩa. Quyết tâm xây dựng mỗi gia đình, mỗi công sở, mỗi ngành trở thành đầu tàu mẫu mực đưa Nam Định trở thành một tỉnh đẹp, giàu và phát triển.

Những năm qua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trong điều kiện có nhiều khó khăn nhưng được sự quan tâm động viên của Đảng, Nhà nước, sự hỗ trợ đầu tư của nhiều cấp, ngành... cán bộ và nhân dân trong tỉnh có nhiều nỗ lực cố gắng để triển khai thực hiện tốt mọi nhiệm vụ. Đến nay, tổng sản phẩm trong tỉnh GDP (theo giá so sánh 1994) ước đạt 12.755 tỷ đồng, tăng 11,7% so với năm 2011, GDP bình quân đầu người (giá hiện hành) ước đạt 20,7 triệu đồng. Vốn là ngành nghề truyền thống từ lâu đời, ngành công nghiệp dệt may hiện nay chiếm một tỷ trọng tương đối lớn góp phần phát triển kinh tế đất nước trong đó Dệt may Nam Định chiếm giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Được Đảng và Nhà nước quan tâm, đầu tư hiện nay ngành Dệt may Việt Nam nói chung và Dệt Nam Định nói riêng đã mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng xuất đáp ứng kịp thời nhu cầu trong nước và duy trì phát triển tốt thị trường Dệt may Việt Nam trên trường quốc tế với các tên tuổi: VINATEX, HALOTEXCO... Phát huy truyền thống hiếu học của cha anh, nối tiếp sự nghiệp giáo dục trồng người, Nam Định vẫn tiếp tục giữ vị trí là một trong những tỉnh đứng đầu cả nước về phong trào và chất lượng giáo dục. kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia 2012 có 82-84 học sinh đạt giải, đạt 97,6%, là tỉnh có tỷ lệ học sinh đạt giải cao nhất. Có 7 học sinh đoạt Huy chương Bạc và Đồng kỳ thi Olympic châu Á - Thái Bình Dương và kỳ thi Olympic quốc tế các môn Vật lý, Hóa học, Sinh học. Đã có 5 huyện đạt chuẩn phổ cập mầm non cho trẻ 5 tuổi. Toàn tỉnh đã có 523 trường đạt chuẩn quốc gia, tăng 37 trường

so với năm học 2010-2011. Có 7 nhà giáo được phong tặng danh hiệu Nhà giáo Ưu tú...

Hiện nay, cả nước đang thực hiện phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” nhằm góp phần xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Điển hình của phong trào xây dựng đời sống văn hóa tại cơ sở đó là chương trình xây dựng nông thôn mới đã được các địa phương và các tầng lớp nhân dân trong tỉnh Nam Định tích cực tham gia. Từ phong trào này, Nam Định là 1 trong 10 tỉnh, thành phố của cả nước đi tiên phong trong xây dựng nông thôn mới. Những nét đổi mới của Nam Định hôm nay, là điều kiện để Nam Định trong tương lai ngày càng vững mạnh và phát triển. Nhân dân trong cả nước, các tổ chức, doanh nghiệp trong và ngoài nước về với Nam Định với sức hấp dẫn bởi các dự án đầu tư, bởi các địa danh văn hóa từ lâu đời, bởi bề dày truyền thống về lịch sử và hơn hết bởi con người nơi đây gần gũi, đoàn kết và rất mực mến khách. Hơn nữa đến nơi đây ngoài các danh thắng lịch sử là niềm tự hào vốn có của người dân Nam Định có một khoảnh khắc làm cho chúng ta nhớ về Bác, về sự quan tâm của Bác dành cho nhân dân đó chính là Bảo tàng Nam Định, Bảo tàng Dệt May Việt Nam, nơi đây còn lưu giữ nhiều hiện vật gắn liền với hình ảnh thân thương về Hồ Chủ tịch trong mỗi lần Bác về thăm tỉnh Nam Định: Đó là chiếc ghế đá nơi Bác Hồ đã ngồi nghỉ để nói chuyện với cán bộ, công nhân Nhà máy liên hợp Dệt Nam Định; những văn bản ghi lại lời dạy của Hồ Chủ tịch đối với Đảng bộ, nhân dân tỉnh nói chung, công nhân ngành Dệt may Nam Định nói riêng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với quy mô và ý nghĩa to lớn, Bảo tàng ngành Dệt may Việt Nam cùng với các khu lưu niệm khác, những công trình hóa văn khác là những tư liệu, hiện vật quý, góp phần giáo dục truyền thống, bồi dưỡng lý tưởng cách mạng cho giai cấp công nhân ngành Dệt may cả nước hôm nay và các tầng lớp thế hệ người Việt Nam mai sau.

Th.S Mai Lệ Huyền - *Bqlang.gov.vn*

25. Theo dấu chân Bác trên quê hương Vĩnh Phúc

Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần về thăm Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Vĩnh Phúc. Có những lần Bác về được báo trước, có lần Bác về đột xuất, lại có những lần Bác đi công tác ngang qua nhưng dành một phần thời gian để nói chuyện với Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh. Vĩnh Phúc là một trong những tỉnh được vinh dự đón Người về thăm nhiều nhất.

Từ năm 1945 đến năm 1963, Bác đã 9 lần về thăm Vĩnh Phúc. Ngày 25/8/1945, trên đường từ Chiến khu giải phóng Việt Bắc về Thủ đô Hà Nội, Bác Hồ về thăm cán bộ, đảng viên huyện Đa Phúc (Thời kỳ này Đa Phúc thuộc tỉnh Phúc Yên); Bác đã chỉ dẫn nhiều vấn đề quan trọng đối với cán bộ lãnh đạo huyện sau khi nhân dân nắm được chính quyền. Ngày 19/5/1955, Bác lên thăm công trường xây dựng lại khu nghỉ mát Tam Đảo. Ngày 12/2/1956 (tức ngày mùng 1 Tết

năm Bính Thân), Bác Hồ về thăm và chúc Tết nhân dân thôn Yên Định, xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên (Đây là nơi có nhiều thành tích trong kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược). Ngày 21/1/1958, Bác Hồ về thăm, động viên cán bộ, đảng viên và nhân dân huyện Đông Anh chống hạn cứu lúa. (Thời kỳ này huyện Đông Anh thuộc tỉnh Vĩnh Phúc). Ngày 30/3/1958, Bác Hồ về thăm cái bộ và xã viên Hợp tác xã nông nghiệp Lai Sơn, xã Cộng Hòa, huyện Tam Dương (nay là phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên); Hợp tác xã đã quản lý và điều hành sản xuất tốt nên phát huy được tác dụng cung cách làm ăn tập thể. Ngày 21/12/1958, Bác Hồ về thăm thị xã Phúc Yên, thăm các cơ quan tỉnh Vĩnh Phúc, thăm một đơn vị quân đội đóng tại Thành Tráng, thăm lớp tập huấn bồi dưỡng chủ nhiệm và kế toán hợp tác xã nông nghiệp. Ngày 25/1/1961, Bác Hồ về thăm Hợp tác xã Lạc Trung, xã Bình Dương, huyện Vĩnh Tường. Đây là hợp tác xã có nhiều thành tích trong phong trào trồng cây, trở thành điển hình tiên tiến của tỉnh và toàn miền Bắc. Ngày 2/3/1963, Bác Hồ về thăm Đảng bộ và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc nơi đã có thành tích xuất sắc trong việc chống hạn, bảo đảm thắng lợi vụ sản xuất Đông Xuân năm 1963. Ngày 16/7/1963, Bác Hồ tới thăm và nói chuyện với Đại hội Đại biểu lần thứ III Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phúc tại thị xã Vĩnh Yên. Ngày nay, một số địa danh đã không còn thuộc Vĩnh Phúc do sự thay đổi về địa giới hành chính nhưng các địa danh tiêu biểu thì vẫn nằm trên địa bàn của tỉnh, vì vậy bài viết sẽ không đề cập đến các địa danh mà nay không còn thuộc tỉnh nữa. Chúng ta sẽ cùng nhau khám phá, tìm hiểu các dấu mốc lịch sử quan trọng gắn liền với những sự kiện mà Vĩnh Phúc vinh dự được đón Bác về thăm. Bài viết sẽ dẫn dắt chúng ta đi theo từng mốc sự kiện theo thời gian để người đọc hiểu và cảm nhận.

Điểm dừng chân đầu tiên trong chuyến hành trình theo chân Bác đó là Tam Đảo. Nơi đây vinh dự được nhiều lần Bác lên thăm, làm việc và nghỉ ngơi. Đó là vào các ngày 19/5/1955, 16/7/1963, 27/7/1968. Tam Đảo là khu nghỉ mát được người Pháp phát hiện vào năm 1904. Đến năm 1906 bắt đầu xây dựng, lúc đó gọi là “Trạm nghỉ mát mùa hè Tam Đảo” nhằm phục vụ cho những quan chức người Âu ở Bắc Kỳ. Việc xây dựng trạm nghỉ mát có nhiều khó khăn, phần vì địa hình nhưng lý do chính là khó khăn về tài chính. Đến 1912, công việc xây dựng mới được tiến hành mạnh hơn và năm 1913 đã khai trương một khách sạn đầu tiên gồm 16 buồng. Phải mất trên 30 năm xây dựng, khu nghỉ mát Tam Đảo mới cơ bản hoàn thành gồm gần 200 biệt thự lớn, nhỏ của tư nhân, khách sạn, nhà hàng, trạm bưu điện, nhà thờ, khu vui chơi, đường dạo, đồn binh và các hạ tầng như điện, nước, đường lên, xuống. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ, thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch, Vĩnh Phúc đã tiêu thổ kháng chiến từ năm 1947-1949. Trong thời kỳ này, Tam Đảo đã bị phá trụi, trở nên hoang tàn. Sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp thắng lợi (1954), đầu năm 1955, Chính phủ đã giao nhiệm vụ tái thiết Khu nghỉ mát Tam Đảo cho Bộ Kiến trúc đảm nhiệm. Ngay từ mùa xuân 1955, hàng trăm lao động đã tới Tam Đảo để bắt đầu nhiệm vụ nặng nề là làm sống lại nơi nghỉ dưỡng mà người Pháp đã mất gần 40 năm đầu tư cùng hàng ngàn người dân từ khắp nơi đã đổ mồ hôi, công sức và cả máu để tạo dựng nên. Thật bất ngờ và

xúc động, đúng ngày sinh lần thứ 65 của Người, Bác đã lên thăm Tam Đảo. Đây là lần đầu tiên Người đến thăm, kiểm tra, động viên cán bộ, công nhân viên đang ngày đêm hàn gắn vết thương chiến tranh trên vùng đất Tam Đảo - Vĩnh Phúc. Nơi Bác đến là công trình phục vụ chuyên gia các nước xã hội chủ nghĩa anh em (đã giúp ta xây dựng nền công nghiệp tại miền Bắc) sẽ lên nghỉ mát cuối tuần. Người ân cần thăm hỏi, động viên anh chị em kỹ sư, cán bộ, công nhân đang thi công trên công trường sẽ làm sống lại vẻ đẹp mà thiên nhiên đã ban tặng cho con người, xứng đáng là khu nghỉ mát do chúng ta làm nên trên đồng hoang tàn của chiến tranh. Và đúng như những lời người dẫn dò, Tam Đảo ngày nay đã trở thành một trọng điểm du lịch của tỉnh, với nhiều khách sạn lớn nhỏ phục vụ hàng vạn lượt khách du lịch mỗi năm. Tam Đảo ngày nay vẫn đang tiếp tục phát triển để xứng đáng với những lời căn dặn của Người.

Điểm đến tiếp theo cũng là lần thứ 2 Bác về thăm Vĩnh Phúc là thôn Yên Định, xã Tân Phong, huyện Bình Xuyên. Xã Tân Phong nằm ở phía Nam của huyện Bình Xuyên, có đường tỉnh lộ 303 chạy qua nối với quốc lộ 2. Trước đây Tân Phong là xã nghèo, thuần nông nên còn gặp nhiều khó khăn. Nhân dân nơi đây giàu lòng yêu nước; tháng 2/1942, Tân Phong đã xây dựng được mặt trận Việt Minh làm lòng cốt lãnh đạo phong trào quần chúng. Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công chưa bao lâu thì cuộc kháng chiến toàn quốc chống thực dân Pháp bùng nổ, nhân dân Tân Phong lại cùng quân dân toàn tỉnh xây dựng lực lượng chiến đấu chống kẻ thù. Kết thúc thắng lợi, nhân dân Tân Phong tập trung vào xây dựng sản xuất, hàn gắn vết thương chiến tranh và hoàn thành cải cách ruộng đất đạt thành tích xuất sắc, trở thành điển hình tiên tiến của huyện Bình Xuyên. Nhờ những đóng góp và thành quả lao động đã đạt được, Tân Phong đã được Bác Hồ về thăm và chúc Tết đúng vào ngày mừng Một Tết Bính Thân 12/2/1956; Yên Định là xóm vinh dự được đón Bác dừng chân thăm hỏi nhân dân. Khi tới thôn Yên Định, Bác đã vào thăm một gia đình cố nông vừa được chia căn nhà lá sau cải cách ruộng đất. Bác hỏi gia đình tết này gói mấy cái bánh chưng, nhà có mấy khẩu, có bao nhiêu sào ruộng. Nói chuyện với bà con nông dân, Bác khuyên mọi người đoàn kết để tăng gia sản xuất, muốn vậy phải vào tổ đổi công, phải tương trợ nhau sản xuất. Quây quần bên Bác có các cháu thiếu niên, nhi đồng, Bác hỏi nhiều điều về các cháu. Bác dặn các cháu chăm chỉ học hành, ngoan với cha mẹ, giúp cha mẹ bế em, quét nhà... Thế rồi, Bác “bắt nhịp” cho các cháu thiếu nhi hát vang bài ca kết đoàn. Nói chuyện với nhân dân và thiếu nhi vừa xong, Bác yêu cầu lãnh đạo xã đưa Bác đi thăm gia đình từng là cơ sở kháng chiến chống Pháp. Bác đã đến thăm gia đình người phụ nữ đã nuôi dưỡng cán bộ, du kích đánh Pháp; bà bị địch bắt, tra tấn, đánh đập dã man nhưng bà kiên quyết không phản bội xưng khai. Bà đã được Nhà nước tặng Huân chương Kháng chiến. Sau khi Bác lên xe về Hà Nội, Người vẫy tay chào, lúc này mọi người mới sực nhớ, đứng bên Bác, quây quần bên vị lãnh tụ kính yêu râu tóc bạc phơ như người cha, người ông giữa ngày tết thiêng liêng mà không ai chúc tết Bác, chúc Bác mạnh khỏe, sống lâu, ai cũng ân hận vì điều đó. Niềm vui lớn được đón Bác vào ngày mùng 1 tết nguyên đán không phải nơi nào cũng có, riêng với Yên Định -

Tân Phong, một xã có nhiều thành tích trong kháng chiến mới có được vinh dự lớn lao ấy. Ngày nay, tại thôn Yên Định, người dân đã lập một khu tưởng niệm chủ tịch Hồ Chí Minh để kỷ niệm sự kiện lịch sử quý giá đó và làm thỏa mong ước của người dân nơi đây. Vào ngày Quốc khánh 2/9, ngày sinh nhật Bác, hay ngày giỗ Bác, nhân dân thôn Yên Định cùng toàn thể chính quyền xã và những người dân các thôn xung quanh lại tập trung tại khu tưởng niệm để dâng những nén hương thơm tưởng nhớ vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc.

Vào ngày 30/3/1958, Lai Sơn là một thôn của xã Cộng Hòa, huyện Tam Dương được đón Bác về thăm và làm việc. Đến năm 1965, xã Cộng Hòa đổi tên là Thanh Vân, ngày nay thuộc phường Đồng Tâm, thành phố Vĩnh Yên. Lai Sơn trong kháng chiến chống Pháp có nhiều thành tích về xây dựng lực lượng chiến đấu chống địch càn quét, lập tề, bảo vệ vững chắc quê hương và đóng góp nhân tài vật lực cho kháng chiến kiến quốc giành thắng lợi. Sau khi kết thúc cuộc kháng chiến chống Pháp, nhân dân thôn Lai Sơn cùng nhân dân trong xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, phát triển văn hóa - xã hội. Tháng 2/1957, Tỉnh ủy Vĩnh Phúc chủ trương xây dựng 5 hợp tác xã nông nghiệp bậc thấp ở một số huyện. Thôn Lai Sơn thuộc xã Cộng Hòa, Tam Dương là nơi có phong trào tổ đổi công khá nhất huyện nên được chọn làm nơi thí điểm xây dựng HTX nông nghiệp bậc thấp của tỉnh. Nhờ sự chăm chỉ, chịu thương chịu khó của người dân Lai Sơn mà mô hình HTX nơi đây đã mang lại hiệu quả cho người nông dân. Đời sống xã viên được cải thiện rõ rệt. Uy tín HTX bước đầu được khẳng định và ưu thế của lối làm ăn tập thể bắt đầu vượt trội so với lối làm ăn cá thể. Từ kết quả ở Lai Sơn, tỉnh Vĩnh Phúc đã có thêm kinh nghiệm chỉ đạo xây dựng HTX nông nghiệp bậc thấp và chuẩn bị bước đầu vào phong trào hợp tác hóa nông nghiệp theo chủ trương của Trung ương Đảng. Giữa lúc cán bộ, đảng viên và nhân dân Lai Sơn nói riêng, xã Cộng Hòa nói chung đang rất phấn khởi vì HTX Lai Sơn được mùa, thì tin vui mới lại đến: Cấp trên báo về sẽ có đoàn khách quốc tế và Trung ương Đảng về thăm HTX Lai Sơn. Ngày 30/3/1958, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã về thăm Lai Sơn. Cùng đi với Người có đồng chí Nguyễn Mạnh Hồng, Phó trưởng Ban công tác nông thôn Trung ương. Đến Lai Sơn, Bác dừng chân đầu tiên là nhà đồng chí Nguyễn Văn Tấn (chủ nhiệm HTX) để gặp gỡ các đồng chí lãnh đạo tỉnh, huyện, xã và HTX để nghe báo cáo tình hình chung của xã Cộng Hòa và HTX Lai Sơn. Sau khi nghe lãnh đạo xã và HTX báo cáo, Bác đi thăm một số gia đình trong thôn, sau đó tới nơi bà con nông dân, thiếu nhi và bộ đội tập trung để gặp gỡ và nói chuyện. Thay mặt Trung ương Đảng và Chính phủ, Bác thăm hỏi đồng bào, cán bộ, bộ đội, các cháu thiếu niên, nhi đồng. Người khen ngợi xã Cộng Hòa có nhiều thành tích trong kháng chiến chống Pháp, nay lại là địa phương làm ăn giỏi, trong đó đặc biệt là thôn Lai Sơn, xây dựng một HTX kiểu mẫu của tỉnh. Bác căn dặn đồng bào và cán bộ trong xã phải hăng hái đẩy mạnh sản xuất, cải thiện đời sống, xây dựng nông thôn mới. Bác nhấn mạnh: Muốn làm được tốt, cần phải đoàn kết và động viên nhau vào tổ đổi công rồi tiến lên HTX; muốn xây dựng được tổ đổi công và HTX tốt thì phải làm cho mọi người hiểu rõ lợi ích để họ tự

nguyện tham gia. Tuyệt đối không được cưỡng ép, mệnh lệnh. Làm ăn trong tổ đổi công và HTX phải dân chủ bàn bạc, đoàn kết, chống tham ô, lãng phí. Bác khuyên đồng bào vừa sản xuất lương thực, vừa phải tích cực chăn nuôi và trồng cây ở những nơi đất rộng, không được để hoang ruộng đất. Ở xã Cộng Hòa, thời gian này có một đơn vị bộ đội đang đóng quân, nên đơn vị đã tập trung cùng nhân dân đón Bác. Người ân cần thăm hỏi cán bộ, chiến sĩ về ăn, ở, học tập. Người căn dặn bộ đội phải tích cực học tập chính trị, kỹ thuật quân sự và đoàn kết, giúp đỡ nhân dân, giữ mối quan hệ “quân dân như cá với nước”. Bác thăm hỏi các cháu thiếu niên, nhi đồng và Người chia kẹo cho các cháu như người ông đi xa mới về. Trước khi rời Lai Sơn, Bác đã tặng Huy hiệu của Người cho đồng chí Nguyễn Văn Tấn (Chủ nhiệm HTX Lai Sơn) và đồng chí Nguyễn Văn Đáp - Bí thư Đoàn thanh niên, đồng thời là Tổ trưởng một tổ đổi công xuất sắc của xã Cộng Hòa. Nhớ lời căn dặn của Người, Lai Sơn ngày nay đã trở thành một trong 20 làng văn hóa trọng điểm của tỉnh, được tỉnh quan tâm, đầu tư xây mới đường làng, xây nhà văn hóa. Đời sống người dân trong thôn được nâng cao, 100% con em được học hành. Để tưởng nhớ và biết ơn công lao của Bác, nhân dân Lai Sơn đã lập đền thờ Bác tại chính nơi Người gặp gỡ và nói chuyện với toàn bộ người dân trong thôn. Mỗi khi có dịp trọng đại của làng như hội làng, xây chùa, sửa đình,... cán bộ trong thôn đều đến để báo cáo với Bác. Người dân coi khu tưởng niệm và đền thờ như một tài sản quý giá của cả làng, nên ai cũng giữ gìn khu đền thờ. Khu đền thờ Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Lai Sơn là một điểm đến quan trọng không thể bỏ sót trong chuyến hành trình ý nghĩa này. Đến nơi đây chúng ta được tìm hiểu, được lắng nghe những câu chuyện kể về Bác đầy xúc động, chan chứa tình người bởi những nhân chứng sống và học hỏi được những đức tính cao đẹp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Văn Vượng - XTDL (Vinhphuc.tourism.vn)

26. Bác Hồ cưỡi ngựa về thăm Pác Bó

Bác Hồ cưỡi ngựa về thăm Cao Bằng là sự kiện in dấu ấn sâu đậm trong ký ức của đồng bào các dân tộc Cao Bằng về vị lãnh tụ tài đức song toàn của dân tộc.

Cách đây 53 năm (1961 - 2014) sau 20 năm xa cách, ngày 20/2/1961 tức ngày chủ nhật mừng 5 tết Tân Sửu. Bác Hồ cùng các đồng chí Trung ương Đảng; Nguyễn Khai, Tố Hữu, Lê Quảng Ba, lên thăm và chúc tết đồng bào Pác Bó - Hà Quảng nơi ngày 28/1/1941 Bác Hồ về nước ở Pác Bó lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc.

Sự cảnh giác cao độ của Bác Hồ là lên Pác Bó bằng máy bay lên thẳng, nhưng Bác Hồ lại cưỡi ngựa vào Pác Bó. Đồng chí Dương Đại Long quê Pác Bó là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cao Bằng nói với đồng chí Việt Dân quê Pác Bó là cán bộ tổ chức huyện Ủy Hà Quảng “Nói bí mật với nhân dân không được đâu, cứ nói thật với bà con là đằm đất ở đằm ruộng trước bản Bó Bản để làm bãi cho máy bay lên thẳng đưa Bác Hồ lên thăm quê hương mình; nhân dân phấn khởi nhanh

chống làm song sân bay và mong ngóng nghe tiếng máy bay lên mà không thấy. Thì ra Bác Hồ lại đi ô tô từ trụ sở Tỉnh ủy Cao Bằng ở phố Vườn Cam thị xã Cao Bằng lên Đôn Chương còn cách Pác Bó 10km, hồi ấy từ Đôn Chương vào Pác Bó là đường ngựa, nhỏ lại gập ghềnh. Huyện Ủy Hà Quảng chọn 4 con ngựa màu nâu to khỏe, 2 con của đồn Biên phòng, 2 con của huyện Đội Hà Quảng.

Bác cưỡi con ngựa to khỏe và hiền nhất do đồng chí Đàm Văn Khâm người xã Đào Ngạn là cán bộ văn phòng huyện ủy Hà Quảng dắt; đồng chí Nguyễn Khai cưỡi con ngựa do đồng chí Lý Văn Phúc cán bộ vận động xây dựng hợp tác xã Nông nghiệp dắt; đồng chí Tố Hữu cưỡi con ngựa do đồng chí Lưu Văn Pám cán bộ đoàn thanh niên dắt; đồng chí Lê Quảng Ba cưỡi con ngựa do đồng chí Nông Ngọc Tổng là nhân viên đánh máy chữ Huyện ủy Hà Quảng dắt. Nhìn 4 con ngựa có đầy đủ yên cương Bác nói: “Sao lại chọn con ngựa hiền nhất cho Bác” đồng chí Khâm nói: “Thưa Bác con ngựa này hiền nhất lại khỏe nhất ạ! Bác nói: “Con khỏe nhất thì Bác phi một nước xem nào! Đồng chí Nguyễn Khai thưa với Bác để giữ sức khỏe Bác không nên phi. Bác bảo: Mệnh lệnh chứ gì chắc là Trung ương giao, nếu Trung ương giao thì Bác không phi nữa.

Khi đoàn đến Đoòng Bay (gần Bảo Tàng Pác Bó) thì gặp đồng chí Đàm Quang Trung. Bác hỏi sao lại đến đây? Đồng chí Quang Trung trả lời: “Biết Bác về thăm bà con Pác Bó, em phải đến đón Bác. Bác nói: “A, nếu thế thì có phiên dịch rồi”.

Nhân dân Hà Quảng - Pác Bó tổ chức mít tinh đón Bác với đủ các màu sắc dân tộc: Áo chàm của dân tộc Tày, Nùng, váy trắng, áo hoa văn sặc sỡ, vòng bạc đeo đầy cổ, đầy tay của đồng bào Mông, gần trưa Bác đến Pác Bó. Bác vẫy tay chào mọi người, dàn nhạc, choong nào của người Nùng rền vang, Pí Lè của người Dao réo rất liên hồi, người Mông thổi kèn át cả tiếng vỗ tay âm vang cả núi rừng.

Bác và các đồng chí cùng đi vào nhà đồng chí Dương Đại Hoa bế cháu nhỏ vào lòng, mọi người quây quần bên Bác. Bác bảo ra nơi mít tinh kéo đồng bào đang chờ. Đến lễ đài Bác, đồng chí Tố Hữu, Lê Quảng Ba chia kẹo cho các em nhỏ và mọi người. Bác nói chuyện với đồng bào, giọng Bác rất khỏe, lời Bác vang vọng cả núi rừng, hùng hồn, trong sáng và thanh thản như dòng suối Lênin rì rào chảy. Bác tặng ảnh Bác cho nhân dân Pác Bó. Ba chị em dân tộc Nùng tặng Bác đôi giấy vải tự làm và chụp ảnh chung với gia đình. Bác ăn cơm trưa cùng gia đình, bữa cơm có thịt, cá đặc biệt có rau cải soong mà Bác đã gây giống năm xưa ở đầu nguồn suối Lê Nin. Bác ngả lưng một lúc rồi lên thăm hang Pác Bó. Bác bảo đồng chí Dương Đại Hoa dẫn đoàn vào thăm hang, còn Bác rẽ vào ven suối để trồng 3 khóm trúc. Đồng bào thưa với Bác! Trúc là cây trường thọ, mời Bác trồng trúc để biểu thị lòng tôn kính, tin tưởng của dân đối với Đảng, với Bác, với Chính phủ và kính chúc Bác sống lâu trăm tuổi để lãnh đạo toàn dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà, đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Bác ra ngồi trên tảng đá nhô lên mặt nước nơi ngày xưa Bác thường ngồi câu cá. Bác kể cho mọi người nghe ngày Bác ở đây. Bác mời đồng chí Tố Hữu làm thơ

tức cảnh Pác Bó, đồng chí Tố Hữu xin mời Bác làm thơ ạ! Ngẫm nghĩ một lúc Bác đọc:

“Hai mươi năm trước ở hang này
Đảng vạch con đường đánh Nhật - Tây
Lãnh đạo toàn dân ra chiến đấu
Non sông gấm vóc có ngày nay”.

Trên đường ra về Bác nói với mọi người! Sau này con đường từ đây đến thị xã nên trồng cây có hoa đỏ để thành con đường đỏ.

Về đến làng Bó Bản cô Bảy em cụ Dương Văn Đình nói với Bác: “Bố năng về thăm chúng con” và nghẹn ngào khóc. Vì ngày xưa Bác đã kết nghĩa anh em với cụ Dương Văn Đình.

Ra đến bờ suối Bác và các đồng chí cùng đi chụp ảnh trước cây hoa đào đang nở rộ. Nhân dân tập trung đầu làng tiễn đưa Bác. Bác vẫy tay lưu luyến Bác nói: Dú nớ, dú nớ! Bác pây nớ! Bác ra khỏi đèo Nà Ngăm, bỗng nhớ đến giây phút đồng bào đón Bác. Bác và các đồng chí cùng đi cưỡi ngựa ra Nà Mạ nơi mộ anh hùng liệt sĩ Kim Đồng. Máy bay lên thẳng do phi công Liên Xô lái đón Bác về sân bay Nà Cạn thị xã Cao Bằng.

Sự kiện Bác Hồ về thăm Cao Bằng - Pác Bó lần này là lần cuối cùng, trước lúc Bác đi xa, là niềm vinh dự, là nguồn cổ vũ lớn đối với đồng bào Cao Bằng - Pác Bó, mang dấu ấn lịch sử đậm nét.

Bác từ Pác Bó về ngủ ở trụ sở Tỉnh ủy Cao Bằng phố Vườn Cam. Sáng hôm sau 21/2/1961, Bác Hồ dự cuộc mít tinh nói chuyện với nhân dân, cán bộ toàn tỉnh. Tại cuộc mít tinh Bác căn dặn: Trước kia bọn thực dân phong kiến dùng mọi cách để chia rẽ các dân tộc, chúng làm cho dân tộc này khinh rẻ và căm ghét dân tộc khác để chúng dễ dàng bóc lột tất cả dân tộc ta. Ngày nay chế độ ta là chế độ dân chủ. Đảng Chính phủ chỉ lo phục vụ lợi ích của nhân dân; đồng bào các dân tộc không phân biệt lớn nhỏ, phải thường xuyên giúp đỡ lẫn nhau, phải đoàn kết chặt chẽ như anh em một nhà, để xây dựng Tổ quốc chung, xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho các dân tộc hạnh phúc ấm no.

“Bác mong tỉnh Cao Bằng sớm trở thành một trong những tỉnh gương mẫu trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc như trước đây Cao Bằng là một trong những tỉnh đi đầu trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc”.

Ít nhất Cao Bằng phải Cao Bằng nơi cao nhất, Cao Bằng cao không nơi nào bằng”.

Bác Hồ làm việc với tỉnh ủy Cao Bằng, đi thăm bệnh viện tỉnh Cao Bằng.

Đáp ứng lòng mong mỏi của Đảng, của Bác. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc tỉnh Cao Bằng với truyền thống đoàn kết đấu tranh cách mạng, cần cù lao động sáng tạo, quyết tâm thực hiện lời Bác dạy, vững bước đi theo Đảng xây dựng và

phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân, giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự an toàn xã hội, bảo vệ vững chắc biên cương Tổ quốc.

Nguyễn Xuân Toàn (sưu tầm) - *Khcncaobang.gov.vn*

27. Nơi Bác Hồ nói chuyện với nhân dân các dân tộc huyện Yên Châu - tỉnh Sơn La

Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình mặc dù bận trăm công ngàn việc của đất nước Bác vẫn thường xuyên quan tâm chăm sóc và dành tình thương yêu tới nhân dân các dân tộc Tây Bắc. Ngay từ những ngày đầu Cách mạng Bác gửi thư khuyên đồng bào: “Từ nay về sau các dân tộc đã đoàn kết càng đoàn kết thêm, đã phấn đấu càng phấn đấu nữa, để giữ gìn độc lập cho vững vàng, xây dựng một đất nước Việt Nam mới giàu mạnh, ấm no và hạnh phúc”. Kháng chiến toàn quốc bùng nổ mặc dù Bác chưa có điều kiện trực tiếp lên thăm Sơn La, nhưng Bác luôn biên thư, gửi điện thăm hỏi, khen ngợi theo dõi từng bước đi, từng tiến bộ của đồng bào.

Năm 1949, cuộc kháng chiến chống Pháp phát triển mạnh mẽ ở Tây Bắc, Trung ương Đảng quyết định hợp nhất 2 tỉnh Sơn La và Lai Châu thành liên tỉnh Sơn Lai, Bác gửi thư động viên đồng bào, Người viết: “Sơn Lai, tuy ở xa Chính phủ nhưng lòng Chính phủ vẫn ở gần Sơn Lai”. Người còn gửi ảnh tặng đồng bào với lời dạy: “Thi đua thực hiện cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư”.

Ngày 1/1/1952, Bác gửi thư cho cán bộ chiến sĩ và dân công ở mặt trận Tây Bắc, Người nhắc nhở: “Chiến dịch Tây Bắc là chiến dịch rất quan trọng” Bác thường xuyên sát sao tình hình chiến sự, kịp thời động viên quân và dân Tây Bắc.

Sau ngày hòa bình lập lại Bác đã nhiều lần gửi thư thăm hỏi đồng bào Sơn La, khuyên dặn đồng bào phải đoàn kết, chặt chẽ, thường xuyên giúp đỡ bộ đội, Công an chống mọi âm mưu của địch, thư nào Bác viết cũng không quên gửi lời thăm hỏi tới các cụ phụ lão, các cháu thiếu niên nhi đồng. Trong các hội nghị có cán bộ dân tộc về dự Bác luôn dành thời gian gặp gỡ trò chuyện hỏi thăm đồng bào. Đáp lại tình cảm, sự quan tâm đặc biệt của Bác, nhân dân các dân tộc Sơn La đoàn kết, chung xây quê hương và bảo vệ vững chắc vùng đất phía tây Tổ quốc.

Năm 1954, Chiến thắng Điện Biên Phủ làm nức lòng người dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới. Với khí thế chiến thắng, niềm tin tưởng tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng và Chính phủ mà đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh kính mến. Cùng với quân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Sơn La hăng hái bắt tay vào khôi phục kinh tế, thi đua sản xuất. Xây dựng lại cuộc sống ấm no hạnh phúc: “Ăn quả nhớ người trồng cây”. Nhân dân các dân tộc Sơn La mơ ước được đón Bác lên thăm để chứng kiến sự đổi đời sâu sắc của đời của đồng bào các dân tộc và mong được Người hướng dẫn chỉ bảo cho những bước đi mới.

Niềm mơ ước ấy đã trở thành hiện thực, ngày 7/5/1959 nhân dịp kỷ niệm 5 năm chiến thắng Điện Biên Phủ và 4 năm lập khu tự trị Thái - Mèo. Bác Hồ cùng

đoàn đại biểu Chính phủ, trong đó có Đại tướng Võ Nguyên Giáp, nhà thơ Tố Hữu... lên thăm Sơn La. Cuộc mít tinh lớn của hơn một vạn đồng bào đại diện cho 43 vạn quân dân các dân tộc Tây Bắc được tổ chức tại sân vận động Thuận Châu (Thủ phủ của khu Tây Bắc). Cuộc mít tinh biến thành cuộc tuần hành biểu dương lực lượng đi qua lễ đài. Ai cũng hướng về Bác Hồ để khắc sâu hơn nữa hình ảnh của Người.

Nhân dân nô nức phấn khởi đón Bác, dâng lên những sản phẩm địa phương do chính bàn tay lao động sáng tạo của bà con, thể hiện tấm lòng của đồng bào Tây Bắc.

Mặc dù chuyến thăm Tây Bắc của Bác không dài nhưng Người đã dành thời gian đến thăm và động viên đồng bào một số địa phương như Yên Châu, Mộc Châu.

Năm 1959 là năm lịch sử đáng ghi nhớ đối với Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Yên Châu. Nhân dịp kỷ niệm 5 năm ngày chiến thắng Điện Biên Phủ Chủ tịch Hồ Chí Minh dẫn đầu phái đoàn Chính phủ lên thăm Tây Bắc. Điều đặc biệt vinh dự đến với nhân dân các dân tộc Yên Châu là được đón Bác và phái đoàn lên thăm. Sáng ngày 8/5/1959 tại sân bản Khoóng (xã Chiềng An) cuộc mít tinh lớn đón Bác và phái đoàn diễn ra, hơn 2000 cán bộ, bộ đội và đồng bào các dân tộc ở quanh huyện lỵ thay mặt cho tất cả đồng bào trong huyện đã mặc những bộ quần áo đẹp nhất để đi đón Bác. Niềm hạnh phúc lớn lao và giây phút thiêng liêng ấy đã đến. Rừng người, rừng cờ sôi động hẳn lên khi Bác xuất hiện trên lễ đài. Những tràng vỗ tay vang lên không ngớt, Bác giơ tay vẫy chào mọi người, cả rừng người lặng đi trong tiếng nói ấm áp, ân tình của Người. Bác ân cần hỏi thăm sức khỏe của cán bộ và chiến sĩ nhân dân các dân tộc trong châu. Bác khen: Đảng, Chính phủ và Bác rất vui lòng khen ngợi đồng bào châu nhà trong kháng chiến đã tổ chức đánh Tây rất tốt, đã giúp bộ đội, cán bộ đánh Tây. Thế là tốt.

Đặc biệt, đồng bào vùng cao sinh hoạt gian khổ, trong kháng chiến rất anh dũng, Đảng và Chính phủ tỏ lời khen.

Từ ngày hòa bình lập lại, đồng bào, cán bộ, bộ đội đoàn kết rất tốt, giúp đỡ nhau tăng gia sản xuất, học bình dân. Như thế là tốt.

Với phong cách giản dị, với lời nói so sánh dễ hiểu tình cảm giữa lãnh tụ và nhân dân trở nên gần gũi, thân thiết bao nhiêu trong niềm vui khôn xiết, nhiều cụ già đã cảm động trào nước mắt khi nghe Bác hỏi thăm bằng tiếng dân tộc. Bác căn dặn cán bộ, bộ đội và nhân dân các dân tộc Yên Châu là: Đẩy mạnh sản xuất, làm thủy lợi, bảo vệ rừng, xây dựng tổ đội công hợp tác xã, xóa mù chữ, giữ vệ sinh, đảm bảo an ninh trật tự, tích cực giúp đỡ đồng bào ở vùng rẻo cao, đặc biệt là phải đoàn kết, Bác giơ nắm tay lên và nhấn mạnh: “Cán bộ, bộ đội, nhân dân phải đoàn kết chặt chẽ như nắm tay thế này”.

Sau đó Bác căn dặn riêng cán bộ: “Cán bộ từ trên xuống dưới... đều là đây tớ của nhân dân... tức là cán bộ phải chăm lo đời sống của nhân dân, phải giúp nhân

dân tổ chức được tổ đổi công, hợp tác xã, dân quân, cán bộ phải đến tận nơi giúp đỡ, bao giờ các tổ chức ở đó thật vững mới thôi. Chỗ nào có nhân dân cần đến mình thì mình phải đến, bất kỳ ở chỗ nào cũng là Tổ quốc, là đất nước, cũng là cương vị công tác cán bộ. Vì vậy cán bộ địa phương cùng cán bộ nơi khác đều phải đoàn kết thương yêu nhau, làm gương cho nhân dân địa phương.

Hình ảnh và những lời dặn dò và sự chỉ bảo ân cần của người mãi còn in đậm trong lòng Đảng viên và nhân dân các dân tộc Yên Châu, là người cô vũ lớn lao động viên Đảng bộ, chính quyền và nhân dân các dân tộc vượt qua khó khăn thử thách, thực hiện triệt để chủ trương, chính sách của Đảng và Chính phủ đưa châu nhà vững mạnh.

Nơi Bác Hồ nói chuyện với nhân dân Yên Châu đã đi vào ký ức của nhân dân các dân tộc huyện Yên Châu nói riêng và nhân dân các dân tộc tỉnh Sơn La nói chung. Ở đây đã đánh dấu một sự kiện lịch sử quan trọng Hồ Chủ tịch cùng phái đoàn Chính phủ đến thăm nhân dân các dân tộc huyện Yên Châu. Từ đó đến nay cứ đến ngày 8/5 địa phương đều tổ chức ôn lại sự kiện lịch sử đó.

Thuviensonla.com.vn

28. Kỷ niệm 123 năm sinh nhật Bác Hồ kính yêu: Thăm đền thờ Bác tại Khu di tích K84

Chúng tôi cùng đoàn người có công với Cách mạng quận Ba Đình về thăm Khu di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại K84, nơi Bác đã từng làm việc và yên nghỉ sau khi về cõi vĩnh hằng đến trước khi Người trở về Lăng ở thủ đô Hà Nội, trái tim thân yêu của cả nước, từ năm 1957-1975, tại Đá Chông, Ba Vì, Hà Nội.

Ba Vì - một vùng đất thiêng

Với bề dày lịch sử, Ba Vì là nơi có nhiều di tích lịch sử - văn hóa có giá trị như: cụm di tích Đền Thượng - Đền Trung - Đền Hạ thờ Tam vị Tản Viên Sơn Thánh; Đình Tây Đằng, Đình Chu Quyến là 2 di tích được xếp hạng đặc biệt quan trọng cấp quốc gia; Đền thờ Bác Hồ tại Khu di tích lịch sử K84, nơi lưu giữ những kỷ vật liên quan đến Bác Hồ khi Người ở đây; Đền Bà Chúa Đá Đen, nơi thờ hai thân mẫu của Sơn Tinh là Chúa Thượng Thiên và Chúa Thượng Ngàn do chính ba anh em Nguyễn Tuấn, Nguyễn Cao Sơn và Nguyễn Quý Minh lập, cùng hàng trăm danh thắng tươi đẹp nổi tiếng như: Ao Vua, Khoang Xanh - Suối Tiên, Hồ Tiên Sa, Thiên Sơn - Suối Ngà, Khu du lịch Tản Đà, Thác Đa, Hồ Suối Hai, Hồ Cẩm Quý, Rừng nguyên sinh Bằng Tạ - Đàm Long, Đồi cò Ngọc Nhị...

Vì thế, nơi đây được coi là một trong những vùng đất địa linh nhân kiệt, vùng văn hóa cổ xưa của nước ta. Hầu hết các di tích lịch sử, văn hóa - tâm linh và thắng cảnh thiên nhiên ít nhiều đều có nguồn gốc và liên quan đến những truyền thuyết xung quanh vị thánh đứng đầu trong “tứ bất tử” của Việt Nam là Thánh Tản Viên cùng với hai người em thúc bá với Nguyễn Tuấn (Sơn Tinh) là Nguyễn Cao Sơn

(Sùng công) và Nguyễn Quý Minh (Hiển công) đều lớn lên và hiển đạt từ tay nhũ mẫu (mẹ nuôi) Ma Thị Cao Sơn, mà dân gian thường gọi là bà Chúa Thượng Ngàn, còn mẹ đẻ của Nguyễn Tuấn tên là Đinh Thị Diêng, người đời gọi chệch thành Đen, là bà Chúa Thượng Thiên.

Nếu chỉ đi thăm hết từng ấy di tích, thắng cảnh của Ba Vì, mỗi địa chỉ vài ngày cũng mất chừng nửa năm có lẽ. Ấy là chưa kể có những nơi khiến người ta đến rồi ngơ ngẩn muốn ở lại dài dài để nghe người dân trong vùng kể về những huyền tích, giai thoại lịch sử hoặc là sự ứng nghiệm từ việc chăm lo hương khói, bảo tồn di sản mà Tổ tiên đã để lại cho muôn đời con cháu đời sau; những câu chuyện về nàng công chúa Ngọc Hoa, vợ của Sơn Tinh và là con gái thứ hai của vua Hùng Duệ Vương (Vua Hùng đời thứ 18) dạy người dân làm ra lửa, làm ruộng, mở hội, săn bắn, kéo vó, luyện võ, dệt lụa, múa hát,... Hiện đền thờ Bà được đặt ở đỉnh núi thứ 3 của Ba Vì. Còn đỉnh thứ nhất ở độ cao 1227 mét đặt đền thờ Bác Hồ và đỉnh thứ hai ở độ cao hơn 1100 mét đặt đền thờ Thánh Tản Viên.

Tuy nhiên cũng tại Ba Vì có một di tích lịch sử - văn hóa đặc biệt, đây là nơi Bác đã từng làm việc, yên nghỉ sau lúc ra đi để lại muôn vàn sự tiếc thương cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta.

Những lần “bôn ba” của Bác

Năm 1957, Bác lên Đá Chông, Ba Vì để thăm và chỉ đạo cuộc diễn tập của Sư đoàn 308. Bác dừng lại nghỉ trưa nơi tảng đá và dờ cơm nắm ra ăn, ngay dưới chân ba mũi chông nhọn hoắt chĩa lên trời xanh. Năm 1958, Bác lại lên đây quan sát địa thế để cho xây dựng một căn cứ dành riêng cho Bộ Chính trị. Năm 1960, khu căn cứ được xây dựng xong và được đặt bí danh quân sự là K9. Từ đây Bác thường lui tới đây để nghỉ ngơi và họp Bộ Chính trị vạch đường lối chỉ đạo cách mạng miền Nam. Hiện phòng họp của Bộ Chính trị, phòng nghỉ của Bác và đồng chí Vũ Kỳ cùng những kỷ vật từ năm 1957-1975 vẫn còn được lưu giữ nguyên vẹn.

Đến năm 1969, sau khi Bác ra đi, khu căn cứ này đổi tên thành K84 cho đến nay. K84 là nơi Bác đã từng yên nghỉ từ 1969-1975, trước khi Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh ở Quảng trường Ba Đình xây xong đón Bác về. Tuy nhiên nếu tính tháng thì từ 1969-1975, Bác chỉ nghỉ tại K84 khoảng 54 tháng (4 năm rưỡi). Ngay sau khi Bác mất, Bộ Chính trị đã bố trí khu 75A tại thủ đô Hà Nội để Bác yên nghỉ cho đến cuối năm 1969.

Ngày 23/12/1969 đoàn xe đặc biệt xuất phát từ 75A đưa Bác lên K84 yên nghỉ. Để di chuyển thi hài Bác tuyệt đối an toàn, một chiếc xe Zin 157 đã được cải tạo lại theo đúng yêu cầu. Các đồng chí trong Bộ Chính trị, Quân ủy Trung ương, Trung ương Cục miền Nam búi ngùi đưa tiễn Bác trong đêm đông giá lạnh. Nhiều người đưa tiễn Bác ngày ấy còn nhớ như in, đó là vào một đêm gió mùa đông bắc tràn về giạt từng cơn trên các lùm cây hai bên đường. Nhưng đoàn xe vẫn lặng lẽ vượt qua thị trấn, bỏ xuống các cây cầu, trườn lên trên bờ đê của chặng đường dài hơn 70 km, để đưa Bác đến nơi yên nghỉ an toàn.

Sau một năm Bác yên nghỉ tại đây, cuối tháng 11/1970, trước diễn biến phức tạp của cuộc chiến tranh phá hoại của giặc Mĩ ở miền Bắc, đặc biệt là vụ biệt kích Mĩ nhảy dù xuống Sơn Tây hòng giải vây trại giam tù binh Mĩ, Bộ Chính trị quyết định đưa Bác trở về khu 75A. Đúng 22 giờ ngày 3/12/1970 đoàn xe lại lặng lẽ rời K84 di chuyển Bác về Hà Nội.

Vào mùa thu năm 1971, Mĩ đã sử dụng 277 lượt chiếc máy bay rải 8.312 đơn vị hóa chất xuống vùng trời Hà Nội và các vùng rừng núi thuộc lưu vực sông Hồng và sông Đà, tạo ra những đám mây lạnh xúc tác trong không khí gây ra những trận mưa dữ dội làm Hà Nội và các vùng lân cận ngập chìm trong biển nước.

Trước tình hình đó, ngày 18/8 Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương lại quyết định chuyển Bác về khu căn cứ K84 trong mưa giông. Vì không thể chờ nước rút, thay vì sử dụng chiếc xe Zin 157 đã từng di chuyển Bác trong những lần trước đó, một chiếc xe Páp (xe lội nước) đã được thiết kế lại để đảm nhận nhiệm vụ này. Cùng với chiếc xe Páp còn có 3 chiếc xe bọc thép có trang bị pháo ĐKZ84 và 3 khẩu đội pháo 14,5 li đi hộ tống, đề phòng máy bay địch phát hiện được cuộc hành quân đầy cam go này của ta. Bởi những lần trước thì hài Bác được di chuyển vào ban đêm, còn lần này di chuyển giữa ban ngày.

Đến mùa hè năm 1972, cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước của nhân dân ta bước vào giai đoạn khốc liệt nhất ở các chiến trường Quảng Trị, Khu V, Tây Nguyên, Bình Long, Phước Long,... Đề phòng chính quyền Ních-xơn có thể liều lĩnh đánh phá thủ đô Hà Nội và các vùng phụ cận, Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương lại quyết định di chuyển thi hài Bác đến Khu hang K2, phía tả ngạn sông Đà thuộc địa phận huyện Hưng Hòa, tỉnh Phú Thọ. Vậy là chiếc xe Páp lại một lần nữa được giao đảm đương nhiệm vụ này. Đúng 21 giờ ngày 11/7/1972 đoàn xe xuất phát từ Khu K84 tiến sang Khu K2.

Do điều kiện rừng núi hiểm trở đi lại khó khăn, đời sống người dân còn nhiều vất vả, lại thiếu nhiều tiện nghi phục vụ việc bảo quản thi hài Bác, cũng như nơi ăn ở cho các chuyên gia Liên Xô, đêm ngày mùng 4 Tết năm 1973 đoàn xe cập bến Khu hang đá K2 để di chuyển Bác về Khu K84. Dòng sông Đà mùa xuân nước chảy êm đềm, trong vắt. Hai bên bờ sông phủ một lớp sương mù mỏng như chiếc khăn voan khổng lồ, tạo nên cảm giác mờ ảo lạ thường như trong truyện cổ tích. Đoàn người và xe lặng lẽ vượt từ tả ngạn sang hữu ngạn sông Đà.

Và đúng 16 giờ ngày 18/7/1975, đoàn xe đặc biệt chở thi hài Bác được lệnh xuất phát rời khu căn cứ K84 tiến về Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, chấm dứt thời kỳ “bôn ba” của Bác sau 6 năm Người đi xa.

Vậy là, sau khi Bác vĩnh biệt chúng ta, từ năm 1969-1975, Người vẫn còn “bôn ba” nhiều lần, qua 3 địa điểm bí mật khác nhau trước khi trở về Quảng trường Ba Đình lịch sử. Mỗi lần như vậy cũng là một trận chiến đấu đầy cam go để giữ yên giấc ngủ cho Người của nhiều đơn vị, sĩ quan và chiến sĩ trong toàn quân.

29. Cây vú sữa và tấm lòng người dân Đất Mũi

Tháng 7/1954, Hiệp định Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Cà Mau là một trong những địa điểm được chọn làm khu tập kết 200 ngày. Với nhiều con em của miền Tây Nam Bộ, những tháng sau thời gian dài đằng đẳng đón 9 cái tết trong rừng tràm U Minh, xuân Ất Mùi này sẽ được vui vầy, sum họp cùng gia đình, vậy mà niềm mong ước đó đã không toại nguyện.

Dẫu biết rằng “đi vinh quang, ở lại cũng vinh quang”, đi tập kết hay ở lại với Đất Mũi, tất cả đều trong tư thế của người chiến thắng, thế nhưng những người con của miền Tây Nam Bộ bước xuống tàu đi tập kết, ai cũng cảm thấy bùi ngùi, xúc động. Những tháng ngày lưu luyến tạm biệt quê hương, chiến trường, bạn bè, đồng đội, người thân, họ đã hiểu được tâm trạng thầm kín lo âu của những đồng bào, đồng chí ở lại: Tình hình sắp tới rồi sẽ ra sao? Liệu kẻ địch có chịu thi hành Hiệp định? Hai năm có Tổng tuyển cử không? Bộ đội đi rồi dân sẽ biết dựa vào ai khi phải sống trong sự kiểm soát, kìm kẹp của kẻ thù?

Thế rồi những lo âu đó rồi cũng tạm ẩn vào trong lòng của người ra đi khi mà những chiếc tàu của Liên Xô, Ba Lan bỏ neo ngoài cửa sông Ông Đốc bắt đầu kéo những hồi còi chia tay Đất Mũi. Thay vào đó là niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng; là tình cảm sâu nặng đối với Bác Hồ kính yêu của người dân Đất Mũi gửi gắm ra Bắc.

Một ngày cuối tháng 12/1954, khi đoàn quân tập kết đang chuẩn bị lên ghe để “tặng bo” ra tàu Ki-lin-xki đang bỏ neo ngoài cửa sông Ông Đốc, có một nông dân trạc 60 tuổi ở Trí Phải (Thới Bình) bơi thuyền tìm đến và thiết tha mời bằng được các anh bộ đội về nhà để “liên hoan chia tay” chút đỉnh. Lúc bấy giờ, chuẩn bị lên tàu nên kỷ luật rất nghiêm ngặt. Nể trọng tấm lòng của ông lão nên mấy chiến sĩ đã nhận lời. Vừa mới uống được ngụm rượu với mấy quả mận xanh, ông lão đã kéo họ ra góc vườn chỉ vào một cây vú sữa cao chừng nửa mét và bảo: “Tía, má muốn gửi cây vú sữa này ra kính tặng Bác Hồ và đồng bào miền Bắc. Tụi bay có chuyển được không?”. Những người có mặt hôm đó hoàn toàn bất ngờ và thực sự xúc động trước nghĩa cử của một ông lão nông dân nơi vùng đất tận cùng của Tổ quốc.

Dẫu biết mang cây vú sữa lên tàu sẽ rất khó khăn, nhưng những chiến sĩ đi tập kết vẫn nhận lời.

Ông lão đã chuẩn bị sẵn một chiếc hộp nhỏ và tự tay ông đào cây vú sữa cho vào hộp, chẳng buộc cẩn thận. Trên đường từ bãi tập kết ra cửa sông Ông Đốc để lên tàu, anh em mang theo cây vú sữa không mấy khó khăn, nhưng quả thực những ngày tháng lênh đênh trên biển thì việc nâng niu, chăm sóc không đơn giản chút nào, nhất là trong điều kiện trên tàu khan hiếm nước ngọt, người đông, đồ đạc linh tinh. Hôm tàu chuẩn bị nhổ neo, một người đàn ông trạc ngoài 50 tuổi bơi ra cặp mạn tàu năm ni thủy thủ thả dây cho lên boong chốc lát để chia tay anh em. Vừa

lên mặt boong, ông liền đi thẳng đến chỗ để tấm ảnh Bác Hồ quỳ xuống, rồi kính cẩn hôn hình ảnh vị Cha già dân tộc, oà lên khóc như một đứa trẻ. Cán bộ, chiến sĩ và các thủy thủ trên tàu Ki-lin-xki thực sự xúc động. Suốt cuộc hành trình trên biển, việc chăm sóc cây vú sữa không còn là của ba anh bộ đội nữa, mà là của tất cả những người có mặt trên tàu. Họ đã phải tiết kiệm từng giọt nước ngọt để tưới, thường xuyên phải di chuyển vị trí cây vú sữa sao cho vừa tránh được gió biển lại vừa đón được ánh nắng mặt trời.

Càng gần Tết, mọi người càng mong cho tàu cập bến sớm để cùng với hoa đào Nhật Tân, cây vú sữa miền Nam sẽ góp thêm sắc xuân cho Thủ đô, kịp mang đến kính dâng lên bác Hồ kính yêu và đồng bào miền Bắc tình cảm nồng nàn và niềm tin son sắt của đồng bào miền Nam. Họ hình dung một cái Tết trên đất Bắc mang nhiều ý nghĩa sau 9 năm trường kỳ kháng chiến; nhất lại là trong không khí Trung ương Đảng và Chính phủ vừa từ căn cứ địa Việt Bắc trở về vui Tết hòa bình cùng nhân dân ở Thủ đô.

Đúng sáng mùng 1 Tết năm Ất Mùi (tức 24/1/1955), tàu Ki-lin-xki cập bến Sầm Sơn (Thanh Hóa). Trong đoàn, ai cũng muốn được ra ngay Hà Nội để gặp Bác, nhưng điều kiện không cho phép nên cuối cùng đoàn đành phải cử một người mang cây vú sữa cùng đồng chí Nguyễn Văn Kinh - Ủy viên Thường vụ Trung ương Cục đáp tàu hoả ra Thủ đô.

Sáng mùng 2 Tết năm đó, tại Phủ Chủ tịch, thay mặt đồng bào miền Nam, đồng chí Nguyễn Văn Kinh đã dâng tặng Bác Hồ cây vú sữa mà đoàn cán bộ tập kết đã nâng niu đưa ra từ vùng cực Nam Tổ quốc. Cây vú sữa đó đã được Bác tự tay trồng và chăm sóc ở ngay trong khuôn viên ngôi nhà sàn Bác ở Phủ Chủ tịch.

Hình ảnh Bác Hồ chăm sóc cây vú sữa mà đồng bào miền Nam gửi tặng đã đi vào thi ca, tranh ảnh và tạc vào lòng người dân Nam Bộ một tình cảm đặc biệt.

Hơn nửa thế kỷ đã trôi qua, mặc dù cho đến lúc đi xa, Bác Hồ chưa kịp vào thăm đồng bào miền Nam, nhưng tình cảm của Bác dành cho đồng bào miền Nam còn mãi mãi như câu nói của Người: “Miền Nam trong trái tim tôi”.

Việt Anh - *Bqlang.gov.vn*

BÁC HỒ VỚI THIẾU NHI – SỰ QUAN TÂM ĐẶC BIỆT CỦA NGƯỜI

1. Các câu chuyện về Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng

Đến thăm trường thiếu nhi miền Nam

Nghe tin Bác đến thăm trường thiếu nhi miền Nam, các cô chú phụ trách trường tíu tít chuẩn bị, trang hoàng hội trường đón Bác.

Khi Bác đến, tất cả mọi người ùa ra đón Bác và đưa Bác đến hội trường đã được chuẩn bị cờ, hoa lộng lẫy. Nhưng Bác đề nghị dẫn Bác đến nhà bếp và phòng ngủ xem các cháu có được ăn no, ngủ ấm và chăm sóc chu đáo không. Sau đó Bác lấy ra một gói kẹo lớn chia đều cho các cháu. Đang nhìn các cháu ăn kẹo, Bác chợt nhận ra có 1 cháu đang đứng ở góc phòng, nét mặt buồn xo. Bác gọi lại hỏi:

- Cháu tên là gì? Vì sao lại đứng ở đây?

- Cháu tên là Tộ. Vì cháu phạm lỗi, tay bẩn không rửa nên các cô chú phạt, không cho nhận kẹo của Bác.

Bác cười bảo bạn Tộ đi rửa tay rồi chia kẹo cho Tộ, sau đó Bác dạy:

- Từ nay, cháu phải luôn giữ gìn đôi tay cho sạch nhé. Bàn tay còn người rất đáng quý.

Bạn Tộ rất cảm động trước sự chăm sóc ân cần của Bác. Từ đấy, bạn luôn giữ đôi tay sạch sẽ và rửa tay sạch trước khi ăn.

Thiếu nhi Tiệp Khắc với Bác Hồ

Trong một lần đến thăm nước Tiệp Khắc, Bác Hồ được tiếp một đoàn thiếu nhi Tiệp Khắc đến thăm Bác. Cháu nào cũng muốn đứng cạnh Bác nên đã chen chúc, tranh giành nhau rất dữ. Để ổn định trật tự, Bác đã nảy ra sáng kiến hỏi các cháu:

- Các cháu thấy Bác gầy hay mập?

Các cháu trả lời:

- Bác gầy lắm ạ.

Bác lại hỏi:

- Vậy các cháu có muốn Bác gầy không?

Các cháu đồng thanh trả lời:

- Không ạ

Bác nói tiếp:

- Vậy các cháu đừng chen nhau hôn Bác nữa. Hãy cử 1 đại biểu đến hôn Bác thôi.

Sau câu nói của Bác, tất cả đều trật tự và cử bạn đội trưởng thay mặt tất cả đến hôn Bác. Bác ôm hôn bạn đội trưởng và cảm ơn các bạn thiếu nhi Tiệp Khắc. Còn các chú bảo vệ thì lại cảm ơn Bác vì Bác đã có sáng kiến duy trì được trật tự mà vẫn giữ được tình cảm yêu quý của thiếu nhi Tiệp Khắc với Bác Hồ.

Bể cá vàng dành cho các cháu

Các bạn đều biết ngôi nhà sàn của Bác ở Phủ Chủ tịch rất đơn sơ nhưng khi thiết kế, Bác đã đề nghị các đồng chí xây cho Bác một hàng ghế xi măng bao quanh để các cháu thiếu nhi đến thăm Bác có chỗ ngồi. Thấy các cháu có chỗ ngồi nhưng lại không có gì để chơi, Bác lại đề nghị kiếm 1 bể cá để nuôi cá vàng cho các cháu đến thăm Bác có cá để xem. Thấy các cháu xúm xít xem cá trong bể, Bác rất vui. Hàng ngày, sau giờ làm việc, Bác thường cho cá vàng ăn. Bác để dành những mẩu bánh mì ăn sáng làm thức ăn nuôi cá. Được Bác chăm sóc, mấy con cá vàng trong bể ngày một lớn và phát triển thành cả một đàn cá. Mùa đông trời lạnh, Bác nhờ mấy chú làm một chiếc nắp đậy bể để bảo đảm độ ấm cho cá.

Mỗi lần đến thăm nhà sàn của Bác, khách thường thích thú ngắm bể cá, nhất là khách thiếu nhi.

Hãy để các cháu được làm chủ

Trong năm 1961, có 1 sự kiện đáng nhớ của các cháu thiếu nhi. Bác Hồ cho 2000 cháu lần lượt đến vui chơi trong Phủ Chủ tịch. Bác dành phòng khách long trọng nhất trong Phủ Chủ tịch làm nơi cho các cháu triển lãm tranh ảnh của mình. Bác cho trang trí vườn hoa và mắc âm thanh tốt nhất cho các cháu ca hát, liên hoan văn nghệ. Các cháu đến Phủ Chủ tịch rất thích, được ca hát nhảy múa, nằm lăn ra bãi cỏ xanh mượt mát rượi.

Bác Hồ rất thương trẻ con

Có lần đang ngủ đến gần sáng, lạnh quá Bác thức dậy. Gió vun vút đập vào cửa kính. Chợt Bác nghe thấy có tiếng trẻ em rao hàng dưới đường, Bác mở cửa ngó xuống nhìn em bé, nhìn mãi cho đến khi em bé đi khuất mới từ từ khép cửa lại.

Một lần khác, Bác cùng xem phim với cán bộ đồng bào sau Đại hội Chiến sĩ thi đua năm 1952. Buổi chiếu phim tan, mọi người lục đục kéo nhau đứng dậy ra về, Bác vội đứng lên đưa tay ra lệnh trật tự và nói to:

- Xin hãy để các cháu bé ra trước kéo lộn xộn các cháu sẽ lạc đấy.

Thế là những người lớn lại ngồi xuống chờ các cháu nhỏ ra hết mới đứng lên về.

Có lần Bác bảo đồng chí phục vụ Bác mang cháu nhỏ 5 tuổi đến chơi với Bác. Đồng chí phục vụ dẫn con đến, lúc ấy Bác bận nên đã bảo đồng chí cho cháu ngồi chơi ăn kẹo. Khi Bác trở vào vẫn thấy 2 cha con ngồi chờ và không dám lấy kẹo ăn.

Bác tỏ vẻ không bằng lòng, phê bình đồng chí:

- Ở nhà, cháu là con của cô chú, nhưng đến đây, cháu là khách của Bác. Chú phải có nhiệm vụ giúp Bác đãi khách chứ, ai lại để cháu bé ngồi chơi suông hay sao?

Quả táo Bác Hồ

Năm 1946, Bác sang Pháp để đàm phán với Chính phủ Pháp về những vấn đề có liên quan đến vận mệnh đất nước. Thị trường thành phố Pa-ri mở tiệc long trọng thiết đãi Bác Hồ. Khi ra về, Người lấy trên bàn một quả táo bỏ vào túi. Mọi người ngạc nhiên, tò mò trước cử chỉ ấy của Bác.

Ra đến cửa, Bác nhìn thấy rất đông bà con Việt Kiều và người Pháp đứng đón mừng Bác. Trông thấy một bà mẹ bế trên tay một cháu bé, Bác tiến lại gần, giơ tay bế cháu bé. Lúc ấy, Bác rút trong túi ra quả táo đưa cho cháu bé. Mẹ cháu bé và những người cùng đi rất cảm động trước tấm lòng yêu trẻ của Bác Hồ.

Bác Hồ với thiếu nhi Việt Nam

Mở đầu lá thư gửi cho nhi đồng nhân dịp Tết Trung thu năm 1951, Bác Hồ kính yêu đã bộc lộ cảm xúc của mình:

“Trung thu trăng sáng như gương

Bác Hồ ngắm cảnh, nhớ thương nhi đồng”.

Không chỉ yêu thương thiếu niên, nhi đồng, Bác Hồ còn khẳng định vai trò quan trọng của thiếu nhi đối với tương lai mai sau của đất nước và xác định trách nhiệm chăm sóc giáo dục các em không phải của riêng ngành nào, tổ chức nào mà là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân. Bác đã viết: “Thiếu niên nhi đồng là người chủ tương lai của nước nhà. Vì vậy, chăm sóc và giáo dục tốt các cháu là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Công tác đó phải làm kiên trì, bền bỉ... Vì tương lai của con em ta, dân tộc ta, mọi người, mọi ngành phải có quyết tâm chăm sóc và giáo dục các cháu bé cho tốt”. Tất cả các quốc gia dân tộc trên thế giới muốn tồn tại và phát triển bền vững, đều phải quan tâm bảo vệ chăm sóc và giáo dục thiếu niên nhi đồng. Xác định được vai trò quan trọng của lực lượng hậu bị, Bác Hồ thường nhắc nhở các cấp, các ngành, đoàn thể phải làm tốt công tác chăm sóc và giáo dục thiếu nhi.

Với những người trực tiếp tham gia công tác thiếu nhi, Bác Hồ đã hướng dẫn cách giáo dục thiếu niên nhi đồng, trong thư gửi Hội nghị cán bộ phụ trách nhi đồng toàn quốc vào ngày 25/8/1950, Bác đã viết: “Cách dạy trẻ, cần làm cho chúng biết yêu Tổ quốc, thương đồng bào, yêu lao động, biết vệ sinh, giữ kỷ luật, học văn hóa. Đồng thời phải giữ toàn vẹn tính vui vẻ hoạt bát, tự nhiên, tự động trẻ trung của chúng, chớ nên làm cho chúng hóa ra già cả...”

Trẻ em cần có tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, thích gần gũi và biết yêu thiên nhiên, yêu loài vật; các em phải biết kính yêu và tôn trọng mọi người thân quanh mình như cha mẹ, ông bà, bà con chòm xóm và biết yêu Tổ quốc; biết nhận ra và có thái độ yêu ghét đúng đắn với những hiện tượng tốt, xấu quanh mình... Cụ thể hơn, nhân dịp kỷ niệm 20 năm Ngày thành lập Đội thiếu niên Tiền Phong 5/1961, Bác gửi đến lá thư và thiếu nhi cả nước đã đón nhận 5 lời dạy thiêng liêng của Người, xem như đó là mục tiêu để phấn đấu, là tiêu chuẩn để đánh giá đội viên tiêu biểu của Đội như:

“Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào
Học tập tốt, lao động tốt
Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt
Giữ gìn vệ sinh
Thật thà dũng cảm”.

Cũng ngay trong lá thư này, Bác ân cần nhắc nhở thiếu niên nhi đồng: “Mai sau các cháu sẽ là người chủ của nước nhà. Cho nên ngay từ rày, các cháu cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng để chuẩn bị trở nên người công dân tốt, người cán bộ tốt của nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”.

Hết lòng thương yêu và ân cần dạy bảo thiếu nhi, Bác Hồ rất tin tưởng xác định trách nhiệm trọng đại của thiếu nhi đối với tương lai đất nước. Trong thư gửi học sinh vào tháng 9/1945, Bác đã viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.

Ngày nay, thiếu niên nhi đồng nước ta đã và đang được Đảng, Nhà nước, các đoàn thể và toàn xã hội quan tâm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, đã được thể hiện bằng luật định. Nhân Ngày Quốc tế thiếu nhi, thiếu nhi nước ta một lần nữa ôn lại lời dạy của Bác Hồ kính yêu trong những câu thơ mà Bác đã gửi cho các em vào tết trung thu năm 1952.

“Mong các cháu cố gắng
Thi đua học và hành
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tùy theo sức của mình...
Các cháu hãy xứng đáng
Cháu Bác Hồ Chí Minh”.

Baolamdong.vn

2. Những bức thư của Bác Hồ gửi các cháu thiếu nhi nhân ngày 1/6

Bác Hồ là người luôn quan tâm, chăm sóc giáo dục thiếu niên nhi đồng. Những lời dạy và bài viết của Người dành cho lứa tuổi thiếu nhi được xem như là một trong những di sản vô giá của dân tộc và của thế hệ trẻ nước ta. Đó cũng chính là những quan điểm, phương hướng mà Đảng, Nhà nước và các cấp có thẩm quyền đã, đang và sẽ lấy đó làm phương châm để giáo dục và rèn luyện thế hệ măng non của đất nước.

Còn nhớ, tháng 7/1926, Bác đã có ý định gửi một số gương mặt thiếu nhi tiêu biểu của nước ta sang đào tạo ở Liên Xô (cũ). Trong một bức thư gửi Ủy ban trung ương Đội thiếu niên tiên phong trực thuộc Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Lênin. Người đã quan tâm đến một vấn đề rất nhỏ, Người hỏi các bạn Liên Xô rằng: “Đến tháng nào thì ở Mátxcova bắt đầu rét?”. Chỉ vì lý do là thiếu nhi nước ta đã quen với khí hậu khô nóng. Quả thật, tấm lòng đó của Bác đối với tuổi thơ đã gây những xúc động đặc biệt cho mọi người.

Những năm tháng trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, trong hoàn cảnh “vận nước gian nan”, Người đã đau lòng trước cảnh “Trẻ em cũng bị bận thân cực lòng- Học hành, giáo dục đã không - Nhà nghèo lại phải làm công, cày bừa - Sức còn yếu, tuổi còn thơ - Mà đã khó nhọc cũng như người già - Có khi lìa mẹ, lìa cha - Đi ăn ở với người ta bên ngoài...”. Và mong muốn lớn của Bác lúc bấy giờ là “Bao giờ đánh đuổi Nhật, Tây - Trẻ em ta sẽ là bầy con cưng”... Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, Người cũng có rất nhiều bài viết, ý kiến dưới rất nhiều hình thức đề cập đến tuổi thơ Việt Nam.

Trên báo *Sự Thật*, số 134 ra ngày 1/6/1950, đăng bức thư gửi thiếu nhi toàn quốc nhân ngày 1/6. Bức thư với lời lẽ âu yếm, giản dị, dễ đọc, dễ nhớ, dễ thuộc đã thể hiện được sự quan tâm, thương yêu hết mực của người đứng đầu Đảng và Nhà nước ta đối với tuổi thơ. Mở đầu bức thư, Người viết: “Các cháu yêu quý! Ngày 1/6 là ngày của các cháu bé khắp cả các nước trên thế giới. Đáng lẽ tất cả các cháu đều được no ấm, được vui chơi, được học hành như trẻ con ở Liên Xô...”. Và Người đã vạch rõ: “Song ở các nước tư bản, cha mẹ là người lao động bị bóc lột, thì trẻ con cũng bị bóc lột, phải chịu cực khổ”. Người còn nêu ra những dẫn chứng cụ thể: “Ví dụ: Mỹ là một nước nhiều tiền bạc nhất, có những nhà đại phú, ngồi mát ăn bát vàng. Nhưng con nhà lao động thì lên 5, lên 6 tuổi đã phải đi làm thuê, làm mướn. Ở nước Việt Nam ta thì, vì giặc Pháp gây ra chiến tranh, chúng nó đốt nhà, giết người, cướp của. Vì vậy, người lớn phải kháng chiến, trẻ con cũng phải kháng chiến”. Đặc biệt, chúng ta vô cùng cảm động trước tình cảm, lời hứa và trách nhiệm của Người dành cho thiếu nhi: “Bác thương các cháu lắm. Bác hứa với các cháu rằng: đến ngày đánh đuổi hết giặc Pháp, kháng chiến thành công, thì Bác cùng Chính phủ và các đoàn thể cùng cố gắng làm cho các cháu cùng được no ấm, đều

được vui chơi, đều được học hành, đều được sung sướng...”.

Một năm sau, vào ngày 29/5/1951, trên báo *Cứu quốc* số 1828, Bác lại có *Thư gửi nhi đồng toàn quốc nhân ngày Quốc tế thiếu nhi*. Cũng lời lẽ trù mến, đầm ấm, thiết tha như năm nào, Bác đã gửi lời thân ái đến toàn thể nhi đồng cả nước. Bác nhắc đến ngày 1/5, ngày của những người lao động thế giới tỏ tình đoàn kết, đấu tranh. Còn ngày 1/6 “là ngày của các cháu nhi đồng trong thế giới tỏ tình đoàn kết và sức đấu tranh của mình...”. Hình thức đấu tranh của các cháu nhi đồng mà Người đưa ra rất cụ thể, thiết thực. Đó là, các cháu cần phải “Thi đua học tập, thi đua tăng gia sản xuất; thi đua giúp đỡ các gia đình thương binh, tử sĩ. Thế là các cháu đấu tranh”. Bác còn có lời khuyên nhủ chí tình: “Các cháu phải đoàn kết, thương yêu nhau” và là đoàn kết, thương yêu giữa nhi đồng trong nước với nhau, cũng như bạn bè thiếu nhi trên thế giới. Bác gọi “Đó là tinh thần quốc tế”. Mà đã có tinh thần quốc tế thì khi lớn lên, thế giới sẽ không có áp bức, không có chiến tranh, không có xung đột mà chỉ có tình thân ái, giúp đỡ, giữ gìn và hưởng thụ hạnh phúc, hòa bình và dân chủ. Chao ôi, tình của Bác thật dạt dào cao cả, ý của Bác thì vô cùng sâu sắc, nhìn xa, thấy rộng. Cho đến bây giờ, những lời căn dặn, khuyên nhủ, dạy bảo của Bác năm nào cho đến bây giờ vẫn còn nguyên tính thời sự nóng hổi và giá trị thiết thực của nó.

Năm 1952, Bác không có thư cho ngày quốc tế thiếu nhi, nhưng lại có thư Trung thu gửi các cháu thiếu nhi. Vẫn tình cảm vô cùng dạt dào nồng ấm tình người, Bác thổ lộ tâm tình: “Ai yêu các nhi đồng - Bằng Bác Hồ Chí Minh”; Bác căn dặn các cháu: “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ - Tùy theo sức của mình”, để mãi mãi xứng đáng “Cháu Bác Hồ Chí Minh”. Năm 1953, trên báo *Nhân dân* số 115, từ ngày 1 đến 5/6/1953, Bác gửi đăng bức *Thư gửi nhi đồng trong nước và ngoài nước nhân ngày 1/6*. Lần này, Bác lại thể hiện tình thân ái, ân cần, trù mến và thân thương nhất không chỉ đối với các cháu nhi đồng trong nước mà cả với “nhi đồng các nước bạn và nhi đồng thế giới”. Bác còn đặc biệt “gửi lời khen ngợi các cháu trong vùng bị tạm chiếm đã hăng hái tham gia kháng chiến”.

Ngày 7/5/1954, chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ kết thúc cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân ta. Đất nước còn bộn bề khó khăn và công việc, Bác và Trung ương vẫn chưa về tiếp quản thủ đô, nhưng Bác vẫn không quên gửi bức thư ngắn cho các cháu nhi đồng toàn quốc nhân ngày 1/6. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, Bác vẫn căn dặn các cháu phải ngoan ngoãn, chú ý rèn luyện cả về nhân cách và thể lực để trở thành công dân có sức khỏe và tiến bộ. Năm 1955, nhân ngày 1/6, Bác liên tiếp có hai bài viết, một gửi cho các cháu và cán bộ các trường miền Nam (Theo tài liệu lưu trữ tại Bảo tàng Hồ Chí Minh); một đăng trên báo *Nhân dân* số 445, ra ngày 1/6/1955. Lần này, Bác lại vẫn nhắc đến vấn đề đoàn kết. Và trong hoàn cảnh cụ thể lúc bấy giờ, Bác nhấn mạnh rằng: “Trước hết, các cháu phải thương yêu giúp đỡ nhau, phải đoàn kết chặt chẽ. Đoàn kết giữa các cháu lớn và các cháu bé... giữa các cháu vùng này với các cháu vùng khác... giữa các cháu và các cô, các chú cán bộ”. Bác nhắc các cháu thiếu nhi các

trường miền Nam phải “yêu lao động, giữ kỷ luật. Chớ tự do phóng túng, phải tự lực cánh sinh... thi đua học tập, thi đua trong mọi việc...”. Không những thế, Bác còn căn dặn các cô, các chú cán bộ “phải thương yêu các cháu như con em ruột thịt của mình” để chăm nom, bồi dưỡng các cháu - những người chủ tương lai của nước nhà”. Bác nhấn mạnh rằng: “Ngày 1/6 nhắc nhở người lớn (trước hết là bố mẹ, cô giáo, thầy giáo, Đoàn thanh niên) nhiệm vụ của mình đối với nhi đồng”, “Yêu quý các em” là phải lấy “tinh thần dân chủ mới mà giáo dục các em “5 điều yêu”: Yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu lao động, yêu khoa học, yêu quý của công”, và nuôi dạy các em phát triển sức khỏe, trí óc, “thành trẻ em có “4 tính tốt”: hoạt bát, mạnh dạn, chất phác, thật thà”... và có “tư cách của con người mới: Không sợ khó, không sợ khổ, bạo dạn, bền gan”. Bác nhấn mạnh rằng: “8, 9 năm qua, chúng ta kiên quyết kháng chiến; hiện nay chúng ta kiên quyết đấu tranh cho hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ trong cả nước - cũng nhằm mục đích xây dựng cho con cháu chúng ta một đời sống sung sướng, vui tươi, thái bình, hạnh phúc. Đồng thời chúng ta phải khéo giáo dục để mai sau nhi đồng trở thành công dân có tài, có đức”, xứng đáng là người chủ của nước nhà.

Ba tháng trước lúc Người đi xa, cũng nhân dịp ngày 1/6, Bác đã có lời căn dặn toàn Đảng, toàn dân cần “Nâng cao trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu niên nhi đồng” (báo *Nhân dân*, số 5526, ngày 1/6/1969). Bác khẳng định: “Nói chung trẻ con ta rất tốt”, Bác nhắc đến các cháu thiếu nhi ở hai miền Nam, Bác thi đua làm nghìn việc tốt như thế nào, thành tích ra sao. Tuy nhiên, “vẫn còn một số ít cháu chậm tiến vì chưa được chăm sóc dạy dỗ đến nơi đến chốn”. Nói thế là Bác muốn nhắc đến vai trò và trách nhiệm của người lớn đối với các em. Người luôn cho rằng: “Chăm sóc và giáo dục tốt các cháu là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Công tác đó phải làm kiên trì, bền bỉ...”. Bác kêu gọi mọi người: “Vì tương lai con em ta, dân tộc ta, mọi người, mọi ngành phải có quyết tâm chăm sóc và giáo dục các cháu bé cho tốt”. Chuẩn bị cho ngày đi gặp các cụ Các Mác, Lênin, trong di chúc của mình, Người lại nói: “...Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Ôi, lời Bác, tình Bác đã, đang và sẽ là hành trang cho bao thế hệ trẻ bước vào đời và đang vĩnh hằng cùng năm tháng...

Baodongnai.com.vn

3. Bác Hồ đến với các cháu mồ côi ở Trại Kim Đồng

Một sáng đẹp trời, Bác Hồ đã đến với các cháu Trại Kim Đồng. Ngay từ phút đặt chân đến cổng trại nhìn bờ rào bằng dây thép gai, trong mắt Bác hiện lên sự nhức nhối. Nói với các cán bộ phụ trách, giọng Bác nhẹ nhàng, nhưng vô cùng thấm thía:

- Đây là nơi nuôi dạy các cháu mồ côi, được mang tên liệt sĩ Kim Đồng, sao các cô, các chú lại rào dây thép gai như nhà tù thế này ?

Chú Thuận thưa:

- Dạ thưa Bác, cơ ngơi của thời đại cũ để lại đây ạ!

Bác lắc đầu: Các cô, các chú phải tháo gỡ đám dây thép gai ngay. Chế độ cũ nhóm các cháu vào đây, chúng ta tiếp tục nuôi dạy vì tương lai các cháu. Bác đi vào từng căn phòng ở, phòng ăn, phòng học, nơi các cháu vui chơi. Bác khen: “Được cái gọn gàng, ngăn nắp, sạch sẽ, nhưng còn - Bác hỏi cán bộ phụ trách Trại - còn thế nào, các cô, các chú biết không ?

Mọi người nhìn Bác, vừa xúc động vừa lúng túng. rồi chú Thuận mạnh dạn đáp?

- Thưa Bác, các cháu ở trại còn chật chội ạ.

Bác Hồ mỉm cười:

- Chú nói mới đúng có một phần nhỏ thôi. Đối với các cháu mồ côi, điều lớn nhất là phải bù đắp tình thương. Các cháu đã không còn bố, mẹ thì các cô, các chú ở đây là bố, là mẹ các cháu. Các cô các chú nuôi, dạy các cháu phải đem cả tấm lòng làm mẹ, làm cha mà cư xử, mà săn sóc, mà dạy bảo. Bác thấy ở đây, đối với các cháu còn có vẻ “trại lính”, thiếu cái ấm cúng của gia đình. Dạy bảo các cháu vào khuôn phép, sống có kỷ luật trật tự là đúng. Nhưng không được để các cháu mất cái hồn nhiên, mất cái vui tươi, thoải mái. Đừng biến các cháu thành các “ông cụ non”. Các cô, các chú phải làm sao cho các cháu thấy Trại Kim Đồng là gia đình của các cháu, đi xa các cháu nhớ, lúc ở nhà các cháu vui. Được như vậy thì cần gì phải rào dây thép gai, phải canh phòng nghiêm ngặt với các cháu? Bác lại hỏi:

- Những cháu kém có nhiều không ?

- Thưa Bác, còn nhiều lắm ạ.

- Nhiều là bao nhiêu ?

Đồng chí phụ trách hơi bối rối. Bác nói ngay:

- Quản lý các cháu thì cần biết cụ thể từng cháu một, biết chắc chắn cái dở, cái hay của mỗi đứa. Có vậy, thì dạy mới có kết quả tốt. Bác bảo chú Thuận đứng bên:

- Cho Bác gặp cháu nào kém nhất trại.

Em Quốc đứng khoanh tay trước mặt Bác, Bác cúi xuống vuốt nhẹ tóc em. Bác hỏi:

- Tên cháu là gì ?

- Thưa Bác, tên cháu là Quốc lười ạ! Bác nhìn em, ái ngại:

- Ai đặt cho cháu cái tên ấy ?

- Dạ thưa, các bạn gọi cháu thế ạ.

- Vì sao các bạn gọi cháu là Quốc lười ?

- Thưa Bác... Cháu... Cháu hay trốn trại. Cháu chui qua hàng rào, lủi vào các

ngõ phố ạ.

- Sao cháu không chịu ở trong trại mà trốn ra ngoài ?
- Thưa Bác... ở trong trại khổ cực lắm ạ.
- Khổ cực thế nào ?
- Dạ chúng cháu bị gò bó đủ thứ ạ.
- Cháu nói rõ sự gò bó cho Bác nghe nào ?

Quốc nhìn Bác Hồ mà nước mắt trào ra, nghẹn ngào không nói lên lời.

Bác xoa đầu em, Bác đã hiểu thấu tất cả, dù em chưa nói ra được những điều muốn thưa với Bác, Bác khuyên Quốc: “Từ nay cháu phải phân đầu bỏ cái tên “lùi”, giữ lại cái tên Quốc...”. Nước mắt càng giàn giụa trên hai má Quốc.

Bác Hồ cầm tay em Quốc đi ra chỗ cả trại đang tập hợp đón đợi Bác.

Bác thân mật kể cho các em nghe một số gương tốt của thiếu nhi trong kháng chiến chống Pháp, gương tốt của thiếu nhi ở Liên Xô và các nước bạn. Các em đã không cầm được nước mắt khi nghe Bác kể về thời niên thiếu của Bác, Bác đã từng thêm một cái đồ chơi, ước ao một bộ quần áo mới để ăn mặc Tết. Bác cũng đã mồ côi mẹ từ năm lên chín, lên mười. Bác đã phải bế em đi xin sữa sau ngày mẹ qua đời

Bác căn dặn các em như ông dặn cháu:

- Các cháu phải vâng lời các cô, các chú phụ trách. Thiếu nhi thì phải ngoan, phải thật thà, lễ phép với người lớn, kính trọng người già, giúp đỡ người tàn tật yếu đau. Các cháu ở trong tập thể với nhau càng phải thương yêu nhau như anh chị em ruột thịt. Và phải dũng cảm sửa chữa những khuyết điểm, những thói hư tật xấu để lớn lên làm người chủ của đất nước, đừng để mình là cái gánh nặng của xã hội...

Rồi bác bảo:

- Các cháu có hứa làm được điều Bác căn dặn không nào ?

Một tiếng “có” vang lên, đều khắp và sôi nổi. Bác còn dặn thêm các em là, noi gương dũng cảm của liệt sĩ Kim Đồng trong học tập và rèn luyện, em nào đạt kết quả tốt, được ban phụ trách báo lên Bác, Bác sẽ gửi phần thưởng. Và Bác thân mật hẹn: “Nếu cả trại cùng tiến bộ vượt bậc, Bác sẽ còn về thăm các cháu nhiều lần nữa”.

Ngày hôm ấy, Bác đã để lại rất nhiều quà để chia cho các em. Nhận phần quà của Bác cho, nhiều em đã không ăn, cất làm kỷ niệm.

Từ hôm đó trong từng đôi mắt của các em, ngời lên niềm vui nhận quà Bác. Em Quốc không lùi ra ngoài trại nữa, mà giữ gìn mình như giữ gìn kỷ niệm quà Bác trong trái tim.

Thanhdoan.hochiminhcity.gov.vn

4. Bác Hồ và những lá thư cho thiếu nhi Việt Nam

Sinh thời, Bác Hồ là người rất yêu quý thiếu nhi. Người luôn dành tình cảm quan tâm đặc biệt đối với thế hệ trẻ. Những lời dạy và bài viết của Người dành cho lứa tuổi thiếu nhi được xem như một trong những di sản vô giá của dân tộc và thế hệ trẻ nước ta. Đó cũng chính là những quan điểm, phương hướng mà Đảng, Nhà nước ta đã và sẽ tiếp tục lấy đó làm phương châm để giáo dục, rèn luyện thế hệ măng non của đất nước. Nhân dịp kỷ niệm 70 năm ngày thành lập Đội TNTP. Hồ Chí Minh (15/5/1941 - 15/5/2011), Tháng “Hành động vì trẻ em” (15/5/2011 - 15/6/2011), và ngày quốc tế thiếu nhi 1/6, chúng ta cùng tìm hiểu những tình cảm của Bác Hồ dành cho các em thiếu niên, nhi đồng qua những lá thư Người gửi đến thiếu nhi khi Người còn sống.

Mở đầu lá thư cho nhi đồng nhân dịp Tết Trung thu năm 1951, Bác Hồ viết:

“Trung thu trăng sáng như gương

Bác Hồ ngắm cảnh, nhớ thương nhi đồng”.

Trong thư gửi Hội nghị cán bộ phụ trách nhi đồng toàn quốc vào ngày 25/8/1950, Bác đã viết: “Cần làm cho chúng (trẻ em) biết yêu Tổ quốc, thương đồng bào, yêu lao động, biết vệ sinh, giữ kỷ luật, học văn hóa. Đồng thời phải giữ toàn vẹn tính vui vẻ, hoạt bát, tự nhiên, sinh động trẻ trung của chúng, chớ nên làm cho chúng hóa ra già cả... bởi vì “Trẻ em như búp trên cành, biết ăn, biết ngủ, biết học hành là ngoan”.

Trẻ em cần có tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, biết yêu thiên nhiên, yêu loài vật; biết kính yêu và tôn trọng mọi người thân quanh mình như cha mẹ, ông bà, bà con làng xóm và biết yêu Tổ quốc; biết nhận ra và có thái độ yêu ghét đúng đắn với những hiện tượng tốt, xấu quanh mình...

Nhân dịp kỷ niệm 20 năm Ngày thành lập Đội thiếu niên Tiền phong 5/1961, Bác đã gửi thư cho thiếu niên nhi đồng. Trân trọng tình cảm yêu quý của Bác Hồ, thiếu niên nhi đồng cả nước đón nhận 5 lời dạy thiêng liêng của Người như là mục tiêu phấn đấu, là tiêu chuẩn để đánh giá đội viên:

“Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào

Học tập tốt, lao động tốt

Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt

Giữ gìn vệ sinh thật tốt

Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm”.

Cũng ngay trong lá thư này, Bác ân cần nhắc nhở thiếu niên nhi đồng: “Mai sau các cháu sẽ là người chủ của nước nhà. Cho nên ngay từ rày, các cháu cần phải rèn luyện đạo đức cách mạng để chuẩn bị trở nên người công dân tốt, người cán bộ tốt của nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh”.

Hết lòng yêu thương và ân cần dạy bảo thiếu niên nhi đồng, Bác Hồ rất tin tưởng và luôn xác định rõ trách nhiệm trọng đại của thiếu nhi đối với tương lai đất nước. Trong thư gửi học sinh vào tháng 9/1945, Bác đã viết: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các cháu”

Vào Tết trung thu năm 1952, Bác đã gửi cho các em thiếu nhi những câu thơ nhắn nhủ, dạy bảo thật ân cần:

“Mong các cháu cố gắng
Thi đua học và hành
Tuổi nhỏ làm việc nhỏ
Tùy theo sức của mình...
Các cháu hãy xứng đáng
Cháu Bác Hồ Chí Minh.”

Không chỉ yêu thương thiếu niên, nhi đồng, Bác Hồ còn khẳng định trách nhiệm chăm sóc giáo dục các em không phải của riêng ngành nào, tổ chức nào mà là trách nhiệm của toàn Đảng, toàn dân. Bác đã viết:

“Thiếu niên, nhi đồng là người chủ tương lai của nước nhà. Vì vậy, chăm sóc và giáo dục tốt các cháu là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Công tác đó phải làm kiên trì, bền bỉ.... Vì tương lai của con em ta, dân tộc ta, mọi người, mọi ngành phải có quyết tâm chăm sóc và giáo dục các cháu bé cho tốt”.

Trước lúc người đi xa, cũng nhân dịp Quốc tế thiếu nhi 1/6/1969, Bác đã có lời căn dặn toàn Đảng, toàn dân cần nâng cao trách nhiệm chăm sóc và giáo dục thiếu niên nhi đồng. Trong di chúc của mình, Người khẳng định: “...Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”.

Tình yêu thương của Bác Hồ đối với thế hệ trẻ, đối với thiếu niên, nhi đồng đã, đang và sẽ là hành trang cho bao thế hệ trẻ bước vào đời, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam ta ngày càng giàu đẹp hơn.

Ngày nay, thiếu niên, nhi đồng nước ta được Đảng, nhà nước, các đoàn thể và toàn xã hội quan tâm bảo vệ, chăm sóc và giáo dục, thể hiện qua các văn bản pháp luật, các chủ trương, chính sách, nghị quyết của Đảng và chương trình, kế hoạch hoạt động của chính quyền, mặt trận, đoàn thể từ Trung ương đến địa phương. Đặc biệt, chủ đề năm 2011 đã được Hội đồng nhân dân Thành phố xác định là “Năm vì trẻ em”, đây lại càng có cơ hội lớn để trẻ em được cả xã hội tập trung quan tâm, bồi dưỡng và vun đắp như mong muốn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại.

Quan9.hochiminhcity.gov.vn

5. Những lời dạy của Bác Hồ dành cho thiếu nhi

Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ cách mạng luôn luôn quan tâm, chăm sóc giáo dục thanh niên, thiếu niên và nhi đồng. Trước lúc đi xa, Người còn “để lại muôn vàn tình thương yêu cho các cháu thanh niên và nhi đồng”. Những lời dạy và bài viết của Người dành cho thiếu niên và nhi đồng là một trong những di sản vô cùng quý giá của dân tộc và thế hệ trẻ nước ta.

Bác Hồ luôn có sự quan tâm đến việc bồi dưỡng và giáo dục các cháu thiếu nhi trở thành những người có ích cho xã hội. Bác coi thiếu nhi là người chủ tương lai của nước nhà, cho nên cần phải sớm rèn luyện đạo đức cách mạng. Nhiều lời dạy của Bác đối với thiếu nhi đã được các thế hệ thiếu niên, nhi đồng Việt Nam khắc cốt ghi tâm. Sau 30 năm xa Tổ quốc, mùa xuân năm 1941, Bác trở về. Mặc dù bận trăm công nghìn chuyện, nhưng Người vẫn luôn dành cho thiếu nhi những tình cảm đặc biệt. Những bài viết của Người dành cho các em (phần lớn là thơ) cũng khiến cho người lớn cảm thấy xúc động, thấm thía. Thơ Người viết cho thiếu nhi cũng là một hình thức kêu gọi, tuyên truyền cách mạng. Người gọi mở dẫn dắt các em hiểu vì sao nước mất, nhà tan, vì sao các em lại phải bị thiệt thòi, phải sống trong cảnh “Học hành, giáo dục đã không, Nhà nghèo lại phải làm công, cày bừa. Sức còn yếu tuổi còn thơ, Mà đã khó nhọc cũng như người già! Có khi lìa mẹ, lìa cha, Đi ăn ở với người ta bên ngoài”. Và Người giải đáp: “Áy là vì Nhật, vì Tây - Ra tay vơ vét đọa đày chúng ta”. Rồi từng bước, Bác mở rộng nhận thức suy nghĩ, cắt nghĩa nguyên nhân đi đến vận động, giáo dục, giác ngộ các cháu phải làm gì. Người viết đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ, dễ thực hiện rằng: “Vậy nên trẻ con nước ta - Phải đoàn kết lại để mà đấu tranh! Kẻ lớn cứu quốc đã đành, Trẻ em cũng phải ra dành một vai”. Từ đó mà Bác kêu gọi các cháu hăng hái, tự nguyện tham gia Hội Nhi đồng cứu quốc - một tổ chức của Mặt trận Việt Minh:

“Nhi đồng cứu quốc Hội ta, Ấy là lực lượng, ấy là cứu sinh - Ấy là bộ phận Việt Minh, Dân mình khắc cứu dân mình mới xong”. Tuy nhiên, rất chí tình, rất cụ thể, Người dạy bảo rằng: “Tuổi nhỏ làm việc nhỏ, Tùy theo sức của mình: Để tham gia kháng chiến, Để gìn giữ hòa bình”.

Tuy nhiên, trong những lời dạy của Bác, thì nổi bật nhất vẫn là “Năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng”. Ngày 14/5/1961, nhân dịp kỷ niệm 20 năm Ngày thành lập Đội thiếu niên tiên phong, Bác đã gửi thư căn dặn các cháu năm điều: 1- Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào. 2- Học tập tốt, lao động tốt. 3- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt. 4- Giữ gìn vệ sinh. 5- Thật thà, dũng cảm.

Năm điều Bác dạy thiếu niên, nhi đồng hàm chứa những truyền thống quý báu từ bao đời nay của dân tộc ta. Đó là truyền thống yêu nước nồng nàn, kiên cường chiến đấu chống mọi kẻ thù xâm lược; ham học hỏi, cầu tiến bộ; đoàn kết, nhân ái, thương người như thể thương thân; lao động cần cù, dũng cảm, sáng tạo và mối quan hệ tin cậy, chân thật trong cộng đồng. Đặc biệt, theo ông Vũ Kỳ - Thư ký của Bác Hồ thì, năm 1965, để chuẩn bị phần thưởng cho giáo viên và học sinh vào cuối

học, Bác nhận thấy *Năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng* như ta đã biết ở trên có điều gì đó chưa thật cân đối. Bởi ba câu đầu mỗi câu có sáu chữ, còn hai câu sau chỉ có bốn chữ. Bác suy nghĩ và bổ sung cho mỗi câu đủ sáu chữ. Nhất là câu thứ năm, Bác thêm chữ “Khiêm tốn”, vì từ năm 1965 trở đi đế quốc Mỹ bắt đầu mở rộng chiến tranh, ném bom bắn phá miền Bắc. Đó cũng là thời kỳ ở miền Bắc xuất hiện nhiều gương thiếu nhi dũng cảm cứu người, cứu hàng; ở miền Nam xuất hiện nhiều gương “Dũng sĩ diệt Mỹ”. Bác không muốn các cháu vì thế mà sinh lòng tự kiêu. Bác muốn các cháu khiêm tốn. Vì đức khiêm tốn sẽ giúp các em tiến bộ mãi. Và đó cũng là lý do cho sự ra đời *Năm điều Bác Hồ dạy thiếu niên, nhi đồng* hoàn chỉnh như ngày nay: 1- Yêu Tổ quốc, yêu đồng bào. 2- Học tập tốt, lao động tốt. 3- Đoàn kết tốt, kỷ luật tốt. 4- Giữ gìn vệ sinh thật tốt. 5- Khiêm tốn, thật thà, dũng cảm.

Từ đó đến nay, *Năm điều Bác Hồ dạy* đã trở thành tiêu chuẩn đạo đức của trẻ em Việt Nam phấn đấu, tu dưỡng, rèn luyện để trở thành Cháu ngoan Bác Hồ. Nghe theo lời dạy của Người, thiếu niên và nhi đồng khắp nơi trong cả nước đã hăng hái thi đua tham gia phong trào “Hai tốt”, phong trào “Thiếu nhi làm nghìn việc tốt thực hiện năm điều Bác Hồ dạy”, v.v...

Hơn 40 năm Bác đã đi xa, từ đó đến nay ta không còn được đọc thư của Bác. Nhưng tấm lòng yêu thương, những vần thơ đầy tình, nặng nghĩa, những lời dạy bảo chí tình của Bác kính yêu thì vẫn còn đó, luôn đồng hành cùng cuộc sống lao động, học tập với các em.

Nguyễn Khắc Chính - Nhandan.org.vn

VỊ CHA GIÀ VÀ SỰ NGHIỆP TRỒNG NGƯỜI VÀ QUAN TÂM CHĂM SÓC CON NGƯỜI

1. Cảm nghĩ khi đọc bức thư cuối cùng Bác Hồ gửi ngành Giáo dục

Là người luôn bận tâm, suy tính cho vận mệnh nước nhà ở hiện tại và cả tương lai, sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh dành tất cả tình cảm và tâm lòng mình cho sự nghiệp trồng người, thể hiện qua các bức tâm thư mà Người gửi nhân ngày khai trường.

Thật bồi hồi, xúc động khi được đọc lại những bức thư của Bác gửi cho các cháu học sinh, sinh viên, các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên ngành giáo dục nhân dịp bắt đầu năm học mới.

Với tình cảm thiết tha, gần gũi của Bác Hồ dành cho giáo dục và thế hệ trẻ Việt Nam, nhân dịp khai giảng năm học 1968 - 1969 (năm học thứ tư chống Mỹ cứu nước), Bác Hồ gửi bức thư cho ngành Giáo dục, không ngờ đó lại là bức tâm thư cuối cùng, dừng lại ở một ngày lịch sử đáng nhớ: Ngày 15/10/1968. Thời điểm này sức khỏe của Bác đã yếu đi rất nhiều bởi Bác lo rất nhiều cho vận nước nhưng Bác vẫn đặc biệt quan tâm và tự hào về thành tựu của ngành Giáo dục.

Thư Bác viết: “Trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, sự nghiệp giáo dục của chúng ta vẫn phát triển nhanh, mạnh hơn bao giờ hết... miền Bắc nước ta đã có một vạn hai nghìn trường phổ thông, mỗi xã đều có trường cấp một, nhiều xã đã có trường cấp hai, các huyện đều có ít nhất một trường cấp 3. Số người đi học đã hơn 6 triệu... Số người vào học các trường đại học và trung học chuyên nghiệp tăng gấp 3 lần so với trước chiến tranh chống Mỹ. Hơn 30 trường đại học và 200 trường trung học chuyên nghiệp...”.

Đây là lời khen có cơ sở xác đáng, là lời khích lệ, là nguồn động viên kịp thời nhất mà Bác dành cho toàn quân đội, nhân dân, thầy và trò cả nước bấy giờ, khiến cho ai ai cũng nức lòng phấn chấn.

Đọc lại bức thư cuối cùng Bác gửi cho các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân viên, học sinh, sinh viên cũng như đọc lại những bức tâm thư của Bác gửi cho ngành Giáo dục, ở thư nào Bác cũng thăm hỏi, chúc mừng, khen ngợi, và rồi Bác không quên căn dặn, chỉ dẫn, định hướng, mong mỏi, yêu cầu đối với giáo dục trong việc đào tạo thế hệ cách mạng cho đời sau là việc cần thiết.

Bác đặt ra nhiệm vụ đối với thầy và trò, đó là: “Thầy và trò phải luôn luôn

nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình cảm cách mạng đối với công nông, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng nhận bất kỳ nhiệm vụ nào mà Đảng và nhân dân giao cho”. Bác căn dặn: “Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt”.

Đó là những tình cảm sâu sắc, cháy bỏng và mong muốn tốt bậc của Bác, thể hiện nhiều triết lý của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục mang đậm chất nhân văn của Người nhưng được trình bày một cách dễ hiểu và đơn giản.

Bức thư cuối cùng Bác gửi cho ngành Giáo dục không dài, gói gọn trên một mặt giấy với chưa đầy 800 chữ, hàm súc. Ngôn ngữ đại chúng mộc mạc, giản dị, dễ hiểu, xúc động. Lời xưng hô thân mật, gần gũi, chân tình. Giọng thư ân cần, tha thiết, sâu lắng. Bức thư mang đậm phong cách Hồ Chí Minh đã thực sự truyền cảm và lay động trái tim người tiếp nhận.

Những lời tâm thư của Bác từ bức thư đầu tiên (9/1945) cho tới bức thư cuối cùng (10/1968) vẫn còn nguyên tính thời sự, là di sản vô giá, là báu vật thiêng liêng của dân tộc ta, đất nước ta nói chung và của ngành Giáo dục nói riêng.

Năm học 2013-2014, càng thấm nhuần lời dạy, tình cảm, tư tưởng của Bác, đề xứng đáng với sự quan tâm đặc biệt và lòng mong mỏi thiết tha, lớn lao của Người, càng quyết tâm biến nhận thức thành hành động cụ thể, vừa khắc ghi vừa nỗ lực thực hiện bốn phạm, trách nhiệm của mình với tinh thần “Dù khó khăn đến đâu cũng phải ra sức thi đua dạy tốt học tốt”, phụng sự sứ mệnh cao cả “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người” góp phần thắng lợi cho “sự nghiệp giáo dục có những bước phát triển mới” theo tư tưởng và triết lý về giáo dục đậm chất nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Có thể vận dụng các triết lý giáo dục mang đậm chất nhân văn của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục nước nhà nhằm đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Lời tâm thư vì thế có ý nghĩa thực tiễn vô cùng sâu sắc, là phương châm, là ngọn đèn soi rọi dẫn đường cho những người làm công tác giáo dục hôm qua, hôm nay và mai sau.

Phan Lê - *Giaoduc.net*

2. Bức thư của Bác và công cuộc đổi mới giáo dục

24 năm lãnh đạo đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh có đến 23 bức thư gửi ngành Giáo dục. Mỗi bức thư đều thể hiện ước vọng tha thiết về một nền giáo dục đào tạo học sinh, sinh viên thành những công dân hữu ích; Nền giáo dục có thể “phát triển hoàn toàn những năng lực sẵn có của các em”. Có thể nói, hầu hết tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đã thể hiện trong các bức thư của Người. Bức thư cuối cùng lãnh tụ *Gửi các học sinh* vào ngày 15/10/1968, gần một năm trước lúc Người vĩnh viễn đi xa, tính đến nay đã tròn 45 năm.

1. Trước Bác, chúng ta có thể tự hào vì trong những năm qua, ngành Giáo dục nước nhà đã đạt được nhiều thành tựu. Chúng ta tự tin khi khẳng định kiến thức học sinh, sinh viên Việt Nam không hề thấp so với thế giới. Điều này có thể được chứng minh từ rất nhiều học sinh học lực chỉ trung bình khi đi du học, kể cả ở những nước phát triển, đều học được và tốt nghiệp.

Nhiều sinh viên tốt nghiệp ĐH ở Việt Nam ra nước ngoài làm nghiên cứu sinh đều bảo vệ thành công luận án thạc sĩ, tiến sĩ. Và khoảng chục năm trở lại đây, mỗi năm có hàng ngàn công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên được tuyển chọn từ các trường, từ đó Bộ GD&ĐT chọn được con số khoảng 500 công trình trao giải; trong đó có không ít những công trình có giá trị. Có thể nói, ngành Giáo dục đã cung cấp cho xã hội đội ngũ tri thức đông đảo, đã và đang cống hiến trong mọi lĩnh vực của đất nước.

Thế nhưng, cũng vẫn còn không ít vấn đề khiến chúng ta phải ngẫm ngợi trước những lá thư của Người. Trong thư, Bác khuyên thầy và trò thật thà phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, thật thà học tập. Đã có một thời, trong mỗi bài kiểm tra, phần đầu có hai ô: chấm điểm và lời phê.

Thầy chấm bài rất cẩn thận, ô lời phê nào cũng ghi nhận xét. Số bài làm nhận được điểm cao không nhiều nhưng đó là những bài khá giỏi thực sự. Nhưng, nhiều năm trở lại đây, bài làm của học sinh dường như được chấm nhanh hơn với rất nhiều ô lời phê bỏ trống... Rồi chuyện không chỉ trò copy mà ngay cả thầy cũng đạo văn; chuyện dùng tiền mua điểm; chuyện trò “xử” thầy... đâu đó vẫn làm xót xa những người tâm huyết với sự nghiệp giáo dục.

2. Tròn 45 năm ngày Bác gửi bức thư cuối cùng cho ngành Giáo dục. Mốc thời gian đó càng vô cùng ý nghĩa khi toàn ngành Giáo dục đang chuẩn bị cho một cuộc đổi mới căn bản, toàn diện. Nói như GS. NGND Nguyễn Đình Chú, từ các nhà quản lý giáo dục cho đến các thầy cô giáo ở mọi ngành học, bậc học trên mọi miền Tổ quốc đều phải nghiêm túc nhìn cho thật rõ thực trạng giáo dục nước nhà đã và chưa thực hiện được gì so với ước vọng cao cả của Người để từ đó cùng nỗ lực, phấn đấu.

Nghị quyết Trung ương Đảng gần đây về đổi mới căn bản toàn diện nền giáo dục là nhằm thực hiện đúng nguyện vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về giáo dục.

Nhưng làm sao để Nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống là chuyện không phải đơn giản, dễ dàng. Bởi lẽ, không một ngành nào đụng chạm trực tiếp đến quyền lợi của mọi gia đình trong xã hội như ngành Giáo dục. Do đó, cũng không ngành nào bị đặt nên bàn cân của dư luận một cách thường trực như ngành Giáo dục.

Vậy nên, GS. NGND Nguyễn Đình Chú cho rằng, để thực hiện đúng ước vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, việc cần làm trước tiên phải là một “cuộc đại phẫu hiện tình giáo dục của nước nhà”.

Đồng thời đề nghị, cuộc đại phẫu này sẽ là một chương trình khoa học cấp nhà

nước mà nội dung giải phẫu sẽ thuộc hai cụm vấn đề: Thứ nhất là các vấn đề có liên quan đến sinh mạng của sự nghiệp giáo dục như đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với sự nghiệp giáo dục; Những vấn đề thuộc khoa học xã hội và nhân văn đích đáng cần có để làm nền tảng vững chắc cho sự nghiệp giáo dục phát triển đúng hướng; Thành tựu của khoa học giáo dục Việt Nam trực tiếp cần cho yêu cầu phát triển giáo dục trong thời hiện đại; Mỗi quan hệ hữu cơ, tương tác thuyền nước - nước thuyền giữa cuộc sống của đất nước hiện thời với nền giáo dục; Mỗi quan hệ giữa giáo dục của gia đình với giáo dục của nhà trường và xã hội trong thời hiện đại; Chính sách đầu tư của nhà nước cho giáo dục trong tương quan với các ngành khác trong phạm vi quốc gia, có so sánh với một số nước trong khu vực...

Cụm thứ 2 gồm những vấn đề thuộc bản thân nền giáo dục gồm mục tiêu nền giáo dục từ cấp độ tổng thể đến bộ phận theo tư tưởng Hồ Chí Minh; Nội dung khoa học xã hội nhân văn hiện có trong nền giáo dục; Triết lý giáo dục; Chiến lược giáo dục cho trước mắt và lâu dài; Hệ thống quản lý giáo dục từ trung ương đến địa phương; Hệ thống trường học các cấp và các loại trường trong nền giáo dục quốc dân; Việc lựa chọn những người đứng đầu ngành giáo dục với trình độ văn hóa cao và hiểu biết giáo dục sâu rộng; Chương trình, sách giáo khoa; Phương pháp giảng dạy; Đội ngũ giáo viên; Chính sách giáo dục; cơ sở vật chất...

Với hai cụm vấn đề trong cuộc “đại phẫu” nêu ra như trên, GS.NGND Nguyễn Đình Chú cho rằng, có thể có người cho là bày biện, vẽ vờ, nhưng nhất định phải như thế vì Nghị quyết Trung ương đã đặt ra yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện chứ không phải chỉ cải cách một số mặt nào đó. Muốn thế, phải tạo ra được một trạng thái đánh giá, một tư thế “đại phẫu” thực sự khoa học, có được tự do tư tưởng chân chính, không bị một rào cản tư tưởng nào ngăn chặn; Từ đó, hình thành được hệ quan điểm, hệ phương pháp đánh giá tối ưu.

Có được thành quả như thế sẽ là tiền đề, cơ sở vững chắc cho mọi hoạt động cải cách tiếp sau, để có một nền giáo dục tiên tiến đích thực, góp phần đưa non sông Việt Nam tươi tươi đẹp, dân tộc Việt Nam tới đài vinh quang sánh vai cùng năm châu thế giới, đúng như mong mỏi của lãnh tụ Hồ Chí Minh.

Tuệ Minh - *Baomoi.com*

3. Tấm lòng Bác Hồ dành cho các thầy, cô giáo

Sự quan tâm của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như của Đảng và Nhà nước đối với các thầy cô giáo là biểu hiện sinh động của truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “tôn sư trọng đạo” - nét văn hóa, đạo đức và lối sống của người dân Việt Nam. Hằng năm, cứ đến ngày khai trường, trên khắp cả nước, nhân dân nô nức đưa con em mình đến trường khai giảng năm học mới. Ngày này, chúng ta lại nhớ đến Bác Hồ kính yêu cũng như những lời dạy bảo của Người đối với các thầy, cô giáo

và các cháu học sinh thân yêu.

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành nhiều tâm sức, thời gian và tình cảm cho sự nghiệp giáo dục nước nhà, đặc biệt là đối với các thầy, cô giáo. Trong chiến tranh ác liệt, dù bận rộn với biết bao công việc khẩn cấp bởi tình hình chiến sự căng thẳng nhưng Bác vẫn quan tâm đến sự nghiệp trồng người và đời sống của các thầy cô giáo. Cứ vào dịp khai giảng năm học mới, Bác lại tranh thủ thời gian đi thăm hỏi hoặc viết thư cho các thầy cô giáo và các cháu học sinh.

Bác luôn quan tâm, dõi theo từng bước đi trong công việc và đời sống hằng ngày của các thầy cô giáo và các em học sinh nên bất kỳ tiến bộ, bất kỳ đóng góp nào dù là nhỏ nhất cũng được Bác kịp thời ghi nhận. Trong Bài nói chuyện với học sinh và giáo viên trường phổ thông trung học Chu Văn An (Hà Nội), năm 1958, Bác khẳng định: "... Do các cháu cố gắng, do các thầy, các cô giáo cố gắng, năm nay, nhất là mấy tháng gần đây các cháu có những tiến bộ khá". Năm 1968, trong khi phải chống lại chiến lược Việt Nam hóa chiến tranh vô cùng thâm độc của đế quốc Mỹ mà đứng đầu là Tổng thống Richard Nixon, Bác vẫn viết *Thư gửi các cán bộ, cô giáo, thầy giáo, công nhân, nhân viên, học sinh các cấp* (nhân dịp khai giảng năm học 1968-1969). Mở đầu bức thư, Bác viết: "Các cô các chú và các cháu thân mến! Nhân dịp đầu năm học thứ tư chống Mỹ, cứu nước, Bác thân ái gửi lời thăm hỏi tất cả các cô, các chú và các cháu. Trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh, sự nghiệp giáo dục của chúng ta vẫn phát triển nhanh, mạnh hơn bao giờ hết. Bác vui lòng biết rằng mặc dù hoàn cảnh khó khăn, hiện nay miền Bắc nước ta đã có một vạn hai nghìn trường phổ thông, mỗi xã đều có trường cấp I, nhiều xã đã có trường cấp II, các huyện đều có ít nhất một trường cấp III. Số người đi học đã hơn sáu triệu, trong đó có hơn một triệu cán bộ và công nông đang học bổ túc văn hóa. Số người vào học các trường đại học và trung học chuyên nghiệp tăng gần gấp ba lần so với trước chiến tranh chống Mỹ. Hơn 30 trường đại học và 200 trường trung học chuyên nghiệp đã phối hợp chặt chẽ với các ngành và các địa phương, đẩy mạnh công tác đào tạo cán bộ, tập trung cũng như tại chức. Các trường đã có nhiều cố gắng trong việc thi đua dạy tốt và học tốt bảo đảm an toàn cho thầy và trò, làm cho đời sống vật chất và tinh thần ngày càng tiến bộ".

Để đạt được những kết quả đáng khen ngợi mà Bác Hồ nêu trên, trong hoàn cảnh đất nước đang có chiến tranh ác liệt, điều kiện thiếu thốn về mọi mặt là cả một quá trình nỗ lực phi thường của Đảng và nhân dân ta. Điều này, làm cho Bác rất vui và tự hào về khả năng khắc phục mọi khó khăn, vượt qua mọi thử thách để vươn lên đạt kết quả cao nhất. "Làm được như vậy là nhờ Đảng ta có đường lối đúng đắn, quân đội và nhân dân ta rất anh hùng" nhưng Bác luôn đánh giá cao vai trò và công lao trực tiếp của quý thầy cô giáo. Vì thế, "Nhân dịp này, Bác khen ngợi những cố gắng và thành tích mà các cô các chú và các cháu đã đạt được". Bác lại ân cần dặn dò: "Nhưng đế quốc Mỹ vẫn còn ngoan cố. Cách mạng nước ta còn phải khắc phục nhiều khó khăn gian khổ để đạt được thắng lợi hoàn toàn. Hiện nay, Đảng và nhân dân giao cho các cô, các chú, các cháu nhiệm vụ lớn hơn trước. Vì

vậy, Bác nhắc các cô, các chú và các cháu mấy điều sau đây: Thầy và trò phải luôn luôn nâng cao tinh thần yêu Tổ quốc, yêu chủ nghĩa xã hội, tăng cường tình cảm cách mạng đối với công nông, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, triệt để tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, sẵn sàng nhận bất kỳ nhiệm vụ nào mà Đảng và nhân dân giao cho, luôn luôn cố gắng cho xứng đáng với đồng bào miền Nam anh hùng. Dù khó khăn đến đâu cũng phải tiếp tục thi đua dạy tốt và học tốt. Trên nền tảng giáo dục chính trị và lãnh đạo tư tưởng tốt, phải phấn đấu nâng cao chất lượng văn hóa và chuyên môn nhằm thiết thực giải quyết các vấn đề do cách mạng nước ta đề ra và trong một thời gian không xa, đạt những đỉnh cao của khoa học và kỹ thuật. Các cô các chú, các cháu phải cùng nhau tổ chức và quản lý đời sống vật chất và tinh thần ở các trường học ngày một tốt hơn, tăng cường bảo đảm sức khỏe và an toàn. Nhiệm vụ của cô giáo, thầy giáo là rất quan trọng và rất vẻ vang. Giáo dục là sự nghiệp của quần chúng. Cần phải phát huy đầy đủ dân chủ xã hội chủ nghĩa, xây dựng quan hệ thật tốt, đoàn kết thật chặt chẽ giữa thầy và thầy, giữa thầy và trò, giữa học trò với nhau, giữa cán bộ các cấp, giữa nhà trường và nhân dân để hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ đó. Giáo dục nhằm đào tạo những người kế tục sự nghiệp cách mạng to lớn của Đảng và nhân dân ta, do đó các ngành, các cấp đảng và chính quyền địa phương phải thật sự quan tâm hơn nữa đến sự nghiệp này, phải chăm sóc nhà trường về mọi mặt, đẩy sự nghiệp giáo dục của ta lên những bước phát triển mới”.

Những tình cảm đặc biệt, sự quan tâm sâu sắc và những lời dạy của Bác đối với thầy cô giáo là động lực, là niềm tin vững chắc để quý thầy cô giáo phấn đấu không mệt mỏi, vượt qua mọi khó khăn, gian khổ, cống hiến hết mình cho sự nghiệp trồng người của dân tộc. Ngày 2/9/1969, Bác Hồ “đi gặp cụ Các Mác, cụ Lênin và các vị cách mạng đàn anh khác” (*Di chúc* của Bác Hồ năm 1969), cả dân tộc cũng như các thầy cô giáo nguyện sẽ cố gắng nhiều hơn để đền đáp những tình cảm Bác dành cho mình và thực hiện điều ước cuối cùng của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Điều mong muốn cuối cùng của tôi là: Toàn Đảng, toàn dân ta đoàn kết phấn đấu, xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng toàn thế giới” (*Di chúc* của Bác Hồ năm 1969).

Tình cảm của Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng như sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với các thầy cô giáo là biểu hiện sinh động của truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, “tôn sư trọng đạo” - nét văn hóa, đạo đức và lối sống của người dân Việt Nam. Cứ đến ngày khai trường, trên khắp cả nước, nhân dân nô nức đưa con em mình đến trường khai giảng năm học mới. Ngày này, chúng ta lại nhớ đến Bác Hồ kính yêu cũng như những lời dạy bảo của Người đối với các thầy, cô giáo và các cháu học sinh thân yêu.

Nguyễn Thanh Tuấn - Xaydungdang.org.vn

4. Bác Hồ với sự nghiệp trồng người

Dân tộc Việt Nam đã trải qua hàng nghìn năm văn hiến, với truyền thống hiếu học. Một trong những con người tiêu biểu cho sự tinh túy ấy của dân tộc Việt Nam là Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Trước lúc đi xa, Bác Hồ kính yêu đã để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân bản *Di chúc* lịch sử. Trong bản *Di chúc*, Bác căn dặn: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Theo Người, thế hệ kế tục sự nghiệp sẽ là thế hệ quyết định sự thành công của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta.

Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau chính là sự nghiệp trồng người của toàn Đảng, toàn dân ta: “Vì lợi ích trăm năm”, trong đó sự nghiệp giáo dục giữ vai trò trọng yếu. Bác đã coi giáo dục là khâu cơ bản để hình thành nhân cách con người, Bác đã nói “Hiền dữ phải đâu là tính sẵn, Phần nhiều do giáo dục mà nên”. Theo Người: xây dựng kinh tế, không có cán bộ không làm được. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế, văn hóa.

Bởi vậy Bác luôn luôn quan tâm đến sự nghiệp trồng người. Sự quan tâm đó thể hiện ngay từ khi Người về sáng lập tổ chức “Việt Nam thanh niên cách mạng Đồng chí Hội” (1925). Lúc đó Bác đã lựa chọn bảy thiếu niên, trong đó có Lý Tự Trọng, đưa đi đào tạo cùng với việc giáo dục tổ chức thanh niên truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin, giác ngộ thành viên của tổ chức này trở thành tổ chức tiền thân của Đảng Cộng sản Việt Nam... Ngày 3/9/1945, một ngày sau khi đọc: “Tuyên ngôn độc lập”, Người đã chủ trì phiên họp của Chính phủ và đã nêu ra sáu nhiệm vụ cấp bách cần giải quyết, trong đó có nhiệm vụ: Mở chiến dịch chống nạn mù chữ, chống giặc đói. Sau này, trên cương vị lãnh đạo của Đảng, của cách mạng, Bác luôn dành cho sự nghiệp giáo dục sự quan tâm đặc biệt và sâu sắc.

Giáo dục và đào tạo có nhiệm vụ vô cùng trọng đại, đó là trực tiếp bồi dưỡng thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng. Theo Bác, giáo dục phải chú trọng cả “đức” và “tài”. Người đặt chữ “đức” lên trước, coi đó là cái gốc của con người, của cách mạng, của công việc. Chữ “đức” gắn liền với chữ “tài”. Người dạy: “Có tài phải có đức. Có tài mà không có đức, tham ô, hủ hóa, có hại cho nước nhà. Có đức không có tài như ông bụt ngồi trong chùa, không giúp ích gì được ai”. Chữ “đức” mà Bác dạy ở đây chính là đạo đức cách mạng, trung với nước, hiếu với dân; là cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, là biết yêu và biết ghét. Yêu là yêu thương đồng chí, đồng bào, yêu lao động, là lòng trung thực, sự dũng cảm. Ghét là ghét thói lừa lọc, gian trá, nịnh bợ, biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân. Cái đức giúp cho thế hệ trẻ hình thành nhân sinh quan cách mạng, đồng thời là cơ sở cho việc củng cố thế giới quan khoa học. Chữ “tài” có lúc Bác coi là “chuyên” trong cụm thuật ngữ “vừa hồng vừa chuyên”. Tài và đức thống nhất biện chứng trong con người và được hình thành trong quá trình thực hiện nội dung giáo dục toàn diện: đức, trí, thể, mỹ. Để học sinh có đủ đức, tài thì trước tiên thầy, cô giáo phải có đức, có tài, có tâm, có lòng

thương yêu học sinh và nghề nghiệp. Bác rất chú ý đến giáo dục bằng hành vi nêu gương. Thầy, cô giáo như những tấm gương trong sáng, mẫu mực để học sinh noi theo. Thầy giáo cũng phải không ngừng học hỏi, rèn luyện để nâng cao tri thức và phẩm chất. Chỉ có vậy, thầy giáo mới không bị lạc hậu...

Bác còn chỉ cho chúng ta thấy rõ mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong việc giáo dục chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ. Bởi vì, sự nghiệp giáo dục là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân, của mỗi gia đình, của các lực lượng xã hội. Chỉ có sự kết hợp chặt chẽ giữa các yếu tố này mới tạo thành sức mạnh tổng hợp cho sự nghiệp trồng người thắng lợi.

Bác đã chỉ ra phương châm giáo dục hết sức khoa học: “Giáo dục phải phục vụ đường lối của Đảng và Chính phủ, gắn liền với sản xuất và đời sống nhân dân. Học phải đi đôi với hành, lý luận phải liên hệ với thực tế. Trong việc giáo dục và học tập phải chú trọng đủ các mặt, đạo đức cách mạng, giác ngộ xã hội chủ nghĩa, văn hóa, kỹ thuật, lao động sản xuất.

Phương châm đúng đắn này chi phối đến các phương pháp dạy và học mang tính chủ động, sáng tạo, loại bỏ dần phương pháp truyền thụ một chiều và học theo kiểu học tủ, học vẹt, lý luận suông.

Những lời dạy của Bác tiếp tục soi sáng cho sự nghiệp trồng người của Đảng và nhân dân ta hôm nay. Những năm qua, thành quả của sự nghiệp giáo dục trong công cuộc đổi mới là không thể phủ nhận. Nhà trường, gia đình và xã hội đã có sự gắn bó hơn, thế hệ trẻ thông minh hơn, năng động hơn, tài trí hơn. Sự nghiệp giáo dục và khoa học được Đảng ta thật sự coi là quốc sách hàng đầu để đáp ứng với đòi hỏi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Bên cạnh những thành tựu quan trọng, sự nghiệp trồng người đang đặt ra cho Đảng và cho nhân dân ta những thách thức, những nguy cơ hoàn toàn không thể xem thường. Đó là những biểu hiện của sự xuống cấp về chất lượng, về đạo đức, về quản lý do tác động của những mặt trái của nền kinh tế thị trường... tạo nên. Vấn đề đặt ra cho sự nghiệp trồng người hiện nay là phải thấm sâu, vận dụng sáng tạo tư tưởng của Bác, xây dựng đội ngũ người thầy ngang tầm, cơ sở vật chất để đào tạo ngang tầm, quản lý và phương pháp giáo dục luôn đổi mới. Và điều quan trọng hơn cả là phải thấy sự nghiệp trồng người là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân, của cả hệ thống chính trị, của gia đình và các bậc phụ huynh hướng tới đào tạo được các thế hệ kế tục sự nghiệp cách mạng vừa “hồng”, vừa “chuyên”, đưa đất nước phát triển và sánh vai với các cường quốc năm châu.

Dân tộc Việt nam có truyền thống hiếu học và tôn sư trọng đạo. Dân ta vì trọng đạo làm người mà tôn sư và coi trọng giáo dục. Mục tiêu học là để làm người, để thành tài với phương châm giáo dục truyền thống là “Tiên học lễ, Hậu học văn”. Hồ Chí Minh đã tiếp thu truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo của dân tộc ngay từ cái nôi gia đình và quê hương. Xứ Nghệ tuy đời sống vất vả nhưng rất hiếu học.

Hiếu học đã ăn sâu vào tận xương tủy của người dân xứ Nghệ, thời nào cũng sản sinh ra người hiền tài; đồng thời Bác cũng chịu ảnh hưởng sâu sắc tấm gương kiên trì học tập của người cha, tấm gương nhà giáo mẫu mực của ông ngoại.

Năm 1935, trong bài gửi Thanh niên An Nam, Bác Hồ đã nhắc nhở: “Hỡi Đông Dương đáng thương hại! Người sẽ chết mất, nếu đám thanh niên già cỗi của người không sớm hồi sinh”. Cũng trong năm này, khi truyền bá tư tưởng cách mạng cho dân tộc, Bác đã chọn đối tượng đầu tiên là thanh niên và Người đã tập hợp họ trong tổ chức Hội Việt Nam cách mạng thanh niên. Bởi vì theo Người: Thanh niên là chủ tương lai của nước nhà. Thật vậy, nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên. Ngay trong ngày khai trường đầu tiên sau Cách mạng tháng Tám, Bác đã căn dặn thế hệ trẻ: “Nước nhà trông mong, chờ đợi ở các em rất nhiều. Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.

Quan điểm của Bác Hồ về sự nghiệp giáo dục hết sức rõ ràng, cụ thể: “Không học thì không trở thành người cộng sản được”. Bác nói: “Dốt nát cũng là kẻ địch”. “Một dân tộc dốt là một dân tộc yếu”, và người cán bộ cách mạng phải nhớ “Cán bộ phải có văn hóa làm gốc”, vì muốn xây dựng Chủ nghĩa xã hội phải có học thức và Bác khẳng định: Chủ nghĩa xã hội phải gắn liền với sự phát triển khoa học và kỹ thuật. “Muốn xây dựng Chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa”. Vì vậy, phải kiên định phương châm “Vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người”.

Bác Hồ xác định “Giáo dục là một khoa học”. Người nói “Giáo dục nhi đồng là một khoa học”, do vậy cách dạy trẻ phải “giữ toàn vẹn cái tính vui vẻ, hoạt bát, tự nhiên, tự động, trẻ trung của chúng, chớ nên làm cho chúng hóa ra những người già sớm”. Bác thường nhắc nhở: chớ gò ép thiếu nhi vào khuôn khổ của người lớn.

Đặc biệt Bác rất quan tâm đối với đội ngũ những người thầy giáo. “Nhiệm vụ giáo dục là rất quan trọng và vẻ vang, vì nếu không có thầy giáo thì không có giáo dục”. “Nếu không có thầy giáo dạy dỗ cho con em nhân dân, thì làm sao mà xây dựng chủ nghĩa xã hội cho được? Vì vậy nghề thầy giáo rất là quan trọng, rất là vẻ vang”. Phải xây dựng đội ngũ những người thầy giáo tốt - Thầy giáo xứng đáng là thầy giáo. Theo quan điểm của Bác: Thầy giáo phải thật thà yêu nghề của mình, phải có đạo đức cách mạng, phải có chí khí cao thượng, phải “Tiên ưu Hậu lạc”. Nghĩa là khó khăn phải chịu trước thiên hạ, sung sướng thì hưởng sau thiên hạ; phải yên tâm công tác, phải thật thà đoàn kết, phải thương yêu các cháu như con em ruột thịt của mình; đồng thời phải “luôn luôn ra sức thi đua trong công tác và học tập, thật thà tự phê bình và phê bình để cùng nhau tiến bộ mãi”.

Trong giai đoạn hiện nay, khi chúng ta đang xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, định hướng xã hội chủ nghĩa thì tính ưu việt của cơ chế thị trường sẽ là tiền đề tạo ra cơ sở vật chất cho chủ nghĩa

xã hội; tuy nhiên chính cơ chế thị trường sẽ tạo ra những tiêu cực xã hội, lối sống thực dụng, làm cho đạo đức, văn hóa dân tộc bị ảnh hưởng, khoảng cách giàu - nghèo càng nới rộng... Nền giáo dục tốt sẽ là vũ khí hữu hiệu để chống lại những sự tha hóa đó. Do đó, những lời dạy của Bác Hồ về xây dựng một nền giáo dục tiên tiến càng hết sức phù hợp, cần phải được lan tỏa bằng việc làm cụ thể để hoàn thiện nhân cách của người thầy giáo thực sự.

Lê Đức Toàn - *Khtn.pyu.edu.vn*

5. Tấm lòng của Bác Hồ đối với thương binh, liệt sĩ

Tổ quốc ta suốt chiều dài hơn bốn ngàn năm là lịch sử chống giặc ngoại xâm, trong đó ghi dấu công lao của những người con nước Việt đem xương máu bảo vệ độc lập. Lịch sử đó đã hun đúc nên đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ người trồng cây”...

Kế thừa truyền thống ngàn đời của dân tộc, Bác đúc kết đạo lý đó thành một trong những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh. Suốt 24 năm trên cương vị người đứng đầu Nhà nước, Bác đã cùng Chính phủ thể chế hóa tư tưởng đó thành văn bản pháp quy của Nhà nước đối với thương binh, liệt sĩ; đồng thời, Người là một tấm gương sáng thể hiện tấm lòng biết ơn các thương binh, liệt sĩ.

Ngay từ ngày Cách mạng tháng Tám thành công, đất nước đang cảnh thù trong, giặc ngoài, Bác vẫn nghĩ đến công ơn của các thương binh, liệt sĩ. Trong bức thư của Bác đăng trên báo *Cứu quốc* ngày 07/01/1946, Người viết: “Vì muốn thay mặt Tổ quốc, toàn thể đồng bào và Chính phủ cảm ơn những liệt sĩ đã hi sinh tính mệnh cho nền Tự do, Độc lập, Thống nhất của nước nhà - hoặc trong thời kỳ cách mạng, hoặc trong thời kỳ kháng chiến, tôi gửi lời chào thân ái đến các gia đình liệt sĩ và tôi nhận các con liệt sĩ làm con nuôi của tôi”.

Năm 1946, Bác đã cùng Trung ương chỉ đạo thành phố Hà Nội thành lập Hội Liên hiệp quốc dân Việt Nam để giúp đỡ TBLS. Ngày 17/11/1946, Hội tổ chức lễ “Mùa đông binh sĩ”. Tại buổi lễ ra mắt của hội, Bác đã tặng chiếc áo rét Bác đang mặc, chiếc áo lụa và 1 tháng lương và đề nghị Chính phủ chọn một ngày để tỏ lòng biết ơn các TBLS.

Hội nghị Chính phủ vào tháng 6/1947, tổ chức tại xã Phú Minh, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên đã chọn ngày 27/7 hàng năm làm ngày TBLS. Bác viết thư kêu gọi đồng bào giúp đỡ TBLS đăng trên báo *Vệ Quốc quân* số 11 ra ngày 27/7/1947, bức thư có đoạn viết: “Đang khi Tổ quốc lâm nguy, giang sơn, sự nghiệp, mồ mả, đền chùa, nhà thờ của tổ tiên ta bị uy hiếp. Cha mẹ, anh em, vợ con, ao vườn, làng mạc ta bị nguy ngập. Ai là người xung phong trước hết để chống cự quân thù? Đó là những chiến sĩ mà nay một số đã thành ra thương binh. Tôi kêu gọi đồng bào phải biết ơn, nhường cơm, sẻ áo giúp đỡ những người con anh dũng ấy”.

Kỷ niệm ngày 27/7 đầu tiên (1947), Bác viết thư căn dặn Ban tổ chức: “Thương binh là những người đã hi sinh gia đình, hi sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào... Vì vậy Tổ quốc và đồng bào phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy. Ngày 27/7 là dịp để đồng bào ta tỏ lòng hiếu nghĩa, bác ái, thương mến thương binh. Tôi xung phong gửi một chiếc áo lụa mà chị em phụ nữ biếu tôi, 1 tháng lương của tôi và các nhân viên tại Phủ Chủ tịch cộng lại là 1 127 đồng...”

Ngày 16/1/1947, Bác ký Sắc lệnh số 20-SL quy định chế độ hưu bổng, thương tật và tiền tử tuất. Ngày 03/10/1947, Bác ký Sắc lệnh thành lập Bộ Thương binh - Cựu binh (tiền thân Bộ LĐ-TB&XH ngày nay) để chuyên trách chăm lo công việc trọng đại này.

Về phần mình Bác là tấm gương tiêu biểu biết ơn thương binh, liệt sĩ. Khi biết tin bác sĩ Vũ Đình Tụng là người trực tiếp khâu mổ vết thương cho các thương binh, chiến sĩ bảo vệ thành Hà Nội, có con trai là Vũ Đình Tín đã hi sinh trong những ngày Tổng khởi nghĩa, lại hay tháng chạp năm 1946, trong những ngày làm việc gần như kiệt sức, một thương binh rất nặng được chuyển vào viện nhưng miệng vẫn tươi cười; qua nụ cười bác sĩ Tụng nhận ra chiếc răng khểnh của đứa con trai mình, đó là anh Vũ Chí Thành và ông đã cắn răng dằn nỗi đau để thực hiện ca mổ; nhưng do vết thương quá nặng anh Vũ Chí Thành đã hi sinh, thì từ chiến khu Việt Bắc, Bác đã viết bức thư vô cùng xúc động:

Thưa Ngài!

Tôi được báo cáo rằng: Con trai của Ngài đã oanh liệt hi sinh cho Tổ quốc. Ngài biết rằng tôi không có gia đình, cũng không có con cái. Nước Việt Nam là đại gia đình của tôi. Tất cả thanh niên Việt Nam là con cháu tôi. Mất một thanh niên, thì hình như tôi đứt một đoạn ruột. Những cháu và anh em thanh niên khác dũng cảm hi sinh để giữ gìn đất nước. Thế là họ đã làm rạng rỡ dân tộc, vẻ vang giống nòi. Họ chết cho Tổ quốc sống mãi, tinh thần họ luôn luôn sống với non sông Việt Nam. Những thanh niên đó là anh hùng dân tộc. Đồng bào và Tổ quốc sẽ không bao giờ quên ơn họ. Ngài đem món quà quý báu nhất là con của mình sẵn sàng hiến cho Tổ quốc. Từ đây chắc Ngài sẽ thêm sức giúp việc kháng chiến bảo vệ nước nhà, thì linh hồn cháu ở trên trời cũng bằng lòng và sung sướng.

Tôi thay mặt Chính phủ cảm ơn Ngài, gửi Ngài lời chào thân ái và quyết thắng.

(Tháng Giêng năm 1947, Hồ Chí Minh)

Từ khi có Ngày TBLS, năm nào Bác cũng gửi thư và quà cho thương binh và gia đình liệt sĩ. Kỷ niệm ngày TBLS 27/7/1948, Bác gửi thư cho thương binh, gia đình liệt sĩ, trong đó có đoạn: “Họ quyết liều chết chống địch để cho Tổ quốc và đồng bào sống. Ngày nay bố mẹ họ mất một người con yêu quý. Vợ trẻ trở nên bà góa. Con đại trở nên mồ côi. Trên bàn thờ gia đình thêm một linh bài liệt sĩ. Tay chân tàn phế của thương binh sẽ không mọc lại được. Và những tử sĩ sẽ không thể tái sinh”.

Năm 1949, Bác gửi một số khăn mặt, áo quần, 1 tháng lương là 1000 đồng. Năm 1951 Bác tặng một số bộ quần áo. Năm 1952, Bác gửi 1 tháng lương, 2 phiếu công trái quốc gia (1 phiếu tương đương 1 tấn thóc). Năm 1953, Bác gửi 1 tháng lương và 30 chiếc khăn tay. Năm 1954, Bác gửi 1 tháng lương 45000 đồng và 30.000 đồng do 1 Việt kiều ở Trung Quốc tặng Bác...

Ngày 31/12/1954, Tượng đài liệt sĩ Hà Nội khánh thành, Bác cùng các đồng chí: Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp đến đặt vòng hoa. Trước Đài liệt sĩ hương trầm nghi ngút, Bác cúi đầu, xúc động ứa nước mắt. Đồng chí Phạm Văn Đồng thay mặt Bác đọc lời điệu của Người:

“... Máu nóng của các liệt sĩ đã nhuộm lá quốc kỳ vẻ vang càng thêm thắm đỏ. Tiếng thơm của các liệt sĩ sẽ muôn đời lưu truyền sử xanh.

Một nén hương thành!

Vài lời an ủi!

Anh linh của các liệt sĩ bất diệt...”

Trước lúc đi xa, trong *Di chúc* của Người còn dặn: “Đối với những người đã dũng cảm hi sinh một phần xương máu của mình (cán bộ, binh sĩ, dân quân, du kích, thanh niên xung phong...), Đảng, Chính phủ và đồng bào phải tìm mọi cách cho họ có nơi ăn chốn ở yên ổn, đồng thời phải mở lớp dạy nghề thích hợp với mỗi người để họ có thể dần dần tự lực cánh sinh... đối với cha mẹ, vợ con (của thương binh và liệt sĩ) mà thiếu sức lao động và túng thiếu thì chính quyền địa phương (nếu ở nông thôn thì chính quyền xã và hợp tác xã nông nghiệp), phải giúp đỡ họ có công ăn việc làm thích hợp, quyết không để họ bị đói rét...”.

Tư tưởng và tình cảm sâu sắc của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với TBLS đã được toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta thấm nhuần sâu sắc, thực hiện tốt công tác đền ơn, đáp nghĩa. Đồng thời noi gương hi sinh anh dũng của những người con trung hiếu, chúng ta đã đập bằng khó khăn, anh dũng chiến đấu đánh thắng hai đế quốc hùng mạnh là thực dân Pháp và đế quốc Mỹ giành Độc lập, Tự do cho dân tộc, thống nhất Tổ quốc, xây dựng đất nước ngày càng giàu đẹp, dân chủ, văn minh.

Baohatinh.vn

6. Bác Hồ với phong trào phụ nữ “Ba đảm đang”

Lúc sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đánh giá rất cao tinh thần yêu nước và sự đóng góp to lớn của phụ nữ Việt Nam: “Non sông gấm vóc Việt Nam do phụ nữ ta trẻ cũng như già, ra sức dệt thêu mà thêm tốt đẹp, rực rỡ”.

Từ thân phận người nô lệ, phụ nữ đã vùng lên làm cách mạng, tham gia vào cuộc đấu tranh chung, trở thành người chủ thực sự, có quyền lợi, có trình độ văn hóa và địa vị xã hội. Hòa trong công cuộc cách mạng lớn của dân tộc, phong trào thi đua của phụ nữ Việt Nam đã phát triển sâu rộng chưa từng thấy trong công cuộc

kháng chiến chống Pháp và đế quốc Mỹ.

Đặc biệt khi đế quốc Mỹ dùng mọi cách phá hoại Hiệp định Giơnevơ, tiến hành chiến tranh xâm lược miền Nam, âm mưu chia cắt lâu dài nước ta, mở rộng chiến tranh, dùng máy bay đánh phá miền Bắc. Người người đều căm giận tội ác tày trời của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Việt Nam. Phong trào chống Mỹ sục sôi trong cả nước.

Tháng 3/1965 (nhân dịp kỷ niệm lần thứ 15 Ngày toàn quốc chống Mỹ: 3/1950 - 3/1965) Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam kêu gọi phụ nữ toàn quốc khắc sâu lòng căm thù đế quốc Mỹ, biến căm thù thành quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ xâm lược, Trung ương Hội đã phát động phong trào “Ba đảm nhiệm” trong phụ nữ toàn miền Bắc với nội dung:

1. Phụ nữ đảm nhiệm sản xuất và công tác thay thế cho chồng con đi chiến đấu.
2. Phụ nữ đảm nhiệm việc gia đình cho chồng, con, anh em tòng quân và phục vụ lâu dài trong quân đội.
3. Phụ nữ đảm nhiệm phục vụ chiến đấu, tham gia dân quân tự vệ, tập luyện quân sự để sẵn sàng chiến đấu; phục vụ bộ đội, công an, dân quân tự vệ khi chiến đấu.

Quan tâm tới phong trào thi đua yêu nước của các tầng lớp nhân dân, Bác Hồ rất chú ý phong trào của chị em phụ nữ, Người đã chỉ thị sửa từ “Ba đảm nhiệm” thành “Ba đảm đang” đúng với bản chất của người phụ nữ trong gian khó. Lần đầu tiên phong trào “Ba đảm đang” được Bác viết trong văn bản “Lời kêu gọi nhân ngày 20/7/1965”, khuyến khích chị em thực hiện thật tốt phong trào này, để làm tròn nhiệm vụ thiêng liêng “Chống Mỹ cứu nước”.

Phong trào “Ba đảm đang” từ ngày ấy được phát triển, thực sự là một phong trào cách mạng sâu rộng, đi đến mọi nhà lôi cuốn mọi tầng lớp phụ nữ tham gia cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Những giá trị tinh thần, những đóng góp to lớn của phụ nữ trong phong trào “Ba đảm đang” của thời kỳ kháng chiến chống Mỹ được thể hiện trong chiến đấu, trong lao động và cuộc sống hàng ngày. Một cuộc chiến hết sức gay go quyết liệt với tên đế quốc có tiềm lực kinh tế mạnh nhất thế giới. Trong lịch sử Việt Nam chưa có thời kỳ nào lực lượng phụ nữ lại có cả bà già, phụ nữ có con nhỏ tham gia phong trào chiến đấu, phục vụ chiến đấu đông đảo như cuộc kháng chiến này. Ý thức được nghĩa vụ chống Mỹ cứu nước, ở hậu phương, chị em đều đảm đang việc gia đình, thay thế chồng con sản xuất và trực tiếp chiến đấu. Ban ngày các chị tay cày, tay súng, tối về lo việc nhà, dạy dỗ con thơ. Nhiều tấm gương của chị em đã được cả nước biết đến như các trung đội nữ dân quân bắn rơi máy bay Mỹ ở huyện Hậu Lộc, huyện Tĩnh Gia, huyện Hoằng Hóa, huyện Hà Trung tỉnh Thanh Hóa; huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình...và đã được Bác Hồ gửi thư khen.

Đó là gương chị La Thị Tám - người con gái sông La, tỉnh Hà Tĩnh tham gia

bảo vệ an toàn cho những con đường huyết mạch trong tỉnh, trực tiếp quan sát, dũng cảm cầm tiêu hàng trăm quả bom nổ chậm. Chị Nguyễn Thị Thứ, nữ dân quân ở Hậu Lộc, Thanh Hóa cùng chị em bắn rơi ba máy bay Mỹ... Biết bao tấm gương không thể kể hết của các chị từng một mình nuôi mẹ già, chăm sóc con nhỏ để chồng đi chiến đấu xa mà vẫn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Các chị xứng đáng là những Anh hùng trong thời đại anh hùng, thể hiện nét đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam đoàn kết, yêu nước, thương nhà.

Trong kháng chiến chống pháp, ngày 8/3/1952 tại chiến khu Việt bắc, Bác Hồ đã kính cẩn nghiêng mình trước linh hồn các nữ liệt sĩ đã hi sinh cho Tổ quốc. Tò lòng biết ơn các bà mẹ có con trong bộ đội và các bà mẹ cùng vợ con của các liệt sĩ, Người nói: “Trong cuộc kháng chiến to lớn của dân tộc ta, phụ nữ ta đang gánh một phần quan trọng”. Trong kháng chiến chống Mỹ, phát biểu tại lễ kỷ niệm ngày thành lập Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam (19/10/1966), Người đánh giá: “phong trào “Năm tốt” của phụ nữ miền Nam, phong trào “Ba đảm đang” của phụ nữ miền Bắc là phong trào yêu nước nồng nàn và rộng khắp, lôi cuốn đông đảo phụ nữ hai miền thi đua sản xuất, phục vụ chiến đấu và trực tiếp chiến đấu, góp phần to lớn vào sự nghiệp chống Mỹ, cứu nước của toàn dân... Như thế là từ xưa đến nay, từ Nam đến Bắc, từ trẻ đến già, phụ nữ Việt Nam ta thật anh hùng”.

Tin tưởng vào khả năng và lòng hi sinh dũng cảm của phụ nữ Việt Nam, Bác luôn động viên chị em phát huy truyền thống yêu nước của Hai Bà Trưng, Bà Triệu để tự hào, noi gương, phấn đấu. Bác gửi thư khen, tặng huy hiệu, tổ chức gặp gỡ các mẹ, các chị, các nữ dân quân, du kích bắn rơi máy bay Mỹ. Có khi Bác trực tiếp, tự tay trao huy hiệu của Người cho phụ nữ có nhiều thành tích trong phong trào “Ba đảm đang” của Thủ đô (2/12/1965). Bác đã trao tặng cho phụ nữ Việt Nam danh hiệu vinh dự “Phụ nữ Việt Nam dũng cảm, đảm đang, chống Mỹ cứu nước”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác kính yêu, phát huy sức mạnh tổng hợp, cùng với các phong trào thi đua “Mỗi người làm việc bằng hai” trong công nhân, nông dân; phong trào “Ba sẵn sàng” trong thanh niên, phong trào “Ba đảm đang” của phụ nữ... một thời đã góp phần cùng toàn dân đưa sự nghiệp chống Mỹ đến thắng lợi hoàn toàn.

45 năm đã trôi qua, phong trào “Ba đảm đang” của phụ nữ đã được ghi nhận là một mốc son trong lịch sử phong trào phụ nữ Việt Nam, một phong trào đã có tác dụng vận động to lớn trong một giai đoạn lịch sử dân tộc. Ngày nay, phát huy phong trào của phụ nữ Việt Nam trong công cuộc xây dựng đất nước, chị em luôn ghi nhớ lời dạy và sự quan tâm của Bác, chú ý nâng cao trình độ, tham gia công tác xã hội, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tích cực tham gia các phong trào do Trung ương Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam phát động.

Hoilhpn.org.vn

7. Bác Hồ với người cao tuổi

Cả cuộc đời mình, Bác Hồ không quên ai và luôn dành tình cảm cho tất cả mọi người, mọi giới, trong đó có người cao tuổi (NCT). Sau khi từ nước ngoài trở về lãnh đạo cách mạng Việt Nam, thành lập Mặt trận Việt Minh vào mùa xuân năm 1941, trong thư gửi phụ lão cả nước, Người đã viết: "... Trách nhiệm của các vị phụ lão chúng ta đối với nhiệm vụ đất nước thật là trọng đại. Đất nước hưng thịnh do phụ lão gây dựng. Đất nước tồn tại do phụ lão giúp sức. Nước bị mất, phụ lão cứu. Nước suy sụp, phụ lão phù trì. Nước nhà hưng, suy, tồn, vong, phụ lão đều gánh trách nhiệm rất nặng nề... Nước nhà lo, các cụ cùng phải lo. Nước nhà vui, các cụ đều cùng được vui".

Ngay những ngày đầu thành lập nước, cách mạng đang trong thời kỳ khó khăn, thù trong giặc ngoài đe dọa, Bác Hồ đã đánh giá cao tiềm năng và vai trò của NCT, đồng thời đề khai thác tiềm năng và phát huy vai trò của NCT thì việc đầu tiên - theo Bác Hồ là phải đưa NCT vào sinh hoạt trong một tổ chức nhất định.

Bác chỉ rõ: "Đối với NCT, tuy sức khỏe không bằng lúc còn trẻ nhưng có những mặt mạnh cơ bản, đó là: Có lòng yêu nước nồng nàn, sâu sắc; tuổi càng cao chí càng cao; tích lũy được vốn tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng phong phú; có sự tín nhiệm cao".

Mặc dù bận nhiều việc nhưng Hồ Chủ tịch vẫn luôn dành cho phụ lão những tình cảm đặc biệt. Cứ mỗi khi nhận được tin tức về chiến công hay những việc làm có ý nghĩa của các cụ phụ lão trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc, Hồ Chủ tịch đều kịp thời có thư động viên, thăm hỏi.

Trong Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947, khi được tin chiến thắng dồn dập từ mặt trận, Người đã viết một bài thơ tặng cụ Bùi Bằng Đoàn, nguyên Thượng thư Bộ hình triều Nguyễn, một nhân sĩ trí thức yêu nước, lúc ấy là Trưởng ban Thường trực Quốc hội (Chủ tịch Quốc hội) những vần thơ bằng chữ Hán rất mực trang trọng mà vẫn đầm ấm nghĩa tình:

"Xem sách chim rừng vào cửa đậu
Phê văn hoa núi chiếu nghiên soi
Tin vui thắng trận dồn chân ngựa
Nhớ Cụ thơ xuân tặng một bài".

Trong những năm tháng hoạt động cách mạng, Bác thường nhắc đến: "Càng già càng anh hùng", "Tuổi cao chí khí càng cao, chống Mĩ - cứu nước già nào kém ai". Với nhiệm vụ xây dựng đất nước cũng vậy, Bác Hồ nói: "Tuổi già nhưng chí không già-Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh".

Từ đánh giá đúng đắn tiềm năng và vai trò của NCT, Bác Hồ khẳng định: "NCT là của quý vô giá của dân tộc, của Nhà nước". Bác vô cùng quý mến, kính trọng NCT và nhắc nhở mọi người: "Với cụ già phải cung kính". Trong Đảng, Bác

cũng xác định: “Các đồng chí già là rất quý, các cụ là tấm gương bền bỉ đấu tranh, dìu dắt, bồi dưỡng, đào tạo thêm đồng chí trẻ”.

Lòng kính trọng của Bác Hồ đối với NCT không chỉ thể hiện rõ trong nhiều bài viết, bài nói, mà đã tỏa sáng trong mọi việc làm, mọi cử chỉ của Bác. Năm 1948, được biết cụ Phùng Lục - Phụ lão cứu quốc ở huyện Ứng Hòa, tỉnh Hà Đông, thọ 80 tuổi, không tổ chức tế lễ linh đình, đã mang 500 đồng tiền mừng thọ giúp vào quỹ kháng chiến, Bác Hồ đã viết thư chúc mừng và cảm ơn. Trong thư, Bác kính trọng, khiêm tốn xưng cháu với cụ Lục: “Cháu xin thay mặt Chính phủ cảm ơn cụ”. Đây chỉ là một trong rất nhiều sự việc thể hiện sự kính trọng của Bác Hồ, vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc đối với NCT.

Là người lạc quan, yêu đời, Người quên cả tuổi già và luôn lạc quan cách mạng. Năm 1950, khi tròn 60 tuổi, Bác lạc quan viết những vần thơ:

“Sáu mươi tuổi hãy còn xuân chán

So với ông Bành vẫn thiếu niên...”.

Năm 1964, khi đã ở tuổi “xưa nay hiếm”, thế nhưng trong bài phát biểu bế mạc kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa III, Người nói: “... Vì Tổ quốc, vì nhân dân, chúng tôi sẽ luôn cố gắng làm tròn trách nhiệm của mình, quyết không phụ lòng tin cậy của đồng bào và Quốc hội. Về phần tôi: Bảy mươi tư tuổi vẫn không già-Cố gắng làm tròn nhiệm vụ ta...”. Ở tuổi 78, Người vẫn lạc quan:

“Bảy mươi tám tuổi, chưa già lắm

Vẫn giữ hai vai việc nước nhà.

Kháng chiến dân ta đang thắng lớn.

Tiến bước! Ta cùng con em ta”.

Có thể thấy, trong suốt quá trình đấu tranh giữ nước và dựng nước, vai trò NCT luôn được đề cao và trân trọng. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biết kết hợp sức mạnh của mọi tầng lớp, giai cấp trong xã hội với vai trò xung kích của tuổi trẻ, vị trí nòng cốt của “tuổi già” để tạo nên sức mạnh tổng hợp và sự đoàn kết cho khối đại đoàn kết toàn dân - Yếu tố quan trọng quyết định thắng lợi cho cách mạng Việt Nam.

Ngày nay, tiếp nối truyền thống tốt đẹp đó, Đảng và Nhà nước luôn quan tâm, đầu tư cho việc chăm sóc người cao tuổi nhằm phát huy tinh thần “Tuổi cao chí càng cao, nêu gương sáng về sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Baoapbac.vn

8. Tư tưởng, tình cảm của Bác Hồ với người cao tuổi Việt Nam

“Kính trên, nhường dưới”, “Kính lão, đắc thọ” là một trong những truyền thống lâu đời, nét văn hóa tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Trong gia đình, dòng họ, làng xóm, lớp người “cây cao, bóng cả” luôn luôn được kính trọng và lắng nghe; có vai

trò quan trọng trong việc kết nối các giá trị truyền thống, là lớp người có công lớn trong sự nghiệp giải phóng dân tộc và trong sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước. Vì vậy, lúc sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn dành sự quan tâm sâu sắc, khẳng định vai trò, vị trí quan trọng của lớp người cao tuổi.

Với tình cảm nồng hậu, ân cần, trân trọng, tháng 6/1941, Bác viết một bức thư bằng chữ Hán có tiêu đề: “Nguyễn Ái Quốc ký thư chư thị ái chư phụ lão” (Nguyễn Ái Quốc - thư gửi tới các cụ phụ lão trong cả nước). Mở đầu thư, Người viết: “Trách nhiệm của các vị phụ lão chúng ta đối với nhiệm vụ đất nước thật là trọng đại. Đất nước hưng thịnh do phụ lão gây dựng, đất nước tồn tại do phụ lão giúp sức. Nước mất phụ lão cứu. Nước suy sụp phụ lão phù trì. Nước nhà hưng, suy, tồn, vong, phụ lão đều gánh trách nhiệm rất nặng nề...”.

Từ những ngày đầu lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ còn non trẻ, cách mạng Việt Nam bước vào một giai đoạn mới với nhiều thử thách, thù trong giặc ngoài đe dọa, kinh tế tài chính đất nước khó khăn... trước tình thế “ngàn cân treo sợi tóc”, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh phương châm “lấy dân làm gốc”, dựa vào dân, vì lợi ích của nhân dân để khắc phục khó khăn. Bác đánh giá cao vai trò của các tầng lớp nhân dân trong kiến thiết và bảo vệ nền độc lập nước nhà, trong đó có vai trò tiềm năng của lớp người cao tuổi. Theo Bác, để lớp người cao niên trong xã hội phát huy được vai trò của mình thì việc tiên quyết là phải đưa người cao tuổi vào sinh hoạt trong một tổ chức nhất định và khi đó tổ chức “Phụ lão cứu quốc Hội” đã ra đời.

Người kêu gọi: “Chúng ta là bậc phụ lão, cần phải tinh thành đoàn kết trước để làm gương cho con cháu ta. Vậy tôi mong các vị phụ lão ở Hà thành ra xung phong tổ chức “Phụ lão cứu quốc Hội” để cho các phụ lão cả nước bắt chước và để hùn sức giữ gìn nền độc lập của nước nhà”.

Người chỉ rõ: Đối với người cao tuổi, tuy sức khỏe không bằng lúc còn trẻ nhưng có những mặt mạnh cơ bản, đó là: Có lòng yêu nước nồng nàn, sâu sắc; tuổi càng cao chí càng cao; tích lũy được vốn tri thức, kinh nghiệm, kỹ năng phong phú; có sự tín nhiệm cao. Có thể thấy, cốt lõi của tư tưởng, quan điểm tiên bộ, toàn diện của Chủ tịch Hồ Chí Minh về người cao tuổi là sự kính trọng và niềm tin sâu sắc “người cao tuổi là của quý vô giá của dân tộc, của Nhà nước”.

Lòng kính trọng của Bác Hồ đối với người cao tuổi không chỉ thể hiện rõ trong tư tưởng, quan điểm mà còn được thể hiện qua từng bài viết, bài nói, tòa sáng trong mọi việc làm, hành động, cử chỉ, ứng xử của Bác.

Với tình cảm yêu quý, kính trọng người cao tuổi, Bác nhắc nhở mọi người phải cung kính với các cụ già, trong Đảng, Bác căn dặn: “Các đồng chí già là rất quý, là tấm gương bền bỉ đấu tranh, dìu dắt, bồi dưỡng, đào tạo thêm đồng chí trẻ. Đồng chí già phải giúp đồng chí trẻ tiên bộ. Như thế đòi hỏi đồng chí già phải có thái độ độ lượng, dìu dắt đồng chí trẻ. Đó cũng là một tiêu chuẩn đạo đức cộng sản chủ nghĩa”.

Là Chủ tịch Nước, Chủ tịch Đảng, bận trăm công ngàn việc, nhưng Hồ Chủ tịch vẫn luôn dành cho các bậc cao niên, phụ lão những tình cảm đặc biệt, sự cô vũ, động viên kịp thời, trân trọng.

Cứ mỗi khi nhận được tin tức về những việc làm có ý nghĩa, những thành tích trong kháng chiến và sản xuất của các cụ phụ lão, Hồ Chủ tịch đều kịp thời có thư động viên, thăm hỏi, lời chúc mừng, tặng Huy hiệu, tặng lụa các cụ già.

Trong Chiến dịch Việt Bắc - Thu Đông năm 1947, khi được tin chiến thắng từ mặt trận, Người đã viết một bài thơ tặng cụ Bùi Bằng Đoàn, nguyên Thượng thư Bộ hình triều Nguyễn, một nhân sĩ trí thức yêu nước, lúc ấy là Trưởng ban Thường trực Quốc hội (Chủ tịch Quốc hội) những vần thơ bằng chữ Hán đầy trang trọng:

“Xem sách chim rừng vào cửa đậu
Phê văn hoa núi chiếu nghiên soi
Tin vui thắng trận dồn chân ngựa
Nhớ Cụ thơ Xuân tặng một bài”.

Năm 1948, dù là Chủ tịch Nước, nhưng trong thư chúc thọ 80 tuổi cụ Phùng Lục ở Ứng Hòa, Hà Tây (nay là Hà Nội), Người đã kính cẩn, khiêm tốn xưng cháu với cụ Lục, Người viết: “Cháu xin thay mặt Chính phủ cảm ơn cụ, trân trọng chúc cụ sống lâu và luôn luôn mạnh khỏe để kêu gọi các con cháu ra sức tham gia công việc kháng chiến và cứu quốc. Cháu lại kính gửi cụ lời chào thân ái và quyết thắng”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên nhắc nhở, khuyến khích, động viên người cao tuổi phải tự mình học tập thường xuyên, phải nâng cao dân trí, tích cực tham gia vào đời sống xã hội, vào công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như xây dựng đất nước, trở thành tấm gương sáng cho các thế hệ sau noi theo, bởi “Công việc ngày càng nhiều, càng mới nên đảng viên già phải cố gắng mà học”, để “chẳng những làm kiểu mẫu, siêng năng cho con cháu mà còn tỏ rõ ý chí hùng mạnh của dân tộc Việt Nam”. Trong kháng chiến, ai không cầm được súng gươm giết giặc, vì già cả không làm được công việc nặng nhọc thì khoa gậy đi trước, khuyến khích thanh niên và san sẻ những kinh nghiệm cho họ, làm gương cho con cháu...

Bên cạnh việc động viên, khen ngợi, Người còn phê phán quan niệm tuổi già thì tài hết, tuổi già nên ở yên. Người chủ trương “vận động tất cả lực lượng của mỗi người dân, không để sót một người dân nào, góp thành lực lượng toàn dân”, trong đó người cao tuổi có vai trò đặc biệt quan trọng. Trong kháng chiến chống Pháp, Người đã có những vần thơ mộc mạc, nôm na mà đầy hào khí *Tặng các cụ lão du kích Cao Bằng* bởi có thành tích góp phần đánh chặn bước tiến của giặc. Người cũng nêu rõ: “Các cấp đảng bộ, mặt trận ở các địa phương ra sức giúp các cụ phụ lão tổ chức, củng cố và phát triển các đội Bạch đầu quân. Đó cũng là một lực lượng khá to trong công cuộc chống Mĩ cứu nước”.

Lần đầu tiên, khi nói đến tuổi già của chính mình, Bác đã viết bài thơ *Không*

đề vào năm 1949, khi ấy Bác 59 tuổi:

“Vì nước nên chưa nghĩ đến nhà,
Năm mươi chín tuổi vẫn chưa già...”

Khi tròn 60 tuổi vào năm 1950, Bác lạc quan viết những vần thơ:

“Sáu mươi tuổi hãy còn Xuân chán
So với ông Bành vẫn thiếu niên...”.

Sau đó là những bài thơ viết về tuổi sáu mươi, sáu ba và năm 1964, khi đã ở tuổi 74 “xưa nay hiếm”, trong bài phát biểu bế mạc kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa 3, Người vẫn lạc quan nói rằng: “...Vì Tổ quốc, vì nhân dân, chúng tôi sẽ luôn cố gắng làm tròn trách nhiệm của mình, quyết không phụ lòng tin cậy của đồng bào và Quốc hội. Về phần tôi: Bảy mươi tư tuổi vẫn không già - Cố gắng làm tròn nhiệm vụ ta...”.

Ngày 20/5/1968, khi 78 tuổi, trong không khí tổng tiến công như vũ bão của Tết Mậu Thân, Bác cảm hứng viết bài thơ về tuổi tác của mình với một tinh thần lạc quan, hứng khởi:

“Bảy mươi tám tuổi, chưa già lắm
Vẫn giữ hai vai việc nước nhà
Kháng chiến dân ta đang thắng lớn
Tiến bước! Ta cùng con em ta”.

Những vần thơ hào sảng của Bác đã cho chúng ta thấy một tấm gương sáng về tuổi già mà “không chịu ngồi không”, “càng già càng quắc thước, càng già càng anh hùng”, tinh thần lạc quan cách mạng, yêu đời, cống hiến không mệt mỏi vì dân, vì nước, vì sự nghiệp cách mạng quên tuổi già, quên cả bản thân, “dù phải từ biệt thế giới này” vẫn không có điều gì phải hối hận,” chỉ tiếc là không được phục vụ lâu hơn nữa, nhiều hơn nữa”... Chính vì thế mà trong những năm tháng hoạt động cách mạng và cho đến khi Bác đi xa, trong các dịp khác nhau Bác thường nói: “Tuổi cao chí khí càng cao, chống Mĩ - cứu nước già nào kém ai”; “Tuổi già nhưng chí không già - Góp phần xây dựng nước nhà phồn vinh”.

Thực hiện lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Người cao tuổi là của quý vô giá của dân tộc, của Nhà nước”. Trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm, coi trọng công tác chăm sóc người cao tuổi. Hiến pháp đầu tiên của nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm 1946, đã khẳng định “Những người công dân già cả hoặc tàn tật không làm được việc thì được giúp đỡ” (Điều 14).

Qua các lần sửa đổi, bổ sung, các bản Hiến pháp vẫn kế thừa và phát triển những quy định đó. Điều 64, Hiến pháp 1992 quy định “Con cháu có bổn phận kính trọng và chăm sóc ông bà, cha mẹ”. Điều 67 quy định: “Người già, người tàn tật, trẻ mồ côi không nơi nương tựa được Nhà nước và xã hội giúp đỡ”. Ban Bí thư

Trung ương Đảng đã ra Chỉ thị số 59/CT-TW, ngày 27/9/1995 về chăm sóc người cao tuổi; Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 117/TTg ngày 27/2/1996 về chăm sóc người cao tuổi và hỗ trợ hoạt động cho Hội Người cao tuổi Việt Nam; Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Pháp lệnh Người cao tuổi số 23-2000-PL-UBTVQH10.

Nhằm tạo cơ sở pháp lý cao hơn để ghi nhận vai trò cũng như nhằm bảo đảm tốt hơn việc chăm sóc, bảo vệ các quyền hợp pháp của người cao tuổi, ngày 23/11/2009, Quốc Hội khóa XII đã thông qua Luật Người cao tuổi; ngày 04/12/2009, Chủ tịch nước đã ký Lệnh số 16-2009-L-CTN công bố Luật Người cao tuổi và Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2010, gồm 6 chương, 31 điều. Theo Luật, công dân Việt Nam từ đủ 60 tuổi được gọi là người cao tuổi. Luật đã quy định cụ thể về quyền và nghĩa vụ của người cao tuổi; chính sách của Nhà nước đối với người cao tuổi; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, gia đình và cá nhân đối với người cao tuổi; Quỹ chăm sóc và phát huy người cao tuổi; đồng thời quy định rõ các hành vi bị cấm thực hiện đối với người cao tuổi.

Chính phủ, các Bộ, ngành cũng đã ban hành các quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật, Chiến lược, các Chương trình hành động liên quan đến người cao tuổi, đó là cơ sở pháp lý quan trọng cho việc thực hiện công tác người cao tuổi. Việt Nam còn thành lập cơ quan quản lý nhà nước về công tác người cao tuổi là Ủy ban Quốc gia về người cao tuổi Việt Nam năm 2004. Người cao tuổi Việt Nam còn có tổ chức xã hội riêng của mình là Hội Người cao tuổi Việt Nam được tổ chức từ Trung ương đến địa phương. Nhờ vậy, người cao tuổi Việt Nam đã được toàn xã hội quan tâm chăm sóc tốt hơn.

Nhằm phát huy truyền thống vẻ vang của các lớp người cao tuổi trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 26/5/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 772/QĐ-TTg, lấy ngày 06/6 hàng năm là “Ngày truyền thống Người cao tuổi Việt Nam”. Điều 6 của Luật Người cao tuổi Việt Nam cũng quy định: “Ngày 6/6 hàng năm là Ngày Người cao tuổi Việt Nam”.

Trong tư tưởng, quan điểm của Hồ Chủ tịch về người cao tuổi, Bác đã khẳng định lớp người cao tuổi là lực lượng nòng cốt trong công cuộc cách mạng, là nhân tố góp phần tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Dù trong gia đình hay đối với làng xóm, xã hội, là thời chiến hay thời bình, học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác “tuổi cao - gương sáng”, lớp người cao tuổi là những bậc tôn trưởng, luôn nêu gương, kiên trì hướng dẫn, động viên con cháu chấp hành nghiêm chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước, tiếp tục có những đóng góp để góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Vì vậy sức mạnh của những lời hiệu triệu, tiên phong của các bậc phụ lão trong đấu tranh cách mạng, trong xây dựng và phát triển đất nước có ảnh hưởng to lớn đến tinh thần đoàn kết toàn dân. Tinh thần đoàn kết ấy có thể “góp gió thành bão, tụ hơi thành mây. Đồng bào cả nước đang ngẩng cao đầu mà trông chờ các bậc phụ lão”, là tấm gương sáng

cho các thế hệ con cháu noi theo.

Huyền Trang (tổng hợp) - *Bqlang.gov.vn*

9. Chăm lo sự nghiệp giải phóng phụ nữ theo tư tưởng Hồ Chí Minh

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặc biệt chăm lo sự nghiệp giải phóng phụ nữ, Người cho rằng làm cách mạng mà không giải phóng phụ nữ thì mới giải phóng một nửa thế giới và chỉ làm cách mạng giải phóng dân tộc để có độc lập dân tộc thì phụ nữ mới được giải phóng.

Trong các văn kiện thành lập Đảng tháng 2/1930, Bác Hồ đã nêu về phương diện xã hội “thực hiện nam nữ bình quyền”. Đây là một điểm trong 4 điểm Chánh cương đề ra trên phương diện xã hội. Điều đó chứng tỏ, ngay từ khi thành lập Đảng, vấn đề giải phóng phụ nữ được Bác Hồ và Đảng ta hết sức coi trọng trong xây dựng đường lối cách mạng, một nội dung trong đường lối cách mạng, giải phóng dân tộc.

Nét đặc biệt trong tư tưởng giải phóng phụ nữ là Hồ Chí Minh đặt vấn đề giải phóng phụ nữ trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc. Quyền của phụ nữ gắn liền quyền dân tộc độc lập, quyền dân tộc tự quyết. Đấu tranh giành quyền độc lập dân tộc thì mới thực hiện được quyền bình đẳng của phụ nữ. Trong cách mạng giải phóng dân tộc phải đem toàn bộ sức mạnh dân tộc (nội lực) để tranh đấu, “đem sức ta mà giải phóng cho ta” thì sự nghiệp giải phóng phụ nữ cũng là đem sức mạnh của đoàn kết dân tộc, của khối đoàn kết phụ nữ mà giải phóng phụ nữ, thực hiện bình đẳng nam nữ.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ, nổi bật và bao trùm lên tất cả là tính nhân văn của nhà văn hóa kiệt xuất Hồ Chí Minh. Suốt cuộc đời hoạt động cách mạng, trong hoàn cảnh bị tù đầy hay khi là lãnh tụ tối cao của cách mạng, Bác Hồ đặc biệt quan tâm tới phụ nữ. Người cảm nhận sâu sắc thân phận của người phụ nữ phải chịu nhiều thiệt thòi trong xã hội, nhất là trong xã hội còn chịu ảnh hưởng tàn dư của chế độ phong kiến và đô hộ, áp bức của chủ nghĩa thực dân, đế quốc.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa theo Hồ Chí Minh là cuộc cách mạng giải phóng con người, do đó nếu không giải phóng phụ nữ, một phần nửa xã hội thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội. Và chỉ có chủ nghĩa xã hội mới thật sự đem lại lợi ích, chăm lo lợi ích cho con người, trong đó có phụ nữ được chăm lo, được giải phóng.

Chính vì vậy, Đảng, Nhà nước ta luôn chăm lo sự nghiệp giải phóng phụ nữ khỏi mọi áp bức, bóc lột, bất công, bất bình đẳng. Đó cũng là công việc quan trọng trong công cuộc kiến thiết nước nhà, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nội dung cơ bản trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ là huy động phụ nữ tham

gia vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, tạo ra nhiều cơ hội cho phụ nữ vươn lên, thật sự bình đẳng với nam giới.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ, nổi bật 3 nội dung lớn:

Một là, giải phóng về chính trị. Giải phóng phụ nữ là một bộ phận của giải phóng dân tộc. Bởi vì nước mất, nhà tan, dân là nô lệ, phụ nữ bị đọa đầy đau khổ nhất. Giải phóng dân tộc là tiền đề để giải phóng phụ nữ. Nước có độc lập thì dân mới có tự do. Dân tộc được giải phóng thì phụ nữ có quyền bình đẳng với nam giới trong việc ứng cử và bầu cử vào các cơ quan dân cử, hệ thống chính trị theo Hiến pháp, pháp luật.

Hai là, giải phóng về xã hội. Phụ nữ được bình đẳng với nam giới trong việc tham gia công việc xã hội. Đồng thời bình đẳng trong hôn nhân với chế độ một vợ một chồng. Ngay sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ đạo xây dựng Hiến pháp và Luật Hôn nhân gia đình. Người đã nhiều lần bày tỏ chính kiến trước công luận là phải tiêu diệt tư tưởng phong kiến và đầu óc gia trưởng, tư tưởng tư sản, trọng nam khinh nữ. Đồng thời phụ nữ phải tự giải phóng, tự vươn lên làm tốt vai trò người phụ nữ trong chế độ mới, chú trọng thiên chức của người phụ nữ trong gia đình.

Ba là, giải phóng tâm lý tự ti, đầu óc phụ thuộc bởi thân phận người phụ nữ trong chế độ cũ, phát huy phẩm chất truyền thống tốt đẹp phụ nữ Việt Nam trong điều kiện xã hội mới, thật sự giải phóng tư tưởng, giải phóng năng lực của phân nửa xã hội để người phụ nữ vươn lên làm chủ bản thân, gia đình, làm chủ thiên nhiên, làm chủ xã hội.

Thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về giải phóng phụ nữ, từ giữa thế kỷ XX, trên khắp đất nước Việt Nam, hình ảnh người phụ nữ “Anh hùng, bất khuất, trung hậu, đảm đang” xuất hiện ngày càng nhiều. Trong hai cuộc kháng chiến chống xâm lược Pháp và Mỹ, đã có hàng triệu phụ nữ giỏi việc nước, đảm việc nhà. Tiêu biểu nhất là các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, hàng vạn, hàng nghìn anh hùng, liệt sĩ là nữ mà tên tuổi của họ còn ghi mãi trong sử vàng dân tộc, làm lay động lòng người hôm nay và mãi về sau.

Trong công cuộc xây dựng nước nhà, tiến hành đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước hiện nay, phụ nữ Việt Nam tỏ ra không thua kém nam giới, vươn lên khẳng định vị trí người làm chủ xã hội, thiên nhiên, gia đình và bản thân. Trên tất cả các lĩnh vực sản xuất, đời sống, xã hội, kinh tế, văn hóa, chính trị, khoa học, kỹ thuật, giáo dục, y tế xây dựng gia đình văn hóa mới đều có và ngày càng nhiều người phụ nữ tiêu biểu cho phẩm chất, năng lực, đạo đức con người mới.

Vì thế, vai trò người phụ nữ ngày càng nâng cao. Trong gần 20 năm qua liên tục có Phó Chủ tịch nước là nữ. Các nhiệm kỳ Đại hội Đảng luôn có nữ là Ủy viên Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng và nhiều ủy viên Trung ương, Bộ trưởng, Thứ trưởng; tỷ lệ nữ trong Quốc hội chiếm 25%... Trong xây dựng kinh tế,

lao động nữ chiếm tỷ lệ hơn 50% trong lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp và nữ tham gia nhiều nghề mới mà trước chỉ dành cho nam giới. Ở lĩnh vực khoa học, công nghệ, nữ tham gia tới gần 40% và tỷ lệ các nhà khoa học nữ đạt hơn 6%. Đặc biệt trong giáo dục, đào tạo và y tế, nữ chiếm tỷ lệ cao và có nhiều người có trình độ cao...

Tiếp tục phát huy vai trò người phụ nữ trong thời kỳ mới, cần quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh và các chủ trương, chính sách của Đảng để nâng cao hơn nữa vị thế người phụ nữ Việt Nam. Cũng cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền trong toàn xã hội về vai trò của người phụ nữ trong tiến trình xây dựng xã hội mới, nhất là xây dựng, giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam cũng như xây dựng gia đình văn hóa thật sự là tế bào của xã hội văn minh.

Chúng ta cũng cần thật sự chăm lo cho tổ chức của phụ nữ là hệ thống Hội Phụ nữ Việt Nam, nhất là từ cơ sở thật sự là người đại diện cho tiếng nói và quyền lợi của phụ nữ, chăm lo ngày càng nhiều hơn, tốt hơn cuộc sống vật chất, văn hóa, tinh thần đối với giới nữ, thực hiện bình đẳng giới thật sự cho một nửa số dân, tạo điều kiện để phụ nữ vươn lên làm tốt vai trò trong xã hội.

Sogtvt.haiduong.gov.vn

10. Về một câu hỏi của Bác Hồ

Đoàn ca múa Quân đội Nhân dân Việt Nam được Nhà nước cử đi dự Đại hội Liên hoan Thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ sáu tại Mátxcova mùa hè năm 1957, với danh nghĩa là Đoàn nghệ thuật Thanh niên Việt Nam. Nhân dịp này, đoàn còn được đi thăm và biểu diễn ở Liên Xô, Trung Quốc, Triều Tiên và Mông Cổ. Khi chúng tôi đang biểu diễn ở Bình Nhưỡng - thủ đô của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Triều Tiên, thì được tin Bác sẽ đến thăm đoàn.

Đại sứ quán Việt Nam ta ngụ trú ở quả đồi phía Tây Bình Nhưỡng. Chúng tôi được triệu tập đến đây để đón Bác. Đồng chí Đại sứ nhắc nhở đoàn: “Bác đến thăm sứ quán và đoàn chỉ có ít phút thôi, mong các đồng chí vẫn công chú ý giữ gìn sức khỏe cho Bác!”. Sau mấy lời nhắc nhở ngắn gọn của đồng chí Đại sứ, chúng tôi, cả 80 cán bộ và diễn viên, cứ dăm dăm nhìn con đường từ sứ quán dẫn ra quốc lộ để theo dõi đoàn xe của Bác, nhưng Bác đã xuất hiện ngay sau lưng mà không ai hay biết.

Mấy người phát hiện được Bác trước thì cứ ú ớ như người bị bóng đè vậy, sau đó mọi người thấy Bác thì ồn ào náo nhiệt rồi chen chúc nhau theo Bác lên lưng đồi. Đến một nơi bằng phẳng, Bác quay lại đưa ngón tay trỏ lên miệng tỏ ý ra hiệu cho mọi người im lặng, rồi Bác bảo: “Nào bây giờ các cô các chú, ai có ý kiến gì thì phát biểu đi!”. Ca sĩ Đoàn Thiệu nhanh nhẩu: “Dạ thưa Bác, chúng cháu nghe tin Bác mới về phép phải không ạ?”. Mọi người xôn xao, cho rằng Thiệu nói thế có phần khiếm nhã. Nhưng với tấm lòng độ lượng, Bác trả lời: “Ừ, Bác mới ghé thăm

quê”.

Sau đó, Bác nói: “Nào bây giờ các cô, chú hát đi!”. Để tránh đùn đẩy, Bác liền chỉ định: “Cô Thương Huyền hát đi!”. Chị Thương Huyền lúng túng: “Dạ thưa Bác, Bác bảo cháu hát bài gì ạ?”. Bác liền nói vui: “Ồ kìa, có cái “tù” nào thì cứ việc đem ra mà dùng chứ còn băn khoăn gì nữa?”. Thấy Bác vui vẻ, cười mở, chị Thương Huyền hát luôn bài *Trống cơm*, đến đoạn kết của bài là “em nhớ thương ai, duyên nợ khách tang bồng”, Bác liền hỏi luôn: “Cô Huyền, khách tang bồng là gì?”. Chị Thương Huyền ở người ra. Nhạc sĩ Nguyễn Đức Toàn cũng không trả lời được. Thấy những nhạc sĩ thuộc loại đầu đàn mà không trả lời được, Bác quay sang ông trợ lý của Bác trong chuyến đi này: “Thế chú Hoan?”. Ông trợ lý là người rất giỏi Hán học, nhưng ông không trả lời mà giơ đồng hồ lên: “Dạ thưa Bác, đã đến giờ ra sân bay rồi, xin Bác đi kéo nhỡ giờ bay”.

Nghe vậy, Bác đứng dậy: “Thôi nhé, vui như thế là đủ rồi, Bác đi đây. Các cô, các chú nhớ đoàn kết tốt, biểu diễn tốt”. Nói đoạn, Bác đi rất nhanh cùng đồng chí cận vệ. Tất cả chúng tôi im phăng phắc, lưu luyến nhìn theo Bác. Cũng không dám chạy theo vì thái độ của đồng chí cận vệ rất nghiêm. Khi Bác đi rồi, nhiều anh chị em rất tiếc là không được chụp ảnh với Bác, vì phải giữ kỷ luật trật tự.

Từ hôm gặp Bác ở Bình Nhưỡng, chúng tôi ai nấy đều băn khoăn về “duyen nợ khách tang bồng”. Từ câu hỏi của Bác, sau này, chúng tôi cứ nơm nớp mỗi lần dựng tác phẩm mới để biểu diễn là phải soi rọi cho thật kỹ những ca từ xem có chỗ nào vấp vấp thì cùng nhau phân tích hoặc hỏi tác giả. Nếu là từ ngữ trong những bài dân ca cổ thì phải tìm đến các nghệ nhân, nhờ giải thích rõ ràng. Ngay trong bài *Trống cơm*, trước kia chúng tôi cứ quen hát “Một bầy tang tình con nít ấy mấy lội sông, ấy mấy đi tìm...”, mãi sau này mới được các bậc liền anh, liền chị giải thích là “con sít” chứ không phải là “con nít”. Bởi con nít thì sao mà lội sông? (Con sít là loài chim sống nơi sông nước).

Với câu hỏi của Bác Hồ: “Khách tang bồng là gì?”, chúng tôi cũng đã hỏi nhiều người, nhưng mỗi người giải thích theo một cách.

Thế rồi một hôm tôi được tin một nhà văn nằm ở Quân y viện 108. Chúng tôi kéo nhau vào thăm anh, ôn lại rất nhiều chuyện về đời sống và nghề nghiệp. Tôi chợt nhớ ra câu hỏi của Bác Hồ về “duyen nợ khách tang bồng” và nhờ anh giải đáp. Như không hề có bệnh tật gì trong người, đang nằm anh bật dậy say sưa giải thích: “Tang” là cây dâu tang, còn “bồng” là cây cỏ bồng. Ngày xưa, ta chưa có sắt thép làm vũ khí nên đã lấy cây dâu tang uốn thành cái cung và lấy ngọn cỏ bồng làm mũi tên cài vào nhau để bắn. Người phụ nữ xưa cũng như nay, bao giờ cũng dành tình cảm cho những chàng trai biên ải, nên mới có câu “Em nhớ thương ai” và rõ ràng họ coi những người lính nơi biên ải là “khách tang bồng”. Bác Hồ rất thâm thúy và tế nhị, Bác hỏi thế có ý phê phán những nghệ sĩ hời hợt thụ động, hát mà chả biết ý nghĩa, nội dung của lời mình hát là gì!...”.

Khắc Tuế - Sggp.org.vn

11. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về thanh niên

Chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một bộ phận quan trọng nằm trong hệ thống tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Xuyên suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành cho thế hệ trẻ những tình cảm và sự quan tâm sâu sắc. Học giả người Ấn Độ Mô-ham-mat I-xman Mat-Sua đã từng nói: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ duy nhất luôn luôn quan tâm đến thế hệ trẻ và đánh giá cao vai trò của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”.

Về vai trò, vị trí của thanh niên

Trong các bài viết của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn đề cập đến vai trò, vị trí của thế hệ trẻ đối với công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng đất nước. Theo Người, thế hệ trẻ là một lực lượng hùng hậu bao gồm thanh niên, thiếu niên và nhi đồng, trong đó thanh niên có vai trò quan trọng nhất. Xuất phát từ nhận thức đó nên trong quá trình hoạt động, Người đã tích cực tổ chức huấn luyện, phát triển lực lượng thanh niên cách mạng của nước nhà. Tháng 7/1924, Hồ Chí Minh tham gia lãnh đạo Đại hội quốc tế thanh niên lần thứ IV và cũng là đồng tác giả của *Bản luận cương về thanh niên thuộc địa*. Một trong những cái mốc quan trọng đánh dấu bước phát triển mới của cách mạng Việt Nam đó là sự ra đời của Hội Việt Nam cách mạng thanh niên do người sáng lập vào tháng 6/1925. Thông qua tổ chức các lớp học, Người đã trực tiếp thuyết giảng, bồi dưỡng cho nhiều thế hệ thanh niên về lòng yêu nước, chủ nghĩa Mác-Lênin, con đường giải phóng dân tộc...

Ra đi tìm đường cứu nước lúc còn trẻ và những năm tháng bôn ba ở nước ngoài đã giúp Chủ tịch Hồ Chí Minh có được cách nhìn nhận toàn diện về vai trò của thanh niên. Người viết: “Thanh niên là người tiếp sức cách mạng cho thế hệ thanh niên già, đồng thời là người phụ trách dìu dắt thế hệ thanh niên tương lai”. Người cũng khẳng định, thanh niên đóng vai trò quan trọng trong công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, là “lực lượng nòng cốt để xây dựng xã hội mới”, “nước nhà thịnh hay suy, yếu hay mạnh một phần lớn là do các thanh niên”.

Người cho rằng, để hoàn thành sứ mệnh “Người chủ tương lai của nước nhà” thanh niên phải “làm đầu tàu, xung phong gương mẫu”, phải “tiên phong” đến những nơi khó khăn gian khổ nhất, nơi nào người khác làm ít kết quả thì thanh niên phải làm cho tốt. Bởi vì, theo Người thì chỉ có tuổi trẻ mới đủ điều kiện về sức khỏe, khả năng xử lý các tình huống khó khăn trong điều kiện lao động phức tạp. Người nói thêm, dưới sự dìu dắt của Đảng, thanh niên phải tự thân vận động, phải “biết lo toan, gánh vác, không ỷ lại”; thường xuyên sáng tạo và đổi mới trong suy nghĩ và hành động; dám nghĩ, dám làm, dám hi sinh và cống hiến vì mục tiêu chung của đất nước. Muốn vậy, thế hệ trẻ phải không ngừng tu dưỡng, rèn luyện và học tập để làm người và phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân. Thanh niên không chỉ “học văn hóa, chính trị kỹ thuật” mà còn phải học cả “lý luận Mác-Lênin kết hợp với đấu tranh và công tác hàng ngày”. Trong *Thư gửi học sinh nhân ngày khai*

trường (tháng 9/1945), Người đã gửi trọn niềm tin yêu và trách nhiệm đối với thế hệ trẻ: “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang để sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em”.

Để phát huy tối đa sức mạnh, tính “tiên phong” của tuổi trẻ trong công cuộc xây dựng đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ: Tổ chức Đoàn và Hội liên hiệp thanh niên cần phải tập hợp rộng rãi các đối tượng thanh niên trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong việc hiện thực hóa các “chủ trương và chính sách cách mạng”. Bởi vì theo Người: “Đoàn thanh niên là cánh tay và đội hậu bị của Đảng, là người phụ trách dìu dắt các cháu nhi đồng”. Để tập hợp, giáo dục thanh niên có hiệu quả, Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh, cán bộ làm công tác Đoàn và thanh niên “phải cùng cố tổ chức Đoàn, phải đoàn kết nội bộ thật chặt chẽ”, đồng thời “Đoàn phải nghiên cứu tìm ra nhiều hình thức và phương pháp thích hợp để đoàn kết và tổ chức thanh niên một cách rộng rãi và vững chắc”. Về chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

Chính vì đề cao vị trí, vai trò của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng đất nước nên Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn xác định việc chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc làm có tầm quan trọng đối với Đảng. Trong *Di chúc* để lại cho toàn Đảng, toàn dân ta trước lúc đi xa, Người đã viết: “Đoàn viên và thanh niên ta nói chung là tốt, mọi việc đều hăng hái xung phong, không ngại khó khăn, có chí tiến thủ. Đảng cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho họ, đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa “hồng” vừa “chuyên”. Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Theo Người, thanh niên đóng vai trò là lực hùng hậu, đi đầu thực hiện các nhiệm vụ cách mạng của Đảng. Do đó, Đảng cần phải thường xuyên quan tâm, dẫn đường, chỉ lối để thanh niên có thể thực hiện sứ mệnh “xung phong” của mình. Những nội dung chủ yếu trong công tác chăm lo, bồi dưỡng thế hệ kế cận cho cách mạng nước nhà theo Chủ tịch Hồ Chí Minh là:

Thứ nhất, cần phải chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ. Đây được xem là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Theo Người, thanh niên muốn đóng góp sức mình vào công cuộc xây dựng đất nước, muốn làm được những việc lớn thì trước hết phải được giáo dục một cách đầy đủ về phẩm chất đạo đức, về bản lĩnh và ý chí cách mạng. Thông qua giáo dục, rèn luyện để hình thành những lớp thanh niên yêu Tổ quốc, yêu nhân dân, yêu xã hội chủ nghĩa, yêu lao động, yêu khoa học và yêu kỷ luật.

Thứ hai, phải chăm lo giáo dục, đào tạo thế hệ trẻ thành những người vừa “hồng” vừa “chuyên”. Thanh niên phải được giáo dục toàn diện về chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống, tri thức khoa học, chuyên môn nghiệp vụ, sức khỏe... Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng nêu lên mối quan hệ biện chứng giữa hai yếu tố “hồng” và “chuyên” trong đó nhấn mạnh phải coi “hồng” là gốc của việc giáo dục thanh niên. Chiến lược đào tạo thế hệ trẻ được Người diễn đạt một cách giản dị, dễ hiểu nhưng

rất sâu sắc: “phải uốn cây từ lúc cây non, đừng để cho tâm hồn các cháu bị vẩn đục vì chủ nghĩa cá nhân”.

Thứ ba, cần phải chăm lo sự nghiệp “trồng người” để không ngừng bồi dưỡng, tăng cường thế hệ cách mạng cho đời sau. Người nói, vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người. Theo quan điểm của Người, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết cần có những con người xã hội chủ nghĩa. Đó là những lớp thanh niên vững vàng về chính trị, giỏi về chuyên môn, là người có thể đảm đương nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Để làm tốt sự nghiệp “trồng người”, Chủ tịch Hồ Chí Minh chú trọng đến hai vấn đề: Một là, tổ chức Đảng, chính quyền, đoàn thể và thế hệ đi trước (bao gồm cán bộ, các bậc ông bà, cha mẹ, anh chị...) phải thường xuyên quan tâm chăm lo cả về vật chất lẫn tinh thần cho thế hệ trẻ, giúp họ phát triển toàn diện về chính trị, đạo đức, văn hóa, quân sự, khoa học, kỹ thuật, cả về thể chất và tâm hồn. Riêng đối với đội ngũ thầy cô giáo làm công tác giáo dục, Người đặc biệt nhấn mạnh: trách nhiệm nặng nề và vẻ vang của người thầy học là chăm lo dạy dỗ con em của nhân dân thành người công dân tốt, người lao động tốt, người chiến sĩ tốt, người cán bộ tốt của nước nhà; Hai là, mỗi một đoàn viên, thanh niên phải có tinh thần cầu tiến bộ, chủ động, sáng tạo và không ngừng vươn lên trong học tập, rèn luyện, phải hết sức nỗ lực dù trong hoàn cảnh khó khăn nào, phải lấy việc lập thân lập nghiệp phục vụ đất nước làm mục tiêu phấn đấu. Người cũng cho rằng, nếu biết kết hợp và thực hiện có hiệu quả cả hai vấn đề trên sẽ góp phần làm tốt công tác chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau.

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục thanh niên hiện nay

Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của thanh niên cũng như việc chăm lo, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau là nhiệm vụ quan trọng, Đảng ta đã đề ra nhiều chính sách nhằm phát huy cao độ vai trò của thế hệ trẻ đối với sự nghiệp xây dựng đất nước. Đặc biệt, trước yêu cầu quá trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thanh niên nhằm bồi dưỡng và phát huy hiệu quả vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong tình hình mới, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ 7 (khóa X) đã ra Nghị quyết Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác thanh niên trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Tiếp đó, để cụ thể hóa thêm một bước về công tác đào tạo, bồi dưỡng thanh niên, *Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2011-2020* của nước ta vừa mới ban hành (30/12/2011) cũng đã nêu rõ mục tiêu: Xây dựng thế hệ thanh niên Việt Nam phát triển toàn diện, giàu lòng yêu nước, có đạo đức cách mạng, ý thức công dân và lý tưởng xã hội chủ nghĩa; có trình độ học vấn, nghề nghiệp và việc làm; có văn hóa, sức khỏe, kỹ năng sống và ý chí vươn lên; xung kích, sáng tạo làm chủ khoa học, công nghệ tiên tiến; hình thành nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế. Phát huy vai trò, trách nhiệm của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để các chính sách của Đảng và Nhà nước thực sự đi vào cuộc sống nhằm thực hiện có hiệu quả nội dung rèn luyện, giáo dục thể hệ trẻ vừa “hồng” vừa “chuyên” theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chúng tôi cho rằng tổ chức Đoàn cần tập trung vào một số vấn đề sau:

Một là, không ngừng đổi mới công tác giáo dục lý tưởng cho thanh niên trong đó chú trọng đến việc đổi mới nội dung, hình thức, giải pháp phù hợp với từng nhóm đối tượng thanh niên. Các hình thức giáo dục cần phải sinh động, gần gũi với thanh niên, trong đó cần quan tâm nhiều hơn đến đối tượng thanh niên tự do, thanh niên trong các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, thanh niên chậm tiến, mắc các tệ nạn xã hội, thanh niên vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn. Các hoạt động giáo dục lý tưởng, đạo đức, lối sống, ý thức công dân cho thanh niên phải gắn với việc tổ chức các phong trào hành động cách mạng, phong trào thi đua yêu nước, các hoạt động tình nguyện cộng đồng nhằm phát huy tinh thần xung kích, sáng tạo, ý thức trách nhiệm, lòng nhiệt huyết tuổi trẻ.

Hai là, việc chăm lo giáo dục đạo đức cách mạng cho thế hệ trẻ phải được thực hiện thường xuyên thông qua tổ chức học tập các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đẩy mạnh triển khai cuộc vận động “Tuổi trẻ Việt Nam học tập và làm theo lời Bác”, qua đó nâng cao nhận thức và hành động của thanh niên trong sự nghiệp đổi mới đất nước.

Ba là, việc đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục lý tưởng phải trên cơ sở đảm bảo đồng bộ và thống nhất giữa hoạt động giáo dục của các chủ thể, các lực lượng giáo dục, trong đó hoạt động giáo dục trong nhà trường và của Đoàn thanh niên phải phù hợp với tâm lý, đời sống giới trẻ, phải coi trọng phát huy dân chủ, phát huy năng lực, trí tuệ, tính sáng tạo của thanh niên.

Bốn là, đẩy mạnh phong trào thi đua học tập trong đoàn viên thanh niên, xây dựng xã hội học tập với nhiều hình thức phong phú, đa dạng để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, ngoại ngữ, tin học; triển khai có kết quả phong trào sáng tạo trẻ trong các đối tượng thanh niên nhằm phát huy trí tuệ, lòng say mê và khả năng sáng tạo của tuổi trẻ trên các lĩnh vực của đời sống xã hội; tăng cường công tác nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào phục vụ sản xuất và đời sống.

Nguyễn Anh Chương - *Tinhdooannghean.vn*

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG CON MẮT NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

1. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong con mắt người nước ngoài

“Trên đời có những chân lý không hề đổi thay
Có những con người không khuất phục bao giờ
Có những tên tuổi sống mãi với thời gian
Hồ Chí Minh!”

Từ ngày 2/9/1945, trên Quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đọc Bản Tuyên ngôn Độc lập lịch sử, khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Điều đó đã tạo thành một làn sóng điện lan truyền khắp Đông Dương, Châu Á, Châu Âu và đến cả những nước Châu Phi, Châu Mỹ La tinh xa xôi, rằng dân tộc nào cũng có quyền tự quyết, có quyền hưởng tự do, quyền được bình đẳng như nhau, đó là chân lý không gì có thể chối bỏ được. Cũng từ đó “Hồ Chí Minh - Việt Nam” trở thành sự quan tâm đặc biệt của những người nước ngoài đối với một nhân vật kiệt xuất của một đất nước nhỏ bé bên bờ biển Đông đã biến cái không thể thành có thể.

Số lượng người nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh, những cuốn sách, bài viết về Người của các tác giả nước ngoài đến nay vẫn chưa thể xác định được chính xác. Theo thống kê chưa đầy đủ đã có trên 200 tác phẩm và các công trình nghiên cứu, hàng trăm tạp chí, hàng ngàn bài báo của các nhà nghiên cứu lịch sử, văn hóa, triết học, tâm lý học, nhân chủng học, văn hóa học, các nhà thơ, các phóng viên của các tờ báo lớn trên thế giới... viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Nhưng bao trùm lên tất cả những gì họ viết, chụp ảnh, quay phim hay nói về Bác, cho dù chính kiến của họ có “khác chiều” hay còn những hiểu biết chưa trọn vẹn do nhiều thiên kiến áp đặt, thì vẫn là một sự khâm phục, ngưỡng mộ, kính trọng về một con người “Đại nhân, Đại trí, Đại dũng”. Ngày nay, tên tuổi và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã được trân trọng ghi vào các bộ đại bách khoa thế giới, trong các bộ từ điển danh nhân lỗi lạc của loài người.

Từ những bài báo ở khắp năm châu

Ngay từ khi cái tên “Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” ra đời và đối mặt trực diện với thực dân Pháp, thì tên Chủ tịch Hồ Chí Minh là một “ẩn số” của báo chí nước ngoài thời bấy giờ. Tạp chí *Time* số ngày 9/9/1946 có bài *Hồ Chí Minh là ai? - Ho Chi Minh, Who are You?* Cho rằng, Bác là một nhân vật “rất kỳ lạ”. Bài báo đã tóm tắt cuộc đời hoạt động tìm đường cứu nước của Bác từ năm 1911 và khi mang tên

Nguyễn Ái Quốc rong ruổi qua các nước Pháp, Nga, Trung Quốc, Thái Lan, Hồng Kông... Trong Hội nghị Fontainebleau bàn về hòa bình ở Đông Dương giữa Chính phủ Pháp và nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tờ báo dành nhiều thiện cảm khi thấy phong thái lịch lãm của Bác: “Ông Hồ đã xuất hiện với dáng người nhỏ bé và ông thường tặng hoa cho các nữ ký giả”.

Tờ *New York Times*, số ra ngày Chủ nhật 9/5/1954 viết: “Người không những là thần tượng của nhân dân Việt Nam mà còn được Pháp công nhận là người phát ngôn đầu tiên của Việt Nam... Người Việt Nam này từng để lại ấn tượng sâu sắc và đặc biệt có cảm tình đối với các quan chức và nhà báo nước ngoài. Một người Pháp, sau này trở thành Cao ủy Pháp tại Đông Dương, cũng phải thừa nhận ông Hồ là người có tính cách rất mạnh mẽ và đáng tôn kính... Ngày nay, không một tên tuổi nào ở châu Á lại nổi tiếng như nhà cộng sản và dân tộc chủ nghĩa lão thành Hồ Chí Minh. Người chính là biểu tượng, là nhân vật truyền thuyết hơn là một con người bằng da bằng thịt”.

Tạp chí *Time*, số ra ngày 22/11/1954 đã đăng trên trang bìa chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh và dành năm trang nói về thân thế và sự nghiệp cùng với việc Việt Nam chiến thắng Pháp trong Chiến dịch Điện Biên Phủ. Tạp chí này nhấn mạnh: “Với thắng lợi (Điện Biên Phủ), uy tín của Ông Hồ Chí Minh đã vươn tới đỉnh cao mới tại châu Á. Các nhà dân tộc chủ nghĩa tại nhiều nước, mặc dù họ chống cộng, cũng không thể không lấy làm tự hào trước chiến công của một quân đội một nước châu Á đánh bại những kẻ từng là “ông chủ” của họ từ châu Âu tới... Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, lực lượng Việt Minh đã có được một quân đội chiến đấu trong rừng có hiệu quả nhất Đông Nam Á, có vị tướng tài ba nhất Đông Nam Á là Võ Nguyên Giáp, có một tổ chức chính trị vững chắc nhất do Hồ Chí Minh đứng đầu và có trình độ lãnh đạo lão luyện”.

Tờ *New York Times*, số ra ngày Chủ nhật 28/3/1965, trong bài *Bác Hồ bất chấp chú Sam*, đã viết: “Khuất trong rừng hoa và cây xanh bao quanh tòa nhà của Cục Toàn quyền Pháp ở Hà Nội là một ngôi nhà nhỏ với những đồ đạc giản dị. Trước đây là căn phòng của người làm vườn, nay là nhà của một cụ già mảnh khảnh có nụ cười luôn âm lòng người khác. Cụ chính là người đã phá tan hệ thống thuộc địa Pháp ở Đông Dương và giờ đây lại bất chấp sức mạnh của Mĩ trong cuộc chiến tranh mới, có thể là tiền đề cho một sự sụp đổ hoặc một chiến thắng vĩ đại nhất”.

Tờ *Washington Post*, có số phát hành và ảnh hưởng lớn nhất ở Mĩ, sau Lễ tang Bác tháng 9/1969, đã viết: “Không một nhà hoạt động lớn nào trong thập kỷ cách mạng dân tộc đầy sôi động này lại sống lâu, có ảnh hưởng lớn trên thế giới, thực hiện nhiều sách lược đường lối với nhiều thách thức to lớn như vị lãnh tụ cộng sản Việt Nam - Ông Hồ Chí Minh. Con người mảnh khảnh, nhưng đôi mắt tinh anh sáng rực, đã trải qua nhiều nghề nghiệp, từ khi còn là bồi bàn trên tàu thủy, rồi làm nghề rửa bát, cấp dưỡng, giáo viên, thợ rửa ảnh và trở thành nhà tổ chức không mệt mỏi, vươn lên trên những nhân vật đương thời”.

Tờ *New York Times*, số ra ngày 4/9/1969: “Trong số các chính khách của thế kỷ XX, ông Hồ Chí Minh là nhân vật nổi bật về tính bền bỉ, dẻo dai và lòng kiên nhẫn trong việc tìm kiếm mục tiêu độc lập cho Việt Nam và thành công trong việc dung hòa chủ nghĩa cộng sản với chủ nghĩa dân tộc”.

Tờ *World daily*, sau ngày Bác mất cũng đã đăng liên tiếp cả chục số báo nhiều bài viết dưới tiêu đề *Di sản của Hồ Chí Minh*, số báo ra ngày 20/9/1969 đã viết: “Hồ Chí Minh không những tìm ra con đường đi tới tự do mà còn sáng lập và xây dựng công cụ lãnh đạo là chính đảng Mác-Lênin... Người đã trở thành biểu tượng Anh hùng và cách mạng trên toàn thế giới. Hồ Chí Minh là một trong những nhân vật vĩ đại nhất trong thời đại. Cuộc đời và các tác phẩm của Người sống mãi để thôi thúc những thế hệ tiếp nối và những thế hệ chưa chào đời. Nhà lãnh đạo Việt Nam vĩ đại này đã để lại một di sản tinh thần thôi thúc ý chí mọi người và thúc đẩy những hành động lớn lao trong sự nghiệp tự do và chủ nghĩa cộng sản trong các nhà cách mạng trên toàn thế giới!”.

“Việt Nam có thể có những bước thăng trầm, nhưng ký ức về vị lãnh tụ cộng sản được sinh ra cách đây 115 năm sẽ tồn tại mãi mãi”, phóng viên Denis Gray của hãng tin AP khẳng định.

Không riêng Gray, nhiều phóng viên nước ngoài khác cũng cảm nhận rất rõ tình cảm của người dân Việt Nam dành cho vị lãnh tụ của dân tộc, và đã viết về Hồ Chủ tịch với sự kính phục.

Trong bài viết *Hồ Chí Minh - Chiến thắng một tầm nhìn* trên Tạp chí *In Asien* của Đức, tác giả Dierk Szekiolda nói rằng sự ngưỡng mộ của ông với Chủ tịch Hồ Chí Minh và với nhân dân Việt Nam đầy sức sống đã thôi thúc ông viết bài báo này. Ông ca ngợi Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nhà yêu nước và là người soi sáng con đường đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam, một người có phẩm chất phi thường.

Nhà báo Canada George Fogarasi kể lại trong bài *Con phượng Hoàng của Bác Hồ đứng dậy từ tro tàn của cuộc chiến tranh* trên tờ *The Straits Times* của Singapore: “Tôi hỏi một người đạp xích lô về Bác Hồ, người này đã có thời kỳ đi học tập cải tạo vì từng đứng trong hàng ngũ của chế độ Sài Gòn cũ. Nhưng anh vẫn kính trọng đạo đức của Bác Hồ, và gọi Bác là một người Việt Nam chân chính”.

Trên tờ *Time* (Mỹ), nhà báo, tác giả cuốn *Việt Nam - Một lịch sử* Stanley Karnow đã viết về Chủ tịch Hồ Chí Minh như sau: “Một thân hình gầy gò, chòm râu dài, chiếc áo khoác cũ và đôi dép cao su đã mòn, Hồ Chí Minh đã tạo ra một hình ảnh Bác Hồ hiền lành, giản dị. Nhưng Người là nhà cách mạng dày dạn kinh nghiệm và một nhà dân tộc chủ nghĩa nồng nhiệt, suốt đời đấu tranh cho một mục đích duy nhất: Mang lại độc lập tự do cho dân tộc mình. Không có sự dao động trong niềm tin của Hồ Chí Minh, không thể lay chuyển ý chí của Người, ngay cả khi cuộc chiến tranh của Mỹ leo thang, tàn phá đất nước, người vẫn giữ niềm tin đối với nền độc lập của Việt Nam. Dưới con mắt phương Tây, điều dường như không

thể tượng tượng được là Hồ Chí Minh có thể cống hiến sự hi sinh to lớn như ông đã làm”. Và *Time* đã bình chọn Bác Hồ là một trong 100 nhân vật có ảnh hưởng lớn nhất trong thế kỷ XX.

Xã luận trên tuần báo *Băng chứng Thiên Chúa giáo* viết “Cụ Hồ Chí Minh là một trong những chiến sĩ đầu tiên của thế giới thứ 3, của các dân tộc nghèo đói và khát khao cuộc sống cho ra con người”.

Tờ *Manila Times* thì viết: “Cụ Hồ là một biểu tượng của châu Á. Không những Cụ đã thành công trong sự lãnh đạo một cách mẫu mực, toàn tâm, toàn ý phục vụ quyền lợi của nhân dân mà còn nêu một chân lý chưa từng thấy: Một dân tộc dù nhỏ bé nếu có quyết tâm thì có thể chống lại cả những cường quốc quân sự mạnh nhất”.

Tờ *Tiến lên* của Xri Lanca nhận định: “Người (Hồ Chủ tịch) đã làm nên lịch sử hiện đại, là một trong những nhân vật cao quý nhất, đáng kính nhất của thời đại chúng ta. Sự lãnh đạo lâu dài và vẻ vang của Người trong cuộc đấu tranh giành tự do ở Việt Nam có ảnh hưởng không chỉ đối với Việt Nam mà còn ảnh hưởng với quá trình phát triển các sự kiện toàn thế giới”.

Đến những thước phim chân thực, sống động, nhiều cảm xúc

Bác là người khiêm tốn và giản dị, không muốn nói về bản thân mình, nên việc thu hình, quay phim, chụp ảnh Bác là cả một sự “nan giải”. Những năm kháng chiến chống Mỹ, việc đề phóng viên hay những nhà làm phim phương Tây sang Việt Nam và quay phim, nhất là về Bác là một sự “ngoài tưởng tượng”. Nhưng cũng chính vì lẽ đó mà những thước phim về Bác do các nhà làm phim nước ngoài quay ngoài tính nghệ thuật đặc trưng của điện ảnh, thì đều mang một giá trị đặc biệt, cực kỳ chân thực và sống động về Bác.

Đàm thoại với Chủ tịch Hồ Chí Minh - Rencontre avec Le Président Ho Chi Minh, Joris Ivens, Hà Lan, là bộ phim ghi lại nhiều hình ảnh và lời đối thoại, trao đổi của Bác khi tiếp xúc với Joris Ivens vào năm 1968 tại Hà Nội. Có thể nói đây là bộ phim cuối cùng của điện ảnh nước ngoài có dịp được thu hình và ghi âm những lời nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Joris Iven nói với đồng nghiệp khi lâm bệnh nặng: “Cuộc đời nghệ thuật điện ảnh của tôi có biết bao nhiêu nhà bình luận trên thế giới đánh giá. Nhưng lúc này, cái lúc tôi đang ngã lưng xuống ván thì mới thấy những bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh về con đường nghệ thuật của tôi từ ngày mới lên đường, mà lại đúng với tôi hơn tất cả”. Hôm đạo diễn Joris Iven đến chào từ biệt, Bác Hồ nói: “Trước đây tôi xem phim của đồng chí, chỉ sau mấy tiếng đồng hồ tôi đã viết được bài đăng báo. Ngày ấy tôi mới ngoài 30 tuổi, là một người dân mất nước, mất tự do. Lần này tôi lại được xem phim của đồng chí, phim về Việt Nam đã được độc lập và đang tiếp tục chiến đấu giành độc lập thống nhất Tổ quốc, bảo vệ hòa bình và tiến bộ xã hội. Rất tiếc là tôi không viết được bài đăng báo về bộ phim mới này của đồng chí. Tôi gần 80 tuổi rồi phải biết sức mình”.

Đặc biệt, tháng 8/1969, nhà quay phim Ishigaki Misao, người Nhật (hiện nay là

Giám đốc Hãng truyền thông NDN), sang Việt Nam thường trú. Lần bấm máy đầu tiên của ông ở Việt Nam chính là Lễ Quốc tang Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày 9/9/1969. Cùng đi với ông là 3 nhà quay phim nữa, là nhóm quay phim “phương Tây” duy nhất, hùng hậu nhất với 4 máy quay, 4 góc độ khác nhau, bằng phim màu (rất hiếm vào thời điểm đó). Khi quay phim xong, hình ảnh Lễ Quốc tang được gửi về Nhật, được biên tập thành tin thời sự. Nhà quay phim Ishigaki Misao nói: “Lễ Quốc tang Chủ tịch Hồ Chí Minh làm khán giả Nhật Bản đặc biệt ấn tượng. Đó là hình ảnh tấm lòng người dân Việt Nam đối với lãnh tụ trong Ngày Quốc tang, nỗi đau đớn tiếc thương không cần dùng lời bình để tả “... Bộ phim này - khoảng 10 phút, sau đó đã được chiếu tại các rạp chiếu phim ở Nhật cùng với bộ phim tài liệu mang tên Việt Nam (từng được chiếu trên sóng Truyền hình Việt Nam). Bộ phim đã được hàng triệu người Nhật đến xem. Và năm 2009, vào dịp 2/9, trong Lễ kỷ niệm Ngày Bác mất, Hãng truyền thông NDN đã tặng bộ phim này cho Việt Nam và công chiếu trên sóng VTV.

79 mùa xuân - Xantiago Anvaret, Cuba, phim không dài, nhưng gây xúc động đến tất cả những người xem về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã cống hiến cả cuộc đời vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, độc lập cho Tổ quốc, đồng thời có một tình thương yêu cao cả bao trùm đến từng số phận con người bị áp bức, nghèo khổ...

Tên Người là Hồ Chí Minh - Vêmisêva, Liên Xô (cũ). Phim có rất nhiều tư liệu khi Bác ở Nga hoạt động trong Quốc tế Cộng sản, khi Bác được tiếp xúc với Luận cương chính trị của Lênin, tìm ra được con đường cần phải đi để làm cuộc cách mạng giải phóng dân tộc khỏi ách thực dân Pháp.

Ngôi sao Việt Nam - Hồ Chí Minh - bộ phim tài liệu đầu tiên của Hàn Quốc về một lãnh tụ Việt Nam, khi trả lời phỏng vấn báo chí tại Thành phố Hồ Chí Minh: “Tôi thật bất ngờ và thú vị khi càng lúc càng khám phá về mối quan hệ tình cảm giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh và nhân dân Việt Nam cũng như những tình cảm của nhân dân Việt Nam dành cho vị lãnh tụ của mình”.

Phim về Bác Hồ do các nhà làm phim nước ngoài sản xuất dài nhất cho đến thời điểm này có lẽ là bộ phim tài liệu 12 tập mang tên *Hồ Chí Minh - Con người vĩ đại của dân tộc Việt Nam*, (12 tập) của các nhà làm phim truyền hình Thái Lan sản xuất, là bộ phim tài liệu về Bác Hồ do các nhà làm phim nước ngoài sản xuất dài nhất cho đến thời điểm này. Bộ phim đã nêu bật thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong suốt cuộc đời hoạt động cách mạng của Người từ khi tìm đường cứu nước đến khi Người qua đời. Ngay từ lời giới thiệu, các nhà làm phim Thái Lan đã đặt ra các câu hỏi về vai trò lịch sử và khả năng lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh để hướng người xem thấy được những công lao, công hiến, đóng góp to lớn của Người đối với cuộc chiến tranh giành tự do độc lập cho dân tộc Việt Nam, tôn vinh những phẩm chất cao đẹp của Bác, đức tính giản dị, lòng nhân ái và tinh thần yêu nước cháy bỏng của Người, đồng thời ca ngợi hai cuộc kháng chiến chống Pháp và Mỹ của dân tộc ta. Phim cũng khắc họa khá chi tiết về hoạt động của Bác

tại Thái Lan trong những năm 1928-1929. Đặc biệt là ca ngợi và đề cao tình cảm, mối quan hệ thân thiết giữa Chủ tịch Hồ Chí Minh với cố Thủ tướng Pridi Banomyong, qua đó thể hiện tình đoàn kết hữu nghị truyền thống vốn có giữa hai dân tộc và nhân dân hai nước. Từ cuối tháng 10/2008 đến cuối tháng 1/2009, chuyên mục Legend of the world (Huyền thoại của Thế giới), Đài truyền hình NBT (Thái Lan) đã chiếu bộ phim tài liệu này.

Gần nhất là phim về Bác của các nhà làm phim Cuba. Trong quá trình khảo sát, tìm hiểu thân thế, sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh, đạo diễn Carlos Manuel Rodriguez bày tỏ sự ngưỡng mộ và kính phục vị lãnh tụ của dân tộc Việt Nam. Đạo diễn Carlos Manuel Rodriguez chia sẻ: “Ở Cuba rất nhiều người biết đến Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều trường học, nhà trẻ... mang tên Hồ Chí Minh như: Trường cấp 2 Hồ Chí Minh ở tỉnh Jarugo; trường cấp 1 Bác Hồ ở La Habana...”. Riêng bộ phim về Chủ tịch Hồ Chí Minh, kịch bản được viết bởi Otto Miguel Guzman, Giám đốc Phát hành, Điện ảnh Truyền hình, Xưởng phim Mudo Latino. Lên sóng vào tháng 12/2009, ngoài Việt Nam và Cuba, bộ phim này còn được gửi cho Đài Truyền hình quốc tế khu vực châu Mỹ Latinh và châu Âu và in 1.000 đĩa DVD đa ngôn ngữ.

Kim Yên (Tổng hợp) - *Bql.gov.vn*

2. Thế giới ngưỡng mộ Hồ Chí Minh

Cuộc đời giản dị và tấm lòng của Bác dành trọn cho dân tộc, cho công cuộc đấu tranh đã khiến quốc tế kính phục. Các cuộc hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn thu hút đông người tham dự với tình cảm yêu quý và trân trọng. Từ tình bạn ban đầu chỉ giữa những người cùng chí hướng, không ít người sau này đã trở thành người bạn lớn của dân tộc Việt Nam.

Nhờ có Bác, tôi gắn trọn đời mình với Việt Nam

Ngày 27/7/1946 là ngày mà suốt đời Raymond Aubrac không thể quên được, bởi vào thời điểm đó cụ có mặt trong buổi Việt kiều ở Pháp tổ chức cuộc chiêu đãi chào mừng Bác tại vườn hồng Bagatelle (Pa-ri). Đây cũng chính là lần đầu tiên cụ nhìn thấy và được tiếp chuyện với Bác Hồ, để rồi sau đó và mãi mãi, như lời cụ: Bác Hồ đã tạo nên bước ngoặt cho tôi và gia đình. Và nhờ có Bác, tôi đã gắn trọn đời mình với Việt Nam

Cụ kể: “Tôi có cơ may được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh là nhờ vào cuộc kháng chiến chống chủ nghĩa phát xít của nhân dân Pháp”. Năm 1946, Chủ tịch Hồ Chí Minh sang thăm Pháp với danh nghĩa Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa từ giữa tháng 6 đến giữa tháng 9. Sau buổi chiêu đãi ngày 27/7/1946, cụ mời Bác về ở nhà mình ở ngoại ô Pa-ri. Việc Bác không muốn ở những nơi xa hoa lộng lẫy, vinh hoa mà muốn ở những nơi dân dã, tìm hiểu cuộc sống của người dân Pháp khiến cụ Aubrac xúc động. “Kể từ giờ phút đó trở đi, tôi đã tự nguyện tham gia vào cuộc đấu tranh chống ách thực dân trên thế giới, đứng về phía nhân dân Việt Nam”.

Sáu tuần Chủ tịch Hồ Chí Minh ở nhà cụ là khoảng thời gian không thể quên với gia đình Aubrac. Mỗi buổi sáng, người nhà cụ Aubrac mang đến cho Bác sách báo tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Đức, tiếng Nga... Bác thường đọc báo ngay trên thảm cỏ hàng giờ liền.

Chính phủ Pháp dành cho Bác một tầng trong một ngôi nhà lớn ở gần Khải Hoàn Môn, nhưng Bác thường không vào Pa-ri tiếp khách, mà mời về nhà cụ Aubrac. Ở đây Bác tiếp và chiêu đãi nhiều nhân vật thuộc các khuynh hướng chính trị khác nhau, các nhà văn, nhà báo... Ngày 15/8/1946, bà Lucie Aubrac sinh con gái là Elisabeth, Bác đã đến nhà hộ sinh Port - Royal ở Pa-ri thăm, tặng hoa và nhận là cha đỡ đầu và từ đó trở đi, năm nào đến ngày sinh của Elisabeth, Bác cũng có quà mừng.

Năm nay 97 tuổi, cụ đã 3 lần gặp Bác Hồ và là người bạn lớn của Việt Nam bởi những đóng góp của cụ trong sự nghiệp đấu tranh của Việt Nam cũng như thúc đẩy quan hệ Pháp - Việt sau này. Cụ đã sang Việt Nam 16 lần và mỗi lần sang lại nhận thấy một đất nước Việt Nam thay đổi.

Người kiến tạo nước Việt Nam hiện đại

Đó là dòng chữ ghi trên tấm bảng hình tròn màu xanh gắn trên bức tường tòa nhà New Zealand ở London, Anh, để lưu niệm nơi Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng sống trong thời gian Thế chiến lần thứ nhất. Thật ra tòa nhà này mới được xây lại trên nền của khách sạn Carlton, nơi nhà cách mạng đã từng làm phụ bếp, chặng dừng trên hành trình đi tìm đường cứu nước cách đây một thế kỷ.

Còn tại đất nước Cuba xa xôi cách nửa vòng trái đất, cuốn sách *Hồ Chí Minh nhà yêu nước, 60 năm đấu tranh cách mạng* ca ngợi cuộc đời và sự nghiệp hoạt động của Bác và cuộc đấu tranh anh dũng của dân tộc Việt Nam chống giặc ngoại xâm đã được phát hành trong sự trông đợi của nhiều người.

Tác giả, ông Julio Garcia Oliveras, Đại sứ Cuba tại Việt Nam giai đoạn 1966 - 1969, khẳng định cuốn sách thể hiện tấm lòng yêu mến đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nhà cách mạng giàu lòng yêu nước, một vị lãnh tụ sẽ mãi được các thế hệ mai sau nhớ tới. Cuốn sách dày 250 trang, với nhiều bức ảnh đen trắng chụp hình của Chủ tịch Hồ Chí Minh vào những thời khắc quan trọng. Tác giả đặc biệt ca ngợi ý chí cách mạng, phẩm chất đạo đức và lòng yêu nước thương dân vô bờ bến của Chủ tịch Hồ Chí Minh, trong suốt 30 năm bôn ba ở nước ngoài để tìm con đường đấu tranh giải phóng dân tộc.

Ông nói: “Hồ Chí Minh không bao giờ mơ tưởng, không bao giờ tranh đấu vì mục đích để trở thành một vĩ nhân của nhân loại. Sự nghiệp đấu tranh của Người là một đóng góp lớn lao cho tất cả các dân tộc bị áp bức trên thế giới. Tôi cảm thấy vô cùng hạnh phúc được đóng góp phần rất nhỏ trong việc giới thiệu về thân thế và sự nghiệp cách mạng của Người”.

Một lãnh tụ thanh bạch và giản dị

Trước ngưỡng cửa của thế kỷ XXI, Tạp chí *Time* đã chọn Hồ Chí Minh là một trong số những gương mặt đã làm thay đổi diện mạo hành tinh của chúng ta trong thế kỷ XX. Theo thông tin từ <http://www.bqllang.gov.vn>, tại Hội thảo khoa học quốc tế “Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay” do Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh tổ chức, đã có rất nhiều bạn bè quốc tế đến tham dự với tình cảm yêu quý và tấm lòng trân trọng, kính phục đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, danh nhân văn hóa thế giới.

GS-TS Raul Valdes Vivo, Ủy viên Trung ương Đảng Cộng sản Cuba, nguyên Giám đốc Trường Đảng cao cấp Nico Lopez, đã khẳng định: Cuba đã nhìn nhận Chủ tịch Hồ Chí Minh như là người dẫn đường, là biểu tượng và ngọn cờ của Việt Nam anh hùng. Nhớ lại những lần được gặp Bác Hồ, GS-TS Raul Valdes Vivo viết: “Trong một số dịp, tôi đã được gặp Bác Hồ và lần xúc động nhất là khi tôi đến thăm Người cùng với nhà thơ lớn của Cuba là F.Pita Rodriguez.

Lần ấy, tôi có kể với Bác câu chuyện về các nữ thanh niên xung phong dũng cảm hi sinh mà tôi gặp vào năm 1967, lúc tôi từ Hà Nội đi dọc bờ biển miền Trung vào sông Bến Hải ở vĩ tuyến 17. Tôi thấy đôi mắt Người đầm lệ. Nén cơn xúc động, Bác Hồ nói rằng nhân dân là cội nguồn của mọi chiến thắng, rằng người Việt Nam là vô địch, như là một Cuba ở Đông Dương! Thật vậy, Cuba muốn là một Việt Nam ở biển Caribe!”.

Chủ tịch điều hành Ủy ban Đoàn kết Ấn Độ - Việt Nam Greetesh Sharma đã bày tỏ: “Việt Nam và Hồ Chí Minh là hai tên gọi nổi tiếng và phổ biến nhất đối với nhân dân Ấn Độ”. Ông khẳng định: Hồ Chí Minh là biểu tượng của sự thanh bạch và giản dị.

Trong chuyến thăm Ấn Độ, Người đã từng gặp và bắt tay thân mật với người lái ô tô của mình và các nhân viên phục vụ trước sự bối rối của các quan chức lễ tân ngoại giao, cứ như là hành động đó của một quan chức cao cấp ngoại quốc là có trong các hướng dẫn về lễ tân ngoại giao. Đặc biệt, các nhà hoạt động ở Tây Bengal đã lấy nguồn cảm hứng từ Hồ Chí Minh để bắt đầu dùng dép làm từ lốp cũ, biểu tượng của sự thanh bạch.

Khi thực hiện các nghi thức trồng cây ở Delhi, Người đã tự tay làm tất cả trước sự ngạc nhiên tốt bậc của dân chúng có mặt hôm đó. Đối với họ, không thể có một vị chủ tịch nước nào mà lại tự mình làm hết các công việc trồng cây. Những lần ghé thăm Ấn Độ, Người đã chinh phục được hoàn toàn trái tim của mọi người bằng phong cách nói chuyện, sự thân mật, tính khiêm nhường và giản dị của mình. Thế hệ đã được nhìn thấy Người trong những ngày đó vẫn còn nhớ đến Người với tình cảm, lòng ngưỡng mộ và kính trọng sâu sắc.

Tinh thần Hồ Chí Minh giống như chiếc la bàn trong cuộc sống của tôi

Xúc động nhớ lại những lần được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh trong nhiệm kỳ

ngoại giao tại Việt Nam, nguyên Đại sứ Hungary tại Việt Nam Alfred Almasi đã viết: “Tinh thần của Hồ Chí Minh đã theo suốt sự nghiệp của tôi, trong nhiệm kỳ ngoại giao của tôi tại Việt Nam, Campuchia và Lào. Tinh thần Hồ Chí Minh giống như chiếc la bàn trong cuộc sống của tôi”. Ông tự nhận là một trong số những người có vinh dự được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh nhiều lần trong nhiệm kỳ ngoại giao của ông tại Hà Nội. Ông và đồng nghiệp sẽ không bao giờ quên hình ảnh giản dị, gần gũi của Người.

“Chủ tịch Hồ Chí Minh là người thầy của sự nghiệp độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” - nhà báo, nhà hoạt động chính trị Mexico, nguyên Chủ tịch Hội Những người bạn của Việt Nam Ignacio Gonzalez Janzen khẳng định. Ông đánh giá: “Hồ Chí Minh là một vị lãnh tụ xuất chúng của dân tộc Việt Nam, một yếu nhân của quá trình phi thực dân hóa trong thế kỷ XX. Đặc biệt, Người còn là một bậc thầy vĩ đại trong khoa học và nghệ thuật giành tự do cho các dân tộc - chủ đề chính của tất cả các nền văn hóa và là mục tiêu đầu tiên của nhân loại. Hồ Chí Minh là người thầy, cũng như Simón Bolívar và José Martí từng là những người thầy ở châu Mỹ của chúng tôi”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã biến niềm tin của mình thành một nguyên tắc, một chân lý “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”. Và Người đã kiên trì biết bao khi nhất quán với nguyên tắc đó để đặt nền móng cho một cương lĩnh dân tộc, phù hợp với thực tiễn phức tạp và bản sắc của Việt Nam, xây đắp khối đại đoàn kết toàn dân, tôi luyện sự chỉ đạo chiến lược của mình, tổ chức quần chúng, xây dựng quân đội nhân dân, tiến hành kháng chiến, điều chỉnh kinh tế và bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Hà Trang - Sggp.vn

3. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn ở trong tâm trí bạn bè quốc tế

Các vị khách nước ngoài đến thăm Khu Di tích nhà sàn và Bảo tàng Hồ Chí Minh trong những ngày tháng 5 này đều bày tỏ sự ngưỡng mộ và kính trọng sâu sắc đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam.

Anh Giôn Hátđinh, người Ôxtrâyliia, đang làm việc tại tờ *Thời báo Kinh tế Việt Nam*, say sưa kể với phóng viên của báo *Quân đội Nhân dân*: “Ông là một người có ảnh hưởng rất lớn không những đối với nhân dân Việt Nam mà còn đối với nhân dân của rất nhiều nước trên thế giới, không chỉ khi ông còn sống mà ngày nay cũng vậy”. Mặc dù mỗi nước có một ngôn ngữ riêng nhưng “khi bạn hỏi người nước ngoài về Việt Nam thì chắc chắn rằng họ sẽ nhắc đến Hồ Chí Minh trong câu trả lời”, anh khẳng định.

Anh Hátđinh đã gọi Chủ tịch Hồ Chí Minh là “Charisma”, từ chỉ những vị lãnh tụ có uy tín, có sức hút đối với quần chúng nhân dân. Theo anh, nhiều dân tộc trên thế giới có các anh hùng dân tộc nhưng không phải nước nào cũng có “Charisma”.

Anh Lơgêrôt, người Pháp, đang làm việc cho một dự án tại Hà Nội, khoe rằng anh rất ngưỡng mộ Chủ tịch Hồ Chí Minh nên mỗi lần đến Hà Nội anh đều dành thời gian đi thăm quần thể Lăng, Bảo tàng và Khu di tích của Người. Anh nói: “Hồ Chí Minh là biểu tượng cách mạng không chỉ của nhân dân Việt Nam mà còn của cả nhân loại. Vai trò của ông đối với đất nước Việt Nam là sức hết to lớn. Thật ấn tượng khi ông đã hiến dâng cả đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, vì hòa bình, hạnh phúc cho người dân trong khi không mấy may suy tính đến lợi ích riêng tư”.

Cùng chung cảm nhận với anh Lơgêrôt, hai sinh Thụy Điển lần đầu tiên đến Việt Nam và mới chỉ biết Chủ tịch Hồ Chí Minh qua những giờ học lịch sử thế giới ở trường phổ thông, đã không khỏi ngỡ ngàng trước lối sống giản dị của Người. Họ nói: “Được tận mắt nhìn thấy những gì trong khu di tích này làm tôi rất khâm phục một con người lỗi lạc như ông”.

Vnanet.vn

4. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong mắt bạn bè quốc tế: Một tấm lòng nhân hậu, một chiến sĩ quốc tế vô song

Quả có vậy, người đàn ông Pháp năm nay đã bước sang tuổi 96, từ lâu đã được biết đến là người bạn Pháp thân thiết của nhân dân Việt Nam và của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ông kể: năm 1944, tôi tham gia vào Ban quản lý trại lao động tại Marseilles. Khi đó, tôi đã tận mắt chứng kiến sự đối xử thô bạo của một số thành viên Ban Quản lý với các lao động Việt Nam và đã góp phần chấn chỉnh thái độ đó. Chính vì lý do này mà năm 1946, khi Chủ tịch Hồ Chí Minh tới Pháp tham dự Hội nghị Fontainebleau tôi đã được mời tới gặp Người. Trong ký ức của ông Aubrac, Bác Hồ là một người giản dị, gần gũi. Thời gian lưu lại Pháp, Bác không muốn ở trong ngôi biệt thự mà chính phủ Pháp dành cho mình; cũng vì lẽ đó ông Raymond Aubrac đã mời Người đến ở ngôi nhà của mình tại vùng ngoại ô Pa-ri. Chủ tịch của một nước, nguyên thủ của một quốc gia chấp nhận đến ở nhà một người Pháp bình thường- một người kháng chiến Pháp. Điều này có lẽ xưa nay hiếm với những bậc vĩ nhân. “Ngay lúc đó, đã có một số người bạn Pháp hỏi tôi: Phải chăng Cụ Hồ đến ở nhà tôi để giải trí, để bắn súng? - Ông Aubrac nở một nụ cười hóm hỉnh và nói. Không phải vậy! Người đến để tìm hiểu về cuộc sống của người dân Pháp.

Trong cuộc trò chuyện giữa ông và chúng tôi, thế hệ hậu sinh, ông Aubrac kể nhiều về những kỷ niệm mà gia đình ông giữ mãi về vị Chủ tịch nước đáng kính của nhân dân Việt Nam trong thời gian 6 tuần Người lưu lại nhà ông. Đó là thời gian Chính phủ hai nước gặp gỡ, bàn bạc để thiết lập mối quan hệ. Cuộc đàm phán này theo chính giới Pháp thời đó là khá khó khăn. Bởi, Chính phủ Pháp khi đó không sẵn sàng chấp nhận nền độc lập của một nước Việt Nam mới. Đó là khoảng thời gian mà gia đình Aubrac được đón tiếp rất nhiều khách là nhà báo, chính trị gia, những người thuộc phe đối lập. Họ đến để trao đổi, mạn đàm với Chủ tịch Hồ

Chí Minh về chủ nghĩa thực dân. Đối với một gia đình trí thức như gia đình Aubrac, bản thân họ đã là những người kháng chiến. Họ là những người cực lực lên án và chống lại chủ nghĩa thực dân từ trong ý thức.

Điều đặc biệt là trong những cuộc mạn đàm với các bạn Pháp, Chủ tịch Hồ Chí Minh không bao giờ sử dụng những lời lẽ “đao to búa lớn”, không “lên lớp” người nghe bằng những bài thuyết giáo mà bằng những ngôn từ dễ hiểu, Người chỉ ra cho họ thấy: Thế nào là chủ nghĩa thực dân. Những người bạn Pháp trong đó có ông Raymond Aubrac hiểu rằng: Chủ nghĩa thực dân tại các nước thuộc địa cũng giống như những gì người Pháp đã phải chịu đựng trong những năm bị phát xít Đức chiếm đóng. “Trong nhiều trường hợp, cái cách mà những tên thực dân cư xử ở thuộc địa cho thấy đó là những kẻ đã từng cộng tác với Đức quốc xã khi chúng chiếm đóng Pháp. Những điều chúng tôi trao đổi không chỉ là những tình huống của người dân Việt Nam thời thuộc địa mà còn là cảnh ngộ của tất cả các dân tộc phải chịu đựng ách đô hộ của ngoại bang”. Chính từ cuộc gặp gỡ ấy, chính kể từ đó, chàng trai trẻ Raymond Aubrac đã được cảm hóa bởi những câu chuyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh, bởi sự gần gũi và chân tình của Người.

Mai Loan - *Daidoanket.vn*

5. Việt Nam - Tình yêu của tôi

Trong thời gian công tác ở Việt Nam vào những năm 60, 70 của thế kỷ XX, nhà văn Liên Xô (trước đây) và Liên bang Nga ngày nay Teodor Gladkov (Te-ô-đô Glad-kôp) đã viết nhiều truyện ngắn và ký sự về cuộc đấu tranh chống Mỹ, cứu nước của nhân dân Việt Nam.

Nhân kỷ niệm lần thứ 120 Ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, ông đã có bài viết *Việt Nam - tình yêu của tôi* trong cuốn sách *Người Nga nói về Hồ Chí Minh* - xuất bản ở Mát-xcơ-va năm 2010. *Nhân dân* hằng tháng xin giới thiệu bài viết của ông được dịch từ tiếng Nga.

Từ ngày ấy - từ bước chân đầu tiên trên mảnh đất Việt Nam - 40 năm đã trôi qua. Nhiều điều đã quên đi, đã bị xóa nhòa khỏi ký ức do đã lâu lắm rồi. Nhưng có một điểm chính khắc sâu mãi mãi trong tôi.

Đó như là một tình yêu đầu tiên - các tình tiết không được lưu giữ trong ký ức, nhưng hương thơm của mái tóc cô gái mà anh đã phải lòng thì anh không bao giờ quên.

Trong các ghi chép cũ của tôi là hào quang của thời đại đã qua từ lâu, là những quan niệm và tâm sự của một người dân Xô Viết vào những năm sáu mươi của thế kỷ XX.

Do vậy tôi giữ lại những bài mình đã viết và đăng báo lúc đó.

Lúc đầu tôi đã viết với danh nghĩa là một phóng viên của tạp chí *Tuổi trẻ do*

nhà báo và nhà văn huyền thoại Bô-rít Pô-lê-vôi làm Tổng biên tập theo nhiệm vụ được giao.

Đó là một mùa xuân chiến tranh tại Việt Nam năm 1968.

Người Việt Nam rất yêu bóng đá. Nhưng bây giờ ở Việt Nam người ta không đá bóng. Một quả bom bi của Mỹ to bằng nắm tay nhồi những quả bi thép nhỏ li ti có thể làm thương tổn ba trăm sáu mươi mục tiêu. Hàng hoạt công-ten-nơ bom ném xuống từ máy bay Mỹ. Mỗi công-ten-nơ đó có tới tám trăm quả bom. Các khán đài của các sân vận động trong thời gian trận đấu tập trung khá nhiều “mục tiêu”.

Do nguyên nhân đó mà đã bốn năm qua trong nước vào các ngày lễ họ không tổ chức tuần hành, không diễu hành, lễ hội, không có mít-tinh đông người. Đó là những “mục tiêu” quá dễ dàng.

Nhưng ngày Một tháng Năm - 1968, một cuộc họp truyền thống long trọng ở Hà Nội đã diễn ra - tại Hội trường trên Quảng trường Ba Đình lịch sử.

Trước đó là tiếng còi báo động: tiếng còi rú hòa lẫn những tiếng nổ đinh tai của đạn pháo cao xạ; những tên lửa bay vút thoát ra khỏi bộ phóng để lại phía sau những luồng khói trắng... mà bạn cảm thấy không chỉ bằng tai mà còn bằng mắt, bằng tay chân nữa.

Ba ngày trước mùng Một tháng Năm - ngày lễ quốc tế của những người lao động - giữa những người nước ngoài tại Hà Nội dấy lên tin đồn sẽ có hay không một buổi lễ long trọng kỷ niệm sự kiện đó?

Đa số những người trò chuyện với tôi là từ Liên Xô, Ba Lan, Hung-ga-ri, Thụy Điển, một vài người Nhật... Phần đông các nhà báo và chuyên gia kỹ thuật cho rằng, sẽ không có một buổi lễ đặc biệt long trọng nào vì sự đe dọa ném bom tiếp tục của máy bay Mỹ. Các nhà ngoại giao nước ngoài được ủy nhiệm tại Hà Nội trung thành với truyền thống và nguyên tắc, đã im lặng. Còn các bạn Việt Nam khi trả lời những câu hỏi tự nhiên đó thì chỉ mỉm cười bí mật - cũng im lặng.

Việc đó kéo dài như vậy cho tới chiều tối ngày 30/4. Ngay cả vào nửa đêm không ai trong số khách trọ ở khách sạn chính của thủ đô - mà theo cách gọi cũ là “Metropol” - nằm ngủ được. Lúc đó trong nhiều phòng ở đây có các ngăn sách báo, ra-đi-ô và ti-vi nước ngoài.

Vậy là, vào khoảng nửa đêm hay có lẽ muộn hơn, một cán bộ của trung tâm báo chí Bộ Ngoại giao đã tới khách sạn, không giải thích gì, ông yêu cầu tất cả vào bốn giờ sáng mai thức dậy, ăn mặc thích hợp (có ngụ ý gọi là “thích hợp thời chiến”), và tất nhiên là tắm rửa, cạo râu. Đó là với nam giới, còn do vì bị ném bom liên tục nên phụ nữ ở các đại sứ quán và các cơ quan đại diện nước ngoài hầu như không có.

Vừa mới rạng đông, một số ô-tô đến đón chúng tôi đi theo lộ trình lòng vòng tới hội trường lớn trên Quảng trường trung tâm Ba Đình, mà thật ra tới đó như bình thường chỉ mất mấy phút.

Mặc cho mọi nguy hiểm bom đạn, buổi lễ long trọng đã khai mạc! Thật ra vào một thời gian không bình thường - nếu tôi không quên thì đó là vào bảy giờ sáng.

Về sau chúng tôi được giải thích là vào lúc đó người Mỹ không tới ném bom Hà Nội, vì họ còn đang ngủ.

Vậy là dự đoán lúc đầu của chúng tôi về sự tuyệt mật của địa điểm và thời gian chính xác của buổi lễ là hoàn toàn có cơ sở. Dĩ nhiên đó không phải là biện pháp phòng bị duy nhất. Để sẵn sàng chiến đấu, tất cả các phương tiện phòng không ở thành phố và vùng ngoại thành được huy động - từ các loại pháo cao xạ tới các dàn phóng tên lửa. Ngoài ra, trên không các máy bay tiêm kích Việt Nam liên tục bay trực chiến. Toàn Quảng trường Ba Đình và các đường phố lân cận được sự che chắn vững chắc của các chiến binh quân chủ lực và nhân viên an ninh quốc gia.

Tính toán tới tất cả những tình huống đặc biệt có thể xảy ra, buổi lễ đã diễn ra rất ngắn gọn, hàm súc.

Trong tràng pháo tay vang dội, trên Chủ tịch đoàn xuất hiện đồng chí Hồ Chí Minh. Trước đây tôi chỉ thấy chân dung và ảnh Người trên sách báo và khắc họa trên giấy bạc.

Trên lễ đài, một ông già với nụ cười hiền hậu, trong bộ quần áo vải thường đã cũ, đi đôi dép cao su mà chúng tôi - người châu Âu quen gọi đơn giản là “giày Việt Nam”, loại dép mà cư dân thành phố và nông thôn nước này dùng.

Người đứng đó và mỉm cười. Hơi bối rối tí chút, như có vẻ ngượng ngùng trước những tràng pháo tay vang động suýt phá vỡ các bức tường của lễ trường. Mọi người trong gian phòng không chỉ vỗ tay mà nhiều người còn không nín nổi nước mắt vì sung sướng. Trong thời khắc đó tôi đã hiểu rằng, ở Việt Nam mọi người không những tự hào về con người này như là một vị lãnh tụ của toàn dân, nhà lãnh đạo Đảng và Chính phủ, người tổ chức cuộc kháng chiến anh hùng chống quân xâm lược, mà còn kính yêu Người như là người lớn tuổi nhất của bất kỳ một gia đình người Việt nào.

Không một ai có mặt tại hội trường lúc đó có thể nghĩ rằng đó là lần gặp cuối cùng... Một năm sau Người ra đi!

Trong những chuyến đi sau này tới Việt Nam, tôi chỉ còn được sùng kính Hồ Chí Minh cũng trên Quảng trường Ba Đình đó, nhưng Người đã yên nghỉ trong quan tài pha lê của Lăng mộ trang nghiêm...

... Và cuối cùng, thật bất ngờ, một ngày trời mùa thu, tôi đi trên một đường phố Luân Đôn, một trong các phố đổ về quảng trường Pi-ca-din nổi tiếng, tôi bị cuốn vào một tấm bảng kỷ niệm ở một trong các tòa nhà. Tôi đọc mà như không tin vào mắt mình.

Tôi xin trích dịch theo trí nhớ từ tiếng Anh: “Tại tòa nhà này, ở tiệm ăn, vào đầu thế kỷ XX, người hầu bàn - kiều dân từ xứ Đông Dương thuộc Pháp Nguyễn Ái Quốc đã làm việc. Về sau là Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí

Minh”.

Một lần nữa xin kính chào Bác Hồ - người không thể nào quên!

Teo Dor Glad Kov (Nguyễn Hữu Dy dịch) - *Nhandan.org.vn*

6. Hồ Chí Minh trong ký ức người Nga

“Người là hiện thân của mọi trí tuệ nhân tâm; Trên vầng trán của Người bao nhiêu thế kỷ thu hình; Nhân loại từ ngàn xưa có bao nhiêu nhà hiền triết; Có phải chính Người? Trầm ngâm như núi tuyết; Mênh mông như biển cả mênh mông; Hồ Chí Minh, Người còn trẻ lắm; Người rất trẻ, dù chòm râu và mái tóc Người bạc trắng; Người là hiện thân của sức mạnh niềm tin; Trong nụ cười của Người có tất cả những mùa xuân” - Nicolai Kunaiep

Tháng 7/1920, khi báo *Nhân Đạo* (Pháp) đăng bài *Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và thuộc địa* của Lênin, người thanh niên Nguyễn Ái Quốc sung sướng đến phát khóc lên vì đã thấy phép màu nhiệm, thấy con đường giải phóng cho Tổ quốc sau 9 năm tìm kiếm. Kể từ đó, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh hoàn toàn tin theo Lênin, luôn ngưỡng mộ đất nước của Cách Mạng Tháng Mười vĩ đại, Người cho rằng: “Chủ nghĩa Lênin đối với chúng ta, những người cách mạng và nhân dân Việt Nam, không những là cái cảm nang thần kỳ, không những là cái kim chỉ nam, mà còn là mặt trời soi sáng con đường chúng ta đi tới thắng lợi cuối cùng”^[1]. Là người Việt Nam yêu nước đầu tiên đến học tập, làm việc tại một nước Nga Xô-viết đang tiên phong thực hiện quyền bình đẳng, tự do, hạnh phúc cho con người nên toàn bộ tinh thần, lý tưởng của Nguyễn Ái Quốc đều hướng tới mục đích biến một giấc mơ tương tự như vậy thành hiện thực trên Tổ quốc Việt Nam. Chỉ một thời gian ngắn, cái tên Nguyễn Ái Quốc bắt đầu xuất hiện trên báo Pravda, tiếng nói của Người vang trên diễn đàn Quốc tế cộng sản, Nguyễn Ái Quốc kết giao với nhiều bạn bè quốc tế, những đồng chí Xô-viết và Người đã để lại trong họ những tình cảm vô cùng đặc biệt, viết nên những ký ức không thể phai nhòa.

Ngày 22/12/1923, nhà hoạt động xã hội Nga Ôxip Mandenxtam có buổi gặp gỡ với Nguyễn Ái Quốc, thông qua nội dung phỏng vấn ngắn gọn về gia đình, xã hội và chí hướng cách mạng, Ôxip đã rất sững sốt vì thấy: “Nguyễn Ái Quốc thấm đượm chất văn hóa, không phải thứ văn hóa châu Âu, mà có lẽ đó là văn hóa của tương lai...”^[2]. Lidia Xamoilopna Phacto, nhà cách mạng Nga lão thành, người thông thạo tiếng Pháp và tiếng Đức, từng làm phiên dịch tại Quốc tế cộng sản kể

^[1] Bài viết cho Tạp chí *Các vấn đề phương Đông* (Liên Xô) nhân kỷ niệm 90 năm ngày sinh V.I. Lênin, báo *Nhân dân* đăng lại toàn văn ngày 22/4/1960

^[2] *Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ*, Tập III. Nxb Hội nhà văn 2010, trang 229

lại: “Khoảng tháng 4/1935, một đồng chí tên Lin, quen gọi là Linop, người châu Á duy nhất từ Đông Dương tới, ở trong nhóm tiếng Pháp và tương đối thành thạo tiếng Nga. Đồng chí Lin thường mặc áo cài khuy cổ màu sẫm, nói nhẹ nhàng, điềm đạm, không bao giờ lên cao giọng, nhưng rất có duyên với những câu đùa hóm hỉnh. Đồng chí đặc biệt rất yêu trẻ con. Vào dịp tôi sắp sinh cháu, đồng chí Lin vốn nói tiếng Pháp tốt, vì ái ngại cho tôi nên đã dịch giúp tôi một số buổi.. Năm 1957, tôi gặp lại đồng chí Lin, lúc đó là Chủ tịch Hồ Chí Minh vào dịp Hội nghị Quốc tế cộng sản và công nhân họp ở Maxcova. Chủ tịch đã nhận ra giọng tôi dịch qua ông nghe nên đã lên tận buồng máy cảm ơn và ôm hôn tôi”^[1]. Trong giai đoạn khó khăn nhất của một người chiến sĩ cộng sản quốc tế, khi bắt đồng quan điểm và bị hiểu lầm từ năm 1934 đến 1938, những người bạn Nga chân chính vẫn hết lòng giúp đỡ, bảo vệ, ủng hộ Nguyễn Ái Quốc. Trưởng phòng Phương Đông của Quốc tế cộng sản V. I. Vaxilieva đã gửi báo cáo cho cấp trên trong đó nói rõ: “Các đồng chí Đông Dương đã từng sống ở Liên Xô đều bày tỏ tình cảm và sự tôn trọng đặc biệt với đồng chí Quốc. Qua các câu chuyện của họ mới thấy được Quốc là người nổi tiếng không chỉ đối với những người cộng sản, mà còn với cả các chiến sĩ cách mạng dân tộc, với nhân dân lao động Đông Dương... Tôi cho rằng việc đưa đồng chí ấy trở về nước trong thời gian sắp tới là không thể được vì rất nguy hiểm, đồng chí ấy sẽ bị bắt ngay lập tức và sẽ bị kết án. Nên để đồng chí ấy ở lại Liên Xô, vào học trường Phương Đông và phụ trách phòng Đông Dương khoảng 2-3 năm sau đó mới cử về nước... Cần nhấn mạnh rằng ở trong nước, tên tuổi đồng chí Quốc được biết như một chiến sĩ cách mạng, có thể hiện tại đang được sử dụng để tập hợp và đoàn kết các lực lượng cách mạng rộng rãi để thành lập mặt trận chống đế quốc ở Đông Dương...”^[2].

Năm 1954, khi sang Việt Nam để quay phim về những ngày tháng cuối cùng của cuộc chiến tranh chống Pháp và làm bộ phim Ánh sáng trong rừng sâu, ghi lại hình ảnh lãnh tụ Hồ Chí Minh, đạo diễn điện ảnh Liên Xô Roman Caxmen vẫn nhớ: “Mỗi khi gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tôi đều lấy làm ngạc nhiên trước nghị lực mãnh liệt và sức chịu đựng của con người mảnh khảnh với nét mặt thanh thản ấy, trước tính tình đơn giản của Người, niềm vui sống toả ra lôi cuốn cả mọi người xung quanh. Tôi còn nhớ hình dáng của Người phi nước đại trên con ngựa mượn lông và tính hay lòng, cúi rạp mình xuống tận bờm giữa lúc đang phóng nhanh gặp phải cành tre chằng chịt mây và dây leo ngả cong trên đường mòn. Người không biết mệt lúc đi bộ, không chậm bước lại lúc nào, dù là lúc trèo qua những quãng đường rất dốc hoặc lúc lội qua những khe suối trong rừng. Tôi đã được tận mắt

^[1] Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp giải phóng phụ nữ, Nxb Thông Tấn 2005, trang 505

^[2] Tài liệu gốc của Trung tâm lưu trữ lịch sử, chính trị, xã hội Nga. Bản dịch tiếng Việt lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh

trông thấy Người vượt qua 18 cây số đường bộ dưới nắng hè gay gắt không hề nghỉ, đứng lên diễn đàn trong buổi hội nghị các cán bộ Đảng, giơ hai tay lên và vẫy mạnh xuống, một cử chỉ quen thuộc của Người để ngắt những tiếng hoan hô trong phòng họp và bắt đầu bài nói chuyện kéo dài suốt trong một tiếng rưỡi đồng hồ vào ngày 22/7/1954”^[1].

Cuộc kháng chiến trường kỳ chín năm thắng lợi, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, Chủ tịch Hồ Chí Minh lại trở về Thủ đô. Ngày 7/11/1954, Đại sứ quán Liên Xô được sử dụng bếp của Phủ Chủ tịch để làm tiệc chiêu đãi buổi tiếp khách đầu tiên tại Hà Nội. Thực tập sinh N. Nhiculin và tùy viên I. Kuzonhetxop đến nhà bếp vừa phụ việc, vừa làm phiên dịch. Lúc 2 giờ sáng, Chủ tịch Hồ Chí Minh bất ngờ bước vào bếp! Sau khi chào hỏi, bắt tay động viên, xem công việc chuẩn bị tới đâu, Người hỏi hai chàng trai phụ việc có chỗ ngủ chưa và bố trí cho hai thanh niên này vào một phòng ngủ sang trọng của Toàn quyền Đông Dương trước kia. N. Nhiculin hết sức ngạc nhiên và cảm động: “Cuộc gặp gỡ tuyệt vời đó đem đến cho chúng tôi niềm vui, cảm hóa chúng tôi bởi lòng nhân hậu, sự quan tâm của một con người vĩ đại mà chúng tôi quen nhìn thấy qua chân dung và phim ảnh. Trong tôi tràn ngập lòng biết ơn về sự quan tâm mà Bác Hồ đã dành cho chúng tôi”^[2]. Tháng 11/1958, lúc 6 giờ 30 sáng, nhà thơ Liên Xô Paven Antôkôxki, người đã dịch tập *Nhật ký trong tù* sang tiếng Nga, đến gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh để báo cáo một tháng công tác ở Việt Nam. Cuộc nói chuyện diễn ra bằng cả tiếng Pháp và tiếng Nga, cuối cùng Paven nhận ra rằng: “Chủ tịch Hồ Chí Minh, một pho tư liệu duy nhất chân thực và quý hiếm theo đủ các thể loại. Cuộc đời đã trao cho Người trọng trách và đồng thời cả một pho tiểu thuyết của tương lai, tạo nên cốt truyện và là một cốt truyện cực kỳ hấp dẫn... Vâng! Cũng có thể lần theo những vết xước trên nòng pháo, những vết hằn sâu trên thành xe, theo vết tích của thời gian để thấy được toàn bộ cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh- cuộc đời của một con người vĩ đại trong số những con người ưu tú nhất của thời đại chúng ta”^[3]. Nhà văn Liên Xô Ruf Bersatxki chuyển tận tay Chủ tịch Hồ Chí Minh tập *Nhật ký trong tù* được in bằng tiếng Nga, ngỡ ngàng thấy: “Chủ tịch quả thật hoạt bát, lanh lẹ, trẻ trung. Người mặc bộ quần áo vải như của các chiến sĩ và sĩ quan quân đội nhân dân. Người đi dép, chân không bó tất. Râu tóc Người bạc phơ. Nhưng, kỳ lạ râu tóc hoàn toàn không làm ta thấy Chủ tịch già. Bởi vì khi nhìn đồng chí Hồ Chí Minh, trên khuôn mặt Người, bạn thấy rõ nhất là đôi mắt, mà đôi mắt ấy rực rỡ, toả sáng ngời ngời và truyền cảm cho bạn. Chỉ có ai yêu con người hơn hết mọi điều trên thế

^[1] Bài viết của đạo diễn Roman Căcmen đăng trong báo *Văn học* của Hội các nhà văn Liên Xô, số tháng 3/1955

^[2] *Người Nga nói về Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính 2010, trang 42

^[3] *Người Nga nói về Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính 2010, trang 50

gian mới biết nghe người khác nói như Người”^[1]. Dịch giả Nga Mikhail Kratxop nhớ lại những buổi nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh tại ngôi nhà sàn nhỏ của Người trong khu Phủ Chủ tịch: “Trong những cuộc gặp gỡ ấy, chúng tôi được tiếp xúc với một tâm hồn hết sức phong phú, một con người khiêm tốn giản dị làm cho người khác phải ngạc nhiên thấy những điều phỏng đoán của mình trước khi gặp Người không còn đúng nữa. Chúng tôi được gặp một con người hoạt bát, giàu ước mơ. Sau mỗi ngày làm việc căng thẳng, Chủ tịch Hồ Chí Minh đến với mọi người, từ bạn chiến đấu trong Đảng đến nông dân, công nhân, do vậy Người hiểu tường tận về họ và công việc của họ, lời Người nói thường đi đến trái tim họ”^[2].

Grigori Lôcsin, Thư ký Ủy ban viện trợ của Liên Xô cho Việt Nam không thể nào quên lần gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh trên lễ đài quảng trường Ba Đình trong cuộc mittinh mừng ngày quốc khánh 2/9/1960: “Điều làm tôi ngạc nhiên nhất là sự bình dị rất đối tự nhiên và đức độ của Người, nhất là khi Người nhận được sự ngưỡng mộ không chỉ của những người đồng chí thân cận mà còn của đông đảo đồng bào cả nước... Khi đọc diễn văn trên khán đài, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường nói với đồng bào mình những lời rất bình dị, từ tận đáy lòng, giống như một vị cha già. Hàng ngàn người có mặt ở quảng trường thốn thức, hướng về vị lãnh tụ của mình, rất sung sướng khi thấy Người khỏe mạnh, hoạt bát, họ thậm chí không cần giấu giếm những tình cảm của mình. Vâng, chính hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lan toả đến đông đảo dân chúng và ấn tượng đó đã lưu lại trong tâm trí tôi mãi đến bây giờ”^[3]. Tháng 11/1962, nhà văn Nga Marian Tchekop lần đầu tiên sang Việt Nam được Chủ tịch Hồ Chí Minh mời cơm tại nơi ở và làm việc của Người. Trong bữa cơm chiều thanh đạm chỉ có rau dưa và đĩa cá kho, li rượu thuốc, hai Bác cháu nói chuyện với nhau bằng tiếng Việt, tiếng Nga và có lúc thấy nhà văn ngập ngừng, Người giải thích cho Marian hiểu bằng tiếng Pháp. Marian vô cùng ấn tượng: “Hồ Chí Minh là bậc đại tài, đại nhân và đại đức. Cả thế giới sau LêNin, đồng chí Hồ Chí Minh là một vĩ nhân có một không hai. Nhân dân Việt Nam thật hạnh phúc được bước trên con đường đi đến tương lai do Người khai sơn phá thạch”^[4]. Tháng 10/1963, phái viên tham tán Đại sứ quán Liên Xô tại Việt Nam Antoli Voronhin tham dự buổi gặp gỡ của Chủ tịch Hồ Chí Minh với con em thành viên đoàn ngoại giao Xô-việt tại Phủ Chủ tịch. Sững sờ trước sự giản dị, hoàn toàn không theo nghi thức mà rất gia đình, Antoli chợt phát hiện thấy: “Bí mật sức mạnh lôi cuốn của Bác Hồ là ở trong sự giản dị, giản dị tự nhiên, giản dị trong mọi điều: trong hành vi, trong cách nói chuyện, trong cách ăn mặc và thậm chí trong cách

^[1] *Người là Hồ Chí Minh*, Nxb. Hội nhà văn 1995, trang 238

^[2] *Hồ Chí Minh, một người châu Á của mọi thời đại*, Nxb. Chính trị quốc gia 2010, trang 407

^[3] *Người Nga nói về Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính 2010, trang 100

^[4] *Bác Hồ, cây đại thọ*. Nxb Kim Đồng 2002, trang 160

mọi người gọi Bác Hồ”^[1]. Cuối tháng 10/1964, Epghênhi Gladumôp, cán bộ Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô đến dự một buổi tiệc nhân kỷ niệm cách mạng Tháng Mười tại Câu lạc bộ Quốc Tế Hà Nội, được chứng kiến Chủ tịch Hồ Chí Minh bất ngờ đi ra cửa sau, tránh sự quan tâm của các cảnh vệ rồi vui vẻ trò chuyện bằng tiếng Nga với các con em nhân viên sứ quán, Người mở cả hai túi áo đại cán của mình và chia kẹo cho bọn trẻ. Hình ảnh đó khiến Gladumôp phải thốt lên: “Có hay không những con người đàn ông hay đàn bà huyền thoại, hiến dâng cả đời mình cho cuộc đấu tranh vì thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản? Trước mắt tôi hiện lên khuôn mặt tươi cười với đôi mắt anh minh sáng ngời, với chòm râu thưa nhỏ. Hồ Chí Minh hay là Bác Hồ như toàn dân Việt Nam gọi Người như vậy, thực sự là một con người huyền thoại”^[2]. Rasit Khamidulin là phiên dịch tiếng Việt của Bộ Ngoại giao Liên Xô, ba lần được gặp và nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh vào tháng 11/1959, tháng 6/1962, tháng 2/1965 thì nhớ như in: “Về đức tính khiêm tốn đến khó tin và sự giản dị chân thành của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Điều đó được thể hiện trong sinh hoạt đời thường, trong khi tiếp xúc với mọi người, Hồ Chí Minh không thích được ca tụng, cũng không thích vẻ hào nhoáng bề ngoài và câu chuyện Huân chương Lênin là một minh chứng”^[3]. Đó là Rasit muốn nhắc đến sự kiện đầu năm 1965, Bộ Chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô quyết định tặng Hồ Chủ tịch Huân chương Lênin nhân dịp Người tròn 75 tuổi nhưng Người cảm ơn và từ chối với lời giải thích: khi nào giành được thắng lợi, Tổ quốc Việt Nam hoàn toàn thống nhất, Người sẽ nhắc những người bạn Xô-viết về quyết định trao Huân chương Lênin cho mình!

Trong thời gian chống chiến tranh phá hoại miền Bắc, Chủ tịch Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm, thăm hỏi các chuyên gia quân sự Liên Xô sang giúp đỡ quân đội Việt Nam. Đã từng sát cánh chiến đấu cùng bộ đội phòng không Việt Nam từ tháng 7/1965 đến tháng 3/1966, sĩ quan cận vệ Nicolai Nicolaevich đã kể: “Ngày 26/8/1965, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh đến thăm trận địa chúng tôi. Người mặc bộ quần áo giản dị màu nâu sáng, chân đi dép không có bít tất. Sau khi xem xét khí tài và quan sát thao tác chiến đấu của khẩu đội tên lửa, Chủ tịch bắt tay từng người và phát biểu vài câu bằng tiếng Nga: Cảm ơn sự giúp đỡ hiệu quả của các đồng chí! Chúc các đồng chí dồi dào sức khỏe và giành được những thắng lợi mới”^[4]. Trưởng phái đoàn quân sự Liên Xô tại Việt Nam từ năm 1965-1967, tướng Bêlôp Andrêevich nhớ lại từ sự kiện Chủ tịch Hồ Chí Minh đến thăm buổi bắn trình diễn pháo phản lực tháng 9/1966: “Chúng tôi đi cùng ô tô với Chủ tịch đến nơi các quả đạn pháo đã nổ. Chủ tịch tiến về phía tôi và

^[1] *Người Nga nói về Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính 2010, trang 148

^[2] *Người Nga nói về Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính 2010, trang 130

^[3] *Người Nga nói về Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính 2010, trang 58

^[4] *Chiến tranh Việt Nam là thế đó*, Nxb. Chính trị quốc gia 2008, trang 186

nói bằng tiếng Nga: Đồng chí Bêlôp, cảm ơn về tất cả. Tôi đề nghị đồng chí chuyển lời cảm ơn của chúng tôi tới ban lãnh đạo Bộ Quốc phòng Liên Xô! Sau đó tôi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh 7 lần, có lần tôi được mời đến nhà của Người (ngôi nhà nằm trong khuôn viên Phủ Chủ tịch) dùng bữa tối. Tôi cùng Chủ tịch Hồ Chí Minh trò chuyện bằng tiếng Nga (Chủ tịch nói tiếng Nga không tồi). Tháng 10/1967, trước lúc tôi trở về Liên Xô, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tặng thưởng tôi Huân chương Lao động Hạng Nhất, một khẩu súng lục kiểu Smith & Wesson có khắc tên Người và còn tặng cho vợ tôi một bộ đồ nữ trang bằng bạc có gắn ngọc lam”^[1]. Ngày 25/2/1969, khi được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh lần thứ ba, phóng viên báo Sự thật cộng sản tại Việt Nam Xécgây Aphôn nhin nhận ra rằng: “Về tầm cỡ nhân cách Hồ Chí Minh thì khó có thể hiểu thấu đến tận cùng. Đằng sau đôi vai của Người là cả cuộc đời đầy thử thách của một người cách mạng, một nhà yêu nước và một chiến sĩ quốc tế”^[2].

Đau thương bất ngờ ập đến vào ngày định mệnh 2/9/1969, ngày nhân dân Việt Nam và cả loài người tiến bộ vô cùng đau đớn tiễn biệt Chủ tịch Hồ Chí Minh về với cụ Các Mác, cụ Lênin. Trong niềm tiếc thương sâu sắc ấy, *Thông tấn xã TASS* Liên Xô trình trọng tuyên bố: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là hiện thân của những phẩm chất tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam và giá trị của toàn nhân loại. Đối với những người Xô-viết, hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh đặc biệt quý giá và gần gũi bởi Người là người bạn lớn của Liên Xô. Tên tuổi Người được yêu mến và kính trọng sâu sắc trên Tổ quốc của cách mạng Tháng Mười”^[3]. Báo *Tin tức Liên Xô* viết: “Toàn bộ cuộc đời của Chủ tịch Hồ Chí Minh là chiến công bất diệt vì vinh quang của cách mạng. Tấm gương của người con vĩ đại của dân tộc Việt Nam đặc biệt rất được yêu quý và gần gũi với nhân dân Xô-viết bởi Hồ Chí Minh là người bạn lớn của đất nước Xô-viết, trân trọng đối với tất cả những gì gắn liền với Cách mạng Tháng Mười, với Lênin”^[4]. Nữ văn sĩ Nga Irina Lepchenko, người đã sang Việt Nam, gặp Bác Hồ và gửi tặng Người 2 cuốn sách: *Tuyển lựa, Hãy sờ tay vào bom*, thỏ thẻ: “Việt Nam đang đeo băng tang. Trái tim của đồng chí Hồ Chí Minh đã ngừng đập, trái tim của một con người đã ngừng đập, nhưng trái tim của lịch sử không ngừng đập. Một con người đã từ già cõi đời nhưng iếu người đó cống hiến cả cuộc sống của mình, cả tài năng cách mạng của mình cho cuộc đấu tranh giành thắng lợi của chủ nghĩa Mác-Lênin, giành tự do cho dân tộc mình thì Con Người đó bất tử”^[5]. Irina đã đến Đại sứ quán Việt Nam ở Matxcova để chịu tang theo phong tục người Việt, quỳ khóc trước bàn thờ Người và xin được túc trực

^[1] *Chiến tranh Việt Nam là thế đó*, Nxb. Chính trị quốc gia 2008, trang 222

^[2] *Người Nga nói về Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính 2010 trang .08

^[3] Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại, Nxb. Lao Động 2001, trang 138

^[4] *Một giờ với đồng chí Hồ Chí Minh*, Nxb. Thanh Niên 2000, trang 172

^[5] *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự Thật 1971. Tập III, tr 33

bên cạnh chân dung Chủ tịch Hồ Chí Minh. Nhà thơ Nga Nicolai Kunaiep khắc hoạ chân dung vĩnh cửu của Hồ Chí Minh bằng những vần thơ: “Người là hiện thân của mọi trí tuệ nhân tâm; Trên vầng trán của Người bao nhiêu thế kỷ thu hình; Nhân loại từ ngàn xưa có bao nhiêu nhà hiền triết; Có phải chính Người? Trầm ngâm như núi tuyết; Mênh mông như biển cả mênh mông; Hồ Chí Minh, Người còn trẻ lắm; Người rất trẻ, dù chòm râu và mái tóc Người bạc trắng; Người là hiện thân của sức mạnh niềm tin; Trong nụ cười của Người có tất cả những mùa xuân”^[1]. Alexey Varônhin, Viện hàn lâm khoa học liên bang Nga phân tích về tư tưởng thời đại của Hồ Chí Minh: “Đức tính nổi bật nhất của vị lãnh tụ cách mạng Việt Nam là Người tuyệt đối trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân cho đến hơi thở cuối cùng. Chính đức tính này đã chiếm được trái tim của hàng triệu người lao động trên khắp thế giới, họ đáp lại Người bằng niềm tin và lòng yêu mến, họ tôn vinh Người là vị lãnh tụ nhân dân”^[2]. Epghêni Côbêlêp, phóng viên Thông tấn xã TASS tại Việt Nam từ 1964-1967, đã nhiều lần được gặp gỡ, nói chuyện với Chủ tịch Hồ Chí Minh, lại nhận định về một nhà quốc tế triết để: “Hồ Chí Minh thường xuyên chủ trương đoàn kết nhân dân lao động các nước khác nhau, thực hiện liên minh giữa nhân dân Việt Nam với các lực lượng tiến bộ trên thế giới. Hoạt động của Người là một tấm gương của sự kết hợp hữu cơ giữa cuộc đấu tranh vì lợi ích của nhân dân lao động nước mình với lợi ích của các dân tộc đấu tranh vì độc lập và tự do, vì hòa bình, dân chủ và tiến bộ xã hội trên toàn thế giới”^[3]. Còn Nikita Khrushchốp, Bí thư thứ nhất BCH Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô thì khẳng định:

“Chủ tịch nước Việt Nam DCCCH Hồ Chí Minh là con người xuất sắc nhất trong tất cả chúng ta. Trong cuộc đời hoạt động chính trị, tôi đã biết rất nhiều người nhưng không có người nào tạo cho tôi một ấn tượng đặc biệt như Hồ Chí Minh. Những người theo tín ngưỡng thường hay nói đến các vị Thánh. Đúng vậy, với cách sống và uy tín của mình đối với nhân dân, Hồ Chí Minh đúng là có thể so sánh với các vị Thánh, một vị Thánh Cách mạng”^[4].

Cách đây đúng 90 năm, khi đặt chân lên đất nước Liên Xô, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh rất thân phục, yêu quý nhân dân Xô-viết cùng tất cả thành quả tốt đẹp của cuộc Cách mạng Tháng Mười, những tình cảm đó ngày càng lớn lên theo năm tháng, được Người gìn giữ, nâng niu suốt cuộc đời và trở thành một người bạn thủy chung của nhân dân Nga. Với nhân dân Liên Xô trước đây và nhân dân Nga ngày nay, sự nồng hậu, tình cảm chân thành, lòng kính trọng, yêu mến dành cho Hồ Chí

^[1] *Hồ Chí Minh với văn nghệ sĩ*, Nxb Hội nhà văn 2010. Tập III, trang 210

^[2] *Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay*, Nxb. Chính trị - Hành chính 2010, trang 462

^[3] *Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh*, Nxb. Khoa học xã hội 1990, trang 180

^[4] *Hồ Chí Minh sống mãi trong trái tim nhân loại*, Nxb. Lao Động 2001, trang 111

Minh vẫn không thay đổi. Tại trung tâm Matxcova có tấm biển đá hoa cương ghi nhớ nơi Nguyễn Ái Quốc từng làm việc những năm 1923-1924, có quảng trường Hồ Chí Minh và bức phù điêu dung dị của Người bằng đồng; có đại lộ Hồ Chí Minh ở Ulianôpxơ; có bức tượng Hồ Chí Minh trong khuôn viên khoa ngữ văn trường Đại học Tổng hợp Saint Petersburg và Viện Hồ Chí Minh của nhà trường; có con tàu mang tên Hồ Chí Minh từ Vladivôxtôc thường xuyên cập bến cảng Việt Nam, có cây kỷ niệm do chính tay Người trồng vươn cao, xanh tốt trong công viên Hữu Nghị Xôchi và còn rất, rất nhiều người Nga vẫn đang tìm hiểu Tiểu sử chính trị và di sản của Hồ Chí Minh bằng tiếng Nga^[1]... Cuối cùng, thay cho lời kết là cảm nghĩ của Ghécman Titốp, phi công vũ trụ số Hai Liên Xô, người đã được Chủ tịch Hồ Chí Minh đưa đi thăm kỳ quan thiên nhiên Vịnh Hạ Long tháng 1/1962 và lấy tên Titốp đặt cho một hòn đảo nhỏ: “Những ký ức về Người - Hồ Chí Minh luôn sống mãi trong trái tim của những người dân xô viết- những người Nga”^[2].

7. Bác Hồ gọi tôi là “cháu”

Nhân kỷ niệm lần thứ 120 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội Hữu nghị Nga - Việt, Viện Viễn Đông thuộc Viện Hàn lâm khoa học Liên bang Nga, Viện Kinh tế - Pháp quyền Mát-xcơ-va đã liên kết xuất bản cuốn sách *Người Nga nói về Hồ Chí Minh* (Ấn hành năm 2010). Tác giả các bài viết này là những cán bộ, chuyên gia, nhà báo, dịch thuật Liên Xô - những người ở những cương vị khác nhau đã từng nhiều lần được gặp Bác Hồ. Họ đã có nhiều ấn tượng tốt đẹp và kỷ niệm sâu sắc về Người. Chúng tôi xin dịch nguyên văn bài viết của tác giả Ra-sít Kha-mi-đu-lin Bác Hồ gọi tôi là “cháu”.

Trong đời mình, tôi có hơn 40 năm làm việc ở lĩnh vực ngoại giao. Tôi đã được tiếp xúc với nhiều nhà hoạt động chính trị và quốc gia, nhiều nhân vật nổi tiếng của các nước khác nhau trên thế giới. Trong tôi còn ghi lại vô số ấn tượng mà trong đó ấn tượng rực sáng nhất và không thể nào quên có lẽ là về các cuộc gặp mặt với Chủ tịch nước Việt Nam - Hồ Chí Minh.

* * *

Lần đầu tiên tôi được thấy Chủ tịch Hồ Chí Minh gần nhất là ngày 7/11/1959 trong buổi tiếp khách nhân kỷ niệm 42 năm Cách mạng Tháng Mười ở Đại sứ quán Liên Xô tại Hà Nội. Hồi đó tôi là sinh viên năm thứ sáu của Học viện Quan hệ quốc tế Mát-xcơ-va, tôi đến đây vào tháng tám năm đó để thực tập nửa năm. Tôi được giao nhiệm vụ phiên dịch ra tiếng Việt bài diễn văn của Đại sứ. Tôi rất hồi hộp vì

^[1] Tên cuốn sách do Hội Hữu nghị Nga - Việt ấn hành nhân kỷ niệm 120 năm ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 2010 tại Liên bang Nga

^[2] *Người Nga nói về Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị - Hành chính 2010, trang 70

ngay bên cạnh tôi thấy Hồ Chí Minh luôn chăm chú nhìn tôi. Sau buổi tiếp, Người vỗ vai tôi khen sự hiểu biết tiếng Việt của tôi, mặc dù như về sau này tôi được hiểu là sự lĩnh hội ngôn ngữ này còn lâu mới đạt được hoàn hảo. Sau đó Hồ Chí Minh còn chú ý hỏi tôi là ai, học ở đâu. Tôi kể ngắn gọn về mình cho Người nghe.

- Nhưng vì sao khuôn mặt cháu có những nét của con người châu Á? - Người hỏi.

- Chắc có lẽ do cháu là người Tắc-ta.

- Thoạt nhìn có thể nghĩ rằng cháu là con lai, sinh ra từ bố người Âu và mẹ người Việt đây - Chủ tịch nói.

Tháng 8/1960, sau khi tốt nghiệp đại học, tôi đến Hà Nội làm việc ở Đại sứ quán Liên Xô. Tôi thường được gặp Chủ tịch vì tôi tháp tùng Đại sứ trong các buổi đàm luận với nhiệm vụ phiên dịch. Hồ Chí Minh luôn luôn chú ý tới tôi, hỏi thăm cuộc sống và công việc của tôi.

Một hôm Bác Hồ chia sẻ với tôi những hồi tưởng về chuyến đi đầu tiên tới nước Nga Xô-viết và ở đó vào những năm 1923-1924, về việc tham gia quốc tang V.I. Lênin tháng 1/1924. Về việc này nhiều sách báo qua bao lần in ấn đã viết rồi. Nhưng Người đã kể cho tôi nghe câu chuyện sau: Khi Người mang chiếc áo măng-tô mỏng và đầu không đội mũ trong cái rét kinh khủng đi trên đường phố Mát-xcơ-va từ Nhà Công đoàn, nơi quần thi hài Lênin, một người đi đường đã dùng tay ra hiệu rằng Người sẽ bị cảm lạnh. Hồ Chí Minh ấn tay sờ vào một tai mình thì bỗng thấy trong tay mình một mẩu da thịt của tai đó. Sau đó ở khách sạn người ta đã điều trị cho Người. Nhưng từ đó ở tai Người còn lại một cái bớt sẫm màu.

* * *

Vào đầu năm 1962 (hiện tôi không nhớ chính xác lắm), nhà du hành vũ trụ Xô-viết thứ hai Giéc-man Ti-tốp sang thăm Việt Nam. Đại sứ phân công tôi tháp tùng Ti-tốp với danh nghĩa phiên dịch. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tham gia vào nhiều chương trình hoạt động chào mừng này. Trong chương trình đó có chuyến thăm thành phố mỏ Hòn Gai. Vị Chủ tịch đã mời khách thăm vịnh Hạ Long bằng máy bay trực thăng để từ trên cao ngắm cảnh đẹp của “kỳ quan thứ tám thế giới”. Trong máy bay chỉ khoảng 5-6 người: Hồ Chí Minh, Giéc-man Ti-tốp, đại diện của cơ quan biên phòng, tôi và mấy người khác. Qua cửa sổ máy bay nhìn thấy một hòn đảo lờm chờm đá có bãi tắm nhỏ rất đẹp, Bác Hồ hỏi người sĩ quan biên phòng tên của hòn đảo. Mở bản đồ ra, vị sĩ quan trả lời rằng hòn đảo đó chưa có tên mà chỉ có số hiệu.

- Từ nay nó sẽ mang tên Ti-tốp - Hồ Chí Minh nói.

Đó là một bất ngờ tốt đẹp với nhà du hành vũ trụ. Về sau, tự Giéc-man Ti-tốp đã kể với tôi rằng, những năm về sau, khi với cương vị là Chủ tịch Hội Hữu nghị Xô-Việt, mỗi lần tới thăm Việt Nam ông thường tới thăm và tắm ở bãi tắm đây quyen rữ đó.

* * *

Tháng 2/1965, Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Liên Xô do Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành T.Ư Đảng, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Liên Xô Cô-xư-ghin dẫn đầu sang thăm Việt Nam. Trong đoàn còn có Yu.V.An-đrô-pốp - Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng phụ trách mối quan hệ với các đảng cầm quyền của các nước xã hội chủ nghĩa. Tôi ở trong số nhân viên tháp tùng Đoàn.

Đã diễn ra dày đặc các cuộc hội đàm mà sự quan trọng đặc biệt của nó là bàn về sự leo thang chiến tranh của Mỹ chống nhân dân Việt Nam. Sau kết thúc các cuộc hội đàm đó là buổi chiêu đãi các vị khách Liên Xô. Khi cuộc chiêu đãi đã kết thúc, Hồ Chí Minh đã nói với tôi:

- Cháu ơi, hãy chuyển lời Bác mời các đồng chí Cô-xư-ghin và An-đrô-pốp ngày mai vào lúc sáu giờ tới chỗ bác để dùng bữa sáng. Cùng tiếp với bác chỉ có đồng chí Lê Duẩn. Các đồng chí đại diện khác sẽ không có mặt. Tất cả sự phiên dịch cháu hãy đảm nhiệm nhé.

Sau cuộc tiếp khách đó tôi thông báo cho Cô-xư-ghin và dĩ nhiên là ông nhận lời mặc dù thấy ngạc nhiên là thời điểm ăn sáng thật quá sớm.

Sáng hôm sau, vào sáu giờ kém mười tôi đã chờ Cô-xư-ghin và Yu.V.An-đrô-pốp ở phòng của họ tại Dinh Chủ tịch, nơi họ lưu trú, để tháp tùng họ tới ngôi nhà của Bác Hồ. Gần sáu giờ thì chúng tôi đã có mặt. Đón tiếp khách, Chủ tịch lúc đầu đưa họ tới cái hồ mà bên bờ là ngôi nhà của Người. Bỗng nhiên Người vỗ tay mạnh mấy cái và sau giây lát thì đàn cá hàng mấy trăm con bơi vào bờ. Đó quả là một cảnh tượng đắm say lòng người.

- Chúng rất hiếu tôi - Bác Hồ nói - Mỗi buổi sáng tôi ra đây cho chúng ăn và ngắm nhìn chúng.

Rồi sau đó là một bữa sáng giản dị: món xa-lát bằng dưa chuột và cà chua, trứng ốp-la, cà-phê sữa và bánh mì. Nhưng cái chính không phải là việc đó mà là một cuộc trò chuyện sau bữa ăn.

* * *

Về tính khiêm tốn khó tin và sự giản dị tự nhiên của Hồ Chí Minh thì đã nổi tiếng là tốt đẹp và sâu rộng. Điều đó đã thể hiện trong đời sống hằng ngày, trong tiếp xúc với mọi người. Đây chỉ là một thí dụ khẳng định thêm điều đó.

Năm 1967, nhân kỷ niệm 50 năm Cách mạng Xã hội chủ nghĩa Tháng Mười vĩ đại, Hồ Chí Minh được tặng thưởng Huân chương Lenin. Qua Đại sứ Liên Xô ở Hà Nội tin đó được thông báo với Hồ Chí Minh. Chân thành cảm ơn vì đã đánh giá cao hoạt động cách mạng của mình, Người đã nói rằng, trong thời điểm hiện tại, khi cuộc chiến tranh khốc liệt với Mỹ còn tiếp diễn, khi đất nước còn bị chia cắt, Người cho rằng mình không có quyền nhận phần thưởng đó. Đến ngày chiến thắng và Việt Nam được thống nhất, Người nói rằng sẽ tự nhắc nhở các bạn Liên Xô về quyết định của họ tặng thưởng Người Huân chương Lenin.

Cần thấy rằng cử chỉ đó của Người đã gây ra sự khó hiểu cho Ủy ban Trung

ương Đảng Cộng sản Liên Xô - nơi nảy ra ý định tặng thưởng huân chương. Một vị cán bộ cao cấp của Ủy ban Trung ương Đảng đã gọi điện về Bộ Ngoại giao cho tôi (tôi làm việc ở Ban Việt Nam) hỏi và yêu cầu tôi giải thích về cử chỉ “bất ngờ” trên. Tôi đã trả lời rằng, theo quan điểm của tôi, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã giải thích hoàn toàn rõ ràng quan điểm của mình và lập trường của Người về việc này, theo tôi hiểu là hoàn toàn xác đáng và đáng được không chỉ kính trọng mà còn khâm phục.

* * *

Lần cuối cùng tôi được gặp Bác Hồ vào đầu năm 1966, khi lần nữa tôi được tới Hà Nội cùng Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Liên Xô do Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Liên Xô Sê-lê-pin dẫn đầu. Chủ tịch đã tiếp khách trong Dinh Chủ tịch.

Cũng như trước, nay Người vẫn tươi tỉnh và đầy nghị lực. Nhưng với tôi - người đã nhiều lần được gặp Người trước đây, thật sự nhận thấy rằng, tuổi tác và trách nhiệm nặng nề với vận mệnh của đất nước, của dân tộc mình của Người đã làm cho tôi càng thấu hiểu hơn, yêu kính Người hơn. Bác Hồ đã tìm được mấy phút riêng để nói chuyện với tôi, thăm hỏi về đời tư, công việc của tôi. Rồi để kết thúc, Người nói:

- Cháu ơi, cháu hãy tin chắc rằng, mặc dù còn nhiều khó khăn gian khổ và hi sinh đến mấy chúng tôi nhất định chiến thắng. Việt Nam chắc chắn sẽ thống nhất! Cháu sẽ thấy điều đó.

Nguyễn Hữu Dý - *Nhandan.org.vn*

8. Bác Hồ qua cảm nghĩ của một người Hàn Quốc

Trong số hàng trăm đại biểu tham dự “Di sản Hồ Chí Minh trong thời đại ngày nay”, có một vị Giáo sư người Hàn Quốc mà bản tham luận của ông trình bày tại Hội thảo được đông đảo đại biểu tán đồng.

Ông chính là Giáo sư, Tiến sĩ Ahn Kyong Hwan, một trong số ít nhà khoa học nghiên cứu về Việt Nam, về cuộc đời và sự nghiệp của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Người đưa Hồ Chí Minh tới nhân dân Hàn Quốc

Kể từ năm 1974, Giáo sư Hwan đã bắt đầu tiếp xúc với môn tiếng Việt. Từ năm 1989 đến năm 1994, ông là nghiên cứu sinh cao học tại trường đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn tại thành phố Hồ Chí Minh. Sau đó ông về nước và bắt đầu giảng dạy môn tiếng Việt tại trường đại học Youngsan ở thành phố Busan. Hiện nay, ông đang giảng dạy tại trường đại học Chosun tại thành phố Gwangju. Hiện có khoảng 70 sinh viên Việt Nam đang học tập tại trường đại học này.

Với giọng nói tiếng Việt rõ ràng và chậm rãi, Giáo sư Hwan cho biết, ngay sau khi có mặt tại Việt Nam vào tháng 7/1989, ông đã bắt đầu quan tâm đến Chủ

tịch Hồ Chí Minh. Mặc dù, trước đó ông cũng đã có dịp tìm hiểu môn tiếng Việt và khám phá về con người và đất nước Việt Nam nhưng do quan hệ giữa Việt Nam và Hàn Quốc khi đó chưa phát triển, việc tìm kiếm tài liệu về Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hàn Quốc không dễ dàng chút nào.

Do vậy, mặc dù khoa Tiếng Việt đã được thành lập từ năm 1967 tại Hàn Quốc, những nghiên cứu về Chủ tịch Hồ Chí Minh một cách chuyên môn khoa học thì hầu như chưa có được thành quả nào. Ngay sau khi được đặt chân tới Việt Nam, Giáo sư Hwan bắt tay ngay vào việc nghiên cứu về cuộc đời và sự nghiệp cao cả của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

“Sau một thời gian tìm hiểu và được biết về thân thế và sự nghiệp vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tôi nhận ra rằng phải nhất thiết giới thiệu cho toàn thể người dân Hàn Quốc hiểu về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Vì vậy, tôi dịch tác phẩm *Nhật ký trong tù* của Người sang tiếng Hàn Quốc và bắt đầu nghiên cứu tác phẩm này một cách nghiêm túc”, Giáo sư Hwan cho các đại biểu tham dự Hội thảo biết.

Khi trở về Hàn Quốc, Giáo sư Hwan bắt đầu dạy cho sinh viên Hàn Quốc về Chủ tịch Hồ Chí Minh. Năm 2005, các nhà thư pháp của Hàn Quốc đã lấy bản dịch *Nhật ký trong tù* của Giáo sư làm chủ đề mở triển lãm các tác phẩm thư pháp.

Chủ tịch Hồ Chí Minh được chính thức giới thiệu tại Hàn Quốc. Những cuộc triển lãm thư pháp như thế này được mở tại 4 thành phố của Hàn Quốc như Seoul, Busan, Gwangju, Mokpo và tại 3 thành phố của Việt Nam như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Vinh.

Những cảm nhận chân thành về lãnh tụ Hồ Chí Minh

Giáo sư Hwan cho biết khi một nhà lãnh đạo chính trị hành động với tinh thần tập thể cùng sống, cùng ăn, cùng làm việc với người dân, thì việc tập hợp được sức mạnh của toàn dân và đưa đất nước vượt qua khó khăn thế nào cũng khắc phục được. Chủ tịch Hồ Chí Minh là một con người như thế.

“Ta phải hiểu rằng, Hồ Chủ tịch là một nhà dân tộc chủ nghĩa tuyệt đối. Nhưng chủ nghĩa dân tộc của Người không phải có nghĩa hẹp như chủ nghĩa dân tộc thịnh hành hiện nay. Chủ nghĩa dân tộc của Người là “Chủ nghĩa dân tộc mở”, rộng mở hướng về thế giới. Chủ nghĩa dân tộc của Hồ Chủ tịch là chủ nghĩa dân tộc bao gồm thế giới, không phải là chủ nghĩa dân tộc bị trói buộc trong một vòng chật hẹp. Hồ Chủ tịch chọn lựa chiến lược vận động cho độc lập, thống nhất đất nước bằng đấu tranh vũ lực, nhưng trong cơ bản người là một người theo chủ nghĩa hòa bình, một nhà văn hóa”, Giáo sư Hwan nhận xét.

Cuộc đời của Người đã trải qua con đường chông gai từ thời kỳ mất nước, vận động độc lập, thành lập chính phủ lâm thời... Người đã vì Tổ quốc và dân tộc mà sống một cuộc đời đấu tranh đầy gian khổ. Người là một nhân vật sống và làm theo mệnh lệnh tối cao của dân tộc là đấu tranh giành độc lập tự chủ.

Dưới con mắt của một nhà giáo dục, Giáo sư Hwan đánh giá rất cao quan điểm

nhìn xa trông rộng của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vai trò quan trọng của việc gửi thanh niên ra nước ngoài học tập. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tuyển chọn những người tuổi trẻ có tài gửi đi du học và căn dặn họ rằng: “Tương lai đất nước sẽ thống nhất. Các cháu hãy rèn luyện năng lực lãnh đạo đất nước với tinh thần chiến đấu”.

Những gì ghi nhận được qua cuộc nói chuyện với Giáo sư Hwan, đã cho chúng tôi thấy rằng Việt Nam tự hào vì được kế thừa và phát huy di sản vô cùng to lớn mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã để lại.

Để kết thúc bài viết này, xin được trích nguyên văn lời phát biểu của Giáo sư Hwan tại Hội thảo: “Chủ tịch Hồ Chí Minh là niềm tự hào, là vĩ nhân bất diệt của Việt Nam. Hiểu về Người là trở thành bước đầu tiên hiểu về Việt Nam. Nếu tinh thần của Chủ tịch Hồ Chí Minh được kế thừa, thì thắng lợi của Việt Nam là đời đời bền vững. Người sẽ sống mãi trong lòng mỗi người dân Việt Nam”.

Vnmedia.vn

9. Một gia đình người Australia với tấm ảnh chụp cùng Bác Hồ

Vào một ngày trung tuần tháng 10/2008, Ông bà Neil&Noeline Gentle (địa chỉ 13 Macquarie ACT 2614, Australia), đã đến và trân trọng trao tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh một tấm ảnh kỷ vật mà gia đình đã gìn giữ suốt mấy chục năm.

Chủ nhân của bức ảnh là ông Jim Henderson, người Australia chuyên gia tiếng Anh giúp *Thông tấn xã Việt Nam* trong việc phát các bản tin tiếng Anh của *Thông tấn xã*. Thời gian ông công tác ở *Thông tấn xã* là lúc cuộc chiến tranh của nhân dân Việt Nam với đế quốc Mỹ đang diễn ra ngày một ác liệt. Chính trong thời gian này, hàng ngày ông đã chứng kiến sự dũng cảm, ý chí kiên cường bất khuất của nhân dân Việt Nam, trong chiến đấu cũng như trong xây dựng đất nước càng thôi thúc ông phải làm thật tốt nhiệm vụ của mình. Những bản tin của ông đã phát với nội dung tuyên truyền cho nhân dân thế giới hiểu rõ về tinh thần chiến đấu của quân và dân ta ở miền Nam và quá trình xây dựng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc. Đồng thời cũng phơi bày tội ác và cuộc chiến tranh phi nghĩa của đế quốc Mỹ đối với nhân dân Việt Nam, qua đó tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hòa bình trên thế giới đối với cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam ta.

Do có thành tích xuất sắc giúp nhân dân Việt Nam, vào một ngày đầu năm 1963, ông được mời vào Phủ Chủ tịch gặp Bác Hồ. Trong khi nói chuyện thân mật với Bác, nhà nhiếp ảnh Đinh Đăng Định đã chụp ảnh Bác Hồ với gia đình ông cùng ông Hoàng Tuấn (lúc đó là cán bộ *Thông tấn xã Việt Nam*).

Tấm ảnh có kích cỡ 10 x 15cm, ảnh đen trắng, người ngồi ngoài cùng trong ảnh (từ bên trái sang) là ông Hoàng Tuấn, tiếp đến là ông Jim Henderson, bên phải Bác là Mega Henderson con gái của ông bà, cuối cùng là vợ ông, bà Jenet Henderson. Tấm ảnh được nhà nhiếp ảnh Đinh Đăng Định chụp ngày 19/1/1963,

trước cửa phòng họp Bộ Chính trị, trong Phủ Chủ tịch.

Xuất phát từ tấm lòng kính trọng và yêu quý Bác Hồ, bức ảnh đã được gia đình bà Mega in lại, phóng to và treo tại vị trí trang trọng nhất trong phòng khách của gia đình.

Người đến tặng Bảo tàng Hồ Chí Minh bức ảnh là cháu của ông Jim Henderson. Ông bà là chuyên viên kinh tế chính phủ Australia làm việc tại Indônêxia và Thái Lan. Ông bà cho biết tấm ảnh này luôn được gia đình nâng niu gìn giữ và coi là báu vật. Nguyện vọng lớn nhất của gia đình ông là được đến Việt Nam để tặng bức ảnh này. Bức ảnh đã cùng ông bà từ đất nước Australia xa xôi, đến Việt Nam. Khi đến Hà Nội ông bà đã đến Bảo tàng mang tên Bác Hồ kính yêu và trao kỷ vật cho cán bộ Bảo tàng Hồ Chí Minh trong sự xúc động và niềm vui sướng hiện rõ trên khuôn mặt của hai người. Ông bà tâm sự rằng, trong tâm trí của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với nhân dân Australia nói chung và cá nhân ông bà nói riêng, luôn là sự kính trọng, khâm phục đức tính giản dị và đạo đức trong sáng của Người.

Hoa Đình Nghĩa - *Baotanghochiminh.vn*

10. “Tôi lớn lên với huyền thoại về Bác Hồ, về đất nước Việt Nam”

Wilfred Burchett là người bạn lớn, người hết mình ủng hộ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân Việt Nam. Triển lãm sẽ không thể thực hiện được nếu không có họa sĩ George Burchett, con trai nhà báo. Sinh ra tại Hà Nội, giờ đây Burchett con đang trở về với Hà Nội.

Nhà báo Wilfred Burchett gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh lần đầu tiên tại Chiến khu Việt Bắc ở Thái Nguyên tháng 3/1954, trước khi mở màn Chiến dịch Điện Biên Phủ. Ấn tượng về một nhà lãnh đạo thông tuệ, sâu sắc và giản dị chính là khởi đầu cho sự gắn bó và tình cảm suốt đời với Wilfred Burchett với Việt Nam. Ông chuyển đến Việt Nam sinh sống những năm 1955-1956, sau đó trở lại Việt Nam nhiều lần để viết về cuộc đấu tranh giành độc lập của người dân Việt Nam. Ông là nhà báo phương Tây đầu tiên đi thăm vùng giải phóng miền Nam Việt Nam trong những năm 1963-1964.

Suốt gần 30 năm gắn bó với Việt Nam, 8 cuốn sách, hàng trăm bài báo, hàng nghìn bức ảnh của ông về Việt Nam được in ở nhiều tờ báo lớn trên thế giới đã góp phần làm dấy lên làn sóng dư luận phản đối cuộc chiến của Mỹ tại Việt Nam. 100 bức ảnh được triển lãm ở Hà Nội lần này là để kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Wilfred Burchett (16/9/1911). George Burchett, con trai nhà báo, đã dành nhiều tháng chuẩn bị cho triển lãm, ông lựa chọn và chú thích cho các bức ảnh, sắp đặt chúng một cách nghệ thuật. George Burchett cho biết:

“Có nhiều bức ảnh lần đầu tiên tôi nhìn thấy, hoặc lâu lắm rồi mới xem lại. Tôi chú trọng những bức ảnh gương mặt con người. Tôi xúc động sâu sắc trước những

gương mặt ấy, thường là rất trẻ, hầu như lúc nào cũng tươi cười, cứ thay nhau hiện lên màn hình máy tính. Người xem không những được thưởng thức vẻ đẹp mà còn cảm nhận ý nghĩa lịch sử của các bức ảnh. Qua đó thế hệ trẻ sẽ kết nối được với lịch sử. Những gương mặt ấy nhắc ta rằng lịch sử vẫn sống, và chúng ta không thể lãng quên quá khứ”.

George Burchett sinh tháng 5/1955 ở Hà Nội, khi bố mẹ ông đang sinh sống và làm việc tại Việt Nam. Ông kể: “Sau Hiệp định Giơnevơ, bố mẹ tôi chuyển đến Hà Nội. Tôi sinh vào ngày mà người lính Pháp cuối cùng lên tàu rời khỏi Hải Phòng vào Nam. Vì vậy, tôi là đứa con của độc lập. 2 năm đầu đời của tôi là ở Hà Nội”. Lúc sinh ra George rất yếu và bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, người sau này trở thành bạn của gia đình, đã cứu sống ông. Trong triển lãm có hai bức ảnh về gia đình Burchett ở Hà Nội. Một bức là hình ảnh gia đình ông cùng những người hàng xóm Việt Nam, và bức kia là hình ảnh George trong những bước đi đầu đời.

Sau Hà Nội, gia đình Burchett tiếp tục chuyển đến nhiều nơi theo những bước chân của nhà báo. Năm 1957, họ chuyển tới Moscow, rồi Phnom Penh năm 1965 và Pa-ri năm 1966. Trong những năm tháng ấy, các bài báo của ông về Việt Nam đã gây nhiều tranh cãi ở phương Tây. Có lúc, quan điểm ủng hộ Việt Nam và phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ của ông đã khiến Australia - nước cũng gửi quân đội tham chiến ở Việt Nam, từ chối cấp hộ chiếu cho chính công dân của mình. Năm 1962, Đại sứ quán Việt Nam ở Moscow phải cấp cho Wilfred Burchett một giấy thông hành để ông đi lại các nơi trên thế giới.

Những cuộc di chuyển của gia đình, cùng với việc Wilfred Burchett bị từ chối hộ chiếu Australia, đã khiến George bị tổn thương sâu sắc. “Chính phủ Mỹ đã gây sức ép với Australia khiến họ không cấp hộ chiếu cho bố tôi. Ông bị từ chối quyền công dân Australia trong 17 năm, cho tới khi Chính phủ Công đảng mới lên cầm quyền năm 1973, Thủ tướng Công đảng đã gửi thư xin lỗi và cấp lại hộ chiếu cho bố tôi. Trong thời gian ấy, tôi cũng không được phép đăng ký là công dân Australia.

Chúng tôi đã sống ở nhiều nước khác nhau trong thời gian đó mà không có một Tổ quốc của riêng mình. Điều đó rất khó khăn. Ai cũng có một Tổ quốc. Tôi yêu mến Việt Nam, Campuchia, Liên Xô..., những đất nước mà tôi đã sống. Khi mọi người hỏi tôi từ đâu tới, tôi nói tôi sinh ra ở Hà Nội, tôi sống ở Liên Xô, mẹ tôi là người Bulgaria, bố tôi người Australia, nhưng không có hộ chiếu. Hơn hết tôi muốn có Tổ quốc riêng, và tôi cũng muốn Tổ quốc đó yêu mến tôi. Luôn có điều gì đó mất mát. Ai cũng hiểu là có một Tổ quốc thì quan trọng như thế nào”.

Nhưng George Burchett hiểu rất rõ cha mình. Người con trai biết rõ người cha yêu con đến thế nào. Cho dù người cha đi công tác liên miên, xa nhà hàng tháng, cho dù gia đình có phải thay đổi chỗ ở thường xuyên, thì người con biết rõ, những lúc khó khăn nhất, thậm chí bị đạn bom đe dọa đến tính mạng, thì người cha vẫn luôn nghĩ đến gia đình. George vẫn giữ bản gốc bức thư đánh máy dài một trang

rượu đã ngả màu, mà Wilfred Burchett viết cho các con, từ căn cứ địa của Việt Cộng ngày 3/1/1964: “Như các con đã biết, nhân dân Việt Nam là những người bạn rất thân thiết của chúng ta. Họ là những người rất tử tế, đều yêu quý cha mẹ cùng ba đứa các con, rất nhiều đấy. Và chúng ta cũng yêu quý họ.

Cho nên cha phải đến đó để viết các bài báo và một cuốn sách lớn nữa để mọi người trên khắp thế giới biết tại sao tất cả mọi người đều nên giúp nhân dân miền Nam Việt Nam để chấm dứt chiến tranh. Tất nhiên là ở đây ai cũng mong muốn hòa bình. Mọi người, các bà mẹ, ông bố và trẻ con đều đang phải chịu đựng gian khổ rất nhiều vì cuộc chiến tranh tàn khốc này. Mà chỉ khi nào người Mỹ bị buộc phải rời bỏ Nam Việt Nam, đem hết súng ống và máy bay của họ đi khỏi đó, thì mới có hòa bình...”

Wilfred Burchett đã cố gắng giải thích cho các con ông một cách dễ hiểu nhất về những chuyến công tác, có chuyến đi ông phải đi bộ hàng tháng trời để vào đến vùng giải phóng miền Nam Việt Nam. Ông căn dặn các con phải tập luyện, giữ sức khỏe, ông hứa sẽ mua đèn chiếu và màn ảnh cho các con xem những bức ảnh ông chụp ở Việt Nam, hứa kể cho các con nghe “những câu chuyện về những người du kích miền Nam Việt Nam dũng cảm và những con người rất tốt”... “Chắc phải mất nhiều năm cha mới kể hết được”, Wilfred viết. “Cha gửi đến các con thật nhiều, thật nhiều cái ôm hôn và tình yêu sâu nặng của cha. Bởi chúng ta yêu nhau đến thế, và cũng bởi các con đang được sống bình yên và hạnh phúc như vậy, nên cha càng thêm quyết tâm phải giúp nhân dân Việt Nam có được một cuộc sống bình yên và hạnh phúc, để cho con cái họ được sống với bố với mẹ và được hạnh phúc như chúng ta”.

George Burchett trở về định cư ở đất nước Australia của ông từ năm 1986. Ông tổ chức triển lãm và vẽ tranh ở Australia và nhiều nước Đông Nam Á. Cùng với việc gây dựng sự nghiệp riêng của mình, George Burchett tiếp tục gìn giữ và nghiên cứu các tư liệu mà cha ông để lại. “Tôi lớn lên với những huyền thoại về Bác Hồ, về cuộc đấu tranh của người dân Việt Nam, về đất nước Việt Nam. Nhưng đó chỉ là một phần. Những gì cha tôi làm đã khiến tôi tìm hiểu rất nhiều về lịch sử, về chiến tranh và hòa bình. Đó vẫn là những bài học rất lớn của lịch sử”.

George đã tham gia biên soạn hai cuốn sách về Wilfred - cha ông: *Nghề báo nổi loạn: Các lối viết của Wilfred Burchett* (ấn phẩm của trường đại học Cambridge, 2005), và *Hồi ức của một nhà báo nổi loạn: Tự truyện của Wilfred Burchett* (ấn phẩm của trường đại học New South Wales, 2005). “Tôi tin rằng cha tôi đến với Việt Nam từ tiếng gọi của chính trái tim ông. Ông đã dành cho Việt Nam tình yêu lớn. Ông tin rằng Việt Nam đấu tranh vì chính nghĩa, và ông đã đúng 100%, thậm chí 200%”.

George Burchett biết rõ những tranh luận về cha mình: “Người ta nói rằng ông là cộng sản, đã được trả tiền, trở thành cái loa cho Việt Nam, ông viết tuyên truyền. Nhưng tôi là người đã soạn sách về ông, và càng khám phá ông, tôi càng ngưỡng

mộ ông. Ông là một nhà nhân đạo thực sự. Ông đã giúp tôi hiểu hơn về thế giới. Ông giúp tôi biết rằng cần tin vào chính mình, tin vào loài người, cần hiểu người khác, cần tin vào người khác, không nên hoài nghi. Đây là thế giới khó khăn và cần những người như Wilfred Burchett giải thích. Họ có lòng dũng cảm để đến tận nơi, bất chấp hiểm nguy, và chúng ta cần nhiều nhà báo như Wilfred Burchett”.

Phải đến năm 2010 George Burchett mới lần đầu tiên trở lại thành phố ông đã sinh ra. Cũng trong lần đầu tiên trở lại ấy, George Burchett đã đi thăm An toàn khu Thái Nguyên, nơi lần đầu tiên cha ông gặp Bác Hồ, nơi bắt đầu câu chuyện của gia đình ông với Việt Nam. Tại vùng đại ngàn xanh ấy, nghe tiếng chuông tưởng niệm Bác Hồ, xem những bức ảnh trong Khu tưởng niệm Người, George Burchett đã xúc động đến trào nước mắt. Vẫn còn nhớ, ngay thời khắc đó, George mắt đỏ hoe, chia sẻ với phóng viên *Lao động*: “Ở đây, tôi thực sự cảm thấy một mối quan hệ gần gũi với Việt Nam. Khi nhìn thấy tượng Bác Hồ, tôi phải ngăn dòng nước mắt. Bố tôi đã tới đây, đã gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh ở đây và tình cảm của ông với Việt Nam cũng bắt đầu từ đây”.

Ngôi nhà đầu tiên George Burchett ở tại Hà Nội đã bị phá đi. Nhưng tình cảm của người dân Việt Nam, cùng những chuyến thăm Hà Nội hai năm qua và việc tìm kiếm lại kho ảnh chuẩn bị cho triển lãm tháng 9/2011, những ký ức tưởng như đã phai mờ, dường như dần đậm nét trở lại trong ông. Năm nay, vợ ông, bà Ilza Burchett, cũng là một nghệ sĩ và con trai họ - Graham Burchett, 30 tuổi - cũng sang Việt Nam dự khai mạc triển lãm. Các cộng sự của George Burchett ở Việt Nam nói rằng, có thể ông sẽ quay lại vùng đất này, để sống.

Mỹ Hằng - *Laodong.com.vn*

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU.....	5
• BÁC HỒ - VỊ LÃNH TỤ VĨ ĐẠI KÍNH YÊU CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM	7
❖ BÁC HỒ - NƠI HỘI TỤ CỦA TÀI NĂNG, TRÍ TUỆ VIỆT NAM VÀ VĂN HÓA ĐÔNG TÂY	8
1. Khoan dung, nhân ái Hồ Chí Minh - Một giá trị đặc trưng cho văn hóa hòa bình	8
2. Hồ Chí Minh với việc khẳng định những giá trị cốt lõi trong mô hình chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	11
3. Tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh về đức tính cần, kiệm, liêm, chính, chí công vô tư.....	17
4. Bác Hồ với công việc gốc của Đảng.....	21
5. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đức và tài của người cán bộ, đảng viên	23
6. Đạo đức trung với Đảng, hiếu với dân của quân đội theo tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh.....	26
7. Đạo đức và đạo đức cách mạng nhìn nhận từ quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh.....	28
8. Tư tưởng của Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng.....	31
9. Thực hiện danh và lợi theo tư tưởng Hồ Chí Minh	33
10. Tư tưởng của Bác về tam nông còn nóng hổi.....	36
11. Hồ Chí Minh và những câu chuyện ứng xử ngoại giao.....	40
12. Bữa cơm giản dị của con người vĩ đại	42
13. Ngôi nhà đơn sơ của một tâm hồn vĩ đại	45
14. Chuyện về vị ân nhân của Bác Hồ qua lời kể của người phiên dịch	46
15. Bác Hồ với những mùa Xuân lịch sử của dân tộc	49
16. Tình yêu Bác Hồ dành cho những khúc dân ca	52

❖	CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG CHIẾN DỊCH ĐIỆN BIÊN PHỦ	55
	1. Quyết tâm sắt đá của Bác Hồ và Bộ Chính trị.....	55
	2. Đánh chắc thắng - Tư tưởng chỉ đạo hết sức quan trọng của Bác Hồ	59
	3. Chiến thắng Điện Biên Phủ và thuật dùng người của Bác	60
	4. Chỉ đạo chiến lược của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong Chiến dịch Điện Biên Phủ	64
	5. Bác Hồ và mùa xuân Điện Biên Phủ	66
	6. Chiến dịch Điện Biên Phủ và những vần thơ chiến thắng của vị lãnh tụ.....	68
	7. Bác Hồ với chiến thắng Điện Biên Phủ.....	71
	8. Bác Hồ và nơi khởi phát Điện Biên Phủ.....	73
	9. Đảng, Bác Hồ mùa xuân Giáp Ngọ với chiến thắng Điện Biên.....	77
	10. Chủ tịch Hồ Chí Minh với chiến thắng chấn động địa cầu	80
	11. Kỷ niệm chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ: Đọc những vần thơ của Bác Hồ viết về Điện Biên Phủ	82
	12. Chiến dịch Điện Biên - Bản hùng ca bất diệt	85
	13. Tầm nhìn chiến lược về quân sự của Bác Hồ về địa hình	87
	14. Sự linh hoạt, sáng tạo của Đảng và Bác Hồ trong chiến thắng Điện Biên Phủ	89
	15. Bác Hồ với chiến sĩ Điện Biên	90
	16. Tấm lòng vị cha già trong chiến dịch huyền thoại	92
	17. Người lính “chép sử” trên vùng Cổ tích.....	94
	18. Hai quyết định quan trọng là nhân tố làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ	96
	19. Chiến thắng Điện Biên Phủ - Thắng lợi rực rỡ của tư tưởng Hồ Chí Minh	98
	20. Thiên tài Hồ Chí Minh trong Chiến dịch Điện Biên Phủ chấn động địa cầu	100
❖	BÁC HỒ TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ	105
	1. Nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mĩ, cứu nước	105

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh - Ánh sáng soi đường cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của dân tộc Việt Nam	108
3. Hậu phương miền Bắc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.....	113
4. Dự báo thiên tài về thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong <i>Di chúc</i> của Chủ tịch Hồ Chí Minh.....	115
5. Đại đoàn kết dân tộc trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.....	120
6. Chủ tịch Hồ Chí Minh và những dự báo thiên tài về cuộc kháng chiến chống Mỹ.....	125
• TẤM LÒNG BÁC HỒ VỚI CHIẾN SĨ, CHIẾN SĨ VỚI BÁC HỒ	127
❖ BÁC HỒ VỚI CÁC VỊ TƯỚNG LĨNH.....	128
1. Bác Hồ - Bác Tôn hai con người một chí hướng.....	128
2. Hoàng Sâm, vị tướng theo Bác Hồ từ khi 12 tuổi	130
3. Bác Hồ với các tướng lĩnh đầu tiên của quân đội.....	133
4. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đại tướng Võ Nguyên Giáp.....	137
5. Xúc động lễ trao quân hàm cho vị Đại tướng đầu tiên.....	143
6. Bác Hồ với vị tướng Trần Canh, tại Chiến dịch Biên giới năm 1950	146
7. Đại tướng Nguyễn Chí Thanh, Vị đại tướng được Bác Hồ đặt tên..	148
8. Thượng tướng Phùng Thế Tài - Người cận vệ tài ba - Vị tướng trung kiên.....	152
9. Ký ức của một vị tướng	155
10. Vị tướng tài ba và một nhân cách lớn.....	156
11. Vị tướng Đất Mũi.....	160
12. Ba vị tướng được Bác Hồ đặt tên	163
13. Chuyện ít biết của vị tướng không quân huyền thoại.....	165
14. Vị tướng trấn ải miền Tây Bắc và lão nông vùng Đông Bắc	168
15. Những chuyến đi bảo vệ Bác Hồ của tướng quân Phùng Thế Tài.....	171
16. Ký ức về những lần được gặp Bác của một vị tướng Dương Bá Nuôi.....	174
17. Thiếu tướng Trần Chí Cường được gặp Bác Hồ trước Chiến dịch Khe Sanh 1967	177

❖ KÝ ỨC NGƯỜI LÍNH VỀ VỊ LÃNH TỰ KÍNH YÊU.....	182
1. Ký ức về Bác Hồ sáng mãi trong tim	182
2. Ký ức Trung đoàn Cảnh vệ bảo vệ Bác Hồ	183
3. Ký ức người cận vệ về sinh nhật của Hồ Chủ tịch	186
4. Chú bé “lạ” trong bức ảnh chụp với Bác Hồ	188
5. Ông hội thẩm và ký ức chuyến bay đưa tiễn Bác	190
7. Gặp người ở bên Bác Hồ tại Tân Trào lịch sử.....	192
6. Chiếc áo Bác Hồ và ký ức 2/9	196
7. 29 Tết Quý Tỵ (1953) Bác đến Đại đoàn quân Tiên phong	197
8. Sớm hôm có Bác.....	199
9. Ba lần gặp Bác	201
10. Gặp người chiến sĩ bảo vệ Bác Hồ	203
11. Nhớ người cha thân yêu.....	205
12. Tấm lòng Bác Hồ với chiến sĩ	207
13. Người chiến binh hai lần được gặp Bác Hồ	208
14. Bác Hồ qua lời kể của nữ cảnh vệ	212
15. Người phi công kể chuyện lái chuyên cơ chở Bác Hồ	214
16. Bác Hồ qua ký ức của người cận vệ	216
17. Chiến sĩ công an kể chuyện 10 năm bảo vệ Bác Hồ.....	218
18. Hồi ức nữ cảnh vệ đầu tiên của Việt Nam.....	220
19. Người phụ nữ dân tộc H're 5 lần gặp Bác Hồ	223
20. Nữ biệt động “thép” 8 lần gặp Bác Hồ	225
21. Tình thương yêu của Bác Hồ với các chiến sĩ bảo vệ	226
22. Chuyện ít biết về người lính pháo cao xạ được Bác Hồ tặng quà ...	229
23. Chuyện kể về lời dặn cuối cùng của Bác.....	231
24. Hồi ức người lính bảo vệ Bác Hồ khi Người về thăm quê.....	233
25. Nữ dũng sĩ 7 lần được gặp Bác Hồ.....	235
26. Chuyện chưa kể về công tác bảo vệ Bác Hồ	237
27. Gặp nữ chiến sĩ Tiểu đội Võ Thị Sáu	239
28. Người Anh hùng mang họ Bác Hồ	241

•	VIỆT NAM LÀ BÁC, BÁC LÀ VIỆT NAM – NHỮNG KỶ NIỆM KHÔNG PHAI.....	244
❖	NGƯỜI CHA GIÀ TRONG LÒNG DÂN TỘC	245
	1. Ký ức “Ông Ké” qua lời kể của hàng xóm ở ATK.....	245
	2. Cảm động về chuyện tấm áo lụa Bác Hồ tặng mẹ VNAH Nguyễn Thị Nuôi.....	247
	3. Bác Hồ qua lời kể của nhà giáo Hồ Mộ La	250
	4. Bóng Người ở bản Xiềng Vang	254
	5. Hạt giống đỏ của núi rừng Bắc Ái	257
	6. Cụ ông U80 suốt 27 năm sưu tầm gần 4.000 bức ảnh Bác Hồ.....	259
	7. Ký ức của cụ bà nuôi dưỡng chiến sĩ cách mạng	261
	8. Ký ức về Bác ở vùng ATK	264
	9. Ăn Tết Độc lập đầu tiên cùng Bác Hồ.....	265
	10. Người 3 lần được gặp Bác Hồ	267
	11. “Được chụp ảnh Bác là hạnh phúc lớn nhất đời tôi”	269
	12. Bác Hồ về thăm dân.....	271
❖	VỊ CHA GIÀ GIỮA LÒNG DÂN TỘC – KÝ ỨC NHỮNG CHẶNG ĐƯỜNG	274
	1. Bác Hồ và nước Việt Nam.....	274
	2. 5 lần Bác Hồ về thăm Thái Bình	276
	3. Người Vân kiều, Pa kô xứng danh mang họ Bác Hồ	278
	4. Bác Hồ trong lòng người Tây Nguyên	281
	5. Bác Hồ với miền Nam	290
	6. Tấm lòng Đồng Nai với Bác Hồ.....	293
	7. Bác Hồ với Đảng bộ và nhân dân Ninh Bình	295
	8. Bác Hồ với Tân Trào	297
	9. Tấm lòng người Dao với Bác Hồ.....	300
	10. Bác Hồ với đồng bào dân tộc thiểu số	302
	11. Bác Hồ với Hải Dương	304
	12. Bài nói chuyện của Bác Hồ với nhân dân Yên Bái	306
	13. Tình cảm đặc biệt của Bác Hồ với Lào Cai.....	309
	14. Tỉnh Lai Châu khắc ghi lời thư của Bác	312

15. Nhớ Bác, nhớ những lần Bác về thăm Bắc Giang.....	314
16. Làng cá Cát Bà làm theo lời Bác	316
17. Mítting kỷ niệm 50 năm ngày Bác Hồ về thăm Phú Thọ.....	317
18. Bác Hồ với Bình Định và Bình Định với Bác Hồ	319
19. Bác Hồ với Quảng Ninh - Quảng Ninh với Bác Hồ.....	320
20. Bác Hồ với Quảng Nam.....	325
21. Nhớ ngày Bác Hồ vào thăm Quảng Bình	326
22. Thanh Hóa nhớ ơn và nguyện làm theo lời Bác	328
23. Quê hương Nghệ An trong lòng Chủ tịch Hồ Chí Minh	331
24. Bác Hồ với nhân dân tỉnh Nam Định	333
25. Theo dấu chân Bác trên quê hương Vĩnh Phúc	339
26. Bác Hồ cưỡi ngựa về thăm Pác Bó.....	343
27. Nơi Bác Hồ nói chuyện với nhân dân các dân tộc huyện Yên Châu - tỉnh Sơn La	346
28. Kỷ niệm 123 năm sinh nhật Bác Hồ kính yêu: Thăm đền thờ Bác tại Khu di tích K84.....	348
29. Cây vú sữa và tấm lòng người dân Đất Mũi.....	351
❖ BÁC HỒ VỚI THIẾU NHI – SỰ QUAN TÂM ĐẶC BIỆT CỦA NGƯỜI	353
1. Các câu chuyện về Bác Hồ với thiếu niên nhi đồng.....	353
2. Những bức thư của Bác Hồ gửi các cháu thiếu nhi nhân ngày 1/6 ..	357
3. Bác Hồ đến với các cháu mồ côi ở Trại Kim Đồng	359
4. Bác Hồ và những lá thư cho thiếu nhi Việt Nam	362
5. Những lời dạy của Bác Hồ dành cho thiếu nhi.....	364
❖ VỊ CHA GIÀ VÀ SỰ NGHIỆP TRỒNG NGƯỜI VÀ QUAN TÂM CHĂM SÓC CON NGƯỜI	366
1. Cảm nghĩ khi đọc bức thư cuối cùng Bác Hồ gửi ngành Giáo dục ..	366
2. Bức thư của Bác và công cuộc đổi mới giáo dục	367
3. Tấm lòng Bác Hồ dành cho các thầy, cô giáo	369
4. Bác Hồ với sự nghiệp trồng người.....	372
5. Tấm lòng của Bác Hồ đối với thương binh, liệt sĩ	375
6. Bác Hồ với phong trào phụ nữ “Ba đảm đang”	377
7. Bác Hồ với người cao tuổi.....	380

8. Tư tưởng, tình cảm của Bác Hồ với người cao tuổi Việt Nam	381
9. Chăm lo sự nghiệp giải phóng phụ nữ theo tư tưởng Hồ Chí Minh	386
10. Về một câu hỏi của Bác Hồ	388
11. Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về thanh niên.....	390
❖ CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH TRONG CON MẮT NGƯỜI NƯỚC NGOÀI	394
1. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong con mắt người nước ngoài.....	394
2. Thế giới ngưỡng mộ Hồ Chí Minh	399
3. Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn ở trong tâm trí bạn bè quốc tế.....	402
4. Chủ tịch Hồ Chí Minh trong mắt bạn bè quốc tế: Một tấm lòng nhân hậu, một chiến sĩ quốc tế vô song	403
5. Việt Nam - Tình yêu của tôi	404
6. Hồ Chí Minh trong ký ức người Nga.....	407
7. Bác Hồ gọi tôi là “cháu”	414
8. Bác Hồ qua cảm nghĩ của một người Hàn Quốc	417
9. Một gia đình người Australia với tám ảnh chụp cùng Bác Hồ.....	419
10. “Tôi lớn lên với huyền thoại về Bác Hồ, về đất nước Việt Nam”..	420

HỒ CHÍ MINH
CON NGƯỜI VÀ THỜI ĐẠI, DẤU ẤN TRONG LÒNG DÂN TỘC

HẢI SƠN
(Sưu tầm và biên soạn)

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HÓA - THÔNG TIN
43 Lò Đúc - Hà Nội

Chịu trách nhiệm xuất bản
LÊ TIẾN DŨNG

Biên tập:	QUÍ LÂM
Trình bày Bìa::	NGỌC LIÊM
Sửa bản in:	HỮU NGHĨA

In 1.000 bản, khổ 19 x 27cm, tại Công ty Cổ phần in Việt Nam. Số đăng ký kế hoạch xuất bản: 321-2014/CXB/35-14/VHTT của Cục Xuất bản. Quyết định xuất bản số: 523/VHTT-KH ngày 09-05-2014 của Nhà Xuất bản Văn hóa - Thông tin. In xong và nộp lưu chiểu Quý II/2014.

